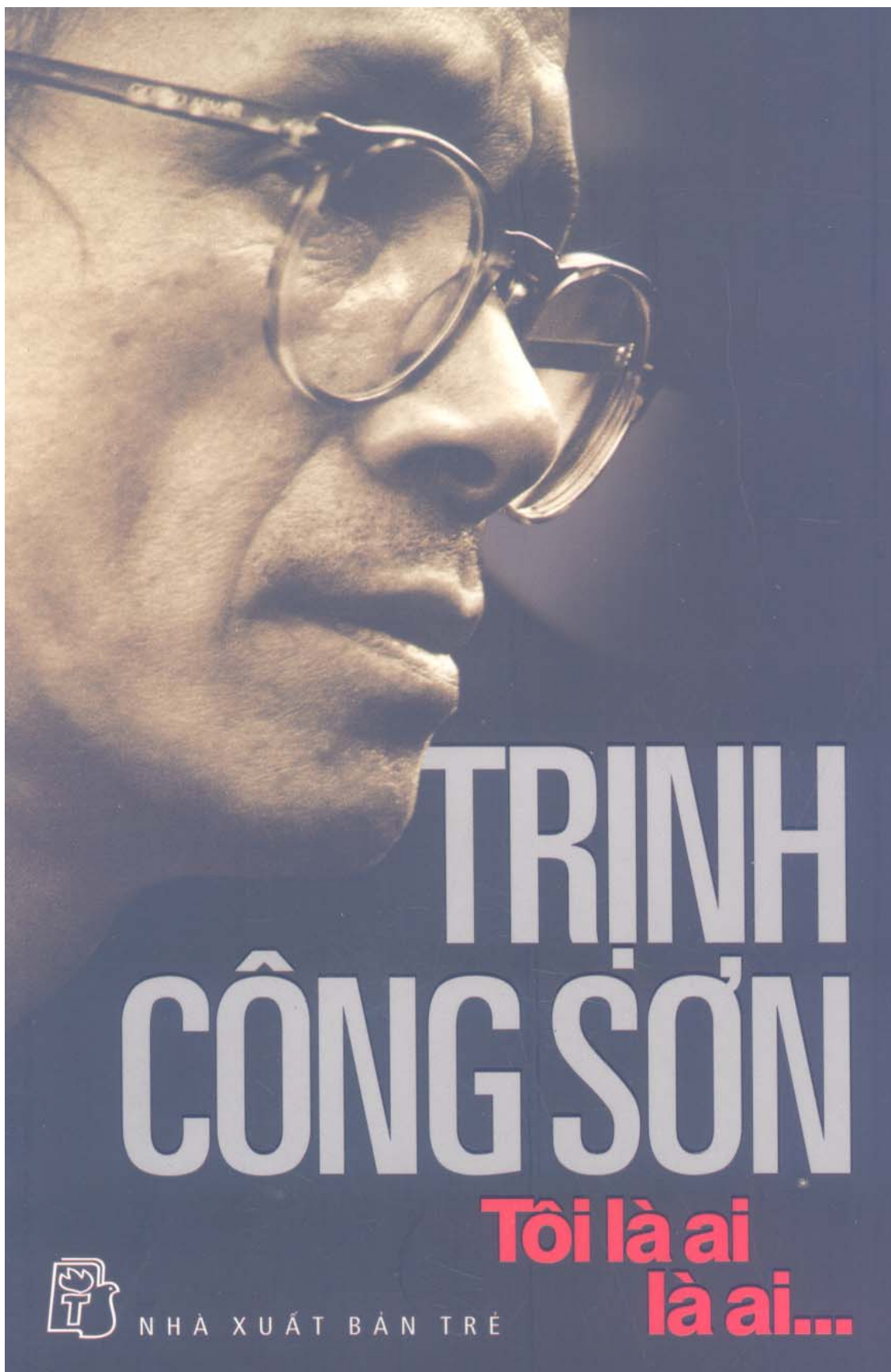




TRÌNH CÔNG SƠN

**Tôi là ai
là ai...**



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TRÌNH
CÔNG SƠN
TÔI là ai
là ai...

Trịnh Công Sơn - Tôi là ai, là ai...©Gia đình nhạc sĩ Trịnh Công Sơn
Nhà xuất bản Trẻ và gia đình nhạc sĩ Trịnh Công Sơn phối hợp xuất
bản tập sách này.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTN TPHCM

**Trịnh Công Sơn - Tôi là ai, là ai... / Nhiều tác giả ; s.t và b.s Nguyễn Duy, Nguyễn Trọng
Chức. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011.**

576 tr. ; 24cm.

I. Trịnh Công Sơn, 1939-2001. 2. Nhạc sĩ – Việt Nam – Tiểu sử. 3. Bài hát Việt Nam. I.
Nguyễn Duy s.t. II. Nguyễn Trọng Chức s.t. III Trịnh Công Sơn, 1939-2001 (nói về).

780.92 – dc 22
T832

ISBN 978-604-1-00235-7

TCS - Tôi là ai, là ai



TRÌNH CÔNG SƠN

Tôi là ai
là ai...



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Gia đình nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn** tổ chức thực hiện tập sách **Trịnh Công Sơn - Tôi là ai, là ai...** với sự cộng tác của nhà thơ Nguyễn Duy và nhà báo Nguyễn Trọng Chức trong việc sưu tầm và tuyển chọn.

Lời Nhà xuất bản

Nhân kỷ niệm 10 năm ngày qua đời của nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn** (1/4/2001 - 1/4/2011), Nhà xuất bản Trẻ hợp tác với gia đình nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn** xuất bản 3 tựa sách: **Trịnh Công Sơn - Thư tình gửi một người**; **Trịnh Công Sơn - Tôi là ai, là ai...** và **Trịnh Công Sơn - Ngôn ngữ và những âm ảnh nghệ thuật**.

Cuốn sách **Trịnh Công Sơn - Tôi là ai, là ai...** có 2 phần:

Phần 1: Tôi là ai gồm những bài viết của nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn** với nhiều thể loại, hồi ức, tản văn, tùy bút, truyện ngắn và thơ phần lớn chưa công bố trong các tập sách đã xuất bản.

Phần 2: Là ai... gồm những bài viết dưới dạng kỷ niệm, hồi ức, cảm tưởng, nghiên cứu về nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn** và những ca khúc của ông, phần lớn đã được công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng từ trước và sau ngày ông mất, của các tác giả là nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhạc sĩ, họa sĩ, nhà nghiên cứu, nhà giảng dạy, bạn hữu và người thân của nhạc sĩ ở trong và ngoài nước.

Mỗi người dưới góc nhìn riêng đã bày tỏ tình cảm, suy tư và nhận thức của mình về cuộc đời và những ca khúc của nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn**.

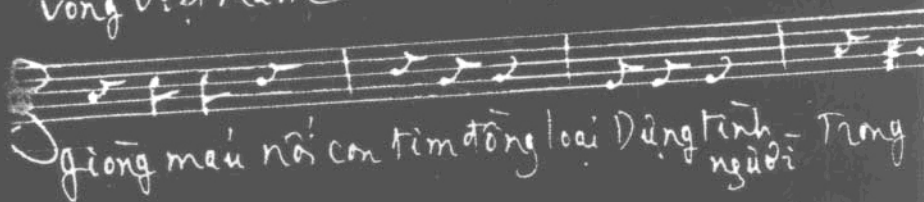
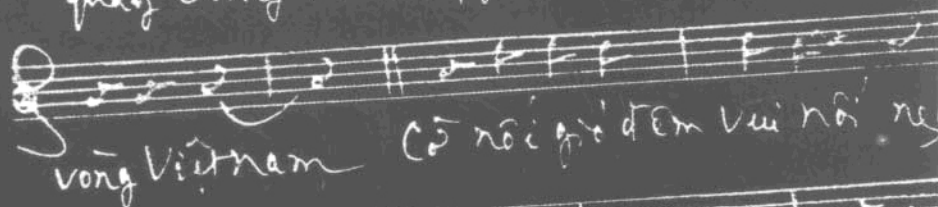
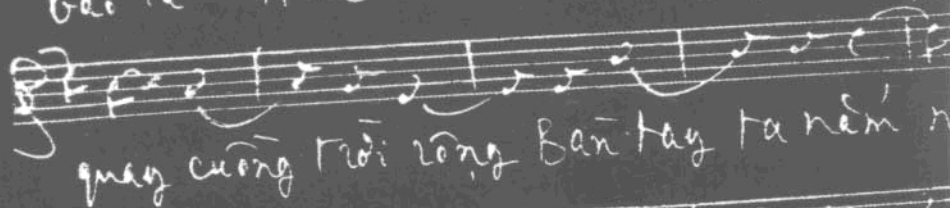
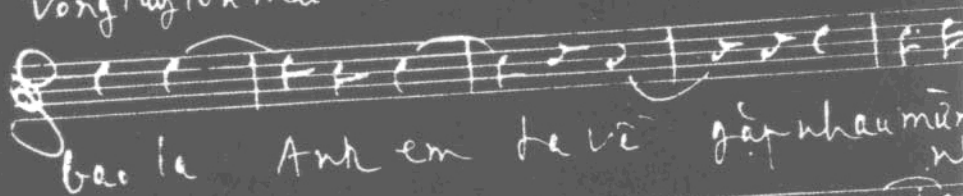
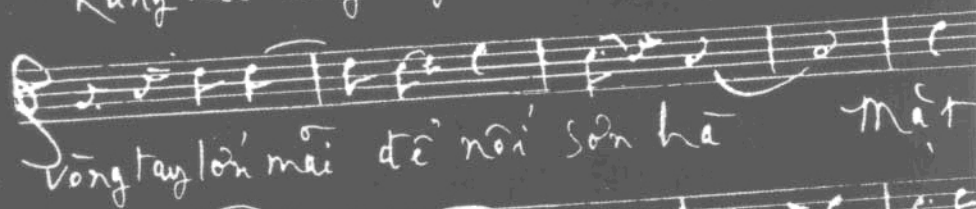
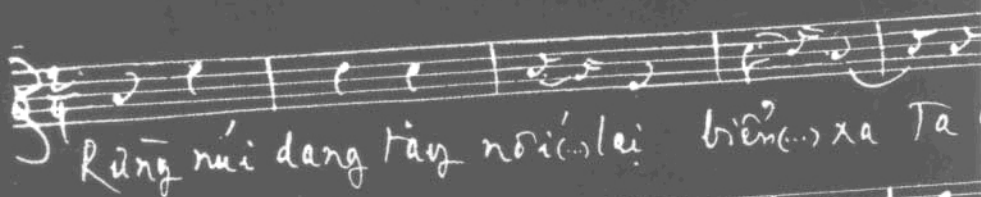
Một vài nhận định trong các bài viết này còn mang tính chủ quan của tác giả, Nhà xuất bản xin giới thiệu với bạn đọc như một tài liệu tham khảo.

Chúng tôi hy vọng bạn đọc sẽ cảm nhận được qua cuốn sách **Trịnh Công Sơn, Tôi là ai, là ai...** những thông tin và nhiều điều hữu ích về cuộc đời và sự nghiệp của người nhạc sĩ tài hoa mà chúng ta vô cùng yêu quý.

Nhà xuất bản Trẻ



Nội vông tay lớn



Tôi là ai
là ai
là ai
mà yêu quá đời này...

Phong Do

1



phác thảo chân dung tôi

Mỗi sáng nhìn vào mặt gương soi lại thấy thêm rất nhiều những sợi tóc bạc... Thuở ấy, tôi là một đứa bé thích ca hát. Mười tuổi biết solfège, chép lại những bài hát yêu thích đóng thành tập, chơi đàn mandolin và sáo trúc. Mười hai tuổi có cây đàn guitar đầu tiên trong đời và từ đó sử dụng guitar như một phương tiện quen thuộc để đệm cho chính mình hát.

Tôi không đến với âm nhạc như một kẻ chọn nghề. Tôi nhớ mình đã viết những ca khúc đầu tiên từ những đòi hỏi tự nhiên của tình cảm thôi thúc bên trong... Đó là những năm 1956-1957, thời của những giấc mộng ngồn ngàng, của những viễn tưởng phù phiếm non dại. Cái thời tuổi trẻ xanh mượt như trái quả đầu mùa ấy, tôi rất yêu âm nhạc nhưng tuyệt nhiên trong tôi không hề gọi lên cái ham muốn trở thành nhạc sĩ...

Đạo ấy ba tôi đã mất, mẹ tôi ở xa, tôi một mình giữa Sài Gòn phải tự quyết định mọi chuyện về đời mình. Cái gánh đời tuổi tác còn quá nhẹ.

Có lúc tôi đã bỏ dở cái trò lảng mạn viết lách này với nỗi ám ảnh ngu ngốc “xương ca vô loài”. Tôi trần trọc đêm này qua đêm khác, day dứt ngày này qua tháng nọ. Nhưng càng cố lảng quên thì tiếng hát trong tôi càng vang lên rõ rệt, tràn ngập cả lúc đứng, ngồi, cả trong giấc ngủ.

Dần dà những năm về sau, mới bắt đầu hình thành trong tôi một quan niệm rõ rệt: Sống là sống với người khác và muốn có cảm thông chúng ta phải luôn luôn diễn đạt mình. Trong những cách diễn đạt bằng tiếng nói, bằng chữ viết và nhiều phương tiện khác, tôi thấy tâm hồn mình có khuynh hướng nghiêng về phía ca khúc. Trên mảnh đất nghệ thuật nhỏ nhắn này, tôi tìm thấy tự do và tôi nghĩ rằng ở đây tôi có thể bày tỏ được với người khác về những niềm vui nỗi buồn của cuộc sống.

Nhìn lại quãng đường mình đã đi, tôi cảm thấy không có gì phải ân hận. Tôi vẫn là đứa trẻ thơ trong nghệ thuật, lòng còn tràn đầy cảm hứng. Tôi vẫn còn ham mê học hỏi quanh mình và còn đủ hào hứng mở ra những cuộc đối thoại, độc thoại với cây cỏ thiên nhiên, với con người qua ca khúc dưới ánh sáng hiền hòa nhân hậu của những ngày tôi đang sống.

Phải chờ đến lúc soi gương nhìn thấy tóc không còn mang màu xanh cũ nữa, mới nhận ra được hết nỗi khát khao được yêu thương mãi mãi con người và cuộc sống. Yêu thương con người cũng là yêu thương tiếng hát bởi vì tiếng hát mang trong nó tâm hồn của con người. Tiếng hát sẽ mọc lên xanh tươi trên cuộc đời này như những cây tử đinh hương mọc tràn thơm tho trên những cánh đồng vô tận.

Với ca khúc, tôi là người tình của thiên nhiên, là người bạn của những em bé. Qua ca khúc, tôi đã đến gần và đã đi xa những chuyện tình, đã tham dự những nỗi hân hoan của đời người và cũng đã gánh nhẹ giùm những phiền muộn.

Ca khúc là đời sống thứ hai sau cái thân thể mà cha mẹ đã sinh thành...

mẹ

Có một người đàn bà yêu thương tôi và tin tưởng ở tôi nhất trên đời này, người ấy có thể vì tôi mà hy sinh cả tính mạng. Đó là mẹ tôi.

Có một người bạn trung thành với tôi nhất trên đời này, người ấy có thể vì tôi mà từ bỏ hết mọi của cải, mọi thứ ân sủng quý giá nhất. Đó là mẹ tôi.

Nếu có ai bảo với tôi rằng ở một nơi nào đó có một người xem con mình vừa là mục đích đầu tiên vừa là mục đích cuối cùng của đời mình thì tôi tin chắc rằng người đó không ai khác hơn là mẹ tôi.

Bây mười năm đi qua cuộc đời này, tôi biết má tôi còn thiếu những lời an ủi. Tôi đã cùng với má tôi đi một đoạn đường dài như hai người bạn. Người bạn lớn ấy đã ân cần chăm sóc tôi trong từng bữa ăn, giấc ngủ và lo âu cầu nguyện trong những lần tôi ốm đau. Sống một cuộc đời như thế thật vô cùng khổ. Nhưng hình như má tôi đã biết biến những nỗi khổ ấy thành một thứ hạnh phúc riêng tư.

Hôm nay, má tôi đã đột ngột bỏ cả bảy con ra đi không một lời từ biệt.



Thân phụ của Trịnh Công Sơn
Ông Trịnh Xuân Thanh (1915 - 1955)



Thân mẫu của Trịnh Công Sơn
Bà Lê Thị Quỳnh (1921 - 1991)

Có một người đến bà yêu thương tôi
và tin tưởng ở tôi nhất trên đời này
người ấy có thể vì tôi mà hy sinh cả
tính mạng. Đó là mẹ tôi

Có một người bạn trung thành với tôi
nhất trên đời này, người ấy có thể vì
tôi mà từ bỏ hết mọi của cải, mọi thứ
ân sung quý giá nhất. Đó là mẹ tôi

Nếu có ai bảo với tôi rằng ở một
nơi nào đó có một người xem con mình
như là mục đích đầu tiên và là mục
đích cuối cùng của đời mình thì tôi tin
chắc rằng người đó không ai khác hơn
là mẹ tôi.

Trịnh Công Sơn
1991

Thủ bút Trịnh Công Sơn khắc đá dựng trên mộ thân mẫu

Không hiểu có phải vì má chúng tôi ngại phải báo trước một điều buồn khổ cho con hay không. Suốt đời chỉ muốn con mình sung sướng và giữ lấy muôn vàn thiết thòi cho riêng mình.

Không còn sự mất mát nào lớn hơn đối với chúng tôi.

Tất cả những gì chúng tôi có được hôm nay thuộc về má tôi cả.

Mất mẹ rồi mới biết rằng tất cả chúng tôi đều là những đứa con bất hiếu. Chúng tôi chưa đến đáp được một mảy may gì cho má cả. Đã trễ rồi, không còn cơ hội nào nữa để chúng tôi có thể chung nhau mang đến cho má một niềm vui hiếm hoi.

Mất mẹ rồi tôi mới biết rằng không bao giờ được phép hờ hững với những ân huệ mà cuộc đời đã cho ta. Phải biết chào trả lại kịp thời trước những lời thăm hỏi bởi vì cái vẫy tay thân ái nào cũng có thể là cái vẫy tay sau cùng. Chúng tôi đã chuẩn bị quá muộn để đáp lại một ân huệ trời cho là sự yêu thương của má tôi.

Tôi bỗng như một đứa trẻ lưỡng tuổi chưa biết từ nay sẽ bắt đầu lại cuộc đời mình như thế nào. Bấy lâu nay vẫn cứ sống nương tựa vào má mà không hề chuẩn bị gì cả.

Trên đường đời, những ngày sắp tới, tôi biết rằng không bao giờ còn được gặp má nữa. Người ở lại hay người ra đi thì cũng đau khổ như nhau. Tôi chỉ hy vọng rằng trong chuyến đi xa vĩnh viễn này mẹ chúng tôi đã phải sạch được những nợ nần quá dài lâu cho một đời người.

Má ơi! Chúng con có mặt đây dù cả đây để lạy má lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng, để từ biệt má. Xin má tha thứ những lỗi lầm của chúng con. Cầu xin má được yên nghỉ trong một cõi đời khác không còn đau khổ.

lời nguyện tình yêu

1 Dòng sông là chứng nhân già nua nhất của địa cầu. Hãy thử một lần nương vào cơn mộng du nào đó tìm về những cảnh san hô cũ kỹ để đọc xem dòng sông đã ghi những gì về tình yêu. Tôi đã hơn một lần trở về từ cơn mộng du đó để rồi làm người đang tri buồn bã. Từ đấy, tôi cũng đã biết tình yêu thường mở ra những cơn địa chấn kinh hoàng và đã đôi lần quay về xác xơ làm con quạ già kể hoài một chuyện tình chết như loài quạ vẫn thường về kêu ngậm ngùi trên nóc nhà một người hấp hối.

2 Có những cơn hạn hán về thiêu đốt địa cầu. Tình yêu bốc lửa và phơi khô. Từ đó tình yêu chỉ còn là những vết-tích-chết được con người manh nha nguy trang để lừa dối nhau. Mối đã khô từ ngày hạn hán. Nước miếng được ve tròn như những hạt kim cương đục ngầu. Trái tim là quả ổi đen trên cành cằn cỗi trụi lá. Lời yêu thương như lên men từ cội chết ù lì. Bây giờ nhớ về tình yêu cũng như hoài niệm về một cổ tích huyền hoặc. Người ta không còn có thể nói với nhau. Chỉ nói với riêng mình. Và tiếng nói được trả về từ cội chết làm trung gian thường trực giữa hai kẻ đối diện.

3 Thành phố của tình yêu đóng cửa từ dạo đó. Mỗi người về tự xây riêng cho mình một nhà nguyện. Hằng đêm lời nguyện cầu vang lên như thánh ca. Những lời nguyện cầu lên cao, lên cao mãi kết tinh thành một vương miện màu ngọc đen. Vương miện là di chúc quý báu dành cho kẻ chân tình về sau.

4 Cũng từ đó lời gọi vào tình yêu là lời vô vọng. Những thiết tha tìm đến tình yêu là những chớp lóe biến vào cơn giông. Không ai lừa dối ai. Chỉ có mình phỉnh phờ lấy mình. Bởi cái chết đã dựng hình tượng trong cõi sống. Con tim đã quen xúc động. Tiếng nói đã quen gửi đi. Từ bao giờ đến bây giờ. Sự quen thuộc gây ảo tưởng mới lạ để đánh lừa con mắt. Cảm xúc của con người chỉ là một kẻ trung gian dẫn dắt. Chúng ta dùng ánh sáng đom đóm để thắp hoa tình yêu nhưng rồi những con đom đóm đã chết. Ta lại được trả về trước một khoảng không đen. Thảm kịch sẽ được dựng lên mãi mãi bao giờ còn loài người. Trong cõi-riêng-ta có một con chim bé nhỏ đứng nhìn và hát hoài điệp khúc buồn bã đó. Con người chỉ là một loài thiêu thân vô tội bay mãi vào ảo tưởng tình yêu.

5 Chỉ có trong tình yêu ta mới bắt gặp được cái chết của chính mình. Tình yêu cũng mở ngõ cho những lần hóa kiếp. Hãy thử bước vào thế giới đó để khởi đầu bằng một cái chết thật vô cùng yêu dấu.

(1967)

kinh việt nam

Kinh Việt Nam là những tiếng kêu thương thống thiết, khởi từ một thực trạng máu xương. Kinh Việt Nam cũng là lòng mơ ước về một rặng đồng cho đêm tối dài lâu này. Những bài ca được viết từ những hàn hoan lắng nghe được trong lòng người. Đó là nỗi hàn hoan của đám đông chờ mong ngày hồi sinh.

Đã có điều gì không thật suốt hai mươi năm nay. Một lâm lữ đã lên đường và phải đi cho trót con đường máu xương. Như một mũi tên vô tri bỗng lổ thời trong một nhiệm kỳ vô định. Chúng ta, dù muốn dù không, bị biến thành những mũi tên định hướng được bắn đi từ những đồ hình huy hoàng tượng tượng và ngắn hạn. Dân ta tàn phế hai mươi năm. Nước mắt và máu đã làm thành những con suối lớn chảy mòn tiềm lực sáng tạo.

Đến lúc chúng ta phải dừng tay và nhìn lại. Xác thân anh em thừa đủ biến thành con đập lớn ngăn chặn những mưu toan phi nhân. Đã mười

năm nay, anh em ta săn đuổi nhau bằng hận thù giả tạo. Không thể có một thứ hạnh phúc nào chờ đợi ta sau cuộc săn đuổi dài hạn đó. Hồ thám đã mở ra dưới chân dân tộc này. Lương tâm con người đang trên đà bị phát mại. Ở cuối chân trời Việt Nam, những tia nắng nghèo nàn và bệnh hoạn từ một mặt trời hết sinh khí sắp đi vào hôn mê.

Xin hãy dừng tay và cùng chờ nhìn một mặt trời tươi trẻ sẽ được khai sinh ở phương Đông. Xin hãy dừng tay để mọi căn nhà Việt Nam có thể mở rộng cửa chờ đón một sớm mai hòa bình. Còn rất nhiều con đường mở ra cho tương lai chúng ta. Những con đường đưa ta về dựng lại một Tổ quốc đích thực.

Xin hãy dừng tay để được nghe ba mươi một triệu tiếng hò reo trong cùng một phút hân hoan. Để cho con sông, dòng suối, núi rừng và mặt đất cằn khô này được thở lại điều hòa. Tiếng hát đã có thể cất lên để nuôi lớn ước mơ.

Ta đã có sẵn một hành trang quý giá của hơn bốn nghìn năm để còn mãi bước đi trên những lộ trình mới về tương lai. Ta phải đi tới bằng con tim sử giả mang niềm tin và lời hứa hẹn của những người đã nằm xuống. Ta phải tìm lại quê hương bằng sức sống mãnh liệt vì trong cơ thể ta đã luân lưu thêm dòng máu của anh em không còn.

Quanh đây, những trường học, những bệnh viện, những đình làng, những phiên chợ, những cánh đồng sẽ được bắt đầu lại với những ngày nhân đạo, với một dân tộc nhân bản.

Xin đừng bao giờ làm kẻ phản bội với một quá khứ hiển linh.

(Lời tựa tập nhạc "Kinh Việt Nam"-1968)

nhật ký ở tuổi 30

(Đây là một đoạn nhật ký Trịnh Công Sơn viết năm 1969, khi vừa tròn 30 tuổi, lúc anh đã có nhiều sáng tác được công chúng biết đến và yêu mến...)

Vào đầu mùa xuân này tôi có ba mươi tuổi chẵn. Câu nói đã xưa lập lại mãi âm thầm trong trí tôi: “Tam thập nhi lập”. Riêng tôi, chưa lập được gì cả.

Tôi đang ở trong một thành phố có những vết tích cổ xưa của đền đài thành quách. Bây giờ những thứ đó cũng không nói lên được điều gì. Thình thoảng nhìn lại cũng có gợn lên trong lòng một chút buồn bàng quơ vậy thôi. Người ta chỉ còn chú ý đến những đồ nát quanh thành phố và ngay trên những đền đài đó. Có lần tôi cùng vài người bạn đưa một cô bạn từ xa đến, đi thăm những đền đài này, cô bạn thắc mắc hỏi sao người ta chưa lo sửa sang lại những nơi này. Người bạn tôi cười bảo: lo gì, cứ làm một cuộc cách mạng, lo cho mọi việc khác xong thì một trăm cái đền đài này xây cũng nổi. Đó là câu chuyện nhỏ

của năm vừa qua, vào khoảng đầu mùa hạ. Bây giờ là mùa xuân của một năm mới. Mùa xuân mà tôi vừa đến tuổi ba mươi.

Tôi đã dự định sẽ tổ chức sinh nhật của mình thật lớn để mừng tuổi khởi đầu cho sự trưởng thành thật sự. Tôi có nói điều đó với mấy đứa em. Cả với mẹ tôi nữa. Những đứa em gái có vẻ mừng, nhắc nhở luôn và chờ đợi. Chúng nó hỏi tôi tổ chức như thế nào, dọn ăn ra sao và mời những ai đến. Tôi cũng vẽ ra một không khí thật rực rỡ và bảo thôi chờ đến đó hẵng hay.

Ngày sinh nhật cuối cùng đã đến cùng với mùa xuân. Hàng cây trước nhà đã thay lá xanh nõn. Và tôi, cũng như những đứa em đã quên hẳn ngày sinh nhật đã vẽ ra từ năm ngoái. Hai ngày sau ngày sinh nhật, tôi nhận được một điện tín. Đó là điện tín của một người con gái dễ thương nhưng không yêu gửi về một lời chúc mừng sinh nhật.

Tôi đã bỏ một buổi chiều để nghĩ về sinh nhật của mình cách đây ba mươi năm. Làm sao còn nhớ được cái ngày khởi đầu cho một cuộc đời người xa heo hút như thế. Tôi thử kiểm điểm lại xem mình đã làm được gì. Tôi nhớ năm mười lăm tuổi có lần tôi đã mơ ước được đến tuổi hai mươi để làm người lớn, để được hút thuốc, được tự do đi chơi này nơi nọ, được làm tất cả những gì mà với tuổi 15 tôi chưa có quyền làm.

Như thế mà đã 15 năm nữa. Tuổi mơ ước làm người lớn cũng đã đi qua. Đi qua với một số kỷ niệm buồn vui có khi không còn nhớ rõ.

Thời gian mơ ước được làm người lớn cũng là thời gian của mối tình đầu tiên. Cũng là thời gian đã được yêu và được nhìn người yêu mình đi lấy chồng. Cuộc tình duyên này không cân xứng về tuổi tác nhưng cân xứng về danh vọng và nhan sắc. Điều này đã trở thành cổ điển và không gây thêm được một chút ngạc nhiên nào trong xã hội nhỏ nhỏ của thành phố. Tuy thế, riêng tôi là một thất vọng lớn không lường được. Sau đó là những mối tình khác nhưng tôi vẫn khó xóa được mặc cảm (tuy càng ngày càng mỏng dần trong tôi) đối với thành phố này.

Bây giờ tôi đã 30 tuổi.

Ba mươi cây nến không cây nào được đốt lên. Buổi chiều trong căn phòng chỉ còn lại mình tôi, những đứa em gái đã đi học. Một thằng em trai làm ăn ở xa. Một đứa khác đang hành quân trên đỉnh một núi cao mà có lần nó bảo là sương mù quanh năm lạnh lắm. Mẹ tôi thì sang phố từ sau bữa cơm trưa.

Tôi nhớ đến tên những thằng bạn thân, bây giờ mỗi đứa đang ăn, ngủ, nhậu hay hiểm nguy trên những địa thế khác nhau của mặt đất này. Ví dụ lúc này có thằng Tường^(*) ở đây thì nó sẽ uống thật cạn một ly rượu và mang cái ly ra dòng sông bên cạnh nhà để vứt xuống. Không hiểu nó đã vứt được bao nhiêu cái ly xuống biển, xuống sông, xuống đèo cho những sinh nhật bạn bè. Đó cũng là một thói quen làm người khác để nhớ đến. Tất cả đều đã phiêu bạt. Như tôi cũng đã phiêu bạt.

Những lần quay về lại với căn nhà này tôi luôn luôn mang cảm giác sự trở về của một đứa con đi hoang. Thời gian trở về bao giờ cũng là thời gian để nằm nghỉ và dưỡng sức. Như một con bệnh mệt mỏi, rã rời...

(Bảo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 13-2001, ngày 8-4-2001)

(*) Hoang Phủ Ngọc Tường

chú lộ

Truyện ngắn

LTS: Chú Lộ⁽¹⁾ có lẽ là truyện ngắn duy nhất của Trịnh Công Sơn nhưng còn dở dang và cũng chưa bao giờ được biết đến. Bản thảo truyện ngắn này được một thân hữu gần gũi với Trịnh Công Sơn và với Tuổi trẻ Chủ nhật lưu giữ.

1 Năm 13 tuổi chú Lộ đã có mặt ở dưới hầm rượu của câu lạc bộ thể thao trong thành phố Huế. Đạo ấy, bọn Tây còn làm chủ nhân ông trong “thành phố thuộc địa” này và dĩ nhiên, chủ tịch của câu lạc bộ thời bấy giờ cũng phải là một thằng mắt xanh mũi lõ.

Vào đời với cái tuổi 13, chỉ mới biết viết và biết đọc đôi chút, đối với bất kỳ ai, là cả một sự phiêu lưu thất thế không lường được. Chú Lộ ra khỏi nhà và đi thẳng tới sân tennis không do dự, không chọn lựa. Chú rời khỏi nhà như một con chim lìa tổ quá sớm hoặc như một chiếc lá lìa cành và phó mặc cho ngọn gió định mệnh thổi đến đâu hay đến đó. Và không cần phải có thì giờ làm quen hoặc một lời giới thiệu nào, chỉ một tuần sau chú Lộ nghiêm nhiên trở thành đứa bé lượm banh tình

nguyên không công. Tên chú dần dần quen thuộc ở đâu môi những chàng Tây và những người Việt đánh banh mỗi buổi sáng, trưa, chiều. Tây thì gọi chú: “Ê, nhỏ Lộ”, người Việt Nam thì gọi ngắn hơn: “Lộ!” và đưa vợt lên đón trái banh được quăng theo hình cầu vồng từ bàn tay nhỏ và đen đũi. Mấy ngày đầu, có khi còn trở về nhà nhưng sau đó thì chú cùng một vài đứa nhỏ lượm banh khác lần la kiếm cơm ở nhà bếp và ngủ hằn dưới hăm câu lạc bộ dùng làm kho cất rượu và chất những đồ phế thải. Ăn thịt và bánh mì thừa của khách đối với chú bé Lộ cũng là những bữa tiệc thịnh soạn mới mẻ. Trong cái đầu đơn giản và thiếu học của đứa bé 13 tuổi, thật sự chú cũng không hề có ý niệm gì về cái thân phận hèn mọn của mình.

Chú Lộ đã sống và lớn lên như thế từ hăm rượu. Nhờ ở năng khiếu và chút ít thông minh bẩm sinh chú đã nương vào hoàn cảnh thuận tiện để học hỏi, quan sát và tự biến mình thành một thanh niên thành thạo đủ mọi môn thể thao mà câu lạc bộ sẵn có. Không bao lâu chú đã trở thành người hướng dẫn khéo léo và chịu khó cho những người mới tập đánh tennis, mới tập chèo périssoire⁽²⁾, chơi bóng bàn, billard, bơi lội và cả môn trượt nước. Từ một đứa bé lượm banh, cuối buổi nhận được những đồng tiền lẻ từ bàn tay những ông bự, bảy tám năm sau chú đã ngang nhiên bước vào ô vuông của sân banh để đánh trả lại những đường banh thật bay bướm hoặc rướn mình lên từ phía góc sân gửi đi những cú giao banh khá ngoạn mục. Đối với các hội viên của câu lạc bộ, phần đông là những công chức cao cấp trong tỉnh hoặc các bậc trí thức thượng lưu, chú Lộ là con người dễ bảo (serviable). Bất cứ họ cần điều gì là chú xoay xở có ngay. Con cái của tầng lớp thượng lưu này dành cho chú một cảm tình khá đặc biệt bởi chúng tìm được ở chú tất cả sự nhẫn nại, sự chiều chuộng mà khó một huấn luyện viên nào có được. Với thời gian, chú cũng bồm bẻm được dăm tiếng Tây đủ dùng cho công việc hàng ngày. Dĩ nhiên chú nói tiếng Tây theo kiểu của chú và chú cũng chẳng quan tâm gì lắm về những cách nói bóng bẩy mà chú thường nghe những ông Tây lẫn người Việt trao đổi với nhau ở bàn ăn. Vấn đề là chú cần bọn Tây hiểu được chú muốn nói gì và ngược lại chú cũng hiểu được chúng muốn, cần gì ở chú. Ban đầu nghe chú nói, bọn

Tây, đấm và con cái chúng ôm bụng cười ngất như bị ai cù vào nách. Chú thản nhiên cười theo và cứ như thể mọi người quen dân đến độ người ta có cảm tưởng cách nói tiếng Tây của chú cũng là một loại mẫu mực giản dị trong kiểu ăn nói thường ngày. Tuy thế không phải chú không hãnh diện về cái vốn tiếng Tây hăm hiu ấy bởi những lần có người thợ nào nhờ chú hỏi ý kiến của ông Tây chủ tịch về việc cần quét vôi lại cầu lạc bộ hoặc sửa sang cây cảnh quanh khu vực này thì chú sẵn sàng biểu diễn rất hùng hồn cái mở chữ nghĩa hỗn độn mà chú đã nhặt được một cách rất vô tổ chức ấy. Mấy đứa con nít Việt Nam thì phục chú quá sức rồi.

Chú Lộ uống rượu mạnh rất sớm. Không phải kiểu uống rượu để tiêu sầu hoặc kiểu bằng hữu tâm đắc mà bởi rượu thừa ở những bàn ăn bao giờ cũng đủ để chú có thể độc ẩm dài dài ở dưới hầm rượu sau bữa cơm. Dưới hầm có hai cái phòng nhỏ dành cho bếp và người gác cổng. Bấy giờ chú đã có đủ uy tín để giành lấy riêng cho mình một phòng. Hầm quá rộng, mấy người kia có thể thu xếp ở một góc nào đó cũng được. Trên tường chú treo cái vợt cũ của ông chánh án mới cho. Mỗi lần ra sân banh, trông chú cũng đủ bộ sậu như mọi người. Cũng pan-túp trắng, tất dầy có ba sọc màu cờ Tây ở cổ chân, bộ áo quần trắng và cả cát-két cũng trắng nữa. Trên sân tennis, cách ăn mặc sạch sẽ giống nhau như thế, người xem dễ tưởng rằng không còn cái biên giới giai cấp giữa con người bên này và bên kia lưới mà chỉ có nghệ thuật giao banh thôi. Thật ra, chú Lộ biết rõ không phải vậy. Những cú banh, chú giao qua bao giờ cũng vừa tầm tay của ông chánh án, ông thẩm phán, hoặc một ông trưởng ty nào đó. Những cú xi-mách trong tay chú bao giờ cũng chưa hết đà. Và những cú bỏ nhỏ cũng đừng nghịch quá khiến các ông lớn phía bên kia phải trật xương hông hoặc bị sai khớp chân thì bó mẹ. Chú hiểu thế nhưng chú cũng thấy mình bị thuyết phục bởi một lẽ đương nhiên nao đó gần như định mệnh. Sự hiếu thắng của tuổi trẻ trong chú đã bỏ đi chơi từ bao giờ không ai biết và chú cũng không bán khoản gì về điều đó cả. Tóm lại, chú như một kẻ sống an phận từ những ngày máu huyết còn đương độ trong trái tim, trên cánh tay và cặp giò thanh xuân của chú.

Năm 23 tuổi chú Lộ có người yêu. Trước đó thì chú cũng cua kéo, chọc ghẹo mấy cô bán quán trong thành phố nhưng không đi tới đâu. Lần này thì yêu thật và vốn quá thừa tính nhẩn nại, chú là một người đàn ông lý tưởng cho cuộc tình. Người yêu chú là một cô gái 18 tuổi, con ông bếp của câu lạc bộ. Cũng là cây nhà lá vườn cả chứ không đâu xa. Cô ở dưới làng thỉnh thoảng mới lên thăm cha và mỗi lần lên đều mang theo một ít trái cây ở vườn như mít, thơm, ổi... Từ khi hai người yêu nhau, cô gái lên đều hơn và trong rổ trái cây của vườn nhà, bên cạnh phần dành cho cha, cô gái có phần dành cho chú. Trong đầu chú cũng đang hiện dần hình ảnh một bếp lửa nhỏ cho hai người - chú dự định một, hai năm gì đó dành dụm được một số tiền nhỏ sẽ đề nghị thẳng với ông bếp về chuyện cưới hỏi.

Một hôm, chú được chủ tịch câu lạc bộ giao cho nhiệm vụ đi Sài Gòn mua những dụng cụ thể thao và một số vật dụng thay thế cần thiết. Chú cảm động đến run cả tay chân. Đây là cái dịp để chú “du lịch” ra khỏi những bờ rào chật hẹp của thành phố này. Việc đầu tiên là chú báo ngay cho ông bếp biết tin và nhờ nhắn lại với con gái ông. Ngay buổi chiều hôm đó mọi người lân cận với chú đều biết tin này. Đi Sài Gòn dạo ấy, cũng như đi đến một xứ khác mà chú nghe nói là văn minh và vui sướng như ở thiên đường vậy (mặc dù thiên đường như thế nào thì không ai biết cả).

Hôm sau chú lên đường và chỉ ba tiếng đồng hồ là chú đã có mặt ở phi trường Tân Sơn Nhất. Lần đầu tiên ngồi trên máy bay và được những cô gái đẹp, lịch sự dọn bữa ăn cho mình, chú Lộ gần như rơi trong một trạng thái mơ mơ màng màng không thật. Chú không bao giờ ngờ được loại người như chú lại có một ngày được ngồi đằng hoàng đế những con người sang trọng như thế mang cơm mang nước đến cho mình. Chú chỉ quen phục vụ người khác hoặc thỉnh thoảng được phục vụ trong những quán hàng ở Huế thì những người phục vụ ấy cũng giống như chú mà thôi. Ở đây mấy cô nói tiếng Pháp, tiếng Anh như đám, mặt mày đẹp đẽ như mấy tiểu thư con quan, hai bàn tay mang khay thức ăn cho chú thì trắng muốt ngà ngọc làm sao chú không ngạc nhiên được.

Và nổi ngạc nhiên đó kéo dài suốt khoảng thời gian chú ở lại Sài Gòn.

Theo địa chỉ dẫn trước, chú đến một tiệm bán dụng cụ thể thao ở đường Bonard. Chú nhìn lên bảng hiệu Sports to tương. Đọc không được nhưng số nhà thì đúng. Tiệm có tất cả những gì chú cần và có cả những gì mà chú chưa hề tưởng tượng đến. Phải mất cả ngày chú mới mua xong những vật dụng kê khai trong tờ giấy. Những ngày sau thì chú dành tất cả thì giờ để thỏa mãn sự hiếu kỳ của mình bằng cách dán mũi bên ngoài những tủ kính ở các đường phố lớn. Cuối cùng chú quyết định là phải mua một món quà cho người yêu của chú trước khi về. Giữa cái rừng đồ đạc đủ màu sắc đó chú bối rối không hiểu phải chọn cái gì. Thử nhớ lại xem nào. Đúng rồi chú nhớ người ta thường hay tặng nước hoa cho người yêu. Thế là khỏe trí. Thấy cái chai hình thù đẹp đẹp là chú chọn và vài phút sau trong tay chú đã có một gói quà xinh xắn buộc dây mau quanh lớp giấy hoa rực rỡ. Gói quà như muốn bay khỏi bàn tay vụng về của chú. Lòng chú nhẹ như một tờ giấy mỏng. Máy bay lại trả chú về với thành phố cũ. Chú mới từ đầu đến chân. Bỏ áo quần và đôi giày kiểu cách này chú tin là dân chơi trong thành phố phải quay đầu lại nhìn cả. Lòng chú tự dưng sáng khoái một cách kỳ lạ. Chú nghĩ thầm: mình cũng có quyền kiêu hãnh về mình lắm chứ! Chú mỉm cười và thuê xe về thẳng câu lạc bộ.

Mọi người trong câu lạc bộ nghe chú về gần như ủa cả ra thêm, cả ông sắp Tây của chú nữa. Nó vỗ vai chú và nói bằng tiếng Pháp: “Tốt lắm! Tốt lắm!”. Trong đám nhân công đứng ở thêm chú không thấy ông bếp đầu cả. Có lẽ ông bận nấu ăn cũng nên. Bắt tay mọi người xong chú đi thẳng vào bếp. Không thấy cha vợ tương lai của mình đâu cả, chú đi xuống hầm rượu không kịp hỏi mọi người - ông đang nằm nhắm mắt, trên ghế bố, một tay gác trên trán như ngủ. Chú lên tiếng và ông mở mắt chào chú, giọng không nồng nhiệt. Chú Lộ cụt hứng và linh cảm có điều gì không hay đã xảy ra. Đứng sững một lúc, nhìn cặp mắt ông bếp đã nhắm lại, chú bức bối quay về phòng để cắt cái xách tay. Sau lưng chú bỗng có tiếng nói mệm mòi: “Con Khế chết rồi”. Cái xách trên tay chú Lộ rớt xuống đất. “Con Khế chết”. Người yêu chú chết rồi. Giờ sao cha nội?

Ngồi ở mép ghế bố chú Lộ nghe hết câu chuyện ông bếp kể. Trước mặt chú là những bậc thềm dẫn xuống bãi đậu périssoire. Qua những cột bê tông, như những cái rễ thẳng đứng của bao lơn câu lạc bộ cắm sâu dưới nước, chú nhìn thấy nắng trên mặt sông Hương lao xao theo sóng nhỏ. Cái lao xao đó cũng có trong lòng chú nhưng không âm thanh. Con râu rí cứ đập dềnh lên xuống, đập vào cái lớp vỏ nguội lạnh bên trong của suốt thân thể chú. Chú thấy dợn dợn muốn ói, nhưng không mùa được. Tròng mắt chú ướt đi. Chú nghĩ đến chai nước hoa mà chú chưa ngửi được mùi thơm của nó trên tóc của Khế. Khế chết tình cờ quá. Trong một trận lục soát ở làng, commandos⁽³⁾ chạm nhau với vài cán bộ hoạt động của Việt Minh, Khế bị lạc đạn. Ông bếp giấu bớt chuyện này nên mọi người trong câu lạc bộ không ai biết. Ông sợ Tây nó biết thì ông hết chỗ làm ăn. Chú Lộ đứng dậy về phòng nằm, miệng lẩm bẩm một câu chửi tục.

Đó là lần đầu tiên trong đời, chú Lộ có ý thức về chiến tranh. Đêm hôm ấy, trong phòng riêng dưới hầm, chú say khướt với mở rượu thừa góp nhặt được bấy lâu từ những cái chai uống dở của các ông lớn trong cái xã hội thượng lưu thu nhỏ ở phía trên kia, ngay trên đầu chú mà giờ đây chú mới chua chát thấy rằng nó xa lạ với những người như chú và ông bếp quá.

2 Sau cái chết của Khế, thế giới sống của chú Lộ được nở rộng ra hơn một chút. Con mắt và lỗ tai chú mở ra xa hơn cái xã hội nhỏ hẹp thu gọn trong câu lạc bộ thể thao này. Tại chú bắt đầu nghe tiếng bom, đạn vọng từ xa về. Chú nghe tiếng xe jeep đi tuần tra ban đêm hoặc giữa khuya, tiếng quilát kêu lác các trong những cuộc bố ráp. Chú bắt đầu để mắt đến những xác chết của bọn ác ôn, bọn tề điệp bị thanh toán ở những góc đường vắng, thường xuyên nhất là ở dốc Nam Giao cách đồn Tây không xa lắm. Trên mỗi xác chết thường có lá cờ đỏ sao vàng nhỏ bằng bàn tay và một bản cáo trạng tội ác. Chú cũng bắt đầu lăm lét nhìn về phía nhà lao Thừa Phủ, không xa câu lạc bộ lắm, mà suốt bao nhiêu năm trời, đối với chú, dường như không hề có mặt. Thịnh thoảng chú bắt gặp những nhóm người bị còng tay dẫn đi về phía

nhà lao và thật tâm, chú không hiểu hết ý nghĩa của hình ảnh đó. Có một điều chắc chắn là trong đám người đứng nhìn đoàn tù lặng lẽ đi qua, chú thường bắt gặp những cái nhìn đầy yêu thương lẫn kính phục và trong những lời thì thầm của họ chú loáng thoáng nghe thấy hai tiếng: yêu nước. Những người tù kia cũng trẻ như chú nhưng sao họ được đồng bào cảm phục đến như vậy? Trong đầu óc thô thiển của chú những chữ Việt Minh, yêu nước và lá cờ đỏ sao vàng nhỏ bằng bàn tay cứ quay cuồng như một cơn lốc. Chú không tài nào cất nghĩa được cho mình và cũng không ai ở câu lạc bộ đó có thể giúp chú tìm ý nghĩa của nó. Và tự nhiên chú mơ hồ như mình vừa được truyền sang một điều gì gần như lòng kiêu hãnh. Từ đó, trong việc phục dịch hàng ngày ở câu lạc bộ, chú đã bắt đầu có một thái độ bớt quy lụy hơn, bớt phục tùng hơn đối với ông quan tòa, ông thẩm phán, ông trưởng ty và cả những thằng Tây chủ của chú. Trong đám Tây đến ăn và uống rượu ở câu lạc bộ, có cả thằng sếp phòng nhì Pháp mà chú nghe nói là dưới bàn tay đầm máu của nó bao nhiêu con người trai trẻ như chú đã hi sinh. Chú tự dặn lòng từ nay không bao giờ nhận một đồng xu “buộc boia” nào từ bàn tay của nó nữa.

Bản chất của chú Lộ là một con người an phận. An phận từ tư rắng kẻ tóc đến đầu những ngón chân. Ý thức của chú về quê hương dân tộc bị hạn chế bởi sự ngu dốt và dừng lại ở thái độ thụ động như thế. Và nỗi băn khoăn chột nhóm lên trong lòng chú như một ngọn lửa yếu ớt, sau cái chết của Khế, đã tắt dần cùng với thời gian. Dù sao, chú đã tiến lên được một bước ngắn: cái lưng của thằng nô lệ đã thẳng hơn trước một chút.

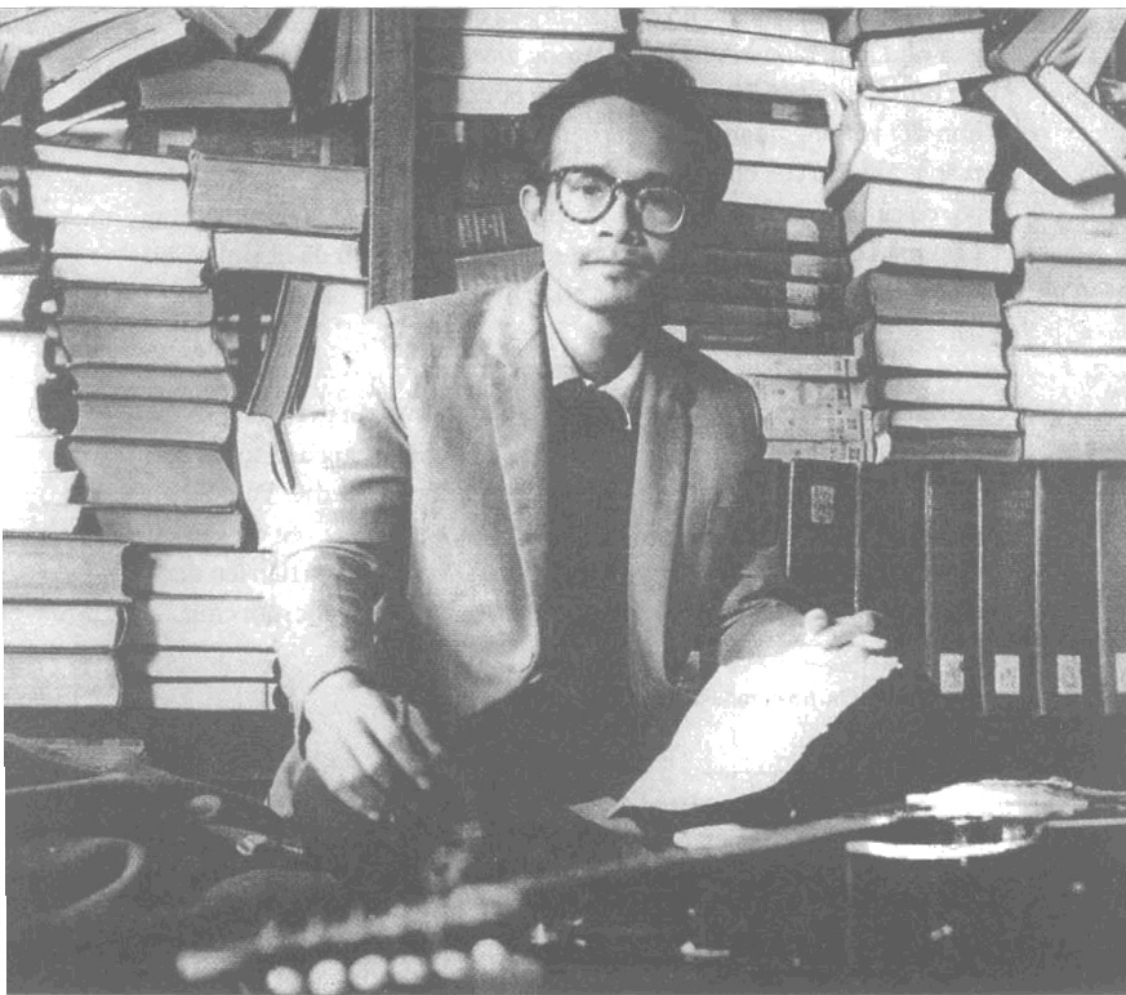
(Bảo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 13-2001, ngày 8-4-2001)

(1) Căn cứ vào bản thảo, có thể truyện Chú Lộ đã được viết khoảng năm 1967, khi Trịnh Công Sơn 28 tuổi.

(2) Thuyết thể thao.

(3) Lĩnh biệt kích Pháp, nổi tiếng hung ác.

*Mỗi đêm, tôi nhìn trời đất để học về lòng
bao dung. Nhìn đường đi của kiến để biết
về sự nhẫn nại. Sông vẫn chảy đời sông.
Suối vẫn trôi đời suối. Đời người cũng để
sống và hãy thả trôi đi những tị hiềm.*



tin vào chính mình

Tiếng nói thâm kín của một người nhiều khi suốt cuộc đời không thể nào bày tỏ. Có khi bày tỏ được thì cũng là những tiếng nói dở dang. Có người giấu bật. Tôi chưa hề quên cái hiệu lệnh muôn đời: "Cái ta đáng ghét". Tuy nhiên trong cuộc sống thường nhật nơi đây, ngoài những ngày hét la to đẩy nộ khí, vẫn có những giây phút lui về muốn thở than. Phải chăng thở than cũng là niềm bí ẩn của con người.

Mỗi đời sống ẩn giấu một định mệnh. Có những định mệnh đời đời là cây kiếm sắc. Một đời lẩn trong giấc mơ tôi, bùng lên những ánh thép đó. Nhưng tôi biết rõ rằng tôi chỉ là một loài chim nhỏ hót chơi trên đầu những ngọn lau. Không ai muốn mình là kẻ tuyệt vọng. Nhưng tôi tự nguyện làm tên tuyệt vọng. Bởi nhiều khi sớm mai tôi thức dậy không thấy được hoa quả khai sinh trong trái tim người.

Tôi lại biết thêm rằng, dù là người chiến thắng hay chiến bại, suốt cuộc đời cũng không thể vui chơi. Hạnh phúc đã ngủ yên trong những ngăn kéo của quên lãng.

Nơi đây, chúng ta đang sống thêm một thứ định mệnh mới. Định mệnh Việt Nam. Thứ định mệnh đã khép lại những nụ cười. Đã dạy dỗ ta những điều man trá. Thứ định mệnh đem rao bán ở công viên, trong những ngõ tối, dưới những khung cửa thấp và chật hẹp. Nhưng may mắn thay, vẫn còn làm nở ra, đây đó, những đời người đẹp đẽ.

Tôi không bao giờ nhắm mắt về sự khổ đau và hạnh phúc. Nhưng tôi thường rơi vào cơn hôn mê trước giấc ngủ. Ở biên giới đó tôi hoảng hốt thấy mình lơ lửng giữa sự sống và cái chết. Những giây phút như thế vô chup lấy tôi mỗi đêm. Khi quanh tôi, mọi người đã yên ngủ. Và tôi đau đớn nhận ra rằng, có lẽ cuộc đời đã cho ta lắm ngày bất hạnh.

Mỗi ngày sống tới, mỗi ngày tôi thấy đời sống nhỏ nhắn thêm. Đời sống thật sự không tiềm ẩn điều gì mới lạ. Có lẽ vì thế, vì sự quen mặt mỗi lúc mỗi gần gũi, thấm thiết hơn, nên tôi càng thấy yếu mền cuộc đời. Như đứa con ngoan không tuyệt tình nổi với rẫy sắn nương khoai, nơi có bà mẹ suốt đời mắt không sáng nổi một ngày trắng hội.

Có những ngày tuyệt vọng cùng cực, tôi và cuộc đời đã tha thứ cho nhau. Từ buổi con người sống quá rẻ rùng tôi biết rằng vinh quang chỉ là điều dối trá. Tôi không còn gì để chiêm bái ngoài nỗi tuyệt vọng và lòng bao dung. Hãy đi đến tận cùng của tuyệt vọng để thấy tuyệt vọng cũng đẹp như một bông hoa. Tôi không muốn khuyến khích sự khổ hạnh, nhưng mỗi chúng ta hãy thử sống cùng một lúc vừa kẻ chiến thắng vừa kẻ chiến bại. Nỗi vinh nhục đã mang ta ra khỏi đời sống để đưa đến những đấu trường.

Tôi đang bắt đầu những ngày học tập mới. Tôi là đứa bé. Tôi là người bạn. Đôi khi tôi là người tình. Chúng tôi cùng học vẽ lại chân dung của nhân loại. Vẽ lại con tim khối óc. Trên những trang giấy trắng tinh khôi

chúng tôi không bao giờ còn thấy bóng dáng của những đường kiếm mưu đồ, những vết dao khắc nghiệt. Chúng tôi vẽ những đất đai, trên đó đời sống không còn bạo lực.

Như thế, với cuộc đời, tôi đã ôm một nỗi cuồng si bất tận. Mỗi đêm, tôi nhìn trời đất để học về lòng bao dung. Nhìn đường đi của kiến để biết về sự nhẫn nhục. Sông vẫn chảy đời sông. Suối vẫn trôi đời suối. Đời người cũng để sống và hãy thả trôi đi những tội hiêm.

Chúng ta đã đấu tranh. Đang đấu tranh. Và có thể còn đấu tranh lâu dài. Nhưng tranh đấu để giành lại quyền sống, để làm người, chứ không để trở thành anh hùng hay làm người vĩ đại. Côi Người từ khúc tước hiệu đó.

Chúng ta đã đấu tranh như một người trẻ tuổi và đã sống mệt mỏi như một kẻ già nua. Tôi đang muốn quên đi những trang triết lý, những luận điệu phỉnh phờ. Ở đó có hai con đường. Một con đường dẫn ta về ca tụng sự vinh quang của đời sống. Con đường còn lại dẫn về sự băng hoại.

Nhân loại, mỗi ngày, đang cố bày biện những tiệm tạp hóa mới. Đóng thêm nhiều kệ hàng. Người ta bán đủ loại: đói kém, chết chóc, thù hận, nô lệ, vong thân...

Những đáng tối cao, có lẽ đã ngủ quên cùng với chân lý.

Tôi đã mỏi dần với lòng tin. Chỉ còn lại niềm tin sau cùng. Tin vào niềm tuyệt vọng. Có nghĩa là tin vào chính mình. Tin vào cuộc đời vốn không thể khác.

Và như thế, tôi đang yêu thương cuộc đời bằng nỗi lòng của tên tuyệt vọng.

phụ khúc da vàng

(Lời tựa tập nhạc "Phụ khúc Da vàng")

Phụ khúc Da vàng là những khúc hát viết thêm, tiếp nối ca khúc Da vàng trước đây. Những khúc hát này đứng ra không nên có, nhưng bởi trên những con đường, những thành phố và những xác chết của tháng 5 (1972), một lần nữa, tôi không thể nào quên đi tiếng kêu thất thanh của đám người cùng khổ. Cuộc chiến đã không muốn ngừng, và có lẽ còn mang nhiều bộ mặt mới mẻ, thảm khốc hơn.

Phải chăng những hồi chuông báo tử chưa đủ làm mềm lòng cuộc sinh sát.

Ta sẽ không bao giờ còn thấy bóng dáng của vinh quang - Vì trên những xác chết của anh em sự vinh quang phải giấu mặt.

Tôi không còn muốn nhắc nhở đến lòng nhân đạo và lương tâm con người. Những tiếng đó chỉ còn gọi lên cho những kẻ khốn cùng nơi đây hình ảnh của tên lang băm và phu đám tang.

Nhân loại đã biết rõ, tuổi trẻ Việt Nam không thiếu lòng dũng cảm. Một tuổi trẻ chịu quá nhiều thiệt thòi nhưng rất ít những lời thở than.

Nhưng hôm nay, tôi đã thấy thấp thoáng dưới những trũng mắt sâu của tuổi trẻ chiến trường chấp chờn những mối tư nghị. Có điều gì bất tường đang chớm nở trong lịch sử.

Không phải chúng ta thiếu lòng tin, nhưng tôi tự hỏi, chúng ta sẽ còn thấy điều gì trong những ngày sắp tới.

Sài Gòn tháng 11-1972

có nghe ra điều gì

Nỗi bất hạnh lớn nhất của chúng ta là luôn luôn có một kẻ thù để chống lại. Trong suốt hành trình của lịch sử, những kẻ thù mang tên khác nhau. Bất hạnh lớn dần để trở thành hiểm họa khi hai kẻ thù nghịch mang cùng một tên chung.

Tôi chưa bao giờ được biết về sự công bằng. Nhưng tôi muốn rằng những xác chết anh em phải được chia đều lòng thương tiếc. Trên những nhân danh chúng ta không cúi đầu, nhưng chúng ta phải quàng vòng hoa phúng điếu cho phận người hiu hắt. Chân lý chưa biết nằm ở đâu, nhưng tôi tin rằng chân lý không đến từ bạo lực.

Đời sống Việt Nam đã dạy chúng ta những bài học vĩ đại. Dạy biết từ một tấm lòng nhỏ nhen đến một tâm hồn cao cả. Dạy từ mưu toan giết chết một người đến kế hoạch giết chết hàng vạn người. Chúng ta biết rõ từ một tên hề mặt phấn môi son đến một tên nguy quân tử.

Làng mạc, núi rừng đã thành đấu trường. Phố thị làm sân khấu.

Thời thơ ấu, qua những bài học lịch sử, lòng tôi xao xuyến biết bao về những tấm gương ái quốc. Tôi đã yêu mến những biên giới quê hương

như vòng tay người mẹ ôm hôn che chở đàn con. Lòng tôi, những biên giới cũng được dựng lên từ đó. Không phải những biên giới của thù hận mà chỉ là làn mức địa lý chia những cuộc chơi riêng đầy quen thuộc và thân ái.

Lớn lên, tôi dần dần rơi vào những hoài nghi. Những hoài nghi như đám mây đen, đe dọa cơn bão lớn. Tôi biết rằng khi cơn bão đến, những gì đẹp đẽ được nuôi dưỡng từ ấu thơ sẽ bị cuốn phăng đi.

Đã bao nhiêu năm tháng tôi ngồi nhìn những mùa nước lên. Thành phố Huế mỗi năm đều có những cơn lụt. Một đôi lần lụt lớn, nước nguồn ồ ạt mang về bao nhiêu của cải của rừng sâu: voi, cọp, bò rừng, trâu, gỗ quý... Vốn liếng ẩn giấu của thiên nhiên lao đi trong một tốc độ cuồng nhiệt. Tất cả đều ngỡ ngác, lạc lối, trần trụi.

Nhiều lần, tôi đã mong được thấy những giá trị hào huyền, bén rễ sâu xa trong tâm não tôi, được tống ra ngoài, trong cách thế đó.

Tôi không phải là kẻ dễ mất niềm tin, nhưng trong tôi, rất vô tình những trái độc đã làm mùa của chúng.

Tôi đã đi qua nhiều thành phố của quê hương. Mỗi nơi đều có những đêm gặp gỡ cùng tuổi trẻ. Chúng tôi nuôi dưỡng hy vọng và gửi đến nhau sự phân ưu chung bằng tiếng hát. Chính trong lúc, khi tiếng vỗ tay đập vào nhau nhịp nhàng và đều đặn cùng tiếng hát, lòng tôi bỗng chùng lại trong một ải ngại vô bờ. Tôi bỗng muốn thu mình thành một bóng tối nhỏ trước những con mắt trong sáng vây quanh. Với những trái tim quý báu kia, có thật tôi đã mang đến một điều gì tốt đẹp?

Chưa bao giờ tôi có ý nghĩ tự đề nghị với mình một trách nhiệm quá lớn. Nhưng khi đã lỡ nhận chịu những cảm tình nồng hậu từ đám đông, thì những tình cảm kia phải được đền bồi.

Quanh tôi, bỗng dựng những chân song được dựng lên. Những chân

song dù êm ái nhưng làm mỗi mệt. Mỗi mệt vì tôi biết rõ mình chỉ cưu mang nổi một tiếng thở than quá ư phù du từ một con tim bén nhảy. Đời sống chung quanh thì tự bản chất vốn hủy hoại và vô tình. Tôi không đủ là một con đê hay một báo hiệu mới mẻ.

Nhưng dù sao, mọi sự đã lỡ. Lịch sử đã lỡ lên đường và tôi cũng đã lỡ để một bàn chân trong cơn xung động.

Mọi sự hoàn tất đều có đôi chút bị hiểu lầm. Người trong cuộc mới thấu hiểu được cái tang thương của từng kết quả. Lịch sử có niềm đau riêng của nó. Cá nhân cũng có cái xót xa riêng. Bởi lẽ chưa có một tổng hợp đích xác nào về thân phận con người. Vũ trụ luôn luôn biến đổi, làm sao toan tính nổi. Cho nên điều hiển nhiên là mọi sự thành tựu càng lớn lao, càng ẩn giấu niềm tuyệt vọng.

Mỗi dự phóng về hạnh phúc con người đều là nguồn cội của hố thẳm. Luôn luôn có sự nhảm lẫn về chữ nghĩa. Người ta đánh bóng sự đồ vờ và gọi đó là niềm bi tráng của phận người. Dự phóng càng lớn, càng dài càng xa cách con người. Và tất nhiên càng mở rộng hố thẳm. Đến lúc đạt được đỉnh cao thì chính là lúc kề cận nhất với vực sâu. Và có thực sự đó là một đỉnh cao?

Vì thế, tôi gọi những kẻ muốn lấp biển và trời là những con người đam mê tuyệt vọng. “Mọi đam mê đều vô ích”. Đam mê tuyệt vọng dẫn ta về hư vô. Bao nhiêu cánh cửa hư vô đã mở toang cuối những chặng đường đẫm máu của lịch sử nhân loại. Những thế hệ về sau, khi lần giờ lịch sử ông cha, giữ cái án chung thân trong ý thức cùng niềm im lặng. Từ đó, nói đến ý thức trong thời đại chúng ta là muốn nhắc lại cái ý thức về sự tịch lặng. Sự tịch lặng của những vết thương trời đất và trong lòng. Cõi vô âm của mọi chủ thuyết, mọi triết lý. Đời sống đã mất hẳn sự bình an. Những con đường nhân sinh không có chốn đến. Sở tại chính là sự ra đi. Ra đi để biết rằng què quán chỉ là tiếng hoàng oanh trên đời người khổ hạnh. Là một an ủi thoáng qua. Là “nền cũ lâu đài bóng tịch dương” để ngậm ngùi.

Trong đời sống chúng ta, thiếu gì những trái tim vững chãi. Đâu thiếu những ý lực siêu nhân. Mỗi khi ý thức được vót nhọn người ta có cảm tưởng sẽ bắn rụng những niềm tuyệt vọng chung quanh. Nhưng hơi ơi, niềm tuyệt vọng đã ẩn trú trong đường bay của ý thức đó. Ý thức càng được vót nhọn, niềm tuyệt vọng càng đào những hang sâu. Trái tim con người, nếu không biến thành mộ địa, sẽ vang lên tiếng tru thảm thiết của loài sói.

Những ngày mệt mỏi tôi thường tìm về bên một dòng sông. Nơi thành phố của quá khứ. Một quá khứ chưa đủ dài nhưng đã thừa thái tang thương. Thành phố trên bề mặt yên tĩnh có những cơn sóng ngầm đáng ngại. Những ngọn lửa ủ dưới tro than, đã liên tục tạo những cơn phong ba, đã làm bật rễ những triều đại.

Những hoạn nạn, qua nhiều thời kỳ không đếm xiết. Nhưng mỗi lần có cơ hội trở lại đời sống bình thường thành phố lại mang khuôn mặt thơ mộng và nhẹ nhàng của những ngọn phong lau trong thành cổ.

Về những năm sau này thành phố có vẻ tiêu điều hơn trước. Mỗi cơn hoạn nạn thường mang đi ít nhiều bạn bè. Tôi như con bệnh kinh niên, mỗi lần trở về tỉnh dưỡng, có cảm tưởng về thăm một cố tri hơn là một thành phố. Về xác xơ như khởi chung từ một mối. Không như ngày xưa, tôi vui chơi trong thành phố. Bây giờ chúng tôi song hành trong niềm tự lự.

Ngồi bên dòng sông, nhiều đêm tôi nghe ra những đổi thay quá lớn. Huế quả thực đã biến đổi rất nhiều. Những cuộc biến đầu vô hạnh đã giết chết phần nào tình cảm đẹp đẽ nơi đây. Huế ngày xưa ấm áp biết bao. Nay đã quá lạnh lùng. Về lạnh lùng sương phụ. Trong những hoàn cảnh nghiệt ngã người ta không còn nhìn nhau bằng con mắt cũ. Đã thấp thoáng thấy dưới những trũng mắt năm xưa, những bình phong e ngại. Ngờ vực là phải. Thời đại của đổ ỹ, ty hiểm đã thành hình từ bao giờ mà không hay. Không phải chỉ riêng nơi đây. Nơi nơi đều thế. Tôi đã qua nhiều thành phố. Đã góp mặt. Cuối cùng mới vỡ

lê ra, mỗi nơi đều đã thành tựu những sâu khấu và những đấu trường bỏ túi. Những tướng tích được soạn sửa cẩn mật. Mỗi người đóng đảm ba vai trò. Đám giả hình múa những đường gươm vừa khắc nghiệt vừa chu đáo.

Nhiều đêm trở về, xương sống bỗng buốt lạnh. Bởi đâu đây, luôn luôn sẵn sàng những nhát dao không minh bạch. Phải sống thường trực trong khí hậu như thế làm sao khỏi e dè.

Tôi biết rõ phần nào mình đã đuối sức. Những tiếng hát hân hoan nhiều khi chỉ để lấp liếm sự phiền não. Có cái gì gần như những vết hoen trên một phía của nạn đời. Dường như tôi đang ẩn thân ở mặt đời không kiêu hãnh. Nơi có nhiều bóng tối và sự tròn lẩn vô liêm.

Không phải mọi chọn lựa đều bế tắc. Nhưng tôi không đại gì tự dẫn mình đến một pháp trường bất xứng. Trong cuộc sống nhiều nhượng nơi đây, sống đã là một cách chọn lựa. Ai cũng có một lần phải tay với cuộc đời. Cho nên những chọn lựa nhỏ nhặt chỉ làm hao mòn ta thôi. Nếu đủ sức gương cung, hãy chọn mũi tên định mệnh.

Tôi rất buồn bã khi nhìn thấy những tâm hồn đẹp đẽ quanh đây bị cuốn hút vào những chọn lựa trào lưu. Những chọn lựa có vẻ đẹp bề mặt. Những chọn lựa không can dự gì với ý thức. Hay nếu có, chỉ là loại ý thức con vẹt.

Trong cách thế đó, chọn lựa chỉ còn có nghĩa là hủy hoại. Tự hủy và kéo theo những cái chết thanh xuân.

Tôi không có ý ngờ vực lòng can đảm. Nhưng tôi sợ hãi ngộ nhận.

Hãy chọn lấy lời phán xét. Nếu cần làm tên tử tội, ta chỉ là tên tử tội của định mệnh riêng tư. Đừng mơ mộng trên xương máu. Chưa bao giờ tôi nghe được một tiếng hát nói về sự sinh nở tốt đẹp của hận thù. Gắng che chở cho tâm hồn. Nấm hoang đã mọc quá nhiều trên đó.

Trong thành phố, mùa hạ có những cơn bão qua. Một ít mùa màng và hoa quả không đậu. Vào buổi lập thu, bỗng dưng những hồ ao quanh thành cổ thơm tho một mùa sen muộn. Những sớm mai âm u đi về dưới cổng thành, lòng tôi bất ngờ có những nỗi hân hoan kỳ lạ. Một cái gì gần như niềm hy vọng vừa nhú lên. Tôi nghĩ rằng tuổi trẻ quanh đây, qua những bất hạnh quá đủ, sẽ tạo dựng được cái mùa muộn màng của sự thật. Sẽ khởi công từ những ước mơ chân thật. Những phát biểu mới sẽ là những đường gươm sắc bén chém rung huyền thoại. Mỗi bước đi tới tuổi trẻ tự cư mang lấy mình, không nương nhờ nữa. Mỗi người là hy vọng của chính mình. Giải thoát quyết liệt khỏi những khối nam châm phù thủy. Bấy lâu, sự sợ hãi đã làm rêu phong trên đời ta. Những sự thật tối tăm được chờ che an toàn. Những nhảm lẫn không bị truy tố. Có lẽ không phải vì thiếu lòng can đảm. Chúng ta dường như là những đứa con quá tình cảm, không nở buộc tội ông cha.

Nhưng đã muộn. Chúng ta đang chênh vênh trên con dốc hủy diệt. Cái gia đình chung đã có lắm điều tồi tệ.

Chúng ta được thương xót từ mọi phía. Được vỗ tay từ khắp nơi. Bị chê bai cũng lắm. Nhưng sá gì những lời bình phẩm kia.

Hãy bắt đầu phá bỏ đấu trường. Phá bỏ sân khấu. Vờ tuồng đã quá dài. Bao nhiêu năm nay, chúng ta đã nuôi nấng tình cảm nhân loại bằng tấn thảm kịch quá lớn. Không thể tiếp tục làm những diễn viên giác đấu nữa.

Chúng ta hiểu rõ hạnh phúc ở đâu. Trên con đường đã qua tuyệt nhiên không có.

Dù thế nào cũng đã ra đi. Chỉ xin được ra đi êm ái. Những đứa con nhân loại đã thật sự mất dấu về quê quán cũ. Đã bao nhiêu sa mạc. Sa mạc quả là mênh mông. Chúng ta đang cần chút nước cho hành trình. Những thiệt thời đã đủ lớn lao. Điều cần nhớ là đừng để cả một dân tộc bị hụt hơi vì vô vọng.

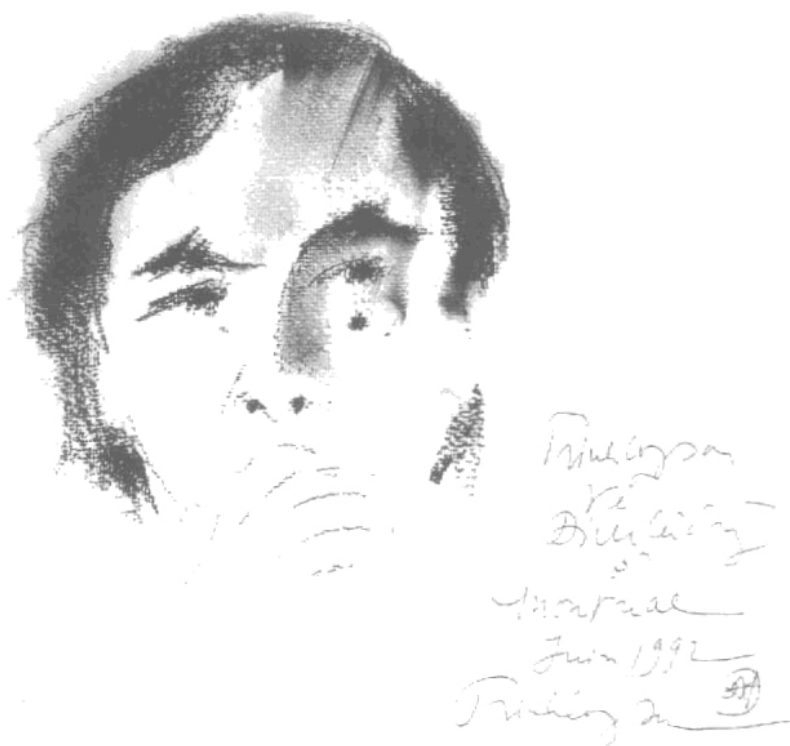
định cường

Đã hơn mười năm, kể từ những ngày còn lang bạt cùng bằng hữu, những chuyến xe đồ thoăn thoắt đi về, nổi lên tiếng chim cao nguyên với loài hải âu vùng bể. Rối lời sóng chưa kịp tan đã vội vàng nghe ra điệu suối. Kỳ thú như một cơn gió lãng loạn.

Nhưng hôm nay gió phản nào đã đuổi sức. Những hoa tươi lá nõn, giờ đây, đã hết trong tôi những ngày phồn thịnh. *J'ai cueilli ce brin de bruyère - L'Automne est morte, souviens t-e-n^(*)*. Sự tàn úa kia một phần vì cảnh đời bức bách, phần khác bởi chúng tôi đã khéo chịu đựng thời gian.

Có một kẻ lì lợm đam mê kỷ niệm. Nơi tâm hồn hần, tôi sống sờ bắt gặp đứa bạn trẻ trung ngày xưa. Trên mảnh đất riêng tư, âm vang hơn mười năm kia vẫn còn tươi tắn. Nếu biết khóc hãy yếu lòng vào những phút này, nơi mà lòng ngưỡng vọng còn nguyên vẹn về một đóa quỳ, một loài chim lạ, một con đường hiu hắt sương mù...

Định Cường chính là kẻ không chịu lãng quên đó. Cường vừa ra đi vừa ở lại. Uống chén rượu hôm nay mà nhớ chén rượu ngày xưa: “*nhờ không*



Sơn rượu chiều Đôn Dương, bạn cùng ta uống cạn...". Biết trở về cũng là một cách tri ân những hội ngộ trong đời.

Có người họa sĩ quá cố nói rằng: Trước khung vải tôi mãi mãi là một đứa trẻ. Trong Đình Cường cũng có một thú hoàng tử bé suốt đời song hành với hắn. Khi tôi cầm đàn hát cho Cường nghe về cái cội nguồn kia của sông bể: "Từng lời bể sông nghe ra từ độ tuổi khe..." - thì lúc bấy giờ, tôi biết rằng chú hoàng tử bé trong Cường cũng đang sửa soạn trở về rong chơi trên những núi đồi, phố thị của quá khứ.

Tháng 7-1974

(*) Thơ Apollinaire (bài L'Adieu - Vĩnh biệt), Phạm Duy trong ca khúc *Mùa thu chết* dịch là "Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo/ Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi"

bửu chỉ

Trong những năm chiến tranh ác liệt nhất ở miền Nam, nếu ở địa hạt âm nhạc tôi viết những ca khúc phản chiến và khát vọng hòa bình thì ở phía hội họa, họa sĩ Bửu Chỉ gần như là người duy nhất vẽ rất nhiều về đề tài chiến tranh và hòa bình. Anh nổi tiếng vào thời ấy với những tranh nhỏ trên giấy vẽ bằng bút sắt mực đen. Tranh anh được in trên các tạp chí nước ngoài và gây được một dư luận rộng rãi.

Trong phong trào sinh viên học sinh ở Huế gần như Bửu Chỉ và tôi luôn luôn có mặt bên nhau. Chúng tôi cùng hát với nhau trong những đêm không ngủ, những ngày xuống đường và nhiều nhất là những buổi hát nuôi dưỡng hào khí ở quán cà phê Tổng Hội.

Bửu Chỉ, tự bản chất là một con người phản kháng. Anh không chỉ nổi loạn với chính bản thân mình mà còn muốn phá phách những trật tự xung quanh. Đó cũng chính là tiền đề cho những cuộc đấu thân không ngừng nghỉ trong cuộc đấu tranh thời chiến và bây giờ muốn tiếp nối con người ấy trong hội họa. Hội họa đối với Bửu Chỉ chính là đời sống



và đời sống với anh cũng chính là hội họa. Ngày xưa đã thế, ngày nay còn hơn thế nữa. Nhất là trong thời gian này. Cuộc sống đã đi qua. Thời gian đã đi qua. Đi qua nhưng không đánh mất mà ngược lại đã thai nghén một cái nhìn khác sâu thẳm hơn trong tâm tưởng về một số phận không thể nào cứu rỗi được trong định mệnh mỗi một con người. Tôi có cảm giác càng ngày anh càng đi sâu hơn vào sự nghiệt ngã của một sự chọn lựa bất khả kháng của chính bản thân mình, một sự lựa chọn hình như đã được định hình từ ngày còn trẻ, những ngày mà đấu tranh và nhà tù chỉ được xem nhẹ như một sự đam mê phiêu bồng phiêu nhiên của cuộc sống.

Đừng đòi hỏi ở Bưu Chi những gì không thuộc về anh. Cái gì chúng ta đòi hỏi hoặc tìm kiếm ở một con người chính là cái điều mà người ấy có chứ không phải cái của ta và càng không phải cái của tất cả mọi người.

Lại càng không phải cái mà người ấy sẽ có.

Hãy trả lại tự do cho mọi cuộc dẫn thân hoặc không dẫn thân. Cho mọi cái nhìn phóng khoáng hoặc trì trệ. Cho mọi trí tuệ hoặc u uất lạng lạng. Cho cuộc đời rộng mở hoặc khép lại.

Không có cuộc đấu tranh nào chấm dứt. Ở bề mặt của một số ao hồ, bề sông có thể yên tĩnh nhưng những cơn cuồng nộ ở đáy sâu vẫn sục sôi một đời sống riêng. Đó là nỗi đam mê sâu thẳm nhất của những tâm hồn muốn mãi mãi đánh thức mình, muốn mình mãi mãi là kẻ tỉnh thức để cuộc sống không còn giấc ngủ nào khác hơn là giấc ngủ của sấm sét.

Những điều tôi viết loang quanh trên đây hình như là nói về Bửu Chỉ. Nói về một người không thể nào nói hết dù cho kẻ ấy có như là hòn sỏi, cục sạn bên đường.

Bửu Chỉ đã đi qua con đường đấu tranh hiện thực trong cuộc sống cũ và bây giờ rồi rảnh thiên tọa đi đứng ngủ ngáy trong cuộc đời riêng để dẫn thân vào một cuộc đấu tranh mới. Cuộc đấu tranh siêu thực không bờ bến, chẳng cần lập ngôn gì cả, nhưng rõ ràng biên giới cuối cùng chính là tự tại bản thân.

Nói đúng về một người là điều rất tốt. Nhưng nói sai về một người lại có thể là một điều tốt hơn. Bởi vì cuộc đời chuyển động và cái sai hôm nay có thể là cái đúng của ngày mai hoặc là ngược lại.

“Bửu Chỉ nặng nề. Hình như là rất nặng nề. Sự nặng nề trong cuộc đời này biết lấy trong tình huống nào để đo lường đây.

Đo lường chỉ là cái cớ để những bức tranh mới của Bửu Chỉ nhảy cồm trong một cuộc truy hoan mới, một cuộc truy hoan vô tận về cõi chết hoặc nhẹ hơn, vào một cõi vô thường.

về giữa đồng hoang

Chúng tôi cập bến chiếc tàu lớn của Công ty tàu cước 2 sau bảy giờ ngồi bó chân trên chiếc tắc-răng chạy suốt trên con kinh lớn đổ về phía Đồng Tháp Mười.

Lúc bấy giờ đang vào tiết xuân, trời đất, sông nước, cảnh vật, con người cứ duyên dáng đẹp đẽ một cách tự nhiên không cần cố gắng. Vẻ đẹp ấy như một dòng nước rót thẳng vào cơ thể mình, đôi lúc còn như muốn vật ngã mình ra để làm đứa bé, trong phút xuất thần hồn nhiên la hét lên những tiếng đời sáng khoái giữa mệnh mông đất trời. Càng đi sâu vào Đồng Tháp càng thấy tâm hồn mình mở rộng ra theo cái bề rộng của cánh đồng ngập nước.

Suốt dọc bề dài trên hai mươi cây số của con kinh đã hoàn thành nối liền Hồng Ngự - Phước Xuyên bao giờ cũng có thể thấy trên đầu mình giăng lượn từng đàn nhạn trắng xám. Loại hải âu nước lợ này cùng với cò trắng, én đen và nhiều thứ chim chóc khác làm cho bầu trời luôn

luôn lao xao, sinh động. Với cuộc vui chơi bất tận của ngày hội chim chóc đó, bầu trời không thể biết đến sự nghỉ ngơi.

Đến giữa Đồng Tháp Mười trời đã về chiều. Đứng giữa cảnh trời đất bao la, bẽnh bồng sông nước, tâm hồn con người bỗng mềm mỏng hẳn đi. Cái màu chiều thơ mộng một cách oan trái đó lại khiến cho lòng mang mang một nỗi nhớ nhưng gì không rõ.

Hai ba chiếc tàu sắt ghép lại tựa sát bờ kinh làm thành một nơi ăn chốn ở của anh em công nhân tàu cuộc. Bờ kinh được đắp đất dẻo vét từ lòng kinh sâu thành một dốc đôi thoải thoải. Trên mặt đất vun cao đó đã mọc lên nhà cửa mọc lên cây xanh. Đã có mặt những loài gia súc quen thuộc. Vịt từng đàn tắm mát giữa lòng kinh cùng bảy trẻ. Chó, gà luân quần ở trên cao. Heo phi thoải mái theo sườn dốc, nhanh như một con ngựa con lộn giống. Cái sinh hoạt quen thuộc đó cứ nhân dần lên dọc theo bờ kinh tùy thuận cái nhu cầu tìm đất sống của con người. Tôi đã thấy ẩn hiện đằng sau cái cơ ngơi còn đơn sơ này của đoàn cư dân một thị trấn tương lai đầy hứa hẹn duyên dáng.

Phía bên kia bờ kinh là bờ lúa và cỏ dại. Tháp thoáng trong đám cỏ dai lất phất những mẩu hoa vàng, hoa trắng. Lúa trái rụng ngút ngàn trên cánh đồng nước. Từ chỗ đứng của tôi, theo đường chim bay chỉ còn cách biên giới Campuchia có mười cây số nữa thôi.

Đêm xuống, cơm nước xong, đoàn văn nghệ “nghiep dư” của chúng tôi sửa soạn kèn trống đàn địch để phục vụ anh em công nhân và bà con ở quanh vùng. Chỗ hát là một sàn tàu được nâng cao. Những ngọn đèn pha rọi sáng ở vùng trình diễn. Chung quanh, đất, nước chấp chờn mờ ảo trong ánh trăng non. Tiếng đàn tiếng hát vừa cất lên, vang xa qua những cái loa khuếch đại, thì đã thấy những đốm sáng nhỏ từ từ bị hút dần về phía tàu. Rồi hiện rõ dần ra dưới bóng đèn dầu những mũi ghe, những khuôn mặt. Khung cảnh trước mắt bỗng huyền hoặc hẳn đi. Cả người hát lẫn người nghe như được gói lại trong một xứ sở nào của mộng ảo.

Sau buổi hát, những mũi ghe, những mặt người, những đốm sáng lại từ từ biến đi trên mặt nước, trên những mô đất thấp cao. Tất cả những điều ấy đã diễn ra một cách mơ hồ, không thật. Người hát có cảm giác là mình chưa hát và quán chúng đi về lạng lẽ ở dưới kia có thật đã đến nghe hay chưa?

Chương trình văn nghệ lại tiếp tục với anh em công nhân trong ca-bin dùng làm chỗ ngủ. Hát cho đến lúc đèn không được phép sáng nữa mới chia tay.

Đêm Đồng Tháp lạnh quá. Mặc áo choàng ngoài, rồi cuộn tròn trong chiếu vẫn không ngủ được. Tôi trở dậy ra đứng ngoài boong tàu nhìn con trăng khuya. Trăng giờ này có vẻ đã sáng thêm lên. Cả một cánh đồng nằm ngủ ngon dưới ánh sáng màu sữa nhạt đó. Một sự tĩnh lặng êm ái phi thường khoác nhẹ lên những đời sống mộc mạc và cần cù. Cái không khí yên tĩnh hòa bình này không thể không làm nhớ lại nơi này đã từng là điểm lửa qua hai mùa kháng chiến. Biết bao hy sinh, mất mát ở chốn này. Thiên nhiên cũng cùng chung số phận đó. Rừng tràm bao nhiêu lần đã bị đốt ngang cũng đã xanh tươi trở lại - Những bãi sen hồng sen trắng dài hàng cây số cũng lại nở hoa kết đài. Không có một bạo lực nào có thể hủy diệt sự sống vì sự sống thì mãi mãi và bạo lực thường có một đời sống không dài. Cảnh đồng (Đồng Tháp) này đã có một số phận đáng nghĩ suy. Nó có một quá khứ rục rở và một hiện tại đang thành hình.

Tôi tự nghĩ không hiểu ngày mai rời khỏi nơi này về lại thành phố, tôi còn giữ lại được gì về Đồng Tháp? Hành lý có thể quá nặng. Những cô gái chèo xuồng che đầu che mặt bằng chiếc khăn rằn xám trắng mà nụ cười chỉ còn nhìn thấy qua đôi mắt. Những ghe xuồng nặng trĩu lúa chờ về bãi đập. Những xuồng cá xuôi dòng kinh về những phố thị xa xôi. Hay những công nhân trẻ trung đến từ các miền đất nước để đào vét dòng kinh. Những con người đến khai hoang một vùng đất mới (trong đó có những cô gái đẹp dễ xinh tươi rất yêu âm nhạc), hay những bãi sen hồng sen trắng, những bầy nhạn, bầy én, đàn cò. Có lẽ nhớ hết bởi

vì tất cả đã trở thành kỷ niệm.

Chỉ còn một điều băn khoăn là không hiểu bao giờ mình mới được dịp trở lại nơi này và vẻ đẹp thơ mộng của Đồng Tháp cho đến bây giờ sao vẫn còn rất ít người biết đến.

Lúc về tôi đã viết ca khúc “Về giữa đồng hoang”.

Lời bài ca:

*Đồng hoang lồng gió nghiêng nghiêng cánh cò bay
 Nhận về mùa nước lên cao nổi chân mây
 Từ những mùa kháng chiến
 Rừng xưa tràm đã lớn
 Đầu xuân hồng giữa mênh mông cánh đồng sen
 Lòng nghe nặng trĩu no nê lúa đông - xuân
 Nhiều ghe thuyền mang cá
 Về những phiên chợ xa...*

Những bạn nào cán có bài hát này mời ghé lại Hội Văn nghệ.

Tháng 8-1982 (Báo Tuổi Trẻ, số ra ngày 2-9-1982)

về một thành phố tôi đã xa

Gần ba mươi năm tôi chưa trở lại với Quy Nhơn. Cái ý niệm về thời gian bao giờ cũng gây cho tôi một nỗi buồn. Đạo ở đó tôi còn trẻ và tôi yêu biển vô cùng. *Biển nhớ* là bài hát tôi viết cho những đường phố Quy Nhơn. Những đường phố và biển và một người bạn gái hàng đêm cùng tôi ngồi nhìn biển. Điều ấy bây giờ đã trở thành quá khứ nhưng trong tôi Quy Nhơn vẫn còn rõ như một tấm gương. Một tấm gương mà tôi có thể nhìn thấy tôi trong ấy.

Tôi soi vào quá khứ và tôi nhìn thấy tôi ở biển trong những ngày biển động và biển lặng. Tôi nhìn thấy tôi lang thang trên đường phố Quy Nhơn một mình. Một mình đánh billard ở đường Võ Tánh. Một mình nằm ngủ trong căn nhà trọ vào giờ giấc mà mọi người sum họp vui vầy với nhau.

Đạo ấy còn trẻ mà sao cô đơn quá sức. Thành thạo người bạn gái đến gọi cửa trong giấc ngủ lưng chừng và bảo tôi đêm nay trăng đẹp quá hãy

ra ngoài biển ngồi chơi. Biển Quy Nhơn đẹp nhưng hơi bẩn. Người bạn ấy bây giờ chồng con bé bộn hay nhàn nhả, không hiểu khuôn mặt ấy giờ đây như thế nào. Đừng nhắc lại quá khứ vì mỗi lần nhắc lại thì lòng trống trải buồn thiu.

Có những căn nhà trống gió thổi lùa qua mọi ngõ ngách. Tâm hồn con người cũng có lúc gió lạnh cũng lùa quanh. Đừng nhắc lại dĩ vãng. Nó đẹp nhưng không ích lợi gì cả. Chúng ta sống cho mỗi ngày hôm nay. Hôm nay cũng là quá khứ và chúng ta cố giành giật với thời gian để biến ngày hôm nay thành một hiện tại vô tận.

Quy Nhơn có những tháp Chăm đứng một mình lặng lẽ nghìn năm *"mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ"*. Cái giấc mộng dài nó buộc con người không được quên và phải nhớ về những dấu tích đã in thành vết không tàn phai trên tâm hồn mỗi con người. Tôi luôn luôn là người đang tri. Tôi đã quên nhưng vẫn có kẻ tình tảo không bao giờ quên bất cứ một điều gì cứ mãi quanh quẩn cuộc đời tôi để nói khê vào tai tôi điều tôi không muốn nhớ nữa.

Quy Nhơn không hiểu còn thơ mộng như thời tôi những năm hai mươi tuổi? Cái tuổi ấy nhìn gì mà chẳng đẹp. Tôi vốn yêu người và yêu thiên nhiên. Có thể rất gần đây tôi sẽ chuẩn bị một chuyến trở về Quy Nhơn để tán ngẩn ngồi nhìn một bờ biển của những ngày xưa, lúc một hạt cát cũng đủ làm tôi cảm động.



Nguyễn Tuấn qua tri nhớ của Trịnh Công Sơn, Orléans, Pháp - 1989

*Tôi tin rằng ông cụ Tuấn đã hiểu những gì cụ
cần phải làm. Cái phút định nói thêm một đôi
điều nữa thì cụ đành phải chọn sự tịch lặng của
vô ngôn.*

nhớ nguyên tuân

Thuở đương thời, cụ Tuân và tôi kết nghĩa làm bạn vong niên. Thế mà cũng đã già một con giáp. Trời đất sinh ra con người sống chết biết thủy chung. Tôi chỉ trót lỡ một chuyến bay mà lỡ hẳn cả một phút gần gũi cuối cùng trong chuyến đi dài của cụ. Ngẫm cho cùng, thế cũng đã gọi là phụ nhau rồi.

Ngày trước, trong những lần gặp mặt, tôi để ý cụ chẳng ăn uống bao nhiêu. Chỉ nhìn ngẫm, ngẫm ngợi, và luận bàn tán tỉnh món ăn món uống thì nhiều. Ly rượu ngon rót ra để đấy. Món ăn bày ra cũng để đấy. Con mắt tinh tế chỉ gửi đi một cái nhìn điếm đạm trên cái uống cái ăn, thoáng qua, rồi thu lại.

Có những trang văn học không chứa chan, hào sảng vì thiếu bóng dáng của ly rượu. Có những cuốn sách miêu tả một đời người mà lại không bày nổi một món ăn ngon. Biết đâu lại còn có cả những nền văn học không biết khóc.

Hình như cụ Tuân luôn luôn muốn bình thường hóa mọi tình huống của cuộc đời. Cái chết từ lâu đã không còn làm ai ngạc nhiên. Chiến tranh đã là một phần đời bất trắc của nhân loại. Thế thì người ta không thể chờ đợi giải quyết mọi sự bất ổn của thế gian xong mới làm việc khác.

Những chuyện đời thường mà cụ Tuân áp ủ, tiếc thay, đã không có và không còn dịp để biến thành chữ thành câu trên trang giấy. Phút này nghĩ lại thấy tiếc đã không ghi chép được gì. Hóa ra, trong sự bất lực

của bút giấy, cụ đã cô tình mượn những buổi gặp gỡ trò chuyện lan man với một vài người để kể những chuyện đời chưa viết được. Cụ đã làm lại cái công việc của bậc hiền giả ngày xưa để lại cho đời những trang bạch tự. Người tri kỷ thì đọc thấy mà kẻ vô tâm thì không.

Chữ nghĩa ngấm cho cùng cùng là một thứ thị phi nó buộc vào mệnh người rồi thì không gỡ được. Nhưng đã có những bữa ăn không có thật trong đời thì còn trách móc làm gì những dòng chữ đã tồn tại chỉ vì một giấc mơ còn con đời khi không có thật cho hạnh phúc mỗi thời của con người mà tồn tại.

Tôi tiếc thương cho những tâm hồn rộng mà cả cuộc đời không chạm được với bao la. Những tình tế của tình cảm bị thui chột vì sự dung tục. Những khao khát độ sức với vô biên bị dồn nén.

Cái cơn khát của cụ Tuần cũng là cơn khát của nhiều người. Nhưng khi đã phải biến cơn khát thành cái đạo thì âu cũng là một phần nào đã xóa được tội với đời và cả với bản thân mình nữa.

Tôi tin rằng ông cụ Tuần đã hiểu những gì cụ cần phải làm. Cái phút định nói thêm một đôi điều nữa thì cụ đành phải chọn sự tịch lặng của vô ngôn. Không thể làm kẻ thời cơ để một lần nữa sống sai cái đạo lý làm người của mình. Cụ đã chọn ra đi ở cái lúc mà cụ biết rằng trong con đường văn học đã có những sự giả dối của một niềm tin vô ngại ở cuối đời.

Trong cái dòng suy tưởng miên man về lẽ sống tôi ngờ rằng cụ Tuần đã cảm thấy quá lẻ loi. Cụ Tuần là kẻ cô đơn nhuộm màu Đông phương đã mang vào những năm sau cùng của đời mình cho một niềm lặng lẽ riêng tư không cần biện giải.

Cụ có thể viết hàng trăm câu chuyện nhưng vở kịch về đời mình cụ không viết lại được nữa. Có một sự xui xẻo nào đó đã làm bong gân và cụ bước lệch chân trên đường. Từ đó mọi sự như người ta vẫn thường nói là cụ không còn tìm được một sự hài lòng nào nữa giữa mình với chính mình.

phác họa nguyên quang sáng

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một thực tế có thể chạm đến được và từ đó có quyền yêu thích hoặc không. Tôi quen anh từ sau ngày đất nước thống nhất. Người ta có thể yêu văn phong người này và khước từ một lối hành văn khác. Tôi là kẻ yêu loại văn chương trắng lẹ. Ở Nguyễn Quang Sáng khó tìm ra cái thủ pháp đầy quyến rũ của chữ nghĩa. Người ta đã nói và nhắc lại nhiều lần trên sách báo: Văn là người. Trường hợp này rơi xuống đúng đời-văn-đời-người của Nguyễn Quang Sáng. Nói như thế nào, nghĩ như thế nào, và sống như thế nào thì viết thế ấy. Mặc dù phải xa đến mấy mươi năm dòng sông Cửu Long mạnh khỏe, đỏ rục phù sa, nhưng trong văn chương của anh vẫn là văn chương của kẻ tha thân trên những dòng sông Nam bộ.

Nếu tôi không nhầm lẫn quá thì hình như địa lý của mỗi miền thường ảnh hưởng, thậm chí qui định độ bền, chiều sâu, chiều dài của tác phẩm mỗi một con người làm văn học. Miền Nam, theo tôi, ít người viết truyện ngắn. Chín con rồng đầy đủ phù sa như thế làm sao mà thu gọn súc tích trong vài trang giấy cho được.

Nguyễn Quang Sáng là kẻ tinh quái hồn nhiên đời ở ngoài địa lý và ở ngoài không gian qui định, làm mộc mạc mà tinh tế những chuyện mình và chuyện đời như một quà tặng gọn ghẽ nhỏ nhắn, muốn chuyển đến cho mọi người một cách thâm lặng.

viết bên bờ loiret

Tôi đã nhớ Paris dù chưa bao giờ gặp. Tôi nghĩ về Paris đã từ lâu lắm. Những dòng suy nghĩ đã trôi đi, không có ngày hẹn. Trôi đi.

Đời sống đã trôi đi đã trôi qua như bây giờ trước mắt tôi là lặng lẽ. Những con thiên nga cũng trôi đi trên dòng suối này. Lười biếng trôi đi mà vẫn giữ cho riêng mình một vẻ đẹp không thể nào trách móc được. Lac des Cygnes. Ballet về cái chết của thiên nga. Tháng 5 trời đất để huê một bầu không khí ấm áp rất thuận lợi cho một cơ thể ốm yếu như tôi. Paris ổn quá. Ổn ào một cách hơi hỗn dối với những tâm hồn tỉnh lặng Đông phương. Tôi thích phố xá nhưng không phải là một loại phố xá làm đau đớn đời sống riêng tư của mình. Vẻ Orléans nghe chim chóc ca hát quanh đời. Những cây platane già những cây platane trẻ phủ xuống một nỗi nhớ nhưng riêng.

Tháng 5 những lớp da bệnh hoạn được sười ẩm. Những giọt máu dưới làn da kia đã trối dậy ca hát một mùa không tuyết phủ.

Tôi không có ai để nhớ và cũng không có ai để quên. Tôi đã nhớ một đời

và đã quên hết nửa đời. Những con thiên nga làm tôi nhớ những đôi chân đẹp. Đẹp một cách lạnh lùng tự nhiên vì màn đã khép, đôi chân đã về và tôi cũng trở về với chốn riêng tôi. Người ta chia sẻ vẻ đẹp và người ta cũng chia sẻ nỗi khổ đau. Nhưng sự bất khả tư nghị (l'empensable) không ai chia sẻ được.

Paris là ước mơ của một thời tuổi trẻ nhưng giờ đây ước mơ ấy không còn ở lại với tôi. Hóa ra giấc mơ và sự thật không phải là một.

Người ta có thể yêu nhau và ghét nhau nhưng xin đừng hãm hại nhau. Tôi sợ lắm những gì mang đến bất hạnh cho con người. Hãy cố gắng mang đến cho nhau những giấc mơ, những giấc mơ làm nên hạnh phúc. Đi đâu, đến đâu cũng chỉ thấy những nụ cười. Những nụ cười như đóa hồng đưa bé cầm trên tay đi qua đường phố rực rỡ một lòng yêu thương vô tận. Chúng ta hình như thừa bao lực nhưng lại thiếu lòng nhân ái.

Buổi chiều tháng 5 dòng suối Loiret chảy nhẹ nhàng. Đi bộ từ bờ này sang bờ kia còn dễ dàng gấp nghìn lần những mùa lụt ở Huế. Buổi chiều ở Orléans bỗng nhiên tôi thương nhớ quê nhà quá. Có những cái đầu không bình tĩnh lắm sẽ trách móc tôi vì sao ở một nơi sung sướng như vậy mà vẫn nhớ nhà nhớ quê. Than ôi, quê nhà chính là tôi rồi, tôi biết làm sao được.

Paris ơi, đã một thời tôi yêu Paris lắm dù chưa gặp. Nhưng bây giờ Paris sẽ là một trong muôn vàn kỷ niệm của tôi. Đừng buồn, vì Paris vẫn là Paris và tôi có thể chỉ là một người quan sát nghèo nàn chưa hiểu được những gì trong lòng một Paris muốn giấu kín.

Tôi không còn trẻ và Paris vẫn chưa già. Paris hãy mãi mãi giữ gìn một Paris như thế và tôi, tôi cũng sẽ mãi mãi giữ gìn một sự mất đi không cần thiết cho cuộc đời.

thơ viết ở paris

Bài Ca Dung Dừng

Nếu có một điều gì cần nói giữa Paris

Tôi nói:

Nhà đẹp, nhà cửa đẹp,

những căn nhà không biết nói cười.

Thân thể đẹp đi nhanh qua phố phường nhiều tiếng động những cặp
giò dài uyển chuyển như rắn

Đẹp muốn khóc, muốn khóc vì buồn đời quá ngắn không thể ngồi hoài
bên vệ đường nhìn những ống chân.

Những ống chân dưới những thân thể mắt mũi tóc tai đẹp như một
thách thức với cuộc đời.

Ta đẹp nên đời đẹp

Đời riêng ta ngắn

vậy đời dài để làm gì

Ta cứ buồn

và đời cứ đẹp dừng dừng.

Paris, 31-5-1989



Trịnh Công Sơn ở Paris (1989)

Cho Trịnh

Xin em ngủ thật “triển miên”
Tôi về giữ lấy bình yên nỗi buồn

Paris, Jun 1989

paris, một hôm bước chân về gác nhỏ

Paris, quận Năm, Rue Monge. Một đêm. Nhiều đêm bước chân về gác nhỏ. Rue d'Estienne d'Orves Ivry. Điện thoại số 45.21.17.41. Những đêm bước chân về gác nhỏ. Montparnasse. Saint Germain des Prés. Ngoại ô Paris route de Montreuil. Orléans Route de Saint Mesmin. Bước chân về gác nhỏ.

Về gác nhỏ. Nhiều gác nhỏ ở Paris và nhiều hôm bước chân về một gác nhỏ xa lạ, tạm trú, không phải của mình. Những gác nhỏ ngày xưa tôi đã về ở Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, Qui Nhơn, Đồn Dương... Những gác nhỏ không cùng kích thước ở nơi này nơi nọ và tôi đã về nhưng không hiểu vì sao tôi phải về. Phải về có phải là một mệnh lệnh cho những bước chân đã đi và sớm muộn gì cũng mỏi.

Tôi đã mỏi chân và phải về ở những gác nhỏ quê hương. Tháng sáu năm một ngàn chín trăm tám mươi chín tôi lại mỏi chân và phải về những gác nhỏ ở Paris.

Đêm Paris trời mùa hạ tím. Uống cốc rượu ở quán Lipp Saint Germain des Prés nghe người chủ quán nhắc về những thân chủ đã khuất như

Albert Camus, Jean Paul Sartre... Nhạc thấy Jean Louis Trintignant (tài tử cinéma) bước ra khỏi quán, lưng rộng còng xuống.

Một hôm bước chân về gác nhỏ chợt nhớ đóa hoa tường vi... Paris không chắc gì có hoa tường vi nhưng có thể nhớ tạm hoa millepertuis màu vàng và allsse trắng tím...

Một đêm trước khi bước chân về gác nhỏ, uống xong một ballon rouge (chát đỏ) tại quán Lipp (trước mặt là café Flore rất nổi tiếng) tôi bỗng chợt hứng thú viết vài câu thơ trên giấy chùi miệng:

Paris
Phố xưa bệnh hoạn
Tường xám
ta đi
lặng lẽ bên đường

Hàng cây platane xanh
muộn màng
tri nhớ

dừng vội
em ơi
những con đường cũ

dallage
màu xám buồn

ta còn biết nói gì
về một ngày không hò hẹn

rendez-vous
một terrasse vắng

một terrasse không người...

Mỗi ngày tôi đều bán rế thời gian ở những café-terrasse để nhìn nhân loại đi lại trên vỉa hè. Một thứ nhân loại đủ màu sắc, đủ quốc tịch ngược xuôi vội vã hoặc thong dong. Thong thả là du khách. Vội vã là dân parisien chính cống. Trong đám người ấy có nàng Evelyne xinh đẹp trốn Đại học Lyon lên thăm tôi một ngày.

Paris rộn rã nhưng bên bờ sông Seine, ở đài kỷ niệm, có một thứ Paris lặng lẽ ngậm ngùi. Người ta đã ghi về những người đã chết trong trại tập trung thời đệ nhị thế chiến:

“Họ đã đi đến ở phía kia trái đất và không còn trở lại” (Ils allèrent à l'autre bout de la terre ils ne sont pas revenus).

Ở đó, từng phút giây có mãi một dòng nhạc vừa đủ để che chở cho nỗi sầu thảm của con người

Qua phố Belleville gặp Kim Phụng, chủ nhân cực kỳ xinh đẹp của cửa hàng bán áo quần thời trang hiện đại nhất tại Paris (báo *Tuổi Trẻ* đã có giới thiệu). Tôi lại ra quán Lipp uống rượu và làm thơ:

Paris Kim Phụng xứ người
Đừng ngồi như một tiếng cười lẻ loi

Ở Paris, nếu được hướng dẫn tốt, bạn sẽ không thiếu gì cơ may để được rơi xuống trước vô số hồng nhan lịch sử Việt Nam.

Và tôi đã loanh quanh như thế cho đến một đêm bước chân về một thứ gác nhỏ không phải của mình. Cái gác nhỏ ở trên con đường gì đó tôi không còn nhớ tên. Vài tháng hoặc nếu có nhớ đi chăng nữa thì cái gác kia cũng không vì thế mà bỗng dưng lại rộng thêm ra vài thước vuông nữa.

Tôi đến cái gác nhỏ ấy và chưa kịp ngồi xuống đã lãnh đủ một trận mưa

rào trên vai. Một thứ mưa nước mắt được kết tụ từ đám mây xa xứ, từ những kỷ niệm thân tiên của một thời phiêu lãng hồn nhiên, từ những rối rắm không thể biện giải của những uẩn khúc tâm hồn, từ những... từ lúc xa xưa gần gũi bất khả tư nghị của lịch sử, từ những điều chưa nói, muốn nói mà không nói được, từ cái lỗi của người này cái sơ sót của người nọ, từ cái phù du của vật chất cái khắc nghiệt của tinh thần, từ cái không mà có cái có mà không... Và cứ mưa đi những cơn mưa từ thiện của sự trong lành. Mưa và tâm hồn được rửa sạch.

Cơn mưa đi qua, đôi mắt ráo tạnh, Khánh Ly ngồi xuống cạnh tôi cùng vài người bạn. Và cũng chỉ như thế thôi, đủ quá rồi, chúng tôi ngồi hát với nhau như xưa kia đã cùng hát thâu đêm.

Có điều lạ là trong phút bất ngờ gặp gỡ ấy, sau mười mấy năm, không ai thắc mắc về sự sống nơi này nơi nọ của nhau. Cứ như là một câu chuyện bỏ dở hôm qua, hôm nay tiếp tục. Không hề có một chút đoạn trường ở đây. Cuộc đời bỗng dừng nhẹ nhàng, dễ thở. Tốt đẹp bất ngờ.

Tôi gặp Khánh Ly hai lần cũng ở căn gác đó. Gặp anh Phạm Duy một lần ở một căn gác khác. Ăn uống, ca hát và nhắc nhở nhau gắng giữ gìn sức khỏe.

Đời sống vốn đôn hậu và rộng lòng.

Tôi lại trở về với căn gác nhỏ của tôi ở phố Monge cùng với những giấc ngủ không mộng mị. Mỗi sáng lại thức dậy cùng những niềm vui khác, những xao xuyến khác. Những bữa ăn sáng được gói cẩn thận trong giấy màu của Chi. Những buổi trưa trò chuyện cùng Trâm, Biên, Ánh, Hương, Michiko...

Và dù ở Paris hay Sài Gòn tôi vẫn mỗi ngày bước chân về gác nhỏ để nhìn lại mình hôm nay, tìm lại một chút mình của hôm qua, và nghĩ về mình những ngày sắp tới.

sóng nhạc

Có những bậc cấp nối liền những bậc cấp khác, lên cao lên cao và dẫn đến một ngôi đền.

Những bậc cấp cũng có khi đưa ta về một căn nhà quen thuộc, nhỏ nhắn.

Mưa rơi xuống những bậc thêm vang lên những âm thanh buồn tẻ.

Nắng đổ xuống những bậc thêm cho ta một nỗi nhớ nhung. Có những con đường nối những con đường. Những con đường lớn những con đường nhỏ.

Có những ngôi nhà nối những ngôi nhà. Những mái nhà, những cửa sổ. Những tầng nhà thấp đuổi theo những tầng nhà cao hơn.

Những con người trước mặt. Những con người sau lưng. Người người tiếp nối. Những người già. Những trung niên. Tuổi trẻ. Bé thơ.

Những ngày, tháng đuổi theo nhau. Mùa nắng, mùa mưa. Những chiếc lá thay màu. Bình minh. Đêm tối.

Những nụ cười, tiếng khóc chập chùng, âm vang bốn bề đời sống.

Những áo quần thời trang xô đẩy trên thân thể con người. Những trái tim diu dàng. Những trái tim cuồng nộ.

Những ảo tưởng vờn theo ảo tưởng. Số phận bay theo số phận. Cuốn cuộn âm thanh. Chập chùng màu sắc.

Biển gửi vào bờ những lớp sóng miên man, trùng điệp. Cũng như thế đời sống đã gửi đi những lớp sóng tín hiệu tăng tăng, lớp lớp.

Và cuối cùng, nơi đây, ở những trái tim gạn lọc, cũng như thế, muốn gửi về lại cho đời những con sóng hiền hòa hoặc đầy sinh lực. Những con sóng đã hóa thân thành tiếng hát mãi mãi gắn bó với cuộc sống của con người trên mặt đất hôm nay.

(Tập chí Sông Nhạc 5-1990)

bài hát đầu tiên bài hát cuối cùng

Lao Động Chủ Nhật mời nhạc sĩ Trịnh Công Sơn góp mặt trong LDCN Xuân Tân Mùi. Anh hỏi: “Viết gì?” Một ý nghĩ chợt đến: “Hay là anh kể cho bạn đọc về bài hát sáng tác đầu tiên của anh...” Đã có “bài hát đầu tiên”, ắt phải có “bài hát cuối cùng”... Thế là LDCN đã đặt luôn câu hỏi thứ hai này với Trịnh Công Sơn.

Ngạn ngữ Pháp có nói rằng cái gì bắt đầu tốt thì sẽ kết thúc tốt. Tôi không hiểu trong những địa hạt như kinh tế, xã hội, khoa học như thế nào nhưng trên lĩnh vực văn nghệ đôi khi hoặc nhiều khi nó không hoàn toàn như thế... Có không ít những trường hợp người nghệ sĩ đã khởi đầu rất hay và kết thúc rất tệ.

Tôi bước vào đất đai của nghệ thuật tương đối sớm. Từ tuổi mười ba

mười bốn tôi đã làm những lưới sóng liếm láp mạn thuyền văn nghệ. Trong huyết quản tôi có thể thời ấy đã luân lưu những lượng máu bất bình thường.

Sau một vài biến cố lớn của gia đình tôi bắt đầu một cuộc sống riêng tư không phẳng lặng.

Và từ đó tôi rơi vào một cơn mộng mị triền miên.

Có một câu hỏi, với tôi, đã trở thành nỗi ám ảnh: Bài hát đầu tiên của anh là bài gì?

Câu hỏi buộc tôi phải trở về những năm tháng xa xôi. Nhưng khi về đến nơi ấy, trong thời điểm ấy, thì vô tình tôi lạc mình về một quá khứ khác xa xăm hơn nữa. Và rồi tự hỏi: Cái đầu tiên ở nơi nào mà có và điều gì đã sinh thành ra cái đầu tiên kia?

Bài hát “Ướt mi” được Nhà xuất bản An Phú ấn hành tại Sài Gòn năm 1959, Thanh Thúy hát quanh những phòng trà và nổi tiếng. Thời ấy hình như Nguyễn Ánh 9 đã có lúc đệm đàn piano cho Thanh Thúy hát. Thanh Thúy trở thành giọng hát liêu trai. Anh Nguyễn Văn Trung, giáo sư triết thời ấy ở Văn khoa cũng đã từng có bài viết về một tiếng hát liêu trai Thanh Thúy.

Thế thì, cố nhớ lại và tôi đã nhớ một lần nào đó, trong phòng trà, năm 1958, tôi thấy Thanh Thúy hát “Giọt mưa thu” và khóc. Bà mẹ Thanh Thúy dạo ấy lao phổi hằng đêm nằm hát “Giọt mưa thu” chờ Thúy về. Nhưng những giọt nước mắt ấy như một cơn mưa nhỏ trên tấm hôn mỏng mảnh của tôi đã khiến tôi phải lùi xa hơn nữa về một cõi đời nào còn xa xôi hơn đã từng làm tôi nhỏ lệ...

Phải có một nỗi tuyệt vọng nao đó khởi đầu để tôi không ngừng dan diu với những giọt nước mắt của đời làm của cái riêng tư. Eva ăn trái cấm và sự sống thành hình. Tôi e cũng đã từng nuốt những giọt nước mắt để

biết tận tình nói về những giọt nước mắt kia.

Rất nhiều bài hát đã được viết trước bài “*Ướt mi*” nhưng riêng bài “*Ướt mi*” thì tồn tại như một số phận của nó và của tôi. Hình như người Nhật rất thích nó vì dàn nhạc giao hưởng Nhật đã thu bài hát này. Riêng tôi không thích lắm.

Dù sao thì trong những năm 1959-1960 trong thành phố này nhiều người đã thích và hát.

Người ta có nhiều lý do để thích một bài hát đầu tiên của một tác giả đề rồi không quên thắc mắc: Thế thì bài hát cuối cùng của anh là bài gì? Sẽ như thế nào? v.v...

Sự kết thúc của mọi câu chuyện đời đều không giống nhau. Tôi vẫn thường muốn trẫm mình trong cái lẽ vô thủy vô chung nhưng người đời cứ thích níu kéo tôi về trong cái lẽ thời hữu hạn.

Trên đường băng chạy có cái đích để mình đến. Trong nghệ thuật thì khác. Cái cuối cùng có thể là cái vô hạn và biết đâu, nó đã từng có trước thời hạn mà mình không ngờ.

Sự bắt đầu không có trước có sau mà thương nó nằm ở điểm mà mọi cơ duyên cùng hội tụ.

Tôi không hề có ý định viết bài hát cuối cùng bởi vì tôi nghĩ rằng thời điểm cuối cùng là điều mà mình không thể nào bắt gặp được. Nếu vì một lý do nào đó tôi buộc mình phải lên đường để viết những ý nghĩ cuối cùng của mình trong một ca khúc thì tôi tin rằng vào lúc đó tôi sẽ cố gắng cời trôi mình thoát khỏi mọi hệ lụy của đời để sống chứ không cần phải nói thêm một điều gì nữa.

Bài hát cuối cùng có lẽ sẽ chỉ mãi mãi là một giấc mơ. Một giấc mơ buồn thảm mà chúng ta cần phải quên đi để mọi thứ biên giới trong cuộc đời

trở thành vô nghĩa và nó sẽ không còn tồn tại như một lời thách thức kiêu hãnh nữa.

Bài hát đầu tiên và bài hát cuối cùng, ngẫm ra cũng chỉ là những bọt bèo vô hình vô tướng. Chúng ta vui chơi với nó và chúng ta quên đi. Có kẻ gieo cầu có người nhặt được. Kẻ nhặt được không chắc là vui mãi. Kẻ không được cũng chẳng nên lấy đó làm điều.

Hơn ba mươi năm trước có một bài hát đầu tiên, như một trái cầu gieo, có chắc gì hạnh phúc? Không chắc gì hạnh phúc thì sao lại cần phải có bài hát cuối cùng?

12-1990 (Bảo Lao Động Xuân Tân Múi-1991)

tìm và gặp...

Những tháng cuối năm 90 có nhiều phòng tranh trong thành phố. Tôi có hai người bạn thầy thuốc triển lãm tranh của họ cùng với một bệnh nhân là họa sĩ.

Một trong hai người thầy thuốc nọ viết trong phần catalogue của mình: Tôi đi tìm thuốc trong hội họa. Tại sao không? Tìm gì mà chả được. Người muốn đi tìm thì bất cứ ở đâu cũng tìm, bất kỳ từ một sự vật gì, dù nhỏ nhoi đến mấy, cũng tìm.

Kẻ vô tâm thì đang ở trước mặt cái muốn tìm cũng không thấy.

Chưa tìm được thuốc trong lúc này thì ắt phải bắt gặp được lòng trắc ẩn.

Không thấy lòng trắc ẩn biết đâu lại không tình cờ nắm được ngọn nguồn của một thứ tình yêu.

Những người bạn tôi đã may mắn tìm được thuốc.

Bệnh nhân họa sĩ kia đã được vực dậy từ một cơn đau trầm kha không tìm ra manh mối, mặt mũi. Thế rồi người thầy thuốc nọ mang giả vờ đến, lấy màu sắc phủ đầy lêntoile. Thấy thuốc và con bệnh trao đổi với nhau về những thứ lẽ đời, lẽ đạo, lẽ người. Rồi cuối cùng là lẽ sống để vẽ và là vẽ để sống. Và cứ thế, cọ, dao, màu cứ chấp chùng không ngơi nghỉ cho đến lúc người bệnh đã từ thế giới màu sắc bước ra như một con người khác.

Đã có biết bao nhiêu câu chuyện quanh cái sự vẽ vời để cứu người.

“Tôi đã đi tìm tôi trong âm nhạc thi ca. Chưa thấy đủ khuôn mặt của mình.

Và tôi đã cố gắng rẽ về phía hội họa, tiếp tục lên đường, để tìm lại tôi.

Tôi đã dùng đủ mọi phương cách để tìm một chữ “mình” đã bị thất lạc, đã biến hình đổi dạng, trong muôn hình vạn trạng của cuộc đời.”

Như chuyện “Chiếc lá cuối cùng” của O’Henry. Chuyện kể có một nữ bệnh nhân đã kéo dài cái sống của mình bằng những chiếc lá rụng dần ở một cành cây ngoài khung cửa sổ. Khi trên cành chỉ còn một chiếc lá duy nhất, thì người bệnh nói với người thân của mình: “Nếu đêm nay, chiếc lá cuối cùng ấy không còn nữa thì em sẽ chết”. Ở phòng trọ bên dưới có một họa sĩ tình cờ nghe được. Nửa đêm, giữa trời tuyết lạnh, người họa sĩ bắc thang leo lên vẽ một chiếc lá vàng ở bức tường sát cành cây khô, khi chiếc lá thật đã rụng xuống. Sáng hôm sau, người bệnh thức dậy, nhìn ra cành cây và vẫn thấy còn chiếc lá vàng. Cô đã yên tâm và bảo rằng: “Như thế, là em vẫn còn có thể sống hôm nữa được”. Dĩ nhiên câu chuyện đã kết thúc bằng cái chết âm thầm của người họa sĩ nghèo bị còng lạnh...

“Tôi đi tìm thuốc trong hội họa” là điều không thể trách móc được. Và cũng chẳng có gì quá đáng khi nói lên điều này.

Và cuộc hành trình đi tìm thuốc trong văn học nghệ thuật không chỉ vì

một độ hưng nhất thời mà là cả một quá trình suy nghiệm. Phải đón đầu đang dở mình trong thành tựu này để hoàn tất mình trong một thành tựu khác, lớn hơn và cũng không ít phần khổ ải hơn.

Hãy biết đi tìm, nhấn nhục tìm kiếm sẽ có ngày thấy được. Dù ở đâu. Từ trong một hạt bụi đến cội trời bao la. Từ cái sờ mó được đến cội vô hình.

Tháng mười hai năm một ngàn chín trăm chín mươi, tôi cùng hai họa sĩ bạn rủ nhau tổ chức một phòng tranh.

Nhiều người đến phòng tranh và nói với tôi: ông vẽ như viết nhạc vậy.

Đúng.

Tôi muốn đi tìm cái phân-nhạc-không-nói-được trong hội họa của tôi. Nếu tôi có thể nói được tất cả mọi điều của đời sống, của con người, của thiên nhiên bằng âm nhạc thì tội gì tôi phải vợ vào cho mình thêm một tội lỗi nữa.

Tôi đã đi tìm tôi trong âm nhạc thi ca.

Chưa thấy đủ khuôn mặt của mình.

Và tôi đã cố gắng rẽ về phía hội họa, tiếp tục lên đường, để tìm lại tôi.

Tôi đã dùng đủ mọi phương cách để tìm một chữ “mình” đã bị thất lạc, đã biến hình đổi dạng, trong muôn hình vạn trạng của cuộc đời.

Có những ngày tháng tôi đã bỏ mình vào một cõi tịch lặng vô ngôn để thử nhìn lại rõ mình hơn, nhưng vô vọng.

Và tôi đã tìm đến với thế giới của im lặng và hội họa. Ở đây tôi đã bắt gặp một mảng đời của mình bấy lâu nay vẫn còn bị che giấu. Chính ở trong cõi màu sắc này, tôi đã chạm vào được cái chìa khóa Libido để mở

dẫn những cánh cửa vô thức của bản thân mình.

“Tôi đi tìm thuốc trong hội họa”. Câu nói của người bạn bác sĩ làm hội họa chưa phải là điều đáng vội bình phẩm, phê phán. Nghĩ cho cùng, rõ ràng cũng không phải là lòng ngòn.

Chúng ta có khi mất nhau và đã gắng tìm nhau trong cuộc đời. Chúng ta tìm tuổi thơ trong con gà đất tu huyết, trong cái lục lạc lưng tùng. Chúng ta tìm quên lãng trong tách cà phê, trong ly rượu. Tìm nỗi nhớ trong dòng nước, trên vài cầu, ở hè phố, trong màu nắng giọt mưa.

“Tôi tìm thuốc trong hội họa” cũng chẳng khác gì tôi đã thấy no trong đói, thấy ánh sáng trong đêm tối, thấy hạnh phúc trong khổ đau, thấy niềm an ủi trong hận thù, thấy cái thật trong sự dối trá.

Giờ đây, tôi bỗng thêm đi tìm cái vô thanh trong sự khoác lác.

31-12-1990 (Báo Tuổi Trẻ, số Xuân Tân Mùi-1991)

VU VỜ...

Một bài hát không nhất thiết phải buồn mới hay. Nhưng hầu như những bài hát hay cho đến nay ta còn giữ lại trong trí nhớ, thường có những giai điệu buồn.

Khi một bản tình ca buồn được ra đời không nhất thiết tác giả của nó phải sống trong một câu chuyện tình phụ. Nhưng thường khi, sau mỗi cuộc oan trái của tình thì người nhạc sĩ vẫn hay muốn xé vụn lòng mình thành những lời than thở. Lời than thở biến thành âm thanh. Âm thanh liên kết nhau thành giai điệu. Rồi giai điệu ôm lấy lời than thở kia cùng nhau đi qua một quãng đường ngắn để mang cái tâm sự riêng đến với đời chung.

Cái riêng không nhất thiết chỉ để dành cho một người. Một người thì không thể có tình yêu. Và không có tình yêu thì hạnh phúc đau khổ với ai. Không hạnh phúc không đau khổ thì âm nhạc mà làm gì?

Trong đời sống vì sợ mất nhau mà phải dự phòng than thờ trước. Than thờ như một dự kiến điều bất hạnh có thể phải xảy ra. Cho nên khi nói đến sự mất mát, có thể đó là sự mất mát của người khác chứ không phải của mình. Phút ấy cái chung bỗng chốc biến thành cái riêng và vì sao lại ai ngái không mang cái riêng để nhờ cội chung chia sẻ cùng mình.

Ai cũng biết than thờ. Than thờ là cái nghề chung của loài người mà không cần phải học. Không hề có cái ranh giới giữa than thờ chuyên nghiệp và tài tử. Trong nghệ thuật hình như nhà thơ và nhạc sĩ là những kẻ có năng khiếu về chuyện thờ than. Người viết ca khúc là đứa con riêng của cuộc hôn phối giữa thơ và nhạc. Nó thường hay mộng mị than thờ thờ than bởi nó biết rằng hạnh phúc chỉ là một dự báo của hư vô.

Hạnh phúc là một điều không bao giờ có thật. Nếu có thật thì những nhà tiên tri vĩ đại đã không nhọc lòng bịa đặt thêm Thiên Đàng và Niết Bàn để làm gì nữa.

Cái hạnh phúc ở trần gian chính là ý thức được khổ đau. Đau khổ nên cần phải biết rộng lòng với nhau hơn, tử tế hơn, độ lượng hơn, biết tha thứ, nhân hậu hơn. Bài học ấy không dễ gì, bởi cuộc sống cho đến nay điều thiện vẫn còn vắng bóng.

Có những bản thánh ca trong giáo đường. Có những bài kinh tụng niệm theo nhịp mõ. Người nhạc sĩ cũng muốn hát lên để xua dân đi điều ác.

(Đo Đưa-Sóng Nhạc, tháng 4-1991)



một cõi đi về

Triết học Ấn Độ nói rằng: Nếu ở nơi này vừa có một kẻ bỗngưng giàu lên thì lập tức ở một nơi khác sẽ có một kẻ mất hết sản nghiệp.

Chiều nay ở sân bay vừa đưa tiễn những người thân đi xa. Về nhà, người bạn tôi nói: ở nơi này vừa thiếu đi bốn người thì lập tức ở nơi xa xôi kia nhận thêm được bốn người...

Có một nỗi buồn ở nơi này thì sẽ có một niềm vui ở chốn khác.

Có một trái tim khổ nạn ở người này thì tất nhiên sẽ có một trái tim hân hoan ở kẻ khác.

Những ai đã đi đến với đời thì phải có lúc lìa xa nó. Một cô đi về...

Trong Phật giáo, một trong những “hạnh” cao nhất là hạnh bố thí.

Cho kẻ này nhưng sẽ nhận lại ở kẻ khác.

Thanh Tùng nói với tôi: Tôi muốn làm một điều gì đó thật tốt đẹp cho người đã khuất, người vợ một đời lo âu, tận tụy vì tôi.

Vợ Tùng đã một đời cho Tùng nhiều quá thì sẽ nhận được quà tặng ở một nơi khác. Tùng biết cách cho thì vợ Tùng sẽ nhận được. Những đứa con của vợ Tùng sẽ nhận được. Những thân quyến, bạn hữu của vợ Tùng sẽ nhận được.

Chết là sự tan biến của thể xác. Nhưng sống không chỉ là sự tồn tại của thân xác. Nhiều người còn sống mà tưởng chừng như đã chết. Nhiều người đã chết mà vẫn còn sống trong trí nhớ mọi người.

Trước khi mất vợ Tùng nói với tôi: Nếu khỏe, em về lại nhà và sẽ chỉ làm hai điều này thôi. Mang quà mỗi ngày cho những người nghèo đau ốm trong bệnh viện và chiều chiều làm đồ nhậu cho các anh với anh Tùng để nghe các anh nói chuyện đời, chuyện nghề thuật.

Trong câu chuyện đời chung, kẻ này quên thì người kia phải nhớ. Một ý tưởng chợt rất dễ làm mầm chuyển hóa cho một ý tưởng khác nảy sinh.

Cái mất không bao giờ mất hẳn.

Cái còn không hẳn mãi là còn...

con số trên tờ lịch

Từ trong bóng tối của buổi chiều nhìn ra khu vườn treo nhỏ nhắn của nhà tôi, người bạn nói trong tiếng mưa và tiếng sấm của trời: Bloc lịch nhà mình chỉ còn 83 tờ nữa là hết năm. Trên bloc lịch có ghi rõ con số 83. Tôi ngạc nhiên vì từ lâu không để ý đến điều đó. Tò mò tôi thử tìm xem bloc lịch nhà tôi. Trên tờ lịch ngày thứ tư tháng 10 năm 1991 có ghi rõ phía trên: số 282 được khoanh tròn lại.

Đây cũng là điều thú vị bất ngờ. Như thế trong thành phố chúng ta hiện đang có hai loại lịch với hai cách đếm thời gian. Một loại đếm từ hàng đơn vị đến trăm và loại kia ngược lại như cách đếm của những trung tâm không gian lúc cho phi thuyền bay vào vũ trụ.

Nhìn vào con số đứng đưng ấy bỗng thấy buồn. Tôi tự hỏi trong hai cách đếm ngược xuôi ấy, cách nào buồn hơn. Đẳng nào thì mỗi tờ lịch rơi xuống cũng mang một số phận như nhau. Và cái bloc lịch thì cứ móng dãn đi không cần biết đến sự đầy vơi của những con số.

Thử đếm ngược và nhắm mắt trăm tường tôi bỗng thấy mình lạc về những nơi chốn huyền hoặc của những thời tiết, những mùa màng, những trời đất của một thời trẻ trung, sung mãn. Một thời của những hoang tưởng hồn nhiên, của những vụng về thơ mộng. Một thời trẻ thơ rồi một thời mới lớn. Thời của những ra đi mà không cần toan tính nơi

đến, chốn về. Tôi thấy tôi chập chùng trên quảng đường dài ấy trong nắng, mưa, trong những buổi sáng, trưa, chiều, tối đầy hân hoan và cũng nhiều điều tuyệt vọng, hờn dỗi. Tôi thấy lại những khuôn mặt bạn bè cha mẹ anh em, cùng những người con gái cái thời chưa thất lạc, chưa mất mát... Thấy lại tất cả như trên những tấm ảnh chưa ố màu. Thấy lại như thấy lại cái khối nguyên vẹn tinh khiết của dòng kinh kim cương đầy sức sống của thác đổ... Tôi ra khỏi cơn trầm tưởng và... buồn.

Cách đếm thuận chiều tôi muốn dành lại cho những bạn còn ở trong lứa tuổi đôi mươi. Các bạn hãy sống và đừng bao giờ xa lìa những giấc mơ đẹp đẽ. Trong lúc bứt ra tờ lịch của mỗi ngày bạn hãy nhớ rằng tờ lịch ấy cũng mang đi một phần giấc mơ của bạn.

Có những tờ lịch oan khiên nhưng cũng có những tờ lịch nồng nàn hạnh phúc. Những tờ lịch thì vô hồn nhưng ngày tháng thì rõ ràng có khi tàn nhẫn với người này mà lại nhân hậu với kẻ khác. Và những tờ lịch chính là hóa thân của ngày tháng nên trong đó đã ngấm mang một số phận của bạn và tôi.

Những con số đầy vơi trên tờ lịch cuối cùng cũng mang đến cho ta một nỗi buồn hay niềm vui nào đó. Cho đến một ngày, một ngày mà sự cân bằng này không thể tồn tại nữa. Cái ngày không ai muốn chờ đợi mà tờ lịch chỉ còn lại một nhiệm vụ duy nhất là cho ta nỗi buồn. Cái ngày ấy là biên giới nào nùng mà mỗi tờ lịch bóc ra là một con sóng cuốn hút ta trôi dạt về những cơn mê sáng của nuối tiếc những đắng cay, hèn mọn, cùng những ân sủng mật ngọt của đời người.

Sự thăng trầm, con nước ròng con nước lên, sự đầy vơi của mỗi con số trên tờ lịch của mỗi ngày dù sao cũng cho ta một an ủi sau cùng là: có một thời ta đã sống với đầy đủ những buồn vui.

Dù sao, xin đừng trách những tờ lịch kia bởi chúng chẳng có tội tình gì cả.

những ý nghĩ rời của tháng 2

Dêm 14 tháng 2 tôi và người bạn ngồi yên lặng bên cạnh một bó hoa từ Đà Lạt mang về. Từ buổi chiều tôi đã nhận được những cú điện thoại từ Singapore, Canada và một vài nơi khác chúc Happy Valentine.

Đang lúc lưỡng lự chẳng biết làm gì với bó hoa trong ngày lễ của tình yêu này thì lại có điện thoại. Lại một cô bạn ở Hong Kong gọi về. Cô ấy giục: “Sao giờ này chưa ra khỏi nhà? Hãy kiếm một nơi nào đó để tặng bó hoa đi”.

Trong ngày lễ Valentine, ở nhiều nơi trên thế giới những người đang yêu nhau thường tặng nhau quà bằng vàng hoặc bạc.

Tôi hỏi người bạn: Đi đâu bây giờ?

Người bạn phá lên cười to rồi lắc đầu: Nghĩ chưa ra. Hóa ra để tặng được một bó hoa trong ngày Valentine chưa hẳn là một điều dễ dàng.

Sau 1 giờ chạy xe quanh thành phố, qua nhiều con đường, moi trí nhớ tìm một địa chỉ nào đó, cuối cùng bó hoa được gửi vào tay một cô bé không hề biết gì về Valentine's Day cả.

Thế là xong một ngày dành cho tình yêu. Một ngày duy nhất của một năm. Về nhà uống một ly bia để chấm dứt một đêm của một ngày. Và đi ngủ cái giấc ngủ của một đêm, một đêm của một ngày dành cho tình yêu, một ngày Valentine của một năm. Trước khi ngủ tự nhủ hãy chờ Valentine's Day của năm tới.

lễ hội tình yêu

Những ngày tháng này tình bạn và tình yêu mang đến một niềm vui sống lạ kỳ. “Hãy yêu như đang sống và hãy sống như đang yêu. Yêu để sự sống tồn tại và sống cho tình yêu có mặt”.

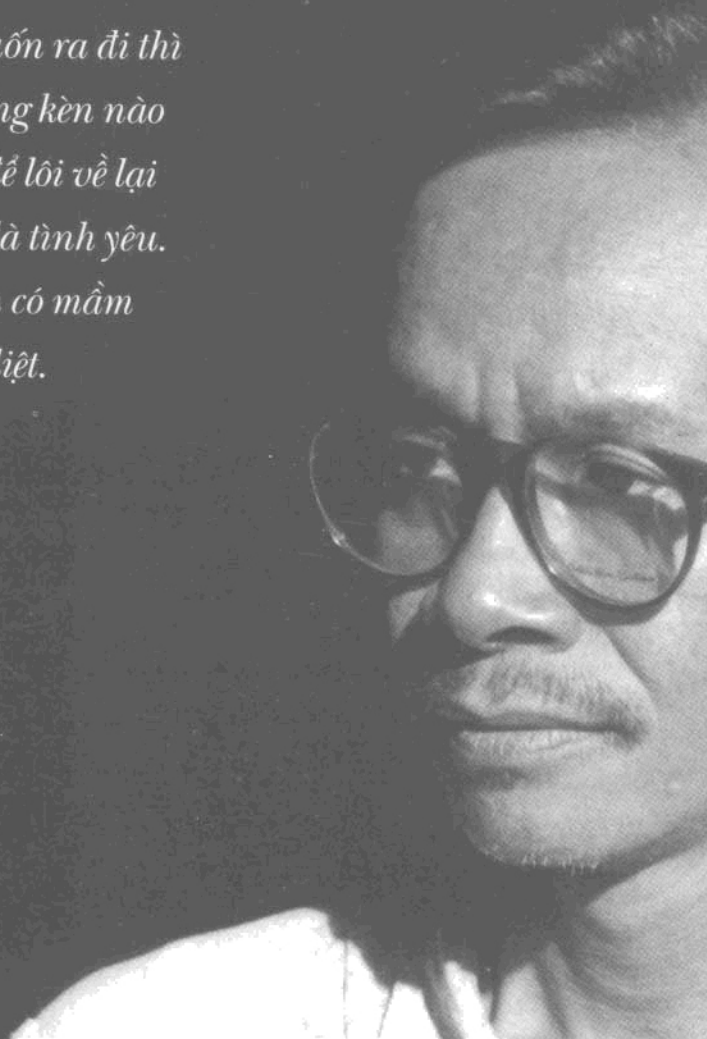
Có những cánh cửa mở vào hư vô và cũng có những cánh cửa mở ra những cảnh đời nhộn nhịp. Ta không khước từ hư vô và cũng không xa lìa cảnh nhộn nhịp của đời. Ta đã may mắn đi qua những tuyến đường đưa đến hạnh ngộ. Hạnh ngộ trong tình bạn. Hạnh ngộ trong tình yêu.

Nếu đã có một ngày sinh nhật dĩ nhiên sẽ có rất nhiều ngày sinh nhật nữa. Mà hình như trong cảnh ngộ cuộc đời riêng chung của chúng ta ngày nào mà không là ngày sinh nhật bởi vì cái màu sắc của lễ lạc đã tự bao giờ khoắc lên trên mỗi ngày chúng ta đang sống.

Xin cảm ơn cuộc đời và cảm ơn tất cả mọi chúng ta đang có mặt mỗi ngày bên nhau. Ly rượu nồng nàn của đời biết bao giờ uống hết được.

Tình yêu thường mang đến
khổ đau nhưng đồng thời
tình yêu cũng mang đến
hạnh phúc. Có một lá cờ bay
trên hạnh phúc và có một
đóa quỳnh héo úa ngủ trong
khổ đau.

Tình yêu khi muốn ra đi thì
không có một tiếng kèn nào
đủ màu nhiệm để lôi về lại
được. Tình yêu là tình yêu.
Trong nó đã sẵn có mầm
sống và sự hủy diệt.



Tình yêu thường mang đến khổ đau nhưng đồng thời tình yêu cũng mang đến hạnh phúc. Có một lá cờ bay trên hạnh phúc và có một đóa quỳnh héo úa ngù trong khổ đau. Cố gắng tránh đừng than thở. Thử thờ dài một mình và quên lãng. Ta không thể níu kéo một cái gì đã mất. Tình yêu khi muốn ra đi thì không có một tiếng kèn nào đủ mẫu nhiệm để lôi về lại được. Tình yêu là tình yêu. Trong nó đã sẵn có mầm sống và sự hủy diệt.

Tình yêu tự đến và tự đi, không cần ai điều dắt. Nó hoàn toàn tự do. Muốn giam cầm nó thì nó sẽ bay đi. Muốn thả nó bay đi có khi nó ở lại.

Vì có tình yêu nên có lễ hội. Người ta bắt đầu bằng những cuộc viếng thăm, lui tới, áo mũ xênh xang, bánh trái, lồng đèn, heo ngỗng... Những cuộc rước dâu pháo nổ đi ùng, trống kèn inh ỏi. Lễ hội mở ra trên đường, trong làng, trong xóm. Lễ hội mở ra cả trong lòng người.

Thường vào mùa thu là mùa lễ hội tình yêu. Có những lễ hội kéo dài suốt cả một đời người. Có những lễ hội có một đời sống đôi khi quá ngắn ngủi.

Đến một lứa tuổi nào đó, chia vui và chia buồn đều có một nỗi mệt nhọc như nhau.

chuyển hoán

Ở

vào thời điểm này, chuyện đi, ở, nghe ra đã nhuộm màu cũ kỹ. Kề ở người đi đường như chỉ còn là chuyện riêng tư của mỗi người, của câu chuyện đời riêng. Cái hăm hở của người này không còn làm xao động sự trầm tĩnh của kẻ khác

“Trong số bạn bè thân thiết của tôi, qua nhiều thời kỳ, số người ra đi nhiều hơn người ở lại. Những năm gần đây có người ra đi tưởng như muốn giấu kín một nỗi ân hận trong lòng. Đi mà cứ như muốn nhắn gởi lại một lời minh oan: đừng phiến trách mình nghe bạn. Tôi chẳng bao giờ có một lời trách cứ nào đối với bạn bè tôi. Tôi vẫn luôn nghĩ rằng những người ra đi ấy muốn thể nghiệm mình trong một đời sống khác.

Bên cạnh đó, có những con người, chỉ vì giao tế trong đời, tôi đã gặp. Họ là những người có học và thậm chí đã có những vị trí tương đối trong xã hội. Thế rồi, bỗng trong những bữa tiệc chia tay, họ ân nói

huyền hoang, họ mặc trước cho mình những phong cách thiếu khiêm tốn và họ cùng vẽ ra cho nhau những dự án huy hoàng, những buổi gặp gỡ thần tiên trên xứ sở xa xôi mà họ sẽ đến. Có điều lạ là thường những loại người này đều tập trung vào một nơi sẽ gánh vác họ là đất Mỹ.

Trước năm 1975 tôi có vài người bạn Mỹ. Họ đều thuộc thành phần trung lưu của xã hội đó. Họ yêu mến Việt Nam, và qua đó họ đã dành những tình cảm đặc biệt đối với tôi. Ở họ, tôi chưa hề một lần bắt gặp cái kiểu cách hợm hĩnh, phô trương như những người tương lai sẽ là Mỹ da vàng kiểu nói trên.

Trong xã hội, cái thành phần bị xem thường nhất là lớp người bị liệt vào loại du đảng, du thủ du thực. Thời còn trẻ, không hiểu cơ duyên nào đã đưa tôi đến chỗ quen biết khá nhiều những kẻ được sắp xếp vào thứ thành phần không được coi trọng đó. Tôi có một số kinh nghiệm về họ bởi vì chính bản thân tôi và cả những bạn bè tôi đã một vài lần được họ bênh vực và thậm chí che chở trước những hăm dọa vô lý của những bạo lực không đầu. Đó là những con người vì một oán giận hay một bức bách nào đó từ cuộc sống mà đã tự biến mình thành kẻ vô lại. Tôi gọi họ là những tên du đảng có tâm hồn. Và một ngày đẹp trời, bỗng những tên du đảng ấy khoác áo thiện tính bước vào cõi đời chung.

Cuộc sống càng dài thì mắt ta càng được nhìn thấy nhiều chuyện đời la lăm. Tâm hồn đẹp là tài sản chung của con người. Nhưng rõ ràng đã có những sự chuyển hoán của tâm hồn từ vị trí này sang vị trí khác, từ người này sang người khác. Đã có biết bao con người tưởng chừng tử tế đã biến thành kẻ vô lại và cũng không thiếu những kẻ vô lại chuyển mình thành con người hào sảng.

Tôi thường có cảm giác mình là một kẻ thiếu may mắn. Sống qua nhiều thời kỳ, ngoài cái vốn bạn bè ít ỏi, tôi thấy không ít những người vẫn dường như thiếu lòng tin cậy ở tôi. Và nếu như trong một ý nghĩa phù phiếm nào đó, tôi đã quan niệm cuộc sống như một trò chơi lớn nhỏ,

thì người đời thường ép tôi vào một cuộc chơi không sòng phẳng.

Vào những ngày cuối năm 90 này tôi bỗng muốn nhớ lại một chặng đường dài mình đã đi qua. Nhớ những khuôn mặt đã gặp, những tấm lòng đã thấy. Nhớ mà không vui. Bởi những lời đàm tiếu độc địa vẫn như những viên sỏi bắn vào thân tôi không chống đỡ. Từ một lời nguyên rủa nào đó, những lời vu khống đầy ác ý vẫn còn bay quanh đời tôi như những đàn ong độc.

Ở thời điểm này tôi không còn thấy có trong có ngoài vì mọi cánh cửa đời đã mở. Chuyện đi về giữa những sở địa xa xôi không còn là vấn đề thời thượng nữa. Ai rồi cũng sẽ gặp nhau. Duy chỉ có điều là làm thế nào để gặp lại nhau trong một niềm vui chất ngất mà không ngượng ngùng, ngượng mặt. Chúng ta hãy xếp lại những lời nói dối và tẩy sạch một thứ lòng oán hận không có niềm tin.

Tôi có đọc được một bài viết của anh Thế Uyên nói về chuyện anh đi và tôi ở lại. Tôi cảm ơn cách suy nghĩ sòng phẳng và rất dễ hiểu đó. Quả đúng là dù ở đâu chúng ta cũng chỉ có mỗi một công việc là làm nghề thuật. Cái nghiệp này xét cho cùng cũng không tối mà cũng chẳng sang. Không thiên đường không địa ngục. Chỉ có điều như người làm vườn tôi gắng thu xếp để chọn được cho hạt giống của mình một thứ đất phù hợp, một bầu khí hậu thuận lợi nhất cho hạt giống thờ được bằng chính lá phổi của nó, không vay mượn, không van xin.

Với tôi, sự tự do sau cùng của mỗi số phận là sự tự do chấp nhận.

Tháng 12-1990 (Báo Phụ Nữ, Xuân Tân Mùi-1991)

mái nhà

Hình như chữ “quê nhà” phải được hiểu là ở quê hương đó có một mái nhà của mình. Vì có một mái nhà nên dù lưu lạc ở nơi đất khách quê người thường vẫn có một nỗi hoài hương. Muốn về để được đặt bàn chân lên thêm, để ngắm nhìn lại những kỷ niệm đã trở thành linh hồn của mỗi nơi nằm, ngồi, đi đứng.

Căn nhà có thể nhỏ, lớn, rộng, hẹp nhưng những kích thước ấy phải mang đầy đủ linh hồn của mỗi đời người mới khiến mình tìm được đầy đủ sự yên lành khi trở về.

Mỗi căn nhà, khi có điều kiện, thường phải là một phản ánh gần như trung thực tâm hồn của con người cư ngụ trong nó.

Có người khách lạ đến nhà chỉ cần nhìn kiến trúc và cách bày biện, sắp xếp trong nhà (architecture et décor intérieur) có thể biết ngay chủ nhân của nó là ai, thuộc thành phần nào trong xã hội.

Trong những ngày bão giông, nắng cháy, mưa dầm, không thể nào không thấy gợn lên trong lòng một nỗi biết ơn thâm kín dành cho người đã nghĩ ra một nơi cư trú cho con người.

Không có bất cứ một sinh vật nào trên mặt đất này mà không có một nơi chốn cư ngụ riêng. Từ loài có cánh cho đến loài đi trên mặt đất rồi loài bơi lội dưới biển sông.

Con người vì một sự thông minh thiên phú đã biết biến nơi côi tam này thành một chốn cư trú đầy huyền hoặc. Nhà cửa, đền đài trên mặt đất cứ theo thời gian mà lung linh, biến hóa, thay hình đổi dạng theo sự sáng tạo của con người.

Mái nhà là một tiếng có một âm vang tình cảm sâu kín trong lòng mỗi con người. Chỉ có ở đó mình mới tìm thấy được mình đầy đủ nhất. Đó là cái nôi thứ hai ru mỗi đời người khi lớn lên. Vì vậy mỗi người phải cố gắng dùng bao giờ để dưới mái nhà ấy có một địa ngục. Vẫn có những kẻ đã rời bỏ mái nhà đi không một chút tiếc thương nhưng kẻ từ đó trong tâm hồn người ấy sẽ không bao giờ còn sự bình an nữa.

Dứt bỏ mái nhà để ra đi cũng như phụ rẫy một tình yêu. Mái nhà ở lại hoàn toàn vô tội. Mái nhà vẫn chờ cửa để đón người trở về nhưng người ra đi thì không bao giờ kéo được mái nhà về với mình nữa.

Có được một mái nhà riêng trong lúc sống là một hạnh phúc, nhất là mái nhà ấy là hình ảnh của chính mình.

Trong những ngày cuối năm này tôi cùng mấy người em suốt ngày đứng trông coi những người thợ xây mộ cho mẹ tôi. Mộ cũng là một thứ kiến trúc dùng làm nơi cư ngụ cho một người không còn sống.

Thường ở các nghĩa trang, mộ được xây theo kiểu mẫu đồng dạng. Đó là một loại nhà tập thể cho những người đã khuất. Nhìn vào thấy buồn, ngậm ngùi và sự vô nghĩa của cái chết càng vô nghĩa hơn.

Có một kiến trúc sư tôi không còn nhớ tên, cũng vì sự buồn bã trên, đã tự mình biến tất cả các ngôi mộ trong nghĩa trang mà anh có người thân đã mất thành những tảng màu đá ghép (mosaique). Và từ đó nghĩa trang trở thành một vườn chơi cho trẻ em. Người sống và người chết đã có một sự giao lưu mới và cuộc đời bỗng nhân ái hơn.

Tôi mong là mẹ tôi cũng vậy. Nhờ những người bạn kiến trúc giúp thể hiện trên bản vẽ những ý nghĩ của tôi và cũng là tâm hồn của chính mẹ tôi, chúng tôi đã có được một giường nằm cho mẹ thật nhân nhả, nhẹ nhàng và thanh thoát. Đó không phải là một ngôi mộ mà chỉ là nơi yên nghỉ của một con người. Ở đó không có dấu vết u ám của cái chết mà chỉ là lời từ biệt của một con người đã có lời hứa với riêng tôi sẽ còn gặp nhau ở năm 2000.

Kiến trúc không chỉ là cái đẹp mà phải mang trong nó lòng nhân ái nữa. Nghĩa là một cái đẹp có tâm hồn.

Tháng 12-1991

câu chuyện thiếu đủ

Đầu tháng 6 năm nay ở thành phố có những ngày mà những đám mây xám dày đặc và những cơn giông tố tức tối vẫn chưa đủ sức làm nổ tung ra những cơn mưa khí khái được. Không khí trở nên oi bức ngột thở.

Cơn mưa trở thành nỗi đợi chờ.

Cũng vậy, trong người sáng tác có những mùa hạn hán. Dự định một thời gian nào đó phải mang đến cho đời một vài tác phẩm làm quà tặng, nhưng rồi ý không chuyển thành nhạc, không biến thành lời được.

Sự đợi chờ bỗng chốc trở thành nỗi khát vọng.

Có một cái gì đó đã thiếu trong thiên nhiên để làm thành một cơn mưa đủ, thật đầy đủ.

Còn một cái gì đó chưa đủ để thành một ca khúc.

Trong sự luyện ái cũng vậy. Khi còn thiếu một điều gì đó thì chưa thể có tình yêu.

Tình yêu cũng có khả năng khơi dậy những cơn mưa. Những cơn mưa hạnh phúc. Những cơn mưa sâu muộn. “Đôi khi trên mái tình ta nghe những giọt mưa...”. Trong cái vũ trụ nhỏ bé ở mỗi con người, có rất đầy đủ mưa nắng. Vì nó còn mãi mãi thiếu rất nhiều điều gì đó nên không bao giờ nó trở thành đại vũ trụ được.

Vũ trụ bao la kia vẫn là nỗi thao thức không nguôi của mỗi thế - giới - đời - người - nhỏ mọn.

Trong lúc ở nơi này, ta đang chờ đợi một cơn mưa, một ca khúc chưa được sinh thành, một tình yêu chưa đến, thì ở nơi xa xôi khác vẫn có một cơn mưa phù phê, một ca khúc mỹ miều, một tình yêu lành lặn được ra đời.

Như vậy, ở nơi này là nỗi thất vọng nhưng cùng lúc, ở nơi khác là niềm vui.

Cái thiếu làm nên nỗi buồn. Cái đủ cho ta hạnh phúc.

Sự khôn ngoan trong cái vũ trụ nhỏ bé là ta bảo rằng: Không việc gì phải thất vọng.

Nhưng cả tháng 6 chắc chắn rằng phải có ngày cho ta một cơn mưa đủ. Nếu không thì làm gì còn có cái gọi là mùa mưa ở thành phố này.

Cũng như đến hạn kỳ người sáng tác phải cho ra đời những ca khúc. Nếu không thì anh ta không còn là nhạc sĩ nữa. Sự khôn ngoan trong mỗi người bảo rằng: hãy biết chờ đợi.

Riêng câu chuyện tình yêu thì tốt nhất hãy để mỗi người tự lo liệu lấy.

mùa xuân

*“Mùa xuân trên những mái nhà
Cỏ con chim hót tên là ái ân”*

(Đóa hoa vô thường - TCS)

Có những mùa xuân không có tình yêu. Có một mùa xuân có tình yêu. Khi tình yêu đến với người này thì ở nơi nào đó có một kẻ mất đi hạnh phúc.

Sự bất hạnh thương bắt đầu từ những điều đơn giản nhất. Từ một ngày bình thường như mọi ngày. Nhưng kể từ đó nỗi đau khiến một ngày không còn như mọi ngày nữa.

Mặc dù vậy tôi đã viết:

*“Một ngày như mọi ngày
em trả lại đời tôi...”*

Khi cuộc đời đã bị trả lại có nghĩa là một lá thư được gửi đi mà không bao giờ đến được địa chỉ của người nhận.

Từ đó sự bất hạnh khởi sinh:

*"Vi em đã mang lời khấn nhỏ
bỏ tôi đứng bên đời kia..."*

(Đêm thấy ta là thác đổ)

Mùa xuân và sự bất hạnh thường không đi chung với nhau. Nhưng trong mùa xuân vẫn có sự bất hạnh. Trong bất hạnh thì không thể có mùa xuân.

*"Mùa xuân trên những mái nhà
Có con chim hót tên là ái ân..."*

Đó chỉ là một lời chúc tụng giáo điều chứ không phải là sự thật. Đó chỉ là ước mơ chứ không phải là niềm tin. Đó chỉ là một lời hứa chứ không phải là chân lý.

Mỗi người tự dối mình để sống vì một thừa nhiệm vô hình nào đó của tôn giáo trần gian.

Mùa xuân và tình yêu không có liên hệ gì với nhau cả.

Mùa xuân có thể là cơ hội tốt cho tình yêu nhưng tình yêu thì không cần bất cứ mùa màng nào mới có được.

Trong thành phố, mùa thu là mùa của thiên hạ náo nức lên xe hoa. Có kẻ lên xe hoa thì cũng có kẻ đứng nhìn. Hạnh phúc và sự bất hạnh gặp gỡ nhau trong một ngày vô cùng lộn độn hoan hỉ.

Có một mùa xuân tình yêu ôn tồn đến.

Mùa xuân ấy mở ra những cánh cửa đời không còn hẹp nữa.

Mùa xuân ấy là mùa phục sinh của những giấc mơ.

Nhưng những cánh cửa đã mở ra sẽ có lúc khép lại. Những giấc mơ dù đẹp cũng có lúc hão huyền.

Không có mùa xuân nào giống mùa xuân nào.

Không có sự bất hạnh nào mang dáng dấp của một bất hạnh khác.

Trong tình yêu không có sự đồng dạng. Trong cái chết cũng vậy. Có cái chết của một cuộc tình nên cũng có sự bất hạnh trong một cuộc tình.

Tình yêu luôn luôn mới, không bao giờ cũ. Vì vậy sự bất hạnh trong cuộc tình cũng mỗi lúc có một khuôn mặt khác nhau.

Có cuộc tình mang đến cái chết nhưng cũng có những cuộc tình mang đến sự hồi sinh.

Sinh, tử trong tình yêu cũng là sự sinh tử trong cuộc đời.

Có hạnh phúc làm sinh nở mùa xuân.

Có mùa xuân mang tên bất hạnh.

Bất hạnh của người này cũng sẽ là bất hạnh của kẻ khác. Đời sẽ biết cân đối hạnh phúc và bất hạnh cho mỗi người. Hãy tự nhắc nhở mình không vui mừng mà cũng không đau đớn quá.

*Mùa xuân trên những mái nhà
Có con chim hót tên là ái ân...*

Câu hát này là lời nói dối cần thiết như những lời chúc tụng nhau trong những tấm thiệp mừng xuân vô tri rục rã đang được bày đầy trên những phố chợ của đời.

mông lung ngẫm nghĩ

Có một điều luôn luôn ám ảnh tôi, đó là lòng chung thủy. Trải qua những cuộc bể dâu của cuộc sống, tôi thấy niềm tin về lòng chung thủy đã làm thành một mùa băng rã trong tôi.

Có thể một ngày nào đó tôi không còn tồn tại giữa cuộc sinh tồn này nhưng tôi vẫn ước mơ một lòng chung thủy tuyệt đối.

Với tôi, sự chia xẻ tình yêu nằm ngoài những phẩm hạnh của một cuộc tình.

Như vậy, tôi là một kẻ ích kỷ, đáng nguyên rủa.

Có những người không bao giờ biết đến hạnh phúc. Họ có nhiều của cải và cứ giữ khư khư cho riêng mình, không muốn chia xẻ với bất cứ một ai.

Một ngày nào đó kẻ ấy không còn và tất cả của cải sẽ phân tán về những

nơi vô định.

Với tôi, sự ích kỷ ấy nằm ngoài những phẩm hạnh của cuộc đời.

Như vậy, tôi là một kẻ không muốn lòng ích kỷ, không mong làm kẻ vong thân trong chốn tù đầy của sự thoái hóa lòng nhân ái.

Có một kẻ đang bồng bênh trong chọn lựa giữa tự do và trong hôn nhân.

Kẻ ấy sâu muộn trong tự do và kẻ ấy cũng phiền muộn trong hôn nhân.

Với tôi, hãy để cuộc đời chọn lựa mình.

Như vậy, tôi là một kẻ buông thả, vô trách nhiệm.

Có một kẻ đang ở trong hôn nhân và thêm khát tự do.

Kẻ ấy đã từ bỏ một hôn nhân để tấp vào nhiều bến bờ hôn nhân khác.

Với tôi, kẻ ấy đáng thương và cần an ủi.

Như vậy, tôi là một kẻ lãng loạn và đáng trách.

Có một kẻ phản bội mà không nghĩ là mình phản bội.

Kẻ ấy không biết ý nghĩa của sự phản bội, không ý thức được sự phản bội mang đến đau khổ và đôi khi có thể giết chết một con người.

Với tôi, kẻ ấy đáng được tha thứ và cần được yêu thương nhiều hơn nữa.

Như vậy, tôi là một kẻ không bao giờ có thể mua nổi cho mình lòng kiên định về một ý chí phục thù.

Có một kẻ mang những lời yêu thương chân thật đi bán rẻ cho một con

người giả trá.

Kẻ ấy trước tiên là một con người sống ngoài đạo đời.

Kẻ ấy có thể là một kẻ vô luân

Kẻ ấy có thể là một con người hỗn nhiên vô tội

Với tôi, kẻ ấy đáng được chăm sóc như một con người lỡ tật nguyên trong cuộc sống.

Như vậy, bản thân tôi sẽ mãi mãi là một vết thương không bao giờ phai nhạt được trong cuộc đời.

Thang 3-1992

thư viết từ montreal không gửi

Montréal 1992.

Mỗi ngày ở Montréal của mình là một ngày phở xá. Sáng thức dậy muộn vì đêm nào cũng bè bạn anh em ngồi đến ba bốn giờ sáng. Thức dậy chưa kịp tắm rửa đã nghe phone reo. Không phải phone của cô nào cả mà của người bạn giáo sư dạy toán ở Đại học Montréal. Từ ngày mình qua anh Q. gần như bỏ lớp, và lại cũng sắp hè. Cái cung cách thầy trò ở bên này cũng hay hay. Có quán cà phê Campus ở gần đại học, ở đó gần như là quán ăn uống của sinh viên. Bọn mình hay ngồi ở quán này để sinh viên cân nhắc mắc gì về cái thèse sắp ra trường thì sang hỏi anh ấy: Thầy trò mày tau chỉ tớ với nhau như bạn về cái thèse doctorat. Anh Q. là directeur de thèse. Họ chơi với nhau thân tình và mình nhìn thấy trong mỗi giao lưu giữa người với người có rất rõ ràng cái khía cạnh của lòng nhân ái.

Có một lần, một người bạn khác cũng là giáo sư toán kinh tế ở Đại học Laval Québec về Montréal thăm. Mấy anh em ngồi lại với nhau ở quán Faubourg đường St Denis. Nhìn ngấm dân québécois đi lại trên phố mặt mày ai cũng hồn nhiên như trẻ thơ. Mình hỏi người bạn: ông ở đây đã mấy chục năm, ông có thấy dân ở đây hồn nhiên vô tư lự và dễ thương không? Anh bạn dạy học, đồng thời cũng là người làm thơ, cười cười: Cái thành phố không có anh hùng nó sản sinh ra loại người như vậy đó toa ạ! Thế là tất cả chúng mình luận quanh cái đề tài ấy. Đi trong một thành phố như Montréal rõ ràng là mình cảm thấy nó không nơm nản gì với quá khứ. Mình sang đây gặp đúng mùa kỷ niệm Montréal được 350 tuổi. Họ còn trẻ quá nên họ sung sướng là phải. Thời gian này Canada, cũng như mọi nơi, đang rơi vào thời kỳ kinh tế suy thoái. Mọi người dân lại phải đóng thêm hai thứ thuế trên mỗi món hàng mua sắm. Nặng nề là thế mà mặt ai cũng phơi phơi hân hoan.

Gần như quán hàng ở trên những phố chính như St Denis, St Laurent, Duluth v.v... mình đều có đến ngồi cả. Không có gì vui bằng ngồi một chỗ mà ngắm người qua lại. Dân du lịch đến đây cũng khá đông. Phần đông là dân Anh và Pháp. Dân châu Á thì hình như chỉ có người Nhật. Có lẽ người Nhật học lóm được câu nói khôn ngoan ngày xưa của dân mình nên đi đến bất cứ xứ sở nào cũng gặp người Nhật cả: Đi một ngày đàng học một sàng khôn. Tuổi trẻ đi cho biết không nói gì mà ngay cả người già cũng đi. Một hôm ở Vieux Montréal mình cùng người bạn đang đi lang thang ngắm trời ngắm cảnh gặp hai cô bé Nhật. Họ đưa máy ảnh nhờ chụp giùm hai người đứng trước một nhà thờ cổ. Sau khi chụp hình xong mình hỏi: Xin phép đi du lịch có khó không? Cả hai ngơ ngẩn không hiểu: Khó là gì? Cắt nghĩa mãi họ mới hiểu ra: “Ai muốn đi thì cứ đi bất cứ lúc nào”. À, thế là mình chợt nhớ lại một điều rất cũ kỹ là con người có đôi chân thì cứ lúc nào muốn đi thì đi. Mạnh khỏe thì đi xa. Ốm yếu thì đi gần. Đi là cái quyền tối thiểu của mỗi con người tự do. Ở Montréal, nhà nước được sắm ra là để cho phép chứ không phải để cấm.

Có nhiều đêm trời mưa, xe chạy qua nhiều khu phố trông giống như một vài nơi ở Sài Gòn. Thấy nhớ kỳ lạ. Thường những lúc ấy trong đầu

lại này sinh những phác họa tương lai lộng lẫy cho thành phố mình. Không hiểu sao dạo này mình hay lắm cảm như thế. Đi qua Amsterdam, Singapore, dù không muốn, cái đầu vẫn cứ gán ghép một Sài Gòn vào những hình ảnh đẹp đẽ nhất của những xứ sở đó. Giả như Sài Gòn có thêm cái này, có thêm cái kia v.v... Nếu mọi người có ý thức, xem thành phố mình ở như căn nhà riêng của mình thì có lẽ thành phố sẽ đẹp lên một cách dễ dàng. Có người bạn là một nhà khoa học nghiên cứu về bụi, làm việc ở Pyrénées, đã có lần than thở: Chưa có thành phố nào trên thế giới này mà lại không thấy chim như ở Sài Gòn. Nghe đau khổ thật. Mình nghĩ rằng không phải chỉ vì ô nhiễm mà vì mấy thằng vô ý thức cứ ngày ngày mang súng Tiệp đi bắn chim trong thành phố. Những thứ tự do vô lại như thế thì không ai ngăn cấm cả. Làm một điều tốt thì phải xin phép nhưng làm điều bậy thì tha hồ. Đi xe đạp nghênh ngang lấn đường sá cũng là một thứ tự do đương nhiên. Cái gì rồi cũng thành thói quen cả. Chúng mình thật bất hạnh là đã nhiễm dần những thói quen xấu mà không còn phản ứng nữa.

Ở đây người đi xe đạp cũng khá nhiều. Vào mùa xuân là thành phố bắt đầu chặn riêng những lối đi cho xe đạp. Họ đi như một môn thể thao. Có những chiếc xe lên đến trên hai nghìn đôla. Xe hơi thì hàng hà sa số.

Mình gặp tuyết rồi. Thích lắm. Mặc lạnh cóng, mình cứ ngang tàng đi trong bão tuyết. Hôm ấy có cả Đinh Cường (họa sĩ) từ Washington D.C. sang. Những lọn tuyết tròn lớn hơn nắm tay chỉ vài phút sau là đã phủ trắng xóa cả cây cối, xe cộ, và đường phố. Tối hôm ấy mình vẽ về ngay một bức tranh Thiếu nữ tuyết. Lần đầu tiên cầm trong tay một nắm tuyết trắng tinh như vậy mình mới hiểu thế nào là màu trắng. Không vẽ ra được cái màu trắng ấy. Không hiểu một tâm hồn trong trắng thì cái trắng ấy như thế nào. Lúc mình cầm nắm tuyết vào quán cà phê ở góc phố thì cô bạn Anna cười bảo: Các anh lãng mạn quá. Mình hơi ngượng nhưng cũng nói lại: Không có sự lãng mạn có lẽ chúng tôi không tồn tại nổi đến hôm nay đâu.

Có quá nhiều điều để nói về thành phố này. Một thành phố dễ ở và dễ

thương. Những con người hiếu khách và độ lượng. Không ai nổi giận với ai. Chỉ có nụ cười và một cách sống dễ dàng ngoạn mục hơi thoáng về bohémien.

Một điều rất hay là khi hòa nhập với cuộc sống nơi này rồi thì mọi nỗi buồn tan biến. Sự tử tế giữa con người với con người làm mình tin rằng điều tốt là một cái gì có thể thực hiện được giữa cuộc đời này. Không có gì quan trọng cả và vì thế cũng không có gì đáng phải nản lòng.

Thành phố đang chuẩn bị cho Festival de Jazz vào mùa hè. Đã có những tiếng kèn saxo vang lên từ những hè phố. Đời sống sao mà vui vậy. Chỉ có lẽ lạc và những trái tim không bóng tối.

(Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 9-8-1992)

nghĩ về hiện tại và quá khứ ...

Người Việt Nam ở Montréal sống trong ba loại cộng đồng khác nhau. Cộng đồng của người Việt yêu nước. Những hội đoàn chống cộng. Và cộng đồng của những người Việt không phe phái. Đa số những người Việt Nam trong cộng đồng sau cùng này là những người du học từ lâu trước 75. Họ đã hòa nhập vào xã hội đó và sống như người bản xứ. Tất cả đều có công ăn việc làm ở mức từ trung bình trở lên...

Tôi thường giao du với nhóm không phe phái. Họ và con cái họ là những con người đáng yêu. Họ yêu thương đất nước một cách rất đặc biệt. Có lẽ vì thương nhớ quê nhà mà hầu như mọi người đều dành cho tôi một tình cảm chứa chan ít thấy. Con cái họ nói lẫn lộn tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh nhưng luôn luôn với một tấm lòng rất chân thật. Đứa nào cũng muốn về thăm quê hương. Tuổi trẻ Việt Nam ở Canada thành công trên nhiều lĩnh vực. Về nghệ thuật cũng như về học hành. Tuổi trẻ ở đây có ý thức tự lập từ rất sớm. Từ mười sáu tuổi trở đi là bắt

đầu nghĩ đến một việc làm phụ bên cạnh những giờ giấc đi học khá căng thẳng.

Mùa hè đến, sinh viên và học sinh lớp cuối trung học bắt đầu đi xin việc làm. Từ sơn cửa sơn nhà, làm bồi bàn, đến tất cả mọi thứ việc trong văn phòng, trong tất cả mọi nơi chốn buồn bản, mọi dịch vụ, đều có mặt các cô gái trẻ trung xinh đẹp. Họ làm việc để lấy tiền đi du lịch. Cả những cô gái con nhà có tiền bạc cũng tự lo cho mình khoản tiền riêng để tự túc những chuyến viễn du tìm hiểu học hỏi. Đây cũng là một bài học lớn cho những xứ sở còn chậm tiến, nghèo nàn mà hay tự ái vật. Nghèo mà hay tự ái hình như là cái “bệnh” chung của những đất nước chậm phát triển. Ở nơi đây người ta dành nhiều thời giờ của hiện tại để nói về những dự kiến đầy ắp cho tương lai. Nói như thế không phải là quá khứ không còn vị trí gì trong hiện tại. Chỉ có điều, quá khứ cần được nhắc nhở như thế nào...

Ở Montréal, nhà nước buộc mọi người phải nhớ đến lịch sử. Nhưng nhớ đến một cách thơ mộng. Nhớ lịch sử mà không hề hủy hoại hiện tại và tương lai. Ở bảng số của mỗi chiếc xe hơi đều có ghi hàng chữ “Je me souviens” (Tôi nhớ lại). Tôi nhớ lại cái gì đây? Tôi nhớ lại tôi là người Canada và chính chúng tôi đã làm nên tất cả vẻ đẹp của đất nước này. Hình như đây là những chữ đầu trong câu thơ của Verlaine hay ai đó: “Je me souviens des jours anciens et je pleure” (Tôi nhớ lại những ngày xưa và tôi khóc). Dù thế nào thì một bảng số xe như vậy cũng mang trong nó một tình cách văn hóa đáng yêu.

Đất nước này không ai có quyền buộc tội ai. Mọi người có quyền ngang nhau. Từ đứa bé cho đến ông già. Vấn đề đặt ra cho tất cả mọi công dân là anh đã và sẽ đóng góp được gì cho xã hội. Người đóng góp nhiều thì hưởng nhiều, ít thì hưởng ít. Không hề có sự chèn ép vô pháp luật.

Nhắc lại những điều tốt đẹp ở đất nước người ta với tôi là một cách để nghiền ngẫm lại xứ sở mình và bản thân mình. Tôi thực lòng chẳng thấy con người ở xứ sở này hơn gì con người xứ mình cả. Con người

Việt Nam chúng ta đã làm được không ít điều lớn lao đẹp đẽ trong quá khứ và hiện tại cũng đã góp mặt, so vai một cách đáng tự hào với thế giới ở lĩnh vực này, khía cạnh khác. Chỉ có điều, tốc độ của sự chuyển biến chung về kinh tế - xã hội có lẽ chưa làm cho nhiều người chúng ta hài lòng. Nhưng, tôi lại nghĩ: muốn cho xã hội chuyển biến nhanh hơn, tốt hơn được hay không còn tùy thuộc vào nỗ lực của mỗi người Việt yêu nước và có trách nhiệm trên xứ sở mình.

Giàu có hay không là do mình. Đẹp đẽ hay không cũng tự mình. Vấn đề là mỗi người chúng ta ý thức đầy đủ về bốn phận phải làm gì và làm như thế nào để đất nước thân yêu của chúng ta phải đẹp phải huy hoàng như mọi miền xứ sở nơi này nơi kia trên mặt đất này...

Yêu đất nước không chỉ là một lời nói suông, cũng không là một tiếng nói lên gân bậy bạ. Thử bắt đầu bằng một động tác rất nhỏ như đi trồng một cây hoa đẹp trên đường phố chẳng hạn. Hãy yêu thương quê hương như yêu tình nhân của mình vậy.

(Báo Phụ Nữ TP.HCM, 26-8-1992)

làm việc không ngừng và sống thanh thản...

Tôi gặp Đặng Thái Sơn sau lúc Sơn trình diễn ở Brasil về. Sơn ở một mình. Mẹ Sơn cũng ở một căn nhà khác. Đời sống nhìn chung có vẻ lặng lẽ và không có gì vui lắm. Qua một người bạn của Sơn tôi được biết Sơn sống gần như cô lập mình với thế giới bên ngoài. Tôi hỏi Sơn có định về lại Việt Nam không. Sơn chỉ cười cười.

*Ở đây phố xá hiền như cỏ
Có nổi hồn nhiên giữa mặt người*

Đời sống của người Việt Nam ở Canada nói chung là ổn định nhưng dưới con mắt nhìn của tôi thì nguồn vui sống của họ hoàn toàn xa lạ với bản thân tôi. Thành phần giàu có nhất có lẽ thuộc về giới bác sĩ. Có một điều hơi khác giữa bác sĩ ở Canada và Mỹ là bác sĩ ở Mỹ thì tha hồ kiếm tiền còn ở Canada thì bị nhà nước qui định đến một giới hạn nào đó thì không có quyền được hưởng thêm. Họ gọi là plafonner.

Tôi thực sự ngạc nhiên và thất vọng khi biết có một số đồng người Việt sau mười mấy năm vẫn không chịu đi làm và vẫn cứ tiếp tục thản nhiên lãnh tiền trợ cấp xã hội! Những người này cũng có nhà có xe hơi như tất cả mọi người nhưng đời sống đối với xã hội nói chung là thấp. Họ đâm ra lười biếng vì những vấn đề quan trọng nhất trong đời sống như ăn uống, đau ốm thì đã có nhà nước lo cả rồi. Chế độ nuôi sữa cho trẻ con thì được cấp dưỡng cho đến mười tám tuổi mới ngừng. Tôi có gia đình người em có ba con dưới mười bốn tuổi. Hai vợ chồng xin đi học thêm Pháp văn. Học không tốn tiền mà nhà nước phải phụ cấp thêm mỗi tuần hai trăm bảy mươi lăm đô la để thuê người giữ nhà và trẻ con.

Người bạn thân nhất của tôi ở đường Grosvenor, biên giới giữa Montréal và Westmount, khu vực của người Anh. Căn nhà có hai chủ. Phía dưới là người bạn giáo sư thực thụ ở Đại học Montréal, bạn thân của giáo sư Đặng Đình Áng ở Việt Nam ta; tầng trên là một người Canadien làm nghề đào huyệt. Khu nhà này khá đắt tiền. Daniel, tên của người đào huyệt, đang trong thời kỳ thất nghiệp vì đình công đòi nâng lương.

Trẻ con ở xứ sở này được giáo dục cái đức tính không bao giờ ỷ lại. Mùa hè đến, dù ở trong gia đình sung túc, con cái ở tuổi mười sáu trở lên đều đi xin việc làm để lấy tiền đi du lịch hoặc để sử dụng trong những nhu cầu riêng. Đa số sinh viên, học sinh nữ đều đi làm thêm trong những quán hàng đủ loại. Phụ nữ trẻ, già đều làm đủ thứ việc trong đời. Nhìn những cô sinh viên vừa cạo những lớp sơn cũ trên những cánh cửa ở đường phố vừa sơn quét mới lại mà thấy quá sức thương và kính trọng nữa... Ai cũng làm việc và làm việc cật lực không hề ngừng nghỉ.

Những người bếp và bồi người Việt trong những quán hàng ăn uống Việt Nam cũng có một đời sống tương đối tốt. Hết giờ, khách ra về hết, họ cũng lên những chiếc xe hơi bóng loáng về nhà hoặc đến những tiệm ăn quen thuộc. Ở đây không có vấn đề chủ và bồi bếp. Họ sống nhờ vả lẫn nhau để cùng tồn tại. Không ai có quyền nặng lời với ai. Cảm giác như không có một thứ ranh giới nào giữa người với người. Không có bất

cứ một thứ uy quyền hào huyền nào buộc con người phải phụ thuộc hoặc sợ hãi. Mỗi người cứ làm tròn bổn phận của mình trong cuộc sống và yên tâm ăn ngon ngủ kỹ.

Đời sống ở đây theo tôi tốt lành hơn ở Pháp và Mỹ. Không ai tự thấy mình quan trọng hơn người khác. Tôi quen khá nhiều những văn nghệ sĩ Québécois. Họ khiêm nhường và quá hồn nhiên. Tôi cố gắng học ở họ cái tinh khiêm nhường gần gũi với thiên đò. Chính cuộc sống tử tế và chân thật đó đã giúp tôi có thêm nguồn cảm hứng để vẽ nhiều tranh, nhiều chân dung và làm nhiều bài thơ ca tụng cuộc sống và con người.

*Ở đây phố xá hiền như cò
Có nổi hồn nhiên giữa mặt người*

Đi qua một thành phố mà mọi người không biết gây gổ, nóng giận với nhau nhiều khi cũng muốn làm người đáng hoàng, tử tế hơn. Có lẽ chẳng nên quên điều đơn giản và cùng của cuộc sống là chúng ta được sinh ra trong cuộc đời này là để yêu thương nhau chứ không phải để thu ghét nhau.

Sống và cứ mãi mãi có một tấm lòng nhân hậu sẵn sàng biết tha thứ và độ lượng thì cuộc đời không thể nào không đẹp hơn lên được.

(Bảo Phụ Nữ, 29-8-1992)



*Đường xa mỏng mộng vô thường
Trái tim chợt tỉnh tôi nhường nhện tôi.*

thơ montreal, 1992

*"Những bài thơ không tựa", viết ở Canada
vào năm 1992.*

Đường xa mòng mòng vô thường
Trái tim chợt tỉnh tôi nhường nhin tôi.

Đưa em một nửa lên đường
Nửa kia còn lại nỗi buồn quẩn quanh
Mùa xuân phố bội bạc tình
Bước chân phiến nào một mình ta hay.

21/4/1992

Ở đây nếu ở trăm năm
Xa em tôi có hàng trăm nỗi buồn
Ở đây nếu ở đây luôn
Xa em tôi sẽ hồn nhiên ngậm ngùi.

22/4/1992

Mặc đời ô trược vừa qua
 Tắm thân nhỏ nhặt người la
 mắng người
 Buồn phiền vỡ mộng đường dài
 Ta xin một góc ta ngồi với ta.

Em đi tuyết đổ
 Bàng hoàng tuyết rơi
 Mùa xuân tuyết khổ
 Lá cò ngậm ngùi
 Em đi nho nhỏ
 Giữa mùa tuyết bay
 Ta đi vô độ
 Giữa mùa tuyết say
 Tim ta vò vò
 Tuyết trở mặt rồi
 Mùa xuân năm ấy
 Mùa xuân năm này
 Hồn ta bỏ ngõ
 Ai nào ai hay.

11/4/1992

Nắng trời, mưa trời, trời trở tuyết
 Ngày ấy xa rồi em đi đâu
 Đi đâu về đâu em hơi hơi
 Ơi hơi em là giọt tuyết đau
 Giọt tuyết đau ơi hơi em là mộng
 Là mộng bây giờ cho mãi sau
 Giọt tuyết mai sau em là khói
 Là khói nhưng là là mãi mãi
 Em là khói ấy mà chưa phải
 Một đốm nhang đèn thức
 đêm sâu.

11/4/1992

Chỗ em ngồi ngày xưa còn ấm
 lấm
 Anh gối lên và ngủ một giấc dài
 Em có hiểu đời cho em là mộng
 Để anh về cứ tưởng một là hai.

đêm giao thừa 1993

1-1-1993

Tôi có bao nhiêu tuổi thì tôi cũng có bấy nhiêu đêm giao thừa. Có tết Tây và tết ta. Tờ lịch cuối cùng bóc ra và tự dưng thấy trơ trọi một nỗi buồn vu vơ. Nỗi buồn đó thuộc về lịch Tây. Chờ thêm mấy mươi ngày nữa thì lại thêm một nỗi buồn ta. Nỗi buồn của một người thấy mùa xuân thuộc về kẻ khác. Nỗi buồn của kẻ không dám thốt lên hai tiếng tương lai.

Có những đêm nằm không ngủ được. Nghĩ đến tương lai thuộc về người khác mà lòng cứ rầu rầu. Vì sao phải vậy. Quy luật tự nhiên là cái quái gì vậy mà làm náo nức những cõi lòng ham sống, thêm yêu cuộc đời. Yêu đời và cứ muốn tồn tại mãi đâu phải là một cái tội. Nếu là tội lỗi thì xưng tội, sám hối với ai.

Cuộc đời sấm ra cái sự yêu thương nhức nhối này làm tình làm tội biết bao nhiêu thân phận con người. Yêu cuộc đời và muốn ở lại mãi mãi. Vì sao không cho ở lại. Trái đất quá chật và vì vậy phải có kẻ ở người đi. Buồn lắm mà không thể than phiền với ai cả.

Đêm giao thừa dù Tây dù ta tôi vẫn luôn luôn một mình một cõi. Sở phận vẫn thương hay hận hỉ với kẻ này mà lại bạc đãi kẻ kia. Có rất nhiều bạn bè thân hữu chứng nhân cứ thấy mỗi lần vào dịp lễ là tôi lại một mình một cõi. Đành vậy biết làm sao - người ta có thể vui chơi, đàn đúm, quây quần một đời nhưng vẫn cứ lạc loài lẻ loi một chốc. Một chốc mà là tất cả. Cái sát-na nhỏ bé của thời gian đôi khi cũng quy định cả đời người. Một người mẹ bỏ đi. Một người tình bỏ đi cũng nằm trong cái sát-na đó.

Đừng than thân trách phận. Đời không có lỗi với ai, chỉ có ta có lỗi với đời. Đêm giao thừa không có người yêu thì buồn lắm nhưng cũng không vì thế mà chết được. Những lễ lạc đi qua đời người mà thiếu vắng hồng nhan thì vẫn có thể vui nhưng là một niềm vui không trọn. Như một khúc hát dở dang. *Symphonie inachevée*. Một mùa thu không có lá vàng. Một mùa hè không có nắng. Một đêm đông không giá rét.

Đêm giao thừa ngồi một mình và hát:

*“Đừng tuyệt vọng tôi ơi đừng tuyệt vọng
Lá mùa thu rơi rụng giữa mùa đông...”*

Đừng tuyệt vọng vì cuộc đời hồn nhiên đôn hậu vẫn luôn luôn cho ta những ngày vui khác. Những ngày vui của đời thì thênh thang vô tận. Hết cuộc tuyệt vọng này đến một cuộc tuyệt vọng khác biết đâu cũng là một niềm vui. Một niềm vui dù không có thật thì cũng đủ an ủi trong phút chốc.

Cuộc sống là một niềm an ủi vô bờ. Cuộc sống chỉ cho ta mà không cần lấy bớt đi. Cuộc sống cho ta tất cả và mỉm cười khi thấy ta đại dột. Con người sinh ra vốn bất toàn và để làm những điều lắm lỗi. Nó đẹp vì bất toàn. Nó đáng yêu vì nó luôn luôn lắm lỗi. Vậy thì cứ yêu mà đừng tuyệt vọng. Hết cuộc tình này sẽ có một cuộc tình khác. Không có ai lang chạ. Không có ai phản bội ai. Có thứ tình này có thứ tình nọ. Có tội lỗi và có thiên thần. Đừng khen chê, bới bác, thẩm định. Được yêu hay bị từ chối cũng là số phận của đời. Mà đời thì rộng quá không yêu được chốn này thì yêu nơi khác. Còn yêu thì còn sống. Còn được yêu thì còn sống dài lâu.

Không bao giờ có điều gì tuyệt đối. Và như thế phải có một đêm giao thừa nào đó phải có người yêu. Có những đêm không phải giao thừa mà vẫn có người yêu. Những đêm như thế ta cứ xem như là đêm giao thừa vậy.

năm 1993

Năm 1993 là năm Dậu, năm tuổi mẹ tôi. Đến năm tuổi ai cũng sợ này nọ, xui hên, chết chóc, nhưng mẹ tôi đã mất rồi, mất trước đó hai năm. Còn có gì để lo âu nữa đâu. Tôi viết bài ca *"Đường xa vạn dặm"* cho ngày giỗ đầu, mang lên mộ hát và đốt thành một thứ tro than ngậm ngùi. Cũng là để biết rằng đời đã bỏ ta và ta cũng không hờn oán chi mà vẫn đành phải lìa bỏ cuộc đời. Nắm hương thấp lên rồi nắm hương tàn. Sự tàn phai ai mà chẳng biết. Trong mỗi gia đình đều có ly biệt. Có những ly biệt bàng hoàng vì không báo trước. Biên giới chia lìa nằm trong phút chốc của mệnh mòng. Tôi mất mẹ tôi như đánh chìm một giấc mộng. Giấc mộng còn con mà cũng là giấc mộng vô vãn.

Ngày xuân kết toán lại đời mình, mất được chỉ là những con số vô hồn nhưng sao mà ngậm ngùi quá. Mẹ bỏ tôi đi. Bãi đất mệnh mòng vô tận những linh hồn. Bãi đời bao la vô tận những tình chia. Em vẫn còn đó nhưng mùa xuân nói rằng em đã xa. Em đã xa nhưng em vẫn còn đâu đó giữa cuộc biển dâu không hề xao lãng về sự mất còn tối tăm, mù mịt của đời người. Sẽ còn mãi mãi bể dâu, đắp bồi, khuyết lở những bờ bến đầy dấu chân con người mà con người không thể nào biết được. Tiếng ếch nhái trên bãi dâu. Những con đò không bến đậu, mẹ đi và em đi. Nào lòng quá những trùng trùng điệp điệp tàn để rồi không hội ngộ.

Mùa xuân bán em qua cửa sổ buồn hiu của một ngày cuối năm. Một bó

hoa thanh xuân có tên gọi của bốn mùa nhan sắc. Em đáng yêu, đáng quý, em diễm kiều của những đền đài xưa cũ. Nay em ở đâu.

Hãy hát cho tròn một vành môi. Hãy hát cho sâu một cổ họng. Đừng đùa giỡn quá với đời vì đời sẽ rách bướm trong cơn ảo não. Đừng phủ phàng ra đi mà không để lại một điều gì.

Em là tôi mà tôi cũng là em. Vì tôi và em cùng lận đận giữa đời này. Hãy vì mùa xuân mà đến rồi cũng vì mùa xuân mà đi. Đi không hờn oán mà chỉ vì yêu dấu một cõi nào, một nơi chốn yên bình khác. Có chốn yên bình tên tuổi và có chốn yên bình vô danh.

Mùa xuân em hái lộc nơi nào. Em sẽ hái đầy lộc non trong một bàn tay. Bàn tay em bé nhỏ làm sao thu hết mặt trời để cho những mầm lộc kia đủ hít thở khi trời mà sống yêu đương lỏng lẻo trên con đường đưa đến đời sau.

Mùa xuân có thể cho em niềm vui mà cũng có thể cho em nỗi buồn. Vui thì em nhận mà buồn thì em hãy lãng quên. Em hãy lãng quên nỗi buồn và mãi mãi yêu thương mùa xuân. Mùa xuân không bao giờ đứng bên bờ vực thẳm, nó chỉ có đó để cứu rỗi con người. Em sẽ mãi mãi là mùa xuân nếu em biết yêu thương cuộc đời. Em và cuộc đời sẽ trao nhau những quà tặng của mùa xuân.

Dù xa cách dù gần gũi, đừng bao giờ oán hận nhau. Bởi vì sẽ có những lần đến và đi. Đến và đi không gây phiền muộn cho ai cả. Tôi sẽ nhận và tôi già từ. Có buồn vui chẳng cũng chỉ vì lòng mình phiền loạn.

Tôi biết rằng có một mùa xuân tôi sẽ có một quà tặng tình yêu. Em sẽ đến vì em phải đến. Cái lá số định mệnh buộc em không thể lạc đi trên một con đường nào khác. Em đến và em ngồi lặng lẽ như một lời buộc tội đời tôi. Sẽ là mùa xuân mãi mãi nếu em yêu tôi. Cũng sẽ là mùa xuân vĩnh viễn nếu em từ khước tôi. Có gì không là mùa xuân đâu khi trong lòng em và tôi đã chớm lên những hạt giống vừa mới bắt đầu.

nhớ lại

Mười tám năm. Thời gian đủ để một người con gái sinh ra, lớn lên và trở thành hoa hậu trong một cuộc thi nhan sắc vóc dáng hình hài của thành phố. Tôi ngồi ở bàn giám khảo trong vài cuộc thi hoa hậu và nhìn ngấm ngấm ngời. Tôi chiêm ngưỡng và không thể nào không nghĩ về thời gian. Mười tám năm, đời làm nên một nhan sắc. Một nhan sắc là một tác phẩm không phải bất cứ nghệ sĩ tạo hình nào cũng có thể làm nên dù trong phút giây đột hứng.

Đi ngược dòng thời gian, tôi thấy em trong bào thai của mẹ. Và tôi, tôi ở trong bào thai của một xã hội, một chế độ hoàn toàn lạ lẫm với tôi. Em thì được sinh ra nhưng tôi thì lại được tái sinh trong một cuộc đời khác. Trong hội họa cũng đã từng có thời kỳ Phục hưng. Renaissance. Được sinh lại một lần nữa cũng có nghĩa là được sống lại một lần nữa và cũng có nghĩa là được đầu thai vào một kiếp khác. Em bờ ngõ khóc tiếng đầu đời và tôi cũng bờ ngõ cười khóc tiếng đầu đời. Em là đứa bé

và tôi cũng là đứa bé. Chỉ khác một điều là em thì hồn nhiên thơ mộng còn tôi thì thấp thoáng lo âu.

Em thả đời em lớn lên như cây cỏ xanh tươi đôn hậu mỹ miều còn tôi thì cũng cứ thả đời tôi như con thuyền không lái lái.

Ngày ấy, cách đây mười tám năm, tôi đứng ở một bờ bến khác. Tôi gọi con đò, con đò dừng lại và chờ tôi đi. Sau giờ phút ấy, điểm khởi đầu của mười tám năm sau, tôi ngần ngại không dám gọi đò. Em tập tễnh bước đi. Tôi ngần ngại bước đi. Em không sợ ngã nhưng tôi thì lại sợ vấp ngã. Em không né tránh. Em thơ thới hân hoan còn tôi thì dè dặt. Mỗi bước chân tôi là vụng về ngại. Là tự chủ, bản khoán.

Ngày ấy xa rồi. Em lớn lên và tôi cũng đã lớn lên. Em yêu đời và tôi cũng yêu đời. Chỉ khác một điều là tôi già dặn mà em thì non nớt. Cái non nớt đáng yêu và cái già dặn đáng ghét.

Đôi khi tôi tự hỏi: Có phải tôi là kẻ hạnh phúc hơn nhiều người? Không phải bất kỳ ai cũng có thể sống trong một đời dưới nhiều hình thái xã hội khác nhau. Tôi là ai vậy? - Tôi, hình như, đã có lúc mang thân phận chiến tranh, rồi hòa bình, rồi tư sản và rồi cộng sản. Cái lý lịch đa mang này cũng đủ để tôi tự thấy mình là một loại công dân ngoại hạng.

Ngoài nhìn lại, mười tám năm, hun hút sâu như một lối đi biên biệt, một con đường xa ngái, tôi bản thân nhận ra mình làm một kẻ khác. Một kẻ khác mà vẫn là mình, không xa lạ, không oán hờn, không hề có một phút trách móc tự thân. Mà lạ thay, giờ phút này tôi lại hân hoan cười đùa về một thứ số phận gần như muốn đùa cợt tôi trên những dặm đường tưởng như không có thật. Tôi đi trồng và gặt lúa. Tôi đi trồng khoai, sắn, ở Côn Tiên, trên bãi đất chằng chịt mình có thể nổ bất cứ lúc nào ở cửa ngõ Trường Sơn. Tôi đi chợ nấu ăn. Tôi chờ bột mì rải trắng cả một con đường như ngày xưa Mỹ Châu làm dấu cho Trọng Thủy. Tôi xếp hàng mua từng liều thuốc hạng tôi. Tôi lãnh hàng tháng một lóng tay thịt mỡ không đủ cho một con mèo ăn. Và cứ thế nhiều năm, mùa

mật. Nhưng có hề gì đâu, vì trên tất cả những vụn vặt, nhiều nhường đó là Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Là tình yêu chan chứa, là những mặn nồng mà cả một cuộc đời ngày trước chưa bao giờ được trao tặng một cách rộn rã, đậm đà và lòng lầy đến như vậy.

Tôi đã yêu cuộc đời hơn bao giờ cả. Tôi yêu cuộc sống và cuộc sống cũng mở hết vòng tay cho tôi.

Mười tám năm, em đã là xứ sở, em cũng là quê hương. Tôi cũng đã là một thành phần nhỏ bé của xứ sở, của quê hương. Những gì đẹp nhất thuộc về em và cũng thuộc về tôi. Em và tôi là những phần tử không thể tách rời của đất nước này. Đừng mơ ước gì xa xôi bởi vì giấc mộng của chúng ta là có thật hoặc sẽ có thật trong bờ cõi nhỏ nhắn nhưng đôn hậu và tình tứ này.

Tôi mở lòng tin vào tương lai. Tôi tự nhủ mình không bao giờ lặp lại những điều đã cũ. Đừng để hồn mình mòn đi vì những tổn thương tương có thật mà không thật. Tôi đã từng bị chẻ ra làm nhiều mảnh trên quê nhà nơi tôi sinh ra nhưng tôi loại bỏ hình ảnh đó bởi vì với tôi, cái xấu, cái ác không bao giờ có thật. Vì thế cái tình yêu đất nước quê hương trong tôi không có gì làm suy suyển được. Tôi đã trâm tư trong nhiều ngày tháng để tập cho mình giữ được lòng vô ngại, tính vô ưu trước mọi đắng cay. Không thể có một thứ bạo lực nào khiến em có thể xa lìa đất nước. Sự phản bội còn mạnh hơn bạo lực. Và chỉ có sự phản bội mới làm ta xa lìa nhau. Còn bạo lực thường không có một đời sống lâu dài.

Cái dòng sông mười tám năm ấy đã làm nên em mỹ miều xinh đẹp và đồng thời cũng đã cuốn đi hết trong tôi những vương mắc cuối cùng. Sống mà không còn biết đến oán hờn thì đương nhiên là hạnh phúc quá. Tôi biết tôi hạnh phúc mà có lúc không biết chia sẻ với ai. Tôi tin rằng sẽ có lúc tất cả mọi người đều cảm thấy mình thật sự hạnh phúc khi biết xóa đi cái biên giới thù nghịch trong lòng mình. Hai con người cùng màu da cùng xứ sở gặp nhau nơi này hoặc nơi kia, mà không vó

vập yêu thương nhau là điều vô nghĩa. Mười tám năm cô người ở lại có kẻ ra đi nhưng cái biên giới địa lý ấy làm sao có thể gây chia lìa những tình cảm trong sáng trong mỗi con người được. Cứ mỗi ngày tôi càng thấy yêu cuộc đời hơn. Yêu cuộc đời cũng có nghĩa là yêu cái tuổi mười tám trên cơ thể của một đất nước nguyên vẹn. Từ Bắc vô Nam, đi nơi nào cũng có thể tìm được tình yêu. Chỉ có thần thoại mới làm được cái việc đó. Đã hết rồi cái ngàn năm, trăm năm, ba mươi năm chia lìa loạn lạc, còn mơ ước gì nữa. Em mười tám tuổi, em là hạnh phúc. Tôi chia buồn với tôi, vì tôi có một hạnh phúc ngăn ngùi bên em. Tôi đã sống đủ và làm những gì cần thiết. Chỉ tiếc là không nhiều thời gian để làm được những lợi ích cho đời. Đời sống thì đẹp và rộng dài quá còn đời người thì hạn hữu. Biết làm sao bây giờ.

Viết bài này như một tấm thiệp mừng mười tám năm nhan sắc lòng lầy. Cảm ơn tuổi mười tám của Việt Nam.

(**Báo Sài Gòn Giải Phóng, số 30-4-1993**)

về phòng triển lãm của các em

Đi vào thế giới tranh của trẻ thơ là đi vào những giấc mơ đời không thực. Đó là giấc mộng thuộc về một thực tại khác cái thực tại không đón đau, không lý tính. Các em vẽ cái hình thái uyên nguyên của một cuộc đời chưa bị nhiễm độc. Tranh vẽ các em là sơ đồ của một cuộc sống mộng mị, hỗn nhiên. Ở đó chúng ta khó lòng tìm thấy dấu vết của một con đường khổ nạn, cái con đường đã từng dẫn con người về trên những dặm trường tội lỗi để sau đó tự cứu chuộc mình trên những cây thập tự.

Thế giới tranh của các em là cái bóng phản ánh trung thực của một thứ hạnh phúc chưa có tí vết, chưa bị nguyên rủa, chưa bị bôi nhọ.

Tranh các em gắn bó với một cuộc đời mà người lớn chúng ta không còn khả năng nhận thấy. Nói một cách khác là người lớn đã thất lạc

cuộc đời mà không hề biết. Chúng ta là những người trưởng thành, thậm chí là những người đã quá già nua đối với cái sân bé bỏng hồn nhiên của các em đang đùa chơi với quả bóng mộng mơ trên những giây phút không có thật.

Đời có thật bao giờ đâu. Đời chỉ là một chuỗi dài mộng mị giữa thiên đường và địa ngục. Tuổi nhỏ các em là tuổi của thiên đường, một thứ thiên đường ẩn mình trong vô thức. Thế giới của trẻ thơ là thế giới của vô thức. Một thứ vô thức tuyệt vời vì nơi đó không có lòng nghi ngại, oán hờn.

Khi các em bé về là các em muốn bày tỏ với đời một lòng cảm khái thiết tha trước thiên nhiên và con người. Chúng ta đừng cố lòng bận tâm về một ý đồ hoặc một mưu toan gì đó mong việc đi tìm một lợi ích cá nhân trong tranh các em.

Tuổi thơ đại bồng nhiên được nhìn ngắm như một thứ hạnh phúc đích thực. Một thứ hạnh phúc mà khi tuổi đời đã qua bỗng thấy nhớ nhung và muốn tìm kiếm lại. Làm sao có thể gặp lại tuổi thơ. Những họa sĩ thuộc trường phái hồn nhiên, ngây ngô đã có những nỗ lực tìm kiếm một sự về nguồn xa xôi của chính mình. Nhưng nghĩ cho cùng đó cũng chỉ là những hoài nhớ vô vọng. Trẻ con không thể là một người lớn thu nhỏ lại. Và người lớn cũng không thể nào là một em bé khuếch đại ra.

Thế giới của các em không chỉ có ý nghĩa thu gọn trong những khuôn tranh nhỏ bé mà nó là thời điểm để mỗi người lớn chúng ta có dịp nhìn lại chính mình.

bản concerto ở tít

Mùa hè 1992 tôi qua Canada thăm gia đình các em và bạn bè. Ở đó bốn tháng và thường thức được hai trận bão tuyết đột ngột. Vào một ngày bình thường, lạnh nhẹ, có người bạn trẻ học piano ở Nhạc viện Montréal đưa xe hơi đến đón tôi về nhà Đặng Thái Sơn. Bước vào nhà gặp ngay bà Liên, mẹ Sơn. Rồi bà đi về nhà riêng và Sơn từ trên lầu xuống. Sơn mang chai rượu ra mời. Tôi uống rượu một mình, Sơn uống một thứ nước không cay. Phòng khách chỉ có một món đồ quý nhất là cây đàn *Quem* dài quá khổ mà tôi mới được thấy lần đầu. Sơn sống gần như lẻ loi, không bạn, không tình. Đó là theo lời người bạn trẻ của Sơn đưa xe đến đón tôi. Chúng tôi ngồi chơi với nhau, nói chuyện trình diễn nhạc và chuyện phù phiếm ở đời. Sơn, buổi ấy, vừa đi trình diễn từ Brasil về. Đó cũng là lần đầu tiên tôi gặp và hàn huyên với Đặng Thái Sơn.

Trước khi về tôi có nói với Sơn: Sống xa quê hương, một mẹ một con, mà sống riêng rẽ như thế, sau này mẹ mất thì ăn hận lắm. Sơn cười cười. Đạo ấy tôi vừa mất mẹ và nổi mất mát lớn lao ấy đã đẩy tôi lên

đường tìm người ngoại quê làng ở phương xa.

Năm nay, Sơn về thăm quê ngoại sau 13 năm không gặp lại. Biểu diễn ở Hà Nội rồi vào thành phố Hồ Chí Minh. Đêm biểu diễn chính thức ở Nhà hát thành phố tôi bận việc không đi xem được. Tiếc quá. Tôi chẳng biết Đặng Thái Sơn ở đâu để đi thăm. Thế rồi chiều ngày 4 tháng 12, 1993 tôi bỗng nhận được cú điện thoại của Sơn. Thật bất ngờ và vui. Lúc ấy tôi đang ngồi uống rượu ở quán Tib (187 ter Hai Bà Trưng). Tôi hẹn Sơn ở đó và cho xe đi đón. Sơn đến và chúng tôi cùng ngồi uống rượu với nhau. Lần này, ở quê nhà, trong niềm vui hội ngộ Sơn liêu uổng với tôi ly rượu rất hiếm hoi, có thể là lần đầu. Quán vắng, khách đã về, tôi cùng vài người bạn ngồi nói chuyện đùa với Sơn. Chuyện xa chuyện gần. Chuyện nhạc ít chuyện đời nhiều. Bởi có lẽ đời quá rộng. Đời ôm ấp giữ lấy nhạc trong vòng tay của mình. Đứa con lừng lẫy nhất cũng không thể nào lớn hơn quê hương. Vì thế tôi và Sơn ngồi bên nhau như những đứa trẻ vô cùng nhỏ bé cảm thấy mình đang có một thứ hạnh phúc riêng tư mà những con người anh em xứ sở đã dành tặng đêm ấy ở một góc quán cho một cuộc trùng phùng hội ngộ không hò hẹn trước.

Đêm đã khuya và câu chuyện còn dài. Chuyện đời làm sao nói hết được. Ngày mai Sơn phải đi. Lập lại một lời hò hẹn. Tôi nói với Sơn: thử ngẫu hứng trên piano một câu nhạc viển vông nào đó. Sơn đứng dậy đến bên piano và thử lướt những ngón tay linh động trên phím đàn. Sơn nói: Thôi em đàn tặng anh nguyên cả một concerto. Và với cây đàn rất bình thường Đặng Thái Sơn đã chơi say sưa một concerto rất quen thuộc mà giờ đây tôi không còn muốn nhớ tên là gì nữa. Nocturne. Hay gì cũng được.

Cái đêm êm đêm đó là đêm gì. Có lẽ cũng sẽ có một tên gọi giữa Sơn này và Sơn kia. Đời hóa ra cũng vẫn còn đẹp quá. Vẫn luôn luôn có cái ngẫu nhiên vô thường trong cái thường hằng.

chợt tôi thấy thiên thu là một đường không bến bờ

Những con đường trắng tròn và những con đường trắng khuyết. Vẫn là những con đường cũ em đi qua và tôi đi qua. Thế rồi, có lúc tôi đi qua những con đường mù mịt không trắng. Những tro tàn quá khứ bỗng dậy lên một cơn lốc cuốn tôi về với những con đường ma quái ào ào chấp chờn.

Cái chấp chờn của một thân thể phiến nào không biết mai này một nọ ra sao, cứ thắc thỏm muốn gửi gắm vào cuộc đời một linh hồn phiêu lạc. Tôi phiêu lạc bao nhiêu năm rồi trên một dòng đời không bờ bến. Có khi tưởng bờ là bến. Có khi tưởng bờ là bờ. Cái tam và cái thương hằng lắm khi là một. Thế mà cứ lại là khác nhau. Cái bờ mỏng manh khoảnh khắc ra đi. Cái bến nhiều khi bến bến ở lại. Bờ mở ra những bến. Có dầu bể cho bờ. Nên định mệnh bờ thương trôi buộc thân phận bến.

*Tôi là bờ em ra đi. Em là bến tôi ghé lại.
Con đò ghé qua bờ này bờ nọ nhưng sẽ đậu lại ở một bến kia.*

Mùa xuân là bờ hay là bến? Than ôi, mùa xuân chỉ là bờ. Ai ai trong đời này cũng có lần ghé qua cái bến tạm mùa xuân. Cái bờ bến mùa xuân nhập nhằng những dặm trường lặn đặng. Thoắt nhiên bến xuân chỉ còn lại là bờ. Cái bến đi qua, rồi cái bờ ở lại. Cái bến hiu hắt của một thuở tưởng rằng thời hoàng kim bến sẽ mãi mãi không bao giờ là bờ. Thế rồi tuổi đời người người - đến đến - đi đi cứ mộng vờ, hoang tưởng hào huyền một thứ bờ bờ - bến bến, không biết nơi nao để neo lại một thân thế phiêu bóng.

Có thể bến cho em và bờ cho tôi. Tôi cứ mãi đi và em ở lại. Cái thân phận thuyền quyền ấy đừng làm đau xót đời. Cuối cùng, trong cỏi mộng lung mờ mờ ảo ảo, em vẫn chính là cái bến hư ảo một cách vẹn toàn mà tôi có lúc mỗi mết sẽ tìm về nương tựa.

"Ru đời đi nhẹ cho ta nương nhờ lúc thờ than"...

Cái bờ ru lời hiu quạnh lau lách. Cái bến ru chấp chờn một đốm lửa chiều...

Trong một giấc ngủ bỗng bệnh không giờ giấc của mùa xuân, tôi thảng thốt thấy bờ bến bỗng rã tan thành những cánh bèo mộng lung vô định. Em không bến và tôi không bờ. Em trôi đi và tôi cũng trôi đi. Em và tôi cùng là bến. Em và tôi cùng là bờ. Chúng ta tan biến vào nhau thành một khối bến bờ không còn chia lìa nữa. Trong em không còn trí nhớ về bến. Trong tôi cũng mất hết những ký ức về bờ. Bến ở đâu? Và bờ ở đâu?

1-2-1994 (Báo Tuổi Trẻ, ngày 6-2-1994)

với đồ quang em

Tôi có triển lãm tranh chung với họa sĩ Đồ Quang Em ba lần. Mỗi lần là một cuộc chơi. Tuy cuộc chơi mỗi lúc có một màu sắc khác nhưng tuyệt nhiên không phải là trò chơi phù phiếm của kẻ muốn đốt thời gian. Trong cuộc chơi này còn có dăm ba khuôn mặt bạn bè khác cùng chung một thế hệ. Và bỗng dưng đến một thời điểm nào đó chúng tôi cùng nhận chân ra rằng đã đến lúc phải bày ra một cuộc chơi cho đời sống bớt nặng nề, bớt tẻ nhạt.

Trên con đường nghệ thuật, biết chọn cách chơi không phải là điều dễ dàng. Chơi làm thế nào để những giờ làm việc mệt nhọc được bốc hơi biến thành ngày tháng thông dong và điểm hẹn của một quá trình động nào phải là một ngày lễ hội.

Trong sân bãi nghiệt ngã của đời sống nghệ thuật, Đồ Quang Em có cách chơi riêng. Chơi để đốt bớt đi những ào ạt không cần thiết để có thêm điều kiện làm nên những hoành tráng cho tâm hồn. Cũng có

lúc ngông cuồng, phá lệ, muốn đẩy cuộc chơi qua bên kia biên giới của những bờ bến hữu hạn.

Chúng tôi hình như cùng có một giao ước thâm lặng: Đó là, không phải sống để chơi, thực ra, chơi để mà sống. Một cuộc chơi không náo nhiệt nhưng cũng không lặng lẽ quá. Không phủ nhận cũng không từ khước. Chỉ thuần khiết muốn bắt gặp được một quà tặng nhỏ nhoi nhưng bất hoại cho đời sống tinh thần.

Đã rất nhiều năm tháng, Đỗ Quang Em chỉ muốn lập lại một thứ trật tự của riêng anh. Một thứ trật tự đã trở thành luật pháp mà anh muốn đề xướng cho chính mình. Điều đó không thể làm phiền lòng một ai và cũng không gây trở ngại cho bản thân. Khi mục đích cuộc chơi vốn là muốn tìm đến một thứ tự do tuyệt đối cho tất cả mọi người trong cuộc.

Bước vào cuộc chơi nghệ thuật có lúc lại cũng giống như bước vào một nơi chốn thâm nghiêm. Phải trút bỏ hết bên ngoài những điều thị phi và cũng phải biết lãng quên những lời đàm tiếu. Vui chơi nhưng không cợt nhả. Ưu ái mà không hồ đồ.

Đó là một cuộc chơi không lớn cũng không nhỏ. Vừa đắm chìm say mê vừa tỉnh táo. Vừa hân hoan vừa tịch lặng.

Tôi tin rằng chỉ có trong một cuộc chơi như thế Đỗ Quang Em mới có cơ hội chạm được cái khuôn mặt đích thực ở phần sâu kín nhất của chính mình qua nghệ thuật.

(Tháng 11-1995)

lá thư

Trong mười năm qua tôi có viết một vài lá thư cho bạn bè. Số lượng thư ít đến độ hôm nay sức nhớ lại bỗng cảm thấy có một cái gì đó hơi bất thường. Thư nhận được thì quá nhiều, từ mọi phía. Có những lá thư định trả lời nhưng sau một thời gian nghĩ là không cần thiết nữa nên thôi. Bao nhiêu lần định và thôi như thế bỗng làm nên một thói quen khá tồi tệ là lười viết. Có một điều đáng buồn nhất là không có cơ hội để viết một lá thư tình nào cho ra hồn trong quãng thời gian ấy. Tóm lại có thể nói là không có khả năng viết thư cho bất kỳ ai, từ bạn bè, bạn đọc, công việc cho đến những chuyện tình hào huyền đầy bất trắc.

Mười năm không đến bưu điện cũng là một mất mát, theo nghĩa nào đó, cho một người có cuộc sống bình thường. Như thế cũng có nghĩa là tự mình đánh mất đi những cuộc hò hẹn qua không gian. Không hò hẹn nên cũng không chờ đợi. Tuy nhiên những lá thư vẫn đến, từ cận kề đến xa xôi, nhưng thư thường được đọc với một vẻ dửng dưng đến nao lòng. Những đàn chữ của hàng trăm lá thư cứ nối đuôi nhau đứng xếp hàng ngoài trí nhớ như giòng người nối đuôi nhau, vào mùa Đông, trước viện bảo tàng một ngày không mở cửa.

Đã từ lâu tôi không còn ý định lưu trữ những lá thư tình mộng mị hay ma quái. Thời thơ mộng đã qua, chỉ còn vị đắng ở lại, mà vị đắng giờ đây xem ra cũng không còn cần thiết như một thứ của hồi môn làm vốn liếng cho kẻ mới vào đời nữa. Những chén thuốc đắng đã uống nhiều

tuyên đi của thông điệp giữa người và người.

Chưa bao giờ tôi thấy con người nhiều lòng vị tha như lúc này. Ở một thế kỷ khác có thể bạn sẽ bị ruồng bỏ một cách khác nghiệt khi một lời hỏi thăm nồng nhiệt không được bồi đáp. Cũng có thể bạn sẽ bị đóng đinh trên cây thập tự giá của lòng phẫn nộ.

Dù sao tôi vẫn còn ân hận khi nhớ lại một số lá thư đã được gửi đi trong những giây phút yếu lòng. Mặc dù giờ đây những lá thư kia đối với tôi và cả những người đang giữ nó không còn một ý nghĩa nào nữa. Đã có một vực thẳm giữa chúng và tôi. Và cũng vì tôi đang là một kẻ khác. Tôi không phủ nhận quá khứ mà chỉ muốn sắp xếp lại một thứ luật bình đẳng giữa những giá trị tình cảm và tinh thần. Có những điều cần phải biết quên đi vì nó không còn thuộc về mình nữa. Đó cũng là điều khiến tôi như kẻ trộm, trong những sáng chiều vô danh, rình mò, sục sạo, kiếm tìm trong những ngăn kéo, xó xỉnh ẩm mốc hoặc ở những chiếc hộp rỗng bánh từ lâu bỏ quên, những lá thư không còn lý do để tồn tại nữa. Dù đã cố tìm, nhưng tôi biết ở đâu đó, những nơi còn nhiều bậm bụi và nhện giăng trong căn nhà này, vẫn còn sót lại những lá thư có ẩn mình lẫn tránh cuộc truy lùng. Dưới ánh lửa chập chờn của những chồng thư cháy lên thành ngọn tôi thấy chữ nghĩa trong những trang thư co quắp lại, đặc quánh như những linh hồn không siêu thoát. Mỗi lần đốt thư tôi thường nghĩ đến những xấp giấy vàng bạc người ta đốt trong những ngày cúng cô hồn.

Nếu là con người ủy mị tôi sẽ giữ lại những tro tàn kia và tiếp tục lang thang qua những đền thờ, lăng miếu của quý. Sẽ không thiếu những người cho tôi là kẻ vô đạo nhưng như “một người đi qua biển không để lại dấu chân”, tôi muốn xóa sạch những vết tích phù phiếm sau lưng tôi. Với tôi, đó chẳng qua cũng chỉ là một cách xử thế ở đời. Không tàn nhẫn cũng không vì mưu cầu một điều gì khác. Có thể tôi là một con người yếu đuối hoặc tôi không còn kỳ vọng gì ở bản thân mình nữa.

Dù sao mọi chuyện cũng đã xong rồi. Tôi không thể làm sống lại những

giòng chữ nghĩa của những lá thư mười năm trước nữa. Cái lẽ buồn vui nào ở đời cũng có giới hạn. Có khi dừng chân giữa đèo ta muốn khóc. Rồi lại đi tiếp và cũng có thể muốn trở về.

Nếu thắng hoặc, vì lòng tốt, bạn tìm thấy nơi đây những lời bộc bạch của một lá thư thì trước hết xin giữ lại qua những giòng chữ vu vơ này một lời cảm ơn chân thật về những lá thư chứa chan tình cảm đã gửi đi mà không có hồi âm và nếu còn đủ kiên nhẫn thì bạn cứ tiếp tục viết với một lòng độ lượng vô biên của kẻ không cần chờ đợi.

Cái thế giới mong manh bạn và tôi đang sống, mỗi ngày mỗi khác đi. Chúng ta cũng vậy. Chẳng hiểu những ngày sắp tới tôi có rơi lại vào những nhảm lẫn cũ hay không, hay hết nhảm lẫn này lại đến những nhảm lẫn khác. Tôi chỉ biết ở thời điểm này trong tôi đang thôi thúc thu xếp hành trang cho một cuộc lên đường mới. Cũng vẫn là một cuộc chơi như bao cuộc chơi tôi đã trải qua. Vẫn đi đến nhưng không hò hẹn. Muốn hội ngộ với một sự tình cờ tốt lành hơn nhưng không náo nức. Tôi đang muốn lãng quên. Giờ đây tôi sống bằng một thực tại mà tôi vừa tìm thấy.

Sẽ có một lúc nào đó vô tình chúng ta gặp nhau ở góc phố này hay ở quán hàng nọ, bất ngờ bạn bắt chợt được một tôi không vui cũng không buồn thì chính lúc đó là lúc tôi đẩy đủ sức mạnh nhất để có thể khước từ mọi ân sủng. Đồng thời đó cũng là lúc tôi muốn nói lời tạm biệt để quay về ngôi thờ yên lặng trong không gian riêng biệt của tôi.

Mọi sự vật sự việc quanh tôi đã cú kỷ quá rồi. Tôi cũng thế, kỷ niệm chẳng qua cũng chỉ là một thứ thuốc ngâm rượu để rỉ rả qua ngày tháng mà thôi. Không có gì quan trọng.

Nghĩ cho cùng, nếu lòng mình vô tư thì cứ an nhiên gửi đến cho nhau những lời chúc tốt đẹp dù nó có thật hay không, dù còn giữ lại đó hay đã trở thành tro bụi.

nỗi ám ảnh thời thơ ấu

Có những điều vừa mới xảy ra đã vội quên. Có nhiều điều từ những ngày xa xưa vẫn còn nhớ lại. Thời thơ ấu tôi luôn luôn bị ám ảnh về cái chết. Trong giấc ngủ hằng đêm tôi thường thấy cái chết của ba tôi.

Nỗi ám ảnh ấy chắc hẳn không bắt nguồn từ lớp dày tro bụi của vô thức làm nên từ những cái chết của tổ tiên mà có lẽ từ những năm tù tra tấn chết đi sống lại của ba tôi trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp. Những năm cuối thập niên 1940, chỗ ở chính của ba tôi gần như là nhà tù. Và cái trò chơi “đo lường thể xác” của những tên cai ngục thường buộc ba tôi phải nằm dài trên giường bệnh nhiều hơn là đi hai chân trên mặt đất. Thời gian này, tại Huế, mẹ tôi và tôi thay nhau đi thăm nuôi và năm 1949 tôi được vào nhà lao Thừa Phủ ở cùng ba tôi một năm trước khi cả gia đình cùng kéo nhau vào Sài Gòn.

Rõ ràng là cái chết ấy được bảo động qua một tâm hồn quá nhạy cảm của tuổi thơ. Ba tôi mất đi khi tôi vừa mười lăm tuổi.

Rất nhiều bài hát đầu đời của tôi đã phảng phất cái không khí vắng lặng của sự mất mát. Càng về sau, lúc tiến dần về tuổi trưởng thành, giữa bức xúc của cuộc sống, giữa những năm tháng buồn vui, nỗi ám ảnh ấy đã trở thành lúc nào không hay ngọn nguồn của một nỗi âu lo thường trực về sự vắng bóng con người.

Tôi không phải là kẻ nuôi dưỡng một thứ đam mê buồn tẻ muốn khóc than cho số phận con người, nhưng qua ca khúc tôi muốn đánh lên những tiếng chuông mai, chuông chiều, mượn ánh nắng của trời đất để soi tỏ cái số phận đó cho mỗi người có thể nhìn mình và nhìn người rõ hơn, chăm chú hơn cho đến một lúc nào đó thì mọi sự tốt lành, thì tình yêu sẽ khiến chúng ta thấy rằng con đường duy nhất đi đến với người khác trên mặt đất này không phải là sự ác độc mà chính là một lòng nhân ái vô biên.

Tôi muốn hát lên lòng nhân ái đó mãi mãi, đã hát lên trong một thời niên thiếu và giờ đây đang nỗ lực tìm những mạch nguồn đi sâu vào cội rễ của nó để có thể hoàn thiện một tiếng hát mới mẻ, đầy nhân hậu cho những ca khúc ngày mai của riêng mình.

viết ở osaka

To Phạm Phú Ngọc Trai

Fax 848435627

Viet Nam

23-1-1996, Osaka

Trai ơi,

Đến phi trường Osaka lúc 5g sáng. Trời lơ mờ. Bên ngoài trời lạnh 5°C. Trời đẹp. Trong cảng rộng nhưng lạnh lẽo vì cho một cảm giác trật tự kim loại. Thủ tục hải quan nhanh, gọn và lịch sự. Hành lý xuống sân chỉ đến mang bỏ lên xe đẩy là đi. Phòng trọ nhỏ, bình thường dù International Hotel Osaka là khách sạn khá lớn ở trung tâm thành phố, cách phi trường khoảng 40km. Cô phụ trách dọn dẹp, làm sạch phòng xinh đẹp, trẻ, cao tên là Kodama có ghi trên một tấm carte để ở bàn viết. Có một điều lạ mà các khách sạn ở khắp nơi trên thế giới không có là tủ lạnh. Trong tủ lạnh các loại nước, bia, rượu, được để vào từng ô nhỏ vừa khít hình chai chỉ lòi cái đầu chai ra ngoài. Tôi rút thử một chai lại đúng vào chai whisky nhỏ. Bỏ vào lại không được. Đọc lại cái tờ giấy hướng dẫn dần bên ngoài mới vỡ lẽ. Chai nào đã rút ra là máy có nguồn tự động tính tiền rồi, không bỏ vào lại được. Nếu cố gắng nhét vào (cũng không được) thì máy cứ tự động tính thêm lần 2, 3. Một chai whisky nhỏ bầu bầu giá 1.800 yen, khoảng 18USD.

24-1-1996

Đi Kyoto. Thăm chùa cổ: KIYO MIZU DERA. Lạnh. Cổ thật. Uống nước từ suối cao chảy xuống. Lấy gạo hứng nước, cầu nguyện và uống.

Đi chùa Kim Các Tự. Vàng thật. 20 kg vàng ròng thép hai tầng của Kim Các Tự - xung quanh là rừng. Phía tây mặt trời lặn nhìn từ phòng Trà Đạo là một không gian núi rừng u tịch. Có một thác mắc nhỏ: Mishima viết Kim Các Tự và sau đó tự tử để làm gì? Không biết được - Kim Các Tự là câu chuyện tình lớn như mọi câu chuyện tình lớn mà bạn đã đi qua.

From: Trịnh Công Sơn

Room: 921

25-1-1996

Naka là người phiên dịch xinh đẹp. Giống V.A quá. Đi thăm Nara. Thành phố cổ nhất của Japan. Lạy Phật. Tượng Phật lớn. Lớn nhất thế giới bằng đồng đẹp quá. Buddha Vaizocana. Hoàng đế Shomn xây dựng từ năm 752 A.D. Đi thăm tiếp chùa Tháp ba tầng. Nhớ Linh Mục Huế. Nara đẹp, Kyoto đẹp. Văn minh, tĩnh lặng mà đẹp quá. Lạnh quá.

Sẽ nói với Trai về nàng Naka khi về. Đây là bài thơ tặng Naka (mà sẽ tặng nàng ngày sinh nhật 30-1-1996). Khi đi Tokyo về.

Ichinichino,

Ko Fu Ku

Issei wa Mijikai

Hone made Ashite!

Zannen Dewanai

Hokano Seikatsuwa

Hajime mashô^()*



Thăm một chùa cổ ở Kyoto

Đàn Koto réo rất suốt ngày ở quán ăn uống.

Hôm nay là một ngày vui. Hôm qua cũng là một ngày vui. Gặp ông thống đốc tỉnh Osaka. Quà kỷ niệm. Chụp hình lưu niệm. Ông governor là một nghệ sĩ hài nổi tiếng được nhân dân bầu. Ở Tokyo ông governor cũng là một nghệ sĩ. Thời đại của văn học nghệ thuật đang nảy mầm tươi tốt ở Nhật? Buổi tiếp tân vui nhộn, nong nàn. Hồng Nhung mặc áo gấm dài VN. Hát không có đàn. TCS cũng hát. Và ông giám đốc sở văn hóa cũng cùng mọi người hát. Đời như trẻ lại. Gặp những người lãnh đạo Hội Osaka 21st Century Association vui quá.

Thêm một cô phiên dịch cao, thông minh, dễ thương: Kozumi. Ôi, Trai ơi, đời bỗng đẹp sao.

Muốn nói nhiều về Naka quá. Naka sẽ là một member của gia đình IBC

nghe. Ở đây không thấy Pepsi. Chỉ toàn Coca. Uống Sake lại thấy whisky dở quá. Naka. Naka.

Na như quả Na, Ka như ca hát.

Nhiều chuyện để nói lắm nhưng chắc về tại quê nhà mới viết hết được. Bây giờ lòng tràn ngập những điều lý thú mà hình như cứ giữ lấy sự đầy tràn ấy thì mới có cảm giác là mình mập mạp hơn (phồn vinh già tạo).

Ngày mai là buổi hội thảo. Symposium lần thứ 4 về đời sống văn hóa châu Á. Văn hóa tóm lại chỉ là con người. Điều đầu tiên và điều cuối cùng: con người. Viết đến đây bỗng giật mình đọc ở bảng chỉ dẫn: En caso de terremoto. Trường hợp động đất. Không có cái mũ an toàn nào để che đầu cả. Naka. Bào trọng Trai nghe.

Osaka 1-1996. Sg sáng

28-1. Tokyo.

29-1. Về lại Osaka.

Mặt trời và nắng. Tuyết bỗng rơi hạt nhỏ, và lạnh bất ngờ.

Đi về phố chính tuyết lại rơi, hạt lớn hơn. Cả phố mặc áo sạm và tuyết trắng đọng trên tóc trên áo. Áo của Hồng Nhung đỏ cũng chịu khó đọng tuyết và tan đi. Tan đi tuyết. Tan đi mọi ảo tưởng.

(1996)

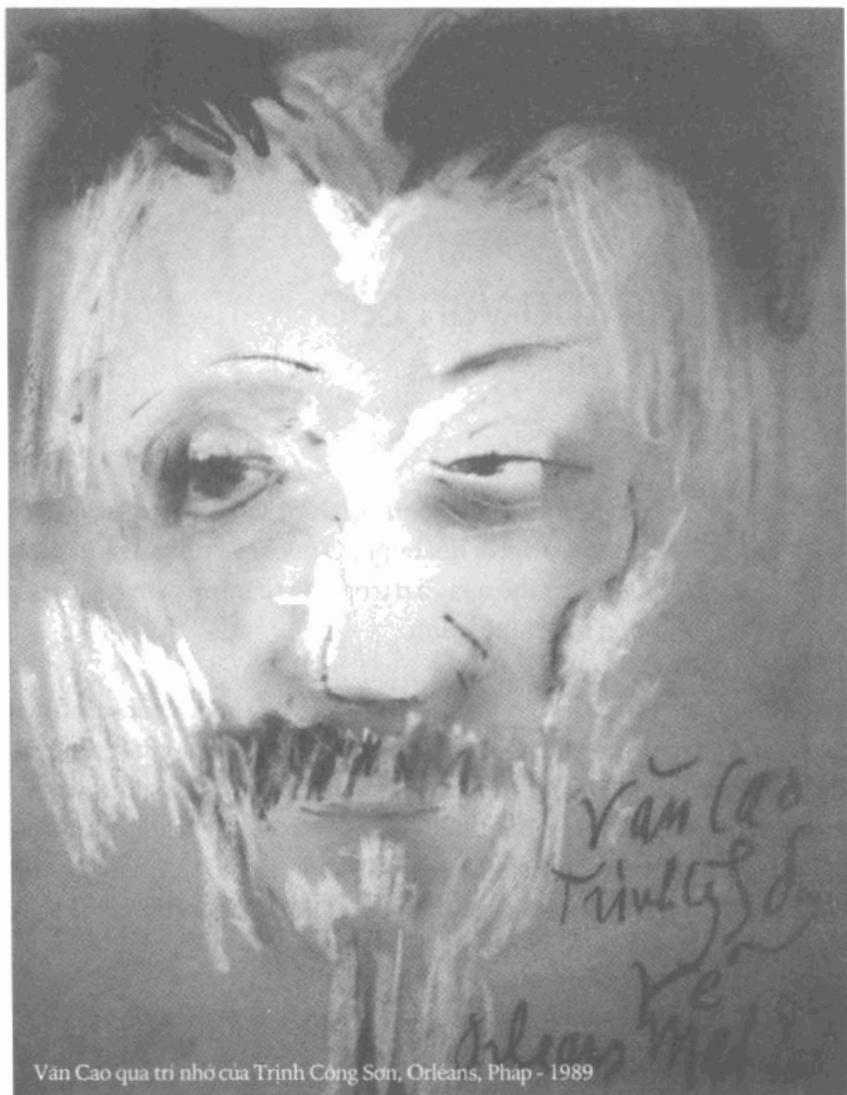
(*) Một đoạn thơ phiên ngữ không dịch được

trước bàn thờ văn cao

Khi người ta vui buồn thì người ta có thể ở trong nỗi buồn và ở ngoài nỗi buồn. Ở ngoài để nhìn ngắm mình buồn như thế nào và ở trong để tự mình gặm nhấm nỗi buồn của chính mình.

Ngồi nhìn bàn thờ anh Văn Cao tôi tưởng đây là một cảnh của một cuốn phim nào đó về anh. Có thể sắm một vai cho một cuốn phim là chuyện bình thường. Anh Văn Cao cũng đã từng đóng vai này vai nọ trong cuộc sống. Nhưng hôm nay, giữa Hà Nội này, hình như anh không đóng một vai nào cả. Đóng kịch cũng là một trò vui nhưng không phải ai trong đời sống này cũng thích đùa. Đùa cho vui thì tốt nhưng đùa dai quá đôi lúc cũng phiền.

Anh Văn cũng có cái khía cạnh thích đùa trong đời sống nhưng mà đùa với ai là một chuyện khác. Đùa để thấy chẳng có gì trọng trong cuộc đời. Tôi thường hay muốn nhìn cuộc đời rất nhẹ và đời cũng trả lại những cơn gió nhẹ nhàng cho tôi. Anh Văn hình như cũng muốn tìm về một điều gì nhẹ nhàng như thế. Nhưng cái nhẹ nhàng ấy bây giờ đang ở đâu. Ở đâu thì anh Văn tự biết lấy. Và để biết đòi điều trong cuộc sống thì chính giờ phút này anh biết rõ hơn ai cả. Anh đi qua cái sống và cái chết và bây giờ anh đang ở đâu. Đang ở đâu nhiều khi anh Văn cũng không biết. Đang ở đâu là một câu hỏi nhiều khi cả đời không trả lời được.



*Cuộc đời to lớn và con người vô cùng nhỏ bé. Nhỏ bé
và lớn lao thì cũng vậy mà thôi. Cái lớn nằm trong
cái nhỏ và cái nhỏ cũng có thể là vô biên.*

Anh Văn ơi, chết có nghĩa là không còn có mặt trong cuộc đời này nữa. Tuy nhiên không có mặt nơi này biết đâu vẫn có thể có mặt ở một nơi nào đó. Làm sao mình họa một cuộc đời cho thật hoàn chỉnh. Khó quá. Thế thì anh Văn đã ra đi hay vẫn còn ở lại. Ra đi và ở lại hình như cũng là những khái niệm tương đối có một điều gì đó rất mơ hồ về sự hiện hữu.

Đêm nay Hà Nội hát nhạc anh. Anh vẫn có mặt và như thế có nghĩa rằng hôm qua cũng chỉ là hôm nay, và quá khứ cũng phần nào chỉ là hiện tại. Anh vẫn ở đó dù ly rượu trên bàn không thuộc về anh nữa. Ở đó hoặc không còn ở đó thì có gì quan trọng vì ở và đi chỉ là một thứ hành trình vô nghĩa.

Anh Văn ơi, sao anh ra đi mà tôi cứ có cảm giác như một cuộc hành hương từng bừng về cố quận. Chỉ thấy nụ cười và nụ cười. Nụ cười anh đã lỡ mở ra không cần giấu diếm với một không gian nhỏ bé quanh anh.

Ở đâu rồi và ở đâu anh đang bước những bước đi không chính xác. Không chính xác đôi khi cũng là bản chất của người nghệ sĩ. Anh thì cần gì nghệ sĩ hay không. Quên đi những ai tự cho mình là nghệ sĩ. Anh cứ là anh như một kẻ tình cờ lạc lối đến nơi này. Không mưu toan gì, không ăn hận gì nhưng dù sao cũng phải yêu thương cuộc đời này dù anh đang ở một cuộc đời khác.

Một cuộc đời khác, anh Văn ơi, chỉ là để nhớ cuộc đời này.

Như vậy đã một năm rồi. Anh đi xa, quá xa, xa đến độ tôi không còn cầm được bàn tay anh nữa. Anh đi xa mà vẫn còn gần. Gần lắm vì những ly rượu bọn này uống hàng ngày vẫn cứ nhớ Văn Cao^(*). Nhớ Văn Cao, nhớ Nguyễn Tuấn, Bùi Xuân Phái, nhớ Nguyễn Sáng, và anh Nguyễn Xuân Khoát.

Nhớ biết bao nhiêu người không đếm được trong cuộc đời vừa bao la vừa nhỏ bé này. Những con người to lớn, và cuộc đời nhỏ bé. Và cũng thế, cuộc đời to lớn và con người vô cùng nhỏ bé. Nhỏ bé và lớn lao thì cũng

vậy mà thôi. Cái lớn nằm trong cái nhỏ và cái nhỏ cũng có thể là vô biên.

Anh Văn Cao ơi, anh muốn anh là nhỏ hay là vĩ đại. Vĩ đại chỉ là một giấc mơ không có thực. Đừng bao giờ mơ tưởng một giấc mộng có thể đưa ta về một bờ bên của vĩnh hằng. Hư vô đôi khi có thể là một niềm an ủi anh Văn ạ. Anh ở đó và anh đừng nghĩ rằng những con người còn ở lại trong cuộc sống này không biết thế chấp cuộc đời mình với hư vô. Hư vô và hư không thì cũng vậy. Nó mang đến cho mình một nỗi trống trải trong lòng nhưng có thật.

Sống là đánh đu với chốn hồ nghi. Bao giờ chúng ta ra khỏi đời này thì nỗi hồ nghi kia mới không tồn tại nữa.

Chỉ riêng tôi và những ai đã từng gần gũi yêu mến anh. Tôi nhớ anh và nghĩ rằng cuộc đời vẫn còn anh ở đó. Anh cứ miệt mài ở một cõi khác và cõi này thì vẫn còn những nụ cười mãi mãi đáng hiến cho cuộc đời này.

Anh Văn, thế là một năm anh xa lìa bọn này. Xa cách mà vẫn nhớ nhung nhau. Bên từng ly rượu. Đừng buồn nghe anh Văn.

Anh Văn ơi, đừng buồn, bởi có gì tồn tại mãi đâu. Có đây và mất đây. Cái tồn tại hôm nay là tạm bợ, cái vĩnh viễn là tấm lòng chung thủy quá hiếm hoi.

Sống là đánh đu với chốn hồ nghi.

Lá ơi,
Bây giờ lá ở chốn nào?
 (Lá - Tập thơ Văn Cao)

(1996)

ghi

Buổi sáng thức dậy thấy một bông hoa nở như người mẹ thấy một đứa con mới ra đời. Tờ báo *Thế Giới Âm Nhạc* mới ra đời lại rơi vào mùa xuân. Mùa xuân hoa cỏ lá cây được tái sinh để làm một đời mới. Mùa phục sinh khiến ai ai cũng thêm muốn. Nếu ta được phục sinh nhiều lần trong đời có lẽ đời sẽ vui biết bao nhiêu. Và ân sủng ấy nếu có mãi thì cuộc đời có một điều để nói, đó là lời cảm ơn. Một lời cảm ơn phải viết hoa hoặc nói theo kiểu xưa thì viết bằng đại tự. Xin cảm ơn cuộc đời, thiên nhiên, đã cho cây cỏ thức dậy nhiều lần. Cũng như cuộc đời đã cho con người biết tỉnh thức. Sống ai cũng thêm khát nhưng sống như thế nào hình như cũng có một cách sống khác nữa.

Sống là vì yêu thương cuộc đời. Yêu thương nên càng muốn sống. Để nhìn, để thấy mãi những vóc dáng xinh đẹp mà cuộc đời đã cho ta nhìn ngắm. Đó là ân huệ. Đó là một quà tặng của trần gian. Chết thì ai ai cũng phải có lần tham dự vào chung cuộc đó. Nhưng sống dù sao vẫn vui hơn chết. Vì trần gian chỉ có một lần gặp gỡ. Đến với nó rồi sao

đành bỏ đi. Không muốn bỏ đi, vậy mà có lúc phải bỏ đi. Cái thân phận con người hữu hạn phải đành thôi. Hình như có khi phải chống lại định mệnh để tự mình làm lấy định mệnh của mình. Cháng qua đó là vì yêu quá cuộc đời này thôi.

Khi yêu quá cuộc đời này có nghĩa là yêu những nhan sắc trong trần thế. Và tôi cũng không hy vọng gì, ở thiên đường bởi vì tôi tin rằng chỉ có trên mặt đất trần gian này mới có thể có hạnh phúc của một cuộc đời tương tự hình bóng tôi.

Nguồn cảm hứng để cho ra đời một bài hát đôi lúc thật bất ngờ. Tôi ngồi ở bờ biển Nha Trang uống rượu cùng bạn bè và nhìn sóng. Từng đợt sóng triền miên âm ỉ xô đẩy bờ và bờ thì yên tĩnh đưa sóng trả lại ngoài khơi. Phút ấy tôi chợt nhớ một câu kinh Phật: “Gaté, Gaté, Para gaté, Para sam gaté Bodhisvaha”. Vượt qua, mọi người cùng vượt qua để đến bên kia bờ giác ngộ. Câu kinh này không liên hệ gì đến tình yêu nhưng tôi lại nghĩ về tình yêu. Những đợt sóng tình phụ bạc đã biết bao nhiêu lần đẩy nhau đến bờ vực thẳm.

Thế rồi hôm ấy, trong giây phút hào hứng bên cạnh Từ Huy và các bạn, có cả ca sĩ Ngọc Thủy của Nha Trang cùng Vinh Trinh, em gái tôi, tôi đã viết *Sóng về đâu* trước mặt biển.

Với tôi đó là một kỷ niệm vui, một sự tình cờ hiếm hoi đã góp ý cho tôi có dịp gửi đến những tình nhân trong cuộc sống này một thứ thông điệp hiến hòa trong tình yêu.

Dù phải xa cách thì cứ xa cách nhưng cố gắng đừng để lại một vết thương nào.

Tháng 12-1996

tóc xanh, tóc trắng

“**A**o xưa dù nhậu cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau”. Đó là lời trong bài hát *Hạ trắng* của tôi. Bạc đầu có phải đã chớm già không. Theo tôi, bạn Đỗ Hồng Ngọc ạ, đó chỉ là thay đổi một màu tóc. Trời đất có bốn mùa. Con người cũng có những mùa riêng của nó. Hết mùa đông, thiên nhiên trở lại mùa xuân. Tôi cũng nghĩ như thế, con người có trái tim biết chiều chuộng và yêu thương cuộc đời cũng sẽ có lại những mùa xuân. Mùa xuân là bất tận đối với thiên nhiên và của cả nhân loại. Đừng bao giờ ngại ngùng nói với đời riêng chung là tôi còn trẻ. Sống trong cùng thời đại, có cùng một ngôn ngữ, một phong tục tập quán, theo tôi, nói với một người trẻ, tôi già rồi em ạ là một điều vô lễ. Hãy mạnh dạn nói rằng: Tôi với em là hai kẻ đồng hành trong cuộc đời này. Sống trong cùng thời đại, tôi nghĩ rằng, không có già không có trẻ. Nếu không thì làm sao cảm thấy nhau được. Tất cả mọi người là bạn dù đó là con của bạn đi nữa. Nếu cuộc đời này ai cũng nghĩ rằng mọi người đều là bạn của nhau chắc là cuộc sống thêm đa thêm thật đẹp để biết bao nhiêu. Đây có thể chỉ là giấc mơ riêng của tôi nhưng trong đời sống tôi đã nhiều lần thấy giấc mơ ấy có thực. Cái biên giới giữa tuổi chớm già và tuổi trẻ chỉ là một ước lệ mà nghìn năm trước đã bịa ra. Cái khuôn phép ấy, đã làm cho thế hệ này và thế hệ kia có những ngăn cách không cần thiết và từ đó đã làm cho cuộc đời buồn tẻ hẳn đi. Tôi cho rằng cách xử thế như vậy là thiếu lòng nhân ái. Có những thứ còn ti trật tự cần giữ gìn nhưng cũng có những thứ còn ti cần xóa bỏ. Xóa bỏ để cuộc đời trở nên thân ái hơn. Yêu thương nhau ai mà không mơ ước. Tóc trắng tóc xanh áo cùng cũng chỉ một màu hư vô mây nước trong trời đất mà thôi.

tình yêu và tiếng hát

Tình yêu cho phép những ca khúc ra đời. Nỗi đau và niềm hân hoan làm thành bào thai sinh nở ra âm nhạc. Âm nhạc như thế là tình yêu, là trong bản thân nó hàm chứa một cõi nhân sinh bẽ bộn những khổ đau và hoan lạc. Không có bất hạnh và nụ cười có lẽ âm nhạc cũng không thể có cơ duyên ra đời.

Có người đi đến với cuộc đời và ngẫm nghĩ: Nếu đời sống vắng bóng âm nhạc và tiếng hát thì ta sẽ như thế nào đây? Ở đâu có con người, ở đó có tiếng hát. Trên mặt đất trần gian này tiếng hát nhắc nhở ta một điều giản dị! Tôi hát và tôi hiện hữu. Tôi tồn tại cũng có nghĩa là tôi sẽ mất đi. Tôi mất đi, mọi người cũng sẽ mất đi, nhưng tiếng hát còn ở lại. Ở lại như một chứng tích vừa buồn bã vừa huy hoàng của một cõi đời.

Tiếng hát thường làm nhớ nhung con người. Nhớ một con người là nhớ cả một trần gian. Cái thân thể mỹ miều của trần gian này nọ đã từng vạch ra những lối đi mờ ảo, hoang đường, trong hể dẫu của cuộc sống.

Thân thể ấy bỗng tự thân đã biến thành thánh địa cho cuộc chiêm ngưỡng tình yêu. Âm nhạc và tiếng hát ra đời để ca tụng một gót chân, một bàn tay, những môi, mắt, má, và đôi khi một mái tóc trăm hương và sau đó là nụ cười, nước mắt của một đời người.

Tiếng hát là con đẻ của thân xác. Từ thân xác bay lên những giai điệu và lời ca. Ca hát là để nhớ nhau và đôi lúc, để an ủi mình. An ủi một cái gì còn ở lại và than thở một điều gì đã ra đi.

Tất cả mọi điều sẽ qua đi, sẽ biến mất, nhưng tiếng hát, câu ca, một khi đã được khai sinh với ngày thời nôi huy hoàng của nó thì sẽ ở lại với đời mãi mãi. Đó là một cuộc rong chơi ngâm ngùi của hữu hạn muốn chộp bắt cái vô hạn làm món quà thể chấp cho đời mình.

1996

tôi đã mơ thấy chuyến đi của mình...

Năm 1996, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có gửi đến báo Thể Thao – Văn Hóa Hà Nội (nay là Thể Thao Ngày Nay) một bài viết. Trong những câu chữ thật buồn, ông đã dự cảm trước ngày hôm nay...

Càng sống nhiều ta càng thấy cái chết dễ dàng đến với bất cứ một ai. Chết quá dễ mà sống thì quá khó. Hôm qua gặp nhau đấy, ngày mai lại mất nhau. Sống thì có hẹn hò hôm nay hôm mai. Chết thì chẳng bao giờ có một cuộc hẹn hò nào trước. Một buổi sáng cách đây bốn năm, lúc tôi đang ngồi uống rượu với bạn, mẹ tôi bảo: “Má đi chơi một chút nghe”. Thế rồi một giờ sau tôi được điện thoại báo tin mẹ tôi đã mất tại nhà người bạn.

Nhạc sĩ Xuân Hồng cũng đã từ biệt chúng tôi như thế. Không kịp nói

một lời, không kịp đưa tay vẫy chào bạn bè, vẫy chào cuộc sống. Thế kỷ 21 thế mà cũng khó đến được dù chỉ còn mấy năm.

Càng yêu ta càng thấy: có tình yêu thì khó mà mất tình thì quá dễ. Hôm qua mới yêu nhau đấy, hôm nay đã mất rồi. Mất sạch như người đi buôn mất hết vốn liếng. Cứ tự an ủi mình khi nghĩ rằng mình đau khổ thì có một kẻ khác đang hạnh phúc. Và biết đâu cái thời gian mình được yêu thì một người khác cũng đau khổ vô cùng. Nghĩ thế thì thấy cuộc đời bỗng nhẹ nhàng hơn và cũng dễ tha thứ cho nhau. Sống mà giữ mãi trong lòng những hờn oán thì cũng nặng nề.

Có người bỏ cuộc đời mà đi như một giấc ngủ quên. Có người bỏ cuộc tình mà đi như người đang trí. Dù sao cũng đã lãng quên một nơi này để đi về một chốn khác. Phụ đời và phụ người hình như cũng vậy mà thôi. Người ở lại bao giờ cũng nhớ thương một hình bóng đã mất. Khó mà quên nhanh, khó mà xóa đi trong lòng một nỗi ngậm ngùi.

Tưởng rằng có thể quên dễ dàng một cuộc tình nhưng hóa ra chẳng bao giờ quên được. Mượn cuộc tình này để xóa cuộc tình kia chỉ là một sự vớ vẩn cho tâm hồn. Những mảnh đời vớ vẩn chỉ đủ để làm phảng lảng một bên ngoài mà thôi. Mỗi một con người vì ngại chết mà muốn sống. Mỗi một con người vì sợ mất tình mà giữ mãi một lòng nhớ nhung.

Cuối cùng thì lòng yêu thương cuộc sống cũng không giữ lại đời người. Cuối cùng thì tình yêu cũng không giữ được người mình yêu...

(Thế Thao Ngày Nay, số ra ngày 5-4-2001)

1991-1996, những đứa trẻ bể dâu

Kể từ đó, ngày 8 tháng 3, có những đứa trẻ lạc loài gặp nhau và tụ lại, quây quần, thành một nhóm gọi là nhóm *Những người bạn*. Trán gian có những ngày hạnh phúc và cả những ngày bất hạnh. Những đứa trẻ này đã từng có một tuổi đời thăng trầm cùng cuộc sống vốn biết rằng đời không có gì quý bằng, khi gió mùa đông tới, một bếp lửa riêng tư để cùng ngồi lại bên nhau sưởi ấm những bàn tay và nhân tiện, cũng sưởi ấm tâm hồn mình.

Cũng kể từ đó, bên bếp lửa nhen nhúm từ những trái tim chân thành, những đứa trẻ đã lớn lên cùng lòng tin yêu của quần chúng anh em bạn bè. Những người bạn chỉ là những đứa trẻ muốn kêu gọi một lòng yêu thương vô bờ của những tâm-hồn-lục-địa-anh-em-trong cuộc đời này. Vì thế những người bạn đã cố gắng thu mình lại, mỗi người, ở một góc

đời riêng, để viết và để vắt hết đời mình thả lộ cùng cuộc đời những gì riêng chung nhất mà đời kia có thể trong phút chốc, hoặc trong dặm dài của đời riêng biết đâu sẽ chia sẻ được.

Cũng kể từ đó nhóm *Những người bạn* đã là những người bạn thật sự với mọi người, đã là những kẻ hành giả lên đường và đi bằng những bước chân của mình, dù khổ ải hay không. Những bước chân đã và sẽ khắc ghi trên lối đi của nỗi niềm riêng với một ước mơ không bao giờ cạn là sẽ tìm được một thông điệp nhỏ nhoi để gửi đến cho mọi bạn bè khắp nơi khắp chốn. Một hành giả và một thông điệp, đó là sứ mệnh khắc nghiệt mà kẻ không được cứu chuộc giữa đời này phải gánh chịu. Không một ai trong những người bạn than van về điều này vì sự nghĩ ra đó là một hăm ảm, một quà tặng quý báu mà đời ban cho.

Kể từ đó, năm năm rồi, nhóm *Những người bạn* không rời con đường đã được vẽ ra cho sứ mệnh hành giả và tiếng nói vui, buồn trong những ca khúc được viết ra đôi khi chỉ là một tiếng thở dài hoặc một lời tán tụng cuộc sống đáng yêu nhưng tựu chung nó vẫn là tấm lòng chung thủy của một nhóm những đứa trẻ có một tuổi đời ngang ngửa với dẫu bề của đời.

Kể từ đó bắt đầu những ngày tháng thương yêu nhau mà sống, mà viết, mà hát những khúc đồng dao với cuộc đời quá hiếm hoi chỉ có ai may mắn mới gặp gỡ được. Kể từ đó không thấy gì quý hơn con người giữa trần gian này. Kể từ đó thấy ai cũng là bạn, không ai là kẻ thù. Kể từ đó nhóm *Những người bạn* biết rằng sống là khó biết đường nào và cũng nhắc nhở nhau hàng phút hàng giây rằng cuộc sống ới hãy để hết tất cả thời gian của đời này cho việc yêu nhau chứ đừng bao giờ mơ màng một phút giận hờn nữa.

Kể từ đó nhóm *Những người bạn* vẫn sống còn để trở thành mãi mãi nhóm *Những người bạn* của tất cả những người bạn có mặt trên đời này.

giấc mơ hạ trắng

Ở Huế mùa hạ, ve kêu râm ran trên những tàn cây như một đàn hợp xướng và nắng nóng oi bức như địa ngục. Thêm vào đó lại còn có gió Lào. Vừa tắm xong là người đã ướt đầm mồ hôi. Bao nhiêu nhiên liệu tích lũy trong cơ thể đều tan ra thành nước. Những đồ vật và quần áo sờ vào cũng có cảm giác như vừa rút trong lò lửa ra. Những mặt đường gần như bốc khói với nhiệt độ 42°-43°C.

Có một mùa hạ năm ấy tôi bị một cơn sốt nặng, nhiệt độ trong người và bên ngoài bằng nhau. Tôi nằm sốt mê man trên giường không còn biết gì. Và bỗng có một lúc nào đó tôi cảm thấy có một hương thơm phù ngập cả căn phòng và tôi chìm đắm vào một giấc mơ như một cơn mê sáng. Tôi thấy mình lạc vào một rừng hoa trắng thơm ngào ngạt, bay bổng trong không gian đó. Đến lúc tỉnh người ướt đầm mồ hôi và tôi nhìn thấy bên cạnh giường có một người con gái nào đó đã đến cắm một bó hoa dạ lý hương trắng rất lớn. Chính cái mùi thơm của dạ lý hương đã đưa tôi vào giấc mơ kia. Giấc mơ trong một mùa hạ nóng bức.

Trong vùng tôi ở, quanh đó chỉ có một nhà duy nhất trồng dạ lý hương nên tôi biết ngay người mang hoa đến là ai.

Sau một tuần lễ tôi hết bệnh. Nghe tin bố người bạn đang hấp hối tôi vội vàng đến thăm. Ông chẳng có bệnh gì ngoài bệnh nhớ thương và buồn rầu. Câu chuyện rất đơn giản. Hai ông bà đã lớn tuổi thường nằm chung trên một sập gụ xưa. Cứ mỗi sáng bà cụ thức dậy và xuống bếp nấu nước sôi để pha trà cho ông cụ uống. Một buổi sáng nọ, cũng theo thường lệ, bà cụ xuống bếp bị gió ngã xuống bất tỉnh và chết. Máy người con ở gần đó tình cờ phát hiện ra và đưa bà cụ về nhà một người để tẩm liệm. Sau đó chôn cất và giấu ông cụ. Khi ông cụ thức dậy hỏi con, mẹ các con đi đâu rồi, thì họ trả lời là mẹ sang nhà chúng con để chăm sóc mấy cháu vì chúng bị bệnh. Vài ngày sau vẫn chưa thấy bà về ông mới trầm ngâm hỏi các con có phải mẹ các con đã chết rồi phải không. Lúc ấy mọi người mới khóc òa lên. Từ đó ông nằm trên sập gụ một mình cơm không ăn, trà không uống cho đến lúc kiệt sức và đi theo cụ bà luôn.

Câu chuyện ám ảnh tôi một thời gian. Và sau đó tôi kết hợp giấc mơ hoa trắng mùa hạ với mối tình già keo sơn này như *áo xưa dù nhẫu cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau* để viết nên bài *Hạ trắng*.

(Thế Giới Âm Nhạc, số 5-1997)

hồi ức

Thuở ấy có một người con gái rất mong manh, đi qua những hàng cây long não lá li ti xanh mượt để đến trường Đại học Văn khoa ở Huế.

Nhiều ngày, nhiều tháng của thuở ấy, người con gái ấy vẫn đi qua dưới những vòm cây long não. Có rất nhiều mùa nắng và mùa mưa cũng theo qua. Những mùa nắng ve râm ran mở ra khúc hát mùa hè trong lá. Mùa mưa Huế người con gái ấy đi qua nhòa nhạt trong mưa giữa hai hàng cây long não mờ mịt.

Nhà cô ấy ở bên kia sông, mỗi ngày phải băng qua một cây cầu rồi mới gặp hàng long não để đến trường.

Từ balcon nhà tôi nhìn xuống, cái bóng dáng ấy đi đi về về mỗi ngày bốn bận. Thời buổi ấy những người con gái Huế chưa hề dùng đến phương tiện có máy nổ và có tốc độ chóng mặt như bây giờ. Trừ những người ở quá xa phải đi xe đạp, còn lại đa số cứ đến trường

bằng những bước đi thông thả hoàng cung. Đi để được ngắm nhìn, để cảm thấy âm thầm trong lòng, mình là một nhan sắc. Nhan sắc cho nhiều người hoặc chỉ cho một người thì có quan trọng gì đâu. Những bước chân ấy từ mọi phía đổ về những ngôi trường với những cái tên quen thuộc, đôi khi lại quá cũ kỹ.

Đi để được những con mắt chung quanh nhìn ngắm nhưng đồng thời cũng tự mình có thì giờ nhìn ngắm trời đất, sông nước và hoa lá thiên nhiên. Long nảo, bàng, phượng đỏ, muối, mù u và một giòng sông Hương chảy quanh thành phố đã phả vào tâm hồn thời con gái một lớp sương khói lãng mạn thanh khiết. Huế nhờ vậy không bao giờ cạn nguồn thi hứng. Thành cổ, đèn đài, lăng tẩm khiến con người dễ có một hoài niệm man mác về quá khứ hơn và một phần nào cũng cứu rỗi cho con người ta khỏi vênh đai tục lụy. Và từ đó Huế đã hình thành cho riêng mình một không gian riêng, một thế giới riêng. Từ đó con người bỗng dưng ra mơ mộng và ước mơ những cõi trời đất như không có thực.

Nhưng thật sự thực và mơ là gì? Thật ra, nói cho cùng, cái này chỉ là ảo ảnh của điều kia. Và với những ảo ảnh đó đã có một thời, khá dài lâu, những con người lớn lên trong thành phố nhỏ nhắn đó đã dẹt gấm thêu hoa những giấc mơ, giấc mộng của mình. Đó cũng là thời gian mà mỗi sớm tinh mơ, mỗi chiều, mỗi tối, tiếng chuông Linh Mục vang xa trong không gian, chuyển đi trên dòng sông để đến với từng căn nhà khép hờ hay đang đóng kín cửa.

Thời gian trôi đi ở đây lặng lẽ quá. Lặng lẽ đến độ người không còn cảm giác về thời gian. Một thứ thời gian không bóng hình, không màu sắc. Chỉ có cái chết của những người già, vào mùa đông giá rét, mới làm sự tĩnh và bỗng chốc nhận ra tiếng nói thì thầm của làng miếu, bia mộ ở những vùng đồi núi chung quanh.

Trong không gian tĩnh mịch và mơ màng đó, thêm chìm đắm vào một khi hậu loáng thoáng liêu trai, người con gái ấy vẫn đi qua đều đặn mỗi ngày dưới hai hàng cây long nảo để đến trường. Đi đến trường mà đôi

Diễm xưa

Mưa vẫn mưa bay trên tầng thán cỏ³
(Mưa vẫn hay mưa trên hàng lá) nhỏ²

Dài tay em mây thuở mắt xanh xao. Nghe lá thu mưa reo mơn gót
bước chiều ngốc ngóng những chuyến mưa qua. Tiến bước chân em sâu thẳm lá...

nhỏ Đường dài hun hút cho mắt thêm sâu.

Mưa vẫn hay mưa trên hàng lá... đó¹², Chợt hồn xanh bắt cho mình xót

xa. Chiều này còn mưa sao em không lại, Nhỡ mai trong cơn đau

vùi làm sao có nhau, hèn trên nổi đau, bước chân em xin về

mưa. Mưa vẫn hay mưa cho đời bên đây, Làm sao em biết bia đá không

đau. Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng

Để người phôi lãng quên mình lãng du
Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau

lúc dường như đi đến một nơi vô định. Định hướng mà không định hướng bởi vì những bước chân ngày nào ấy dường như đang phiêu bồng trên một đám mây hoan lạc của giấc mơ.

Người con gái ấy đã đi qua một cây cầu bắc qua một dòng sông, qua những hàng long não, qua những mùa mưa nắng khắc nghiệt, để cuối cùng đến một nơi hò hẹn. Hò hẹn nhưng không hứa hẹn một điều gì. Bởi vì trong không gian liêu trai ấy hứa hẹn chỉ là một điều hoang đường. Giấc mơ liêu trai nào cũng sẽ không có thực và sẽ biến mất đi.

Người con gái đi qua những hàng cây long não bây giờ đã ở một nơi xa, đã có một đời sống khác. Tất cả chỉ còn là kỷ niệm. Kỷ niệm nào cũng đáng nhớ nhưng cứ phải quên. Người con gái ấy là Diễm của những ngày xưa.

(Thế Giới Âm Nhạc, tháng 3-1997)

quán trọ âm nhạc

Ra đời rồi lên 1, lên 2, lên 3. Đứa bé lên 5 vẫn còn là đứa bé. Mừng sinh nhật lên 5 bé ăn bánh ngọt, bé uống nước Pepsi.

Quán Nhạc Sĩ năm nay (1997) cũng mừng sinh nhật lên 5. Nhưng năm tuổi của bé có tên là Quán Nhạc Sĩ này nó thuộc về một nòi giống khác bởi vì nó sẽ nuốt tươi ít nhất cũng cả chục lít rượu Chivas mà vẫn tỉnh queo trong đêm sinh nhật.

Quán Nhạc Sĩ ra đời trước tiên cũng như là quán trọ, nơi đồn trú của nhóm *Những người bạn*. Đây là chỗ hò hẹn gặp gỡ nhau, ngoài anh em trong nhóm còn bằng hữu Đông Tây Nam Bắc của nhóm nữa. Cái tên cứng cơm Quán Nhạc Sĩ nghe có vẻ thân tình nhưng lại hơi nhuộm màu lam ân, buồn bán tựa như quán phở, quán cơm bình dân vậy. Do đó nhóm quyết định đổi tên thành Câu lạc bộ Nhạc Sĩ. Dù sao đây cũng là một nơi sinh hoạt năng tính chất văn hóa văn nghệ. Thế là từ khi sinh ra đến nay đã có một lần đổi tên gọi cho tụ điểm ca hát này rồi. Cái thay

đôi thứ hai là sân khấu. Trước đây sân khấu nhỏ hơn và nằm phía tay phải từ cổng vào. Về sau vì nhu cầu lớn hơn như thỉnh thoảng có giới thiệu người mẫu thời trang không chuyên... nên cái sân khấu được dời chỗ ngay chính diện với kích thước rộng rãi hơn.

Lo làm đẹp cho mặt bằng này, công đầu tiên thuộc về nhạc sĩ Từ Huy. Bỏ biết bao là công sức mới thành hình được một cơ ngơi tương đối nhìn được như ngày hôm nay.

CLB Nhạc Sĩ tuy mới trụ được vào sinh hoạt chung của thành phố năm thứ 5 nhưng những gì nó làm được thật ra cũng đáng kể và rất đáng khích lệ.

Đa số ca sĩ trẻ đều lấy bệ phóng từ CLB này. Sau đó không ít người đã trở thành ngôi sao không những chỉ trong thành phố mà còn được công nhận trên cả nước.

CLB đã giới thiệu hầu hết các nhạc sĩ tên tuổi của Việt Nam từ các bậc trưởng thượng đến các vị trung và hậu bối.

Câu lạc bộ có một thứ chủ trương hết sức vô tư và quan niệm rằng niềm vui của người khác cũng là niềm vui của chính mình. Từ đó cái gì vui thì làm cái gì buồn thì thôi.

Đời ngẫm cho cùng cũng chỉ là một cuộc chơi. Đứa bé lên năm đôi khi ba mẹ đi vắng tự chơi một mình. Đó là vở kịch nhỏ hàng ngày của bé. Nhưng người lớn thì không thể chơi một mình bởi vì nếu tình cờ bị bắt gặp anh đang chơi một mình thì anh có thể bị tình nghi là cái đầu anh đang có vấn đề. Vì lý do đó nhóm *Những người bạn* phải tạo ra một chỗ để cùng chơi chung. Chỗ đó là CLB Nhạc Sĩ.

Hàng đêm, trừ thứ hai, tuy mưa nắng mà CLB có thể đông hoặc thưa người. Có những đêm mưa lớn, lác đác vẫn thấy vài chục người đến ngồi dưới mái cọ thật cảm động. Những đêm mưa như thế thường khi

người nghe không thể đến được nhưng vài anh em trong nhóm đòi lúc vẫn có mặt, cùng nhau nhấm nháp ly rượu và nhìn mưa trên khoảng sân rộng vắng vẻ của CLB. Trong cái vắng lặng của nối tiếp những đoạn trường mưa lảng mạn hại người như thế, anh em có khi không ai nói với ai một lời, chỉ im lặng rồi đột nhiên cất tiếng cười vang.

Có nhiều đêm không có tên trong chương trình nhưng một vài ca sĩ cũng ghé qua CLB để gặp anh em tán dóc năm điều ba chuyện. CLB vô tình trở thành căn nhà chung, ở đó mọi người đều là anh em cả. Vắng nhau một vài hôm đã thắc mắc hỏi thăm. Nhờ vậy CLB còn là trạm nhấn tin và truyền tin. Ai đau ốm, đi xa, gia đình có việc gì là mọi người đều biết ngay.

Một trong những điều may mắn nhất làm thành niềm vui của CLB nhạc sĩ là cùng với những nỗ lực cấu tạo chương trình, CLB đã hình thành được quán chúng riêng cho mình. Một quán chúng không đông đảo lắm, chỉ vừa đủ nhưng rất chọn lọc và đồng bộ. Một quán chúng có trình độ, biết thưởng thức và đương nhiên là rất yêu âm nhạc. Đó không chỉ là niềm vui riêng của nhóm *Những người bạn* mà còn là niềm cảm hứng hàng đêm của các ca sĩ và ban nhạc. Nó cũng là niềm an ủi, nguồn động viên, để người ca sĩ không còn cảm thấy công việc hàng đêm của mình là sự rao bán tiếng hát nữa.

Nhân sinh nhật lần thứ 5 của CLB nhạc sĩ chúng tôi mong các bạn đồng góp ý kiến để CLB điều chỉnh và tự hoàn thiện mình nhằm đạt đến được mục đích chủ yếu là tạo được một không khí trong lành, êm ả có khả năng làm cho người nghe chia sẻ được cái ý niệm về một cuộc tao ngộ có thật trong một cuộc sống này. Địa chỉ nhận cũng tại CLB này với tờ báo *Thế Giới Âm Nhạc*.

Trong năm năm bao nhiêu là buồn vui đã đi qua CLB này. Nó hình như cũng có cuộc đời riêng của nó. Tâm hồn của nó được làm bằng nỗi buồn vui từ tiếng hát hàng đêm của các ca sĩ chuyên chờ nỗi lòng của các tác giả đến với mọi người.

Đối với nhóm *Những người bạn*, CLB dù chỉ mới năm năm nhưng đã để lại thật nhiều kỷ niệm trong lòng mỗi người. Riêng với Từ Huy thì CLB gần như là căn nhà thứ hai. Số thời gian có mặt ở CLB của anh có thể nhiều hơn ở nhà riêng. Nếu vì một lý do nào đó CLB không thể tồn tại được nữa thì kẻ ngã bệnh đầu tiên chính là người nhạc sĩ làm thơ này.

Dù sao, cho đến giờ phút này, CLB đã trở thành một phần hồn trong sinh hoạt tình cảm và tinh thần của anh em. Có thể một vài người trong nhóm chưa nhận ra hết điều đó nhưng tôi tin chắc rằng đó là điều có thật, cuộc chơi nào cũng có máu thịt riêng của nó.

(1997) (Thế Giới Âm Nhạc, số 1-1998)

cát bụi

Chậm Am

Hạt bụi nào (Hạt bụi) nào hóa kiếp thân tôi Để một
Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi Để một

mai vươn hình hài lớn dậy Ôi cát bụi tuyết
mai tôi về làm cát bụi Ôi cát bụi một...

vì Mặt trời soi. mặt kiếp rong chơi. Hạt bụi

nhạc Tiếng động nào gõ nhịp khăm người. Bao nhiêu

năm làm kiếp con người, Chợt một chiều tóc trắng như vôi Lá

úa trên cao rụng đầy, Cho thêm năm vào chết một ngày. Mặt trời

nào soi sáng tim tôi Để tình yêu xây mòn thành đống cuộc
... nào là xác xơ cây Từ vực sâu nghe lời mồi đã đầy

Xin ụp mặt bụi người, Từng ngày qua mồi ngóng tin vui. Cúm rừng
Ôi cát bụi phàn...

... này Vết mực nào xóa bỏ không hay. Hạt bụi... ..hay

cát bụi

Vào một buổi chiều ngày tháng không còn nhớ, tôi một mình đến rạp Casino xem phim. *Hiệp sĩ mù nghe gió kiếm* tập 6. Đây là một bộ phim nhiều tập, đã xem tập này thì không thể không chờ xem tập khác. Nói chung là tập nào cũng hấp dẫn.

Trong tập 6 có đoạn hiệp sĩ mù xuất kiếm giải cứu cho một nàng Kiều xinh đẹp. Cứ mỗi tuyệt chiêu xuất ra là nghe một tiếng nói bình giải ca ngợi. Đường kiếm như có thêm sức mạnh mỗi lúc mỗi uyển chuyển huy hoàng hơn. Sau khi cứu được nàng Kiều, hiệp sĩ mù quay về phía tiếng nói vãi tay chào hỏi. Hóa ra bên vệ đường, dưới gốc cây to, có một người mù khác đang ngồi xếp bàn, trên hai chân có cây đàn bọc trong bao vải gác ngang. Người nghe sĩ mù có nhà ý muốn chơi một bản đàn tặng hiệp sĩ mù. Hai người bèn kéo nhau vào một khu rừng gần đấy. Hình như là rừng vào thu nên các cành đều trơ lá, chỉ thấy một thảm lá vàng đỏ trải dày trên mặt đất. Hai người ngồi tựa vào hai gốc cây đối diện nhau. Tiếng đàn cất lên như một lời than thở ngậm ngùi về đất trời, về kiếp người. Tiếng đàn nửa chừng bỗng đứt dây. Người nghe sĩ mù nói: có kẻ bất thiện đang nghe lén. Quả đúng như vậy, có một tên gian đang rình rạp hiệp sĩ mù. Thế là hai người lặng lẽ chia tay.

Hết phim, tôi tản bộ lang thang trên phố. Không hiểu sao cái đoạn phim ngắn ngủi ấy khiến tôi buồn buồn. Chiều tôi về nhà, sau khi ăn, tôi ngồi đọc lại cuốn *Zorba le Grec*^(*). Đến đoạn Zorba than thở: “Chim đa đa ơi thôi đừng hót nữa. Tiếng hót mày làm tan nát tim ta”, tôi bỗng gấp sách lại và không đọc nữa. Có một cái gì đó thật trùng hợp trong cùng một buổi chiều. Một nỗi buồn hay một điều gì đó gắn với sự rời xa ly biệt đang cựa mình thức dậy trong tôi. Tôi lại ra đường tìm đến một góc quán quen thuộc ngồi. Trên đường trở về nhà, trong đầu bỗng vang lên một tiếng hát. Tôi lập đi lập lại nhiều lần trong đầu, hát thành tiếng khe khẽ. Đến khi về nhà lấy giấy bút ghi lại thì bài hát đã gần như hoàn chỉnh. Sáng hôm sau mang hát cho một số bạn bè nghe, hầu như ai cũng thích.

Đó là câu chuyện về sự ra đời của bài *Cát bụi*.

Mỗi bài hát gần như đều bắt nguồn từ một duyên cớ nào đó. Có khi từ một câu chuyện không đâu.

Bây giờ thì người hiệp sĩ mù kia đã chết rồi. Khoảng hai năm nay.

Người viết Zorba đã qua đời, dĩ nhiên con chim đa đa kia cũng đã chết. Và nếu Zorba là một con người có thật được Nikos Kazantzakis tiểu thuyết hóa thì nay ông ta cũng đã mất rồi.

“Tiếng động nào gõ nhịp không thôi...”

Thời gian đã nghiền nát tất cả thành cát bụi hết rồi.

(*Thế Giới Âm Nhạc*, số 1-1998)

(*) *Người Hy Lạp Zorba*, bản tiếng Pháp tiểu thuyết của nhà văn Hy Lạp Nikos Kazantzakis, xuất bản lần đầu năm 1946 (nguyên tác có tựa là *Cuộc đời và những cuộc phiêu lưu của Alexis Zorba*), bản tiếng Việt do Dương Tường dịch có tựa *Alexis Zorba, con người hoàn lạc* (NXB Văn Học, 2006). Bộ phim cùng tên được thực hiện năm 1964 rất thành công.

bùi giáng trong cõi nào đây

Hồi chuông báo tử vang lên và một người nằm xuống. Vĩnh viễn xa lìa cuộc đời này. Vĩnh viễn chia lìa. Bùi Giáng thi sĩ mãi mãi trung niên không còn tuổi tác, không còn số phận, không còn quá khứ, không còn hiện tại, không còn tương lai.

Bùi Giáng thi sĩ trung niên là ai?

Là hư không, là vô thường, là thiên niên kỳ trước, là lâu không, là vô biên mầu nhiệm, là bát quái trận đồ vô ra bế tắc mà rốt cùng vẫn luân lưu một sự đời triền miên nói cười hả hê vu vơ mầu nhiệm.

Ở cõi đời này, anh đã đến, đã sống và đã rơi vào một cơn hôn mê bất tận. Anh nói cười bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ với thế gian và từ đó sinh ra ngộ nhận. Ngộ nhận gây nên đôn đau và cũng từ phía đôn đau ấy anh như kẻ đắm tàu mang đi cùng mình một nỗi tuyệt vọng bất khả tư nghi.



Trần Công Sơn, Bối Cảnh, 1989

*Là hư không, là vô thường, là thiên nhiên kỳ trước, là
lâu không, là vô biên màu nhiệm, là bất quái trận
đồ vô ra bế tắc mà rốt cùng vẫn luôn lưu một sự đời
triền miên nói cười hả hê vu vơ màu nhiệm.*

Bùi Giáng ơi thi sĩ Bùi Giáng ơi. Anh đã mắng chửi tôi suốt một đời như một hiền giả đi qua cuộc đời này đã mắng chửi một hòn đá cuội. Tôi đã giác ngộ ra điều đó trong phút anh chia tay với cuộc đời này. Dù sao lý do để tồn tại, tôi nghĩ rằng với anh cũng chỉ bằng một giây phút làm chung. Anh đã yên tâm nhắm mắt, nằm nghỉ trong một giấc ngủ dài. Anh không còn bận tâm về một thiên đường hay một địa ngục nào nữa. Bởi vì, nói cho cùng, thiên đường và địa ngục cũng chính là anh trong cõi tịch lặng của bàn lai diện mục.

Anh đã sống không buồn vui và cũng đã chết không vui buồn. Anh đã sống như đã chết và bây giờ anh chết chính là thời khắc anh được phục sinh. Trên thập giá hồng anh bước xuống và anh nói rằng, “Tôi đã phục sinh”. Bạn bè của tôi ơi tôi đã phục sinh và tôi sẽ nói cho các bạn bè nghe: có một tình yêu đối với tất cả mọi người, một tình yêu vô tận, vô cùng to lớn đó là tình yêu đối với nỗi đau của tất cả mọi người.

Bùi Giáng con đường, Bùi Giáng xứ sở, Bùi Giáng đi qua cuộc đời bé nhỏ. Bé nhỏ mà to. To lớn vô cùng. Bùi Giáng hiền hòa. Bùi Giáng hiểm nguy -Bùi Giáng thi sĩ, Bùi Giáng cũng chẳng ra gì. Đôi khi phi thường quá. Nhiều khi cũng rất phi thường, phi thường trong cõi vô thường.

Bùi Giáng muôn hình vạn trạng. Nói không hết lời. - Hết lời là cạn, Bùi Giáng chảy tràn. Chảy đến trăm năm, chảy bằng nỗi nhớ. Nhớ đời, nhớ cõi. Nhớ cõi xa xăm. Lên ngôi một bận. Nhớ trời lặn đạn. Nhớ em vô tận. Nhớ chốn mênh mông. Bùi Giáng không còn. Ai ơi ai nhớ. Bùi Giáng hư vô. Nhớ làm gì nữa. Bùi Giáng ơi ơi nhớ làm gì nữa. Nhớ làm gì nữa Bùi Giáng ơi ơi.

Bùi Giáng chính là “Le dernier des Mohicans”^(*) trong cõi thi ca to lớn của đất nước này.

Làm sao có thể chia sẻ được một tâm hồn bỏ tất đôn đầu như thế.

Tôi xin ghi lại ở đây những câu thơ cuối cùng anh tặng tôi trước lúc

lâm chung.

*"Công Sơn trình trọng phiêu bóng
 Bảo rằng thơ nhạc còn ngân ấy thời
 Lối về vườn tược xa xôi
 Thừa Thiên Đà Nẵng muôn nơi một mình"*

Bây giờ anh ra đi tôi xin tặng lại anh trong cõi phiêu bóng mộng du làng
 đâng vài câu trong bài hát mới nhất của tôi:

*Tiến thoái lưỡng nan đi về lặn đân
 Ngày xưa lặn đân không biết về đâu

 Tiến thoái lưỡng nan đi về lặn đân
 Ngày nay lặn đân là giọt hư không.*

(7-10-1998)

 (*) Người cuối cùng của bộ tộc Mohican - nguyên tác *The Last of the Mohicans*, tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Mỹ James Fenimore Cooper, xuất bản lần đầu năm 1826. Năm 1992, tiểu thuyết được dựng thành bộ phim cùng tên

hội họa và âm nhạc

Hội họa và âm nhạc là hai người bạn đồng hành trong nghệ thuật. Mỗi người tự là tiếng nói của mình đồng thời cũng là tiếng nói của người kia. Trong âm thanh có màu sắc và ngược lại, trong màu sắc có âm thanh. Khi bạn đứng trước một bức tranh hoặc nhiều bức tranh, trong yên lặng, bạn sẽ nghe từ những khối màu, từ những đường nét vang lên một thứ âm thanh mơ hồ nào đó. Và nếu bạn là nhạc sĩ có thể ghi chép lại hoặc cùng hợp tấu với những âm thanh kia.

Và cũng tương tự như thế, khi bạn nghe một bản nhạc ấy và trong khối lượng âm thanh kia bỗng nhiên mở ra cho bạn một không gian đầy màu sắc, lung linh, óng ả mà có thể để bạn chưa bao giờ nhìn thấy.

Có nhiều điều tôi chỉ có thể vẽ mà không diễn tả bằng âm nhạc được. Lúc ấy tôi phải sử dụng ngay cọ, màu và bố (toile). Ngược lại có những chủ đề chỉ có thể dùng âm nhạc mới nói được điều mình muốn nói.

Tôi đã làm công việc song hành này trong rất nhiều năm và cảm thấy không hề có một sự va chạm hoặc đổ vỡ nào trong nguồn cảm hứng cả. Với tôi đây chỉ là một cuộc vui chơi và đã xem là một cuộc chơi thì tất cả chỉ nhẹ như tơ hồng.



Huyệt
 Thế giới hội họa là một thế giới chỉ có mở ra mà
 không có khép lại. Nó có thể có mở đầu mà không
 có kết thúc. ~~Tôi không~~ là một thế giới
 hoàn thiện trong dạng đó. Chính thiên tài cho
 nó không giống như âm nhạc, thì ca nhạc vẫn chỉ.

1 thế giới
 Nghệ thuật tĩnh hình là ~~thế~~ ^{thế} ~~giới~~ ^{thế giới} ~~ở~~ ^ở lại sâu
 cùng ~~khí~~ ^{khí} mới ~~hết~~ ^{hết} ~~tới~~ ^{tới} ~~tại~~ ^{tại} ~~khắc~~ ^{khắc} ~~đá~~ ^{đá} ~~mới~~ ^{mới} ~~đi~~ ^{đi}.
nhất định hình thức

giữa sài gòn uống rượu nhớ nguyễn tuân và văn cao

Hầu như không có bữa tiệc rượu nào, dù với nhiều người hoặc chỉ một vài người, mà tôi không nhớ đến Nguyễn Tuân và Văn Cao. Có khi chỉ nhớ thoáng qua, có khi lòng trầm xuống, nhớ nhiều. Lúc ấy phải tìm ly rót rượu cho hai anh, đốt lên một nén nhang thơm. Làn khói bay luẩn quẩn và biết đâu hồn người không về đâu đó.

Tôi có một căn phòng riêng vừa đủ dùng để uống rượu, viết nhạc và vẽ. Ở đây rất nhiều năm tháng anh Nguyễn Tuân và Văn Cao đã nằm ngôi uống rượu cùng tôi mỗi lần các anh từ Hà Nội vào. Thường xuyên nhất là anh Nguyễn Tuân những năm sau ngày thống nhất. Hình như anh Tuân và tôi ghiền gặp gỡ nhau để vừa uống rượu vừa nói về một thứ chuyện đời hư hư thực thực. Thậm chí có những ngày tôi đang ở Huế, anh vẫn một mình đến căn phòng quen thuộc này, nằm trên chiếc

vông, sai bảo em gái tôi lấy rượu và kho một om nhỏ cá bóng thệ để anh nhậu một mình. Anh bảo với em gái tôi: Cô Diệu này, mỗi ngày tôi sẽ đến đây nằm vông uống rượu và nhấm cái bầy bóng kho trên nệm ớt ấy để nghĩ đến anh cô trong một tiếng rưỡi đồng hồ rồi tôi về. Cái ông Tuấn nghịch ngợm này là thế đó, cười bằng con mắt có đuôi, vừa thâm giễu cợt vừa khinh bạc đời.

Đời sống trôi qua êm đềm thế. Những ly rượu lướt qua. Thời gian trôi qua. Những khuôn mặt Nguyễn Tuấn, Văn Cao chập chờn qua ở góc này, phố nọ giữa Sài Gòn này. Như chưa hề có 30 năm chiến tranh chia cách người nọ với người kia. Như chưa hề có đớn đau rồi hạnh phúc. Như chưa bao giờ có ly biệt rồi trùng phùng.

Những ngày vui chơi giữa Sài Gòn này cùng các anh tướng như vô tận mà lại có lúc tận. Rượu thì vô hạn mà đời người thì hữu hạn.

Đã bao nhiêu mùa xuân qua rồi. Bao nhiêu đêm giao thừa tôi ngồi uống rượu và nhớ đến các anh Nguyễn Tuấn, Văn Cao. Trăm hương không đủ để làm ấm lại một không gian đã vắng những khuôn mặt người vắng để nhớ. Nhớ như nhớ một vết thương.

Bạn trong đời sống uống rượu đường dài có nhiều nhưng không phải ly rượu nào uống cũng quý và bữa tiệc rượu nào cũng vui.

Những ngày sắp cuối năm dương lịch trời trở lạnh. Cái rét như thế này Sài Gòn thật hiếm khi có. Một thứ trời đất dễ làm những con người cán gập gối nhau và nâng lên cốc rượu. Những ly rượu hôm nay lại nhắc nhớ những ly rượu xưa. Những ly rượu cùng anh Tuấn ở một quán cóc giữa đêm mưa cạnh một nhà ga ở Huế. Những ly rượu trên một căn gác ở Hà Nội. Và những ly rượu ở Sài Gòn. Thời tiết này mà vắng những người bạn vong niên ấy thật là một điều tệ hại của đời. Đời có những sự, những cách sắp xếp riêng của nó, nhưng thường khi và có lẽ luôn luôn như vậy, không theo kiểu mưa thuận gió hòa. Điều ta cần để lại thì nó lấy đi. Điều ta không cần thì nó để lại. Nếu có thật một bàn tay nào đã

sắp xếp cuộc đời này thì đó là bàn tay của ma quỷ.

Khi ta ngồi uống rượu một mình và nhớ đến những người đã khuất thì đó là một điều bất hạnh. Khi ta ngồi uống rượu một mình và không còn nhớ đến ai cả thì đó là một điều bất hạnh gấp đôi.

Mỗi ngày, trong đời sống, khi đã nâng cốc rượu lên thì phải uống. Có thể uống vì rượu ngon, có thể uống vì ly đẹp và trước hết uống vì người cùng uống nhưng trong sâu thẳm là uống để chia sẻ những ngọt bùi đắng cay với chính mình.

Những ngày cuối năm 1998 ở Sài Gòn uống rượu và nhớ anh Tuấn, anh Văn. Nhớ các anh như nhớ những tiểu phẩm cuối đời chưa viết xong. Nhớ các anh như nhớ những ly rượu để chênh vênh bên thêm cửa sổ chực ngả xuống lòng đường để vỡ nát.

Bên lề một thế kỷ khác, sắp bước vào. Nỗi nhớ bạn vong niên trầm luân đã khuất. Nỗi nhớ ấy sẽ mang một vóc dáng nào nữa đây và ly rượu này sẽ mang một hình hài nào khác nữa không?

Tháng 12-1998 (Sài Gòn Tiếp Thị, xuân 1999)

đò lại đưa

Thế mà đã gần 5 năm Đò đưa văng mặt trên *Sóng Nhạc*. Cùng vào thời gian này dòng thư tín cũng bị gián đoạn và Đò đưa cùng bạn đọc *Sóng Nhạc* đành phải thất lạc nhau. Một sự thất lạc hoàn toàn không có tình có ý mà chỉ vì một sự thất thoát hỗn nhiên của một vài sự kiện trong đời sống rồi nó đẩy đưa lui tới làm rối tung một thứ trật tự không phải tự nhiên mà được hình thành.

Hôm nay Đò đưa trở lại. Đưa con thất lạc đã về lại nhà. Đưa con đi hoang đã trở về cố quán. Lời nói đầu tiên là lời xin lỗi gửi đến bạn bè khắp khắp nơi nơi. Xin lỗi là vì không có đất để trả lời thư của các bạn gửi đến, còn trả lời thư riêng thì cho dù được sống cùng một lúc ba cuộc đời cũng không thể nào trả lời hết được.

Ai cũng muốn có một lời tâm tình dành riêng cho mình. Điều đó dễ hiểu. Một lá thư từ miền cực Bắc. Một lá thư từ vì vu gió thổi ở cuối trời đất nước cực Nam. Làm sao không cảm động, nhưng để thỏa mãn một

nhu cầu tình cảm đòi hỏi phải có thì giờ, phải có một khoảng trời riêng để nói, để viết, và để tâm sự. Nhưng tâm sự với một người chưa quen thì cũng không phải là điều dễ. Vì vậy, chúng ta nên có một giao ước chung là mọi người thăm hỏi, thắc mắc, đòi hỏi một điều gì đó đều được điều trần trên trang *Đò đưa của Sóng Nhạc* bộ mới.

Đò đưa trở lại có nghĩa là có một bến sông thức dậy. Thức dậy cũng có nghĩa là có một đời sống đã tỉnh thức bên bờ một dòng sông. “Đưa người ta không đưa sang sông - Mà nghe tiếng sóng ở trong lòng”. Không có liên hệ gì với Đò đưa ở đây. Tuy nhiên đò nào mà chẳng đưa. Dù chỉ một người. Phải đưa vì nếu không bờ này sẽ nhớ bến nọ và những bờ bến hoang vu của những năm xa cách sẽ nghĩ rằng người người đời đời đã phụ mình. Đò đưa đưa đò. Đò lại đưa, đưa lại về chốn cũ nào đây. Thông dong sẽ có nơi này. Bạn bè bốn phía có rày có mai.

(*Sóng Nhạc* số 3, tháng 12-1998)

viết và thở

Có một thời tôi cần viết nhạc như cần thở vậy. Thời trẻ trung, vụng động, thở nhiều, viết khỏe. Càng lớn công việc hô hấp càng dễ huê, bớt căng thẳng, nhịp viết lách có vẻ là lơ lơi rai hơn.

Có mọi bầu không khí dành cho sự hít thở. Vì hô hấp quá cần cho sự sống nên không mấy ai chịu lười thở. Người ở đồng bằng thở theo kiểu sông rạch trôi đi miên man lơ bời phù sa, nước phèn, mặn ngọt. Người chung lưng thở kiểu ẩm đục sương giăng. Người ở trên non thở hồn nhiên lãng đãng.

Tôi đã đi qua những bề thế ấy, viết và thở. Có khi viết thở kiểu hào hoa phong nhã công tử Bạc Liêu. Có khi hồn xiêu phách lạc viết thở theo phong thái ngơ ngàng râu râu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh. Lại có lúc thơ thới hồn nhiên viết thở tựa hồ như những bước chân hân hoan của “Hoàng tử bé” rong chơi qua mọi vùng sinh thái tinh cầu.

Thời đại chúng ta đang sống, con người xô đẩy nhau la ó về chuyện cần làm sạch sẽ môi sinh. Càng văn minh càng ô nhiễm khó thở. Không khí vốn là một món ăn thiên nhiên tạo hóa đã dành sẵn cho lá phổi. Bổng một hôm, hai bữa, ba bốn ngày nọ tiếp nối đổ xô về hàng loạt những thứ bụi bặm kịch cớm mùa mưa rồi rảm trên trời dưới đất, trên nguồn dưới lũng, không dung tha, không khoan nhượng. Thứ bụi rác độc hại đã xé toang buống phổi sự sống của chúng ta. Mọi thứ sinh linh khác cũng khó bề tồn tại.

Không khí vốn vô tư. Ai muốn thở cũng được.

Tôi vốn viết nhạc cũng như thở vậy.

Có điều khi thở tôi chọn cái không khí trong lành để cho lá phổi không than phiền và cái sự hô hấp cũng bớt đi phần gian nan.

Một bài hát cũng vậy. Hát để thăng hoa đồng thời cũng để an ủi. Sản phẩm văn nghệ chỉ đẹp khi có khả năng xóa đi những nỗi giận hờn. Nó có bao giờ muốn đèo bồng một thứ trên, dưới, để tự hủy diệt nó đâu.

việc thiện

Thường người ta vẫn nghĩ rằng kẻ làm việc từ thiện phải là kẻ giàu có. Thật sự không phải như vậy. Ai cũng có thể làm việc thiện. Người ca sĩ hát một xuất và hiến hết số tiền lãnh được. Người nhạc sĩ tổ chức một chương trình nhạc của mình và tặng hết số tiền thu được. Đó là cách dùng tài sản vừa trời ban cho, vừa chính bản thân mình tạo dựng để chia sẻ cho đời.

Không ai tự nhiên mà giàu có. Phải làm việc bằng cách này cách nọ. Nhưng giàu có cũng lắm cách: Không phải ai cũng giống ai. Có kẻ quá giàu mà không muốn cho, không muốn san sẻ của cải cho bất kỳ một ai khác. Có kẻ không giàu nhưng tràn đầy hạnh bố thí. Hạnh bố thí tưởng dễ mà rất khó. Cho nhưng cách cho như thế nào để sự cho trở thành một đức hạnh, một sự mẫu nhiệm của lòng nhân từ, một thứ hạnh chan chứa lòng yêu thương.

Khi ta cho mà tâm ta vô cầu thì mầm từ bi đã đâm chồi và quả hân hoan đã kết trái. Lòng ta vui sướng, tràn trề hạnh phúc mà không hiểu vì đâu. Không hiểu vì đâu vì cái ta cho đã được trả lại gấp nhiều lần hơn và làm ta mất phương hướng.

Khi làm việc thiện người ta không chờ kẻ xin. Người làm việc thiện chân chính là kẻ phải tự mình mang đến một cách tình nguyện để dâng hiến những của cải dù khiêm tốn hoặc tráng lệ cho đời, cho người. Và ngược lại người chờ lòng từ thiện cũng không nên tự biến mình thành kẻ xin. Từ đó, cho và nhận đã trở thành một vấn đề khiến ta cần suy nghĩ. Người nhạc sĩ khi viết được một bài hát hay, đó là làm được một việc thiện. Đó là một quà tặng mang đến cho đời. Người ca sĩ khi hát hay một bài hát cũng là một quà tặng mang đến cho người. Đã biết cho thì sẽ được nhận. Thường cái quà nhận được lớn hơn gấp vạn lần cái điều mình đã mang cho. Sống trong cuộc đời, vì vậy, phải mang trái tim ra mà sống, để đừng bao giờ phải ân hận là mình chưa sống hết lòng.

Làm việc thiện không phải là lưu trữ một thứ của cải riêng cho mình. Nếu cán tích lũy thì hãy tàng trữ cái kho báu ngọt ngào mà đời đã ban tặng lại cho ta. Chính điều ấy đã nuôi sống và làm cho trái tim trở thành bất hoại.

(Sóng Nhạc số 3, tháng 12-1998)

những lá thư...

Tự nhiên những ngày cuối năm 1998 hàng đồng thư bỗng như những cánh én chao lượn trên bầu trời nơi tôi ở. Sắp là mùa xuân nhưng chưa phải mùa xuân. Những lá thư xa lạ từ miền Bắc gửi vào. Không phải thư của bạn, cũng không phải thư người yêu. Người yêu thì dĩ nhiên không có rồi. Lá thư trẻ nhất: 12 tuổi. Lá thư lớn nhất là của một giáo viên đi dạy trên mười năm. Số còn lại là lứa tuổi sinh viên học sinh trong độ 16 đến 19 tuổi.

Xin cảm ơn tất cả các bạn. Vì một chút vô tình mà báo *Hoa Học Trò* đã mách bảo cho các bạn địa chỉ của tôi. Đã từ lâu tôi muốn lánh mình trong một cuộc chơi khác. Cuộc chơi chỉ có mình với mình. Một mình với mình không có nghĩa là không có những người xung quanh. Nhưng tôi chỉ tham dự như một thành phần ở ngoại cuộc và không có đối thoại. Tôi muốn giữ một sự tịch lặng cho riêng mình và để cho những tiếng nói xung quanh trở thành một sự xao động bình thường của thiên nhiên.

Đa số những lá thư đều tập trung vào một yêu cầu: xin ảnh và chữ ký. Điều này không lạ. Ngược lại điều này biểu lộ một tình cảm yêu thương vô hạn và đôi khi khiến tâm hồn mẫn cảm của người làm nghệ thuật muốn khóc. Vì sao vậy? Vì như thế cuộc đời vẫn còn đẹp quá. Tuy nhiên tôi đang tìm một biện pháp hay nhất để mọi người đều có ảnh và chữ ký của tôi mà khỏi vất vả gửi đến địa chỉ từng người. Chỉ mong các bạn đừng giận vì khi giận chúng ta sẽ đánh mất lòng thương yêu.

Các bạn trẻ ơi! Mùa xuân đến các bạn thử đề thi giờ xếp quanh co hình hài những con hạc như những lời chúc phúc. Đừng bao giờ xếp những lá thư theo kiểu khó gỡ như một thách thức sự kiên nhẫn của người nhận. Tôi rất mệt mỏi khi nhận những lá thư kiểu đó.

Khi nói đến lá thư là nói đến một thông điệp đã gửi đi. Thông điệp có thể dài, có thể ngắn. Có những thông điệp dài mà không chứa đựng một nội dung đáng kể. Lại có những thông điệp ngắn, rất gọn ghẽ, mà lượng thông tin trong ấy có thể quật ngã một con người. Con đường thư tín vậy đôi khi rất hiền hòa, nhưng đôi khi cũng đầy hiểm họa. Nó mang đến niềm vui cho người nhận nhưng lắm lúc cũng mang đến nỗi buồn.

Những lá thư từ miền Bắc nói chung và Hà Nội nói riêng, hình như nó mang một âm hưởng tựa tựa nhau. Một thứ âm hưởng mang giọng nói và tình cảm của một miền đất nước. Rất thiết tha và để lại một điều gì đó trong lòng người nhận. Xin cảm ơn tất cả vì qua những lá thư đã gửi cho tôi, tôi tìm thấy được một tấm lòng yêu thương thấm thiết.

Mùa xuân này, qua Đò đưa, xin gửi đến tất cả các bạn xa gần một mùa xuân lớn hơn kéo dài cho đến thế kỷ tới.

những lá thư tiếp...

Hàng trăm lá thư tiếp tục bay về nơi chốn tôi ở sau khi báo *Hoa Học Trò* đăng địa chỉ trên báo. Có một điều chung trong tất cả những lá thư ấy là lời hỏi thăm, lời chúc sức khỏe, sau đó là chờ đợi thư trả lời cùng với một tấm ảnh có ký tên. Một số lá thư khác thì xin chép tay cho bài nhạc này hoặc bài hát nọ. Hầu hết những lá thư đều mang tên những địa danh ở miền Bắc. Thư nào cũng mang một nội dung chứa chan tình cảm và lòng tôi thấy được an ủi vô cùng. Tuy nhiên, để làm tròn trách nhiệm với hàng trăm lá thư trên thì thú thật, các bạn ạ, tôi không thể nào có đủ khả năng làm vừa lòng các bạn được. Vì vậy tôi đề nghị các bạn tìm đọc tờ *Sóng Nhạc* thuộc Hội Âm nhạc thành phố Hồ Chí Minh để theo dõi trên mục *Đò đưa* hàng tháng đều có bài viết của tôi cũng như thư trả lời chung cho các bạn trên khắp đất nước. Về ảnh thì các bạn có thể đề nghị báo *Sóng Nhạc* làm phiếu tặng ảnh hoặc nhờ báo *Hoa Học Trò* làm thay công việc ấy cũng được.

Tháng hai năm nay đi qua cùng với ngày Tết rất trầm lặng rồi ngày

Valentine's Day (Ngày tình yêu) cũng trăm trăm không có gì khởi sắc. Hoa đẹp đủ loại cũng lắm người mua với giá rất đắt nhưng hình như thiếu một bàn tay phù thủy có khả năng để biến những ngày lễ ấy thành những ngày hội tưng bừng.

Hết tháng hai, chúng ta đang chờ đón gì đây trong ngày 8 tháng 3? Lại những cơn mưa hoa đất tiền trao đến các chị, các em... Làm thế nào để tránh cho những cơn mưa hoa ấy không mang màu thù tặc và hờ hững?

Ngày 8 tháng 3 là ngày sinh nhật của nhóm “*Những người bạn*” gồm có Trịnh Công Sơn, Tôn Thất Lập, Trần Long Ẩn, Thanh Tùng, Từ Huy, Nguyễn Ngọc Thiện, Nguyễn Văn Hiền... Điều này thì nhiều người đã biết và hình như đã biết: Vì sao lại chọn ngày lễ phụ nữ để làm ngày khai sinh của nhóm. Cũng chỉ là tình cờ và khi làm mâm cơm cúng tạ Trời Đất mới biết là nhóm đã rơi vào cái “cung oan nghiệt” này. Tuy vậy nhóm “*Những người bạn*” từ khước theo chế độ mẫu hệ, ngược lại, những người trong nhóm rất muốn luôn luôn mình là kẻ mạnh.

Nhân ngày Phụ nữ tôi muốn thay mặt nhóm và tạp chí *Sóng Nhạc* chúc tất cả bạn gái và các em nơi này nơi kia một mùa Phụ nữ xanh tươi và rực rỡ. Tôi xem mùa Phụ nữ cũng như mùa Giáng sinh, mùa Tết. Tất cả các mùa rồi sẽ đi qua đời sống chúng ta như những giấc mộng. Cũng có những mùa đầy đặn và cũng có những mùa hao mòn. Cố gắng giữ lại trong lòng ta như một số mùa màng ấy như những kỷ niệm đẹp.

Và cũng trong ngày 8 tháng 3 này, tôi muốn gửi đến tất cả những tấm lòng phụ nữ khắp nơi lời cảm ơn chân thành về những lời chúc bình an và sức khỏe cho tôi. Đó là điều quý giá nhất mà không phải ai ai cũng nhận được.

Mong sẽ gặp lại tất cả các bạn trên tạp chí *Sóng Nhạc* trong mục *Đò đưa*, ở đó tôi hy vọng sẽ có rất nhiều điều chúng ta nói với nhau về cuộc sống, về nghệ thuật.

văn tự

Trên mặt đất này, từ rừng núi, những làng quê đến các đô thị, ở đâu cũng có các con đường để đi. Con đường có thể rất thô sơ, có lúc rất ngoạn mục để từ đó con người đi tìm những con người hay tìm đến những chốn những nơi cần cho những công việc riêng tư.

Có những con đường rừng núi do bàn chân người đi mãi thành một lối mòn. Có những con đường do sự sắp xếp của đầu óc theo một mô hình để con người thông dong đi đứng do bàn tay con người làm nên. Dù bằng cách nào thì những con đường ấy vẫn có bốn phận giúp cho con người tìm đến một nơi nào đó mà mình thích. Có những ngã ba, ngã tư, ngã năm, sáu, bảy và vào thời đại này những con đường lại chống chéo lên nhau từ những tầng rất cao đến những tầng thấp sáu.

Những con đường ấy làm nên một thứ văn tự hay nói nôm na hơn là một thứ chữ viết báo hiệu sự có mặt của đời sống con người.

Con vật cũng có lối đi riêng. Mỗi loài chim đều có một thứ văn tự viết bằng đường bay của chúng trên bầu trời. Văn tự của con kiến được con người đặt tên là “File indienne”. Và còn biết bao nhiêu loài vật khác, cả đến những loài còn trùng vô danh cũng đều có một loại văn tự riêng biệt mà chỉ có chúng mới tự nhận ra. Đó là một kiểu văn tự viết bằng sự sống riêng biệt của muôn loài.

Bèo dạt hoa trôi có một kiểu văn tự trên nước. *Écriture sur l'eau*. Trên những sông ngòi quê ta có đời sống của lục bình, của bèo làm những cuộc phiêu du không ngừng nghỉ. Chúng như một bộ lạc du mục cứ mãi ra đi và đã vẽ lên một thứ văn tự trên dòng nước. Có người ngồi bên dòng sông ngắm nhìn đám lục bình trôi đi và phút chốc bỗng ngẫm ngùi về một thứ văn tự hỗn nhiên đã tan biến vào hư không.

Đó là cuốn bạch thư hùng vĩ mà muôn loài đã để lại cho bầu trời, mặt đất và sông nước.

Những văn tự hư ảo phiêu bóng đó dù không được lưu trữ nhưng trong trí nhớ của những người thích suy tưởng về cuộc sống chung, nghĩ lại đôi lúc cũng bồi hồi.

vết thương tình thức

Những ngày tháng này tình bạn và tình yêu mang đến một niềm vui sống lạ kỳ. “Hãy yêu như đang sống và hãy sống như đang yêu. Yêu để sự sống tồn tại và sống cho tình yêu có mặt”.

Có những cánh cửa mở vào hư vô và cũng có những cánh cửa mở ra những cảnh đời nhộn nhịp. Ta không khước từ hư vô và cũng không xa lìa cảnh nhộn nhịp của đời. Ta đã may mắn đi qua những tuyến đường đưa đến hạnh ngộ. Hạnh ngộ trong tình bạn. Hạnh ngộ trong tình yêu.

Nếu đã có một ngày sinh nhật dĩ nhiên sẽ có rất nhiều sinh nhật nữa. Mà hình như trong cảnh ngộ cuộc đời riêng - chung của chúng ta ngày nào mà không là ngày sinh nhật, bởi vì cái màu sắc của lễ lạc đã tự bao giờ khoác lên mỗi ngày chúng ta đang sống.

Xin cảm ơn cuộc đời và cảm ơn tất cả mỗi chúng ta đang có mặt mỗi ngày bên nhau. Ly rượu nóng nần của đời biết bao giờ uống hết được.

Tình yêu thường mang đến khổ đau nhưng đồng thời tình yêu cũng mang đến hạnh phúc. Có một lá cờ bay trên hạnh phúc và có một đóa quỳnh héo ứa ngù trong khổ đau. Cố gắng tránh đừng than thở. Thử thở dài một mình và quên lãng. Ta không thể níu kéo một cái gì đã mất. Tình yêu khi muốn ra đi thì không có một tiếng kèn nào đủ mầu nhiệm để lòi về lại được. Tình yêu là tình yêu. Trong nó đã sẵn có mầm mống và sự hủy diệt.

Tình yêu tự đến và tự đi, không cần ai điều dắt. Nó hoàn toàn tự do. Muốn giam cầm nó thì nó sẽ bay đi. Muốn thả nó bay đi có khi nó ở lại.

Vì có tình yêu nên có lễ hội. Người ta bắt đầu bằng những cuộc viếng thăm, lui tới, áo mũ xênh xang, bánh trái, lồng đèn, heo ngỗng... Những cuộc rước dầu pháo nổ đi đùng, trống kèn inh ỏi. Lễ hội mở ra trên đường, trong làng, trong xóm. Lễ hội mở ra cả trong lòng người.

Thường vào mùa thu là mùa lễ hội tình yêu. Có những lễ hội kéo suốt cả một đời người. Có những lễ hội có một đời sống đôi khi quá ngắn ngủi.

Đến một lứa tuổi nào đó, chia vui và chia buồn đều có một nỗi mệt nhọc như nhau.

Có những người yêu đã ra đi bỗng một ngày nào đó trở lại. Vì sao? Không vì sao cả. Vì một chọn lựa tưởng rằng đã đúng cuối cùng sai. Và trở lại với một người mình đã phụ bạc để muốn hàn gắn lại một vết thương. Một vết thương nhiều khi đã lành lặn lâu rồi bất chợt vỡ òa như một sự tỉnh thức. Tỉnh thức trên vết thương. Trên một nỗi đau tưởng rằng đã thuộc về quá khứ. Nhưng không. Không có gì thuộc về quá khứ cả. Thời gian trôi đi và vết thương vẫn còn đó. Nó nằm chờ được thức dậy một lúc nào đó để sống lại như chính bản thân nó là một vết thương.

Nhưng vết thương khi đã được đánh thức thì nó không còn là vết thương cũ vì giờ đây nó là một vết thương tỉnh thức. Một vết thương tỉnh thức là một vết thương biết rõ nó là một vết thương. Nó thức dậy

và nó nhận ra rằng nó đã được khai sinh trên tâm hồn một con người và đã có một thời gian dài làm đau đớn con người đó. Vết thương tình thực là một con mắt sáng ngời. Nó nhìn ngược về quá khứ và ngó thẳng tương lai. Nó mách bảo cho chủ nhân của nó là không có một vết thương nào vô tư mà được sinh thành cả. Nó là một nỗi đớn đau như khi trời đất trở dạ làm thành một cơn giông bão.

May thay trong cuộc đời này có tình yêu vừa có tình bạn. Tình bạn thường có một khuôn mặt thật hơn tình yêu. Sự bội bạc trong tình bạn cũng có nhưng không nhiều.

Tôi thấy tình bạn quý hơn tình yêu vì tình bạn có khả năng làm hồi sinh một cơn hôn mê và làm phục sinh một cuộc đời tưởng rằng không còn tái tạo được nữa.

Cuối cùng không có gì khác hơn là sống và chết. Sống làm thế nào cho tròn đầy sự có mặt và chết cho ngập tràn cõi hư không. Phải đi đến tận cùng hai cõi sống chết để làm tan biến tất cả những giấc mộng đời không thực.

(Phụ Nữ TP.HCM, xuân Kỷ Mão-1999)

kỷ niệm về một bài hát

Mỗi bài hát thường gắn liền với một kỷ niệm. Có những kỷ niệm hoang đường thời trẻ. Có những kỷ niệm chỉ thoáng qua không hình thù, không rõ nét. Có tiếng hát gắn liền với khổ đau và cũng có tiếng hát vang lên trong nỗi hân hoan của một tâm hồn thanh thản. Kỷ niệm về một bài hát thì nhiều nhưng để nhớ về kỷ niệm ấy trong một bài hát thì không phải luôn luôn là chuyện dễ dàng. Thời gian trôi đi và bài hát năm xưa giờ đây hát lại gần như không còn đủ khả năng để mang theo cùng nó hình bóng của kỷ niệm đã mờ nhạt, đã thuộc về quá khứ. Người ta không phản bội quá khứ nhưng mỗi người còn phải sống với hiện tại. Và lại khi quá khứ ấy vĩnh viễn không còn thuộc về ta nữa thì kỷ niệm cũng không còn được lưu giữ trong ký ức của ta. Đây không phải là một trò chơi sòng phẳng nhưng vì cuộc sống cứ phải mãi thay hình đổi dạng và ta phải tồn tại theo nhịp đập của sự sống chứ không thể sống hao mòn theo một cái gì đã thuộc về cái chết.

Tôi đã viết 600 bài hát không có nghĩa là tôi đã có sáu trăm kỷ niệm. Có những bài hát ra đời chỉ vì một vật nắng chiều hoặc một cơn mưa bất chợt giữa đêm. Có những bài hát viết vì một chiều biển động, hoặc vì một bóng hồng nhan thoáng qua trên hè phố. Vì vậy có những kỷ niệm có thể chạm vào được và cũng có những kỷ niệm chỉ thoáng thấy một lần rồi mất đi.

Đôi khi tôi tự hỏi: kỷ niệm đích thực là gì? Có phải đó là một đời sống khác trong một thế giới không còn thuộc về mình nữa?

Thế thì có khác gì một người từ bỏ thế giới này để đến với thế giới khác mà, bằng cách này hay cách nọ, vẫn còn hiện hữu trong thực tại này.

Tôi vẫn thường cố gắng đặt lại một vài bài hát vào trong thời gian và không gian cũ mà nó đã thành hình. Cuối cùng cũng tìm thấy được hình bóng của những kỷ niệm xa xôi ấy nhưng thật lòng mà nói, nó không còn làm tôi xao xuyến nữa. Như thế rõ ràng kỷ niệm chỉ là kỷ niệm và nó không thể nào thay đổi được cảnh đời tôi đang sống.

Nếu cứ sống mãi với kỷ niệm của hàng trăm bài hát thì sự sống ấy không còn là sống nữa. Và nếu cứ nhớ mãi kỷ niệm của hàng trăm bài hát thì anh cũng không còn khả năng tiếp tục sáng tác được nữa. Vậy thì, tốt nhất là tôi không nên chờ đợi bất kỳ một câu hỏi nào liên quan đến kỷ niệm về một bài hát.

Ai cũng tò mò muốn biết những gì liên quan đến sự ra đời của một bài hát. Điều ấy là chuyện bình thường. Nhưng nhiều khi không biết lại hay hơn. Hãy cứ để cho nghệ thuật huyền hoặc mình và như thế mình tha hồ phiêu bồng trong thế giới mộng lung của mộng tưởng. Mình phiêu du bằng đôi cánh của chính mình chứ không phải của ai khác. Và từ đó mình là kẻ tự do tuyệt đối trong thế giới của mình chứ không phải của kẻ khai sinh ra tác phẩm và cũng chính mình là kẻ sáng tạo lại những kỷ niệm phù hợp với đời sống riêng tư của mình. Tác phẩm nhờ đó mà có thêm sức sống và giàu có hơn. Nó sẽ mang một kích thước

mới để cuối cùng nó không còn nhớ nổi quê quán của những kỷ niệm mà nhờ đó nó đã được khai sinh.

Như vậy, cuối cùng kỷ niệm về một bài hát là gì? Hình như, hình nhi, nhi tượng nhi hạ không là gì cả. Nếu một bài hát cần phải gắn liền với một kỷ niệm mới tồn tại thì bài hát ấy cũng chẳng có giá trị bao nhiêu. Hãy để một bài hát được sống chính bản thân nó, không bị ràng buộc bởi bất kỳ một kỷ niệm nào.

Thăng Giêng-1999

trả lời tạp chí điện ảnh

1 Theo tôi âm nhạc trong phim là một phần linh hồn của phim. Có những phim không có âm nhạc tựa như phim câm. Tuy nhiên vẫn có những phim không cần thiết phải có âm nhạc nếu nội dung của nó tự đủ với nó. Tôi rất thích những phim không cần phải có nhạc làm nền bởi nó tự sống như một cuộc đời thường với những tiếng động tự nhiên của cuộc sống. Trong những trường hợp như vậy nhạc chỉ cần làm vai trò của một thứ tiếng động êm ái cho cuộc đời diễn ra trong phim.

2 Nhạc trong phim không nên mang tính minh họa. Nó phải cố gắng mang lại một bầu không khí vừa riêng vừa chung. Với phim để lúc ra về người xem phim vừa nhớ nhạc. Như trong những phim *Love Story*, *Doctor Jivago*, *L'été 42* vân vân... chính âm nhạc làm người xem nhớ mãi nội dung và hình ảnh của những phim ấy. Thậm chí mỗi lần nghe lại bài hát hoặc âm nhạc trong những phim nổi tiếng như *Áo ảnh cuộc đời* (do Mahalia Jackson hát) và *Doctor Jivago* thì người ta nhớ ngay đến những nhân vật chính của phim. Dù thời gian đã

qua đi nhưng những khuôn mặt chính trong phim không bị quên lãng có lẽ cũng chính nhờ âm nhạc.

3 Phải đọc kịch bản mới viết nhạc được. Chính kịch bản đề ra nguồn cảm hứng cho nhạc và đôi khi nguồn cảm hứng sâu sắc của nhạc cũng có thể thay đổi tính cách nhân vật ở một vài nơi trong kịch bản. Tôi có một thí dụ cụ thể khi viết một ca khúc cho phim *Pho tượng*. Kịch bản của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Anh Lê Dân đạo diễn. Thủy Lan đóng vai nữ chính. Phim quay được một phần. Tôi viết xong ca khúc và hát cho mọi người nghe ở khách sạn Bông Sen. Nghe xong mọi người đồng ý là phải làm lại ở một vài đoạn trong phim. Sự đồng cảm giữa người viết kịch bản, đạo diễn, diễn viên và người viết nhạc theo tôi là rất cần thiết cho một bộ phim.

4 Thông thường thì kịch bản hay sẽ có nhạc hay. Cảm xúc từ kịch bản là nguồn cảm hứng cho âm nhạc để có một chân dung riêng biệt. Không thể lấy âm nhạc của phim này bỏ qua một phim khác. Phim truyện hay phim tài liệu thì cũng thế thôi. Vấn đề của nghệ thuật nói chung là phải hay phải đẹp. Chăm ngôn của nghệ thuật, theo tôi, không thể nhân danh bất cứ điều gì để có thể nói khác được.

5 Tôi rất ít xem phim trong rất nhiều năm rồi. Và hầu như không có dịp xem phim Việt Nam. Không hiểu đó là lỗi của tôi hay vì phim của ta chưa có gì đủ hấp dẫn để một con người vô sự như tôi phải quan tâm đến. Dù sao cũng phải thành thật xin lỗi về nền điện ảnh nói chung của chúng ta.

huyền não và tĩnh lặng

Huyền não và tĩnh lặng. Trong những ngày nằm bệnh, không có gì thích thú bằng sự tĩnh lặng. Không một ai quấy rầy đến sự nghỉ ngơi. Không có gì làm xao động cái không gian đã được đóng kín lại cho một cõi riêng tư.

Nằm yên và nghe mình thở. Nằm yên và theo dõi những suy tưởng của mình trước cuộc đời. Nằm và cảm nhận cùng một lúc sự gắn gũi và cả sự xa vắng đối với tất cả những gì đang cùng tồn tại hay đang vây quanh đời sống của ta.

Đau ốm chỉ là sự tạm dừng chân trong cuộc hành trình về phía trước.

Vắng bạn đương nhiên là buồn. Nhưng bạn nào và sự có mặt của bạn như thế nào đó mới thật là một niềm vui. Có những sự có mặt của bạn bè tương đương với một dấu lặng trong âm nhạc nên sự có mặt đó thường có khả năng mang đến cho ta một sự thoải mái thành thơi tựa

hồ như niềm hoan lạc. Đó là những trường hợp ta không cần phải đối phó, không cần phải cố gắng lấp đầy khoảng trống bằng những câu chuyện gắng gượng, nhạt nhẽo.

Nếu trong âm nhạc không có những dấu lặng, dấu nghỉ, thì đó là một tai họa. Đám đông và sự ồn ào không phải luôn luôn là đại diện của sự sống. Ta cần nghỉ ngơi và tĩnh lặng không phải chỉ trong lúc nằm bệnh mà ngay cả trong lúc đang sinh hoạt bình thường. Tiếng động âm i cũng giống như sự phát ngôn huyền thuyên không có cơ may chấm dứt trong những cuộc họp mặt hoặc trong những buổi trà dư tửu hậu. Đó chỉ là sự phá sản của những não trạng không bình thường. Nó làm mệt mọi người và cả cuộc sống.

Có sự ồn ào của chợ và sự huyền ảo của nghị trường. Nhưng giữa sự ồn ào của chợ và sự huyền ảo dị thường của những cái loa vô tội và phát thanh về bất cứ vấn đề gì bắt chấp người nghe muốn hay không thì tôi chọn sự ồn ào của chợ. Bởi vì đằng sau sự ồn ào còn có thực phẩm trần gian. Nó hứa hẹn những bữa ăn ngon trong không khí một gia đình sum họp.

Đi qua cuộc sống hàng ngày tôi biết có rất nhiều người không biết hoặc không hề quan tâm đến sự tĩnh lặng. Họ thích nói và hình như cần phải nói với bất cứ giá nào. Họ nói về bất cứ vấn đề gì miễn là có một kẻ thứ hai để chịu đựng những điều họ muốn nói. Họ nói và cười sảng khoái cho riêng họ bất chấp kẻ khác có đồng tình hay không.

Huyền ảo và tĩnh lặng là hai trạng thái tinh thần khác nhau. Người ta có thể phát bệnh vì tiếng la hét quá độ chứ không bao giờ mệt mỏi vì sự yên tĩnh.

nghĩ về ba người
phụ nữ thân thiết
của mình:
khánh ly -
vĩnh trinh -
hồng nhung



Khánh Ly



Trịnh Vĩnh Trinh



Hồng Nhung

Khánh Ly: Một người bạn của định mệnh vĩnh viễn thương yêu nhau.

Vĩnh Trinh: Một người em ruột phải bù đắp vì không kịp thấy bố khi vừa ra đời.

Hồng Nhung: Một người quá gần gũi không biết phải gọi là ai?

- Khánh Ly hát cho một thời vừa lãng mạn vừa đau thương trong chiến tranh. Hay nhất.

- Vĩnh Trinh một người thích hát và hát hay những bài hát của anh mình. Lương lự giữa đời ca hát và đời thường. Tuy nhiên cái nghiệp ca hát lại trôi buộc ở chặng đời mà mọi ràng buộc khác không còn ý nghĩa nữa. Thế cũng là một điều may mắn cho đời và cho tôi.

- Hồng Nhung làm mới lại những ca khúc của tôi. Có người thích có người không thích. Tuy nhiên tôi thích vì đó là cách biểu hiện mới phù hợp với cái tiết tấu của thời hiện đại - một sự lãng mạn mới. Nó giúp mình có được chỗ ngồi trong hiện tại chứ không phải là kẻ nhắc suông từ quá khứ.

- Khánh Vĩnh Hồng hay Ly Trinh Nhung là điều phải có, gần như tất yếu trong cuộc đời sáng tác của một người. Mà hình như còn nhiều nữa, như Khánh Hà, Cẩm Vân, Thái Hiền, Thu Hà, Lan Ngọc, Lệ Thu ôi nhiều lắm, vân vân và vân vân.

cõi riêng

Thường những ai làm nghệ thuật đều có một thế giới riêng của mình. Hình như tiếng Đức cũng có một từ tương tự như thế. Nếu tôi không nhầm thì đó là chữ “Um welt”. Tiếng Pháp cũng tựa tựa như vậy: “monde à soi”. Nếu không có một thế giới riêng mình thì người nghệ sĩ chỉ làm công việc sao chép một thực tế mà ai cũng biết được. Thế giới của riêng mình là một thế giới của mơ mộng hào huyền, vừa thực mà không thực. Tuy nhiên bao giờ nó cũng ở cao hơn thực tại một chút.

Thời còn trẻ tôi bị ảnh hưởng của nhiều người, nhiều phía, từ trong nước ra ngoài nước. Nhưng để nhớ tên từng người thì tôi không thể nhớ được. Nếu nói cho đúng thì tôi có một trí nhớ rất tồi. Có lẽ tôi bị ảnh hưởng về sách vở nhiều hơn, nhất là về triết học, từ Đông sang Tây. Tôi nghe nhạc ít hơn là đọc sách. Có thể tôi bị nghiêng về thế giới tư tưởng hơn là âm thanh.

Trước đây tôi miệt mài nghĩ rằng một ngày như mọi ngày. Bây giờ thì

hơi khác. Ngày này có thể khác ngày kia. Vấn đề là chính ta muốn làm cho ngày này khác ngày kia. Một ngày bình thường cũng có thể trở thành ngày lễ nếu chúng ta muốn tổ chức cuộc lễ cho một ngày lặng lẽ.

Thân tượng của mọi người đôi khi là một tai nạn. Đừng bao giờ đồng hóa thân tượng với một nô lệ. Đừng nhốt nó vào cái lồng riêng của mình.

Cối riêng cũng gần như thế giới riêng đã nói ở trên.

Điều gì cần phải nhạt thì cứ phai nhạt. Cái gì còn lại thì sẽ còn lại. Cái yếu và cái mạnh là điều cần phải suy nghĩ nhiều lắm. Có câu nói của Pháp, của con người rất yếu đuối. Đúng. "L'homme est un roseau, mais un roseau pensant"⁽¹⁾. Tôi nghĩ thế kỷ sắp tới là thế kỷ của cái đầu chứ không phải của thân xác. Quan trọng nhất là ý tưởng lạ.

Có một thời để gây và một thời để có những vòng đo thật tuyệt vời như thời đại yêu cầu.

Tôi đang sống trong căn nhà cũ của tôi gần như đầy tiện nghi - nhưng sự thật, các bạn có thể tin hoặc không, trong tôi không có đầy, với, không có được, không có mất.

Câu hỏi này vui đấy. Nhưng từ nhỏ tôi đã có tính hiếu thắng. Cái gì tôi không làm tốt nhất thì tôi không bao giờ làm.

Cái chết chẳng qua cũng chỉ là một sự đùa cợt sau cùng của sự sống. Khi sự sống bất lực thì cái chết đến. Và cái chết hình như cuối cùng cũng chỉ là một sự ngộ nhận bất đắc dĩ của sự sống mà thôi.

Để tiếp tục sáng tác. Để làm tươi mát tâm hồn mình tôi có những cung cách, những phương pháp riêng của tôi. Điều này thuộc về thế giới riêng của tôi không thể bày tỏ cùng mọi người được.

Nếu có một sự thất bại nào đó thì chính nó là một bài học cần phải ghi

nhớ và suy nghĩ học tập.

Hạnh phúc của mọi người là hạnh phúc của tôi. Nỗi đau của mọi người cũng là nỗi đau của tôi.

Tôi không bao giờ bị khó chịu vì những chuyện nhiều nhương quanh đời sống mình và quanh những tác phẩm của mình. Tôn giáo của tôi trong thời gian này là lãng quên. Tôi lãng quên cả thiên đàng lẫn địa ngục.

Thập giá là chỗ ở của thiên thần.

Uống rượu để làm việc tốt có gì bất tiện không?

Tôi thích một số bài thơ haiku của Basho. Nhưng trong thực tế tôi chưa bao giờ tìm vào cội thơ ấy cùng Bùi Giáng. Một vài khi Bùi Giáng (còn tỉnh) cùng với tôi làm thơ tại nhà tôi. Thường thì Bùi Giáng ghé qua nhà viết một vài câu thơ để lại đó rồi ra đi.

Thời nào tôi cũng sống bằng thân phận của tôi. Không thể nào sống bằng thân phận của kẻ khác. Đây chỉ là một cuộc vong thân dài hạn, nếu muốn sống như vậy. Và lại, cũng không thiếu gì những trường hợp có kẻ vẫn muốn sống theo kiểu “tôi là kẻ khác”.

Tất cả những chuyện đó chỉ là câu chuyện thần thoại. Nhiều khi thần thoại cũng là một lẽ sống ở đời.

Tháng 4-1999

(*) “Con người là một cây sậy, nhưng là cây sậy tư duy” (Pascal)

nghìn thu ra đi nghìn thu ở lại

Tôi vừa mất đi một người bạn có nghĩa là tôi đã mất đi một phần nào đó trong cuộc sống của mình. Cái phần mất đi có thể nhỏ có thể lớn lao vô cùng. Có một thứ ngậm ngùi và có thể có cả nghìn giọt nước mắt. Để khóc một người bạn thì không cần che giấu vì mình đang khóc. Khóc một người mỗi ngày ăn cơm uống rượu với bạn và cười ha hả với nhau thì không có gì phải hổ thẹn. Đấng nam nhi nào cũng phải có lúc yếu lòng vì một mất mát động đến sâu xa của tâm can. Chết là hết mà có khi chết cũng vẫn còn. Còn và hết là tùy theo sự suy nghĩ của mỗi người. Nhưng còn và hết là một nỗi vô vọng của con người muốn đi tìm một sự tuyệt đối không có thật.

Giáo sư mỹ học Hoàng Thiệu Khang là một người bạn rất thân của tôi. Mỗi ngày chúng tôi đều ăn uống với nhau. Ăn uống với nhau hằng ngày trở thành một thói quen. Bỗng nhiên hôm nay mất đi một thói quen

cũ. Khang nằm xuống và tôi đứng trước một xác thân im lìm. Xác thân ấy hôm qua và những hôm trước nữa và cả một năm dài đã ngồi cạnh tôi, ngồi cạnh như một thực thể sống động vui cười, hả hê với cuộc đời vây quanh. Thế mà chỉ giây phút không còn nữa. Không còn như một hạt bụi mong manh tan biến trong cõi phù trần này.

Khang ơi, ông định viết một bài về tôi. Chưa kịp viết thì ông đã bỏ đi. Không hề gì đâu. Viết cho nhau chỉ là một cái cớ để bày tỏ sự tồn tại của mình. Không viết, biết đâu, chính là sự bày tỏ cao quý nhất.

Khang ơi, ông đi, tôi chưa hiểu được là ông đã mất tôi, hay tôi đã mất ông. Mất, còn, có, mất, được thua, còn có ý nghĩa gì nữa đâu khi giá trị của sự hiện diện không còn nữa.

Thế thì Khang ơi, hãy như có đó mà cũng như không. Không có, có không đều là vô nghĩa và sự vô nghĩa đó hình như cũng chính là hư không. Đã là hư không thì nói thêm làm gì nữa cho vô ích mà lại thêm mệt mỏi cuộc đời.

Ông ngủ yên đi Khang ơi, tôi buồn quá nhưng cứ mặc tôi.

Khang ơi,
Nghìn thu ra đi
Nghìn thu ở lại.

Ngày 1-8-1999

số phận của bài hát

Cuối năm 1999 tôi phổ nhạc cho một bài thơ của một người bạn thân. Bài thơ được viết để tặng một người bạn gái ở Mỹ và nó cũng được chấp bút tại Mỹ. Người bạn tôi, về sau này, mỗi năm thường qua Mỹ để về và cũng để tìm nguồn cảm hứng mới. Trong những nguồn cảm hứng đó có nguồn cảm hứng yêu và được yêu. Bài hát khi được hát lên nó lại bất ngờ cảm ứng vào một cuộc tình khác ở tại quê nhà. Nhưng định mệnh của bài hát có lẽ chưa dừng lại ở đó bởi vì đã có một lời chia tay sau một thời gian quá ngắn ngủi để yêu nhau.

Tôi nghĩ rằng mỗi bài hát đều có thể có một số phận. Đôi lúc tưởng viết cho người này hóa ra lại ứng vào một kẻ khác. Và như thế bài thơ tôi vừa phổ nhạc xong có thể sau khi đi qua hai cuộc tình rất mơ màng và mỏng manh sẽ có một cuộc hành trình rong ruổi khác để tìm cho ra một tình yêu vững bền hơn để bài hát có thể gửi gắm mình vào đó.

Không phải bài hát nào cũng có một số phận trở trêu như nhau. Có

những bài hát nhẹ nhàng đến với mọi người và có một cuộc sống bình yên. Những bài hát như thế thường để lại trong tâm hồn con người một sự thanh thản vô cùng. Bên cạnh đó lại có những bài hát có một số phận hẩm hiu. Nó không có được một cuộc sống bền lâu và vội vã trôi dạt vào quên lãng.

Tôi muốn làm một hành giả đi qua cuộc đời này để qua những ca khúc nói lên những điều hư thực của cuộc sống. Những buồn vui, hạnh phúc và bất hạnh của đời người và tôi đã chứng thực được điều này. Số phận của những ca khúc tôi viết ra đôi khi trong một số hoàn cảnh nào đó đã có ít nhiều vận ngược lại vào số phận của tôi. Điều đó nghĩ cho cùng cũng không có gì lạ. Đôi lúc từ trong vô thức có những tiếng nói cứ vang lên. Đôi khi lại có tiếng hát thành một khúc ca hoàn chỉnh. Tất cả những điều đó nó thoát ra ngoài sự kiểm soát của mọi suy tính và như thế nó làm cái công việc của một kẻ khác trong chính bản thân mình.

Số phận của một bài hát, vì thế, có thể trở thành số phận của một con người với có được hoặc mất đi của một hạnh phúc.

tản mạn về “mốt”

Tôi yêu thời trang, điều đó là có thật. Mốt chẳng có tội gì cả. Nó chỉ có cái tội là làm đẹp cho cuộc sống một cách vô tội.

Đừng ngăn cấm mốt vì mốt không làm hại ai cả. Chỉ có điều là nó hơi tốn kém. Tuy nhiên mốt vẫn mở ra những cơ hội thuận tiện cho người thích mốt.

Mốt có nhiều mùa, xuân, hạ, thu, đông. Ở nước ngoài, nhất là ở châu Âu có đủ bốn mùa để theo mốt. Lỗi thời, nghĩa là đi ra ngoài quy luật của mốt thì buồn lắm. Thậm chí ở một vài nơi người ta xem kẻ không mặc đúng mốt trong mỗi mùa là nhà quê.

Mốt từ đâu mà đến. Ai nghĩ đến nó và khai sinh ra nó. Cuộc đời của mốt có bao nhiêu tuổi rồi. Có thể bắt đầu từ cuộc cách mạng thay đổi cách ăn mặc ở châu Âu từ những thế kỷ trước, sau đó qua Nhật Bản và tràn lan qua vùng châu Á - Thái Bình Dương.

Tôi yêu “mốt” chỉ đơn giản vì nó mang lại một vẻ đẹp cho con người. Bất cứ ai sống trong đời này cũng muốn mình đẹp. Vậy thì mỗi người đều làm đẹp cho mình có nghĩa là chúng ta đã đóng góp một vẻ đẹp cần thiết cho cuộc đời.

Đẹp vì mốt. Nhưng nếu có lúc nào đó mốt không còn là cái cơ cho vẻ đẹp nữa thì mốt sẽ bị từ chối.

Mùa xuân này nói về mốt thì cũng phải nhớ ít nhiều đến cái mốt của một mùa lũ lụt ở Huế. Tại sao lại không thể có một thứ MỐT dành cho những xứ sở hay bị thiên tai hoặc lũ lụt. Cái mốt ấy có thể là rất lạ cho ta mà cũng lạ cho người ở xứ sở khác.

Vào năm 2000 chúng ta hy vọng rằng sẽ có một thứ mốt không giống ai.

nhật ký huế

Đã lâu lắm tôi không ra khỏi nhà để thực hiện những chuyến đi xa. Thế rồi nó trở thành một thói quen. Một thói quen không hiểu là tốt hay xấu. Nhưng dù sao đó cũng là thói quen của một người không có sức khỏe tốt hoặc đã đạt đến một thứ tuổi lười. Đã từng có những cuộc mời mọc trong vài năm nay để ra nước ngoài nhưng tôi đều từ chối. Và khi kiếm được một cơ nào đó để từ chối mà không phụ lòng người mời tôi bỗng thấy lòng thành thơi, nhẹ nhõm.

Tháng 4 năm nay ở Huế có tổ chức Festival 2000. Tôi không được mời, nhưng điều đó không có gì quan trọng. Bởi vì rất nhiều người khác cần được mời hơn tôi cũng không được mời. Để hiểu lý do làm sao mà có một sự thiếu sót như thế thì cần phải viện đến những cơ sự rất phức tạp thậm chí lạ lùng khó hiểu.

Thành phố Huế là thành phố của những đứa con thân yêu Huế chứ không phải chỉ để dành riêng cho một số người. Càng không phải chỉ

để dành cho một thế lực nào đó. Quê hương là quê hương chung chứ không phải quê hương của riêng ai. Vì thế cho nên muốn làm đẹp cho quê hương cũng phải được chia đều.

Thế mà cuối cùng tôi cũng đến Huế trong những ngày rằm giữa bẽ dài của cuộc Festival. Tôi đã sẵn sàng tham dự một vài buổi trình diễn không lấy gì làm hứng thú. Những bữa ăn không mùi vị, thậm chí là nhạt nhẽo. Nhưng tôi không mất nụ cười và sự vui tươi hồn nhiên vì tôi là thằng con của Huế. Tôi an ủi đám bạn bè cùng đi là hãy vui đi vì đây là xứ sở của tôi.

Khi bạn có một xứ sở để trở về hoặc là để thỉnh thoảng trở về thì bạn còn có hạnh phúc nhiều lắm. Ở đó bạn có một giòng sông, một ngọn núi và bạn tìm lại được những đứa bạn một thời tóc xanh nay đã lốm đốm bạc đầu. Bạn sẽ gặp một cô gái Huế bất chợt trên đường và hỏi rằng: Huế bây giờ có gì lạ không em thì lập tức hoặc tình cờ cô gái ấy sẽ đọc lại hai câu thơ của Bùi Giáng:

Dạ thưa phố Huế bây giờ

Ngư Bình vẫn đứng bên bờ sông Hương

Huế năm trước và trăm năm sau không có gì thay đổi. Nó hình như muốn giữ trọn một lời thề sắt son, không bao giờ thay lòng đổi dạ. Đó là nét đáng yêu của một thành phố, nhất là một thành phố rất cổ kính. Tuy nhiên, thời đại này người ta không cho phép một thành phố với những con người cứ mãi mê ngủ hoài trên những vàng son của quá khứ hoặc ôm mãi những giấc mộng huyền hoặc trên những tầng kinh các.

Huế lần này đã kéo tôi ra khỏi cái góc nhà nhỏ hẹp của tôi. Nếu không có Huế trong dịp Festival này chưa chắc tôi đã rời được nơi ẩn trú của mình. Tuy vậy, xét cho cùng, không phải vì Festival lôi cuốn sự tò mò của tôi mà chỉ đơn giản chính là Huế. Tôi về Huế chính vì Huế chứ không phải vì Festival Huế 2000. Nếu nói một cách chính danh thì đây

không phải là một Festival trong đúng nghĩa của nó. Tổ chức luộm thuộm, không có một không khí hội hè đúng như yêu cầu và thật sự nhìn chung người dân Huế không tích cực lắm trong việc chia sẻ một niềm vui chung.

Dù sao tôi cũng cảm ơn một cái cơ nhỏ để tôi đi giang hồ vật trong vài ngày ở Đà Nẵng, Hội An và Huế. Ngày xưa thời còn trẻ lắm những chuyến đi chơi nhỏ mọn này không thể nào đủ để làm nguội bớt máu giang hồ trong tôi. Bây giờ thì những chuyến đi ngắn cùng đồng đạo bạn bè cũng tạm an ủi cho những giấc mộng phiêu lưu không còn thực hiện được nữa.

Huế là người yêu của tôi, là giấc mộng của tôi, nhưng bây giờ tôi còn Sài Gòn và Hà Nội. Tôi thấy đâu cũng là quê nhà. Ở đâu tôi cũng có giấc mộng và tình yêu. Và vì vậy, đôi lúc tôi không còn cảm thấy mình thuộc về một xứ sở nào nữa. Nhưng ngẫm cho cùng thì Huế vẫn là quê nhà của tôi và ngày nào Huế chưa phụ bạc tôi thì tôi vẫn là đứa con không bị từ chối của Huế.

Năm 2000

thiên bùn

Thiên trên bùn thấy bùn. Thiên trên cát thấy cát. Thấy cát trôi ra biển. Thấy cát là hư vô. Bùn tấp vào bờ. Bùn tấp vào người trong cơn lũ lụt. Tai nạn bất ngờ, tai kiếp trầm luân. Cơn lũ đi qua, bùn lầy ở lại. Thiên trên bùn không còn thấy bùn là bùn nữa. Là nỗi khổ đau chém xuống cuộc đời.

Ngôi đình giữa miền Trung, giữa Huế những ngày mưa bão không còn thấy thiên là thiên nữa. Chỉ thấy lũ là lũ. Thấy trôi đi những sinh mạng, sinh vật, cò cây hoa lá. Bỗng nhiên thiên lại là thiên giữa những đổ nát mệnh mông. Thấy trước thấy sau, thấy đời vô hạn. Thiên trên bãi bùn như trên đồng lửa. Lửa cháy bùng để biến tất cả thành tro bụi và bãi bùn ứa máu để biến thành một thiên đau. Thiên đau trên nỗi khổ của con người để biến thành thiên định. Và thiên định để biến mọi khổ đau thành trang giấy trắng của hư không.

Đi đến với mùa xuân này ta thử ngồi thiên định. Hãy để cho những cơn

bão lụt vừa qua làm lay động chiếc ghế thiên định của ta. Không gió không mưa nữa mà chiếc ghế vẫn rung động và ướt đầm. Thế thì thiên ở nơi đâu. Ở trong hay ở ngoài. Trên cao hay dưới thấp. Thiên trên trời hay quần áo, áo quần. Cuối cùng có thể hiểu nhầm rằng thiên không ở nơi nào cả. Thật sự có thiên, có ngôi thiên, có trầm ngâm trong tịch lặng suy tưởng. Suy tưởng về tất cả, về thế giới bên trong bên ngoài, về ta về người, về thiên nhiên, về đồ vật... Thế thì, từ suy tưởng ta có thiên định. Và chỉ riêng mùa xuân này ta sẽ thiên định trên những con nước lũ đã tan đi và để lại cho ta một chỗ ngồi trên đám bụi bùn còn sót lại.

Bước vào năm 2000 chúng ta sẽ chọn một chỗ ngồi khác để làm lại một cuộc hành trình vào cõi thiên đáng mơ ước hơn.

1999-2000

nghĩ về thiền

Thở nhỏ tôi thích đến chùa vì sự tịch lặng thanh khiết. Càng lớn tôi càng ít đi chùa và gần đây hầu như không có nhu cầu đó nữa. Lý do đơn giản là tôi đã may mắn tìm thấy sự yên tĩnh đó ở trong bản thân mình. Vì thế khi viết bài hát “Một cõi đi về” và nhiều bài tương tự như thế tôi không phải nhờ đến một bối cảnh ngoại giới nào cả. Đó chỉ là một bài thơ nhỏ tôi muốn hát về một cảnh giới mà trong mỗi người ai cũng có. Từ hư vô đến cuộc đời. Và từ cuộc đời trở về lại với hư vô. Đi - về là một lộ trình quen thuộc của cuộc sống mà ai cũng phải trải qua. Đó là một trò chơi vừa vui thú vừa ngậm ngùi mà tạo hóa đã bày ra cho con người và cho cả vạn vật. Một người bạn thân là nhà văn khi nghe bài này đã nói với tôi: nghe bài này mình không còn cảm thấy sợ chết nữa. Đó chỉ là một ý kiến. Điều tôi thành thật rất vui là giới trẻ có vẻ cũng thích bài hát này. Tôi rất muốn nghe những ý kiến của họ.

Không hiểu sao, những năm gần đây tôi thường nghĩ về Phật Giáo như một tôn giáo mang nhiều tính hiện sinh nhất. Bắt đầu bằng chữ *sát-na*,

một đơn vị thời gian siêu nhỏ. Phải biết sống hết mình trong mỗi sát-na của thực tại. Từ mỗi cái ăn, cái uống, cái đi đứng, nằm ngồi. Không làm công việc này mà nghĩ đến công việc khác. Với tôi đó cũng là Thiền, là một cách sống đích thực. Tôi vẫn tiếp tục thực tập cách sống như thế hằng ngày.

Tôi đang cố gắng quên Phật Giáo như một tôn giáo. Tôi muốn đó là thứ triết học siêu thoát mà ai cũng cần phải học, ngay cả những người thuộc tôn giáo khác. Mỗi người phải nỗ lực để xây dựng cho bằng được một ngôi chùa tĩnh lặng trong lòng mình và nuôi lớn Phật tính trong chính bản thân thành một tượng đài vững chắc. Nó sẽ giúp cho ta nhìn thế giới khác đi, nhìn cuộc sống khác đi. Với tôi Phật Giáo là một triết học làm cho ta yêu đời hơn chứ không phải làm cho ta lãng quên cuộc sống

Tôi có cách hành Thiền riêng. Không có giờ nhất định. Và thậm chí cũng không nghĩ là mình đang làm việc Thiền. Đó chỉ là một cách sống. Và sống Thiền trong mỗi sát-na. Ngồi trước một ly rượu hay trước một nhan sắc cũng vậy. Điều này hơi vi phạm giáo luật Phật Giáo, nhưng tôi là một kẻ trần tục nên cứ tự cho phép mình như thế. Và lại có nhiều con đường dẫn đến với Phật như gõ mõ tụng kinh, thấp hương cầu nguyện tại sao tôi lại không dùng một phương tiện quen thuộc và gắn gũi với mình nhất là ly rượu? Hơn nữa tôi không quan niệm tìm đến với Phật tính trong cõi riêng mình. Đó là què hương, là chiếc gai Phật. Tôi ngồi. Phật sẽ tràn ngập tôi và tôi sẽ tràn ngập Phật như một lũ con dưng măng đầy phù sa, mang theo trong nó những gì có thể nuôi dưỡng được cho một cội “Ngộ” ra đời. “Thấy” và “Biết” và từ đó làm nảy sinh một nụ cười tủm tỉm, một thoáng cười “hàm tiếu” là La Joconde của Léonard de Vinci mới có thể trong muôn một so sánh được.

Cuối năm 1995 tôi có viết được một bài hát mà tôi rất thích và bạn bè ai cũng thích. Đó là bài “Sống về đâu”. Bài này lấy cảm hứng từ câu kệ “Gaté Gaté. Paragaté. Parasamgaté. Bodhi Savaha”.

Tôi đang đi tìm một cách biểu hiện mới. Muốn vậy, khi sáng tác, tôi phải lãng quên hiện hữu này để đi vào một thực tại, một thực tại phiêu bồng, ở đó không có những xung đột trần tục của chữ nghĩa và những lý luận ngô ngốc không đâu.

Tôi đang tập hành Thiền về sự lãng quên. Lãng quên những gì không cần thiết cho đời và cho chính bản thân mình.

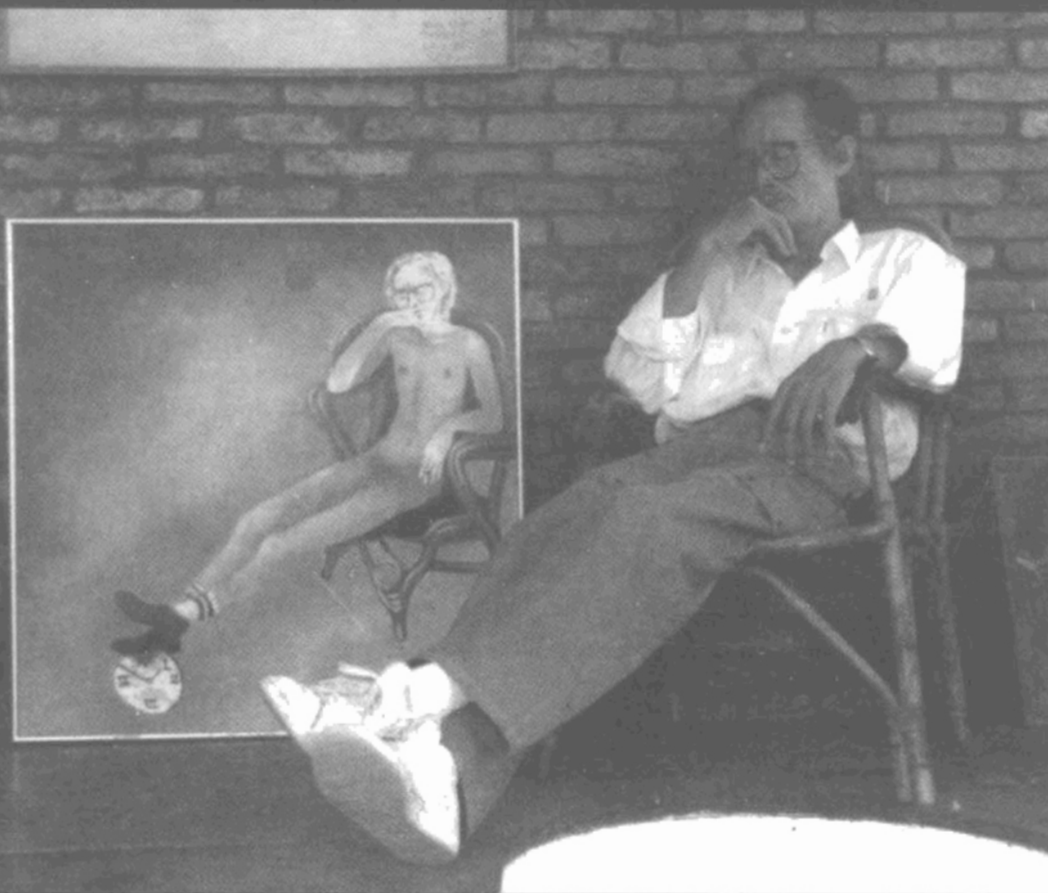
Mỗi sự vật, mỗi đồ vật, dù nhỏ dù lớn đều có hai giá trị, Valeur en soi và Valeur pour soi. Tôi nhìn viên sỏi từ ngày này qua ngày nọ và bỗng dưng tôi có cảm giác là nó cũng có một thân phận và một nỗi buồn vui riêng của nó. Tôi là hạt bụi và nó là viên sỏi có khác gì nhau đâu. Nếu tôi có thể buồn vì một đóa hoa tàn thì vì sao tôi không thể cảm cảnh vì một viên sỏi lẻ loi này không có một viên sỏi khác cạnh bên.

hư không

Có một thứ tuổi đời mà cứ mỗi mùa Xuân đến, lòng cứ nhẹ đi những niềm vui mong manh mà lại nặng thêm những nỗi buồn vu vơ không nắm bắt được. Thời trẻ cũng thường có những lúc buồn buồn như vậy. Một thứ buồn vô cớ. Mélancolie. Có người cho rằng đó là nỗi nhớ nhưng vô hình vẽ một thứ thiên đường đã bị thất lạc. Một thứ quê quán không có chân dung rõ rệt, không có một địa lý rõ ràng, không biết được mùa màng thời tiết ra sao. Không biết mà vẫn nhớ nhưng buồn buồn. Tôi thì lại có lúc thơ thần nghĩ rằng nỗi buồn vô thường vô cớ kia là bắt nguồn từ nỗi nhớ về cái quê hương đầu tiên từ cái bào thai trong bụng mẹ. Nhớ về cái cội ở đó mình thành hình dần dần trong nỗi vui cũng những lo âu của người phụ nữ.

Cái sự buồn buồn kia không giống chút nào với nỗi buồn của bây giờ khi một năm vừa cạn, vừa tàn, vừa tắt. Một mùa xuân bắt đầu cho tuổi này nhưng lại mang đến âu lo, phiền muộn cho tuổi khác. Cái thứ tuổi đời khác này cứ mãi giạt mình nhìn lại một năm qua đi mà vốn liếng

*Ba mươi năm ca hát mộng mị
giữa đời, ngoái nhìn lại nhiều
khi cứ tưởng chỉ là giấc mộng
của người khác.*



Trịnh Công Sơn trước bức tranh của Bửu Chi vẽ tặng

gom góp cho đời chẳng có gì cả, chẳng được bao nhiêu. Hóa ra nỗi buồn này chẳng vu vơ chút nào. Có thể nắm bắt được. Nắm bắt nhưng rồi lại buông ra vì muốn lãng quên, muốn tự tha thứ cho mình.

Khi một người biết tự tha thứ cho mình thì đồng thời cũng phải biết tha thứ cho kẻ khác. Đừng bao giờ để lại những ân oán trong lòng. Ân oán là những tảng đá nặng nề ngăn chặn, giết chết lòng yêu thương. Sống mà không còn khả năng yêu thương được nữa thì cũng xem như đã chết rồi. Tôi yêu và tôi tồn tại. Yêu và tha thứ. Tha thứ và yêu. Sự phản bội đôi khi cũng cần thiết để cho tình yêu đẹp hơn, đậm đà hơn, buồn bã một thứ nhan sắc lạ lùng hơn. Từ đó câu thơ ra đời. Tiếng hát ra đời.

Ba mươi năm ca hát mộng mị giữa đời, ngoài nhìn lại nhiều khi cứ tưởng chỉ là giấc mộng của người khác. Người khác hay mình thì cũng thế thôi. Lãng đãng một điều gì vừa thật vừa không thật. Ngày xưa, ca hát với người ca sĩ này, hôm nay, ca hát với cô ca sĩ khác. Mộng mị quá rồi. Lệ Mai ngày trước hát ở Đà Lạt trong một căn phòng bên đồi lạnh lẽo. Hôm nay, Lam Nhung hát ở Q bar. Đêm tiếng hát cất lên bên một bàn rượu có Lý Quý Chung và tự nhiên nhớ lại những thời xưa cũ. Đêm cuối năm, một giọng hát khàn khàn, một giọng hát trẻ thơ nghe bùi ngùi nhớ đời quá. Vì yêu đời mà hát và khi cất lên tiếng hát thì càng thấy yêu đời hơn. Đời cứ mãi lạ, cứ mãi mới một cách hồn nhiên lộng lẫy. Lộng lẫy như nụ cười, như sự thông minh của em, như thân thể của em ấm áp một mùa nắng của miền nhiệt đới.

Có những giấc mộng ngày cũ và có những giấc mộng bây giờ. Giấc mộng nào cũng có một nụ cười an ủi. Nằm sống bên nhau hoặc nằm chết bên nhau, điều đó khác xa một lời nguyên rủa. Đừng nguyên rủa và cố quên đi những ai đã mang đến phiền muộn cho ta. Quên và biết quên cũng là một lẽ sống ở đời. Biết quên nên đời bỗng nhiên biết cất tiếng hát. Tiếng hát có thể mang đi trong gió một nỗi ưu phiền nhưng có lúc cũng gửi gắm đâu đây, trong những góc hờn lạnh lẽ, những niềm an ủi về một cõi đời, về một cuộc tình chưa trọn. Không trọn là dấu

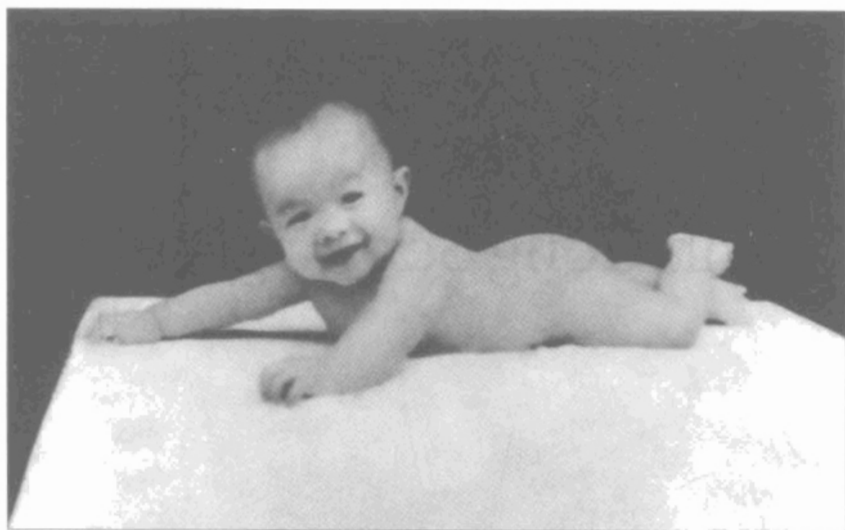
hiệu của một thứ nghệ thuật toàn vẹn của thiên tài.

Hãy đau đớn đi. Biết đau nỗi đau của người khác và của cả chính mình là dấu hiệu của lòng nhân ái. Cái tín hiệu ấy phát đi và mọi người nhận được. Nhận được và cảm thấy cuộc đời bỗng đáng yêu hơn, bỗng đáng sống hơn và bỗng nhiên thấy rằng chiến tranh giết chóc là điều không có thật. Kẻ làm ra chiến tranh buộc lòng phải gọi là kẻ ngu dốt. Cuộc đời vốn không có thật mà còn rắp tâm hủy hoại nó. Hủy hoại một điều không có thật nghĩa là hủy hoại hư vô. Hư vô là một tiếng cười bất hoại ném trả lại cho hư không.

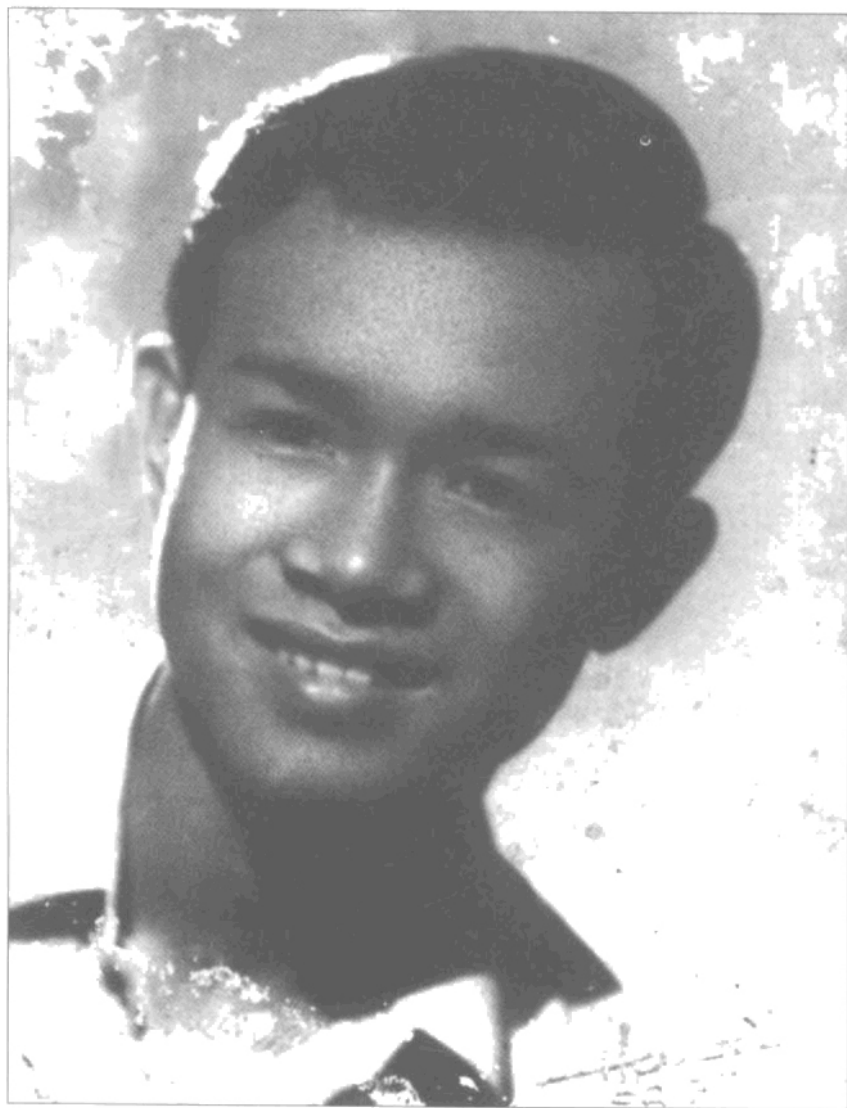
Tình yêu cứu vãn hư không. Chỉ có tình yêu mới cứu được cái thứ tuổi đời nặng nề một nỗi buồn không cứu chuộc nổi. Mùa xuân sẽ phục sinh cho tấm lòng trinh bạch lẫn những nỗi đớn đau. Thôi cũng đành đừng ân hận nữa. Có điều ta làm được và có điều thuộc về hư không. Tôi đã làm và không làm được gì cả. Cảm ơn cuộc đời đã ưu ái quá nhiều về những gì tôi chưa làm được.

Phụ lục I

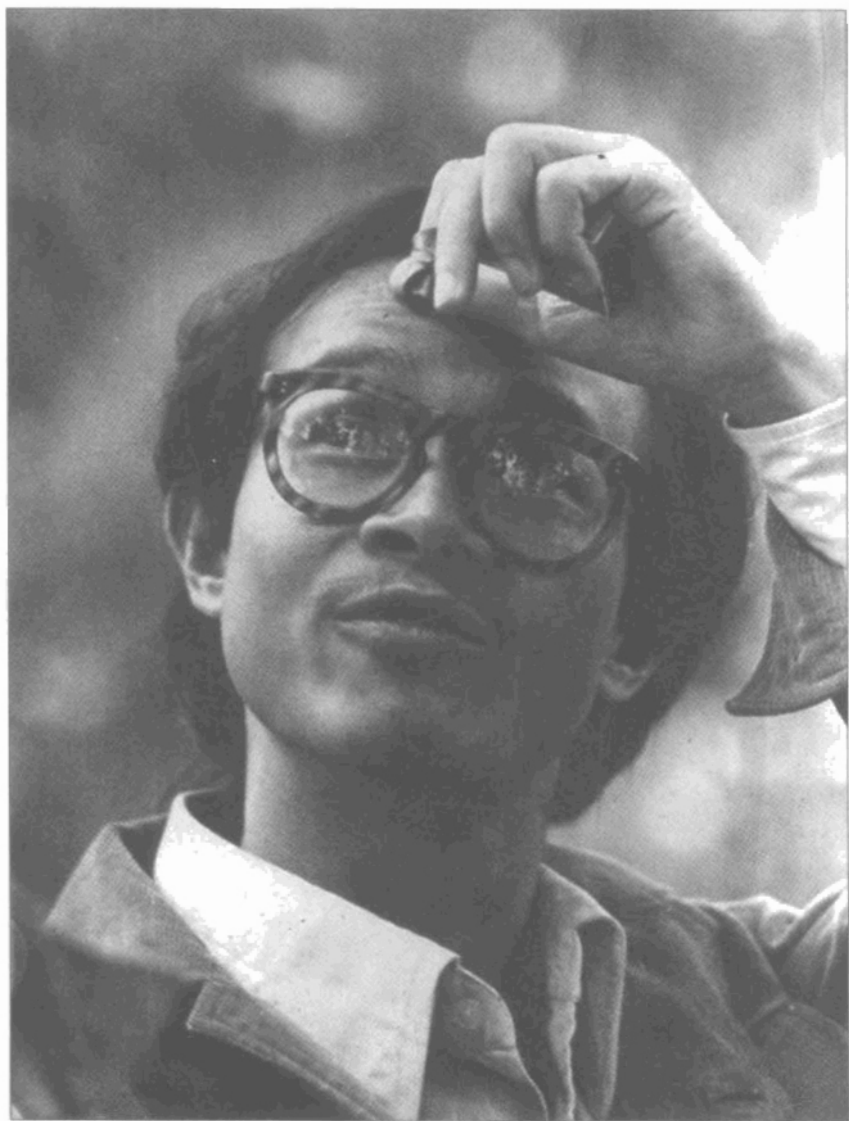
Trịnh Công Sơn và gia đình



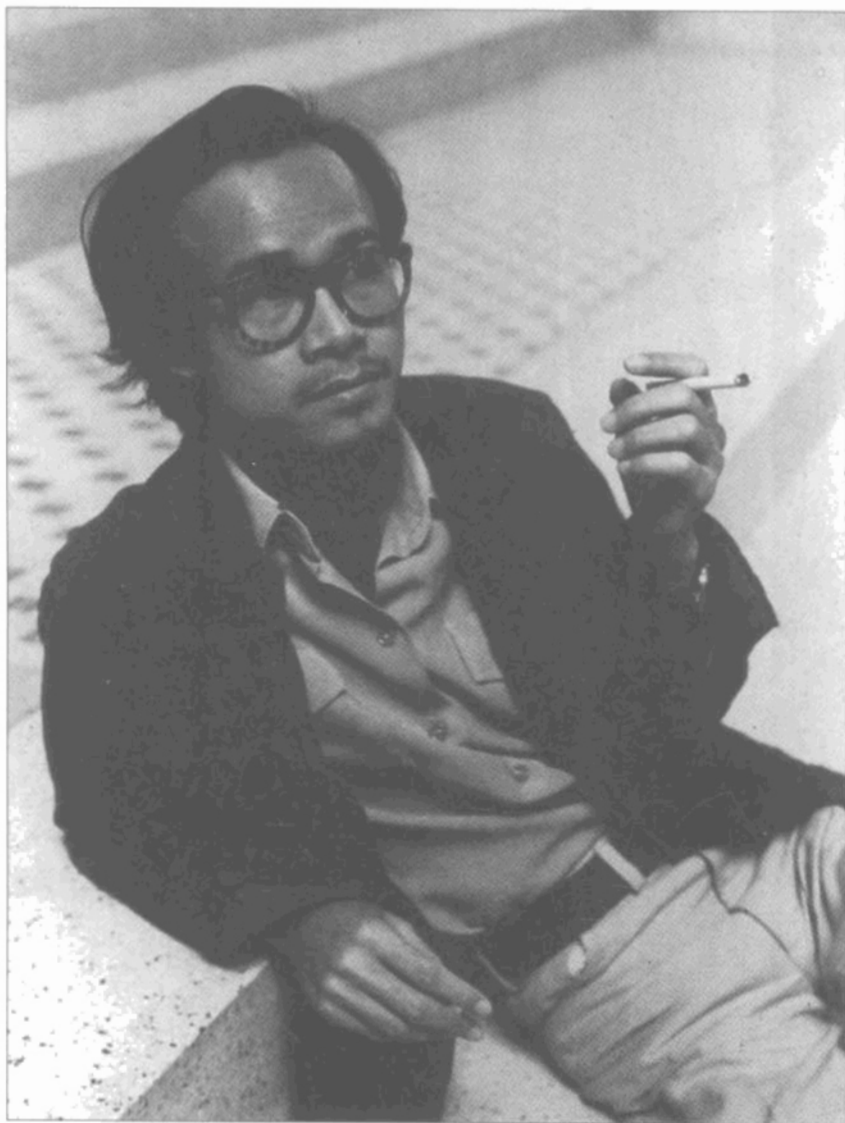
Trịnh Công Sơn, 1939



Trịnh Công Sơn, 1956



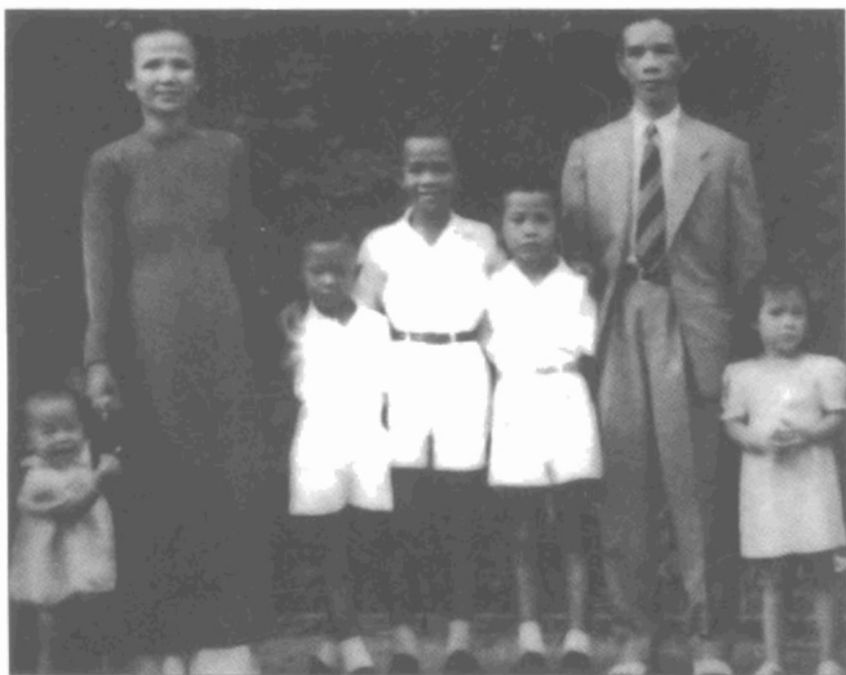
Trịnh Công Sơn, 1960



Trịnh Công Sơn, 1962



Trịnh Công Sơn với Cha.



Trịnh Công Sơn với gia đình. Từ trái qua: Trịnh Vĩnh Tâm, Mẹ, Trịnh Xuân Tịnh, Trịnh Công Sơn, Trịnh Quang Hà, Cha, Trịnh Vĩnh Thúy.



Từ trái qua: Trịnh Quang Hà, Trịnh Công Sơn, Trịnh Vĩnh Thủy (hàng trước), Trịnh Xuân Tịnh.



Trịnh Công Sơn với Trịnh Quang Hà.



Các em ruột của Trịnh Công Sơn. Từ trái qua: Trịnh Hoàng Diệu, Trịnh Vĩnh Ngân, Trịnh Quang Hà, Trịnh Vĩnh Trinh, Trịnh Xuân Tịnh, Trịnh Vĩnh Thủy, Trịnh Vĩnh Tâm.



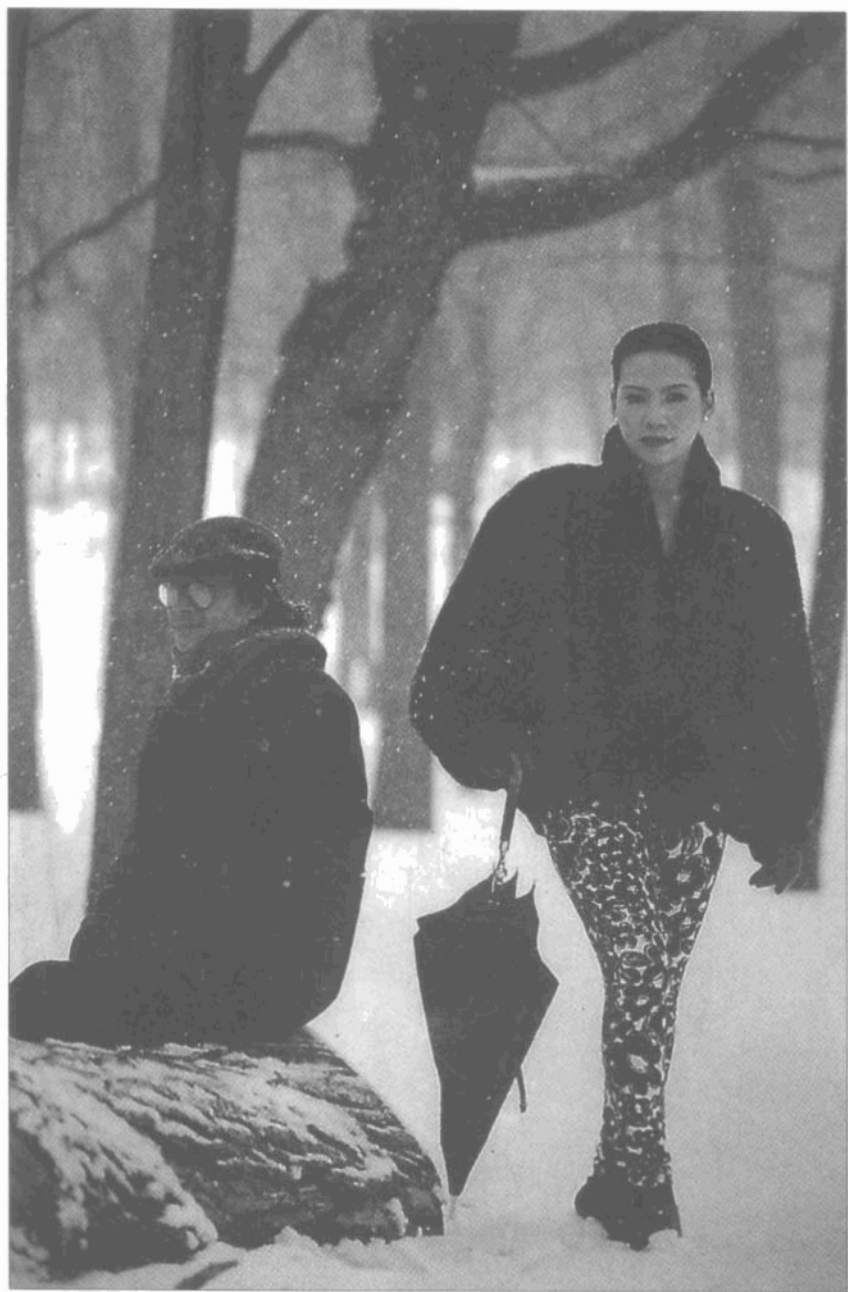
Gia đình các em và các bạn của Trịnh Công Sơn.

Từ trái qua, hàng đứng: Lê Thế Chuyết, Hoàng Tá Thích, Trịnh Quang Hà, Trịnh Xuân Tịnh, Sâm Thương.

Hàng ngồi: Ngọc Hiếu, Trịnh Vinh Trinh, Trịnh Vinh Tâm, Dao Ánh, Trịnh Vinh Ngân, Trịnh Hoàng Diệu, Trịnh Vinh Thủy.



Trịnh Công Sơn với các cháu.



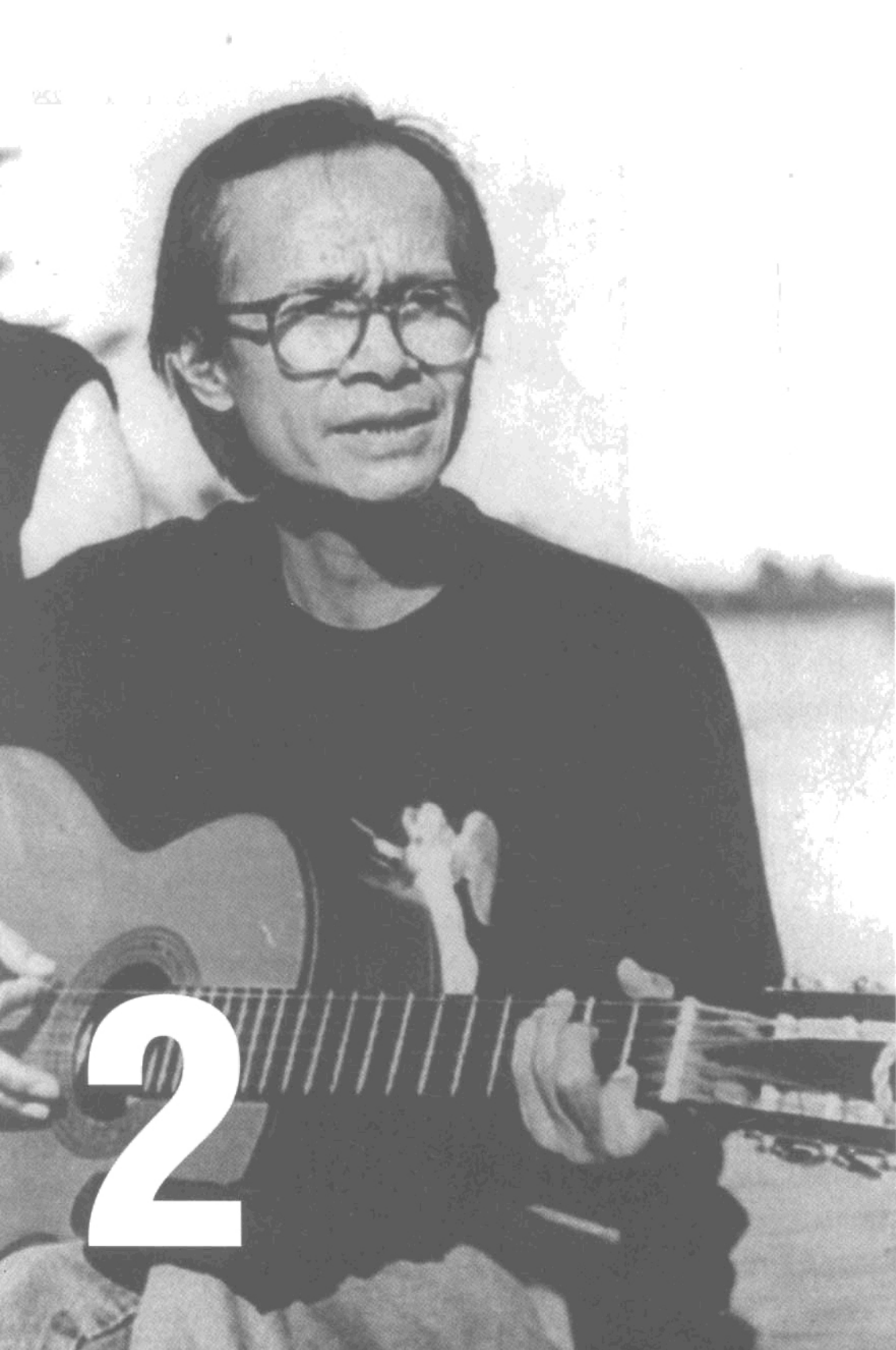
Trịnh Công Sơn và Trịnh Vĩnh Trinh tại Canada, 1992.



Trịnh Công Sơn với Mẹ.



Trịnh Công Sơn và Trịnh Vĩnh Trinh bên mộ Mẹ.



2

là ai...

(Nhiều người viết về Trịnh Công Sơn)

T Ô T H ù Y Y Ê N

huyền thoại về con người

Nếu ở vào một thời đại khác, có lẽ anh đã chẳng viết những ca khúc này.

Những ca khúc với nhịp nói kể *récitativo*⁽¹⁾ rã rời, bài hoai, thảm thiết cùng độ đàn trên điệu blues đau nghẹn, đè nén công phẫn, điệu của một màu da nô lệ.

Những ca khúc như những bản chúc thư của con người trong tôi.

Mỗi ca khúc như một lời trời trăng tuyết mệnh vừa đủ cho đời người, một bài thôi tưởng không cần nói thêm cũng xong.

Những ca khúc dựng lên viễn tượng ghê rợn của thế giới sau ngày cuối cùng, một thế giới lạnh lẽo, cô tịch, im lìm trên đó những dấu tích nhân loại đã bị bôi xóa, chỉ còn mỗi con người độc nhất sống sót lùi thui đi tìm trong vô vọng cái ý niệm về mình.

Những ca khúc như những bản spirituals⁽²⁾ để đám đông bị giam hãm chờ chết đồng ca trong cơn đại nạn.

Những ca khúc như những báo hiệu cuối cùng của đêm tối vĩnh cửu trên trần gian.

Những ca khúc như những lời kể tội chung thẩm để chẳng buộc tội ai hết, nếu chẳng phải để buộc tội chính mình.

Những ca khúc như những tra vấn quyết liệt về đời người nhìn thấy qua một chuyến phiêu lưu của hữu hạn trong ngàn trùng vô hạn.

Đã tan biến tự bao giờ cái ảo tưởng chói lòa này: nghệ thuật, khi đi đến tận cùng hành trình của nó, sẽ giải phóng con người khỏi cái thân phận nghiệt ngã.

Bây giờ, hơn bao giờ hết, chúng ta lại nghiệm thấy một cách chua xót rằng nghệ thuật đã chìm con người sâu hơn trong nỗi khốn khổ chung thân của nó, đã trói con người chặt hơn vào những thực tại khiếp đảm của nó.

Ở đây, vì tình thế đau đớn đặc biệt của què hương, chúng ta phải gánh chịu gấp đôi thân phận nhân loại.

Do đó, có vài người tâm hồn giản dị đã vội kết luận rằng những ca khúc này của anh là những tác phẩm phản chiến để buộc tội anh về những tác dụng nguy hại của chúng đối với đám đông trong giai đoạn nghiêm trọng này của đất nước.

Chẳng lẽ chúng ta lại lên tiếng trách móc sao những người lại nỡ mang đặt nghệ thuật vào trong một cuộc đầu tư ngắn hạn và chắc chắn thua lỗ.

Nghệ thuật khi đã hình thành, là một nhận thức bao quát về đời

sống, là cánh hồng bay bổng tuyệt vời, chứ đâu phải là con gà què ăn quần cối xay.

Phải vậy không anh?

Que nous reste-t-il de sacré?⁽³⁾

Đối với câu hỏi đã xưa này của Vigny, chúng ta cũng chẳng cần phải trả lời dài dòng thêm nữa.

Chẳng lẽ lại trả lời rằng anh chỉ còn có cây đàn cùng những lời ca thảm thiết bám đầu trí não hay sao?

Những ước vọng hiệp sĩ của chúng ta trong thời tuổi nhỏ đã được chôn sâu nơi bãi sâu cùng với tuổi nhỏ tự hủy hoại sớm hơn hạn kỳ.

Bài học đắt giá nhất chúng ta đã thu thập được dưới sân của thế kỷ này là cái chết của con người khai báo bởi Malraux.

Thành thử, trong những ca khúc này, thêm một lần nữa, anh khai dạng huyền thoại về con người, thảm kịch của kẻ xa lạ nơi trần thế lưu đầy, những tư tưởng phổ biến trong thời đại.

Lại có vài người cũng vội nhận định rằng nghệ thuật của anh thấm đượm màu sắc tôn giáo, thiêng liêng.

Thật ra huyền thoại là gì nếu nó chẳng phải là một câu truyện ngụ ngôn nhằm giải thích sự khởi đầu của thế giới, là một câu truyện kể về sự sáng tạo sơ khai.

Nói cách khác, huyền thoại cũng là giấc mộng đi tìm ý nghĩa chính đáng cho đời sống.

Dùng tới huyền thoại tức ước muốn làm lại thế giới.

Từ đó suy đi, tôi tưởng tượng sẽ được nghe dưới tên anh, một ca khúc của hy vọng xanh rờn như lá non mở phôi trong một buổi sáng tình sương tôi thức dậy còn nhìn thấy mặt trời, còn nhìn thấy đồng loại, nhất là còn nhìn thấy con người trong tôi.

Xin mượn câu đầu của truyện tình Tristan để làm câu chót của bài này: *Seigneurs, vous plait-il d'entendre un beau conte...*?⁽⁴⁾

(Lời tựa cho tập nhạc *Ca khúc Trịnh Công Sơn*, 1967)

(1) *Recitativo secco*: đoạn người ca sĩ hay linh xướng đọc lời (không hát), không có nhạc đệm, hay nhạc đệm tối thiểu.

(2) *Negro-spiritual*: thể loại thanh nhạc, do những người nô lệ da đen ở Bắc Mỹ sáng tạo từ thế kỉ XVII, lời ca lấy từ Kinh Thánh. Dòng nhạc gospel thịnh hành ngày nay bắt nguồn từ những bài *negro-spiritual* này.

(3) Với chúng ta (ngày nay) còn gì là thiêng liêng? (Alfred de Vigny, *Thăng trầm binh nghiệp / Servitude et grandeur militaires*, chương X)

(4) Mở đầu *Truyện Tristan và Iseult* của Joseph Bédier: Thừa các chúa công, các Ngài có muốn nghe một câu chuyện hay về tình yêu và cái chết?



Một tối đầu hè 1982, chúng tôi quây quần trên balcon phòng Sơn. Đêm đã về khuya và mưa lâm tẩm, bỗng một thoảng hương rất nhẹ nhưng đủ mạnh để chen được với khói thuốc và hơi rượu ập tới. Ô hay, quỳnh nở... tình cờ... Tôi ghi ảnh, cung ly chào quỳnh trong tiếng saxo vinh hoa của Vui xé màn đêm dày đặc. Lúc viết bản này, Sơn kể, mình không đặt tên là Quỳnh hoa hay Hoa quỳnh chẳng hạn, vì nó không... hay, cho nên có nảy ý Quỳnh hương. Không ngờ có người con gái cũng có tên Quỳnh Hương, khi nghe bản này, nàng tìm tới làm quen và làm thân... Một hôm, trước khi ra đi, nàng đến già tử và cắm một lá quỳnh trong bồn hoa cạnh phòng Sơn. Và, đêm nay lần đầu tiên Quỳnh nở... Khoảng mười năm sau, Quỳnh Hương trở lại thăm Trịnh Công Sơn, nhân một chuyến về Việt Nam.

Phạm Văn Đình, tháng 6.1982

NGUYỄN DUY

ngày sau sỏi đá... (*)

Một đêm tình cờ Mặt trận Đường Chín - Nam Lào (1971) trong căn hầm kèo bên dòng sông Sêbănghiêng, tôi - phóng viên chiến trường, đang bám theo tiểu đoàn thông tin của sư đoàn 308 do anh hùng quân đội Chu Văn Mùi làm tiểu đoàn trưởng Nghe, nghe trộm - vàng, lúc đó gọi là nghe trộm - đài Sài Gòn, tình cờ “gặp” Trịnh Công Sơn qua giọng hát Khánh Ly ...*Điểm xưa... mưa vẫn rơi mưa trên tầng tháp cổ - làm sao em biết bia đá không đau... ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau...* Quí thật! Giai điệu ấy và lời ca ấy tự nhiên “ghim” lại trong tâm tưởng tôi ngay từ phút bất chợt ấy... Rồi, *Như cánh vạc bay...* Quái thật! ...Cảm nhận bất chợt, những bài hát rất mượt mà, đầm đuối ấy không thuộc chủng loại éo uột, rên rỉ, nỉ non mà thời ấy người ta vẫn quen gọi chung là “nhạc vàng”. Ừ, thì có buồn đấy, đau đấy, quặn thắt nữa đấy... nhưng còn là cái gì lành mạnh này nò trong đó. Hình như là cái đẹp. Cái đẹp trong câu nhạc. Cái đẹp trong ca từ, cả xác chữ lẫn hồn thơ. Bằng lòng, lơ mờ, khó phân định cho đúng



Trịnh Công Sơn và Nguyễn Duy

nghĩa, nhưng rõ ràng là đẹp, đẹp làm sao... và cũng hơi ma quái thế nào. Tôi lớn lên ở vùng đồng quê sông Mã, vẫn thường nghe tiếng vạc kêu sương. Nào có thấy con vạc đâu, mà tiếng vạc thì rất nhớ. Con vạc xa, thật xa, mà tiếng vạc rơi trong thăm thẳm đêm xưa tịch mịch thì lại gần, thật gần. Sự thật cuộc đời, ít ra đối với tôi cho tới lúc đó - năm tôi hai mươi bốn tuổi, là như vậy. Máy ca khúc của Trịnh Công Sơn như

cánh vạc bay qua tôi rồi, và để lại cái âm ảnh thâm mỹ. Ừ, biết đâu... ngày sau sỏi đá.

Rồi một ngày tình cờ... Mặt trận Quảng Trị (mùa hè 1972)... tôi - phóng viên chiến trường, lại bám tiểu đoàn thông tin của sư đoàn 308... theo một tiểu đội trinh sát vào thị trấn Đông Hà đã bỏ trống... Ngọc Hà tịnh xá - tôi chưa rõ đó là đền hay chùa, mái tôn, vách gỗ, lòng chống hương nhang và la liệt sách tung dưới nền xi măng. Kính Phật... lấy thử vài cuốn coi. *Việt Nam tân tự điển* của Thanh Nghị... nhật. *Nghệ thuật hiện đại* của Giô-dép Ê-mi-lơ Mui-lê... được. Thơ của Bùi Giáng, của Nguyễn Sa... được, thử coi. Và, *Ca khúc Da vàng* của Trịnh Công Sơn... nhật liên. Tôi làm một ba lô sách, các thứ mà lúc đó gọi là "văn hóa phản động", lặc lẽ mang ra hậu cứ trước những cái nhìn nửa ngờ ngác, nửa lo ngại của đồng đội. Tôi làm bộ quan trọng ra mặt, nằm bẹp trong hầm "nghiên cứu" mấy thứ vừa nhật được ấy, coi lướt qua và loại bỏ dần. Thật tiếc cuốn *Việt Nam tân tự điển*, có chú Hán ngữ và Pháp ngữ, nhưng nó nặng quá, đành phải bỏ lại. Tôi giấu trong ba lô suốt các ngà đường chiến dịch, và sau đó mang về Hà Nội được hai cuốn thôi, *Nghệ thuật hiện đại* và tập nhạc *Ca khúc Da vàng*, kể như thế đã là to gan lớn mật lắm rồi, dám đọc và lưu trữ sách của địch! Tôi hoàn toàn mù nhạc, nghe thì cảm được đại khái là thích hay không thích, hay hoặc không hay, thế thôi... xướng âm thì mít đặc, đọc *Ca khúc Da vàng* như đọc thơ vậy. Ca từ của Trịnh Công Sơn quả là thơ thật, và hay thật, chữ nghĩa lơ mờ, bàng lảng hỏn vía và thi tứ. Một thi sĩ tài ba. Nếu anh ta là người lính đối mặt với tôi, phải bắn nhau, thì cũng phải bắn nhau thôi. Ước gì anh ta mãi mãi làm thi sĩ... Ừ biết đâu... ngày sau sỏi đá.

Rồi một buổi tối tình cờ... năm 1975... Nhà thơ Phạm Tiến Duật đưa tôi tới thăm Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên (26 Lê Lợi, Huế)... và gặp Trịnh Công Sơn ở đó. Gương mặt anh phảng phất nét đạo sĩ, ẩn hiện

chút gì như là lực hấp dẫn tâm linh. Hèn chi, tác phẩm đầy ám ảnh. Buổi gặp bất ngờ mà thật đông mà vui, Tô Nhuận Vỹ - nhà văn, Bửu Chi - họa sĩ, Lê Khắc Cẩm - giảng sư môn văn của Trường Đại học Huế, cặp nhà thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường và Lâm Thị Mỹ Dạ... Thế là, rất tự nhiên, cuộc hội ngộ không hẹn trước bỗng chuyển thành đêm thơ nhạc “Bắc Nam sum họp”. Mọi người có mặt đều vừa là diễn viên, vừa là khán giả. Người đọc thơ. Người đàn hát. Mấy anh nhà văn, nhà vẽ thì vênh tai nghe, và hát theo Trịnh Công Sơn, những tình khúc, những bài hát tranh đấu... *Từ Bắc vô Nam nối liền nắm tay, ta đi vòng tay lớn.*

Mãi tới hôm đó tôi mới được biết Trịnh Công Sơn còn có những bài hát yêu nước nổi tiếng, phổ biến trong phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên miền Nam những năm tháng kháng chiến chống Mỹ. Ngay cả trong những bài hát mang tính thời sự ấy, vẫn thấy rõ xu hướng vươn tới cái đẹp muôn thuở, cái xu hướng mà có người chê là duy mỹ.

Những tháng cuối năm 1975, Trịnh Công Sơn vẫn ở Huế, còn tôi thì trở thành khách thường xuyên của gia đình anh ở thành phố Hồ Chí Minh. Tôi làm việc tại cơ quan tiền phương Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc, trong sân bay Tân Sơn Nhất, ngày chủ nhật và những buổi tối rảnh rỗi, tôi lại ra nhà Trịnh Công Sơn chơi và thường ngủ lại đó cùng với Hoàng Ngọc Tuấn (một nhà văn có tiếng, cùng tuổi với tôi, đã ở trong nhà Sơn nhiều năm, như người nhà). Ở đó, tôi đã được trò chuyện nhiều với má của Sơn, một bà má theo đạo Phật, giàu lòng thương người và tâm tưởng hướng thiện. Ở đó, tôi đã kết thân với những người em của Sơn. Tịnh và Tâm như hai cái vai của gia đình, gánh vác cơ sự cơ m áo, chăm lo hết mình cho sự nghiệp của anh. Thúy và Trinh “nuôi” nhạc Trịnh Công Sơn trong nhà. Ở đó, tôi đã được cô út Trinh hát cho nghe gần như toàn bộ ca khúc Trịnh Công Sơn, nhiều bài chưa phát hành. Tình khúc là lợi thay, vậy mà không hề vương nhục dục. Cũng lắm bài mang hơi hướng thiện, vậy mà không u uẩn. Phần lớn ca khúc của Sơn không *nhập thế* mà cũng không *đoạn đời*, cứ chập chờn bay lên đáp xuống, nhằm tới cái cao đẹp nửa thực nửa hư treo lửng lơ giữa thiên đường và trần gian. Ở đó, tôi mới hiểu rõ, âm nhạc Trịnh Công

Sơn là từ trong nhà đó đi ra, hoàn cảnh xuất thân rất cụ thể để dấu ấn khá đậm trong phong cách tác giả. Ở đó, - tôi một nhà thơ “Việt cộng” xa lạ, người ngòm hom hem, quần áo luộm thuộm lếch thếch đã được mọi người trong gia đình - dù Sơn không ở nhà và không có một lời giới thiệu nào trước cả - đối xử rất ân cần với tình thân tự nhiên như người trong họ mạc. Chính ở đó, tôi đã làm được bài thơ đầu tiên của mình về miền Nam - bài *Tim thân nhân*. Và tiếp theo là bài *Bầu trời mặt đất bàn tay*... để tặng má của Sơn, bày tỏ cảm nghĩ về mối quan hệ tâm linh tất yếu giữa mẹ - con người nghệ sỹ. Rất tiếc bài thơ này đã bị mất cắp cùng với cái túi xách treo ở tay lái xe đạp, tôi không thể nào nhớ lại được nữa, chỉ nhớ cái tên bài và một câu điệp “*biết đâu... ngày sau sỏi đá*”...

Không còn là tình cờ nữa, lần thứ hai tôi gặp Trịnh Công Sơn, Tháng Tư năm 1976, gần dịp bầu cử Quốc hội. Tôi từ Hà Nội vào nhận công tác tại tuần báo *Văn nghệ Giải phóng*, tới Huế thì dừng lại để chơi với anh em quen biết ở đó. Một đêm trăng sáng đẹp tuyệt vời, sông Hương được ánh trăng mạ cho lung linh hần lên. Chúng tôi tụ tập ngồi ngắm trăng, uống rượu suông và rồi lại thơ - nhạc... trên mảnh sân nho nhỏ nhà Nguyễn Khoa Diễm, ở thôn Vĩ Dạ... *Gánh... gánh... gánh rau về chợ - bước xôn xao... lòng chị xôn xao*... Đó là những bước đầu tiên của nhạc Trịnh Công Sơn nhập vào cuộc đời mới sau 30-4-1975. Vẫn là nhịp điệu quen thuộc của Sơn, không lẫn được, nhưng ca từ lại thật quá, tới mức thật thà quá, thành ra bài hát bị nhạt. Nhạc và lời của Trịnh Công Sơn như xác với hồn, không có cái này thì cũng không còn cái kia. Về sau tôi mới hiểu rõ hơn, đó chính là lý do giải thích tại sao Sơn không thể phổ thơ của người khác được. Trở lại bài *gánh gánh*... đó. Sơn cứ say mê hát đi hát lại mãi mà tôi không làm sao nhớ nổi những giai điệu tiếp sau... cả tên bài hát cũng không nhớ luôn. Đó là đạo anh đang trần trụi, muốn “*đề*” ngay một lứa các ca khúc mới, nhưng “*đề non*” như vậy thì bài hát cũng không sống được đến già. Hơn thế nữa, anh đang ở trong tình trạng khó khăn về tâm lý. Nhiều người ở Huế có ác cảm với chế độ mới, tò ý chê trách anh sao mà “nhập cuộc” dễ dàng thế, với ác ý lộ liễu.

Cán bộ địa phương ở phường khóm thì lại coi anh là một “phản tử của xã hội cũ” cần phải “cảnh giác” và giám sát chặt chẽ. Nhà anh ở thường xuyên bị theo dõi và kiểm tra hộ khẩu ban đêm. Có lần, cả Hoàng Phủ Ngọc Tường lẫn Tô Nhuận Vỹ phải cãi vã với công an phường, vì đang ở chơi đó, mới khoảng mười giờ đêm, đã bị xét hỏi giấy tờ... Riêng tôi, tại nhà Trịnh Công Sơn (đường Nguyễn Trường Tộ, Huế), tôi đã có một kỳ niệm nhớ đời.

Vàng, trong cái đêm trăng sáng đẹp tuyệt vời ấy, sau khi thơ - nhạc ở nhà Nguyễn Khoa Điềm, chúng tôi kéo nhau về nhà Sơn, kiểm nem Bến Ngự nhấm rượu tiếp, lại hát tiếp, trò chuyện và “góp ý” với Sơn đôi điều, động viên anh viết thế này... viết thế nọ... Gần tới giờ giới nghiêm, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tô Nhuận Vỹ, Bửu Chỉ, và mấy người nữa phải vội vàng “rút lui”, còn tôi thì ngủ lại với Sơn cho vui. Hai anh em ra cửa đứng ngắm trăng suông. Trịnh Công Sơn kể về kỳ niệm ... *Mưa vẫn rơi mưa trên tầng lá nhỏ*, chính là trên tầng lá nhỏ kia kia... Ngày xưa... Diễm vẫn thường đi qua con đường đó... *Diễm xưa* là viết ở Quy Nhơn, nhưng tầng lá này, sỏi đá này là ở Huế... Âm hưởng bài *Diễm xưa* đưa tôi vào giấc ngủ... Vừa chợp mắt thì nghe tiếng đập cửa thình thình. Công an tới. Xét giấy. Giấy tờ của tôi để trong túi áo quân phục, hồi chiều vừa lột ra gửi tại nhà Tô Nhuận Vỹ. Không có giấy tờ, tướng mạo lại cục mịch khả nghi, tôi liền bị mời ra đồn công an Phú Cam, mặc dù Sơn đã cố sức giới thiệu tôi là một nhà thơ quân đội cách mạng, kể tên một loạt những bài thơ của tôi đã in trên nhiều sách báo nữa. “Không có giấy thì cứ ra bớt chớ chi mà phải nhiều lời”. Cả tôi và Sơn đành lặng lẽ đi sau người công an vừa nói câu đó. Ngồi đó, mai sáng giải quyết - người trực ban trả cho chúng tôi một cái ghế băng đã có ba bốn người ngồi, trong góc đồn. Sáng hôm sau, Sơn phải về Hội Văn nghệ lục túi áo của tôi và mang giấy tờ tới, tôi mới được thả ra, khi đã nghe xong một bài huấn thị tràng giang về vấn đề phòng gian bảo mật... Tôi đọc cho Sơn nghe hai câu về “cảm tác” - những câu đầu tiên tôi viết về xứ Huế:

Ở Huế có lệ xét nhà

Ai không có giấy thì ra bớt ngồi

Chúng tôi lại cười vui, chờ nhau trên chiếc xe đạp cao kều màu vàng, chạy vòng theo con đường "ngày xưa Diễm thường đi qua", dưới những tảng lá nhỏ. Qua một mảng tường trắng, thấy khẩu hiệu đỏ chói:

Dù cho bão táp mưa sa

Khách lạ đến nhà phải báo công an...

Rồi Trịnh Công Sơn sẽ viết lách thế nào đây?... Tôi trầm nghĩ trong tiếng lán xào xạo của vô vàn viên sỏi nhỏ dưới bánh xe... ừ, biết đâu... ngày sau sỏi đá...

Bây giờ, Trịnh Công Sơn và tôi gặp nhau hoàn toàn không còn là tình cờ nữa. Những buổi *quần tam tụ ngũ* với anh em văn nghệ sĩ thành phố Hồ Chí Minh, thường xuyên vẫn có tiết mục thơ - nhạc, thông báo sáng tác mới, hoặc những dự định, những gợi ý. Một số ca khúc mới của Trịnh Công Sơn, sáng tác từ cảm hứng trước hiện thực mới, đã được công chúng lan truyền rộng rãi - trong đó, bài *Em ở nông trường, em ra biên giới* (1978) được kể là cái mốc đánh dấu chặng đường mới của anh. Anh đã thật sự "bắt" vào mạch đời sống mà vẫn giữ được cái giọng riêng, cái bản sắc tươi sáng. Một vài năm trước 1975, anh hơi sa đà vào mạch thiên, bắt đầu có dấu hiệu lẩn quẩn, chớm bước *đi đâu loanh quanh cho đời mới mẻ... trên hai vai mang đôi vầng nhật nguyệt... để rồi một chiều ngồi ôm tóc dài... chấp chờ lau trắng trong tay...* Kể từ ngày vào ở hẳn tại thành phố Hồ Chí Minh tới nay, sắp chẵn mười năm, Trịnh Công Sơn đã có thêm hàng chục ca khúc, nhiều nhạc phim, và bài hát trong phim. Để vượt qua được những khó khăn tâm lý của chính mình, suốt mấy năm sau 1975, và tiếp đó là sự bất bẻ, xé nát của không ít bạn đồng nghiệp, của một số người ở giới nghiên cứu - phê bình âm nhạc, đối với anh là việc không dễ dàng. Nhưng dù sao thì anh cũng vượt qua được... Sự cảm thông và lòng mến mộ dành cho anh và ca khúc mới của anh ngày càng tăng lên, đó là kết quả tốt lành do chính việc anh làm mang lại. Anh chân thành và say mê sáng tạo, chân thành và say mê

tìm hiểu, học hỏi đời sống, vẫn rất kỹ tính với từng nét nhạc, từng lời thơ. Có lần, anh đột ngột hỏi tôi: “Này, ông ở lâu ngoài Hà Nội, ông thấy những buổi chiều trên sông Hồng có gì ám ảnh?...” Tôi kể với anh về bờ đê, và lũy tre mờ xa, sương khói... Và thế rồi, trong bài *Chiều trên quê hương tôi*, anh chỉ chọn lấy cái bờ xa sương khói thật có hồn. Bài *Mùa thu Hà Nội* của anh mới chỉ tiết làm sao, những chi tiết khiến cho ai đã từng am tường Hà Nội đều phải sửng sờ, *cây cơm nguội vàng... cây bàng lá đỏ... những con đường nhỏ... mái ngói thâm nâu* đột ngột, những *con sấm cầm cất cánh trên hồ Tây*. Rất chi là Hà Nội! Phải kể đó là một trong những bài hát hay không phải của riêng Trịnh Công Sơn, mà là của chung Hà Nội. Với anh, có thể kể ra hàng loạt những bài hát được nhiều người yêu thích, *Em còn nhớ hay em đã quên*, *Chiều trên quê hương tôi*, *Huyền thoại mẹ*, các bài hát trong phim *Pho tượng*, phim *Y vô dương sinh*, v.v đều là những bài nhạc và lời tương sinh như xác với hồn, những chi tiết đời sống được nâng lên trong xu hướng vươn tới cái đẹp lâu bền. Thì đúng là anh *duy mỹ* rồi ! Tôi nghĩ rằng, sự nhập cuộc của anh như thế là đúng *tang*, đúng bản sắc, cái riêng nhập vào cái chung như một hạt phù sa nhập vào dòng sông, một làn gió nhập vào cánh đồng... Thay đổi luôn cả cái *tang* ấy đi thì có nghĩa là mất luôn một Trịnh Công Sơn. Không thể đòi hỏi anh thay đổi kiểu ấy, cũng như không thể đòi hỏi một con chim họa mi phải đẻ ra những ổ trứng chim cú, một cành hoa phong lan phải cho những chùm quả xum xuê ăn được...

Bởi vì nghệ thuật là phong phú và đa dạng, nó vẫn còn có và dành sẵn chỗ cho những cái vu vơ thắm mỹ và hương thiện, như là *ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*...

10/4/1987 (Đăng lần đầu trên báo Thanh Niên, 23.11.1987)

(*) Rút từ *Tôi thích làm vua* - NXB Văn Nghệ, 1987

ĐỒ TRUNG QUÂN

nhìn lại mình đời có xanh rêu?

Sài Gòn 1969...

Cơn mưa chiều đột ngột đẩy một thiếu niên mười bốn tuổi vào mái hiên ven đường. Buổi chiều tháng Bảy vàng vọt, ẩm ướt. Dưới mái hiên sũng nước, bốn chồn đợi cơn mưa dứt, cậu chợt nghe tiếng hát của người ca sĩ nổi tiếng vọng ra tiếng được tiếng mất từ ô của nào đó... *"Trời còn làm mưa, mưa rơi mênh mang... đóa hoa hồng vùi quên trong tay... ôi đường phố dài..."*. Tuổi mười bốn chưa hề biết thế nào là tình yêu, nhưng trong khoảnh khắc của buổi chiều màu hoa cúc, cậu thiếu niên bỗng bàng hoàng biết rằng mình đã yêu những lời hát kỳ lạ - rời rạc - ẩn giấu nổi cô đơn khó hiểu nào đó người nhạc sĩ đã viết nên bằng những ca từ kỳ lạ ấy.

Bây giờ - ba mươi bốn tuổi - tôi cậu thiếu niên ngày nọ đã biết được đó là những ẩn dụ về điều lớn lao nhất của con người: Tình yêu.

Người nhạc sĩ ấy cũng từ đó đi cùng tôi - đi cùng thế hệ tôi suốt tuổi hai mươi cho đến tận bây giờ. Vâng! Không thể phủ nhận có một thế hệ lớn lên tâm hồn rải đầy những nốt nhạc của những tình khúc Trịnh Công Sơn.

Con chim nhỏ hót chơi trên đầu ngọn lau ấy chưa bay đi. Mười bốn năm qua anh vẫn còn đó, vẫn những ca khúc mang dụ ngôn quen thuộc của tình yêu dành cho mọi người và cho chính mình. Có người tiếp nhận, có người lặng im, có người quay lưng với những nỗi niềm anh muốn bày tỏ - Anh có buồn không? Bày tỏ với đời một số gì đó và tìm được sự chia sẻ, cảm thông, đó là mục đích duy nhất của người làm nghệ thuật. Tôi có cảm giác trong hơn mười năm qua tâm lý con người có vẻ trở nên phức tạp hơn. Điều đó cũng ảnh hưởng ít nhiều đến công việc của người sáng tác... Và cái hay, cái đẹp tự thân nó là lý do tồn tại của chính nó... Mấy ai đã dám khẳng định rằng mình hiểu được chính mình. Có một câu nói của Socrate "Connais-toi-toi-même" - hãy tự hiểu lấy chính mình...

Và Trịnh Công Sơn cứ thế, vẫn lặng lẽ đi suốt con đường - con đường như một duyên kiếp tiền định: một người viết tình ca. Dù trên đường đi, anh vẫn hái được hoa hồng lẫn gai góc, cảm thông và ngộ nhận. Hãy để người nghệ sĩ không chỉ gặp toàn hoa hồng mà còn gặp cả gai góc nữa (Tchekhov). Trịnh Công Sơn vẫn đi tìm hạnh phúc trong những ca khúc của mình, vậy mà sao nỗi cô đơn cứ bàng bạc mãi trong hầu hết giai điệu. Vì sao vậy? Tôi có khuynh hướng nghiêng về sự bất hạnh của đời người từ lúc còn trẻ. Trong đời sống nói chung hạnh phúc bao giờ cũng là điều khó tìm... Khó tìm, nhưng đôi lúc ngay chính trong khía cạnh đời sống anh đã bắt gặp nó rồi. Người ta vẫn tiếp tục nghe những ca khúc của anh khi đã xa quê hương. Đó là một niềm vui. Người Việt ở đâu cũng là người Việt cả... Những con người ở lại, những con người tha hương vẫn còn nghe ca khúc của anh như tìm một niềm an ủi.

Trong nỗi nhớ nhưng không người nào đó - để tự an ủi mình. Tôi biết chắc rằng cũng đã có nhiều người đi lang thang ngoài phố, trên môi vẫn thì thầm, vẫn bật ra một vài câu hát của anh. Tuyệt có thể chữa lành mọi bệnh (Pasternak) thì âm nhạc cũng tương tự. Đối với người này, người nọ nó cũng có thể chữa lành và an ủi nỗi đau tâm hồn.

Và có một đêm bước lên sân khấu, anh không ngồi hát với cây đàn ghita quen thuộc của mình. Cầm micro trên tay, đứng dưới quảng sáng màu tím nhạt, đôi tròng kính của anh phản chiếu ánh sáng trông như một người mù đơn độc bày tỏ nỗi niềm riêng với mọi người... *"Tình yêu vô tội để lại cho ai... buồn như giọt máu lạnh lẽo nơi này... trời cao đất rộng một mình tôi đi... đời như vô tận một mình tôi về... với tôi"...* Bài hát dành cho một con người, một số phận nào đó trong phim *Tình xa vắng* với những giai điệu quen thuộc, tôi bỗng gặp lại nỗi bàng hoàng như nỗi bàng hoàng xưa kia - buổi chiều mưa mười bốn tuổi. Lại nỗi cô đơn, dằng dặc đeo đuổi mãi trong người nhạc sĩ từ lâu đã trở thành của nhiều người. Phải chăng đó là cái thông điệp lớn lao - bi kịch cũng đồng thời là niềm hạnh phúc - của người nghệ sĩ? Nỗi cô đơn nhiều bất ổn hay là số phận của con người trong thế giới nhiều bất ổn? Tôi vốn sợ những điều dự báo trong tác phẩm. Đi và về - cái khái niệm chuyển dịch nhưng đồng thời cũng là một hò hẹn với hư không! Thôi, cầu mong đó chỉ là nỗi ám ảnh, lo sợ vu vơ của tôi - một kẻ nhát gan. Anh vẫn còn đang sáng tác, vẫn còn đến cùng đám đông. Đời sống có lúc căng thẳng quá nên vẫn cần gặp lại những tình khúc dịu dàng của anh lắm đấy.

Tôi mang đến anh một câu hỏi của những người yêu mến anh: nhìn lại đời mình đời có xanh rêu? Và đã được nghe câu trả lời: *"La pierre qui roule ne ramasse pas mousse - nhưng vì cuộc đời người vẫn còn lăn mãi nên rong rêu có lúc không bám nữa"*.

Lạnh lẽo nơi này. Nhưng không phải cuộc hò hẹn với rong rêu. Cầu mong như vậy.



Trinh Công Sơn và Nguyễn Quang Sáng

“Sơn! Qua tới Mỹ rồi, tao vẫn nghe mày!”. Hóa ra người ghét Sơn, chống Sơn vẫn không thể không nghe nhạc của Sơn. Từ đó có thể nói, nghệ thuật của Trịnh Công Sơn đã vượt qua khỏi sự hận thù được không?

Nguyễn Quang Sáng

NGUYỄN QUANG SÁNG

paris - tiếng hát trịnh công sơn

Paris, đêm 16-5-1987, Nhà Việt Nam trên đường Cardinal Lemoine có buổi nói chuyện về Trịnh Công Sơn của anh Nam Chi. Người đến dự đêm Trịnh Công Sơn ở Paris, có người vốn là bạn bè của anh, có người chưa quen biết anh nhưng yêu anh, mê anh, có người chưa có dịp gặp lại anh, và dù có xa cách đến muôn trùng, trong lòng anh chị em ấy vẫn vang vọng tiếng hát của anh. Tiếng hát của kỷ niệm. Tiếng hát của hoài mong. Tiếng hát nhức nhối đến tâm can khi nghĩ đến quê hương. Nghe Sơn mà không thấy, không gặp Sơn. Tuy lời giới thiệu của anh Nguyễn Ngọc Giao cũng như lời mở đầu của anh Nam Chi, đều ao ước "...sẽ có một ngày Trịnh Công Sơn có mặt ở tại đây, trong Maison du Việt Nam với chúng ta".

Hai năm sau Trịnh Công Sơn đến Paris và đêm 27-5, đúng đêm thứ Bảy, năm 1989, Trịnh Công Sơn xuất hiện trước bạn bè dưới tầng hầm của Nhà Việt Nam. Sơn đỏ, đúng như Khánh Ly đã tả về anh: "Dáng người mảnh khảnh, cặp kính trắng tròn gọng đôi môi, sống mũi thẳng, nụ cười đẹp, tươi với chiếc răng khểnh... và giọng Huế". Đó là Sơn của

Khánh Ly. Còn đối với tôi? Sơn người Huế, tôi người An Giang. Suốt những năm chiến tranh, về mặt địa dư, tôi với anh như hai kẻ đối đầu. Lúc Sơn ở Sài Gòn, cái thời Sài Gòn là thủ đô của Việt Nam Cộng hòa, tôi ở Hà Nội; lúc Sơn về lại Huế, tôi lại về nòng với Quân giải phóng. Không quen, không biết, nhưng lại gần nhau trong đời sống tâm linh để đến bây giờ cùng một chuyến bay, cùng một chuyến đi, cùng lo cho đêm hát của Sơn trên đất Paris. Tôi biết Sơn từ lúc viết *Mùa gió chướng* (1974). Tôi tìm nghe và đọc Sơn. Và tôi đã mượn lời *Đại bác ru đêm* của Sơn cho tâm trạng khao khát hòa bình của một nhà báo Sài Gòn hiểu rõ được thời thế. Cũng có vài trường hợp nghe Sơn, biết Sơn giống như tôi. Như Nguyễn Duy thời còn chiến tranh, nhà thơ đã trộm nghe đài Sài Gòn, đã biết Sơn qua giọng hát Khánh Ly. Trong bài *Ngày sau sỏi đá*, Nguyễn Duy viết: "...Quí thật, giai điệu ấy, lời ca ấy tự nhiên ghim lại trong tâm tưởng tôi ngay từ phút bắt chợt ấy. Rồi *Như cánh vạc bay*. Quái thật! Cảm nhận bất chợt, những bài hát rất mượt mà đắm đuối ấy nhưng không thuộc chủng loại ào ạt rên rỉ, nỉ non mà người ta vẫn gọi chung là nhạc vàng. Ừ, thì có buồn đấy, đau đấy, quặn thắt nữa đấy, nhưng còn có cái gì lành mạnh nảy nở trong đó. Cái đẹp từ câu nhạc, cái đẹp trong ca từ, cả xác chữ lẫn hồn thơ. Bàng lảng lơ mơ khó phân định cho đúng nghĩa, nhưng rõ ràng, đẹp làm sao và cũng hơi ma quái thế nào..." (Tuần tin *Thanh Niên* số 93 ra ngày 23-11-1987). Hình như nhà thơ đã bị choáng ngợp trước lời và nhạc của Sơn, không biết nói cách nào cho hết ý mình nên cứ phải quí phải quái và thế nào ấy... Nhà văn Tô Hoài nói về nhạc phẩm của Sơn gọn hơn: "Buồn và đẹp". Gọn hơn nữa là nhà văn quá cố Nguyễn Tuân, một chữ: "Thơ". Ở Paris, anh Nam Chi, anh Cao Huy Thuân cũng nói đến thơ trong lời của Sơn. Đã là thơ thì giải bao nhiêu lời cũng không đủ, chỉ có một chữ đủ nhất là "Thơ".

Sau 30-4-1975 không mấy ngày tôi không gặp Sơn. Tôi tặng Sơn quyển *Mùa gió chướng* của tôi và ký tên trang dưới đoạn trích *Đại bác ru đêm* của anh. Ấy là ngày đầu làm quen, làm bạn cho đến nay. Ngồi đối diện với Sơn trong một quán bia buổi trưa hè dưới tàng cây vú sữa đường Trần Quý Cáp, Trịnh Công Sơn hết sức lạ lẫm đối với tôi. Sơn giống một người trong vùng quê tôi, người đã sáng lập ra một tôn giáo, vị giáo chủ

ấy có đến hàng triệu tín đồ. Cũng gương mặt ấy, cũng mái tóc xỏa ngang vai ấy, nhưng Sơn không có tín đồ mà có hàng triệu người mê nhạc phẩm của anh. Tôi vốn là người có một thời nghiện cứu về tôn giáo này, tôi có thu thập một tư liệu và hình ảnh. Một hôm, tôi đưa tấm ảnh của vị giáo chủ ấy cho Sơn và bạn bè xem, ai cũng “Ồ, giống quá!”. Ấy là chuyện tình cờ trong đời nhưng tôi không bỏ trôi qua trong nghĩ suy của tôi về con người: người sinh cùng năm tháng, người cùng một gương mặt, cùng một dáng đi, người cùng tên, khác nhau đó, nhưng có gì giống nhau?

Trịnh Công Sơn sinh ngày 28-2-1939, năm Kỷ Mão. Con mèo Trịnh Công Sơn nhẹ nhàng, hết sức nhạy cảm, hết sức tinh tế. Tưởng như Sơn nghe cả tiếng nói của cỏ cây, nghe được cả lời thở than khi hoa quỳnh là cánh. Chính vì vậy mà Sơn đã hỏi: *Làm sao em biết bìa đá không đau?... và biết Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau...*

Người yêu nhạc của Sơn, dù có yêu có mê đến mấy cũng không thể yêu mê và nhớ 400 ca khúc của anh. Nhưng mỗi lúc, mỗi thời thế, và tùy theo tâm trạng, mà yêu mà nhớ đến một khúc hát nào đó của Sơn. Và hơn 400 ca khúc của anh như đủ cho mọi tâm trạng của mỗi con người. Hơn mười năm qua, đi đâu, bất cứ nơi nào, trong nước hay ngoài nước, nơi nào có người Việt Nam, là nơi đó tôi được nghe bài hát của Sơn. Nhớ năm 1987, trong dịp sang Đông Berlin, khi tôi vừa ngồi yên trong xe, thì anh bạn lái cho tôi bảo: “Nghe Trịnh Công Sơn nhé?”. “Có à?” - Tôi ngạc nhiên. “Sao lại không!” và giọng của Khánh Ly “*Mưa vẫn mưa bay...*” lại cùng tôi vang trên các nẻo đường Đông Berlin trong đêm thu. Khiến tôi nhớ, một lần tôi về đất Mũi, đang ngồi chơi bên một cái hồ ở chợ Cà Nảy. Dưới hồ có một con gù rất lạ, như một con đĩa màu xanh lội lẳng quăng. Khi tôi cầm cục đất ném xuống thì cái con “đĩa” màu xanh tan biến đi, không thấy gì nữa, chỉ còn mặt nước trong. Một lát sau, chẳng biết từ đâu, những hạt tế bào tan biến ấy lại tụ về với nguyên hình con đĩa xanh lội lẳng quăng. Tôi đang nghĩ về sự tan biến nhưng không bao giờ chết của con vật lạ ấy thì bên tai văng vẳng tiếng hát... *Rớt xuống đời làm sóng lênh đênh...* Ngóanh nhìn lại, một cô gái đi trên bờ

đất, cô hát một mình, không để ý đến ai, vừa ngêu ngao hát vừa đi về phía rừng chiều. “Sơn à, đi đâu tao cũng nghe mày!”.

Tại Paris, nghe đồn ở quận 13 có người Việt cực đoan thù Sơn, chống Sơn. Sơn không thể đến đó, và cũng không nên đi ngang qua đó, dù đi bằng ô tô. Họ đã làm bậy với đoàn cải lương rồi, không thể không cảnh giác. Một hôm tôi đến, vào một quán phở, một cái quán có nhiều khách chống Sơn; lạ, tôi nghe họ mở nhạc của Sơn. Rồi đầu tháng 7-1989, ngồi trong một quán ăn Việt Nam ở New York, trong ánh đèn mờ, tôi cũng lại nghe của Sơn. “Sơn! Qua tới Mỹ rồi, tao vẫn nghe mày!”. Hóa ra người ghét Sơn, chống Sơn vẫn không thể không nghe nhạc của Sơn. Từ đó có thể nói, nghệ thuật của Trịnh Công Sơn đã vượt qua khỏi sự hằn thù được không?

Lại nhớ một đêm sương Sài Gòn năm 1978, chúng tôi gồm nhà văn Nguyễn Tuân, Thọ, Nhuận, Tịnh, Sơn, và tôi sang chơi bên quán Cầu Mới, dưới chân cầu Bình Triệu. Chủ quán nào biết khách là ai. Vô tình mà như chuẩn bị sẵn từ lúc nào. Khi Sơn và chúng tôi vừa bước xuống xe thì tiếng kèn saxo của Trần Vinh từ một âm thấp vút lên cao *Gọi nắng...* của bài *Hạ trắng*. Không giạt mình nhưng ngăn ngợ trước tiếng kèn saxo của Trần Vinh. Tà lại cảm xúc ấy như thế nào đây? Với tôi, tiếng kèn như một luồng sương tỏa mờ một khoảng trời của chúng tôi, cho thêm lạnh, thêm nhớ một đêm êm đêm. Nay, nhà văn Nguyễn Tuân, người anh lớn ấy đã qua một cõi đời rồi; Thọ, Nhuận đang sống ở nước ngoài. Dù ở đâu, dù có xa nhau, tôi luôn nghĩ, ban bè trong đêm sương ấy vẫn còn văng vẳng bên tai lời gọi nhớ của tiếng kèn saxo: *Áo xưa dù nhàu, cũng xin bạc đầu, gọi mãi tên nhau...*

Tôi hết sức thú vị được nghe Tiến sĩ Cao Huy Thuần qua băng ghi âm trong đêm nhạc của Trịnh Công Sơn ở Paris đêm 20-6-1987. Tiến sĩ Cao Huy Thuần phân tích: “Đời của Trịnh Công Sơn là thơ. Ca khúc của Trịnh Công Sơn có bốn chủ đề: chiến tranh và hòa bình, tình yêu, một chút triết lý về thân phận con người, và quê hương”. Nói về nỗi buồn của Sơn, anh tạm gọi là nỗi buồn siêu hình. Anh Cao Huy Thuần

nói: “Chắc chắn một điều, bài nào của Sơn mà không có chữ em, chữ yêu, không có chữ tình, chữ tin, chắc chắn không phải là bài hát của Trịnh Công Sơn. Đó là Trịnh Công Sơn giả cây”.

Giới thiệu bài *Mưa hồng*, anh nói “Cảnh, tình và người trong Trịnh Công Sơn là cảnh Huế, tình Huế, người Huế. Sau này Sơn rời Huế vào Sài Gòn, chất thơ trong nhạc của Trịnh Công Sơn vẫn là chất Huế, nguồn thơ vẫn chảy từ Huế. Vô số những bài hát của Sơn đều ướt và mưa. Vì Huế là xứ của mưa dầm. Mưa mùa đông, mưa mùa hè, mưa sợi nhỏ, mưa sợi to, mưa tỉ tê, mưa ray rứt, cảnh mưa trong Trịnh Công Sơn buồn nhưng rất đẹp. Sơn ở gần cầu Phú Cam, trông xuống sông Bến Ngự. Cửa mở ra là vòm cây long não xanh mượt, chiếc cầu nhỏ nối hai bên bờ sông, bên kia sông là chiếc vai gầy của Diễm”...

Nói đến mưa trong nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn, tôi nhớ một chiều năm 1980, họa sĩ Nguyễn Trung, Sơn và tôi ngồi trên lầu mười khách sạn Bông Sen đường Đồng Khởi. Ba chúng tôi, ngồi bên cốc bia nhìn cơn mưa chiều mù mịt của thành phố. Mưa Sài Gòn không lê thê, không ray rứt, mà mưa như cầm bình trút nước, mưa dữ dội, mưa mạnh mẽ. Rồi mưa dứt. Mưa rửa sạch cả thành phố. Mái ngói đỏ au ánh trời chiều. Mưa Sài Gòn không tung sợi, không tỉ tê, mà ào ạt đến với nguồn cảm xúc của Sơn. Sau đó, trong ca khúc *Chiều trên quê hương tôi*, Trịnh Công Sơn viết:

... *Chiều trên quê hương tôi, nắng phơi trên màu ngói non tươi*
Gió mang tin một mùa sẽ tới
Sẽ mưa lâu hoặc cơn nắng dài

Và trong bài *Em còn nhớ hay em đã quên*:

Nhớ Sài Gòn mưa rồi chợt nắng
 ... *Trong lòng phố mưa đêm trối chân*
Dưới hiên nhìn nước dâng tràn
Phố bỗng là dòng sông uốn quanh...

Đó là cơn mưa Sài Gòn, cơn mưa nơi Trịnh Công Sơn lớn lên, trưởng thành và gắn bó cho đến ngày nay.

Tiến sĩ Cao Huy Thuân tiếp: “Nói về người, người đẹp của Sơn phải là người gầy, không gầy thì không đẹp. Ví dụ, vai gầy: *Tuổi nào vừa thoáng buồn áo gầy vai* (Còn tuổi nào cho em). Tay gầy: *Bàn tay em nắm ngón ru trên ngàn năm, trên mùa lá xanh, ngón tay em gầy nên mãi ru trên ngàn năm* (Ru em từng ngón xuân hồng). *Đóa hoa hồng tàn hôn lên môi em gầy ngón dài* (Tuổi đã buồn). Gầy và xanh: *Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp đổ, dài tay em mấy thuở mắt xanh xao* (Điểm xưa) hoặc *Bàn tay xanh xao đón ưu phiền* (Nặng thủy tinh).

Cũng cái vẻ đẹp này, Khánh Ly viết: “... Tôi không nhớ Hà Nội bao nhiêu. Không yêu Sài Gòn nhiều lắm mà chỉ xót xa đến Huế. Huế nghèo, thành phố chỉ vài con đường chính. Huế nóng cháy da, mềm thịt. Huế lạnh buốt, lạnh từ trong lạnh ra. Dường như Huế chỉ thật sự huyền ảo, đẹp nên thơ bởi những nghệ sĩ khi viết về quê hương mình. Có lẽ đó là điều dĩ nhiên của mọi người, mọi miền khi viết về nơi mình sinh ra. Âu cũng không phải điều làm ta ngạc nhiên. Nhưng không phải vì những điều người Huế viết về Huế đã làm tôi yêu Huế. Vì nếu như vậy thì tôi phải yêu Hà Nội nhiều hơn mới có lý. Phải yêu Sài Gòn hơn, Đà Lạt hơn mới phải. Vậy mà tôi yêu Huế, thỉnh thoảng gặp lại một vài người bạn, tôi năn nỉ *Mi nói cho tau nghe chút chi đỡ nhớ*. Con gái Huế nói như hát, dịu dàng, đi đứng khép nép, nhẹ nhàng. Có một cái gì thật mong manh, như tơ, như sương khói, như một điều không có thật trong con người của các cô gái Huế. Tôi có cảm tưởng họ không phải là sự hiện hữu. Một chút hương khói hư ảo chấp chờ. Chỉ một tiếng động khẽ dù là tiếng rơi của một chiếc lá, cũng làm tan biến đi tất cả”... Và với tôi ẩn chứa trong cái vẻ mong manh như sương khói của Huế là một sức mạnh cường tráng, và dữ dội của thác ghềnh. Như nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn, mơ màng đó, sương khói đó nhưng không tan biến theo thời gian mà vẫn động, vẫn chảy trong lòng người.

V Ă N C A O

tôi gọi trịnh công sơn
là người ca thơ

Tôi gọi Trịnh Công Sơn là người ca thơ (chantre) bởi ở Sơn, nhạc và thơ quyện vào nhau đến độ khó phân định cái nào chính, cái nào là phụ. Và bởi Sơn đã hát về quê hương đất nước bằng cả tấm lòng của một đứa con biết vui tận cùng những niềm vui và đau tận cùng những nỗi đau của Tổ quốc mẹ hiền.

Mãi hơn một năm sau khi giải phóng miền Nam, chúng tôi mới thực sự mặt nhìn mặt, tay cầm tay lần đầu, nhưng tôi có cảm giác như chúng tôi đã là bạn của nhau từ bao giờ, mặc dù giữa tôi và Sơn còn cả một thế hệ đèm. Nói cách nào đó, tôi đã gặp Sơn từ những ngày đất nước còn chia hai miền và còn chìm trong khói lửa. Đó là vào những ngày cuối chiến tranh, khi một số ca khúc phản chiến của Sơn lọt vào miền Bắc.



Trịnh Công Sơn và Văn Cao

*Tôi gọi Trịnh Công Sơn là người ca thơ
(chantre) bởi ở Sơn, nhạc và thơ quyện vào
nhau đến độ khó phân định cái nào chính,
cái nào là phụ.*

Văn Cao

Tôi muốn nhắc đến ở đây một kỷ niệm không thể quên ở nhà một người bạn trẻ (mà sau đó ít lâu đã chết, một cái chết bí thảm). Đêm ấy lần đầu tiên tôi nghe (cũng có nghĩa là gặp) Trịnh Công Sơn... Những bạn trẻ hát cho tôi nghe gần suốt đêm hàng loạt ca khúc Trịnh Công Sơn (không biết họ học ở đâu?) hát say sưa đến nỗi đứt cả dây của cây đàn guitare duy nhất có trong nhà. Sau này, Sơn kể cho tôi nghe rằng những bài hát đó, Sơn đã sáng tác trong những ngày trốn lính, sống lẻ la với bạn giang hồ.

Trong âm nhạc của Sơn, ta không thấy dấu vết của âm nhạc cổ điển theo cấu trúc học phương Tây: Sơn viết hồn nhiên như thể cảm xúc nhạc thơ tự nó trào ra. Nói như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát, người bạn già của tôi, “Trịnh Công Sơn viết dễ như lấy chữ từ trong túi ra”. Cái quyến rũ của nhạc Trịnh Công Sơn có lẽ chính là ở chỗ đó, ở chỗ không định tạo ra một trường phái nào, triết lý nào, mà vẫn thấm vào lòng người như suối tưới. Với những lời, ý đẹp độc đáo đến bất ngờ hồn phối cùng một kết cấu đặc biệt như một hình thức của dân ca hầu như không thay đổi. Trịnh Công Sơn đã chinh phục hàng triệu con tim, không chỉ ở trong nước, mà cả bên ngoài biên giới nữa. Và nếu tôi không lầm thì dấu ấn của Sơn đã ít nhiều in trên tác phẩm của một số nhạc sĩ thời kỳ sau 1975.

Có lẽ cũng không cần nghe lại nữa, dù bây giờ và sau này Sơn có in thêm. Một lần là đủ, từ cái đêm chiến tranh ấy, tôi biết mình đã gặp một-tâm-hồn-chị-em sẽ chia “một cõi đi về”. Và tôi viết lời bạt này cho tập nhạc của Sơn như giữ một lời hẹn thắm chưa ngỏ, lời hẹn của một tri âm với một tri âm...

S O N N A M

điệu hát nam ai hiện đại^(*)

Nhuần nhuyễn, ý tứ gấn bó hữu cơ, không cường điệu, tính thuyết phục, tính khái quát, nhân bản..., bao nhiêu đòi hỏi về lý thuyết văn nghệ quả là hiển hiện trong nhạc Trịnh Công Sơn. Người thuộc thế hệ khác, - tuy không hơn Trịnh Công Sơn bao nhiêu tuổi - nhưng may mắn ở vào lứa tuổi khỏi bị bắt quân dịch, thời chiến, cuộc chiến tranh chấm dứt trước 1975, cũng vẫn là thấy xót xa cho vận mệnh dân tộc. Những người buổi ấy đầu đi xe Huế Kỳ, xe Đức, xe Nhật hoặc đi bộ, đạp xích lô, sống kiếp ăn mày... đã nhìn nhau, với niềm đau ruột thịt. Những con thú bị thương. Vẫn là bị thương khi cấp sách đến trường vào lứa tuổi biết yêu, khi bị đẩy đến chốn heo hút rừng rậm cao nguyên hoặc ngồi trên ghế mây, hút thuốc đen, bèn tách cà phê đắng. Con mưa dai dẳng trên tầng tháp cổ. Những bài nhạc ngắn, trữ tình, không lê thê. Điệu hát Nam Ai hiện đại của người ven biển Đông...

(Lời bạt tập nhạc *Em còn nhớ hay em đã quên* - NXB Trẻ, 1991)

(*) Nhan đề theo www.tcs-home.org.

THÁI BÁ VÂN

em còn nhớ hay em đã quên

Một buổi sáng Hà Nội, rất sớm, đầu tháng trước, trên giường bệnh, Văn Cao vui vẻ trao cho tôi tập tình khúc Trịnh Công Sơn *Em còn nhớ hay em đã quên* vừa in ở Nhà xuất bản Trẻ thành phố Hồ Chí Minh tháng 4.1991, mà anh viết một lời bạt (lời thứ hai của nhà văn Sơn Nam).

Lời bạt của Văn Cao tôi đã được đọc từ năm ngoái, khi còn là bản thảo, còn bài hát *Em còn nhớ hay em đã quên* của Trịnh Công Sơn thì tôi còn giữ một kỷ niệm, đã mười năm.

Có lẽ đó là mùa hè 1982. Tôi được nghe chính Trịnh Công Sơn hát tại một gia đình Sài Gòn, quanh nhiều khuôn mặt một thời tâm tiếng. Ví dụ đó là bà thi nhân Mộng Tuyết, vợ cố thi sĩ Đông Hồ, là nhà thơ già Bằng Bá Lân... Và bữa cơm là do đôi bàn tay văn hiến Hà Nội của bà Vũ Hoàng Chương điều khiển. Hôm ấy có một người phản ứng bài hát của Sơn khá mạnh (người ấy trước kia chuyên ngâm thơ trên đài Sài Gòn cũ), nói sỗ sàng “Sài Gòn đã sa sút, không còn gì như xưa nữa, đừng nói dối những người di tàn!”.



Trịnh Công Sơn và Thái Bá Vân

Trịnh Công Sơn vẫn hiền hậu mỉm cười, không đáp và bấm đàn tiếp: *"Em ra đi nơi này vẫn thế, vẫn có em trong tim của mẹ. Thành phố vẫn có những giấc mơ, vẫn sống thiết tha, vẫn lấp lánh hoa trên con đường đi... Em còn nhớ hay em đã quên..."*.

Một lần nữa tôi thấy ngọn nến lung linh xanh ngát trong mọi ca khúc

của anh, dịu dàng hắt lên khuôn mặt quê hương thứ ánh sáng âm ảnh, huyền thoại, như trên hội họa của một Georges de La Tour (1593-1652), mà mãi đầu thế kỷ XX người ta mới nhận ra.

Tập Em còn nhớ hay em đã quên của Trịnh Công Sơn gồm 50 tình khúc trong số 500 ca khúc anh viết từ 1958 đến nay. Tôi có nhận xét rằng hơi nhạc có ma lực xa xăm, sâu kín của anh trước sau là một, chưa bao giờ nó có hạn hẹp, chia lìa, một hơi nhạc đầm thắm và siêu hình, như pháp phông hoang vắng về những nỗi đau con người trước ý nghĩa của cuộc đời và hy vọng. Nhưng tài năng của anh lại làm an tâm, rằng cái thế giới bàng hoàng thao thức kia không có cách nào khác để bày tỏ, ngoài cách của nghệ thuật. Bởi thế, mà cả nghệ thuật lẫn chúng ta đều có thể biết ơn anh.

Trịnh Công Sơn coi mình “chỉ là tên hát rong đi qua miền đất này để hát lên những linh cảm của mình về những giấc mơ đời hư ảo”. Nhưng, chỗ lớn lao và bất diệt của “tên hát rong” đó là bao giờ hấn cũng ý thức được sự có mặt của tâm thức mình, và trước những giấc mơ đời hư ảo, hấn đã mê mại nắm chắc sự sinh khởi hay hủy diệt của tấm lòng, như một người tu Thiền đạt đạo.

Trong bộ Bách khoa *Le Million* viết về tất cả mọi đất nước trên trái đất này, người ta viết về Trịnh Công Sơn (Tập 8 trang 122 - Genève 1973) như sau: “...Nhiều thi nhân Việt Nam ngày nay đã tìm hơi thở hùng ca của tổ tiên ngày trước để hát nỗi đau của mình. Trịnh Công Sơn nổi bật giữa những tài năng trẻ đó. Bài hát của anh tràn ngập thành phố và thôn quê. Trịnh Công Sơn cất cao tiếng hát thi nhân mà đạn bom không bao giờ dập tắt được...”. Có lẽ người viết đã nghĩ đến những bài ca phản chiến của anh ngày đó: *Ngày dài trên quê hương, Đại bác ru đêm, Hãy nói giùm tôi, Đi tìm quê hương, Nổi vòng tay lớn...*

Quê hương, với những chữ Mẹ, chữ Em, chữ Bạn Bè viết hoa là cái nền màu mỡ, bao la mà trên đó uơm nở những giai điệu nồng nàn, những lời ca bất ngờ, thơm thảo của Trịnh Công Sơn. Anh nhìn quê hương với

đôi mắt nọ nần, và nghe quê hương trong từng tiếng tri âm. Cái mà ngày nào anh gọi tên là *Chiếc lá thu phai*, là *Cát bụi*, là *Nắng thủy tinh*, là *Biển nhớ*... và bây giờ anh gọi nó là *Vẫn có em bên đời*, là *Huyền thoại Mẹ*, là *Bốn mùa thay lá*, là *Tình khúc Ở lại*... thây là những vết sẹo âu yếm, giòng bão trong lòng Việt Nam. Mỗi cử chỉ âm nhạc của Trịnh Công Sơn là một lễ nghi.

Rồi con cháu chúng ta sẽ không thể hiểu được, có một phân tử thế kỷ XX đất nước mình chia cắt làm đôi. Không một ai bên này được biết một cái gì bên kia giới tuyến. Bấy giờ, ở các thư viện Hà Nội hình như mãi sau Tết Mậu Thân 1968 mới lác đác có một vài sách báo miền Nam. Và muốn đọc nó, phải là cán bộ thuộc hạng nào, cùng với giấy giới thiệu đặc biệt nào mới được đọc.

Bởi vậy, Hà Nội biết Trịnh Công Sơn có muộn.

Riêng tôi, mãi sau khi miền Nam giải phóng, nhờ những chuyến dạy học ở Huế 1978 - 1981, tôi mới được gán Trịnh Công Sơn trên căn gác nhỏ đường Nguyễn Trường Tộ đầy kỷ niệm với bạn bè trong đó.

Niềm an ủi ấy là của hàng triệu người đã khuất dành cho chúng tôi, mà mỗi lần nhớ lại chúng tôi đều thấm rơi nước mắt.

(Thành phố Hồ Chí Minh - Hà Nội tháng 6-1991)

H O À N G P H Ữ N G Ọ C T U Ờ N G

chút thiên thu còn mãi

Uớt mi, ca khúc đầu tay nổi tiếng ngay khi mới ra mắt công chúng là một bài tình ca buồn, năm ấy, Trịnh Công Sơn vừa mới bắt đầu thời hai mươi tuổi. Hình như đường sinh mệnh trên bàn tay tài hoa ấy có một nhánh rẽ vào tình sử, và qua ba mươi năm cho đến nay, Trịnh Công Sơn trở thành người tình lãng du của nhiều thế hệ.

Ngoài tất cả mọi điều thường nói, nghệ thuật còn là cố gắng miệt mài của con người nhằm thấu suốt dự báo của ngày Lễ Tro trong *Phúc Âm*: từ Cát Bụi đã sinh ra, và sớm muộn người cũng được trả về Cát Bụi. Với Trịnh Công Sơn, người tình trước hết là người bạn lẻ loi trong đời để cùng chia sẻ tin buồn của *Phúc Âm*, để đừng bao giờ em quên đi nỗi

thiết tha của con chim di đã để lại dấu chân trên sỏi cát, và con phù du đã một lần cùng em bay đôi qua khói mùa hạ.

Hình như con người thời nay đã đánh mất cái cảm nhận sâu thẳm của người trèo núi ngồi nghỉ mệt trên bờ vực. Nỗi cô đơn chính là vực thẳm linh hồn mà nghệ thuật cần đạt tới, như đạt tới chân thân của mình, để từ đây biết khước từ mọi ảo tưởng cuộc đời. Tình ca Trịnh Công Sơn cuối cùng lại là bài kinh cầu bên vực thẳm, lay động ý thức về thân phận ở bất cứ ai mê muội định tìm một chỗ ẩn trốn an toàn giữa cõi đời.

Và như thế, tình ca Trịnh Công Sơn không hẳn chỉ là một bông hồng dâng tặng - nó chứa đựng tất cả tâm trạng lo âu của con người nhạy cảm nhìn ra thế giới hiện đại.

Nhưng khỏi phải e ngại rằng Trịnh Công Sơn định làm triết lý thay vì âm nhạc. Điều khiến cho tình ca Trịnh Công Sơn sống mãi trong lòng người chính là ở đây. Dù những trầm tư của tác giả đi xa đến đâu, âm nhạc Trịnh Công Sơn vẫn là một cõi riêng dành cho tình yêu: nó làm tươi lại bông hoa đầu tiên mà con người đã hái, mang theo từ vườn địa đàng, đánh thức cả trời mộng mơ tưởng chừng đã quá xa trong đời người, để đưa những người tình đến ở một lâu đài cổ xưa trong rừng, êm đềm, giản dị mà cao sang lạ thường.

Những người yêu nhau trên đời vẫn tiếp tục khiêu vũ cùng với cây đàn lyre của chàng. Qua tiếng hát Khánh Ly sương khói trần gian cứ bay đi, và một chút thiên thu còn mãi...

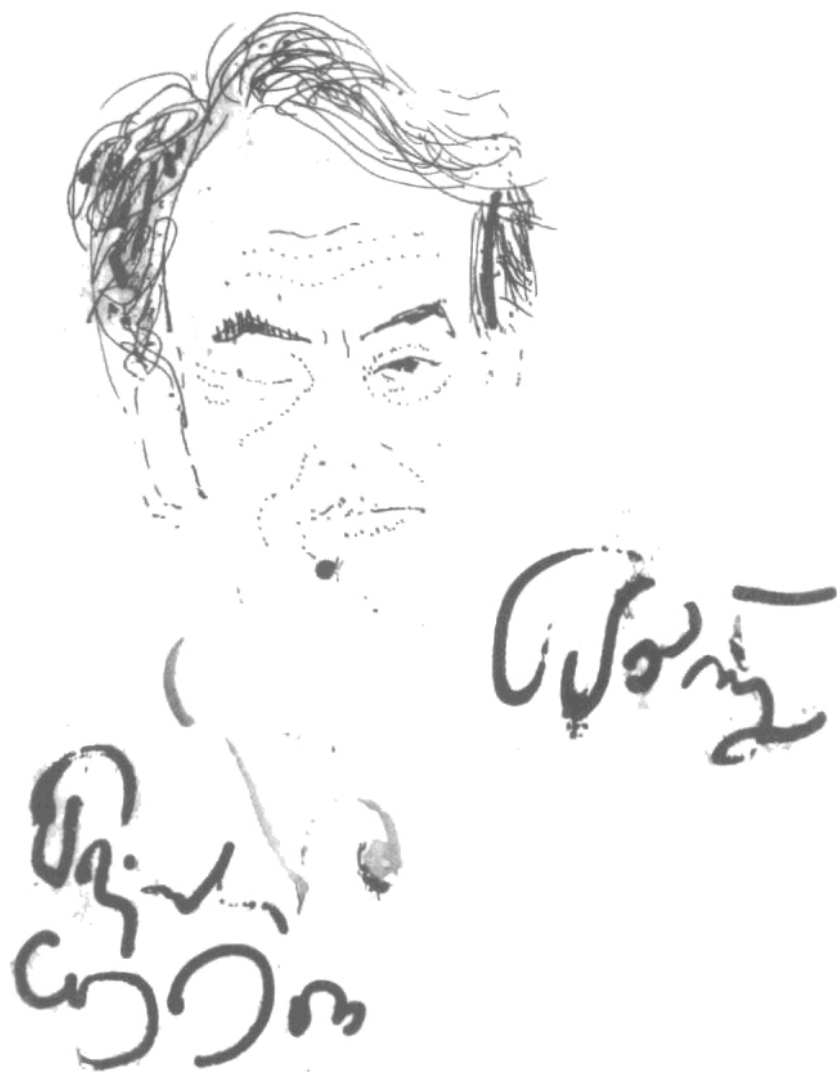
Huế, tháng 3-1991 (Thay lời tựa tập nhạc *Em còn nhớ hay em đã quên*, 1991)

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

hành tinh yêu thương của hoàng tử bé

Khác với Văn Cao và Phạm Duy, Trịnh Công Sơn là người chăm chú cúi xuống hiện hữu, và bằng kinh nghiệm sống của chính bản thân phát hiện hết mọi lẽ bất hạnh của thân phận con người.

Sự từ khước hy vọng ảo tưởng; những đam mê vô ích; tâm trạng lưu đày; nỗi cô đơn không cứu vãn; nỗi lo âu trước vực thẳm; vân vân... tất cả đó là những vấn đề cốt lõi của triết học hiện sinh châu Âu, cũng cốt lõi như vấn đề sinh lão bệnh tử của Phật giáo châu Á về phận người. Đánh thức bởi sự tan vỡ của thế giới sau Đại chiến, triết học hiện sinh trở thành những món ăn hợp gu con người hiện đại, bỗng nhiên tìm thấy bạn tri kỷ trong thế hệ trẻ các đô thị miền Nam (cũng như Nhật Bản) trong đó có tuổi trẻ của Trịnh Công Sơn. Đặc biệt là cái chết, một phạm trù “kinh điển” của triết học hiện sinh (cái chết là hoàn cảnh giới hạn để nhận biết hiện hữu: “Cái gì vẫn còn là căn bản đối với cái chết, là thuộc về hiện hữu” (K. Jaspers), hóa thành âm ảnh có sức hút của hố thẳm trong khát vọng sống của tuổi trẻ một thời bị ném vào lò lửa của cuộc chiến tranh tàn khốc...



Có vài lần tôi tìm đến với Sơn ở Blao, hồi ấy Sơn làm “trưởng giáo” của một ngôi trường áp chiến lược, chỉ để được hoãn quân dịch. Nơi thị trấn chiến tranh heo hút buồn đó, Sơn và tôi mỗi ngày băng qua một nghĩa trang đầy quạ đen, buổi chiều nghe tiếng chuông báo tử của ngôi giáo đường nhỏ, và đêm ngồi uống cà phê ở quán Le Caporal nghe lão Tây già nhại tiếng con chim chiến tranh (Oiseau de guerre) kêu thê thiết trong đêm sương, nhại theo kiểu vùng quê Normandie của lão

trong Thế chiến: “Père, mère, frères-tout est perdu”⁽¹⁾.

Đêm ở Blao, Sơn thường ra ngoài đi lang thang và để đánh lừa kẻ lạ vào nhà, Sơn dùng chiếc drap trắng trùm kín cây ghi ta trên giường, giả vờ người nằm bệnh. Thế đấy! Từ đây qua suốt thời tuổi trẻ, Sơn vẫn hát về cuộc đời như một “con đau vui”.

Những năm vào đời của một tài năng, Trịnh Công Sơn đã khám phá ra âm hưởng La thứ dịu dàng của dòng sông ở Huế (*Ướt mi, Nắng thủy tinh...*), nỗi cô đơn ở ghềnh đá eo biển Quy Nhơn (*Biển nhớ, Lời buồn thánh...*) và ở thị trấn cao nguyên kia, là chiến tranh và cái chết (*Phúc âm buồn, Gọi tên bốn mùa, và tất cả trong Kinh Việt Nam*).

Trong bối cảnh của cuộc chiến tranh quá dữ dội và kéo dài, nỗi chết là một ám ảnh không rời trong tâm cảm quê hương của Trịnh Công Sơn, như trong *Tình ca của người mất trí* chẳng hạn: “*Chết thật tình cờ, chết không hẹn hò, nằm chết như mơ...*”. Chính điều này đã khiến Sơn trở thành thân tượng nghệ thuật của tuổi trẻ một thời lửa đạn, và tên tuổi Trịnh Công Sơn được biết đến giữa những nghệ sĩ phản chiến của thế giới, đối diện với chính sách Mỹ ở Việt Nam.

Còn xa hơn nữa, nỗi ám ảnh kia đã nằm sâu trong khát vọng sống của tâm hồn Sơn, như vết máu không tẩy xóa được trên chiếc chìa khóa mở cửa vào lâu đài kinh dị trong cổ tích *Con yêu râu xanh*. “*Một lần nằm mơ tôi thấy tôi qua đời (Bên đời hiu quạnh) - Một quá thân ta này nằm xuống dưới đất muôn đời (Ngẫu nhiên)...*” Rất nhiều lần Sơn “nói đại miệng” theo kiểu đó, kể cả khi đang thiết tha cùng em, “*Thí dụ bây giờ tôi phải đi. Tôi phải chia tay chia ly cùng đời sống (Roi lệ ru người)...*” Sự nhạy cảm thương trực về tính hữu hạn của đời người đã thúc đẩy trầm tư âm nhạc của Trịnh Công Sơn tiếp cận với ý thức *Cát bụi*, với tâm thức lãng du qua cõi vô thường, (*Một cõi đi về*), nỗi hoài niệm về nơi “nguyên quán” vĩnh hằng (*Bên đời hiu quạnh*); từ đó, vào cuối cuộc hành trình của phận người, Sơn rẽ hướng tìm về cội nguồn minh triết của phương Đông, níu lấy cái tâm của mình để sống với đồng loại.

*Con tình yêu thương vô tình chợt gọi
Lại thấy trong ta hiện bóng con người
(Một cõi đi về)*

Đây là sự dịu dàng của tâm hồn Trịnh Công Sơn; sự dịu dàng thuộc về bản chất đã khiến cho người này trở thành người mẹ và người kia là nghệ sĩ.

Tôi vẫn giữ một hình ảnh rất xúc động về Sơn hồi trẻ; thời Sơn còn dạy học ở Blao, nghỉ hè về Huế, chúng tôi thường ngồi quán cà phê Thành Nội. Hôm ấy, em bé gái bưng bàn lỗ tay đánh vỡ tách cà phê, làm bắn luôn áo Sơn. Bà chủ quán chạy đến, hoảng hốt, giận dữ, con bé núp người vì sợ hãi. Sơn đứng dậy che đôn cho con bé, ôn tồn nói với chủ quán: “Chính tôi làm vỡ, không phải lỗi của nó”. Và Sơn thản nhiên rút túi bù tiền, cười nháy mắt với con bé rồi đi... Nhiều năm sau, tôi gặp lại cô bé trên rừng, nay đã lớn làm giao liên nội thành, đi dự hội nghị chiến sĩ thi đua ở Khu. Bé nhắc lại với tôi kỷ niệm đây triu mến về anh Sơn của bé, và hát lại bài hát thiếu nhi anh Sơn đã tập cho bé ở quán: “*Ông tiên vui, ông thường hay nói dối - Chốn thiên đường không có tháng ngày trôi*”.

Lòng nhân ái nhu mì và sự bao dung không mặc cả là cốt cách nghệ sĩ hàng có ở Trịnh Công Sơn, như là một giải pháp cứu vãn, để đối diện với chiến tranh, thù hận, và nỗi gay gắt của thân phận con người:

*Sống trong đời sống
Cần có một tấm lòng
Để làm gì em biết không
Để gió cuốn đi!*
(Để gió cuốn đi)

Điều rất lạ, toàn những ý tưởng triết học đa đoan kia, Trịnh Công Sơn chỉ chọn một người để nói với là Người Tình. Dù nói về điều gì đi nữa, kể cả về Cái Chết, mọi bài hát của Trịnh Công Sơn đều là tình ca, với giai điệu dịu dàng và thành thực kỳ lạ, và với chất liệu của nụ hoa tâm

xuân mà chàng thi sĩ trong ca dao đã một lần hái và dâng tặng. Không có gì để nghi ngờ, chính Trịnh Công Sơn đã khẳng định về điều này: Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu, để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận trên cây thập giá Đời". Tôi đã nghe Khánh Ly hát Trịnh Công Sơn từ những ngày nàng còn là Lệ Mai ở phòng trà Đà Lạt. Cho tới bây giờ, gần suốt một đời "nghe hát" - theo nghĩa của Nguyễn Công Trứ - cảm nhận của tôi vẫn là thế, rằng với Sơn, Khánh Ly luôn luôn là giọng hát của Người Tình.

Tại sao trong từng khoảnh khắc của đời mình, Trịnh Công Sơn lại chọn Người Tình để nói lại mọi điều? Có lẽ thế, bởi em sinh ra là để nuôi nấng nỗi buồn của đời tôi. Cũng bởi em là loài phù-du-tóc-dài để hiểu tôi trong mọi nỗi phù du, như thơ Ngô Kha: *"Ngày xưa tôi lỡ làm người tương tri"*.

Với Sơn, Người Tình là người đối thoại cần thiết, và vì thế trong tình ca Trịnh Công Sơn, người nói không là "Anh" mà là "Tôi và Em". Hai tiếng Anh Em ngọt ngào đó hình như không thích hợp với những điều cay đắng. Không thích hợp với nhiều thứ gai góc cuộc đời, như thân phận, cái chết, và nỗi tuyệt vọng: "Và như thế, tôi đang yêu thương cuộc đời bằng nỗi lòng tuyệt vọng" (TCS - Tuyển tập *Những bài ca không năm tháng* - 1995).

Đến đây thì mọi sự đã ngã ngũ, rằng Tình ca Trịnh Công Sơn chính là siêu hình học, và vì thế không bao giờ cũ.

Năm tháng trôi đi, bao nhiêu nước đã chảy dưới chân những cây cầu những người yêu nhau đã đi qua. Những người đẹp một thời đã thành thiếu phụ, và những cô bé đã lớn lên thành thiếu nữ. Và tất cả vẫn hát Trịnh Công Sơn như là tình ca của hôm nay, vẫn nhìn thấy ở Trịnh Công Sơn một gương mặt hoàng tử sầu muộn và dịu dàng không hề xa lạ.

Huế, 20-4-1995

(*) Cha tôi, mẹ tôi, anh em tôi, tất cả đều mất hết

H O À N G P H U ̣ N G Q C T U ̣ O N G

m ̣ t cu ̣ c ru ̣ u v ̣ ti ̣ n kho ̣ ng h ̣ u
c ̣ a nh ̣ c s ̣ tr ̣ nh c ̣ ng s ̣ n

Con đường của thế giới hiện đại, theo tôi, đã đánh mất cái thú cô đơn của người lữ hành đi qua sa mạc thời cổ: ngồi bệt xếp bằng trên cát, lặng lẽ hoàn toàn, chiêm ngưỡng những thế kỷ thấp thoáng trên đỉnh Kim tự tháp.

Toàn bộ âm nhạc của Trịnh Công Sơn làm bằng một thứ ngôn ngữ cực kỳ giản dị, những chi tiết đời thường chìm đắm trong nỗi buồn êm dịu của cung La thứ. Tất cả đều dùng để nói từ nhiều góc độ khác nhau, về nỗi cô đơn của số phận con người trong tiếng kêu lạnh canh của những viên đá trong ly rượu. Trong tiếng Hán Việt người ta thường dùng từ

“già” cho một số nghề nghiệp, như tác giả, diễn giả; chứ ít ai dám phong “nhà” cho kẻ say giống như Lý Bạch - nhà thơ vĩ đại đời Đường này đã cho rằng... “Tự cố thánh hiền giai tịch mịch/Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh” (Tạm dịch: “Xưa nay, thánh hiền đều yên lặng, chỉ người uống rượu là để lại tên tuổi). Như vậy, Trịnh Công Sơn là một “ẩm giả” đích thực, như nhà triết học hiện sinh chung tình với hiện hữu.

Hồi sống ở thành phố Hồ Chí Minh, tôi thường đến chơi với Sơn khoảng mười giờ sáng, “giờ vắng khách” nhất của Trịnh Công Sơn. Tôi nói thế, vì hầu như lúc nào Sơn cũng bận bịu về chuyện khách khứa, trong khi tôi không thể coi mình là “khách” của Sơn. Chúng tôi đã là bạn học từ thời thơ ấu, cùng chung một thầy dạy âm nhạc; vào mỗi chiều thứ tư, thầy đều bắt chúng tôi xếp hàng đôi đi bộ từ trường đến hồ Tịnh Tâm. Tại nhà Lục giác của hồ, chúng tôi ngồi xếp bằng giữa nền nhà thành một vòng tròn, thầy ngồi ở giữa, và chúng tôi cùng hát những bài hát tuổi thơ, thầy vừa vỗ tay đánh nhịp, vừa hát theo. Thật cũng không ngờ rằng người học trò hiền lành, chăm chỉ hát những bài hát trẻ con ngày ngọ thuở ấy, ngày nay lại là Trịnh Công Sơn.

Căn phòng tiếp khách “quây” của Sơn thật là lộn xộn, nào là những tranh vẽ dở (vì Sơn cũng kiêm luôn nghề hội họa). Những quà tặng của bạn ở nước ngoài, và những vỏ chai rượu không... Tôi lặng lẽ uống whisky một mình, còn Sơn thì uống một loại whisky nhẹ hơn, loại Chivas chai đựng ở dưới bàn, và Sơn lấy ra lúc nào không biết. Trên tủ buýp phê này những thứ chai lọ ngổn ngang hơn, và một tấm bảng kỷ niệm lỏng kính hân hoan, có những chữ viết tay bằng mực đen, đập vào mắt tôi. Tấm bảng viết:

Martell thành lập năm 1715

Ngày hôm nay, những cánh cửa Thiên đường của chúng tôi đã mở ra cho phép ông Trịnh Công Sơn nếm thử một ly cognac của năm 1848 để lâu trong thùng và già đến 65 năm. Một ly cognac của năm 1875 để lâu trong thùng và già đến 49 năm.

Sự kiện này đã được lưu giữ trong cuốn sổ vàng của chúng tôi để ngày 11 tháng 4 năm 1995.

Patrick Firino Martell

Tôi đã biết kỹ, và đã định viết về sự kiện này. Nhưng lâu nay, tôi cứ nán ná hoài, vì ngại có kẻ hiểu lầm tôi lại tò mò về chuyện riêng của Sơn; và chẳng, tôi muốn nhường nhiệm vụ này cho những người ái mộ Sơn vẫn đến chơi với Sơn mỗi ngày, mà tôi đã gặp. Nhưng lâu quá vẫn không thấy gì, tôi quyết định làm lấy công việc này, gọi là chút nghĩa vụ đối với bạn bè. Và lại, một người nổi tiếng như Sơn cũng đáng để cho người khác biết đến việc làm của mình. Sơn hài lòng kể lại sự việc cho tôi, và khuyến khích tôi viết về chuyện uống rượu của chàng. Hãng Martell giờ này đã nhường lại cho người Mỹ với giá 1 tỷ đô la do Seagram's nắm chủ quyền. Vừa rồi, nhân kỷ niệm 280 năm thành lập Martell được tổ chức ở khách sạn New World, ông Patrick đã thân hành sang Sài Gòn chủ trì; chính tay ông đã đưa giấy mời sang châu Âu cho Sơn; với tư cách khách quý của Tập đoàn Martell.

Ông có biết nguyên tắc tiếp thị không? Tôi hỏi Sơn.

Nhất định rồi. Nó đang định mở thị trường sang Đông Nam Á và chọn người để làm quảng cáo cho nó.

- Nhưng nó đã chọn mình là nó cũng có “mắt xanh” rồi đó.

Tôi đáp lại Sơn và chúc Sơn lên đường vui vẻ.

Thế là Sơn đi một mạch từ Sài Gòn sang Luân Đôn, và từ đó sang Liverpool dự cuộc đua ngựa truyền thống do Hãng Martell bảo trợ. Liverpool vốn là quê hương của ban nhạc The Beatles, người đã mở kỷ nguyên mới cho âm nhạc nên đi đâu Sơn cũng thấy dấu hiệu của niềm tự hào và lòng ngưỡng mộ. Quy luật đó cũng không loại trừ cả Trịnh Công Sơn, một nhạc sĩ danh tiếng của Việt Nam lần đầu sang dự cuộc

đưa ngựa ở Liverpool.

Sau đó, Sơn về Pháp, đến chỗ trọ tại làng Petite Champagne ở phía Nam nước Pháp, là nơi có lò rượu của Martell, nhìn ra hồ Thiên Nga (Lac des Cygnes) suốt ngày có những cánh chim trắng bay qua bay lại... Những người phục vụ ở đây mặc áo xanh lông két, trông điệu bộ và cử chỉ thấy giống y như nhà “quý tộc” cũ. Château này chỉ dành cho bạn của Martell, không lấy tiền. Cho mỗi quý khách ở lâu dài có một cô xinh đẹp. Sơn hỏi thử cô bạn của mình, sống một mình một château có buồn không? Cô ta cho biết, không ngày nào không có bạn tới chơi.

Ngày thứ, Sơn đi thăm các nơi trong vùng. Sơn thăm vùng xưởng đóng thùng, ở đó, người ta biểu diễn đóng thùng (fut) bằng gỗ sồi. Rồi đến một cave, chỗ nấu rượu gốc của Martell. Thấy nó giống rượu đế, nhưng dỏ hơn đế Việt Nam. Rượu đế Martell màu trắng, trong, nấu bằng lúa mạch (malte) hoặc nho, uống vào thấy muốn nôn. Rồi đến một cave có chất vô số vỏ thùng đánh dấu từ những năm xa xưa đến nay.

Rồi đến Paradis của Martell: dưới ánh đèn lơ mờ có để hai ly rượu cognac nhỏ, ghi những năm 1875 và 1848 như trên đã nói. Vào Paradis này chỉ có hai người Việt; chính là Trịnh Công Sơn và viên giám đốc của Hãng IBC ở Việt Nam, còn cả đoàn thì biến đâu mất. Nên nhớ rằng đó là đoàn khách năm châu, mặc nhiều kiểu áo, nói nhiều thứ tiếng khác nhau, đều là khách quý, phần nhiều là hoàng tử ở các nước khác nhau.

Mỗi ly rượu chỉ uống một nửa, phần còn lại thì trộn đều với nhau, mục đích để biết nó khác với những thứ rượu khác bán trên thị trường như thế nào. Tên của người vô rượu cũng được ghi lại bằng phấn trên vỏ thùng; hỏi, Sơn được biết cả hai người đều đã chết. Đến mục ghi sổ lưu niệm, Sơn cầm cúi viết vào sổ một bài thơ bằng tiếng Pháp và vài dòng kỷ niệm gì đấy. Cuộc viếng thăm Paradis kéo dài khoảng nửa giờ. Xong, Sơn trở về château, ở đó độ ba bốn ngày nữa.

Sơn nói xong, dùng chiếc khăn mùi xoa, phẩy bụi trên tấm kính của

bằng kỷ niệm; hình như Sơn quý vật kỷ niệm ấy hơn cả. Nghĩ đến phong trào nhạc mới đang thịnh hành, tôi ngại rằng Sơn sẽ thay đổi xu hướng sáng tác của mình. Tôi bảo Sơn:

- Ông đã hoàn chỉnh một thế giới. Không việc gì phải thay đổi đi; thay đổi thì không còn có Trịnh Công Sơn mà thế giới kia cũng không tồn tại nữa...

Sơn cười: Thì “duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh” mà. Mình sẽ lưu lại cho đời có chăng chỉ một chữ thôi. Chữ Say.

Tôi lại hỏi Sơn, nếu Sơn bỏ rượu thì liệu Sơn có thích đi du lịch nữa không?

Sơn tùm tùm trả lời tôi:

...Có cái là không uống rượu thì cũng không có thích đi thế giới nữa. Vì, thử tưởng tượng qua Paris gặp anh em, lại chỉ ngồi uống trà đá.

Hà Nội, 2-11-1999

HOÀNG NGỌC HIỂN

một bài thơ hay của trịnh công sơn

Một nhóm những người yêu thơ mời tôi tham gia chọn một chùm những bài thơ tình hay của thế kỷ. Tôi tiến cử một bài, đó là ca từ bài hát *Đêm thấy ta là thác đổ* của Trịnh Công Sơn.

*Một đêm bước chân về gác nhỏ
Chợt thấy đóa hoa tường vi
Bàn tay ngắt hoa từ phố nọ
Giờ đây đã quên vườn xưa*

*Một hôm bước qua thành phố lạ
Thành phố đã đi ngủ trưa
Đời ta có khi tựa lá cò
Ngồi hát ca rất tự do*

*Nhiều khi bỗng như trẻ nhớ nhà
Từ những phố kia tôi về
Ngày xuân bước chân người rất nhẹ
Mùa xuân đã qua bao giờ*

Nhiều đêm thấy ta là thác đổ
 Tỉnh ra có khi còn nghe

Một hôm bước chân về giữa chợ
 Chợ thấy vui như trẻ thơ
 Đời ta có khi là đóm lửa
 Một hôm nhóm trong vườn khuya

Vườn khuya đóa hoa nào mới nở
 Đời ta có ai vừa qua
 Nhiều khi thấy trăm nghìn năm mộ
 Tôi thấy quanh đây hổ như

Đời ta hết mang điều mới lạ
 Tôi đã sống rất ơ hờ
 Lòng tôi có đôi lần khép cửa
 Rồi bên vết thương tôi quì

Vì em đã mang lời khẩn nhỏ
 Bỏ tôi đứng bên đời kia.

Ca từ bài này (tách khỏi nhạc) hoàn toàn đứng được như một bài thơ.
 Một bài thơ hay.

Đọc bài thơ ta đi vào thế giới mơ mơ của gác nhỏ và đóm lửa, của lá cỏ và lời khẩn nhỏ, của đóa hoa mới nở và bước chân người rất nhẹ... Trong thế giới nhỏ nhẹ này có thác đổ. Sự mãnh liệt của tình yêu thường được so sánh với bão táp (Cơn bão tới rồi, tiếng rì rầm nước, lửa..., Maiacovski). Cơn bão nào rồi cũng tan. Trận bão nào cũng để lại tan hoang, phá phách. Thác đổ cũng mãnh liệt. Nhưng đây là sự mãnh liệt vĩnh cửu và không hề có sự phá phách. Thác đổ là “tình yêu vô cùng”.

Không thể không nói đến không gian thành phố trong bài thơ này.

*Một hôm bước qua thành phố lạ
Thành phố đã đi ngủ trưa...*

Dễ từ Nguyễn Bình, phố đã vào thơ. Và tiếp theo phố tỉnh là phố huyện, phố nhỏ, phố buồn, phố cảng, phố núi... Nhưng chưa có thành phố. Trịnh Công Sơn phát hiện chất thơ của thành phố: những giấc mơ và những chiều lộng gió, không gian màu áo bay lên và những con đường nằm nghe nắng mưa... (hẳn là thành phố biết ơn người nghệ sĩ đã dốc hết tinh hoa để nhân loại hóa nó). Đồng thời cảm nhận sâu sắc âm hưởng bi kịch của thành phố “hoang vu”, thành phố “không hồn”.

*Vì em đã mang lời khấn nhỏ
Bỏ tôi đứng bên đời kia.*

Rất có thể bên đời kia là “sa mạc thành phố”, nỗi ám ảnh không riêng gì của người nghệ sĩ du ca.

Tình yêu không bao giờ cũ và hình như cũng không bao giờ mới. Ấn tượng tinh hiện đại trong thơ Trịnh Công Sơn là ở cảm quan thành phố của tác giả.

Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát và nhạc sĩ Văn Cao hết sức coi trọng ca từ trong nhạc Trịnh Công Sơn. Nguyễn Xuân Khoát: “Trịnh Công Sơn viết dễ như lấy chữ từ trong túi ra”. Văn Cao: “Với những lời, ý đẹp và độc đáo đến bất ngờ, ở Sơn, nhạc và thơ quyện vào nhau đến độ khó phân định cái nào là chính, cái nào là phụ”. Thơ Việt hiện đại không thể thiếu những bài thơ hay trong ca khúc Trịnh Công Sơn.

“Tài hoa, tinh túy đã cất cánh từ những ca khúc đầu tay và độc chiếm một đường bay ngoạn mục, sâu muợn của văn chương lãng mạn thế kỷ này” (lời của Kim Ngọc, nhạc sĩ Hà Nội trả lời bài phỏng vấn của Hoàng Ngọc Hiến về ca khúc Trịnh Công Sơn).



*Từ ông tôi thành danh và quan trọng hơn
cả là tôi được thành nhân.*

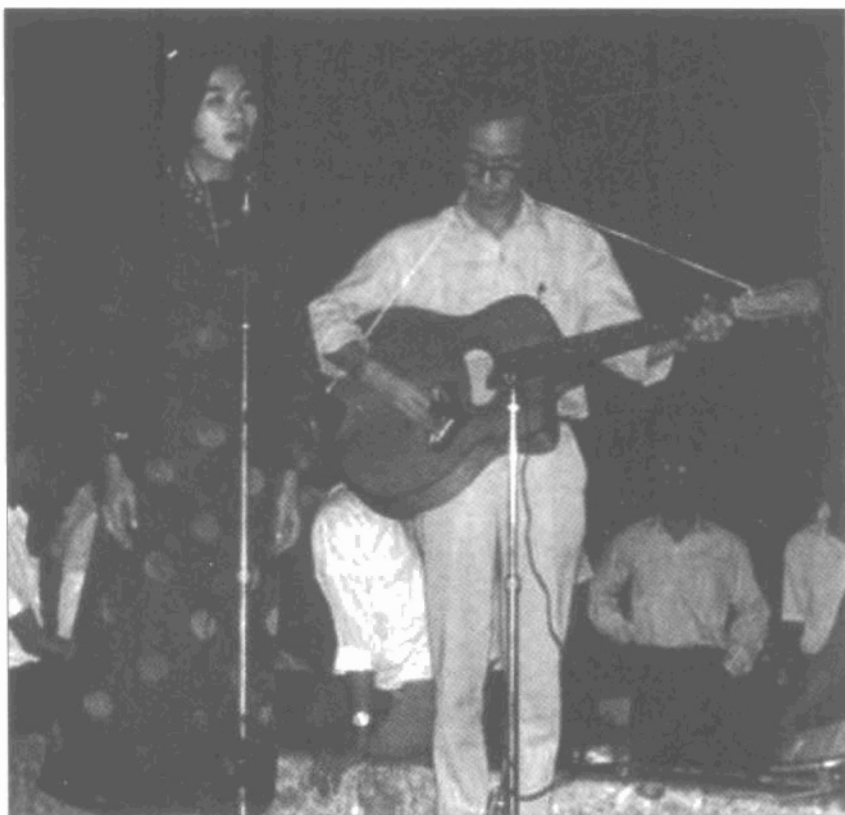
*Ông Trịnh Công Sơn là một nửa đời sống
của tôi.*

Khánh Ly

K H Á N H L Y

xin đủ cho một đời...

Hơn 30 năm không còn cùng nhau ngồi hát ca. 25 năm xa lìa cô quạnh. Bao nhiêu cay đắng bẽ đầu không khiến lòng tôi phai mờ, những dấu ấn tốt đẹp đã để lại mảnh đất nhiều bất hạnh khổ đau. Quê hương thì bao giờ cũng thế. Những đời người, những con đường, những góc phố, những dòng sông, những khuôn mặt, những nụ cười dường như đã biến dạng. Điều còn lại, phải chăng là những ước mơ đầu đó trong trái tim mọi người. Anh gầy hơn xưa, tưởng như chẳng còn có thể gầy hơn nữa. Anh trầm lắng như tượng đá. Ánh mắt xa vắng. Nụ cười vu vơ khiến tôi đau lòng. Sao anh không khóc đi. Nước mắt có khi thay được cho bao nhiêu điều muốn nói. Vẫn những người em gái xưa, nay đã thành thiếu phụ, ở quanh anh. Không còn phải là những phút sum vầy hạnh phúc. Chẳng có gì, chẳng có ai lấp đầy nỗi đơn lẻ trong anh. Ôi, làm sao trả lại cho anh, cho tôi, cho chúng tôi những tháng ngày đã mất... Người quen biết cứ lần lượt vắng xa và sẽ chẳng còn bao lâu nữa, tôi cũng sẽ rong chơi một nơi nào đó. Sẽ



Trịnh Công Sơn và Khánh Ly tại Quán Ván, Sài Gòn, 1967

chẳng còn gì. Sẽ chẳng còn ai từng ngày, ngôi thương tiếc. Kỷ niệm sẽ tàn phai, mất hút như chưa bao giờ xảy ra, như một điều không có thật, như huyền thoại... một ngày nào, anh bảo tôi... *Huyền thoại là điều không có thật...*

Ngày đó... ngày đó chúng tôi còn trẻ và rất gần bó. Có ai trong chúng tôi nghĩ rằng có một ngày nào đó lại phải thương nhớ nhau từng phút giây. Tuy vậy, bằng cách nào đó, chúng tôi vẫn ở trong trí nhớ của mọi người, như ngày đầu ngồi với nhau, vào đời nhau bằng những bản tình ca. Hồn xa rồi, người ta còn có thể sống được không? Trái tim ngừng đập rồi, người ta có thể nào không chết? Chúng tôi đã đến với nhau một lần. Chỉ một lần nhưng xin đủ cho một đời...

K H Á N H L Y

bên đời hiu quạnh

Ở đầu và bao giờ cũng vậy, mỗi khi nghe tiếng anh nói cười, tôi đều cảm thấy yên tâm vô cùng... “Ồ, Mai hả, có qua không?”. Tôi cười... “Em cũng chưa biết tính sao, để xem đã nghe anh...”. Miệng thì nói vậy, sáng hôm sau tôi đã có mặt ở phi trường. Chuyến bay cất cánh lúc 7 giờ sáng,

Trời lúc đó đã sang tháng Tư. Tuyết vẫn phủ trắng xóa hai bên đường từ phi trường về nhà. Hình như cái gì vào lúc sắp hết cũng mạnh mẽ thêm, như ánh lửa, như cơn nắng, như mưa dòng, như tình yêu rồi mới chịu dứt hẳn, mới chịu buông tay chấp nhận. Cũng may tôi chuẩn bị áo lạnh đầy đủ, vậy mà cũng không tránh khỏi những xuýt xoa. Tôi đi thẳng lên lầu, rón rén bước vào phòng. Anh đang ngủ. Giấc ngủ buổi chiều. Khuôn mặt gầy, xương xương góc cạnh. Cái kính gọng vằn vằn như đôi mắt để trên bàn đầu giường. Anh gầy quá. Tôi bước lại gần anh

hơn. Rất nhẹ nhàng tôi cúi xuống, nhìn sát mặt anh. Tôi không nghe hơi thở của chính mình. Tự động tôi muốn hôn lên trán anh. Tôi không làm thế. Tôi muốn nắm lấy bàn tay rất gầy có những ngón thon dài, đặt trên ngực. Tôi không làm thế. Và cũng rất nhẹ nhàng như khi bước vào, tôi ra ngoài phòng khách ngồi nói chuyện với Tâm, Tịnh và anh Thích.

Anh bước ra, tay vuốt tóc, tay chỉ tôi: “A, tới rồi à. Tới hồi nào vậy...”. Giọng anh không hề có chút ngạc nhiên, làm như cái chuyện tôi đến anh đã biết. Ngày xưa cũng thế. Chúng tôi ôm choàng lấy nhau, và đến lúc này tôi mới cảm nhận rằng chúng tôi thực sự có nhau. Không phải trong một giấc mơ kéo dài 17 năm. Tất cả chúng tôi ngồi bên nhau. Hình như chưa bao giờ chúng tôi nói với nhau nhiều dù ở bất cứ một đề tài, một lãnh vực nào. Hình như chúng tôi có cách nói mà chỉ hai chúng tôi hiểu được. Một cách nói ở bốn con mắt im lặng. Cũng có lúc, cả hai chúng tôi bị lôi cuốn vào câu chuyện vui của mọi người. Nhưng đó là những điều hoàn toàn không dính líu, liên quan đến những điều thực sự chúng tôi muốn nói với nhau. Tất cả những điều cần nói, chính là những điều không bao giờ nói ra bằng lời.

Buổi chiều tuyết rơi kín mặt hồ, chúng tôi đi bên cạnh hàng cây đầy hoa. Hoa tuyết. Nói chuyện bâng quơ, không gì rõ ràng được đặt ra, không có gì thắc mắc, không có khoảng cách 17 năm để phải ngỡ ngàng. Tôi ngỡ như vừa từ Sài Gòn ra Huế thăm anh. Anh từ Huế vào Sài Gòn. Chúng tôi uống cà phê tại La Pagode. Tôi tưởng sẽ có nhiều điều để hai anh em nói với nhau. Nhưng cả hai đều không nói gì cả.

Bao nhiêu ngày tháng đã đi qua giữa chúng tôi. Anh vẫn không bao giờ thay đổi. Tôi cũng thế. Cả hai không có những thắc mắc về đời sống của nhau bởi 30 năm trước đã không hỏi thì 30 năm sau cũng không hỏi... Tôi quý những giây phút ở bên anh và tôi nghĩ anh sẽ nói với tôi điều cần nói, nếu có. Anh im lặng cũng có thể vì những điều anh nghĩ, anh muốn, không còn cần thiết để phải nói ra.

Trong một căn phòng, không phải bên cạnh sông Hương mà ở ngay



Trịnh Công Sơn và Khánh Ly tại Montréal, Canada, 1992

giữa lòng thành phố Montréal. Bên ngoài tuyết rơi, chúng tôi ngồi với nhau, những người bạn cũ. Hát lại những bài hát ngày xưa. Hoặc những tình ca mới. Mỗi người một ly rượu, khói thuốc mù mịt, mỗi người ngồi sát nhau trên chiếc thảm, trước lò sưởi... Không ai cảm thấy lạnh. Không chút lạnh lẽo nào giữa chúng tôi trong căn phòng nhỏ... Anh hát đi. Không, Mai hát đi. Giang hát đi, Mai ngâm thơ đi...

"Mà sao giấc ngủ không dài. Mà đêm không ngắn mà trời cứ mưa. Ở đây tôi sống như thừa. Có đem men rượu tắm vừa lòng nhau" (Nguyễn Bình).

Cũng mùa đông, một đêm nào đó, 1974 ở nhà anh chị Lễ, ở Huế. Ngồi biệt thự bên cạnh sông Hương. Ngoài trời cũng tối và lạnh như đêm nay. Mùa đông ở Huế. Chúng tôi cùng ngồi bên nhau như hôm nay. Lúc đó, tôi vừa 30 tuổi. Tóc vẫn còn xanh. Lòng còn tha thiết yêu đời sống. Một buổi sáng tôi bỗng thấy mặt trời lên cùng tôi và biển cả. Nước mắt tôi tuôn như mưa. Tôi nhớ mùa đông ở Huế. Chính Huế cho tôi hơi thở.

Bây giờ là cuối đông. Những bông tuyết bay trong chiều, đậu trên những cành cây trụi lá, gầy guộc. Chúng tôi đi bên nhau. Tia nắng dịu dàng đậu trên những bông hoa nhỏ bé, lấp lánh tấm thảm dày trắng tinh, chỉ có vết chân bé nhỏ của những chú sóc nghịch ngợm chạy tới ăn những hạt bắp rang nổ bung mà anh liêng ra như để dụ chúng lại gần. Anh cười vui, ánh mắt long lanh theo dõi. Tôi ít thấy anh cười mà cũng không bao giờ thấy anh tỏ vẻ buồn bã.

Chúng tôi tìm đến một thân cây lớn, một nửa ngấp dưới tuyết, ngồi nghỉ chân. Tuyết vẫn rơi. Chỉ có hai chúng tôi giữa một vùng trắng mênh mông yên lặng. Chẳng lẽ không có gì để nói, không còn gì đáng nói sau mười mấy năm vắng nhau? Có chứ. Anh đã nói, không phải với riêng tôi, mà ở những bài hát. Tôi đã nghe và hiểu từ đó... *“Có đường xa mà gió chiều quạnh quẽ. Có hồn ai đang nhẹ sầu lên... Tôi là ai mà còn khi giấu lệ. Tôi là ai mà còn trấn gian thế. Tôi là ai. Là ai. Là ai mà yêu quá đời này... Con diều bay mà linh hồn lạnh lẽo. Con diều rơi cho vệt thảm buồn theo...”*

Tôi bỗng thương anh thêm và càng quý trọng những giây phút bên anh. Cũng vội vàng, ngăn ngui như những lần tôi ghé Huế. Tuy nhiên, tôi nghĩ, như thế có lẽ tốt hơn. Bởi vì những điều như thế đã cho tôi cái cảm tưởng là không hề bao giờ giữa chúng tôi có cái khoảng cách 17 năm. Lá vẫn rơi trên lối chúng tôi về. Những khóm hoa nắng vẫn lấp lánh trên đường chúng tôi đi. Tất cả vẫn còn rục rờ.

Quay về căn phòng nhỏ. Ánh lửa như hồng thêm, ấm áp thêm bên ly rượu màu hổ phách, cay nóng. Cởi áo lạnh ra, trông anh gầy hơn xưa nhiều, song so với lần gặp nhau ở Paris 1989, anh có vẻ khỏe hơn. Bên cạnh anh là Hoàng Xuân Giang của quán Văn ngày xưa. Giang đã có vợ, con gái lớn rồi. Hoàng Xuân Sơn cũng đùm để một gánh thê nhi nặng trĩu hai vai. Phạm Nhuận to béo hơn xưa, vui vẻ cười nói ồn ào bên cạnh Hoàng Xuân Sơn nhỏ nhẹ thư sinh. Hoàng Xuân Giang vạm vỡ khỏe mạnh như loài cây hoang trong rừng già và anh, anh mong manh và thật đầm thắm. Nhìn quanh, tôi thấy như mình đang sống trong thân thoại 20 năm là đây. Chỉ ở một buổi chiều cuối đông tại thành phố

Montréal. Còn ai nữa nhỉ? Chắc chắn là còn thiếu một vài người. Trong tôi, một thoáng ngậm ngùi.

Chúng tôi chia tay nhau, dưới ánh đèn đường vàng vọt, trước cửa nhà anh Quế. Mai gặp lại. Anh và tôi trở về nhà Tâm. Nỗi vui làm tôi khó ngủ như ngày xưa sau mỗi buổi hát, chúng tôi thường ngồi lại với nhau, chia cho can niềm vui còn sót lại. Những niềm vui không thể để vung vãi, bỏ phí. Phải uống hết, nuốt hết vào lòng. Chúng tôi đã sống bằng những niềm vui không nhiều trong đời. Tôi tự cho mình là cái bóng của anh và cũng được hưởng niềm vui đó.

Tôi mở cửa phòng rất nhẹ. Anh đã ngủ yên. Chỗ tôi nằm cách chỗ anh một sải tay. Tôi khẽ nằm xuống, kéo mền lên, nhắm mắt dỗ giấc ngủ. Tôi nghĩ lát nữa đây, khi mặt trời lên trên thành phố này, khi tôi thức dậy, tôi sẽ nhìn thấy anh. Tuyết vẫn bay ngoài cửa sổ nhưng ngày sẽ đẹp.

Anh dậy rất sớm và việc làm đầu tiên trong ngày của anh là ra khỏi nhà. Tìm đến một quán cà phê, ngồi đó hút thuốc và nhìn người qua lại trên đường phố... “Phải nhìn thấy mọi người, một ngày không thấy ai, buồn dễ sợ”. Tôi nhìn anh cười không nói. Cái nhìn và nụ cười là câu trả lời. Ngày xưa anh cũng thế. Chúng tôi cùng nhau xuống phố. Vần im lặng đi bên nhau với nỗi hân hoan hạnh phúc không thành tiếng... “Mỗi ngày tôi chọn đường mình đi. Đường đến anh em, đường đến bạn bè. Tôi chọn nơi này cùng nhau ca hát. Để thấy tiếng cười rộn rã bay...”.

Đó là những điều rất thật thà anh đã nói, đã làm, để sau cùng... “Tôi chợt biết rằng vì sao tôi sống, vì đất nước này cần một trái tim. Và như thế tôi đến trong cuộc đời. Và như thế tôi sống vui từng ngày. Đã yêu đời bằng trái tim của tôi...”.

Tôi thấy anh yêu đời thực sự. Anh cười với ông Phạm Duy, ông Trâm Tử Thiêng, ông Duy Khánh và các bạn qua điện thoại. Anh hát và chỉ cho tôi, cất nghĩa cho tôi những bài hát mới... “Nhớ đừng có hát như trả bài nhé...”.

Giọng anh hát khỏe hơn lần gặp ở Paris... “Thôi anh hát đi, anh hát hay... hơn em”. Anh cười, mắt anh cũng cười... “Anh bao giờ cũng hát hay hơn Mai”...

Tôi bồi hồi nhớ lại những ngày tháng của năm 1967. Chúng tôi những người bạn nghèo đến với nhau, gần bó không ngờ. Gia đình anh giàu, gia đình Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Xuân Giang cũng giàu, nhưng cá nhân chúng tôi đều nghèo. Một đĩa cơm chia hai, một liều thuốc cùng hút, một ly cà phê cùng uống. Chia nhau nằm ngủ trên những tờ báo nhàu nát trải dưới đất. Tình bạn, tình anh em nẩy mầm ở đó. Quán Văn, cái tên quán dễ nhớ và dễ thương, mọc lên chơ vơ giữa lòng Sài Gòn trăm ngàn màu sắc. Mái bằng lá, và những tấm ván ép hư bể, được ghép lại, nhỏ hơn cái bếp ở đây, chỉ dành làm chỗ pha cà phê. Mỗi người tôi tùy tiện tìm chỗ ngồi trên cái nền xi măng bỏ trống ngang gạch vụn và cỏ dại. Đó là nơi gặp gỡ đẹp đẽ nhất của một thời tôi còn trẻ.

Chúng tôi không hề biết... ngoài trời có gì vui. Chúng tôi không cần biết vì niềm vui đã có. Rất đơn giản mà thấm thiết không rời. Đến với nhau qua sự run rui của định mệnh. Không thể thốt, không hứa hẹn. Đến và ngồi với nhau. Một lần rồi thì có nghĩa là mãi mãi. Giang đó, Sơn đó, Nhuận đó, Thao đó, anh và tôi... từ những ngày lần lóc đó cho đến bây giờ vẫn không dời đổi. Qua những bài hát của anh, sự kết hợp những người trẻ thật khít khao, vừa vắn. Ai đến cũng được, ai đi cũng được...

“Em theo đời cơm áo. Mai ra phố xô xao. Bao nhiêu ngày yêu dấu tan theo...”. Tôi có cảm tưởng đó là một lời trách móc anh dành cho tôi. Rất dịu dàng như bản tính anh. Từ bao nhiêu năm nay, câu hát đó theo tôi như một vết thương. Đời cơm áo quả thật đã cho tôi lắm ê chề, khổ đau, nhưng những ngày yêu dấu bên anh và bạn bè đã chẳng bao giờ tôi quên... Dù đời sống có làm tan vỡ, có làm chìm sâu những mơ ước của một đời người thì trong trái tim bấm dập của tôi, những ngày tháng cũ vẫn là một điểm son, là một bám víu cuối cùng và duy nhất...

K H Á N H L Y

nắng buồn hơn mưa...

Tôi đã như một kẻ lạc loài đi giữa cuộc đời bằng đôi chân thơ dại, bằng trái tim sớm mang nhiều vết thương, bằng cảm nghĩ luôn lo âu, sợ hãi, mất niềm tin ở chính mình và cuộc đời. Tôi đã không biết phải làm gì, phải làm sao. Đó, phải chăng là tiếng kêu bi ai, đã nhiều lần bật ra từ trái tim tôi.

Trời đất bao la, lẽ nào không có một nơi bình yên cho tôi trú ẩn. Tôi mãi miết đi tìm. Tìm một bóng mát đủ che đời mình. Tìm một trái tim độ lượng đủ để cứu mang mình. Tìm một người có tấm lòng nhân hậu để dẫu mai sau có thế nào, ở cuối chân mây, góc biển, tôi vẫn cảm thấy gần gũi, được chở che và an ủi.

Vẫn như những ngày xưa, sự im lặng thay cho bao lời nói mà chỉ những tấm lòng đồng cảm mới có thể bắt nắm được những tín hiệu... Bên ngoài, nắng đã lên. Căn phòng nhỏ tịch lặng, có hai người đứng bên lê cuộc đời. Hai người ở ngoài những cuộc vui. Không hề liên quan đến sự sống ồn ào, hối hả của một ngày vừa bắt đầu. Ly rượu pha nhạt, trên

mặt bàn là gốc của một cây thốt nốt 100 tuổi bóng ngời, ngộ nghĩnh. Tôi rút một điều thuốc. Làn khói mỏng bay vờn. Những ngón tay gầy guộc đưa lên nâng gọng kính. Anh bảo... nắng buồn hơn nữa. Tôi hiểu.

Lơ đang nhìn ra khung cửa nhỏ. Những đốm nắng lung linh đậu trên vòm lá xanh. Cái cây này, anh đã trồng từ năm 1973, giờ nó cũng bắt đầu già. Anh tránh cái nhìn soi mói của tôi... Bao giờ tôi cũng nhìn anh như thế. Rất chăm chú bởi tôi muốn tìm đọc thêm những điều mới lạ, không nói nên lời kia... rằng cái gì ẩn giấu sau vầng trăng thông minh kia... cái gì được chứa đựng trong trái tim nhỏ bé kia... Tất cả những điều tôi cho là kỳ diệu tiềm tàng trong thân thể mảnh mai yếu đuối. Tôi muốn - thậm chí nắm bắt chúng, cất giữ cho riêng mình - anh, chính anh là Lý Tâm Hoan của thế kỷ 20. Nhân vật truyền kỳ mang tên Lý Tâm Hoan có lẽ là hình dáng lý tưởng cho tất cả mọi người, trong đó có tôi. Với một ngọn đao nhỏ bé mong manh, dẫn ra tay chậm hơn nhưng bao giờ cũng đến đích trước, không bao giờ sai chạy dù không ai thấy Lý Tâm Hoan xuất thủ... Con người trọng nghĩa khinh tài, luôn luôn bênh vực lẽ phải, một đời sống cho người. Nhường cả người yêu và gia tài cho người ơn. Lánh xa, ở ẩn, lấy rượu làm vui... Một con người có cái tâm vĩ đại trong một thân thể thoát trông tiêu tụy nhưng lại luôn luôn tỏa sáng hào quang đẹp đẽ.

Tôi đã bắt gặp một Lý Tâm Hoan - bằng lòng để người phụ mình chứ không phụ người - ở anh trong một buổi chiều êm ả trên căn gác nhỏ, nơi anh thường ngồi... gọi nắng, mong mưa. Những ca khúc anh viết lúc nào, không ai biết. Trong những đêm khuya một mình bên ly rượu không bao giờ vơi. Trong một buổi chiều một mình lặng lẽ nghe tiếng mưa nháy nhót trên sân nhà. Trong bình minh - cũng vẫn một mình - chờ đợi để thấy nắng lên, để chiêm nghiệm rằng... nắng buồn hơn mưa.

Thế đấy, không ai biết mà những ca khúc ấy cứ đi thẳng vào tim rồi ở lại đó. Ca khúc của anh và người nghe đã trở thành đôi bạn tâm giao chẳng chia lìa. Vì sao tôi yêu những ca khúc của anh. Tôi sẽ không đủ sức ngợi khen anh như nhiều người đã làm bởi tôi đơn giản lắm. Con người của



Trịnh Công Sơn, Khánh Ly và Trịnh Vĩnh Trinh tại Canada, 1992

anh cũng đơn giản và vì thế những ca khúc của anh - nhanh hơn cả lưỡi dao của Lý Tâm Hoan - cũng ngọt ngào, êm ái xuyên vào tim tôi.

Làm sao người ta có thể hiểu được vì đâu... con chim hót trên những cành lau... nụ cười mong manh, một hồn yếu đuối... ấy, lại có thể nặng

lòng với quê hương, gia đình và bằng hữu đến như vậy. Đó cũng chính là điều tôi muốn tìm ở anh và tôi đã hiểu, đã biết. Nói một cách đơn giản nhất mà tôi có thể nói được là, ai cũng chỉ có một quê hương. Nếu ngay chính cả quê hương mình, mình còn không yêu thì liệu mình có thể yêu thương cái gì nữa.

Anh để lại cho những thế hệ sau một bài học yêu thương. Hãy tìm nhau, lại gần với nhau học lại từ đầu bài học yêu thương. Những bông hoa đẹp đẽ. Những cây lành trái ngọt không thể nảy sinh từ lòng căm thù. Sự hận thù chỉ làm cho người ta nhỏ lại. Làm cho cuộc đời tăm tối hơn. Làm cho tâm hồn nghèo nàn, thấp kém. Cái tâm không bình yên sẽ chẳng còn ai nghĩ đến ai với những điều tử tế, dẫu chỉ trong trí tưởng.

Những ca khúc của anh chính là tấm gương soi cho tôi nhìn lại rõ mình, tìm lại được chính mình từ những mất mát. Tôi đã được chia sẻ. Được an ủi nâng đỡ ngay cả trong giây phút phân ly. Thế nên, điều tôi muốn nói ở đây là anh - không phải những ca khúc - rằng chính anh trong tâm hồn tôi còn lớn lao vĩ đại hơn tất cả những gì anh đã làm và để lại. Một người tâm thường không thể làm nổi điều tốt đẹp và một người vĩ đại không hề làm những điều tầm thường.

Chiều nay, ở một nơi rất xa tôi cũng ngồi một mình, nhìn nắng vàng đang ngả màu trên lá cỏ. Lòng bỗng xót xa ngậm ngùi... Anh ơi, trong bữa cơm chiều nay, chiếc ghế của anh không người ngồi. Anh chắc lại ra đầu phố mua một cái gì đó, hoặc cùng lắm ba người bạn ngồi ở quán cà phê, nhìn xe ngựa ngược xuôi. Lát nữa đây, anh sẽ trở về, ngồi vào chiếc ghế đó nâng cây đàn lên bằng hai bàn tay gầy và hát rằng... *cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ.*

Cũng chiều nay, em không đưa anh đi bởi em không đủ sức càn chân người đi. Anh em mình sẽ gặp lại. Song em biết trên hết mọi điều, như anh nói, chúng ta không bao giờ xa nhau. Chưa bao giờ... nắng vẫn buồn hơn mưa anh ạ nhưng chúng ta yêu thương nhau vĩnh viễn không bao giờ chia lìa... có phải anh đã từng nói như thế?



KHÁNH LY

Ông là của tất cả mọi người

Cách đây hai năm, tôi gặp ông lần cuối... tôi cũng linh cảm thấy điều đó. Là cái ngày chia tay là không còn xa nữa. Nhưng tôi vẫn hy vọng, mặc dù cái hy vọng rất là mong manh. Thật ra thì ông Trịnh Công Sơn không của riêng ai cả, ông là của tất cả mọi người. Ông yêu dân tộc và yêu quê hương. Việc ông ở lại và nằm xuống trên quê hương là đúng... bởi vì ông Sơn là người yêu quê hương và dân tộc.

Từ ông tôi thành danh và quan trọng hơn cả là tôi được thành nhân. Tôi đã sống cùng tên tuổi của ông gần 40 năm, với những lời ông bảo: Phải luôn sống giữa đời với một tấm lòng và sống với người bằng sự tử tế. Ông Trịnh Công Sơn là một nửa đời sống của tôi.

Giáo sư TRẦN VĂN KHÊ

thương tiếc trịnh công sơn

Em Trịnh Công Sơn ơi!

Tin em vĩnh viễn ra đi làm anh vô cùng bàng hoàng và xúc động!

Tưởng chừng như mới đây, khi đất nước Việt Nam còn chìm trong khói lửa, từ quê nhà vọng đến trời Tây những ca khúc của một nhạc sĩ trẻ mà anh chưa từng biết mặt, nghe tên, đem tận tai anh tiếng hát của “đại bác trong đêm khuya”, tiếng hát của “người con gái VN da vàng”, tiếng tâm tình “trên ghế đá công viên”... Sau đó, một anh bạn trong chuyến về thăm nhà đã đem sang Pháp tập ca khúc của Trịnh Công Sơn.

Mới nghe tên em lần đầu, chưa biết chưa quen mà anh đã có cảm tình

nồng hậu. Em tiếp tục viết thêm những ca khúc khác mà lời thơ nét nhạc mang rõ dấu ấn Trịnh Công Sơn, càng làm cho anh mong mỏi gặp được em.

Đến khi gặp Văn Cao tại Hà Nội, biết rằng em chẳng những sáng tác nhiều bài ca phản chiến, những ca khúc tình yêu mà còn là một nhà thơ, một họa sĩ và một đệ tử của Lưu Linh, Lý Bạch. Văn Cao nói về em với tất cả cảm tình nồng hậu.

Đến khi gặp em lần đầu tại Paris, nghe em hát, nghe ca sĩ chuyên nghiệp và nghiệp dư từ Đức và các nước Tây Âu hát nhạc của em, lại nghe Khánh Ly hát Trịnh Công Sơn, tình thương quý em đã rất vững chắc trong lòng anh.

Anh chị may mắn được dự buổi bảo vệ luận án cao học của một cô gái Nhật tại Đại học Giuissieu, với đề tài “*Ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn*”. Nghe phân tích nội dung nhiều bài hát, nghe chính cô minh họa, vừa ca vừa đệm đàn lục huyền cảm: tên Trịnh Công Sơn vang trong Đại học Paris ngang tầm với những nhạc sĩ danh tiếng Charles Trenet, Georges Brassens trong Đại học Sorbonne.

Biết tiếng đàn, ngòi bút, cây cọ của em lúc nào cũng phang sự “tình yêu”, không chỉ đơn thuần “tình yêu đôi lứa” mà cả tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam, một hôm anh ngạc nhiên khi nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế cho anh nghe nhạc em phổ một bài thơ đây Thiên vị của chị: *Giọt nước cành sen*.

Ngàn năm giọt nước có buồn không?

Sao vẫn lung linh dưới ánh hồng?

Trên cánh sen vàng ai biết được

Ngàn năm giọt nước có buồn không?

Ngạc nhiên và vô cùng thích thú em ơi! Càng ngày càng khám phá những khuôn mặt đa dạng, có khi thâm kín mà rất thân thương của em.

Rời cách đây hai năm, trong một chuyến về nước, Thái Hòa chuyển lời em mời anh đến nhà ăn một bữa cơm với em. Bữa cơm đặc biệt đúng với sự kiêng cử của những người bị bệnh tiểu đường. À ra, em cũng đồng bệnh như anh - rất nặng và mãn tính! Em ơi! Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu thì đồng bệnh cũng tương thân.

Thương quá đi! Vậy mà em lúc nào cũng “tấn tửu quân mạt đỉnh”, uống rượu thì “tam bách bôi” mà giờ đây phải tự hạn chế, mỗi bữa ăn chỉ một ly rượu nhỏ!

Lần này về nước, nghe nói em yếu nhiều. Chưa kịp đến thăm thì em đã vội ra đi vĩnh viễn.

Trình Công Sơn ơi! Vĩnh biệt em!

Tử sinh dầu biết luật vô thường, nhưng làm sao ngăn được dòng lệ tiếc thương?

Tiếc thương người tài hoa mà ca khúc không chỉ làm xao xuyến lòng người Việt, còn làm người Nhật say mê, người Anh thần phục.

Theo lệ thương, anh chỉ biết thành thật, thống thiết chia buồn cùng tang quyến và cầu nguyện cho hương hồn em tiêu điều nơi cực lạc.

Nhưng em Sơn ơi!

Những gì em đã cho đời, đời sẽ giữ mãi, không chỉ ngày nay mà đến cả mai sau.

(2001)

S Â M T H U Ô N G

những ngày cuối của sơn ở cõi tạm

Đến với cuộc đời, Sơn tự giới thiệu: *“Tôi chỉ là một tên hát rong đi qua miền đất này để hát lên linh cảm của mình về những giấc mơ đời hư ảo...”*. Ngay trong lần triển lãm cuối cùng của Sơn vào tháng 7-2000 cùng với Đinh Cường và Bửu Chì tại gallery Tự Do, Sơn cũng đã xác định lại điều đó một lần nữa.

Trong *cuộc chơi* này, Sơn vẫn quen nói như vậy, Sơn tham gia 12 bức nhưng có đến 10 bức Sơn mới vẽ trong vòng một tháng trước đó. Đêm nào Sơn cũng vẽ đến sáng mà tưởng chừng như không biết mệt. Ngoài những bức như *Người hát rong* (Troubadour), *Cha con hát xẩm* (Minstrel - Father and son), *Kiểu ca kị* (Kieu - minstrel), *thì Bóng thơ* (Poetic shadow), *Tự họa* (Self - portrait), *Vòng phần trắng* (Narrow magrin), *Cõi riêng tư* (Reflexion) và *Thế giới ảo* (Reminiscence) trong đó Sơn tự họa chân dung mình bên cạnh cây đàn ở nhiều vị trí khác nhau để khẳng định với mọi người Sơn vẫn là người hát rong.

Người hát rong không cư ngụ một nơi nào cố định, luôn luôn di chuyển. Di chuyển từ miền đất này đến vùng đất khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, và... từ cõi trần gian này sang thế giới bên kia. Mỗi nơi người hát rong dừng lại, theo Sơn dù lâu hay mau đều là nơi ở trọ *“Tôi nay ở trọ trần gian,*

trăm năm về chốn xa xăm cuối trời (Ở trọ). Trần gian cũng chỉ là cõi tạm.

Ở một khía cạnh nào đó, Sơn chia sẻ cách nhìn của André Malraux: *“La vie ne vaut rien, mais rien ne vaut une vie”* (Cuộc đời không đáng gì, nhưng không gì đáng bằng cuộc đời). Dù trần gian có là nơi ở trọ thì Sơn cũng đã sống, sống hết mình và yêu thương hết mình dù có đôi lần bị phụ bạc, ruồng bỏ... Sơn tin hay không có một thế giới sau cõi tạm này? Có thể... Chính Sơn cũng đã nhiều lần khẳng định: *“Cuối cùng không có gì khác hơn là sống và chết. Sống làm thế nào cho tròn đầy sự có mặt và chết cho ngập tràn cõi hư không. Phải đi đến tận cùng hai cõi sống chết để làm tan biến tất cả những giấc mộng đời không thực”*.

Sơn có rất nhiều muộn phiền. Không hiểu vì sao Sơn đã ray rứt về sự ra đi, ở lại của cuộc đời, mà như Sơn nói là từ rất sớm. Cho nên *“Mỗi bài hát của tôi là một lời tỏ tình với cuộc sống, một lời nhắn nhủ thầm kín về những nỗi tuyệt vọng, và cũng là một nỗi lòng tiếc nuối không nguôi đối với buổi chia lìa cùng mặt đất mà tôi đã một thời chia sẻ những buồn vui với mọi người”*.

Người hát rong vẫn cứ lên đường. Đi để mà đi chứ không để đến một nơi nào đã định.

Ít nhất, Sơn cũng đã một lần dợm chân bước qua thế giới bên kia. Cái thế giới siêu hình mà có thể Sơn chưa từng biết nhưng đã nhiều lần nói tới, suy tưởng về nó...

Lần đó, ngày 12-7-1997 Sơn bị sốt, và đường huyết đột ngột tăng cao, có một bác sĩ quen với gia đình được mời đến. Có lẽ chưa có kinh nghiệm với bệnh trạng của Sơn, khi khám thấy đường huyết tăng cao, anh ta đã nhất quyết đề nghị chích insuline. Sơn đã phản ứng không chịu chích, nhưng anh ta vẫn cho là mình đúng nên đã thuyết phục người nhà phải chích để chữa trị cho Sơn, và đã chích trong lúc Sơn đang ngủ. Mấy tiếng đồng hồ sau mũi thuốc, Sơn hoàn toàn rơi vào trạng thái hôn mê. Gia đình và bạn bè đã tức tốc đưa Sơn vào Bệnh viện

Chợ Rẫy, khu cấp cứu hồi sức, lầu 2. Cái phòng mà những ai đã lỡ bước vào thì không mấy người quay trở lại với cõi đời. Nhìn Sơn thoi thóp trên giường, giữa những người bệnh nằm la liệt chung quanh, một không khí chết chóc, tuyệt vọng... tôi đã quy xuống gần như bất tỉnh. Nhưng với tất cả lòng tự tin và ý chí muốn sống, cộng thêm tình yêu thương của mọi người trên khắp trái đất dành cho Sơn, vốn như một sức mạnh tinh thần đã hỗ trợ Sơn chiến đấu, chống chọi với thân chết. Có thể Sơn còn quá nhiều dự tính, còn quá nhiều điều chưa kịp bày tỏ với cuộc đời.

Không biết do tình cờ hay để chuẩn bị tổ chức sinh nhật bé Dao, con gái của Chuyết và Thúy, vào ngày 15-7 các em Sơn đều có mặt ở Việt Nam đông đủ, không thiếu một ai. Đêm đó, ngoài các em, các cháu của Sơn, còn có Phạm Phú Ngọc Trai, Huỳnh Thiện, Phi Long, Hoàng Thiệu Khang, Bùi Huỳnh Anh, Lê Phước Bốn, bác sĩ Thành... đều lóng ngóng đứng ngoài cửa phòng cấp cứu cho đến khuya, hồi hộp chờ đợi tin Sơn từng giây từng phút.

Khuya hôm đó trở về nhà, tôi đã suốt đêm không ngủ. Đến 5 giờ sáng, không chịu đựng được nữa, tôi chuẩn bị vào với Sơn. Trước khi đi, ngáp ngừng mãi tôi mới nhắc điện thoại lên quay số điện thoại của Chuyết. Khi nghe tiếng cười của Chuyết (chồng Thúy, em gái Sơn) từ đầu dây bên kia, tôi đã hiểu ngay *“những cơn gió lạnh đến từ các thảo nguyên xa xôi mang theo mùi hương cốm, hương bạc hà của những loài hoa dại đánh thức Sơn dậy và làm hồi sinh những mùa xuân đang ngủ quên trong các mạch máu của cơ thể Sơn”*.

Ngay sáng hôm đó, Sơn được chuyển lên lầu 10, phòng 5 và gia đình Sơn cũng thuê thêm một phòng nữa, cách phòng Sơn một hai phòng để luôn túc trực chăm sóc Sơn. Ngày nào cũng hai lần tôi đến bệnh viện với Sơn, mang thư bạn bè khắp nơi, thư viết tay, điện thư cũng có và đọc cho Sơn nghe. Trong những ngày trên giường bệnh, Sơn không thể viết trả lời tất cả các thư viết tay, nhưng các thư điện thì tôi ghi nhận ý kiến của Sơn trước khi thay Sơn trả lời.

Đúng một tháng kể từ ngày nhập viện, Sơn đã vững vàng bước ra khỏi cánh cửa của Bệnh viện Chợ Rẫy trước sự ngỡ ngàng và vui mừng vô hạn của các em Sơn và bạn bè Sơn như một phép lạ. Tội nghi là phép lạ... hay đúng hơn một sức mạnh thiêng liêng nào đó đã bảo bọc, che chở Sơn.

Tôi còn nhớ buổi chiều chúng tôi đón Sơn ra khỏi bệnh viện, vừa lên xe Sơn đã yêu cầu chúng tôi đưa Sơn đi một vòng khắp thành phố, tôi nhìn ánh mắt Sơn mở lớn sau cặp kính đang chăm chú với tất cả sự say mê, khi chúng tôi đi qua những con đường, những hàng cây xanh rợp lá, những dãy phố, những ngôi nhà cao tầng, những con hẻm, những gian hàng, quán xá... Tất cả đang cử động, đang sống, khác hoàn toàn với thế giới mà Sơn vừa rời bỏ, một thế giới đang chờ đợi, chiến đấu giữa cái sống và cái chết. Tôi bắt gặp trong ánh mắt Sơn lóe lên một niềm vui, một lòng ham muốn được sống nhưng không phải trong đôi mắt bạn tôi không có chút suy tư, nỗi ám ảnh về cái chết.

Có thể là một nghịch lý, Sơn từng bày tỏ: *"Tôi chỉ biết thời điểm này trong tôi đang thời thúc thủ xếp hàng trang cho một cuộc lên đường mới. Cũng vẫn là một cuộc chơi như bao cuộc chơi đã trải qua. Vẫn đi đến nhưng không hò hẹn. Muốn hỏi ngộ một sự tình cờ tốt lành hơn nhưng không náo nức"*.

Nơi đến sắp tới của Sơn sẽ là đâu? Ở trần gian này hay thế giới bên kia? Thời gian này Sơn có thói quen dậy thật sớm, đi bộ tập thể dục dọc theo con đường Phạm Ngọc Thạch, đến công viên sau lưng Nhà thờ Đức Bà. Sơn đi mấy vòng rồi quay về nhà, có nhiều khi ngủ lại một lát. Ăn sáng xong, Sơn đến văn phòng Hội Âm nhạc, số 81 Trần Quốc Thảo, quận 3, gặp gỡ bạn bè, người mến mộ hoặc trao đổi công việc.

Buổi sáng khoảng hơn 10 giờ, buổi chiều 5 giờ Sơn thường gọi điện thoại cho tôi và chúng tôi vẫn thường ngồi với nhau ở đâu đó, thường là ở nhà hàng Givral hoặc Saigon Center. Suốt hơn nửa năm Sơn không hề uống một giọt rượu, chỉ uống nước trà. Sơn đã uống nước trà thì bạn bè quanh Sơn không ai uống rượu, mặc dù Sơn vẫn khuyến khích anh em uống rượu hoặc tùy thích. Trước đây khi Sơn uống Cutty Sack, bạn

bè đều uống Cutty Sack, Sơn đổi qua Chivas Regal thì bạn bè lại theo Sơn uống Chivas Regal. Nói chung Sơn uống thứ gì bạn bè uống thứ đó. Thứ rượu cuối cùng Sơn uống là Black Label. Sơn đã có lần tâm sự: *“Trên lối đi dẫn vào cuộc sống tôi đã gặp gỡ tình yêu và rượu... Tuy nhiên đã có những ngày tháng dài tôi sống không tình yêu và tôi cũng không có ý định tìm lại nó. Đó là thời gian trống, một thứ âm bản của tâm hồn. Không có một nỗi vui buồn nào đang chờ đợi. Không vẫy chào. Không từ giã. Thế giới trôi đi và tôi ở lại. Hình như thế. Dù sao đó cũng chỉ là một thứ cảm nhận băng quơ. Giờ đây tôi đang nói thêm một lời tạm biệt khác. Tạm biệt những ly rượu nồng nàn những sáng, trưa, chiều, tối...”*

Sơn đã chịu vào khuôn phép, không biện minh bằng lý luận này hay hay lập luận khác để tiếp tục uống như trước đây. Có thể Sơn đã hiểu rõ tình trạng sức khỏe của mình hơn ai hết. Hơn nữa, Sơn cũng thấy được sự quan tâm chăm sóc của các em và những bạn bè thường xuyên gần gũi đã làm Sơn chùn lại trước những cơn khát rượu.

Hằng ngày chúng tôi uống trà với nhau như thế cho đến gần 12 giờ mới về nhà để Sơn kịp chích thuốc điều trị bệnh tiểu đường. Sau đó, ăn cơm chung với gia đình, chuyện trò đến khoảng 1 giờ 30 Sơn nghỉ trưa. Buổi chiều ở nhà hoặc ngồi ở Givral hay đâu đó rồi về, hoặc ăn cơm tối ở quán Ba Miền, Tib hoặc Trịnh... Những năm gần đây buổi tối Sơn thường ngủ rất sớm, khoảng 9 giờ 30, sau khi theo dõi tin tức, xem phim, đọc sách, hoặc viết một vài trang gì đó. Nhưng Sơn cũng có thói quen điện thoại cho một ai đó trong số những bạn bè gần gũi đến với Sơn, thường thì rất khuya mới chịu chia tay. Đặc biệt không có phụ nữ. Có thể nói mấy năm sau này thật sự Sơn không có tình yêu, không một phụ nữ nào có vị trí trong trái tim Sơn. Sơn đã từng có lần bày tỏ: *“Tôi thấy tình bạn quý hơn tình yêu vì tình bạn có khả năng làm hồi sinh một cơn hôn mê và làm phục sinh một cuộc đời tưởng rằng không còn tái tạo được nữa”*.

Suốt mấy tháng trời, không ngày nào Sơn không ngồi ở Givral, hoặc Saigon Center, có ngày đến hai ba lần: sáng, trưa, tối với các em và những người bạn thường xuyên gần gũi với Sơn.

Báo động đầu tiên về sức khỏe của Sơn, nếu tôi nhớ không nhầm thì đó là sáng 26-11-2000, cũng tại nhà hàng Givral. Đang ngồi uống trà, tự nhiên Sơn có phản ứng hơi bất thường, mất trí nhớ đến nỗi không nhận ra Tịnh, em trai mình. Sau đó Sơn được đưa đi Bệnh viện Chỉnh hình đến buổi chiều thì chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy, Khu chăm sóc đặc biệt, lầu 10 phòng 7 để điều trị. Nhưng chỉ chín ngày sau thì sức khỏe của Sơn hồi phục và được xuất viện. Sau khi lấy lại sức khỏe, Sơn tiếp tục cuộc sống bình thường vẫn quanh quẩn giữa các em và bạn bè. Sơn hẹn sẽ chơi bài vào những ngày đầu năm tại nhà Trai, Sơn cũng hứa sẽ đến đập đất một số nhà của bạn bè thân quen vào dịp giao thừa sắp tới.

Nhưng đến trưa 22-1-2001 tức 28 Tết ta, từ nhà hàng Givral trở về như mọi ngày thì Sơn kêu đau chân. Rồi sau giấc ngủ trưa hôm đó, Sơn cho biết chân càng đau đớn hơn, nhất là những lúc trở mình hay di chuyển thì đau đớn không chịu nổi. Có lẽ đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy Sơn nhăn nhó vì đau đớn. Những lần trước dù đã từng bước qua khu cấp cứu hồi sức nhưng hình như Sơn không có cảm giác đau đớn hay ít ra không biểu hiện sự đau đớn trên nét mặt. Và lại, Sơn rất ghét ai thương hại mình, nếu kèm chế được thì nhất định Sơn không để lộ ra bên ngoài.

Có thể nói bắt đầu từ hôm đó, Sơn không tự mình đi đứng được, muốn di chuyển phải nhờ người giúp đỡ. Đôi chân Sơn, đôi chân của *Người hát rong* bây giờ không sử dụng đúng với chức năng của nó. Sơn đã không thể tiếp tục những chuyến đi của mình trên *Cõi tạm* này. Đó thật sự cũng là một bi kịch, bi kịch của một *Người hát rong*.

Đôi mắt Sơn chưa giấu một chút gì gần như nỗi chua xót. Có thể vì thế mà Sơn trượt dài theo căn bệnh của mình chăng? Đến ngày 27-1-2001, tức mùng 4 Tết, Sơn không ăn và xuống cân rất nhanh, buộc gia đình phải đưa Sơn vào bệnh viện để được theo dõi. Lại vẫn Khu chăm sóc đặc biệt, lầu 10, phòng 5. Sơn tỏ ra không chịu đâu hàng số phận. Sơn vẫn chiến đấu, vẫn chống chọi. Vì cuộc đời còn đáng yêu quá, đáng sống quá, Sơn không nỡ từ bỏ cái thế giới này dù chỉ là nơi *Ở trọ*.

Hàng ngày bên cạnh Sơn thường có các em Sơn và bạn bè..., đã khích lệ Sơn rất nhiều... Buổi trưa, buổi tối dù bận đến mấy, tôi cũng cố gắng vào bệnh viện để kịp ăn cơm chung với Sơn, ít nhất là một lần trong ngày.

Và tôi cũng không thể không nhắc tới, trong những ngày ở bệnh viện Sơn vẫn nhận được rất nhiều hoa của những người yêu mến Sơn khắp nơi gửi đến. Có những bó hoa được hái đầu đo trong vườn nhà hay ngoài đồng cỏ cột dây vừng về của các em nhỏ. Nhưng đó cũng là những bó hoa Sơn trân quý hơn hết.

Ngày 12-2-2001 tức 16 ngày sau Sơn lại được xuất viện, tuy nhiên chân Sơn không di chuyển được. Theo chẩn đoán, các bác sĩ chuyên khoa cho biết chất sụn giữa các khớp xương đã bị khô đi, phải phẫu thuật mới sớm đi được, nhưng thể lực của Sơn hiện tại không cho phép. Nhìn về ngoài thì sức khỏe của Sơn khá tốt, thỉnh thoảng Sơn kể chuyện tiểu lâm hay đùa cợt một câu gì đó để dịu đi nỗi lo lắng của những người chung quanh.

Ngày tình nhân (Valentine's Day) 14-2 năm nay đối với Sơn có phần khác hơn mọi năm. Không có một phụ nữ nào tặng hoa cho Sơn và Sơn đón nhận nó đúng với ý nghĩa của ngày lễ. Nói một cách khác Sơn không có tình yêu, Sơn chỉ có nỗi cô đơn. Sơn đã cảm thấy "(...) trò chơi tình yêu không còn gì thích thú nữa thì tạm ngừng để chuẩn bị một trò chơi khác. Thí dụ một trò chơi riêng, trò chơi của một người với chỉ có bóng hình của nó, dừng dừng với tất cả".

Nhưng Sơn vui hẳn lên trong những ngày chuẩn bị đón mừng sinh nhật của Sơn. Ngày 24-2, Chuyết, chồng Thúy từ Canada về, ngày hôm sau đến phiên Hà, em trai kế của Sơn cũng từ Mỹ về. Mỗi trưa, mỗi tối Sơn luôn muốn cùng ngồi ăn chung với các em và một vài người bạn. Lượng đường trong máu của Sơn thời gian này tương đối ổn định, Sơn lên có tới 4 kg, ai cũng nghĩ Sơn đang phục hồi dần. Và Sơn nói rất nhiều về những dự tính của mình. Sơn mơ ước xây dựng một công trình mà Sơn đặt tên là Nhà nguyện Tình yêu...

Sinh nhật thứ 62 của Sơn (28-2-2001) dự định tổ chức một cách đơn giản chỉ gồm những người trong gia đình và một số ít bạn bè theo đề nghị của Sơn. Nhưng hôm đó vẫn có rất nhiều người không được mời vẫn đến. Vì không biết tự bao giờ ngày sinh nhật của Sơn đã không còn là của riêng Sơn và ngôi nhà của Sơn ngập đầy những hoa và hoa.

Đôi chân Sơn vẫn đau, không di chuyển được nhưng khuôn mặt và nụ cười của Sơn rạng rỡ và ấm áp giữa những người thân, bạn bè... Thịnh thoảng Sơn nhăn nhó vì đau ở chân do đổi thế ngồi. Mỗi lần như thế tôi rùng mình theo Sơn, theo cái chân của *Người hát rong*, mà tôi thủ thât không biết làm gì... Đơn giản là vì tôi không phải là Thượng đế, cũng không phải là bác sĩ. Tôi chỉ thấy cái chân của Sơn đau, và như nhiều người nói, chỉ cần tập trung chữa cái chân của Sơn là đủ. Trong gia đình cũng có dự định xây cho Sơn một cái hồ bơi ngay tại nhà để Sơn tập vận động theo gợi ý của một chuyên gia.

Sau cuộc vui, mọi người ra về, ai cũng nghĩ Sơn đang phục hồi, chỉ còn vấn đề thời gian. Tôi cũng ngây thơ như mọi người, tin rằng điều đó là thật.

Mấy ngày sau, một người bạn gái cũ của Sơn từ Mỹ về. Nội cái tình ấy cũng có thể là một niềm động viên cho Sơn trong những ngày này? Tôi thăm hỏi như thế. Cô chỉ có phép 11 ngày mà hết ba ngày di chuyển. Những ngày còn lại, ngày nào cũng như ngày nào cô vẫn ngồi bên Sơn, im lặng không nói. Bóng cô hát lên tương giống như bóng của người thiếu phụ Nam Xương trong truyền cổ tích. Không hiểu sao tôi có sự liên tưởng lạ lùng như vậy mà cho đến giây phút này tôi cũng không giải thích được.

Bên cạnh Sơn thịnh thoảng cũng có một vài bóng hồng khác... Sơn yêu quý họ như yêu quý một nhan sắc, nhưng đó không phải là tình yêu. Người phụ nữ Sơn yêu không có thật.

Những ngày kế tiếp, lượng đường trong máu của Sơn có tăng giảm, nhưng không đột biến, chân vẫn đau, muốn di chuyển phải nhờ đến

người khác. Đó chính là nỗi phiền muộn đối với Sơn, nhưng về ngoài sức khỏe Sơn vẫn bình thường. Sơn vẫn đọc báo, theo dõi tin tức thời sự hàng ngày trên màn ảnh nhỏ. Sơn tự mình trả lời điện thoại cho bất cứ ai gọi đến: từ một học sinh ở tận Quảng Ninh, một bà bán tạp hóa ở chợ Cà Mau, đến một người bạn ở Mỹ hay một nhà báo ở Paris... Sơn vẫn sống trong tình yêu thương trân quý của các em Sơn, các bạn bè thân thiết và những người yêu mến Sơn ở khắp nơi trong và ngoài nước.

Tôi có cảm giác trong thời gian này hình như trong ánh mắt Sơn đã bớt đi niềm tự tin vốn có. Tôi lơ mơ hiểu được rằng tất cả đều do nơi cái chân đau, cái chân không đi được của Sơn. Trước đây Sơn không như vậy. Sơn có bệnh, đã từng chạm mặt với Thần chết, nhưng đau đớn như lần này thì không. Sơn thực sự cảm thấy đau đớn, gần như bất lực và phụ thuộc vào người khác, phụ thuộc ngay cả những việc nhỏ nhặt, tầm thường nhất trong cuộc sống hàng ngày đến nỗi Sơn đã phân nào vô tình lòng buông ý chỉ muốn sống của mình, sức mạnh đã giúp Sơn bao lần vượt qua những giây phút hiểm nghèo trong cuộc sống. Sơn tiết lộ: *“Tôi thường rơi vào cơn hôn mê trong giấc ngủ. Ở biên giới đó tôi hốt hoảng thấy mình lơ lửng giữa sự sống và cái chết. Những giây phút như thế vô cùng lấy tôi mỗi đêm. Khi quanh tôi mọi người đã yên ngủ (...)”*.

Ngày 24-3, Hồng Nhung đến thăm và tạm biệt Sơn trước khi đi biểu diễn ở Úc. Trong bữa ăn chung hôm đó, Sơn vẫn vui vẻ nói cười. Tôi vẫn nhớ nụ cười của Sơn, nụ cười thật hồn nhiên, phảng phất một nét buồn vừa như một đứa trẻ thơ, vừa như một nhà hiền triết.

Ngày 26-3, Sơn có triệu chứng suy nhược, không ăn được nên gia đình lại đưa Sơn vào Bệnh viện Chợ Rẫy, Khu điều trị theo yêu cầu, dãy nhà sau, tầng trệt, phòng số 4. Ở đây Sơn được điều trị về tiêu hóa, tiểu đường và khớp đùi phải. Chỉ một hôm sau sức khỏe và mọi sinh hoạt của Sơn trở lại bình thường như những ngày trước đây ở nhà. Sơn đã vui vẻ hưởng ứng đề nghị của Phạm Phú Ngọc Trai đi nghỉ Vũng Tàu vào tuần tới sau khi xuất viện.

Trưa 29-3, Huỳnh Thiện có công việc về trước, chỉ có Tịnh và tôi ở lại ăn trưa với Sơn. Tôi đem cho Sơn một đĩa cơm khá đầy và khuyến khích Sơn. Sơn vui vẻ cố gắng ăn, nhưng vẫn không hết nổi đĩa cơm. Ăn xong như thường lệ chúng tôi vẫn ngồi bên nhau trò chuyện cho đến lúc Sơn nghỉ trưa.

Giữa lúc đó, Trần Mạnh Tuấn vào thăm Sơn, ngồi nói chuyện một lát thì Tuấn kêu riêng tôi ra ngoài và nhờ tôi chuyển hợp đồng xuất bản CD trong đó có 10 ca khúc của Sơn do Tuấn thổi saxo cho Sơn ký, nếu Sơn đồng ý. Tôi hỏi ý kiến Sơn và Sơn đã đặt bút ký sau khi đã xem kỹ. Sau này tôi hiểu đó là hai chữ ký cuối cùng của Sơn trước khi ra đi.

Những ngày trước đó, có nhiều tin đồn đoán rằng Sơn đã mất nhưng gia đình muốn giấu. Tôi không hiểu sao có tin đó, mà nếu như sự thật đau lòng đó xảy ra thì liệu gia đình có giấu được không và giấu để làm gì. Tôi đã nhận không biết bao nhiêu cuộc gọi của bạn bè khắp nơi trên thế giới, những người biết mối quan hệ giữa tôi và Sơn, đã yêu cầu tôi xác nhận nguồn tin này. Thật tâm, cho đến giờ phút đó tôi vẫn có lòng tin Sơn sẽ không mệnh hệ gì, sẽ vững vàng bước ra khỏi nơi đây như Sơn đã từng trải qua trước đây, sẽ đi nghỉ Vũng Tàu vào tuần tới, rồi còn lời hứa sẽ đi Âu châu theo lời mời của Phạm Văn Đình, vợ chồng Trương Hồng Liêm, vợ chồng Thanh Hải... Tôi khẳng định điều đó với Đình Cường trong cuộc gọi của anh vào sáng hôm đó, cũng như trong những thư điện mấy ngày trước đó.

Nhưng khoảng 11 giờ đêm hôm đó, bất ngờ Sơn rơi vào tình trạng tiền hôn mê. Sơn được chuyển từ Khu điều trị theo yêu cầu lên lầu 8 đặc trị về gan. Khoảng gần 3 giờ sáng ngày 30-3, Sơn có tỉnh lại, nhận ra được Trai, Hà, vợ chồng Tịnh - Hiếu... và một vài người chung quanh. Đến 5 giờ sáng khi mọi người đã về, còn Tịnh và Hiếu, Sơn tỉnh lại một lần nữa và cho biết là rất đau đớn. Một lát sau, Sơn tiếp tục hôn mê và hơi thở càng lúc càng nặng nhọc. Có thể đó là lời chào tiễn biệt vì ngoài điều đó ra Sơn đâu cần nói thêm điều gì nữa. Sơn đã nói quá nhiều trong các tác phẩm của mình.

Đến gần 8 giờ, kết quả cuộc hội chẩn cho biết Sơn bị xơ gan, suy thận, tiểu đường, xuất huyết tiêu hóa, viêm phổi. Tôi không tin ở tai mình, sao mới chỉ mấy ngày mà bệnh ở đâu nhiều thế?

Sau khi làm xong thủ tục, Sơn được chuyển từ lầu 8 xuống lầu 2 Khu cấp cứu hồi sức. Nhìn Sơn khuất sau cánh cửa, lòng tôi thất lại. Sơn nằm ở giường số 8, được chạy thận nhân tạo và thường xuyên có bác sĩ, điều dưỡng túc trực bên cạnh. Tuy nhiên sức khỏe của Sơn tiếp tục suy giảm rất nhanh.

Khoảng 7 giờ sáng ngày 1-4-2001, Sơn vẫn tiếp tục hôn mê, tri giác giảm dần. Từ 10 giờ 30 Sơn rơi vào tình trạng hôn mê rất sâu. 11 giờ 15 tim Sơn ngừng đập lần thứ nhất, nhưng các bác sĩ đã hết sức cố gắng, giành giật từng phút, từng giây với Thần chết, nhưng vẫn không đo được huyết áp của Sơn. Đúng 12 giờ 45 sau lần thứ năm, trái tim Sơn hoàn toàn ngưng đập. Khi Sơn thở hơi cuối cùng tôi vẫn ở đó, bên cạnh Sơn, người tôi tê dại, không có chút cảm xúc và cũng không biết có những ai. Tôi không chịu đựng nổi khi nhìn thấy Sơn ra đi, tôi lặng lẽ bước ra, đi quanh một vòng, cũng chẳng biết để làm gì. Tôi cứ đi, cho đến khi tôi trở lại trước phòng Sơn từ lúc nào không biết. Nhìn lên tôi nhìn thấy Trần Mạnh Tuấn và Tuyết Mai, một người quen thân với gia đình Sơn. Khi đó tôi mới sực nhớ bốn phận của mình, lấy điện thoại ra gọi cho bất cứ ai là bạn bè thân quen với Sơn mà tôi kịp nhớ. Rồi tôi không nhớ ai đã phân công tôi về nhà trước chuẩn bị để đưa Sơn, có thể là Tịnh hoặc Trai gì đó. Khoảng một hai tiếng đồng hồ sau, Sơn được đưa về tới nhà, xác Sơn được đặt ngay giữa phòng khách nhà trệt, chưa liệm ngay, đợi các em, các cháu đang trên đường về. Tôi nhớ hôm đó trời mưa tầm tã, kéo dài đến tối. Chung quanh Sơn, ngoài Trịnh Quang Hà, vợ chồng Trịnh Xuân Tịnh, em trai Sơn, Lê Thế Chuyết, em rể Sơn còn có Phạm Phú Ngọc Trai, Huỳnh Thiện, Phi Long, Bùi Huỳnh Anh, Lê Phước Bốn, Lê Đăng Xu, Bảo Phúc, Trần Mạnh Tuấn, GS Tương Lai, Nguyễn Quang Sáng... những người lâu nay vẫn gần gũi Sơn, mỗi người một tay làm vệ sinh thân thể và thay áo quần cho Sơn.

Đến 7 giờ tối thì các em các cháu Sơn mới từ Canada về đến. Chiếc khăn đắp mặt Sơn được gỡ ra. Những tiếng khóc, than thở vang lên, kéo dài, rồi nghỉ thức tàn liệm Sơn được tiến hành. Bắt đầu từ phút giây đó, tôi chỉ thấy loang loáng, những người thân quen, bạn bè và luôn cả những người ngưỡng mộ Sơn lục tục đến, càng lúc càng đông.

Không ai bảo ai, từ đó Phạm Phú Ngọc Trai, Huỳnh Thiện và tôi, ba chúng tôi tự nguyện trở thành những người phụ trách trật tự cho suốt thời gian tang lễ của Sơn. Hôm sau, Cao Lập tình nguyện đưa một nhân viên đến phụ giúp sổ ghi chép. Tôi thật sự không biết bao nhiêu người đến viếng Sơn. Tối đầu tiên, có lẽ do tin Sơn mất chưa được phổ biến, số lượng người đến viếng chưa nhiều, nên chúng tôi cho phát mỗi người hai thẻ nhang cho những người đến viếng Sơn, một để cúng Phật, một để viếng Sơn. Đến sáng hôm sau trở đi, chúng tôi chỉ cho phát một thẻ nhang để vãi trước linh cữu Sơn; nhưng về sau số lượng càng lúc càng đông, xếp ba hàng dài gần mấy trăm mét trước hẻm nhà Sơn ra tới đường Phạm Ngọc Thạch, thì mỗi người chỉ đi qua cắm nhang trước linh cữu Sơn mà không vãi lạy. Nhưng điều đặc biệt, dù phải chờ đợi rất lâu để đến lượt mình viếng Sơn, đám đông vẫn rất trật tự, hoàn toàn không có một xáo trộn ồn ào nào.

Như vậy là Sơn đã rời nơi *Ở trọ*, “(...) *Không muốn bỏ đi, vậy mà cũng có lúc phải bỏ đi. Cái thân phận con người hữu hạn phải đành thôi*” để lên đường tiếp tục cuộc hành trình của *Người hát rong*. Sơn sẽ đặt chân đến một nơi nào trong cái thế giới xa xăm mà tôi không biết được, nhưng nơi đó chắc chắn cũng là một nơi *Ở trọ* khác của Sơn. Không biết bao lâu Sơn từ già nơi mình vừa đến để tiếp tục đi nữa, đi mãi. Nhưng tôi tin bất cứ nơi đâu Sơn đến, muôn loài vạn vật ở đó sẽ hạnh phúc, hoan ca bởi Sơn vẫn tiếp tục hiến dâng trọn vẹn trái tim của mình để làm cho thế giới chung quanh trở nên tươi đẹp hơn và có ý nghĩa hơn.

T H A N H T Û N G

anh đã vắt cạn tình yêu cho đời...

Thế là người Việt Nam viết tình ca hay nhất thế kỷ đã qua đời. Thế là một trái tim nhân hậu đã ngừng đập, một thân phận mà sự hiến dâng là vô vàn trái ngọt còn sự hưởng thụ lại hết sức đắng cay... thân phận ấy đã chấm dứt.

Mặc dù đã cố gắng hết sức mình, từ Hà Nội tôi vẫn không thể nào trở về kịp trong giờ phút lâm chung của anh, để được ngồi bên giường bệnh cầm tay anh nghe đủ chỉ một lời của anh như trước đây hơn mười năm anh đã làm như vậy khi vợ tôi ra đi. Chợt nghĩ đến câu "*Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*" mà lòng đau vô hạn. Đôi khi tôi ngồi với anh trong căn phòng nhỏ ngổn ngang những bức tranh, có lúc hàng giờ đồng hồ chẳng ai nói với ai tiếng nào, dường như ai cũng đang theo đuổi

*Tình yêu đã đầy ấp trái tim thì phải cho, cho mà
chẳng mong nhận lại, trong sáng, cao thượng,
hiện hữu nhưng chẳng phải bao giờ cũng nắm
giữ được, đó là tình yêu của Sơn.*

Thanh Tùng



Trịnh Công Sơn, Thanh Tùng và Trần Tiến

những ý tưởng nào đó... Không! Chẳng có ý tưởng nào cả! Vì Sơn có một câu hát mà tôi rất thích: “Đôi khi một người ngồi trong im lặng, thực ra đang ngồi thành thơ”.

Vâng, giờ thì anh đã thành thơ, xin anh thật thành thơ, đừng mang theo những nỗi đau còn sót lại trên cuộc đời này làm gì cho vương bận:

Rồi:

Một buổi sáng mùa xuân

Một đứa bé yên nằm

Bờ môi dường thăm hỏi

Có thiên đàng hay không?

Có? Hay không? Thiên đàng hay một chốn nào như vậy xin hãy đón nhận từ anh một linh hồn trong sáng trẻ thơ. Tôi nghĩ đó không chỉ là lời cầu mong của riêng tôi mà có lẽ là của hàng triệu người yêu mến anh.

Trước đây có người nói: “Trịnh Công Sơn là phù thủy của ngôn ngữ” để có ý ám chỉ tài năng văn học hay khả năng sử dụng ngôn ngữ của anh trong ca từ. Tôi không phản đối, về tài năng này của anh thì không ai sánh kịp, thế nhưng ở anh tài năng lại được nhân lên gấp nhiều lần bởi chính tâm hồn anh. Quả thật “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”.

Sơn hầu như chưa bao giờ làm cho ai giận, ngược lại đối với những người có lỗi với anh - có giận mấy anh cũng không bao giờ mất bình tĩnh, câu phán xét cuối cùng của anh thường là một tiếng tắc lưỡi kèm theo câu nói: “Thôi kè”.

Sự thông thái, tính bao dung, sự từng trải, tính khiêm nhường tạo nên một Trịnh Công Sơn có phong cách của một nhà hiền triết khổ hạnh, một nhân cách có cá tính độc đáo nhưng lại hòa đồng, cao siêu với mọi nhưng lại dễ gần.

Chưa xót là để có thể cảm thông được những nỗi đau của kiếp người,

con người tài hoa ấy hầu như phải hứng chịu tất cả những nỗi đau ấy. Tất nhiên bù lại anh được sự kính trọng yêu mến, đôi khi là sự sùng bái hòa lẫn với vinh quang. Sự kính trọng và quý mến anh khiêm nhường đón nhận và đền đáp, nhưng vinh quang đôi lúc quá nhiều anh cũng ngán ngẩm: “Cũng chỉ là già mà thôi!”.

Sơn đã từng thốt lên:

“Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ.

Ôi những dòng sông nhỏ, lời hẹn thề là những cơn mưa”.

Cho dù vậy, với anh tất cả đều có thể hiểu được, trái tim anh lúc nào cũng cháy bỏng tình yêu cho dù là đơn phương hay song phương, cho dù là đa phương hay vô định. Tình yêu đã đẩy áp trái tim thì phải cho, cho mà chẳng mong nhận lại, trong sáng, cao thượng, hiện hữu nhưng chẳng phải bao giờ cũng nắm giữ được, đó là tình yêu của Sơn.

Mặt trời, mặt trời đã lên, còn nhìn, còn nhìn thấy con người.

Một ngày tình cờ biết em, là ngày lạ lùng nhất trần gian.

Có đúng là một ngày nào đó Sơn đã gặp một ai đó và anh cảm thấy đó là một ngày lạ lùng nhất trần gian không? Có thể nhiều người không tin vì tôi cũng đã từng gặp được điều đó, chỉ có điều tôi không nghĩ được ra một bài như vậy mà thôi.

Lại nói: “Trong đạo làm người, đức hy sinh là đức tính cao quý vô cùng, hiển dăng mà không cần đền đáp, đó là sự cao thượng nhất của đức hy sinh”. Sơn nói: “Sống trên đời sống phải có một tấm lòng, để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi!”. Anh cũng viết: “Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người”, có nghĩa anh biết chấp nhận sự đau khổ của đời sống. Anh thường nói với tôi là anh tán thành quan điểm “Sống chứ không phải tồn tại”. Bởi vì từ lâu bằng một giọng lạc quan, anh đã viết: “Tôi nay ở trọ trần gian. Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời”. Và dù cuộc đời chỉ là cõi tạm, anh vẫn phải sống, phải yêu thương, vẫn hy vọng ước ao: “Tìm em người trọ là tôi, mai kia dù có xa xôi cũng đành”.

Ôi cái chữ “đành” này nghe mới thật là lạ, nó tưởng như mêm yếu lại hóa thành dũng cảm, nó quyết liệt chấp nhận sự đối đầu với định mệnh như chấp nhận sự bất thành tạm thời của những hy vọng và hoài bão mà vẫn dấn thân vì như anh đã viết:

“Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ”.

Quả thật cuộc đời chẳng được bao lâu, trái tim anh đã không bao giờ hờ hững với cuộc đời, anh đã vắt cạn tình yêu trong trái tim cho cuộc sống, cho những thân phận khổ đau. Và cuối cùng nó đã ngừng đập.

Tôi mong anh nhận ở tôi và những người mến yêu quý trọng anh lòng biết ơn và nỗi tiếc thương vô hạn.

Tôi dừng lại ở đây với một nỗi băn khoăn: không biết đến bao giờ đất nước chúng ta lại có được một nhạc sĩ với cả tài năng, đức độ và sự nghiệp như anh.

2-4-2001

TRẦN LONG ẨN

kỷ niệm về nhạc sĩ tài hoa
trịnh công sơn

Có một nhạc sĩ mà qua hơn 600 ca khúc của mình đã nói được tất cả những gì mình muốn nói về cõi đời này, người ấy là Trịnh Công Sơn.

Nhiều người cho rằng Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ hát thơ của mình. Đúng như vậy, nhưng ít ai nói đến tính dân tộc trong ca khúc Trịnh Công Sơn. Một trong những yếu tố rất quan trọng để ca khúc của anh được hàng triệu người yêu thích đó là cái hồn dân tộc. Trong ca khúc của anh hầu hết đều có bóng dáng của dân ca, khi thì thấp thoáng bóng dáng của dân ca Bắc bộ, khi thì Nam bộ, khi thì miền Trung, khi thì Tây Nguyên...

Trong sáng tác, anh không thích vận dụng dân ca theo lối thô thiển,

máy móc. Vận dụng dân ca là vận dụng cái hồn, cái hơi thở của dân ca vào tác phẩm chứ không phải lấy nguyên xi dân ca đưa vào. Anh rất ghét kiểu làm cứng nhắc này. Anh thường tâm sự: “Trong các bài hát của tôi không tìm thấy một từ Huế nào, nhưng thật ra là rất Huế”. Nhiều khi suy gẫm, tôi rất thấm thía điều anh nói. Có lần tôi vừa viết xong bài hát *Nhớ Huế* thấy sương quá tôi hát ngay cho anh nghe qua điện thoại, anh khen hay và bảo tôi đến nhà anh ngay, nhớ gọi cho anh Nguyễn Quang Sáng cùng đến luôn. Sau khi hát lại cho hai anh nghe xong, anh Sơn đề nghị sửa lại một vài nốt, và anh Sáng sửa lại một vài từ. Lại hát lại cho hai anh nghe. Nghe xong, ba anh em cùng nâng ba ly rượu và anh Sơn cười rất tươi: “Tôi” có công nhận bài của “tôi” bây giờ nó Huế hơn và hay hơn phải không?”. Anh Sơn và anh Sáng thường rất giống nhau khi khen hoặc chê tôi. Mỗi lần như vậy anh Sơn thường “bắt buộc” anh Sáng phải có mặt. Ngược lại khi tôi “chọc ghẹo” anh Sơn điều gì, tôi thường thích lôi kéo anh Sáng làm đồng minh. Cứ như thế ngày vui tiếp tục qua mau. Nó mau đến mức mà chỉ mới đây thôi bây giờ nó đã trở thành quá khứ. Cái quá khứ ấy vĩnh viễn không bao giờ có nữa.

Trên cõi đời nay, không ít người chơi với bạn chỉ để vì mình, nhưng anh Trịnh Công Sơn thì chơi với bạn chỉ để vì bạn. Anh chơi với bạn tốt đến mức tôi không hiểu trên trần gian này “để có mấy ai”? Anh thường tâm sự: “Cái “mối” sợ nhất trong cuộc đời “mối” là chỉ sợ bạn buồn”. Anh sống tế nhị, chung thủy với anh em bè bạn một cách rất riêng, rất Trịnh Công Sơn khó có ai bắt chước được. Anh đã thân với một người nào rồi thì cả gia đình người ấy đều thân thiết với anh. Người nào cũng cảm thấy anh Sơn, bác Sơn, chú Sơn, cậu Sơn là người của riêng mình.

Anh “khổ tâm” nhất là các bà xã của bạn bè. Gia đình có việc gì “trái gió trái trời” cũng gọi anh Sơn, chồng đi chơi khuya cũng gọi anh Sơn, con cái không ngoan cũng dọa nạt đòi “méc” bác Sơn, các cháu học giỏi, hát hay cũng gọi khoe bác Sơn, và nhất là phải thường xuyên “xác nhận” cho các ông xã “có vấn đề” hoặc gọi điện thoại, hoặc viết giấy để quý ông mang về trình vợ là anh chỉ đi chơi với anh Sơn thôi nghe, không có

đi đâu khác à, nếu không tin gọi điện hỏi anh Sơn coi có phải thật vậy không? Nhiều khi anh “nổi cáu” lên nói vui: Xin lỗi, nhà tôi không phải là cái tổng đài điện thoại nha! Nếu có khác là chỉ khác ở chỗ tổng đài còn có giờ nghỉ ngơi, còn nhà tôi thì 24 trên 24 giờ đều có điện thoại gọi đến.

Chỉ mới đây thôi mà mọi việc bây giờ đã thay đổi bất ngờ tưởng như không có thật. Anh đã ra đi và mang theo tất cả rồi. Tất cả mọi người đều cảm thấy rất cô đơn và hụt hẫng. Bạn bè mất đi một chỗ dựa ấm áp về tình cảm và tinh thần, giới âm nhạc mất đi một nhạc sĩ tài hoa mẫu mực về nhân cách và đạo đức, công chúng yêu âm nhạc mất đi một thần tượng tuyệt vời.

Nước mắt tôi đang chảy, ngực tôi đang rung như thể đang có gió lửa khủng khiếp ở bên trong. Tay tôi đang run, cổ họng như khô cứng, nghẹn lời. Dẫu có muốn viết cũng không thể viết tiếp được nữa. Vài dòng thô thiển như mấy nén nhang đang cháy xin thắp riêng cho anh Sơn, một Trịnh Công Sơn của đất nước, của mọi người và của riêng tôi.

3-4-2001

NGUYỄN THẾ THANH

huyền thoại giữa nhân gian

Từ buổi trình diễn đầu tiên vào năm 1965 trước các sinh viên Đại học Văn khoa Sài Gòn cho đến khi nằm yên trong linh cữu, như một chiếc giường phủ đầy hoa trắng, để nghe người khác tiễn biệt mình bằng nhạc của mình, Trịnh Công Sơn có 36 năm là người của công chúng. Trong 36 năm ấy, với hơn 600 bài hát được công bố, Trịnh Công Sơn đã trở thành người sáng tác ca khúc nhiều nhất trong các nhạc sĩ Việt Nam trong thế kỷ vừa qua. Thế nhưng, danh xưng của sự bình chọn chưa chính thức ấy chắc chắn không phải là một danh xưng mà Trịnh Công Sơn và những người yêu mến anh mong muốn, cho dù đó cũng là một giá trị. Bởi lẽ tài năng đâu có cần đến sự chứng minh của những con số. Và cũng còn bởi lẽ Trịnh Công Sơn lúc sinh thời luôn xem cõi sống là một cõi tạm và trong cái cõi tạm ấy người ta dù có cố

gắng so tài với nhau đến đâu thì cũng vô nghĩa mà thôi. Thế nên, tuyên ngôn sống mà anh dành cho chính mình là tuyên ngôn về sự làm người “Có những lúc tuyệt vọng cùng cực, tôi và cuộc đời đã tha thứ cho nhau. Mỗi đêm tôi nhìn trời đất để học về lòng bao dung. Nhìn đường đi của kiến để viết về sự nhẫn nhục. Tôi đang bắt đầu những ngày học tập mới. Tôi là đứa bé. Tôi là người bạn. Đôi khi tôi là người tình. Chúng ta đã đấu tranh. Đang đấu tranh. Và có thể còn đấu tranh lâu dài. Nhưng tranh đấu để giành lại quyền sống, để làm người, chứ không để trở thành anh hùng hay làm người vĩ đại”. Trịnh Công Sơn đã viết như thế cách đây chín năm, khi vinh quang đã muôn phần trĩu nặng trên tấm thân mỏng tang của anh. Nhưng, lâu hơn thế rất nhiều, khi còn trẻ và đang ở giữa một bối cảnh đời sống quá đổi hoang tàn, quá đổi mong manh giữa sống và chết, anh cũng đã viết “Phải luôn sống ở đời bằng một tấm lòng và sống với người bằng sự tử tế”. Chọn được cách sống ấy và bày tỏ nó một cách mê đắm bằng giai điệu ca từ, Trịnh Công Sơn mặc nhiên trở thành nhạc sĩ độc nhất vô nhị của Việt Nam hôm nay, có thể cả mai sau nữa, khi nằm xuống lại được nhiều người tiếc thương đến thế và nhận được nhiều lời xưng tụng đến thế.

“Một ngôi sao yêu đời, rực rỡ đã tắt”, “Anh ra đi em mất một người bạn tâm tình lớn, đất nước mất đi một tài năng kiệt xuất” (Trương Gia Bình - Tổng Giám đốc Công ty FPT), “Trịnh Công Sơn là “phù thủy ngôn ngữ” của âm nhạc Việt Nam” (Nhạc sĩ Nguyễn Xuân An), “Một hạt bụi thiên tài” (Nhà báo Hữu Bào), “Xin hãy hình dung tâm vóc của một con người được đo bằng độ âm vang của chính trái tim người ấy. Trịnh Công Sơn là một tiếng vang vô tận, tiếng vang của trái tim thiên tài, một thiên tài không có tuổi” (Nhà thơ Nguyễn Duy), “Trịnh Công Sơn là một nghệ sĩ lớn, tài ba, độc đáo và là một nhà sư phạm về tình yêu bao la đối với đất nước, nhân loại và vạn vật” (Mai Chí Thọ), “Người Việt Nam viết tình ca hay nhất thế kỷ” (Thanh Tùng)... Sự xưng tụng chính xác và trân trọng biết bao, ngay cả Trịnh Công Sơn, nếu có một phép màu để anh lại ngồi đây chuyện trò cùng bạn bè, hẳn anh cũng sẽ mỉm cười và nói: “Mình mà được như thế ư? Không đâu. Mình là mình thôi”.

Khi Trịnh Công Sơn nói “Minh là minh thôi”, hàng triệu người từng hát anh và biết anh trong gần 40 năm qua hiểu rõ đó không phải là sự làm dáng. Khiêm nhường và dịu dàng, Trịnh Công Sơn lúc nào cũng chọn cách nói nho nhỏ, mềm mại để biểu đạt sự đặc ý hoặc không đặc ý với bạn bè, với những người tình có tên và không tên, với cuộc đời lắm khi kịch côm, dối gian, ác hiểm đến tê điếng. Có thể vì vậy mà có người đã gọi anh là nhà sư phạm chăng? Chỉ là nhẩn nhủ, an ủi, vỗ về mà mỗi ca từ chuyển đi được biết bao thông điệp giáo dục tinh tế. *“Đường phố dài từng đường phố dài. Đường hao mòn từ ngày chinh chiến. Nhưng tay nhanh lấp đầy hố tuyệt vọng. Đường máu hồng. Đường rất tình. Đường rất gần từ ngày xưa ấy. Đường rất mừng một bầy chim trắng, chân thon dong không còn bước ngập ngừng. Đường nhân loại một đường rất dài. Đường tương lai không ai thù ghét ai”*.

Bên cạnh nỗi đau đớn, sự thất bại, niềm tuyệt vọng, Trịnh Công Sơn bao giờ cũng tìm cách khẳng định với những người hát anh về niềm tin bất tận vào cái nửa thánh thiện mà con người ai ai cũng có. Khi khẳng định thân phận con người là cát bụi, anh đã gọi cát bụi ấy là “cát bụi tuyệt vời”. Khi sống giữa thăng trầm đời sống, anh sẽ chia sự thanh thản và bao dung với bè bạn *“Còn hai con mắt khóc người một con. Con mắt còn lại nhìn cuộc đời tôi. Nhìn tôi lên cao nhìn tôi xuống thấp. Con mắt còn lại nhìn cuộc tình phai. Tình trong hai tay một hòm biển mất. Con mắt còn lại nhẹ nhàng từ tâm. Nhìn em ra đi lòng em xa vắng”*. Hoặc như anh đã viết trong bài *Đóa hoa vô thường* *“Tình do tâm mà sinh. Có khi tình mất mà tâm còn đồng vọng”*. Khi nói về tuổi trẻ, về tình yêu anh đặt vào đó tất cả tâm nghiệm của bản thân mà anh muốn chia sẻ *“Đôi khi thấy trên lá khô một dòng suối. Đôi khi nhớ trong mắt em một bóng tôi nhỏ nhoi. Một ngày tình đến thiết tha ân cần. Từng ngày tình đi một vùng vắng im. Đôi khi bước qua phố xưa lòng tôi nhớ. Đôi khi thấy trăm vết thương rồi như đá ngáy ngơ”*. Chất sư phạm trong các ca khúc của Trịnh Công Sơn còn tinh tế đến bất ngờ khi anh diễn đạt sự cảnh báo về những sai lầm con người trần gian thường mắc phải: *“Tìm tình trong nắng em gặp cơn mưa (!). Tìm tình giữa ngo buồn lúa thưa về (!). Tìm tình trên núi em gặp mưa bay. Tìm tình giữa chợ tình phai mất rồi (!)”*.

Rồi cũng chính Trịnh Công Sơn đã tìm cho chính mình và những ai muốn thế một cách lý giải độc đáo về thân phận người, lý giải để có thể tiếp tục sống tử tế trên cõi nhân gian cho dù chỉ là cõi tạm “*Đừng tuyệt vọng tôi ơi đừng tuyệt vọng. Lá mùa thu rơi rụng giữa mùa đông. Đừng tuyệt vọng em ơi đừng tuyệt vọng. Em hồn nhiên rồi em sẽ bình minh. Tôi là ai mà còn khi giấu lệ. Tôi là ai mà còn trần gian thế. Tôi là ai? Là ai? Là ai? Mà yêu quá đời này*”.

600 ca khúc đã viết. Hoặc hơn thế. Đó chắc chắn chưa phải là di sản quý nhất của Trịnh Công Sơn. Mỗi khi mất mát, đau khổ mà không lâm vào thù hận - người ta hát anh. Mỗi khi tuyệt vọng mà không tìm tới sự hủy diệt - người ta hát anh. Mỗi khi có sự đắn đo trước các ngã rẽ “*đi hay ở*” - người ta hát anh. Đó mới chính là cái di sản đích thực quý giá mà không nhạc sĩ nào ngoài anh có thể tạo ra trong cùng một kiếp rong chơi dưới ánh mặt trời. Vì thế chẳng, một thảm hoa hồng trắng đã được yêu quý Trịnh Công Sơn, hầu hết là vô danh, đặt trên mộ phần anh buổi sáng tiền đưa ấy. Vì thế chẳng, khi hoa hồng trắng đã kết xong trong nước mắt thì cũng những người vô danh đến tiễn đưa anh còn ở lại đã tự nguyện xếp thành một dàn đồng ca và cứ thế họ rì rầm cất lên những ca khúc không năm tháng của anh, bài nọ nối bài kia. Nước mắt làm nhòe ca từ giai điệu. Chẳng quan trọng gì nữa. Họ hát anh chỉ để nói với anh trong phút âm dương cách biệt là họ chẳng bao giờ quên được anh. Trịnh Công Sơn là như thế. Một ca sĩ đang sống tha hương chẳng đã nói đó sao “*Gần bốn mươi năm qua tôi sống cùng tên tuổi của ông và lời ông dạy: sống trên đời phải có một tấm lòng và phải tử tế với con người. Từ ông tôi thành danh và quan trọng hơn tôi đã thành nhân. Ông là người yêu quê hương, dân tộc. Việc ông ở lại và nằm xuống trên quê hương là đúng. Ông không phải là của riêng ai. Ông là của tất cả mọi người*”.

Đâu phải chỉ mình ca sĩ ấy nói vậy.

Rất nhiều phân của một thế hệ cũng muốn nói vậy về anh.

T Ò N T H Á T L Â P

như chim bỏ đường bay

Khi anh nằm xuống rồi bạn bè lại cảm thấy anh gần hơn bao giờ hết. Gần trong tất cả. Anh không ra đi mà anh chỉ lấy một chút thôi. Cuộc chơi vẫn còn đó. Cái ngày định mệnh 1 - 4 càng lùi xa về thời gian vật chất thì cái khoảng cách anh và bè bạn lại càng gần, lại càng rộng ra thân thiết không ngờ. Nỗi bi kịch của con người thật dữ dội.

Trong mỗi chúng ta ai cũng có một kỷ niệm riêng về Trịnh Công Sơn. Trong những ngày tháng này tôi bỗng thấy ký ức trở về như trong một giấc chiêm bao. Tôi nhớ Trịnh Công Sơn còn có một ca khúc tôi rất thích mà anh chưa in trong những tuyển tập hiện nay. Đó là bài *Hoa buồn* mà tôi chỉ nhớ đoạn A (thể 2 đoạn đơn). Tôi nghĩ rằng bài này anh Hoàng Phủ Ngọc Tường, anh Phan hay bạn bè ở Huế có thể nhớ rõ để

ghi lại bổ sung trong danh mục những tác phẩm của Trịnh Công Sơn. Ca khúc này anh viết khoảng đầu những năm 1960. Tôi còn nhớ vào một đêm cuối năm anh Sơn từ Sài Gòn về mang cho tôi tiền nhuận bút bài *Tiếng hát về khuya* do Thanh Thúy hát thu trong đĩa Asia mà anh lãnh hộ. Anh lại nhắn thêm “Lập nhớ đón nghe Đài phát thanh Sài Gòn vào giao thừa có một món quà cho Lập”. Đó là cuộc trả lời phỏng vấn Trịnh Công Sơn về những nhạc sĩ sáng tác trong đó anh nhắc đến tôi. Và trong lần về Huế đó Trịnh Công Sơn đã hát cho tôi nghe bài *Hoa buồn*.

Anh luôn chú ý đến những sáng tác của bạn bè, lấy đó làm công việc của mình, nguồn vui của mình. Chính trong sự trần trở và khát vọng nghệ thuật đích thực đó, người ta dễ nhận ra Trịnh Công Sơn là một trong những nhạc sĩ đã mở đầu một nguồn mạch ngôn ngữ âm nhạc mới thoát ra khỏi sự bao trùm to lớn của dòng nhạc tình ca tiền chiến tại Sài Gòn.

Nếu trong tình ca, niềm thủy chung vô tận anh hiến dâng cho tình yêu thì trong âm nhạc dân thân anh đã gắn chặt với cuộc đời, với quê hương mà anh tự chọn mình là người phát ngôn của thời cuộc.

Tốc độ và cường độ làm việc của Trịnh Công Sơn đã nhả hết những sợi tơ vàng óng cho đời nên khi anh tạm biệt mọi người thật nhẹ nhàng, dường như anh đang bay vào một đường bay nào đó trong cuộc rong chơi.

ĐỖ MINH TUẤN

một thiên sư du ca

... **Q**uá yêu cuộc đời, sợ hãi cô đơn và cái chết nên Trịnh Công Sơn đã tập sống thản nhiên trước hư vô và cát bụi từ rất lâu rồi, ấy thế mà khi anh ra đi ta vẫn sững sờ, đột ngột xúc động như thấy một người chơi ú tím nấp trong cát bụi đột nhiên lại trở thành cát bụi ngay trước mắt ta.

Một niềm hoài cổ, nỗi cô đơn, một chút xót xa day dứt, một lời khuyên nhủ tâm tình, một thoáng rộn ngợp trước cõi hư vô, một tiếng thờ dài cam chịu, một lời than trách nhẹ như không, có biết bao nhiêu sắc thái khác nhau trong âm nhạc của Trịnh Công Sơn, thứ âm nhạc vút lên giữa tồn tại và hư vô, tiền kiếp và mai hậu, cát bụi và thiên đàng. Trịnh Công Sơn không đi trên ranh giới của các thái cực như một người làm

xiếc, mà anh đã tạo dựng trên đường biên mong manh đó cả một thế giới riêng, hơn thế nữa một đạo riêng, đạo của cái đẹp, đạo của tình yêu. Có thể coi anh là một thiền sư, một thiền sư đã “ngộ” cái phù du tạm bợ của cõi thế và đã lựa chọn trước cho mình những nghi lễ của nhà Phật để già từ cõi tạm. Âm nhạc của anh là những chiêm nghiệm vừa hàm súc, vừa thâm thẳm về một cõi yêu, cõi đẹp, cõi mơ mà trái tim anh đã bừng ngộ trong tình yêu và nỗi đau. Mỗi ca khúc là một cửa sổ mở ra cho chúng sinh nhìn thấy cõi tịch mịch huy hoàng. Mỗi giai điệu là một bàn tay ân cần chia xuống từ cõi thiên thu, vừa xoa dịu cho con người những nỗi đau nhán thế, vừa vỗ về an ủi nó, vừa nhẹ nhàng trách móc nó, lại vừa ân cần dịu nó đến cái thế giới chói chang của một cảnh giới không có những hận thù, chia cách. Trịnh Công Sơn là một thiền sư du ca. Cõi đi về là cõi của người nghệ sĩ, ở đó, trong tư cách kẻ du ca, anh là con thoi đi về nối liền cõi đời và cõi đạo, nước mắt và tiếng cười, trần thế và ảo mộng.

Trong tư cách thiền sư du ca ấy, “cõi tạm” của Trịnh Công Sơn chính là cõi vĩnh hằng, là cõi yêu thương. Anh nhắc nhiều đến cõi tạm, không phải để xui con người nhấp nhóm chia tay trần thế đắng cay này, mà để giác ngộ cho ta cái phù du của danh lợi, cái phi lý của tranh chấp và thù hận, nhằm hối thúc ta hãy biết đem yêu thương chống lại cái mong manh tạm bợ của cõi đời. Anh nhắc nhiều đến cát bụi, không phải để thân nhiên chờ đón cái chết, mà chính là ú tìm với cái chết, để mở rộng cõi thế và tình yêu tràn gian sáng thế giới bên kia. “Tôi là ai mà còn trần gian thế, tôi là ai mà yêu quá đời này”. Như một đứa trẻ quá yêu đời, thỉnh thoảng lại thu mình lại trong trò ú tìm nấp sau cát bụi, để nhấm nháp cái thiếu vắng của mình, để dò theo cái tìm kiếm của đời, để nhẹ nhàng hờn dỗi và trách móc. “Yêu quá đời này” nên anh đã bằng tài năng âm nhạc của mình mở rộng cuộc đời sang cõi hư vô, nối liền khoảnh khắc với trăm năm và nối liền tình yêu vào cái chết. Những người thích rạch ròi, náo nhiệt có thể thấy âm nhạc của anh chỉ là những khúc ca dao đơn giản.

Nhưng âm nhạc của Trịnh Công Sơn có một sự phức hợp và hoành

tráng trong chiều kích thẩm mỹ, tâm linh. Một tiết tấu ám ảnh tương như là đơn điệu, nhưng nó gợi lên một sự tĩnh tại của thiền sư, một sự kiên nhẫn vô bờ của tình yêu, một nhịp trống **dân** gian sinh động và hồi thúc. Những lời ca vừa trong sáng như **dân ca**, vừa thâm trầm như lời kinh, vừa gần gũi giản dị như lời tâm tình **trong** tình yêu, gợi truyền thống hát nói của sân khấu Việt. Những ca khúc có thể hát trong salông cho một người nghe, có thể hát ở quảng trường cho nhiều người hưởng ứng.

Âm nhạc của Trịnh Công Sơn luôn là âm nhạc dung hòa các thái cực, hòa trộn tình yêu đời, yêu người, yêu quê hương máu thịt và cái cảm thức vừa thần nhiên vừa day dứt trước cõi hư vô.

Cái cốt cách lưỡng cực, dung hợp và cái xu hướng nhân bản, khoan dung, đặt tình người cao hơn tất thảy ấy, đó là những cái làm cho âm nhạc của Trịnh Công Sơn thấm đẫm tinh thần văn hoá Việt. Cho nên, cái hạt - bụi - Trịnh - Công - Sơn ấy trong tư cách sử giả của cõi vĩnh hằng, cõi hư vô vẫn chỉ là hạt bụi Việt Nam kết đọng tình yêu Việt, nhân cách Việt, thân phận Việt.

L U U T R O N G V A N

không có sơn còn ai với ai?

Chi mới đông đưa tháng trước thôi tôi đến thành phố Orléans ở hạ lưu sông Loire - con sông dài nhất, đẹp nhất nước Pháp, nhà văn Đặng Tiến chỉ ra dòng sông nhỏ trước ngôi nhà ông ở, nói rằng, năm 1989 nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã đến đây thường ra bên bờ sông này ngắm đàn thiên nga, ngắm những con vịt giới và những bờ lau khi chiều xuống. Trịnh Công Sơn gọi con sông ấy là “An Cựu”. An Cựu - dòng sông xứ Huế quê hương Trịnh Công Sơn. Chả biết ngày 1 tháng 4 kia khi hay tin Trịnh Công Sơn già biệt cõi đời này - người bạn của Trịnh Công Sơn - nhà văn Đặng Tiến có kịp rải xuống dòng “An Cựu” những bông hồng trắng? Còn ở đây - con hẻm 47 đường Duy Tân, Sài Gòn, như một dòng suối nhỏ mà đôi bờ ngập tràn hoa Trịnh Công Sơn ơi, đã bao giờ anh được bơi, được lội trong dòng suối mà đôi bờ lại ngập tràn hoa chưa?

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui

Chọn những bông hoa và những nụ cười.

Chọn những bông hoa ư? Tôi không bao giờ tin một con người luôn khát khao yêu, khát khao sống lại chọn những bông hoa xếp đầy con

ngõ nhà mình để vĩnh biệt mình. Tôi chợt nhớ một ngày xuân năm 1983, 18 năm rồi, ở quán Nghệ Sĩ nằm trong khuôn viên Hội Âm nhạc TP Hồ Chí Minh, cái quán mà Trịnh Công Sơn gọi là quán “Không thời gian”, trong ánh nắng xuân thật tươi anh đã hát:

*Một trăm năm nữa mây qua, mây qua.
Chìm dưới đất kia một người sống yên vui.*

Tôi chẳng hiểu vì sao Trịnh Công Sơn lại hát khúc ru... mình ấy.

Ngày 1 tháng 4 trái tim Trịnh Công Sơn ngưng đập. Con đường Duy Tân xưa chưa bao giờ nhiều hoa đến thế và cũng chưa bao giờ nhiều người tình đến thế chia tay Sơn. Tôi đi mô-tô, ngồi sau là nhạc sĩ Trần Tiến. Trần Tiến vừa có bài hát *Sắc màu* trong đó nhắc đến Trịnh Công Sơn như là một huyền thoại của đam mê, của màu sắc. Trần Tiến bảo: “Hết rồi, sẽ chẳng bao giờ còn một nhạc sĩ được quần chúng đưa tiễn như thế nữa”. Tôi nói, nếu sau này tôi chết tôi chỉ mong đó là một chiều mưa đi sau tôi vài ba người bạn, vài ba người tình... Chúng tôi tưởng chỉ có chúng tôi đến nghĩa trang Gò Dưa, Bình Dương sớm để đón xe tang Trịnh Công Sơn, ai ngờ nghĩa trang đã đông nghẹt người hâm mộ. Trần Tiến la lên: “Vân ơi phải có rượu chứ!”. Biết kiếm đâu ra rượu tây mà Trịnh Công Sơn thường uống ở chỗ làng quê này? Trần Tiến vào các quán, hỏi rượu tây mọi người đều lắc đầu. Tôi bảo: “Thôi cho ông Sơn uống rượu cuộc lùi đi. Có khi như thế lại hay”. Trần Tiến vợ được chai “Nếp mới” chính hiệu không lùi. Nhưng rồi khi xe tang đến hàng ngàn người chen lấn xô đẩy để cố được gần Trịnh Công Sơn, Trần Tiến và tôi lạc nhau. Khi đến cổng nghĩa trang tôi thấy nhà văn Nguyễn Quang Sáng, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, ca sĩ Thanh Trì, nhà văn Ngô Thảo... không sao len vào được. Tôi đứng ra dẹp đường cũng không nổi. Thôi thì tôi phải đi theo kiểu của tôi. Tôi thấy một nhà sư áo cà sa vàng cổ đeo tràng hạt xuất hiện. Đây rồi, cứu tinh của tôi đây rồi. Tôi la lên: “Xin bà con để thầy vào làm lễ cho anh Sơn”. Và tôi dẫn sư thầy vào mà thực ra sư thầy dẫn tôi vào. Phạm Phú Ngọc Trai, Tổng Giám đốc Pepsi - Cola Việt Nam, người trực tiếp phụ trách lễ tang nói với tôi: “Ông thấy người hâm mộ chưa, thật kỳ diệu!”. Tôi mướt mồ hôi, nhưng

đã tìm được một chỗ đứng ngay bên huyệt mộ. Lúc này, trên các cây cao, tường rào, bia mộ của nghĩa trang đông nghẹt người, có nhiều người trên tay cầm cành huệ, cành hoa dại, có nữ sinh mặc áo dài, có người áo quần nhem nhuốc. Thế rồi quan tài Trịnh Công Sơn được đưa tới. Mọi người từ khắp phía ném hoa, cả một cơn mưa hoa. Tôi thấy ca sĩ Hồng Nhung mặc áo nhung đen đang bị xô đẩy phía sau. Tôi nhích chân nhường chỗ cho Hồng Nhung. Một người đàn bà đưa cho Hồng Nhung bông hồng đỏ. Trần Mạnh Tuấn mở lời nhể nhại thổi xác - xò - phòn bản *Cát bụi*:

*Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi
Để một mai tôi về làm cát bụi...*

Hồng Nhung khóc nức lên...

Từ phía xa bỗng nổi lên dàn đồng ca bài *Nối vòng tay lớn*, rồi những tình khúc của Trịnh Công Sơn làm át cả tiếng kinh cầu nguyện, tiếng khóc của người thân, tiếng nhà văn Bửu Ý thay mặt cho người Huế đọc diếu văn tiễn biệt Trịnh Công Sơn - người con xứ Huế. Bây giờ thì quan tài Trịnh Công Sơn đã nằm yên trong lòng đất rồi. Hoa, ngàn hoa, vạn hoa phủ lên, đắp lên. Tôi lặng lẽ đi về phía những người bình thường nhất đang tự động tụ tập làm một dàn đồng ca vô danh xung quanh những ngôi mộ của những người với họ cũng rất vô danh. Tôi lên vào rồi đứng bên họ.

Một bà áo quần tuềnh toàng hình như là bán hàng rong, một cô nữ sinh nghèo trên tay bông thược dược trắng, cô không có tiền để mua bông hồng trắng thì cô mua thược dược trắng vậy, vài người đàn ông ăn bận xuề xòa nhưng tất cả đều hướng về phía ngôi mộ Trịnh Công Sơn và hát - những khúc tình ca mà vang lên như thánh ca:

Ngày mai em đi biển nhớ tên em gọi về

Rồi:

Ngày sau sỏi đá vẫn còn có nhau.

Rồi:

Làm sao em biết bia đá không đau?

Rồi trở lại:

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi

Để một mai tôi trở về cát bụi.

Rồi trở lại:

Bao nhiêu năm làm kiếp con người

Để một chiều tóc trắng như vôi.

Tôi đã được khóc trong tiếng đồng ca của những con người bình thường, vô danh ấy. Rồi dần đồng ca, tôi trở lại bên mộ Trịnh Công Sơn, thật kỳ diệu, lúc này người hâm mộ đã rải những cánh hoa hồng trắng thành thảm hoa lớn hình chữ nhật trên mộ và trên đó không biết cô gái nào đã lấy những cánh hồng đỏ xếp thành chữ “Anh Sơn ơi!”. Ở đầu mộ, có một thiếu phụ chừng 40 tuổi đang ngồi đốt một phong thư - giấy thư vàng ố, chữ bằng bút mực. Tôi đứng cho đến khi cả lá thư cháy thành tro. Thiếu phụ lặng lẽ vùi tro thư ấy vào cát ở mộ Trịnh Công Sơn rồi đứng dậy, rồi lặng lẽ bỏ đi với đôi mắt còn ngấn lệ. Thiếu phụ là ai? Bức thư ấy ai gửi, ai nhận? Viết gì? Tôi đã không bám theo để hỏi vì tôi sợ động đến cõi riêng tư, nhưng chắc chắn phải liên quan đến người nhạc sĩ vừa nằm xuống. Dàn đồng ca ô hợp của người hâm mộ vẫn không ngơi nghỉ, bây giờ là:

Tôi là ai, là ai, là ai

Mà yêu quá đời này.

Sau đám tang, giữa trưa nắng tôi đến Lố Ô - thăm nhà thơ Thu Bồn đang chống chọi với bệnh liệt. Thu Bồn nghe tôi kể về dàn đồng ca quân chúng, về thảm hoa thì ôm mặt khóc nức như đứa trẻ. Ngày giải phóng miền Nam, Thu Bồn trong bộ quân phục giải phóng đã đến nhà

Trịnh Công Sơn hát. Khó khăn lắm Thu Bốn mới nói được: “Huê, em... hát đi...”. Dưới cây me già đang mùa thay lá, Lý Bạch Huê, vợ Thu Bốn lặng lẽ hát:

*Bạn bè còn đó anh biết không anh
Người tình còn đây anh biết không anh
Bạn bè rồi xa
Người tình rồi quên...
Anh biết không anh.*

Thu Bốn - người hùng của Tây Nguyên thuở nào, người đã làm nên tráng ca *Chim Ch'rao* bắt hủ lại khóc nức lên. Tôi mới hiểu rằng còn có nhiều người không đến được để chia tay Trịnh Công Sơn nhưng lại rất yêu Trịnh Công Sơn. Thu Bốn nói: “Thằng Sơn mới đây còn ngồi ở dưới gốc me này... Tao miệng bị méo bị lấp rồi, không hát được, Sơn ơi!”.

Và thế rồi, một tuần trôi qua, đêm trăng 15 - rằm, tôi đến Thủ Đức thăm tiến sĩ Nguyễn Mộng Giao cháu cụ Yên Đỗ Nguyễn Khuyến, tiến sĩ hàng đầu về vật lý của Việt Nam, người một tuần nữa sẽ qua Mỹ phụ trách một nhóm nghiên cứu khoa học theo lời mời của một trung tâm khoa học Mỹ, đang nghe nhạc Trịnh Công Sơn. Tiến sĩ thấy tôi nói ngay: “Tôi không phải là bạn của Trịnh Công Sơn, nhưng mê nhạc của Sơn, với riêng tôi Sơn là một thiên tài”. Hình như nghe nhạc Trịnh Công Sơn mà thiếu phái đẹp thì mất đi một nửa, tiến sĩ gọi Hương - cháu gái của mình lên nghe cùng. Hương có đôi mắt to, rất buồn, mái tóc dài ngang lưng, vừa từ vùng quê sông Thao, Phú Thọ vào Sài Gòn. Trăng nhẹ nhàng qua tán lá cây hoa sữa buông xuống hiên nhà. Nổi lên bài hát *Quỳnh hương* của Trịnh Công Sơn, cô gái tên Hương ấy khe khẽ hát theo:

*Ta mang cho em một đóa quỳnh
Quỳnh thơm hay môi em thơm.*

Rồi trong ánh trăng vàng vạc ngoại ô Sài Gòn ấy, tôi về Nhà Bè nơi có

mảnh vườn thân yêu của tôi, vẫn trắng, trắng càng khuya càng sáng hơn, và thật kỳ diệu bông hoa quỳnh mà mẹ tôi trồng cho hương hồn cha tôi bừng nở - trắng muốt. Từng cánh, từng cánh kết lại thành cái chuông hoa làm xáo động cả đêm trăng... Lúc ấy, từ VTV3 chương trình tưởng nhớ Trịnh Công Sơn phát đi từ Hà Nội một ca khúc chưa đặt tên của ca sĩ Thùy Dung qua chính tiếng hát của Thùy Dung:

*Anh đi rồi sao
Đi về phương nào
Hay là trần thế
Đi trong đám đông
Anh vẫn cô đơn
Anh là tất cả
Sao đánh vội vã
Về nơi cuối trời.
Anh đi khắp nơi qua những hư vô
Và trong hư vô anh tìm thấy mình...*

Chao ôi, trong ánh trăng quê hương này lần đầu tiên Trịnh Công Sơn không còn được thần thờ ngất ngưởng và trong ánh hoa quỳnh quê hương này từ nay Trịnh Công Sơn mãi mãi không còn được gọi: “Quỳnh Hương”, tôi thần thờ không phải với:

Bạn bè rời xa người tình rồi quên

mà với:

*Một trăm năm nữa mây qua mây qua
Chìm dưới đất kia một người sống yên vui.*

Nói cho cùng, an ủi nhau làm gì Trịnh Công Sơn ơi, chìm dưới đất kia làm sao có thể có được một người sống yên vui, nhất là người ấy lại đa tình, đa tài như anh...

Tháng Tư, 2001

N A M D A O

trình công sơn,
như cánh vạc bay

1

9g45 ngày 31/3/2001

Đến Hiến, viết cho Sơn trên trang đầu cuốn sách mới in "...kéo thời gian về phía mình". Linh tính sục dậy. Viết thêm "...kéo thời gian về phía đời sống". Ngán ngừ, tái bút "...đợi mình sang năm về...". Tối hôm 30, cả bốn cô em Sơn vội vã bay về. Máy bay ngừng lại Alaska để sửa. Quái! Hãng nào. Air Canada. Chợt nhớ cách đây trên mười lăm năm, Sơn viết "Về với nhau đi. Mình hết thời gian rồi!". Tự nhủ cho vững bụng "...có sao đâu. Mụ già định mệnh chưa gọi đâu". Nhớ Trần Dân, anh bảo không có gì chống nổi cái kim đồng hồ.

Bấy giờ, tôi ở góc Mentana và Duluth thành phố Montréal. Đêm qua trời lại đổ tuyết, thứ tuyết trắng đến đâu xuân không ai mong đợi. Nó thừa thãi. Nhưng vẫn trinh bạch. Như một tà áo trắng. Như một cánh vạc bay.

2

9g30 ngày 1/4/2001

Anh đấy à? Anh Sơn đi rồi. Hối 1g30 sáng. Hà? Bốn cô em còn kẹt ở Hồng Kông chưa về kịp. Tim Sơn ngừng ba lần. Rồi lại đáp. Lần thứ tư thì thôi. Nó mệt. Yêu quá cũng mệt. Thương quá cũng mệt. Yêu thương quá là mệt. Yêu thương rồi hát, dĩ nhiên mệt. Trong cô đơn, hát rồi uống. Lại càng mệt. Mệt đến độ không còn co thắt theo nhịp vũ trụ. Thôi nhé, bung ra. The big bang. Cho toang. Cho tan vào chất hư vô, thành tổ cấu tạo yêu thương. Ôi cuộc đời ơi!

11g30

Gọi Vũ. Vũ ơi, anh Sơn đi rồi. Bây giờ em qua đường nhìn xe cẩn thận. Trời đất hồi! Hiễn cứ mang sách anh tặng Sơn, viếng mộ rồi đốt. Đó cũng là một cách hóa vàng. Gọi Trịnh Cung: mình biết rồi! Thôi, Cung về. Nhớ nhé, sáng năm mới sẽ gặp. Ờ, ờ... biết thế nào được. Thì đợi. Đừng ai vội hóa vàng cho ai.

3

13g

Hôm nay sinh nhật con tôi. Bạn bè cháu đến mừng. Tiếng đàn trẻ thơ. Bài folklore của người Pháp “Dưới ánh trăng” gọi bạn Perrault. Hồi Sơn! Cho tôi mượn cây bút. Tôi xin viết thêm một chữ. Ngọn nến tôi

cắm đã tắt. Lửa nhóm cũng tàn. Hãy mở cửa, bằng tình nhân ái của mọi đấng thần linh. Hãy mở cửa, hãy mở cửa. Có phải thiên đường? Lại vắng vắng lời Cung: Sơn nó sống có nhiều nỗi khổ. Thôi, mong nó đi an nhiên. Ủ thì thế vậy. Gọi Đình Cường. Vẫn không có ai đâu đây nói. A, những lúc cần an ủi lẫn nhau!

4

13g30

Đóng cửa phòng. Tiếng động đời sống xa dần, mất hút. Bỗng thèm nghe Khánh Ly hát *Người con gái da vàng*. Băng nhạc cũ rề rề tiếng xưa về một thời xa xưa, thời hát *yêu quê hương nên yêu đồng lúa chín*. Nhớ về một đêm mưa, trú với Sơn, nhìn con đường Phạm Ngũ Lão góc chợ Thái Bình (xưa). Dưới hàng hiên độ lượng, mưa trên trút rào rào. Con đường sùi tăm dưới tấm mắt. Nước dâng lên, rồi tràn ứ, xuôi vào đục ngầu những lỗ cống không đủ lưu lượng rút nước đi. Sơn hồn nhiên “...đấy, phố bỗng thành dòng sông uốn quanh”.

Anh hồn nhiên như thế. Phải nói được như thế vì sự hồn nhiên đó đồng thời tồn tại với độ sâu những nỗi nghĩ suy lắng đọng về kiếp người và cuộc sống. Nhưng luôn thấp thoáng trong hôm nay là bóng ngày mai. Và anh nhắc “em hồn nhiên, rồi em sẽ bình minh”. Vì thế, không phải chỉ có Sơn - hát rong, Sơn - thi sĩ, Sơn - cảm cộ. Còn một Sơn khác, sơn - hiên giả. Nhưng chẳng bao giờ có một hiên triết nào nguyên vẹn. Họ đầy thương tích, trên thân thể, trong hồn. Sơn viết “...*Những vết thương khi đã được đánh thức... là một vết thương tình thức. Vết thương tình thức là một con mắt sáng ngời. Nó nhìn ngược về quá khứ và ngó thẳng tương lai. Nó mách bảo cho chủ nhân của nó là không có một vết thương nào vô tư mà được sinh thành cả. Nó là một nỗi đớn đau như khi trời đất trở dạ làm thành một cơn giông bão*”.

Sơn ơi, còn vết thương cuối cùng. Nó ra sao, hờ?

5

15g45

Cách đây đâu trên hai mươi năm, tôi gặp nhưng tránh, cứ có Sơn là tôi lảng, vì loáng thoáng nghe kiểu tin “đôn” không rượu mời thì khỏi có “dính” được vào cái tiếng tăm một tài danh thứ “xịn”. Một bữa, Sơn vào nhà Nguyễn Duy và tôi đứng dậy. Sơn nói thẳng “*moa làm gì mà toa không thích moa? Thôi, để moa hát tặng, rồi toa hãy đi!*”. Đó là bài *Ở trọ*, thứ nhất là hai câu “*trăm năm ở đậu nghìn năm, đêm tối ở trọ chung quanh nỗi buồn*”. Hai hôm sau là giao thừa năm Nhâm Tuất, Sơn rượu vào, nửa đêm đến réo tôi đến nhà Duy, leo cổng sắt ngã trặc chân. Tôi nghe chuyện, đến thăm Sơn lần đầu. Tết năm đó, mang cho Sơn quà của cụ Nguyễn Tuân, đâu hai trăm gam đường trắng vừa nhờ người chuyển đến tay. Sơn cảm động, nói “*làm sao nói ông ấy, moa đâu có thiếu đường. Chỉ Hà Nội thiếu mới quý, giữ lại mà dùng...*”.

Thế rồi chúng tôi có dăm bảy dịp lảng đãng với nhau. Sài Gòn, Paris. Rồi Montréal, Québec.

Sài Gòn - studio của Đinh Cường, gần chợ Tân Định: 30°C, nóng và nắng. Có cái gì uống không? Mở cửa cho đỡ ngộp. Vách và bài thơ của Tô Thùy Yên viết chữ đại tự. Đọc thơ tôi cho anh em nghe.

“Tôi chịu!

Tôi không thể an tâm phát cờ hô khẩu hiệu

Khí áo cơm không đủ, ai đành?”

Không, Sơn nói. Tôi chịu chứ không tôi chịu. Bài thơ *Ung thư mẹ* của tôi nợ Sơn một dấu nặng. Rất nặng.

Paris - lang thang. Cứ thấy hiệu giày là Sơn đứng lại. Thôi, mè giày như mè gái, đi đi. Cười, xuất khẩu thành “*giang hồ phố đã nghìn chân*”, lại

nhắc Bùi Giáng, và... Marilyn Monroe.

Québec - Trồng cái cây trước nhà toa, khi thấy cây là phải nhớ tới *moa*. Ngắm nghĩ, Sơn bảo tìm cái loài chóng được mùa đông. Sơn ạ, cây vẫn đấy. Cứ tháng năm nó lại ra lá. Loại táo Nhật lá đỏ, xuân về là hoa táo màu hồng rừng rực một góc vườn...

Bây giờ, tới mùa hoa ta sẽ nhắc ai?

6

20g15

Độc ẩm. Nào mời. Bạn cứ nâng ly, bây giờ kiêng khem chi nữa. Rượu ngon không có bạn hiền. Thế thì đợi gì. Bạn đây. Ta đây. Uống đến xơ gan ra với tuế nguyệt. Chẳng phải để quên mà để nhớ. Nhớ hết. Từ người yêu thuở học trò tóc xanh, rồi người bỏ ta đi thuở trường đời mắt trắng. Cho đến khi *chập chờn lau trắng trong tay*, lại tự mình thủ thi cho mình nghe *"tôi ơi, đừng tuyệt vọng!"*.

Đừng tuyệt vọng, tôi ơi!

Này, biển sóng đừng xô ta. *"Ta xô biển lại sóng về đâu"*. Có phải về hư vô. Không chắc. Nhưng mà đau, bởi cái bám víu vào như mảnh ván mỏng bập bênh giữa vô bờ sương khói.

Tôi ơi hơi, tôi ơi! Bạn đâu rồi?

Có phải bạn vẫn đấy, nhìn vào vạt nắng mái tường bên, ngậm ngùi *"...bây giờ mình chỉ viết về nắng..."*. Nghe tâm sự, khung rêu tươi lên vàng óng một nụ cười thơ. Có phải bạn nhẹ nhàng *"...hạnh phúc là lúc chờ, êm ả như buổi trưa, lặng đi rửa mình để rước vào phần hồn những nụ hôn của cuộc đời sửa soạn bước chân vào lễ hội"*. Nghe tâm sự, văng vẳng

đâu đây tiếng chuông nhà thờ bay từ đầu dốc Phú Cam xuống Bến Ngự, mang theo tiếng thì thầm của những thiên thần cứ còn quyến luyến chốn trần ai.

Đừng, đừng tuyệt vọng! Vạt nắng vẫn đỏ. Khung rêu vẫn óng ả. Và tiếng chuông nhà thờ sẽ còn ngân nga ít ra là vài trăm năm nữa.

7

22g55

*Thỉnh quân thi vấn đồng lưu thủy
Biệt ý dư chi thủy đoạn trường*

Này, thêm một bài. *Hỏi bạn về đâu dòng nước chảy. Xứ của Thái Bạch? Lý quán đang khê khà, quay nhẩn, ngắn dài này nổi biệt ly ời!*

8

8g40 ngày 2/4/2001

Chịu. Giấc ngủ đêm qua chập chờn. Thức dậy, thấy hững đi. Tự nhủ, mơ, phải mơ. Những giấc mơ mất mở khó dần với tháng năm. Thôi thì nhắm mắt lại.

16g40

Nhớ những buổi “ngồi đồng” với Sơn. Mỗi người một góc, loay hoay với mình. Hứng thì ngưng, đọc cho nhau một đôi câu:

Nhan sắc = vẽ vờ

Lý tưởng = viễn vông

Chợt rụng rời giữa có và không
 Màu xanh
 Mi biết
 Môi hồng
 Tỉnh ra sóng đã bênh bóng cuộn trôi
 Tôi ơi hơi,
 Tôi ơi!

Sơn kêu, tôi ơi là “tôi”. Ta thì muôn đời “đáng ghét”. Rồi thì có “Tôi ơi đừng tuyệt vọng!”. Sơn lại dụ, *moa dạy toa viết nhạc, đánh đàn*. Có thể mới chờ thơ đi được. Tôi chịu (lần này không phải tội chịu).

Dịch xong hai trăm bài thơ Đường, tôi có dịp bảo “thơ Sơn có những hình ảnh Đường thi không có...”. Bạn vui mồm hỏi, thí dụ đi. Này nhé “*Tóc em từng sợi nhỏ. Rớt xuống đời làm sóng lên đèn*”. Rồi “*Ôi áo xưa lỏng lộng, đã xô dạt trời chiều*”. Còn nữa, muốn biết không? Thôi, uống. Chuyện xong rồi, uống đã. Con chữ đã ở đây. Nó là *cỏ mong manh, lá mong manh, sóng mong manh, tay gối mong manh, chết mong manh, tình mong manh*. Nó là *đời bênh bóng, môi rỏ dại, là một vòng tiêu tụy, là phố xá thênh thang, là hạ trường, nắng thủy tinh*. Là nhiều đêm thấy ta là thác đổ. Là *phôi pha*.

Sơn ngậm ngùi, *moa* qua Canada kiếm một chỗ vắng người, ngồi viết về cuộc đời chính mình, nghệ thuật của mình. Sẽ có những chương sách chỉ một dòng chữ... Thậm chí, những chương sách bỏ cho giấy trắng tinh thì mới truyền đạt được ý thật của mình. Lần cuối cùng gặp nhau, tôi hỏi, viết chưa? Anh lắc đầu. Tôi gặng, bao giờ? Sơn mím môi không đáp. Tôi nghĩ anh chưa viết. Bởi vì, ôi hệ lụy của tài danh, nó cướp của anh những phút anh cần chỉ có một mình anh. Đêm tân niên 1999, khi những người kiều nữ môi hồng má đỏ đã thổi í a hát ca khúc Trịnh Công Sơn, khi những nhà tư sản mới vừa kiếm ra tiền đang co tay quẹt miệng sau lúc cạ ly XO và chúc anh vạn sự như ý, anh ngồi với tôi, cau có “...*moa khổ quá! Thôi, kệ...*”.

Thôi, kệ.

Phải chăng bạn tôi đang kiệt sức trong vòng vây bủa phủ hoa. Anh biết nó quá rõ, đã từng viết *"Từ buổi con người sống quá vội rúng tôi biết rằng vinh quang chỉ là điều dối trá"*.

9

18g10

Bờ cỏ xuyên tuyết nhú ra mầm xanh báo xuân đang về, chậm nhưng chắc, và không thể khác đi được. Mở điện thư, từ khắp nơi bạn bè anh báo cái tin anh đã khép lại những hẹn hò. Mai mốt, anh sẽ lên Gò Đưa nằm cạnh mẹ anh, như đứa con ngoan quay về ngủ yên trong vòng tay mẹ.

Sơn ơi, hãy yên nghỉ. Thực sự yên nghỉ. Sống thế là trọn vẹn với mình với người lắm rồi. Thấy kẻ, những kẻ còn lại nếu chỉ thấy có thiếu vắng khi bạn ra đi thì thấy kẻ. Họ chẳng muốn hiểu vì... *"không ai muốn làm một tên tuyệt vọng. Nhưng tôi (Sơn) nguyện làm tên tuyệt vọng. Bởi nhiều sớm mai khi tôi thức dậy không thấy được hoa quả khai sinh trong trái tim người... Nỗi vinh nhục đã mang ta ra khỏi đời sống để đưa đến những đấu trường. Tôi đang bắt đầu những ngày học tập mới. Tôi là đứa bé. Tôi là người bạn. Đôi khi tôi là người tình. Chúng tôi cùng vẽ lại chân dung của nhân loại. Vẽ lại con tim khối óc. Trên những trang giấy tình khôi chúng tôi không bao giờ thấy bóng dáng những đường kiếm mutu đỏ, những vết dao khắc nghiệt. Chúng tôi vẽ lại những đất đai, trên một đời sống không còn bạo lực..."*.

Sơn viết thêm... *"Tin vào niềm tuyệt vọng có nghĩa là tin vào chính mình. Tin vào cuộc đời vốn không thể khác. Và như thế, tôi đang yêu thương cuộc đời bằng nỗi lòng của tên tuyệt vọng"*.

Tôi đã đến với Sơn lần cuối như một nời tình tuyệt vọng đi tìm một kẻ tuyệt vọng khác. Thời gian đó, tôi đang thai nghén vở kịch *Treo đầu dây quan họ*, lời hạ màn viết dành cho Sơn. Cuối cùng, rồi một lúc cũng sẽ phải hạ màn, cho rằng hài hay bi kịch.

Anh ghi đậm chữ, có lẽ chẳng phải cho riêng tôi mà là cho tất cả những bạn anh.

Tôi xin phép chép lại, lời cuối gửi đến những tên tuyệt vọng nhưng cứ còn yêu thương cuộc sống

... “May thay trong đời người vừa có tình yêu vừa có tình bạn. Tình bạn thường có khuôn mặt thật hơn tình yêu. Sự bội bạc trong tình bạn cũng có, nhưng không nhiều.

Tôi thấy tình bạn quý hơn tình yêu vì tình bạn có khả năng làm hồi sinh một cơn hôn mê và làm phục sinh một cuộc đời tưởng rằng không còn tái tạo được nữa.

Cuối cùng, không có gì khác hơn là sống và chết. Sống làm thế nào cho tràn đầy sự có mặt và chết cho ngập tràn cõi hư không. Phải đi đến tận cùng hai cõi sống chết để làm tan biến tất cả những giấc mộng đời không thực”.

Cảm ơn Sơn, bạn quý. Ngày mai này bạn lên đường vào cõi thênh thang không hẹn hò trời buộc. Ở kia, cỏ sáng mới nhú ra khỏi tuyết đã xanh mơn mơn. Còn cây táo bạn trồng cách đây mười năm, chỉ ba tuần nữa sẽ cũng đâm hoa. Bạn ơi, may thay, như vốn không thể khác được.

2-4-2001

H Ữ U B À O

lời buồn của một người yêu tiếng việt

Đời người như gió qua...

Y nghĩ đầu tiên của tôi khi nhận được tin nhạc sĩ Trịnh Công Sơn qua đời là ông đã có thể gọi là hưởng thọ chưa? Một người mới qua tuổi sáu mươi và chưa có *một chiều tóc trắng như vôi* thì hãy còn là hưởng dương, và dù cái chết luôn đồng nghĩa với sự phi lý, vẫn phi lý khi nó đến quá sớm với một người hàng yêu thương và biết cách yêu thương cuộc sống như nhạc sĩ Trịnh.

Ở góc độ cộng đồng, không nhiều những nghệ sĩ mà tài năng của họ để lại dấu ấn trong đời sống văn hóa của một dân tộc, của nhiều thế hệ. Ở

khía cạnh cá nhân, không nhiều những con người biết phân biệt sự phù phiếm với hương vị đích thực của đời sống trần thế. Không nhiều, hay đúng hơn là hiếm quá, những con người như Bùi Giáng, như Trịnh Công Sơn. Không có người nổi trội, theo nghĩa huyết thống lẫn nghĩa công đồng, sự ra đi của họ thực sự là một đứt gãy từ sinh.

Với tôi, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là một thần tượng chưa đổ vỡ, và nay thì rõ ràng là không bao giờ đổ vỡ được nữa. Một chút trầy xước nhỏ khi lần đầu tiên gặp ông, tôi có ý nghĩ khá bất công là sao ông không nghèo hơn một chút. Vì trong tôi, Trịnh phải vô vi như ca từ của ông, phải áo gai hài cò, phải ở ngoài mọi cương tỏa đời thường, mọi hệ lụy áo cơm. Đó là hình ảnh của một nghệ sĩ ôm đàn đến từ giấc mơ đầy bóng hạc của một đêm mưa, chứ không thể từ những sáng rõ chói chang của ánh ngày bụi bặm.

Nhưng không có ai trần thế hơn một người sống trong sự ám ảnh của cái chết cả. Những ca khúc phản chiến của Trịnh tràn ngập ảo giác của một Lazaro ăn đất được tử thần thả về, nên rõ ràng nếu nghệ thuật là sự thăng hoa của cảm tính, và có thể phân biệt tài năng với thiên tài nhờ mức độ khơi gợi sự đồng cảm qua tác phẩm, thì Trịnh Công Sơn có thể chỉ là tài năng âm nhạc, nhưng chắc chắn là một thiên tài ngôn ngữ, mà đỉnh cao nhất phải là những *Ca khúc da vàng* chứ không chỉ tình ca. Tôi ngưỡng mộ những bậc thầy lão luyện tiếng Việt, như Nguyễn Tuân, Cao Xuân Hạo, như Hoàng Phủ Ngọc Tường, như Ngô Kha và Bùi Giáng, và hiểu được lý do của sự ngưỡng mộ đó, nhưng với Trịnh Công Sơn thì tôi mãi mãi không hiểu được vì sao hát "*cong buồn cỏ khô*" lại hợp lý hơn là "*cộng cỏ khô buồn*". Không có một quy tắc nào có thể "nghe ra" - như cách ông vẫn dùng - trong ca từ của Trịnh cả, nhưng rõ ràng sự thuận tai - tiêu chuẩn phổ thông để kiểm nghiệm ngôn ngữ - là không thể chối cãi dù là với những cụm từ trúc trắc nhất (*Vết lăn trầm* là một ví dụ). Vì vậy, tôi xếp Trịnh vào những người có công lớn nhất đối với nhan sắc ngôn ngữ Việt. Nhiều người gọi ông là nhà thơ, là họa sĩ, sao không ai gọi ông là nhà ngôn ngữ? Có được bao nhiêu tiến sĩ, thạc sĩ ngôn ngữ bắt chúng ta phải bán khoán về khả năng biểu cảm vô tận

của tiếng Việt như những ca khúc của Trịnh? Đã nghe nhạc Trịnh, không thể không hiểu tiếng Việt. Và có thể yêu được nhạc Trịnh, phải mê đắm tiếng Việt. So với hàng đàn nghệ sĩ bằng nào cũng lấy, hội nào cũng vào, đàn nào cũng đàn, ghế nào cũng ngồi nhưng nói rất nhiều mà chẳng lập nên được một chữ, thì sự có mặt của ca từ Trịnh Công Sơn trong đời sống tiếng Việt quý giá biết chừng nào.

Một thời, tôi chia ca khúc làm hai loại: nhạc Trịnh và những gì còn lại. Thời cục đoạn ấy đã qua. Cũng đã lâu lắm, không có những cuộc giang hồ vật chí để thêm vào bộ sưu tập một ca khúc Trịnh Công Sơn, vì nay thì nhà sách nào mà không có một album của Trịnh. Nhưng tôi vẫn đón chờ những ca khúc mới của ông như đón chờ một tuyệt tác của ngôn ngữ. Vậy mà, ông đã bỏ tất cả để đến với cuộc liên hoan lớn sau cuối của con người nơi ông thường nhắc đến như một tiên tri, nơi mọi biểu đạt hoàn toàn vô nghĩa. Sẽ vẫn còn những người Việt chột ngọ ra bao nhiêu tham vọng đang mãi mê đeo đuổi chỉ là bèo bọt phù du khi lắng nghe một tình khúc Trịnh Công Sơn. Nhưng không bao giờ còn nữa, những lời ca mới lung linh chế giễu mọi quy tắc ngôn ngữ. Tôi đủ lạc quan để tin rằng tiếng Việt sau Trịnh Công Sơn không nghèo đi, nhưng không đủ để tin rằng tiếng Việt sau Nguyễn Tuân, Bùi Giáng, và bây giờ là Trịnh Công Sơn, có thể giàu hơn.

Xưa rồi Diễm, câu nói một người mãi mãi không chết đi nếu người đó vẫn còn được nhắc tới. Đã ứng nghiệm, câu hát *Người đã đến, và người sẽ về bên kia núi...*

B À O P H Ú C

sự kết thúc
phải chăng là bắt đầu!

12g45 khi đang trên đường đến Đà Lạt để chuẩn bị cho đêm diễn, tôi nhận được tin báo anh Sơn đã mất. Mặc dù trước đó linh cảm của tôi cũng đã nghĩ đến điều đó, nhưng khi nghe Trần Mạnh Tuấn báo thì tất cả anh em trên xe đều thất thần, choáng váng.

Anh Trần Long Ẩn, Từ Huy và Nguyễn Ngọc Thiện bàn nhau cách này cách khác để tìm cách bay về thành phố. Thật tội anh Sơn, lẽ ra lúc này có mặt chúng tôi thì hay biết mấy. Bình thường anh Sơn đã sợ nổi cô đơn, anh luôn luôn cần bạn bè chung quanh, thế mà lúc anh nằm xuống thì chúng tôi đang ở xa anh.

Tôi còn nhớ trước đó một tuần, tôi đến thăm anh. Cầm bàn tay gầy gò ốm o của anh tôi chỉ biết an ủi và trấn an bệnh tình anh thôi. Tôi kể những câu chuyện vui cho Sơn nghe và khoe rằng đang thực hiện một số chương trình băng đĩa của anh. Tôi biết anh rất vui về điều đó, anh nói với tôi rằng làm hết 600 bài của anh để cho anh nghe và khuyên tôi phối bài này theo cách này, làm bài kia theo cách khác cho lạ. Kiểu của anh Sơn là vậy, luôn luôn bắt buộc tôi phải tìm tòi sáng tạo trong cách viết, anh nói rất nhiều điều nữa nhưng tôi có nghe gì nữa đâu, tâm tưởng tôi đang rơi vào cái điều tôi sợ nhất... Sơn đang chuẩn bị cho mình “một cô đi về”!

Thuở còn là sinh viên, tôi đã nghe nhạc anh rất nhiều, và từng ước mơ một ngày nào đó sẽ gặp mặt anh. Lần đầu tiên tôi gặp anh tại nhà khi đám tang mẹ Sơn mất. Mẹ Sơn và ba mẹ tôi là bạn rất thân với nhau. Họ thường gặp nhau mỗi tuần để đàn ca hát xướng với nhau. Trông Sơn lúc đó rất xuống sắc và mất tinh thần. Chúng tôi quen nhau từ dạo ấy. Tôi thường xuyên đến thăm anh, ngồi đàm đạo với anh mỗi ngày, cùng chia sẻ từng vấn đề nghệ thuật và cả cuộc sống. Kiến thức anh thật khủng khiếp, không có đề tài nào mà Sơn không biết, sự thông minh, hóm hỉnh của Sơn trong từng mẩu chuyện càng làm chúng tôi thân nhau hơn. Sơn biết hết mọi thứ, hiểu hết bạn bè. Cái độc đáo của Sơn là thông minh và khờ khạo luôn đi chung với nhau. Có những cái ngớ ngẩn mà không bao giờ tôi quên được ở anh. Khi chúng tôi - Sơn, tôi và Trần Mạnh Tuấn cùng thu âm bài *Tiến thoái lưỡng nan* tại Vafaco, lúc đó Sơn đang đeo head phone chuẩn bị thu âm thì điện thoại cầm tay của anh reo lên. Sơn bấm điện thoại nói chuyện, anh trách người gọi là sao gọi đến mà không nói gì cả. Thế là Sơn tắt máy để thu tiếp. Cái ngớ ngẩn của Sơn là Sơn đang đeo head phone bịt kín hai tai thì làm gì nghe được bên kia nói mà trả lời! Sơn là vậy đó.

Tôi học được Sơn không những trong cách nhìn từng vấn đề nghệ thuật mà còn học được ở anh một tâm hồn rộng lớn, chưa bao giờ tôi thấy anh giận, ghét ai. Anh không bao giờ để ý đến điều đó, không bao giờ ganh tị một nhạc sĩ nào và luôn luôn hướng dẫn cho đồng nghiệp trong

cách viết. Anh đã chỉ cho tôi cách phối hợp hội họa vào âm nhạc ở bài này dùng màu gì, bài khác thì sử dụng lối chấm phá thủy mặc ra sao. Tất cả điều anh nói thật tự nhiên, dễ như trở bàn tay.

Cái dễ thương của Sơn là yêu bạn bè, mỗi buổi trưa ở nhà Sơn luôn luôn có mặt bạn bè đến dùng trưa với Sơn. Vừa ăn, vừa uống, vừa đàm đạo. Đặc biệt Sơn luôn chú ý đến màu sắc trong món ăn và rất vui khi anh em ăn uống thật tình. Cái lễ giáo trong ăn uống của Sơn rất qui phái. Anh luôn nhắc nhở bạn bè hôm nay là ngày giỗ của ai, ngày kia là sinh nhật của người nào.

Chúng tôi nhiều khi cứ ngỡ anh giống anh trưởng của mình vậy. Cuộc sống chung quanh anh lúc nào cũng vui như sinh nhật. Với anh “mỗi ngày là một niềm vui”, vui với gia đình, bạn bè thân hữu, vui với những mẩu chuyện hài bạn bè kể cho nhau nghe khi đi diễn xa, và với Sơn, sự say mê ca hát là điều hạnh phúc của anh. Sơn rất thích tôi đệm cho anh hát, có lẽ vì tôi biết ý anh hơn ai cả. Nhiều khi anh hát say sưa không nhớ nổi chỗ nào hết bài nên cứ lòng vòng cả mấy phút đồng hồ cho đến khi anh em nhắc Sơn mới nhớ. Tính cách Sơn là vậy đó.

Giờ thì anh đã ra đi, thanh thản nhẹ nhàng. Nhưng riêng tôi, tôi biết chắc một điều: ai cũng đau buồn khi nghĩ đến anh - thậm chí nghĩ đến anh trong nỗi bất hạnh đã lìa khỏi cuộc đời, nhưng với Sơn sự ra đi là hạnh phúc, và chính chúng tôi - những người còn lại - mới là bất hạnh, cái bất hạnh của những người trong thế giới đầy bon chen, cấu xé nhau.

Tôi chỉ ước mơ trong tâm tưởng, tôi sẽ gặp Sơn rất sớm trong kiếp hiện tại này. Dù anh có mang một tên họ nào khác, dù anh có ở hình hài nào khác, thì tôi cũng sẽ nhận ra anh ngay qua tài năng và đức độ. Vĩnh biệt anh.

B Ử U Ý

cám ơn và xin lỗi

Trong cõi chung, là đời sống, người nghệ sĩ sớm tạo một cõi riêng cho mình, một cõi vừa vận với kích thước của mình, do cảm quan bản thân tạo dựng nên, trong đó nghệ sĩ tha hồ xoay trở, với những phương tiện dụng cụ thật thô sơ, nhưng kèm theo đó là cả một viện bảo tàng hình ảnh và kỷ niệm cùng những nhịp đập của trái tim liên hồi mới mẻ.

Đời cũng chỉ chừng ấy, quanh đi quẩn lại chẳng có món nào mới lạ: mặt trời mọc rồi mặt trời lặn, lá rụng rồi chồi non, nước mưa hòa nước suối, tà áo bay bay trước khi mất hút, tình non đến lúc phải già, hạt bụi trở về hạt bụi...

Có ngờ đâu, trên con đường biến hóa, các sự vật thường ngày phải đi qua một trường vi ba cảm xúc của con người để phải chịu chấn động

hiều tảng và chảy chuyển qua những mạch ngầm của tình cảm khiến cho sự vật thoát đầu trở thành lung linh, diễm ảo như chứa đựng hồn người.

Từng ngày từng ngày nhớ ơn đời
(Còn thấy mặt người)

Trịnh Công Sơn là người không đành lòng chứng kiến sự vật trôi xuôi về hư vô. Anh cần phải yêu, bông bột, say đắm. Anh cần vẫy gọi, mời mọc, nắm bắt, vỗ vạ. Anh cần ăn tham, uống cạn, thức chong. Như muốn đóng đinh sự vật lên từng nỗi đợi chờ, mong ước, mà anh sẵn sàng biến thành lời kinh.

Mỗi lúc là một cuộc hẹn mà anh muốn kéo dài thêm ra.

Anh tự trao cho mình mọi thứ quyền lực để bắt ép hoặc nài ép kéo dài tuổi thọ cho bao thứ “mong manh” giữa đời.

Tạ ơn hoa sáng thơm cho mẹ
Tạ ơn chim chiều hót cho cha
(Có nghe đời nghiêng)

Con người vốn hữu hạn, vô thường. Có cái gì của con người tránh khỏi mong manh, ngoại trừ ý lực lọt ra ngoài vòng sắc tướng?

Cho nên Trịnh Công Sơn thường trực hốt hoảng và vội vã, thường trực nơm nớp bốn chốn, phân thân giữa cái “có” và “không”, cái “được” và “mất”. Mà cái có, cái được thì bợt bèo, mong manh, trong khi cái không, cái mất thì rộn ngợp.

Làm sao yêu được đầy đủ từng chiếc lá non nà ngọc bích đang tùm tùm rún rẩy cùng nhau khúc khích trong yến sáng thủy tinh của mặt trời hồi sinh?

Nụ hóng đời, trong điều kiện ấy, làm sao yêu?



Trịnh Công Sơn và Bửu Ý

Thành phố vẫn có những giấc mơ, vẫn sống thiết tha, vẫn lấp lánh hoa trên đường đi (Em còn nhớ hay em đã quên).

Ngàn vạn nụ hồng lấp lánh trên đường đi, cũng như ngàn vạn nụ cười lách tách pháo hoa trên da trời, tạo thành đại tiệc đời: đâu là những gì ta ôm vào lòng, đâu là những gì ta cam đành rủ bỏ? Trịnh Công Sơn sẵn câu trả lời: nhất thiết ôm tất cả vào lòng. Hệ quả kéo theo rành rành: không thể nào kham. Trong tình cảnh bất kham vô bờ ấy, hy vọng của con người rất gần với tuyệt vọng.

Hình ảnh của con người đốt nền hai đầu. Chân ở nơi này, lòng ở nơi kia. “Thương một người” mà vẫn “nhớ một người”.

Người đẹp nào cũng đẹp một cách lập thể. Trịnh Công Sơn nhạt nhạt từng phiến đẹp, gom góp từng phiến tài tình. Người yêu nào cũng có một cái gì đó vừa thừa vừa thiếu. Có người thừa yêu mà thiếu hờn. Có nồng mà không đượm. Bên ngoài bên lên nhưng bên trong không bịn rịn. Cho nên phải yêu vỡ vào. Tình sẽ không đậu xuống yên chỗ ở nụ

hóng này hay nộ hóng kia, mà dường như là ở giữa hai nộ hóng. Chính vị trí “ở giữa” này đã cứu vớt tình yêu khỏi sa lầy vào cương bức, chiếm đoạt, mặt khác vừa mang tính “vì người khác” vừa làm tăng nỗi khát khao.

Trịnh Công Sơn là người nóng lòng chờ đợi mặt trời lên, mở màn cho một ngày. Lẽ nào trời tối mãi, lẽ nào bóng tối vây quanh dằng dặc? Mặt trời lên, ngày lên, là bao nhiêu hứa hẹn. Cây xanh, tiếng chim đầu đỏ, giọng người từ gần tới xa, sinh hoạt rầm rập, tiếng rao bán, cái cọ cũng được, cười reo thì hơn, chào hỏi, gặp gỡ, mời mọc. Một bức tranh: tôi, bạn bè, anh em, người khác, người quen lâu ngày, người mới quen.

Xin cho nghe những bước rộn vui (Nghe tiếng muôn trùng)

... Cẩn có một tiếng cười (Để gió cuốn đi)

Anh dọn mình sẵn sàng cho một ngày: tươi tắn, mát mẻ. Bỗng điện thoại reo. Vừa vớ lấy điện thoại, anh vừa tự hỏi: “Ai gọi sớm, hè?”. Và lập tức: “Alô?”. Tiếp đó, chỉ cần nhìn nét mặt anh hoặc chăm chăm bám vào ống nói hoặc cười khật khẽo và tay rầy rần thuốc lĩa lĩa, là đoán được già nửa nội dung trao đổi. Tên của người đang ngồi quan sát anh điện thoại cũng được anh đưa vào ống nói để người ở đầu dây bên kia biết mà đi đến góp mặt. Máy tắt rồi, cuộc điện đàm được tiếp diễn bên cốc cà phê mãi cho đến khi người vừa điện thoại xuất hiện. Lại thêm lý do để tiếp tục câu chuyện. Có ai đó cần đứng lên ra đi. Anh chặn ngay: “Đi đâu? Nhớ trở lại ngay. Hay là tất cả chúng ta cùng đi?”.

Anh không thích hình ảnh “bò đi”, một phần sợ nó lây lan sang người khác, một phần sợ nó làm rạn không khí tụ hội. Anh muốn gặp nhiều người khác nhau, nghe nhiều câu chuyện khác nhau. Ngồi nói chuyện ở đây mà trông anh như nhấp nhóm, mắt phóng ra xa, và cánh tay chốc chốc đưa lên vẫy chào ai đó thoáng thấy. Rồi buổi sáng mai nổi vèo buổi trưa. “Thôi, về nhà mình ăn”, anh lên tiếng. Có ai đó dửng dăng, anh

mở lời dụ khị: “Minh có chai rượu ngon”. Thì giờ qua nhanh không ai hay. Sáng tiếp trưa, trưa tiếp chiều. Bạn bè có thấy anh đi vào phòng vệ sinh, nhưng sao có vẻ ở hơi lâu trong đó. Có người trông chừng về phía ấy, nhưng anh đã trở ra và lại còn tỉnh táo hơn vừa rồi. Ai đó tò mò thì sẽ thấy trên bao thuốc lá của anh có vạch cong queo một dòng nhạc mà anh vừa ghi xong ở trong phòng kín. Ngoài ra, chẳng ai thấy có gì thay đổi. Ít ai dè rằng bao thuốc ấy đã vấy được một cuộc gặp gỡ nổi dài từ nhà ra đến phố, và cũng bao thuốc ấy đã vấy được một dòng nhạc mở đầu hay dòng nhạc chủ đề cho một ca khúc về sau, trong đó có hình ảnh nắng ban mai và những con người ngồi lại với nhau.

Và riêng tôi xin có một ngày ngồi thong dong trao đến mọi loài chút tình tôi (Như tiếng thở dài).

Không có ai nhiều bạn bè, nhiều người yêu, nhiều người ải mộ cho bằng Trịnh Công Sơn.

Một ngày bỗng thấy yêu thương mọi người (Vẫn nhớ cuộc đời)

(Ngôi nhà của Sơn đã từng là nơi gặp gỡ vui vẻ của anh em, bạn bè, ngày nào cũng vậy, luôn luôn rang rảng cười nói và tiếng lanh canh chạm cốc với âm thanh ghita. Chớ vội nghĩ rằng đó là không khí bù khú trà dư tửu hậu của một đám ham chơi, của bầy da du vô tích sự, hay của một phường phóng đảng. Không, đó là những buổi gặp gỡ có ích lợi thực sự cho những ai đang nặng lòng với sáng tác và quan tâm đến các vấn đề thời đại. Đó là những buổi bạn bè được nghe bài hát mới, được thưởng thức một tấm tranh chưa ráo, được nghe một bài thơ chờ góp ý.)

Và không có ai cô đơn bằng Trịnh Công Sơn.

Cô đơn không phải là vì “*từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ*”. Cô đơn cũng không phải là vì “*bạn bè rời xa chân chiếu*”.

Cô đơn vì bạn bè của anh hiểu anh và yêu thương anh vốn thật nhiều

nhưng, trở trêu thay, không thỏa đáng.

Cò đơn vì vẫn có những người vẽ rắn thêm chân vào lời phát biểu của anh, hoặc cố tình tìm ra những ngụ ý tưởng tượng trong thái độ của anh.

Anh trải lòng sống với đời nhưng còn có người hiểu anh thật quanh co. Anh tay bắt mặt mừng với nhiều người ư? Có người cho anh là giả dối. Anh vốn có tính nịnh đầm với phụ nữ, và luôn cả với em gái, thì có mấy chàng trai ngáp nghé không bằng lòng. Anh lên sân khấu có khi đút tay vào túi (để che đậy phần nào cái ống chân gầy gò của mình) thì vẫn có người cho đó là cử chỉ trịch thượng.

Những suy diễn theo chiều hướng ấy là những bóng mây đen phủ chụp xuống một ngày đẹp đẽ của trần gian mà trời đất hoài công trao tặng và hằn thêm vết nhân lên vàng trần quang đáng của người nghệ sĩ.

Trong bao nhiêu hành động dồn tiếp, không mệt mỏi của anh, ta nhận ra ở anh những nỗ lực luôn luôn đổi mới để làm vừa lòng người khác.

...Muốn một lần tạ ơn với đời (Như một lời chia tay)

Nói như thế không có nghĩa anh sẵn sàng thỏa hiệp để vừa lòng xã hội. Nhưng anh là người đầy thiện chí kết bạn rộng rãi. Người khác có nhiều lý do khác nhau để không bằng lòng anh. Gia đình, chẳng hạn, thường xuyên nhắc nhở anh chăm lo sức khỏe. Vài bạn trẻ trách anh quên bằng một giờ hẹn. Một tổ chức văn nghệ không được anh đáp ứng lời mời tham gia. Anh có khi phải từ chối khéo một cuộc phỏng vấn, hoặc không thể trả lời thư cho một người hâm mộ... Bao nhiêu sự việc "làm mất lòng" ấy không làm anh yên tâm, hoặc xem nhẹ, và hễ có dịp thuận tiện, anh nghĩ đến việc đền bù. Anh không dừng đứng trước những biểu hiện tình cảm của người khác, dù biểu hiện ấy không phù hợp, không đúng, và xem đó là những món nợ tình thân canh cánh bên lòng.

Sống trong đời sống cần có một tấm lòng... (Để gió cuốn đi)

Anh đã được đi khắp nơi bằng xe tàu, từ “Bắc vô Nam” như anh đã ao ước, và còn xa hơn nữa, đi sang đến Liên Xô, Pháp, Canada... Đến đâu, anh chưa kịp chào hỏi, người ta đã biết anh rồi. Hiển nhiên ca khúc của anh đã đi hia bảy dặm, đến nơi trước anh và dọn đường cho anh. Anh thật sự xúc động và hạnh phúc trong những trường hợp như thế này, đặc biệt là những nơi lần đầu anh đặt chân tới (thí dụ như năm 1972 tại trường Bùi Thị Xuân, Đà Lạt, năm 1974 tại Đại học Cộng đồng Duyên hải Nha Trang, năm 1989 tại Paris...). Những lần như thế này, rõ ràng anh quên ăn quên ngủ, muốn đứng dậy đi, luôn đặt mình vào tư thế tiếp xúc, trả lời, và mỗi lúc phát biểu thoải mái, phóng khoáng. Trông anh thật yêu đời, chỉ còn muốn hát, tay cầm cây đàn, tay cầm cây bút hí hoáy một dòng nhạc vừa chớm nở, mắt tìm quanh một gương mặt quen biết và miệng sẵn chục mở lời gọi đến. Chung quanh anh xôn xao một vùng yêu sống tràn đầy tiếng cười, lời hẹn...

Cuộc sống bao la, kho đời vạn học...

Vậy mà biết bao nhiêu người đứng dưng với đời sống, nhìn vào đời sống chỉ thấy ra toàn những đồ vật vô tri, chỉ thấy những con người gây trắc trở cho đời mình.

Hoặc có những người nhìn đời như một cái chợ vĩ đại để cho mình quan hệ bằng mua bán nhưng sao cho bao nhiêu lợi nhuận đều trút về mình.

Lại có hạng người quen sống trong bóng tối, vùng vẫy thỏa thích trong những nguồn nước đục, sống bằng nghề thuật khai thác, chiếm đoạt, và mọi tha nhân đều là nạn nhân, con mồi của mình, trực tiếp hay gián tiếp, không sớm thì muộn...

Cuộc đời đầu đến nỗi là một bức tranh toàn một màu đen trong đó con người một mực xâu xé nhau? Nó luôn có hai mặt, kề cạnh nhau, đi vào nhau, tùy con người mà biến màu, biến dạng.

Trịnh Công Sơn, bằng ca nhạc của mình, suốt đời chỉ muốn xua tan,

đẩy lùi bóng tối.

Nhịp thở xã hội, cũng như nhịp thở con người, không một phút ngừng nghỉ. Thiết cho ai bỏ cuộc, đừng lọt ra ngoài vòng hoặc gõ nhầm cửa.

Đời sống nói thưa, chào hỏi liên tay.

Tôi chào vẫy mọi người (Có những con đường)

Không chỉ chào hỏi con người mà thôi. Con mắt ghé nhìn bông hoa chớm nở cũng là một lời chào hỏi âm thầm, con người ngẩng nhìn mặt trời ló dạng là một lời chào hỏi ngày lành. Ta ra khỏi giấc ngủ khác nào chết đi sống lại, ta mang một ý thức mới mẻ về đời sống, về sự sống lại của bản thân với nhịp tim thoát ra khỏi mê man và con mắt mở ra là thoát khỏi con mắt nhắm nghiền.

Lời chào hỏi là khởi đầu của chung sống, một nhịp cầu đi đến với người khác.

Trịnh Công Sơn nhấn nhủ người đời chớ dè xèn lời chào với nhau để khỏi phải ân hận nay mai giữa cái sống chết vô thường của đời người.

Giữa rừng hoa phùng viêng trang trọng, giữa những câu hát tiếng cười không ngớt vang vang từ những đoàn thanh niên và những người mến mộ muốn nhắc nhở mãi hoài những khúc hát thân yêu, ta nhận thấy bao nhiêu báo chí khắp các miền gấp gáp loan tin kèm theo những lời xúc cảm tường nhớ. Báo chí ở ngoài nước cũng vậy. Cứ mỗi ngày, cứ mỗi giờ, lại hiện lên trên mạng một đóng góp cảm xúc của một tên tuổi quen thuộc hoặc chưa quen. Điều này chứng tỏ cái tin buồn “Trịnh Công Sơn già từ cõi tạm” nó cứ dập dềnh, như ngọn sóng xô, ngọn sau tiếp ngọn trước. Một cái tin buồn không chịu nằm yên chỗ, không chịu lắng xuống, nép mình sang một bên, cứ xen lẫn vào nhiều mặt sinh

hoạt xã hội, khiến cho bao nhiêu người sống không vội quên hẳn một người vừa nằm xuống sau khi đã trút hết tâm tư tình cảm hầu xây dựng hình ảnh tươi đẹp của đời sống.

Các bài báo, ngay người muốn đọc hơn cả vẫn phải bỏ sót, đọc không xuể. Có nhiều tác giả thật bất ngờ. Và có những tờ báo cũng bất ngờ. Trong sự vỡ òa của cảm xúc và suy nghĩ ấy, mỗi ngòi bút khơi dậy một khía cạnh của con người hoặc tài năng của nhạc sĩ. Những cảm xúc từ những người khác nhau: nhạc sĩ, ca sĩ, bạn bè, nghệ sĩ các ngành..., những lời thương tiếc, những giọng tức tưởi, những câu viết vội, những dòng dở dang... Tóm lại, mỗi người một cách. Người đọc được dịp hiểu nhiều hơn về Trịnh Công Sơn.

Bản thân tôi, sau khi tập hợp khá nhiều loại báo viết chung quanh Trịnh Công Sơn, tôi đọc được rất nhiều bài, lại còn đọc đi đọc lại một số bài, cũng không quên in một số bài ra làm nhiều bản trao cho những ai quan tâm. Lần lượt đọc bài này đến bài kia, trầm ngâm sau từng bài một, tôi không dừng có cảm tưởng: ta càng viết càng sai, và vì càng sai nên càng phải viết thêm. Hoặc, đọc lại bài chính mình viết, tôi thấy ra được gì nào? Tôi thấy: điều A mà tôi viết về Trịnh Công Sơn là đúng, nhưng không cần thiết bằng điều B mà tôi đã do dự không viết ra. Và có một số điều khác đúng với sự thật nhưng vẫn không cần phải nói ra. Lại có những điều cần nói ra nhưng không nói. Còn có thêm nhiều điều hoàn toàn không sai nhưng lại làm cho sự việc thêm phân rối rắm.

Trịnh Công Sơn sống từng ngày và đếm từng ngày như người cẩn thận lên giây đồng hồ mỗi ngày phòng nó ngưng đột ngột. Và cứ mỗi ngày, thức dậy trong anh một lời tạ ơn đời sâu nặng thấy mình còn sống. Đồng thời anh không khỏi cảm thấy một nỗi thiếu sót mặt này mặt kia về phía mình xen lẫn cảm giác tiếc nuối đối với đời, đối với người. Ngày hôm nay vừa tạ ơn, vừa tạ lỗi. Ngày mai, sống gấp bội, sống bồi tiếp, để cứu vãn, chuộc lỗi.

Yêu người cũng vậy thôi. Trịnh Công Sơn mừng thầm thấy mình còn rung cảm, xúc động khi người đi đến với mình, nhưng trong nỗi biết ơn ấy đã xen lẫn lời xin lỗi trước:

... Đau ngờ tình như lá úa (Trong nỗi đau tình cờ)

Và sớm muộn sẽ nhen nhúm sự phụ tình từ phía bên này hoặc phía bên kia. Hoặc người phụ ta vì ta yêu không thỏa. Hoặc ta phụ người vì ta còn nặng nợ với đời.

Yêu em yêu thêm tình phụ (Ru em)

Dù đến rồi đi tôi cũng xin tạ ơn người (Tạ ơn)

Người biết cảm ơn là người biết xin lỗi. Cảm ơn là nhận ra ưu điểm ở người. Xin lỗi là nhận ra khuyết điểm ở mình. Hai mặt của ứng xử ấy đi liền với nhau.

Sự từ già ra đi của Trịnh Công Sơn cũng bao gồm cảm ơn và xin lỗi gửi tới đời và tới người. Anh đã từng nhận lỗi về mình:

Tôi quên sống thật thà (Ngày nay không còn bé)

... Sao lòng còn đục? (Cũng sẽ chìm trôi)

Trịnh Công Sơn giờ đây đã nằm xuống. Trên nắm đất và trên tên tuổi anh, không phải toàn những lời hoa và cánh hoa. Vẫn còn có đó đây những thắc mắc nghi ngại, mặc cả.

Huế, tháng 4/2001

CAO HUY THUẬN

buồn bã với những môi hôn

Tất cả bài nhạc của Trịnh Công Sơn đều ngắn hoặc rất ngắn. Riêng một bài duy nhất mang dáng dấp một trường ca: bài *Đóa hoa vô thường*. Với nhạc dạo đệm trước mỗi đoạn khúc, bài hát kể một tình sử triết lý qua cách hiểu của Trịnh Công Sơn về chữ "ái" và chữ "tâm".

Đây không phải là lần đầu vô thường đi vào lời ca của Trịnh Công Sơn. Vô thường bàng bạc trong nhạc Trịnh Công Sơn từ thuở đầu, nhưng không mấy ai để ý. Lời ca của anh hay quá, thơ quá, hát lên nghe đã băng khuâng rồi, đâu cần hiểu ý nghĩa, chỉ mang máng thấy lời thơ có một chiều sâu triết lý thiếu vắng hẳn trong nhạc Việt Nam. Có lẽ chính tác giả cũng chưa ý thức được rõ ràng điều mình cảm nhận, và chính nhờ thế mà tính cách mông lung của lời ca làm rung động lòng người, khác với lời văn sáng sủa. Với *Đóa hoa vô thường*, Trịnh Công Sơn nhạc

hóa lý thuyết và lý thuyết hóa nhạc. Anh còn chưa thêm giải thích ở mỗi chuyển mạch để ý của nhạc được hiểu rõ hơn. Đoạn thứ nhất là đi tìm tình, nhịp thông **đong**. Đoạn thứ hai là gặp tình, đưa tình về, nhịp hơn hờ, *mùa xuân trên những mái nhà, có con chim hót tên là ái ân*. Đoạn thứ ba là bốn mùa yêu nhau trong lẽ vô thường của trời đất. Sau đó, nhạc bắt đầu hiu hắt, *một thời yêu dấu đã qua, ôi áo xưa em là một chút mây phù du*. Rồi nhạc mạnh và êm dịu lại để đi vào đoạn kết: *từ đó ta là đêm nở đóa hoa vô thường*. Tại sao nhạc êm dịu lại? Anh giải thích: tình do tâm ra mà sinh, có khi tình mất mà tâm còn động vọng, đến lúc tâm bình an thì tình kia cũng đoạn nối.

Chữ "ái", đó là chỗ mà ai cũng thấy nơi Trịnh Công Sơn, chiếc nôi trong đó chúng ta nằm nghe anh ru từ mấy chục năm nay. Chữ "tâm" là cánh cửa mới mở ra trước Trịnh Công Sơn, nơi anh có cảm tưởng đang đến, kết thúc một đời rong chơi. Từ "ái" đến "tâm", **Đóa hoa vô thường** trình bày một quá trình chuyển hóa trong đó chuyện đời cũng như chuyện tình diễn biến dưới hình thức đối nghịch của từng đôi, từng cặp như tôi với em: tìm/gặp, gặp/mất, mất/còn, có/không. Vô thường, trong Trịnh Công Sơn, không có gì khác hơn là cái có đi vào cái không. Có thể ý tưởng về quá trình đối nghịch đó đã nằm trong vô thức của Trịnh Công Sơn từ trẻ. Hát lại Trịnh Công Sơn từ khi anh mất, trực nhận của tôi chợt bắt gặp vô thức của anh. Tôi sẽ nói ở đây những đối nghịch đó mà tôi nghĩ luôn luôn là nét chính trong nhạc Trịnh Công Sơn. Tôi sẽ trích khá nhiều ví dụ, nhưng tôi phải tự kiềm chế tôi, nếu không thì hát hoài không dứt.

Tôi muốn bắt đầu bằng một đối nghịch trong cách vẽ tranh của Trịnh Công Sơn. Chẳng tại sao cả. Chỉ vì nói đến nhạc Trịnh Công Sơn mà bắt đầu bằng triết lý chắc là không ổn, vì anh là thi sĩ. Phải bắt đầu bằng người đẹp, người đẹp nhất trong tất cả những người đẹp nhất từ hai trăm năm nay: Thủy Kiều.

*Gió sẽ mừng vì tóc em bay
Cho mây hờn ngủ quên trên vai.*

Tại sao gió sẽ mừng? Vì tóc em là gió. Gió đùa với gió, làm sao gió không vui? Tại sao mây lại hôn? Vì tóc em là mây. Mây thua nước tóc, làm sao mây không dối? Em là giai nhân toàn bích. Thế nhưng một nhan sắc toàn bích không làm Trịnh Công Sơn rung động. Giữa toàn bích, anh chấm một nét hồng, và chính nét hồng đó là cái duyên làm say lòng người.

*Cho mây hôn ngủ quên trên vai
Vai em gầy guộc nhỏ
Như cánh vạc về chốn xa xôi.*

Tất cả những người đẹp của Trịnh Công Sơn đều có vai gầy. Vai gầy, có thể đẹp. Nhưng gầy guộc thì nhất quyết là hồng. Thì thiếu *da thơm quá ngọt mùa xuân*. Vậy mà khi thả giọng trầm xuống chữ *guộc*, tôi tưởng như nghe có cánh con vạc bất chợt vỗ nước bay vào đêm thâu. Đêm vắng sâu hơn và Thúy Kiều đẹp hơn.

Đối nghịch là nét nhạc riêng của Trịnh Công Sơn. Anh nói một điều rồi anh nói điều trái lại. Như nét hồng nằm giữa toàn bích. Bài hát này của anh đối nghịch với bài hát kia, lời một đối nghịch với lời hai, câu sau nghịch với câu trước, thậm chí hai hình ảnh nghịch nhau trong cùng một câu, trong vòng đôi ba chữ.

Tôi lấy ví dụ Trịnh Công Sơn hát cô đơn. Anh là người cô đơn cùng cực:

*Trời cao đất rộng một mình tôi đi
Một mình tôi đi
Đời như vô tận một mình tôi về
Vội tôi.*

Anh cô đơn vội. Chữ vội làm tôi rờn rợn. Như câu sau này:

*Một ngày thấy bóng em qua nơi này / một lần với bóng tôi
Một ngày đã có em xa nơi này / một ngày với vắng tôi.*

Vời vắng tôi. Em chỉ với khi nào không có tôi. Em cộng với con dấu trừ. Cho nên chúng ta chỉ có cái bóng của nhau. Trịnh Công Sơn hát cô đơn thâm sâu như vậy, nhưng hát đôi lứa cũng nồng nhiệt với với. Anh cố vũ:

*Hãy ru nhau trên những lời gió mới
 Hãy yêu nhau cho gạch đá có tin vui...
 Hãy kêu tên nhau trên ghềnh dưới bãi
 Dù mai nơi này người có xa người.*

Trịnh Công Sơn hát tuyệt vọng. Anh nằm chết lịm trong tuyệt vọng, tuyệt vọng rơi rất gần rơi xuống trong tôi như hoa tiễn đưa rơi trên mộ. Nhưng anh lại đánh trống thúc quân *đừng tuyệt vọng tôi ơi đừng tuyệt vọng*. Anh đang nằm xuống hay anh đã đứng dậy?

Trịnh Công Sơn nhìn đời buồn tênh. Buồn tênh!

*Sống có bao năm vui vui buồn buồn người người ngợm ngợm
 Sống chết mong manh như thân cỏ hèn mọc đầy núi non.*

Nhưng Trịnh Công Sơn yêu đời thắm thiết. Anh quỳ xuống, tạ ơn đời đã cho anh hạnh phúc lẫn thương đau:

*Dù đến rồi đi tôi cũng xin / tạ ơn người tạ ơn đời
 Tạ ơn ai đã cho tôi còn những ngày / quên kiếp sống lẻ loi
 Dù đến rồi đi tôi cũng xin / tạ ơn người tạ ơn đời
 Tạ ơn ai đã cho tôi tình sáng ngời / như sao xuống từ trời*

Tôi biết có người sẽ nói: thì Trịnh Công Sơn cũng như mọi nghệ sĩ khác, có vui có buồn, có yêu thương, có tuyệt vọng. Không phải thế! Trong nhạc Trịnh Công Sơn, vui đi cặp đôi với buồn, hạnh phúc sóng bước với thương đau trong cùng một bài, trong cùng một câu. Đây là hai vế trong cùng một bài, vế thứ nhất là thương đau:

Tình yêu như nỗi chết cơn đau thật dài

*Tình khâu môi cười / hình hài xưa đã thay / mặn nồng xưa cũng phai
Tình chia nhau gian dối / tình dày tình đôi nơi.*

Vế thứ hai là hạnh phúc:

*Một mai thức dậy / chợt hôn như ngắt ngảy / chợt buồn trong mắt nai
Rối tình vui trong mắt / rối tình mềm trong tay.*

Hạnh phúc tường như thiên thu:

Tình cho nhau môi ấm / một lần là trăm năm.

Cũng hai vế đối nhau như thế trong hai đoạn, tôi hát thêm bài nữa.
Đoạn trước là phụ bạc, nỡ nản:

*Hai mươi năm xin trả nợ dài
Trả nợ một đời em đã phụ tôi
Em phụ tôi một thời bẻ đại
Thơ đại ra đi không nhớ gì tôi
Thơ đại ra đi quên hết tình tôi*

Đoạn sau là tha thứ lau xóa oán trách, yêu thương vẫy gọi yêu thương:

*Bao nhiêu năm vẫn lại nhiệm mầu
Trả nợ một lần quên hết tình đau
Hai mươi năm vẫn là thuở nào
Nợ lại lần này trong cõi đời sau.*

Đó là hai vế nghịch nhau trong một bài. Bây giờ là hai vế nghịch nhau trong cùng một đoạn. Như thế này là có hay không:

*Tiếng thì thầm từng đêm nhớ lại
Ngỡ chỉ là cơn say
đóa hoa vàng mỏng manh cuối trời*

Như một lời chia tay

Như thế này là xa hay gần:

*Tình như nắng vội tắt chiều hôm
Tình không xa nhưng không thật gần.*

Như thế này là rộng hay hẹp:

*Tình yêu như biển biển rộng hai vai
Tình yêu như biển biển hẹp tay người
Biển hẹp tay người
Lạc lối.*

Như thế này là có hay không, mưa hay nắng, đông hay xuân, khứ hay hồi:

*Ngoài hiên vắng giọt thấm cuối đông
Trời chợt nắng vườn đầy lá non
Người lên tiếng hỏi người có không
Người đi vắng về nơi bể bóng.*

Như thế này là sống hay chết, tàn hay nở:

*Chìm dưới cơn mưa một người chết đêm qua
Chìm dưới đất kia một người sống thiên thu
Chìm khuất trong ta một lời nói vu vơ
Chìm dưới sương thu là một đóa thơm tho.*

Như thế này là ngày hay đêm, lên hay xuống:

*Gió cuốn đi cho mây qua dòng sông
Ngày vừa lên hay đêm xuống mênh mông*

Đó là hai vế nghịch nhau trong cùng một đoạn, hoặc giữa câu trước với

câu sau. Nhưng lại rất lắm khi nghịch với thuận, không với có, trộn lẫn với nhau, buồn xen trong vui, mông lung không biết đâu là vui đâu là buồn. Mưa là buồn chăng? Không hẳn, mưa trong Trịnh Công Sơn rất hồng, vì mưa trong nắng, mưa khi trời ươm nắng cho mây hồng. Nắng là vui chăng? Không hẳn, lung linh nắng thủy tinh vàng, nhưng nắng lên mà chợt hồn buồn dâng mênh mang. Mưa Huế rất nặng hột, vậy mà mưa cứ như thi thấm dưới chân ngà. Nắng được trời gọi lên, nhưng trời cũng chẳng biết đó là nắng của mưa hay mưa của nắng:

*Gọi nắng cho cơn mưa chiều nhiều hoa trắng bay
Nắng qua mắt buồn lòng hoa bướm say.*

Bao nhiêu nụ hồng trong Trịnh Công Sơn, lạ quá, đều là nụ hồng tàn: *em gọi nụ hồng vừa tàn cuối sân; đóa hoa hồng tàn hôn lên môi em ngày tháng dài*. Có một chút của cái này và một chút của cái kia. Có một chút của cái này trong một chút của cái kia. Có một chút xuôi trong ngược. Trăm năm trong xuân thì. Chân như trong hạt lệ:

*Bước tới hư vô khoác áo chân như
Long lanh giọt lệ / long lanh giọt lệ / giọt lệ thiên thu.*

Phôi pha cũng vậy. Trong nhớ đã có quên, trong quên vẫn cứ nhớ, tưởng với mà đây, trong con nước rút đi có hồng thủy dâng lên:

*Tình ngỡ đã phôi pha nhưng tình vẫn còn đây
Người ngỡ đã xa xăm bỗng về quá thênh thang
Ôi áo xưa lỏng lẻo đã xô dạt trời chiều
Như từng cơn nước rộng xóa một ngày đìu hiu.*

Đến đây, e không còn nói đối nghịch được nữa. E phải nói đối hợp. Vẫn nghịch như trời với đất, nhưng sương phủ mênh mông nối đất với trời. Chỉ còn mông lung sương. Rõ ràng nhất là cặp vợ chồng đi-về. Không bao giờ Trịnh Công Sơn nói đi mà không nói về. Hễ có đi là có về, hễ về là lại đi, không bao giờ câu trên đi mà không có câu dưới về, thậm chí đi về

nằm ôm nhau trong một câu, trong hai chữ, trong một còi, *một còi đi về*.

*Trong khi ta về lại nhờ ta đi
đi lên non cao đi về biển rộng.*

Vừa đi vừa về như thế, đôi chân loanh quanh không biết xoay xở thế nào, tự hỏi, thắc mắc: *đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một*. Bốn mùa cũng loanh quanh như thế: mùa xuân chưa qua mùa hạ đã đến, mùa thu chưa đi, mới đầu thu thôi chân ngựa đã về. Mà chỗ về của Trịnh Công Sơn cũng lạ: không phải về nơi đây mà về *chốn xa*. Con người ra đi, tưởng đi đến đâu, ô hay chỉ làm một *vòng xinh* rồi trở về nơi cũ, như nằm mộng thấy mình đi:

*Đường chạy vòng quanh một vòng tiêu tụy
Một bờ cỏ non một bờ mộng mị
Ngày xưa.*

Tôi nghe có người nói một câu hay khi đến thăm một người rất danh tiếng vừa chết: chỉ có ông ta không biết ông ta chết. Tôi nghĩ Trịnh Công Sơn không nói như vậy. Chắc anh vẫn đang thấy anh, vẫn đang thấy mọi người tiếp tục chạy vòng quanh. Tiếp tục đi, tiếp tục về. Tôi nghe như anh đang hát thể này với các người đẹp đến khóc anh:

Này em,
*Không có đầu em này không có cái chết đầu tiên
Và có đâu bao giờ đâu có cái chết sau cùng.*

Không có đầu tiên, không có sau cùng, không đầu không đuôi, làm sao chết được, bởi vì làm sao bước? Phải có cái bước đầu tiên mới có cái bước thứ hai, mới có cái bước sau cùng, mới chết, mới có người khóc, mới có vãn tế. Vì bước không được, cho nên Trịnh Công Sơn chỉ lẩn, và anh đã nghèo ngao như thế rồi. Anh ngồi giữa con phố, nhìn những gót chân thon đi ngược, nhìn những gót chân hồng đi xuôi, và anh í a *tôi xin làm đá cuội và lẩn theo gót hài*. Anh lẩn như thế

nhiều lần với âm ảnh tử sinh. Sống chết là bánh xe lăn tròn, vô thủy vô chung. Trịnh Công Sơn không nói bánh xe, nhưng anh lăn theo những hòn sỏi, hòn đá, vốn là những hình ảnh quen thân của anh từ những bài hát đầu:

*Hòn đá lăn bên đồi / hòn đá rớt xuống cánh mai
Rụng cánh hoa mai gầy / chìm chóc hát tiếng qua đời.*

Trước đây, khi hát những bài đó, tôi không để ý đến ý niệm bánh xe, nhưng gần đây, Trịnh Công Sơn làm tôi ngạc nhiên khi anh đưa đôi hợp có-không, một-hai, vào lời nhạc của anh một cách rõ rệt, thú vị, tình quái. Anh khóc như thế này:

*Còn hai con mắt khóc người một con
Còn hai con mắt một con khóc người.*

Lời khóc rất ngộ này tóm tắt cách nhìn đời của Trịnh Công Sơn trong suốt nhạc phẩm của anh. Với một con mắt anh nhìn người. Với một con mắt anh nhìn anh. Một con mắt, anh nhìn tình phai. Một con mắt, anh nhìn anh thờ dài. Nhưng cùng một con mắt kia, anh vừa nhìn thấy *em yêu thương*, vừa thấy *em thù dữ*. Cùng một con mắt này, anh vừa thấy *đêm tối tăm*, vừa thấy *đêm nồng nàn*. Chẳng biết mắt nào là mắt còn lại, chỉ biết rằng con mắt còn lại *nhìn một thành hai*. Chỉ biết rằng:

*Con mắt còn lại nhìn đời là không
Nhìn em hư vô nhìn em bóng nắng
Con mắt còn lại là con mắt ai.*

Trịnh Công Sơn làm tôi giật mình. *Bóng nắng* là một chữ trong kinh, và, như anh nói, từ khi trời là trời trăng là trăng *câu kinh đã bước vào đời*. Con mắt còn lại là con mắt ai? Tôi không muốn nghĩ như thế, nhưng tôi cảm thấy câu trả lời nằm trong đoạn kết của *Đóa hoa vô thường* mà anh đã soạn rất khúc chiết với nhập đề, thân bài, kết luận, với quá trình tìm em - gặp em - mất em - an nhiên.

Trịnh Công Sơn làm tôi giật mình. Anh bắt tôi phải hát lại những bài hát trước trong cảm nhận mới đó của tôi về chập chờn bóng nắng trong tâm thức của anh. Con mắt còn lại hiện ra, và đây là một mà hai:

*Từ lúc đưa em về
Là biết xa nghìn trùng.*

Nghìn trùng nằm ngay nơi giây phút tao ngộ. Và đây là hai mà một:

*Từ trăng thối là nguyệt một hôm bóng nghe ra
Buồn vui kia là một như quên trong nỗi nhớ
Từ trăng thối là nguyệt tôi như giọt nắng ngoài kia
Từ em thối là nguyệt coi như phút đó tình cờ.*

Buồn vui là một, quên nhớ là một, phút tình cờ chụp bắt được điều đó hiện ra đây đó khá nhiều, có điều là Trịnh Công Sơn hát lên nhẹ nhàng như thơ, người hát nghe giọng thơ nhiều hơn là nghe ý tưởng. Nếu để ý, câu hát sâu thẳm. Lại ví dụ:

*Lòng thật bình yên mà sao buồn thế
Giật mình nhìn tôi ngồi khóc bao giờ.*

Thật bình yên. Mà buồn! Buồn nằm sẵn trong bình yên? Nếu không, tại sao anh khóc từ bao giờ? Anh khóc từ trước, rồi anh mới giật mình, trong một phút tỉnh cờ, thấy mình đang khóc. Ai không tin ở cái giật mình đó, hãy nghe Trịnh Công Sơn giật mình một lần thứ hai:

*Dù thật lệ rơi lòng không buồn mấy
Giật mình tỉnh ra ô nắng lên rồi.*

Thật lệ rơi. Mà không buồn! Giật mình: nắng lên. Thế thì nắng đã nằm sẵn trong giọt lệ? Là một với giọt lệ?

Tôi bắt gặp chớp nhoáng thần bí đó trong cả cách dùng tính từ của

Trịnh Công Sơn: *môi em hồng như lá hư không*. Lá hư không là thế nào? Là môi em vừa có dáng như ngọn lá vừa có dáng không như ngọn lá? Là có màu vừa hồng vừa không phải hồng? Có một cái gì vừa thật vừa không thật? Nghĩ cho thật kỹ, đúng là môi em tôi như thế. Đúng như tôi nghĩ là như thế. Nói như ngọn lá, như màu hồng là sai.

Lại một tình từ khác trong rất nhiều ví dụ như vậy:

*Nhìn cỏ cây rắng pha màu hồng
Nhìn lại em áo lụa thình không.*

Rắng chiều có thật nhưng sắp đi vào hư ảo rồi, chớp nhoáng thôi. Nhìn hư trong thực như thế, giật mình nhìn lại em tôi... ôi thần kỳ hai chữ *thình không*! Lụa nhẹ như khói đang tan, em cũng vậy, như thực như huyền, chỉ còn là nét đẹp diễm ảo, mong manh đó thôi.

Tôi không muốn đóng khung Trịnh Công Sơn trong một triết thuyết nào cả. Anh tuyên bố chỉ muốn làm kẻ rong chơi và chấp tay van vái chỉ xin được như thế mà thôi. Nhưng khi anh mất, tôi không khỏi nghĩ đến những mong manh đã ám ảnh anh những năm gần đây và tôi giật mình chợt thấy anh đã là thi sĩ của mong manh như vậy từ lúc đầu, từ bao giờ? Đây là đóa quỳnh của thuở xuân xanh:

*Đêm này đêm buồn bã với những môi hôn
Trong vườn trăng vừa khép những đóa mong manh.*

Tại sao môi hôn mà buồn bã thế? Buồn nằm trong hạnh phúc? Là một với nhau? Nhưng quả thật đóa quỳnh đã hôn đêm trăng như thế. Hãy xem hoa nở:

*Ta mang cho em một đóa quỳnh
Quỳnh thơm hay môi em thơm
Em mang cho ta một chút tình
Miệng cười khúc khích trên lưng*

Hoa đang nở trên lưng một cuống lá dài như môi ai cười trên lưng một người tình. Nhưng cũng môi đó, môi cười với trăng đã hôn từ già đêm trăng với những cánh đang khép, đang ứa, buồn bã. Tôi giật mình: đóa quỳnh của thuở xuân xanh chính là *đóa hoa vô thường* nở trong tâm của anh ở khoảng cuối đời. Anh đi với đóa quỳnh, anh đến với đóa quỳnh, khép lại một chu kỳ vòng quanh. Anh là đêm trăng của ngày xưa đã hôn nhau buồn bã với đóa quỳnh mong manh và từ đó dòng nhạc của anh róc rách những mong manh như thế cho đến khi anh chợt nhận ra ta là đêm nở đóa hoa vô thường.

Còn lại chuyện cuối cùng phải nói: vậy thì tôi với em là một hay hai? Là một chàng? Thì đấy, Trịnh Công Sơn đã có lần hăng hái:

Em là tôi và tôi cũng là em.

Chẳng ai tin. Người không tin nhất chính là anh. Đừng tin!

Đừng nghe tôi nói lời tâm tở

Đừng tin tôi nhé vì tiếng cười

Tôi như là người ngồi trong đêm dài

Nhìn tôi đang quá ngậm ngùi.

Tôi với em không thể là một được bởi vì em là muôn phần và muôn phần thì đối nghịch với hồn nhiên mà tôi mơ ước. Hồn nhiên lấp lánh như mặt trời trong lấm bãi. Trịnh Công Sơn mơ ước trở về với hồn nhiên như trở về với bản chất của anh, như trở về với con chim thuở nhỏ, với hoa trên đồng xanh một sớm mai rất hồng. Anh muốn trở về với thật thà, với khờ dại, với ngây ngô, anh ngẩn ngơ nhìn người kia, *đường như chờ đợi thật ra đang ngồi thành thoi*, anh nhìn đứa bé. Đứa bé! Đó mới thật là một của Trịnh Công Sơn, bởi vì đó là hồn nhiên, đó là cội nguồn, đó là quê nhà nằm sâu trong tiềm thức của anh. Hồn nhiên có khi trở về lỏng lẻo trong cả bài hát như cánh diều lỏng lẻo trong không, có khi âm thầm, vắng vắng, thiết tha, sâu lắng trong một câu, trong một chữ. Những lúc đó, Trịnh Công Sơn hân hoan:

*Hôm nay tôi nghe có con chim về gọi
 Về giữa trời về hót giữa đời tôi
 Hôm nay tôi nghe tôi cười như đứa bé
 Mới lớn lên giữa đời sống kia.*

Trịnh Công Sơn là người thi sĩ duy nhất của tình yêu không cho chữ em đi sóng đôi một cặp ngọt ngào với chữ anh. Chữ em mở còi chữ anh trên lưỡi. Chữ em mù lòa đi tìm chữ anh. Gặp vớ vẩn một hai lần trong một hai bài hát đầu, nhưng nhạt nhẽo, vô duyên lắm. Còn thì Trịnh Công Sơn chỉ tôi với em, em với ta, như thử hai người yêu là hai người ở *trọ gần nhau*.

Có lẽ vì thế mà tôi hát Trịnh Công Sơn với hạnh phúc tràn trề. Bởi vì tôi hát sự thực trong lòng tôi, trong lòng người, trong lòng đời. Có bao giờ ai một với ai trong cuộc tình ? Cứ xa xa mà tôi khiêm tốn như thế, họa may tưởng mình có lúc đến gần làm một. Như thế là hạnh phúc. Đến gần, giọt nắng thủy tinh có khi là giọt lệ.

Paris, 15-4-2001

T H A N H H A I

anh trịnh công sơn và tôi

Trong tâm trạng một người em đã có thời gian chia sẻ với anh những vui buồn, những cảm nghĩ vu vơ trong tình yêu, thân phận con người, quê hương trong giai đoạn khó khăn ngày ấy, lòng tôi bồi ngùi đau xót khi cảm nhận rằng mình đã thực sự mất anh... Với tôi, anh Trịnh Công Sơn không chỉ là một người anh, một người thầy, mà còn là một người bạn rất dễ thương, mặc dầu anh lớn hơn tôi mười tuổi. Tôi chưa hề thấy anh bực mình, hoặc tỏ vẻ khó chịu khi tôi hát nhạc của anh mà có lúc quên lời, tôi “ché” ra theo cảm nghĩ của mình, và mỗi lần nghe được, anh chỉ mỉm cười khoan dung nhắc lại lời anh Trương Thịn đã nói “Nhạc sĩ là người sáng tác, mà ca sĩ lại là người sáng tác lần thứ hai, phải không Thanh Hải?”.

Rất tiếc tôi không về gặp được anh để cùng uống với anh ly trà từ biệt, vì nghe đâu trong những ngày tháng cuối của cuộc đời anh chỉ uống trà, theo như lời anh Sâm Thương kể lại: “Sơn không uống rượu nữa, chỉ được uống trà. Nhưng bạn bè thân thuộc không nỡ để Sơn uống trà một mình, nên cũng đã ngồi nhấm trà cùng anh”...

Tôi sinh ra tại miền Trung mảnh đất nơi tôi lớn lên cùng chiến tranh và nghèo đói. Giai đoạn cuối của những năm 1960, tôi cũng như bao



Từ trái qua: Thanh Hải, Như An, Michiko, Trịnh Công Sơn và Phạm Văn Đình tại Nhà Việt Nam, Paris, 1989

nhieu người thanh niên khác, sống trong khắc khoải lo âu của cuộc chiến, chán nản và tìm đủ mọi cách để trốn tránh. Rồi tình cờ một hôm trốn học, tìm một góc ẩn cụp trong một quán café, nghe tiếng hát của anh Sơn và Khánh Ly qua một cuộn băng *Ca khúc Da vàng*, tôi đã tìm được cho tâm hồn mình một lối thoát. Tôi đã cảm nhận được những dòng nhạc của anh từ đó.

Tiếng hát và lời nhạc của anh thấm dần trong tôi từng ngày theo cuộc chiến, và cũng từ đó tôi thường ôm đàn hát những lời của anh, khi tiếng súng xa xa vẫn vọng về. “Đại bác đêm đêm dội về thành phố, người phu quét đường dừng chổi đứng nghe... Một buổi sáng mùa xuân, một đứa bé ra đồng, đập trái mìn nổ chậm, xác không còn đôi chân. Em thơ ời chiều này trường học lại, trong sân chơi bạn và thầy im lời, bài học về yêu thương trên giấy mới, sao hôm nay nét mực đã phai?”. Ôi những lời nhạc tha thiết của anh, anh đã nói giùm tôi, nói giùm mọi người. Tôi không nghĩ rằng một ngày nào đó tôi sẽ được gặp anh. Cuộc sống mong manh quá...!

Cuộc chiến cứ kéo dài mãi và đời sinh viên ở Sài Gòn mang nặng những

chán chương.

Mùa xuân năm 1975 tôi về lại miền Trung mà lòng vui như hội, vì từ nay chiến tranh đã chấm dứt. Ước mơ hòa bình đã thành sự thật. Lời hát của anh vang vọng khắp nơi. Sau đó tôi trở lại Sài Gòn và đi hát đó đây cùng các bạn.

Năm 1976 tôi gặp lại anh Phạm Trọng Cầu - người nhạc sĩ tôi quen trước đây tại phòng âm nhạc của Viện Đại học Vạn Hạnh - lúc ấy tôi đang sinh hoạt trong Đoàn văn nghệ Vạn Hạnh dưới sự đảm trách của nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ. Một hôm, không nhớ là ngày tháng nào, có lẽ duyên hội ngộ đưa đây, anh Phạm Trọng Cầu đã đưa tôi đến gặp anh Trịnh Công Sơn tại Hội Văn nghệ. Tôi vẫn nhớ hôm gặp đầu tiên ấy, anh Cầu bảo anh Sơn: mày ngồi đây nghe Thanh Hải hát thử bài này, và tôi đã hát:

*“Đi về đâu hỡi em khi trong lòng không chút nắng
Giấc mơ đời xa vắng, bước chân không chờ ai đón
Đời nhẹ nâng bước chân em về lại trong phố thênh thang
Những buồn xưa sẽ quên, hãy yêu khi đời mang đến
Một cảnh hoa giữa tâm hồn...”*

Đó là bài *Đời gọi em biết bao lần*, nhạc phim mà anh vừa sáng tác. Từ đây chúng tôi quen nhau. Hình như đã có một sự cảm thông nào đó không nói được ngay trong buổi gặp gỡ đầu tiên ấy.

Hai anh em tôi lúc ấy hầu như ngày nào cũng gặp nhau: sáng uống cà phê ở Hội Văn nghệ, trưa về khách sạn Bông Sen uống bia cùng anh Nguyễn Quang Sáng, anh Muộn, tối nếu không đi hát cùng nhóm, thì tụ về nhà anh Sơn ngồi chơi, uống rượu, hát nghêu ngao với những người bạn, đa số là các bạn từ xa về. Có nhiều đêm tôi đang nằm nhà sắp đi ngủ thì nghe tiếng anh gọi trước cửa. Biết ngay là anh đang cần, tôi vội chạy xuống để chờ anh về tận nhà. Đó là những lúc anh chỉ còn biết “chỉ có ta trong cuộc đời mà thôi”...

Nhóm “Giới thiệu sáng tác mới” cũng ra đời trong khoảng thời gian đó, là nhóm thuộc Hội Trí thức Yêu nước, và chúng tôi thường được mời đi đây đó hát. Những bài hát thường là những sáng tác mới của các anh Phạm Trọng Cầu, Hoàng Hiệp, Trương Thìn, Trịnh Công Sơn, Trần Long Ẩn, Miên Đức Thắng, Nguyễn Nam, Lâm Cao Thanh, nhà thơ Lê Thị Kim..., với tiếng sáo đêm của Nguyễn Phước, Tân đánh trống, Thanh đại hồ cầm. Các anh thường tự đàn và hát những sáng tác của mình. Ca sĩ thì có Tường Vi, Thanh Hậu, tôi và một vài bạn khác nữa. Nhóm được nhiều khán giả yêu chuộng, và mỗi lần đi lưu diễn chúng tôi đều được tiếp đãi rất là ưu ái. Thời gian ấy tôi thường hát nhạc của anh Trịnh Công Sơn: *Đời gọi em biết bao lần, Cánh chim cô đơn, Em đến tự nghìn xưa, Vì tôi cần thấy em yêu đời, Chiều trên quê hương tôi, Một cô đi về, Tôi vẫn nhớ...* Thành thạo tôi lại xé rào với sự chấp thuận của anh Trương Thìn - bác sĩ kiêm nhạc sĩ, phụ trách điều khiển chương trình của nhóm - hát lại những tình khúc cũ của anh Trịnh Công Sơn tại Hội Trí thức Yêu nước. Nhóm đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm khó phai mờ.

Thời gian sau đó là những ngày đất nước càng khó khăn thêm. Số người ra đi ngày càng nhiều. Bài hát *Em còn nhớ hay em đã quên* được anh Sơn viết ra đúng ngay vào lúc ấy.

Đây là một bài hát mà tôi thật là khó quên. Vào dịp ấy Hội Văn nghệ Việt Nam lần đầu tiên từ Hà Nội vào Sài Gòn tổ chức 3 ngày ca nhạc tại rạp Rex. Tôi được mời hát trong những buổi hát đó. Trước ngày trình diễn một hôm, tôi gặp anh Sơn đang chạy chiếc xe PC trong một buổi trưa nắng gắt trên đường, gặp tôi anh khoe liền: “Minh vừa mới viết xong một bản nhạc, đi theo mình về nhà tập thử!”. Thế là hai anh em kéo nhau về nhà anh bỏ cả ăn trưa để tập thử bài hát mới.

Thú thật, nhìn bản nhạc còn ướt mùi mực, dài ới là dài mà lòng tôi ngao ngán, bởi vì ngày mai phải hát suất đầu tiên rồi, làm sao mà thuộc cho hết!

Nhưng sau đó, lời nhạc đã cho tôi một cảm xúc thật sự, những hình ảnh trong bài đều rất thực đối với tôi.

Em còn nhớ hay em đã quên, nhớ Sài Gòn mưa rồi chợt nắng, nhớ phố xưa quen biết tên bàn chân, nhớ mặt đường vàng hoa như gấm...

Dường như đây cũng là những cảm nghĩ của tôi. Có lẽ anh đã viết bài này để tặng tôi chăng? Bởi vì dầu tôi không nói, nhưng anh đã hiểu được rằng một ngày nào đó tôi cũng sẽ ra đi...

Tôi đã diễn đạt bài này bằng một cách tốt đẹp và thành công suốt sáu buổi trong ba ngày liền, mặc dầu sau mỗi suất hát anh Sơn đều đến gặp tôi để đề nghị thêm bớt, sửa đổi một vài chỗ mà anh vừa chợt nghĩ ra, đặc ý hơn. Có một điều vui là, vì bài hát mới và dài, nên đôi lúc tôi cũng không nhớ hết được, có khi đã phải tư ứng biến vài nơi, nhưng anh Sơn không hề quở trách. Bài hát đã gây ra một dao động không nhỏ trong dân chúng Sài Gòn lúc ấy. Khán giả cho biết họ đã cảm xúc thật sự khi nghe bài này và trong rạp đã có nhiều người lau nước mắt.

Cuối năm 1981, tôi cũng ra đi. Mười một tháng nằm trên đảo, tôi vẫn hát nhạc của anh cho bạn bè nghe, nhưng trong lòng mang một tâm trạng khác.

Sáu năm gần gũi bên anh, hai anh em đã chia sẻ với nhau những tâm tình, vui buồn, xót xa bằng những cảm nhận không cần nói nên lời. Điều đặc biệt ở anh, là anh đã vượt qua được tất cả, anh đã có một tấm lòng bao dung không thù hận, ngay cả với những người đã đem pha, tìm cách dim anh xuống trong giai đoạn khó khăn ấy. Có lần anh đã nói với tôi: "Moa biết tất cả, không có gì qua mặt được moa đâu, nhưng thôi kệ...".

Cuộc sống xa quê hương nơi đây đối với tôi thật u buồn và trầm lặng. Tôi nhớ Sài Gòn, nhớ đèn đường từng đêm thao thức, nhớ xôn xao hàng quán đêm đêm, nhớ món ăn quen, nhớ ly chè thơm, nhớ bạn bè chào nhau quen tiếng... Lời hát của anh tôi càng thấy thấm thía hơn.

Có một điều an ủi cho tôi, là nhiều người bạn ở châu Âu này rất yêu

mến nhạc Trịnh Công Sơn. Họ thường mời tôi đến để hát những bài hát của anh, và nhờ đó chúng tôi có dịp quen thêm bạn bè ở Paris, Toulouse, Lourdes, Lyon, Bruxelles, Liège, Genève, Fribourg, Lausanne, Stuttgart, Muenchen, và các tỉnh khác ở CHLB Đức. Tôi đến với anh em bằng tâm tình của một người bạn, không khách sáo, không chính trị, không thương mại. Cảm ơn những người bạn với tâm hồn văn nghệ thật dễ thương và thoải mái, đã cho tôi và An những tình cảm thân quý, những ngày vui trong cuộc sống tha hương này. Cảm ơn anh Trịnh Công Sơn và những bài hát tuyệt vời của anh.

Tuy nhiên, không phải ai cũng hiểu được mình. Một số người cho rằng, anh Trịnh Công Sơn không chịu ra đi là vì anh theo Cộng, tôi hát nhạc của anh tức là tôi cũng thiên Cộng. Có báo còn viết rằng Hà Nội đã gọi tôi ra nước ngoài hát nhạc Trịnh Công Sơn để ru ngủ kiều bào tại hải ngoại.

Ôi cuộc đời thật là phức tạp...!

Tết 1989 tôi về thăm lại quê hương. Gặp lại anh Sơn, tình cảm giữa chúng tôi vẫn thấm thiết, vui vẻ. Nhiều người yêu cầu tôi cho nghe lại những bài hát của anh, dù chỉ một bài, nhưng tôi không hát. Tôi đến thăm anh nhiều lần, lần nào cũng gặp nhiều văn nghệ sĩ và nhiều người anh chưa hề quen biết từ Hà Nội vào ngồi uống rượu cùng anh. Anh cho biết lúc này anh thích họa. Anh chỉ cho tôi những bức họa mà anh đã sáng tác.

Cũng mùa hè năm ấy, tháng 6.1989, tôi được Nhà Việt Nam tại Paris, qua thư mời của anh Bạch Thái Quốc, sang Paris để gặp anh Trịnh Công Sơn và hát với anh một đêm. Thật là cả một điều vui mừng và bất ngờ đối với tôi, vì Tết vừa rồi không nghe anh nói gì về chuyến đi này cả.

Tôi vẫn nhớ mãi câu nói đầu tiên tại Paris của anh Sơn khi gặp lại tôi trong quán tôi hôm ấy: “Thanh Hải chạy đi đâu cũng không thoát khỏi *moa*,... và *toa* biết không, khi *moa* vừa đặt chân xuống phi trường Charles de Gaulle thì cả phi trường đều tắt điện đón chào *moa*...”, rồi

anh cười thích thú. Hôm ấy chúng tôi ngồi chung thật là đông vui, ấm cúng, có các anh Bửu Ý, Bạch Thái Quốc, Phạm Văn Đình, Michiko - có bạn người Nhật của anh Sơn, Như An, và nhiều anh chị em khác nữa. Chúng tôi đã cảm nhận được một hạnh phúc êm ái khi gặp lại nhau, chuyện trò với nhau giữa thủ đô nước Pháp - một dịp vui bất ngờ và hiếm có. Hôm sau hai anh em đã cùng nhau chọn lại những bài hát để chiều hôm ấy hát tại Nhà Việt Nam. Bây giờ nhìn lại những tấm hình kỷ niệm lần gặp gỡ đó, tôi không khỏi ngậm ngùi thương tiếc...

Vừa rồi đài phát thanh RFI tại Paris đã gọi điện thoại qua phòng vấn tôi, khi nghe tin anh Trịnh Công Sơn qua đời tại Sài Gòn. Anh Dũng đã hỏi tôi về những kỷ niệm giữa tôi và anh Sơn, vì sao tôi thích hát nhạc của anh, tôi đã quen anh Sơn từ lúc nào, lần gặp anh Sơn tại Paris năm 1989 đã để lại ấn tượng gì trong tôi và anh Sơn. Thú thật, lúc đó tâm hồn tôi dao động quá, những cảm xúc và buồn bã trong tôi, tôi không bày tỏ được. Sự mất mát đến quá nhanh, tôi chưa nói được gì...

Lần gặp ở Paris mới đó mà đã mười hai năm trôi qua rồi. Nếu tôi nhớ không lầm thì năm đó cũng là năm Ty, năm con rắn. Tấm hình ngày đó anh cười thật tươi. Năm nay, tình cờ Như An lại chọn tấm hình ấy để làm lịch cho năm Tân Ty 2001. An in làm hai tấm, một cho tôi và một gởi về tặng anh Sơn nhân dịp sinh nhật 28-2 của anh. Tôi nhờ bạn tôi, anh TQSen trong dịp về Việt Nam đến thăm và trao gửi cho anh. Những ngày đó nghe đâu anh không được khỏe, bạn bè muốn gặp anh đều được hẹn qua lần khác, vì anh cần yên tĩnh nghỉ ngơi.

Anh Sơn ơi, không ngờ mùa hè năm 2000 vừa qua lại là lần cuối cùng từ giã anh! Tôi còn nhớ rõ như in những ngày hè tháng bảy vừa qua tại Sài Gòn, tôi và Như An, Trương Hồng Liêm, Kim Hương thường gặp anh, ngồi uống nước quanh cái bàn nhỏ nhỏ ở Hội Văn nghệ, có cả anh Hoàng Hiệp, Sâm Thương, Trần Long Ẩn, Trần Tiến, Phạm Văn Hạng, Huỳnh Phi Long cùng một vài người bạn khác... Hôm sau lại gặp nhau ở câu lạc bộ Nghệ Sĩ, hôm khác lại đi ăn ở quán Ba Miền. Những hôm ấy anh nói nhiều câu thật tếu, làm cả bọn cười vang. Chúng tôi "hơi bị

vui” như lời anh nhận xét, và cảm thấy hạnh phúc nhẹ nhàng làm sao.

Nhớ nhất là đêm văn nghệ hôm thứ sáu 21-7-2000 tại Saigon Times Club. Trong không khí thân mật cùng bạn bè từ Đức, Pháp về Việt Nam thăm nhà và nhóm bạn anh Võ Như Lanh, Tổng Biên tập *Saigon Times Group*, theo lời mời của anh, sau mười chín năm đây là lần đầu tiên tôi hát lại tại Sài Gòn. Trong đêm ấy, anh Trịnh Công Sơn đã cùng tôi hát rất nhiều. Anh đã thật sự cảm hứng và tự động bước lên sân khấu, một cái bụng nhỏ và thấp, rất thân tình, anh đã hát một cách say mê, đầy cảm xúc. Đó là một điều thật ngạc nhiên, vì như các bạn cho biết, những năm gần đây hầu như anh chưa bao giờ hát nhiều và hát say mê đến như vậy.

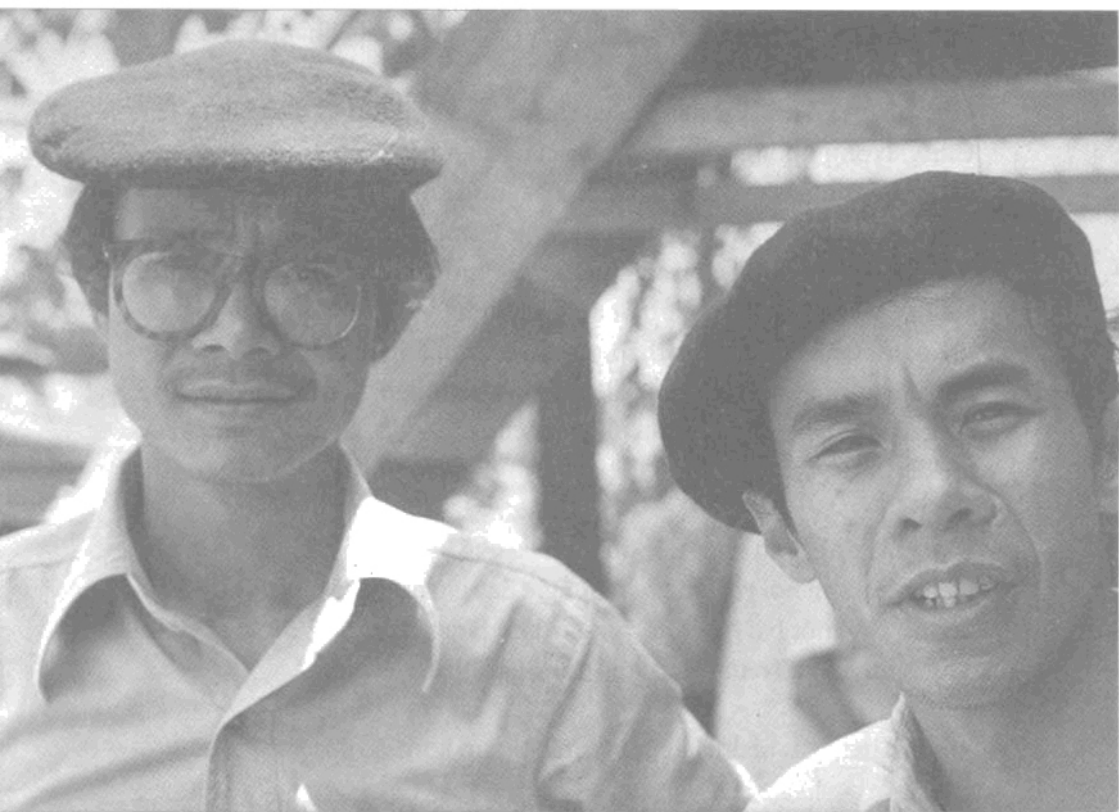
Bài cuối cùng, anh ngồi trên một chiếc ghế bên cạnh tôi, trên bụng sân khấu nhỏ, anh nói với chúng tôi rằng: “Bây giờ mình sẽ tặng Như An và Thanh Hải một bài hát. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù bất cứ nơi đâu, Như An và Thanh Hải cũng đừng bao giờ tuyệt vọng”.

Rồi anh hát, mắt nhắm lại như gởi tất cả tâm hồn vào đó:

*Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng
Lá mùa thua rơi rụng giữa mùa đông
Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng
Em là tôi, và tôi cũng là em
Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng
Nắng vàng phai như một cội đời riêng
Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng
Em hồn nhiên, rồi em sẽ bình minh...*

Tôi đang khóc khi viết lại những dòng này. Tim tôi đang thổn thức. Anh Sơn ơi, sẽ không bao giờ tuyệt vọng, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Lời của anh tôi sẽ còn hát mãi, hát mãi và nhớ mãi.

Giữa tháng 4-2001



Trịnh Công Sơn và Bửu Chi

Hãy tiếp tục hát lên những khúc hát về lương tâm và lòng nhân ái của anh. Vì hơn bao giờ hết, hôm nay chúng ta vẫn đang cần đến lương tâm, lòng nhân ái cho những việc lớn lẫn việc nhỏ.

Bửu Chi

B Ử U C H Ì

tôi phát biểu về trình công sơn
và những ca khúc phản chiến
của anh

Lúc 12 giờ 45, ngày 1 tháng 4 năm 2001, Trịnh Công Sơn đã ra đi. Trái tim nhân ái và nhạy cảm ấy đã ngừng đập; bộ óc đầy mỹ cảm và sáng tạo ấy đã thôi vận động. Anh đã để lại cho bạn bè và những người hâm mộ anh một nỗi tiếc thương vô hạn. Một sự mất mát lớn, một khoảng trống không gì bù đắp nổi cho nền âm nhạc hiện đại Việt Nam. Một nhạc sĩ nổi tiếng cùng thời đã nhìn nhận một cách vô tư rằng Trịnh Công Sơn là người viết tình ca hay nhất thế kỷ của Việt Nam. Nói về sự ra đi của anh, những người mến mộ còn ở lại cái cõi trần ai này đã bày tỏ bằng nhiều cách với nhiều ý nghĩa khác nhau.

Nhưng nói bằng cách gì và với ý nghĩa nào thì cũng không thể làm vơi đi được nỗi đau thương và mất mát ấy. Rõ ràng là có một sự biến mất về hình hài vật chất mà cha mẹ anh đã tạo nên anh. Quy luật tự nhiên của vũ trụ vô tình vốn hữu sinh thì hữu diệt, hữu hình thì hữu hoại. Nhưng mà thật ra anh vẫn ở lại, ở lại mãi mãi với nền âm nhạc, với nền văn minh và văn hóa nước nhà. Cả một đời lao động sáng tạo cật lực anh đã

góp được vào trong sự nghiệp nghệ thuật chung của cả nước hơn 600 ca khúc. Một sự nghiệp đồ sộ. Và đây chính là cái phương tiện, cái quyền năng đã giúp anh chống lại định mệnh. Cái định mệnh của đời người vốn khắc nghiệt và độc ác đã chưa từng bao giờ cho phép ai sống đến tận cùng niềm vui và nỗi khát vọng sống như chính mình mong muốn.

Đối với cộng đồng xã hội, một khi anh nằm xuống, anh đã thanh toán hết mọi "trái khoản" một cách sòng phẳng với trần gian. Một đời mình anh đã làm hết mọi điều mà anh mong muốn, và đã ra đi đúng lúc. Còn tất cả những gì mà anh đã để lại cuộc đời nó sẽ cứ tồn tại một cách hiển nhiên và minh bạch. Không có gì đáng trách và cũng không có gì phải hổ nghi cả.

Thiên tài ư ? Anh đâu cần cái hư danh ấy. Anh là anh, chính điều này mới lớn lao. Và lại, chính hậu thế vốn rộng lòng và trong sáng hơn đương thời sẽ quyết định điều này. Nhưng dù gì thì gì, đây vẫn là hư danh. Cái hư danh khiến cho những con người đầy tham vọng sẽ vật lộn, tranh giành nhau một cách đau khổ. Mà thật ra chưa khi nào, dù một lần anh đã thề ước mơ đến cái tên gọi đầy sân hận đó.

Nhân cách của anh? Tôi sẽ trả lời rằng Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ đầy nhân cách. Còn lớn hay nhỏ ư? So với ai ? - Người đời vốn hay chấp về hình tướng, mà hình tướng thì thường làm cho con người mê.

Tôi nói nhân cách của Trịnh Công Sơn nó đầy đủ ở trong thái độ nghệ thuật của anh. Thái độ nghệ thuật này luôn nhất quán ở trong sáng tạo nghệ thuật của mình mà chưa hề khi nào vong thân hay thoái hóa biến chất cho đến phút cuối cùng. Khẳng định về một điều như thế đối với một người đang còn sống thật khó. Nhưng đối với một người đã nằm xuống ta sẽ không còn phải lo sợ rằng họ còn có thể tốt hay có thể xấu, còn có thể đúng hay có thể sai, xứng đáng hoặc không xứng đáng nữa.

Một con đường dẫn nhập vòng quanh như vậy đối với tôi là cần thiết, để dọn đường vào vấn đề mà tôi đã tự đặt ra cho mình: Trịnh Công Sơn và

nhạc phản chiến của anh. Trong quá trình trình bày vấn đề này, tôi sẽ cố gắng làm toát ra cái tài năng và nhân cách hiếm có đó nổi bật lên trên cái bối cảnh Việt Nam máu và nước mắt, khói lửa và nỗi kinh hoàng trong cuộc chiến dai dẳng và khốc liệt thời bấy giờ. Một cuộc chiến tranh mang tính tất yếu lịch sử của một dân tộc bị áp bức; nhưng sự chọn lựa và quyết tâm ấy đã không ít đau thương. Và Trịnh Công Sơn đã xuất hiện trong bối cảnh đó như lương tâm của một con người mang trái tim nhân ái nhạy cảm, chỉ biết nói lên những cảm xúc nóng nhiệt của mình đối với quê hương dân tộc, dù thiếu vắng một thái độ chính trị, nhưng trung thực. Nghĩa là tự đáy lòng mình thì mình nói.

Tôi sẽ không nói đến những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn với tư cách một nhà phê bình văn học về lời nhạc, cũng như không phải trong tư cách của một nhà nghiên cứu âm nhạc đối với nghệ thuật âm thanh của anh. Mà với tư cách của một người chứng, sống cùng thời và từng sinh hoạt với anh, tôi sẽ nói về thái độ dân thân bằng âm nhạc của Trịnh Công Sơn trong công cuộc vận động hòa bình cho đất nước đầy tuyệt vọng; nhưng cũng đầy ý nghĩa và giá trị nhân bản đó. Nghĩa là nói về một Trịnh Công Sơn nghệ sĩ đích thực, một con dân nước Việt mang tình yêu chân thực đối với quê hương vào cuộc. Khẳng định anh trong ý nghĩa này là khẳng định chính sự đóng góp của anh vào trong những giá trị văn hóa, văn minh của cả nước. Một Việt Nam luôn xây dựng trên nền tảng con người và hòa bình.

Thế nào là nhạc phản chiến, và phản chiến như thế nào?

Phản chiến ở đây là bày tỏ thái độ của mình không tán thành chiến tranh, và sự không tán thành này có nghĩa là một sự đồng cảm, chia sẻ với những con người đang phải gánh chịu những nỗi mất mát, đau thương trong chiến tranh. Đồng cảm mà không đứng ở ngoài, đứng ở một bên; mà đứng ở cái thế chung cùng một phận, một định mệnh. Sơn không nhân danh một "isme" nào cả; cũng như không chủ trương chống lại một "isme" nào cả. Hoặc có chăng là anh nhân danh cái gọi là "humanisme", xu hướng nhân bản. Mà thật ra cũng chỉ là một cách gọi

đấy thôi. Nói cho cùng, đó là tất cả những gì mình cảm xúc, tất cả những gì vang vọng trong tâm khảm của mình từ một thực tại máu xương như thế của đồng bào thì mình nói ngay ra. Nói không do dự, nói như một lời khấn bảo. Đỗ Phú ngày xưa ở bên Tàu làm thơ bày tỏ sự xót thương đối với hàng vạn con đồ đang bị chìm trong máu lửa chiến tranh mà người đời sau cho rằng ông có tinh thần chống chiến tranh là vậy. Thật ra ông chỉ muốn nói lên niềm xúc động sâu xa của mình đối với thời thế, mà ở bên sau cái nỗi niềm này không tiềm chứa một ý thức, một tinh thần cơ hội nào.

Tất một câu, trong dòng nhạc phản chiến của mình, Trịnh Công Sơn đã chẳng có một toan tính chính trị nào cả. Mà tất cả là làm theo mệnh lệnh của con tim mình, một con tim thương đời, thương người, để nói lên tiếng nói của con tim đó đối với quê hương, dân tộc một cách trung thực và chân thành. Và một khi anh đã vĩnh viễn nằm xuống yên nghỉ thì câu khẳng định này đã trở nên hùng hồn hơn.

Ta sẽ thấy mệnh lệnh của trái tim này đi xuyên suốt trong tất cả các sáng tác thuộc dòng nhạc phản chiến này của anh. Trước hết ta có thể tạm sơ lược về con đường sáng tác các ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn như sau:

Ý thức phản chiến trong ca khúc của Trịnh Công Sơn đã manh nha vào những năm 1965, 1966. Trong giai đoạn này anh đã cho ra đời tập ca khúc *Ca khúc Trịnh Công Sơn* (Thần thoại quê hương, tình yêu và thân phận) do An Tiêm xuất bản 1966. Sau đó phát triển dần trong tập *Ca khúc Da vàng* vào cuối 1966 và đầu 1967, tập *Kinh Việt Nam* năm 1968, tất cả đều do anh tự ấn hành lấy.

Cùng với những cuộc xuống đường rầm rộ của thanh niên, sinh viên, học sinh ở đô thị miền Nam Việt Nam chống Mỹ và chế độ cũ đòi hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước, anh đã cho xuất bản tập ca khúc *Ta phải thấy mặt trời* vào năm 1970 (Tự ấn hành dưới cái tên Nhà xuất bản Nhân Bản).

Năm 1972, khi tình hình chiến sự ở miền Nam Việt Nam ngày càng leo thang đến độ khốc liệt nhất, anh đã cho ra đời tiếp tập *Phụ khúc Da vàng* (Tự ấn hành dưới cái tên Nhà xuất bản Nhân Bản). Đây là tập cuối cùng của dòng nhạc phản chiến của anh. Tổng kết tất cả gồm 5 tập, với 58 ca khúc, chưa kể những bài rời được sáng tác ngay trong những cuộc xuống đường cùng thanh niên, sinh viên, học sinh Huế.

So với những tình khúc mà Trịnh Công Sơn đã sáng tác được trong suốt cuộc đời mình cho đến lúc qua đời, số lượng của những ca khúc phản chiến tương đối ít. Nhưng chính những ca khúc này đã làm cho danh tiếng của anh sáng lên một cách chói lọi. Phải nói là độc sáng. Và chính trong cái vầng hào quang làm nền này, tình khúc của Trịnh Công Sơn tiếp tục sáng giá cho đến hôm nay và mai sau. Chính những ca khúc phản chiến thời bấy giờ đã chấp cánh cho danh tiếng của anh bay ra khỏi biên giới Việt Nam để đến với thế giới, đặc biệt là Nhật Bản. Nơi xứ sở này anh đã từng có những "Đĩa Vàng". Và lưu danh trong bộ tự điển Bách khoa Pháp *Encyclopédie de tous les pays du monde*.

Thật vậy, vào những năm 58, 59, 61, 62, những tình khúc như *Ướt mi*, *Thương một người*, *Nhìn những mùa thu đi*, *Biển nhớ* v.v... đã bắt đầu nổi tiếng trong những phòng trà ca nhạc ở miền Nam. Nhưng phải chờ đến những năm 65, 66, 67 khi tiếng hát của Trịnh Công Sơn cất lên trong các giảng đường Đại học Sài Gòn và Huế, trước hàng ngàn sinh viên học sinh cuồng nhiệt, với những ca khúc trong các tập *Ca khúc Trịnh Công Sơn* và *Ca khúc Da vàng*, cái tên Trịnh Công Sơn đã trở thành một hiện tượng. Hiện tượng Trịnh Công Sơn.

Những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn được chép để chuyển tay, được in ra băng cassette, hoặc băng từ loại lớn, còn gọi là băng Akai... Nghĩa là mọi hình thức phổ biến, phương tiện phổ biến đều được tận dụng. Người ta nghe nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn trong quán cà phê, người ta nghe trong những cuộc sinh hoạt tập thể của thanh niên, thậm chí người ta nghe trong khuê phòng và nghe ở cả những tiền đồn heo hút...

Dàn trải trên nó một điệu Blue buồn đau và uất nghen, với nhịp hát kể Recitativo, ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn vút lên:

... Ôi chinh chiến đã mang đi bạn bè
ngựa hồng đã mồi vó chết trên đồi quê hương
còn có ai không còn người, ôi nhân loại mặt trời
và em tôi này đôi môi xin thương người
ôi nhân loại mặt trời trong tôi...

(Xin mặt trời ngủ yên - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Và,

...Giọt nước mắt thương con, con ngủ mẹ mừng
Giọt nước mắt thương sông ấp ủ rêu rong
Giọt nước mắt thương đất, đất cần cỗi bao năm
Giọt nước mắt thương dân, dân mình phận long đong.

(Nước mắt cho quê hương - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Rồi,

Mẹ ngồi ru con đông đưa vông buồn năm qua tuổi mòn
Mẹ nhìn quê hương nghe con mình buồn giọt lệ ăn năn.
Giọt lệ ăn năn đưa con về trần tũn nhục chung thân...

(Ca dao mẹ - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Hay từ một hiện thực vừa mới xảy ra trong thành phố:

Ghế đá công viên dời ra đường phố
Người già co ro chiều thiu thiu ngủ
Người già co ro buồn nghe tiếng nổ
Em bé lỏa lồ khóc tuổi thơ đi...

(Người già em bé - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Và với Phúc âm buồn, Tuổi đã buồn v.v.v... Tiếng hát Trịnh Công Sơn như

một sợi dây vô hình đã nhanh chóng nối kết những tâm trạng riêng, những số phận riêng của người dân đô thị miền Nam vào trong một tâm trạng chung, một số phận chung. Tâm trạng và số phận này là gì? Đó là tâm trạng và số phận của những con người Việt Nam đã từng bị lừa, họ là nạn nhân của bạo lực vô minh, mà niềm tin và hy vọng của họ đã trải qua bao lần bể dâu. Đối với họ, mọi khát vọng, mọi dự phóng đều là hư vô. Họ đang vẫy vùng trong một cảnh sống đầy máu xương, mất mát tang tóc của một cuộc chiến tranh phi lý mà lối thoát chưa một lần thấy lóe sáng ở cuối con đường hầm cuộc đời tăm tối đó.

Tôi cho rằng, bằng một khả năng cảm nhận sắc bén bẩm sinh, anh đã dễ dàng biến những cảm nhận riêng của mình thành của chung. Bằng một phương cách biểu hiện rất khéo do ở chỗ sử dụng những ẩn dụ, những hình tượng rất mới, anh đã gây được những ấn tượng mạnh cho người nghe, và đặc biệt khi cần phải đối kháng với một thực tại mà anh không thể nào van hồi được, anh dựng một thân thoại. Nhờ thế mà tiếng nói của anh dễ dàng lọt vào lòng người, và dễ dàng được đồng cảm.

*Người nằm co như loài thú khi mùa đông về
Người nằm yên không kêu than buốt xương da mình
Từng tiếng người nhiều tiếng người gọi hoài giữa đêm...
Người còn đó nhưng lời nói rơi về chân đồi
Người ngồi đó nhưng trong tim máu tuôn ra ngoài
Nhuộm đất này nhuộm cho hồng hạt mầm trót vay.*

(Phúc âm buồn - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Bằng một định hướng, cũng như một phương pháp sáng tác như đã được trình bày ở trên, Trịnh Công Sơn đi vào giai đoạn *Ca khúc Da vàng*. Ở đây, những cảm nhận về quê hương và thân phận đã trở nên mãnh liệt hơn, quặn thắt hơn và đôi khi dẫn đến sự phản nộ. Từ *Ngày dài trên quê hương*, *Người con gái Việt Nam*, *Đại bác ru đêm* cho đến *Tôi sẽ đi thăm, Tình ca người mất trí*, *Hãy nói giùm tôi*, *Gia tài của mẹ* ... đã nói lên điều đó.

Ta hãy nghe:

Người nô lệ da vàng ngủ quên
 Ngủ quên trong căn nhà nhỏ
 Đèn thấp thì mờ
 Ngủ quên quên đã bao năm
 Ngủ quên không thấy quê hương
 Bao giờ đập tan gông cùm
 Xiềng xích vô hình trói buộc dân ta
 Bao giờ đập tan gông cùm
 Xiềng xích vô hình trói buộc tư do.

(Đi tìm quê hương - Ca khúc Da vàng)

Hãy sống giùm tôi
 Hãy nói giùm tôi
 Hãy thở giùm tôi
 Thịt da này dành cho thù hận
 Cho bạo cường
 Cho tham vọng của một lũ điên.

(Hãy nói giùm tôi - Ca khúc Da vàng)

Tiếng hát đã tạo nên những hiệu quả trong đời sống xã hội thật sự. Nó đã làm cho một số không ít thanh niên nhìn ra cái bản chất phi nhân và tàn bạo của cuộc chiến khiến họ đi đến hành động trốn lính hay đào ngũ. Dưới con mắt của những người cảm quyền thuộc chế độ cũ Sơn là một kẻ phá hoại tinh thần chiến đấu của anh em binh sĩ.

Ở miền Nam lúc bấy giờ cường độ của cuộc chiến càng lúc càng gia tăng. Người Mỹ ra sức củng cố chế độ cũ và đẩy mạnh cuộc chiến. Chiến tranh càng lan tràn khắp nơi một cách khốc liệt. Năm 1968, với cuộc tổng công kích xuân Mậu Thân, nhiều thành phố ở trên khắp miền Nam đã trở thành bãi chiến trường. “Con người trong tôi” của Trịnh Công Sơn lại tiếp tục lên tiếng mỗi lúc một khẩn thiết hơn:

Xác người nằm trôi sông, phơi trên ruộng đồng
 Trên nóc nhà thành phố, trên những đường quanh co

*Xác người nằm bơ vơ, dưới mái hiên chùa
Trong gió đường thành phố, trên thềm nhà hoang vu.*

(Bài ca dành cho những xác người - Ca khúc Da vàng 2)

Và trong cái cảnh tượng trần gian là một lò sát sinh đó, đã có những người mẹ, những người chị đã lâm vào trong một trạng thái tâm thần bệnh lý:

...Mẹ vỗ tay reo mừng chiến tranh

Chị vỗ tay hoan hô hòa bình

Người vỗ tay cho thêm thù hận

Người vỗ tay xa dần ăn năn.

(Hát trên những xác người - Ca khúc Da vàng 2)

Và sau đó nhiều năm, người dân ở trong các thành phố miền Nam vẫn tiếp tục chịu đựng những cuộc nổ mìn, những trận pháo kích gây thương vong không ít cho đám dân lành vô tội. Ngày ngày không dứt tiếng súng tiếng bom. Và hàng đêm trong ánh hòa châu vàng vọt ghê rợn, người dân thành phố nín thở, nơm nớp đợi chờ những điều không may có thể xảy đến cho mình. Mỗi ngày, từ chiến tuyến những chiếc quan tài phủ cờ được đưa về thành phố, trên đầu những trẻ mồ côi, những góa phụ, khăn tang cứ bay như phướn.

Từ 1968 cho đến những năm 1969, 1970, 1971, thỉnh thoảng người ta lại nghe phong trào thanh đấu đó về một giải pháp hòa bình cho Việt Nam. Rồi tất cả lại tắt ngấm. Người dân Việt khát khao hòa bình như kẻ đi trong sa mạc khát đến cháy bỏng cổ họng mà ốc đảo xanh tươi hiện ra trước mặt mình chỉ là những ảo ảnh. Cuộc chiến khốc liệt cứ tiếp diễn. Phong trào đấu tranh hòa bình Việt Nam ở các đô thị lại bùng lên mãnh liệt. Đặc biệt là phong trào thanh niên sinh viên học sinh, bây giờ lập trường đã kiên định: Mỹ cút, ngụy nhào, hòa bình đến. Tôi, kẻ viết bài này, đã quyết định, đã chọn lựa đứng vào phong trào đó. Nhưng chọn lựa nào cũng có những đau đớn. Tôi phải đứng về phía dân tộc theo cách của tôi. Để có hòa bình thì dân tộc phải có quyền

tự quyết, mà quyền tự quyết thì phải đấu tranh mà giành lấy chứ chẳng ai cho. Nhưng càng đấu tranh thì càng chồng chất đau thương. Những kẻ dễ quên thì dễ sống, còn tôi thì không thể quên điều này. Và phải nói một cách thành thật rằng chính những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn trong những năm đầu tiên đã đánh thức trong tôi tình tự dân tộc, sau đó thì tôi chọn một thể đứng quyết liệt hơn, âu cũng là do tánh khí riêng của mình. Nhưng về sau tôi vẫn thường tiếp tục hát những ca khúc phản chiến của anh. Vì tôi thấy nó mang lại cho đầu óc mình sự "mát mẻ", khi mà mình không thể thường xuyên chịu đựng mãi một sự căng thẳng sắt máu. Và đôi khi nó cũng khiến cho mình mơ mộng về một nền hòa bình có thể thế này mà không phải thế kia... Đó là con đường tự do đi đến hòa bình mà không phải đổ máu. Tôi sợ máu!

Trịnh Công Sơn trong giai đoạn cực đoan này thì sao? - Vẫn trung thành với con đường mà tự anh đã vạch ra từ trước, anh tiếp tục đi, đi theo tiếng gọi của dân tộc mà anh đã nghe thấy theo cách của mình. Có khi anh đi một cách mạnh dạn hơn, và anh kêu gọi, anh hô hào. Và tinh thần của anh, tùy mỗi hoàn cảnh khác nhau mà hy vọng, hào hứng hay tuyệt vọng... hoặc ngược lại. Kết quả là hai tập ca khúc kế tiếp nhau ra đời *Kinh Việt Nam* (1968), *Ta phải thấy mặt trời* (1970) (anh tự ấn hành dưới tên NXB Nhân Bản). Ở giai đoạn này anh cùng xuống đường với thanh niên, sinh viên, học sinh. Anh hát:

*Nơi đây tôi chờ
Nơi kia anh chờ
Trong căn nhà nhỏ
Mẹ cũng ngồi chờ
Anh lính ngồi chờ
Trên đồi hoang vu
Người tù ngồi chờ
Bóng tối mịt mù...*

Chờ tin mừng sông chờ núi cũng chờ mong

Chờ trên vầng trán mẹ thấp lên bình minh
 Chờ khô nước mắt
 Chờ đá reo ca
 Chờ áo cơm nuôi cho những trẻ con không nhà
 Chờ ngày Việt Nam thống nhất cho những tình thương vỡ bờ
 (Chờ nhìn quê hương sáng chói - Kinh Việt Nam)

Hay:

Rừng núi dang tay nối lại biển xa
 Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà
 (Nối vòng tay lớn - Kinh Việt Nam)

Hoặc:

Ta bước bước đi, bước bước hoài,
 trên quê hương dấu yêu này
 Còn bao nhiêu người
 Nhìn nhau hôm nay
 Đôi mắt bóng tối
 Trái tim nghi ngại
 Còn ai quanh đây chưa góp tiếng nói
 Chưa nối lại nắm tay.
 (Chưa mồn giấc mơ - Ta phải thấy mặt trời)

Và:

Huế Sài Gòn Hà Nội
 Quê hương ơi sao vẫn còn xa
 Huế Sài Gòn Hà Nội
 Bao nhiêu năm sao vẫn thờ ơ
 Việt Nam ơi
 Còn bao lâu những con người ngồi nhớ thương nhau.
 (Huế - Sài Gòn - Hà Nội - Ta phải thấy mặt trời)

Sang đến năm 1972, cục diện chiến tranh trên toàn miền Nam vô cùng ác liệt, một cuộc “Việt Nam hóa chiến tranh” dưới mắt người Mỹ. Bằng con đường phản chiến lấy trái tim nhân ái mà giải quyết mọi điều, trên cơ sở tình tự dân tộc, Trịnh Công Sơn thì đã mệt nhoài, và tuyệt vọng. Anh cho ra đời tập ca khúc **Phụ khúc Da vàng**, mà anh đã cho rằng đáng lẽ không nên viết. Đây là tập ca khúc cuối cùng của dòng nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn.

Anh hát để kết thúc cho một nỗ lực vô vọng của chính mình:

*...Đường anh em sao đi hoài không tới
Đường vân mình xương cao cùng với núi
Đường lương tâm mệnh mong hoài bóng tối
Trái đau thương cho con mới ra đời.
(Hãy nhìn lại - Phụ khúc Da vàng)*

Sau 1975, có một sự im lặng đè nặng lên những ca khúc phản chiến từng một thời nổi tiếng lẫy lừng của anh. Và chính anh cũng giữ sự im lặng cho đến ngày qua đời.

Nếu hôm nay ta nhìn nhận và đánh giá cao những tình khúc của anh, chúng ta không thể nào bỏ qua được những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn. Vì chính những ca khúc này đã tạo cho anh có được một tầm cỡ như ngày nay, cho dù những tình khúc của anh vốn đã rất tài hoa.

Có người sẽ cho rằng không phải nói đến những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn nữa, vì chữ thời đã qua rồi. Nghĩa là không còn thời tính nữa. Cũng có người sẽ góp ý thêm rằng các ca khúc phản chiến của anh vốn lừng khừng, dễ dãi, nếu không muốn nói là ngây thơ, hoặc thiếu logique lịch sử, thiếu chính trị hay là cái gì đó...

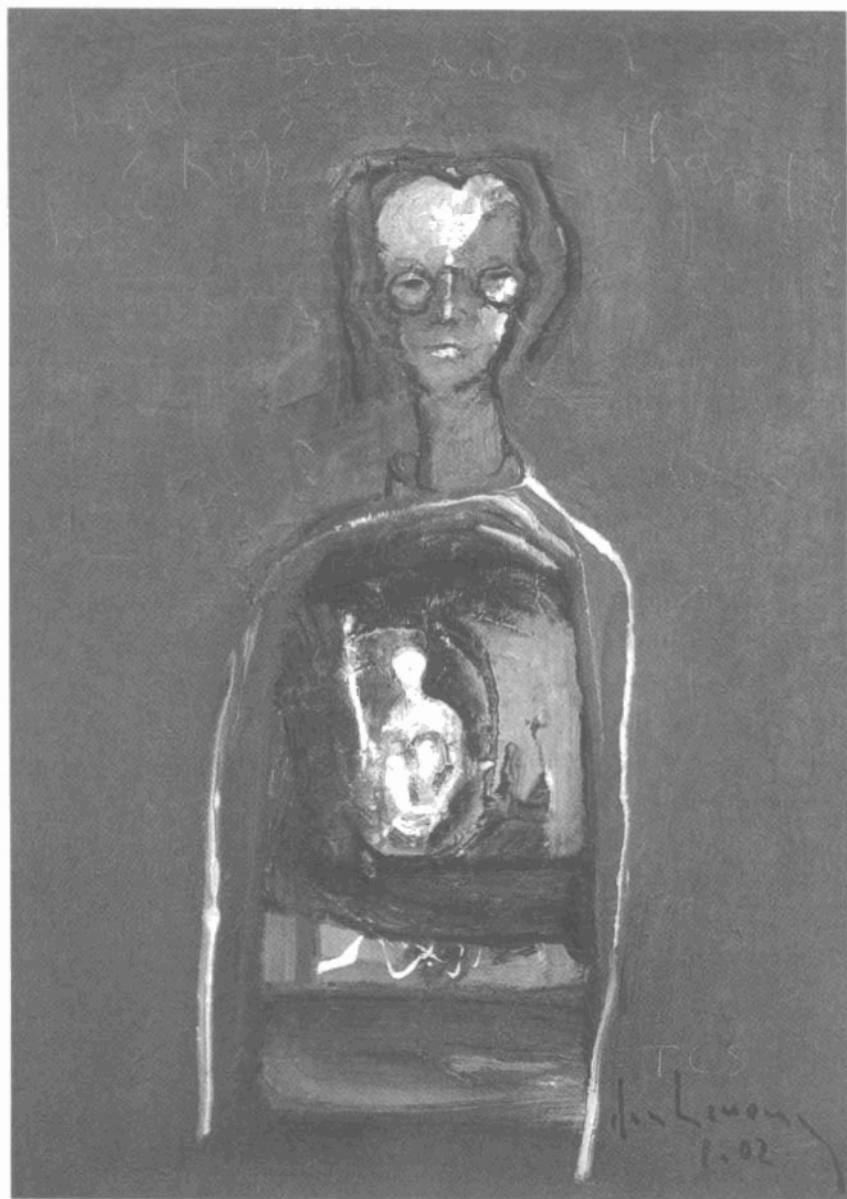
Tôi thì cho rằng, đến ngày nay, qua những trò đầu bẽ của cuộc thế, thời tính của những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn vẫn còn. Nó

còn trong ý nghĩa của tiếng nói lương tâm và nhân ái. Qua tác phẩm của mình chưa từng ai nói đến lương tâm và lòng nhân ái đậm đà như anh. Tiếng nói này còn phải luôn luôn được tôn trọng trước khi ta bắt tay vào một công việc, mà công việc đó sẽ có ảnh hưởng trên hàng vạn, hàng triệu sinh linh.

Con đường anh đã chọn và anh đã đi suốt cuộc đời mình là một con đường không dễ chọn. Nếu từ thời điểm hôm nay để nhìn lại thời bấy giờ thì rõ ràng là anh đã đi giữa hai lần đạn. Mà bất kỳ khi nào một viên đạn từ một hướng nào đó có thể kết liễu cuộc đời anh. Anh có lý của riêng anh. Là một nghệ sĩ chân chính, anh đã chọn cái logique của quả tim, và bằng trực giác nghệ thuật anh đã dựng nên sự nghiệp của mình. Đừng bắt anh phải làm chính trị, cũng đừng bắt anh, làm một "con buôn thời thế". Anh sẽ không đại gì đầu cơ, cũng như đầu tư tài năng và tâm huyết của mình cho một cuộc chơi ngắn hạn như vậy, mà kết cục thua lỗ là một điều tất nhiên. Anh chỉ biết sống và rung cảm bằng một quả tim trung thực, và dùng tài năng của mình để nói lên điều mà con tim muốn nói. Vì anh là Trịnh Công Sơn, một nghệ sĩ lớn, một nghệ sĩ của mọi người, và sống giữa mọi người. Chính sự ngưỡng mộ của mọi người đối với anh lúc anh còn sống, và đoàn người đông đảo tiễn đưa anh lúc anh qua đời đã nói lên rằng trong sử mệnh nghệ thuật đối với dân tộc anh đã thành công.

Trong những ca khúc phản chiến anh còn để lại, phản chiến chẳng qua là một cách gọi, đừng chấp, vẫn có nhiều ca khúc có thể hát đơn hay đồng ca vào thời bấy giờ.

Hãy tiếp tục hát lên những khúc hát về lương tâm và lòng nhân ái của anh. Vì hơn bao giờ hết, hôm nay chúng ta vẫn đang cần đến lương tâm, lòng nhân ái cho những việc lớn lẫn việc nhỏ. Và chúng ta đừng bao giờ nhìn về bi kịch con người bằng một cái nhìn đơn giản.



Trịnh Công Sơn - Tranh của Đinh Cường

ĐÌNH CƯỜNG

tình bạn, hồi sinh cơn hôn mê

“May thay trong đời vừa có tình yêu vừa có tình bạn. Tình bạn thường có khuôn mặt thật hơn tình yêu. Sự bội bạc tình bạn cũng có, nhưng không nhiều. Tôi thấy tình bạn quý hơn tình yêu vì tình bạn có khả năng làm hồi sinh một cơn hôn mê và làm phục sinh một cuộc đời tưởng rằng không còn tái tạo được nữa”.

(Trịnh Công Sơn)

Tôi và Sơn cùng tuổi Kỷ Mão. Sơn sinh ngày 28 tháng 2. Theo mấy con giáp Tây phương thì Sơn con Cá, tôi con Cua.

Trở thành bạn với nhau năm 20 tuổi. Lúc tôi ra Huế học Mỹ thuật, năm 1959. Huế là quê ngoại, và nhà thờ nội tôi cũng ở đây (làng Nam Trung - những người trong Nam ra Huế làm việc dưới triều Nguyễn). Thời gian này, Sơn cũng vừa từ già Sài Gòn, từ già mái trường trung học Chasseloup Laubat mà Sơn đang học năm cuối, classe philo, để về Huế sống với gia đình.

Những năm sống tự lập, Sơn kể đã trọ tại nhà bác Kinh tại Sài Gòn, là gia đình người bạn thân của ba Sơn sau khi ba Sơn mất năm 1956 trong một tai nạn xe, khi đang đi vespa. Sơn kể là hồi nhỏ đã từng vào ở trong

từ với ba Sơn ở lao Thừa Phủ thời kháng chiến chống Pháp.

Những tối đi chơi khuya về, Sơn thường rủ tôi ở lại nhà, lúc đó là tiệm Thanh Tâm, bán xe đạp ở Ngã Giữa (đường Gia Long, rồi Phan Bội Châu, nay là Phan Đăng Lưu). Tôi còn nhớ rõ, ở chân cầu thang lên lầu, bên vách, Sơn treo bức hình James Dean thật lớn, hình như Lê Vinh vẽ. Lúc đó, Lê Vinh là họa sĩ vẽ phong xi-nê rất giỏi, không ai vẽ đẹp và nhanh bằng - cả Sài Gòn và Huế.

Má Sơn thường nhường cho chúng tôi ngủ trên chiếc giường Hồng Kông rộng, có bốn cột trụ treo mùng bằng sắt đen, chạm trổ... Đêm, cứ nằm nói chuyện bằng quơ, không dứt. Chuyện gì cũng tâm sự. Ngay cả chữ ký cũng hỏi nhau. Tôi còn nhớ, Sơn ký nhiều chữ ký, rồi quyết định chọn chữ có gạch ngang chạy dài trên đầu, hỏi tôi chịu không. Tôi nói, gạch ngang phía trên là cao thượng, chịu chứ. *Sao ông không vẽ thêm con cá vào cho vui.* Thế là Sơn vẽ con cá dưới góc mặt chữ ký, như cái triện của mình. Sơn chỉ vẽ một nét với cái vòng tròn con cá trước mặt tôi, tôi nói *ông phải thành họa sĩ mới đúng...* Những năm sau này, Sơn thường nói với bạn bè, Sơn vẽ là vì sự kích thích và gắn gũi với những nơi chốn mà tôi đặt atelier. *"Tôi là khách vãng lai thường trú của atelier Đình Cường. Đêm cũng như ngày. Thế giới tranh của Cường đối với tôi không có gì xa lạ, bởi vì chúng tôi đã cùng sống trong thế giới ấy từ những ngày lòng chưa hề vương bận về một tiếng thở dài..."* (Trịnh Công Sơn – Tuần tin Thanh Niên số 47, 21.11.1988).

Chữ ký có gạch ngang kéo dài trên đầu và con cá, biểu trưng cho tuổi Sơn, đã theo Sơn suốt từ những sáng tác nhạc, tranh và trên thư từ gửi cho bạn bè. Cho đến gần mười năm sau cùng, Sơn mới đổi chữ ký, bỏ gạch ngang. Ký ba chữ với ba chữ hoa ở đầu, lên xuống tùy theo tâm trạng... *"Trong từng giọng nói có màu tàn phai"*, nghe Sơn hát đến câu này khi nào tôi cũng thấy rung rung, và tôi hay nói với Sơn *"cò nghe đời nghiêng"*.

Đời mới nghiêng thôi mà Sơn đã rơi xuống vực... *"Con diều rơi cho vực thấm buồn theo"*. Vực thấm là tôi, đang âm thầm khóc bạn. Tôi cứ ngồi

nhìn qua cửa sổ, khu rừng đằng sau nhà mà nhớ lại bao nhiêu kỷ niệm... *“Giữa cuộc đời điên đảo nào đây, tôi chỉ còn sống trong vùng kỷ niệm. Lạ lùng thay cho phần số tôi: quân bình giữa cuộc đời này và một cõi đời khác, giữa ranh giới những gì đã qua và những cái nhân tiền”*. (Paul Klee)

Kỷ niệm đã ghi dấu trên từng năm tháng, từng chặng đường. Còn để lại gì.

Thời xuân xanh

Khi tôi ra Huế, thì đã nghe “ba Sơn, ba Hải, ba Hà”, các bạn hay gọi nhau như vậy. Đó là Trịnh Công Sơn, Thanh Hải và Hà Thanh (không phải Thanh Hải hát nhạc Sơn sau này, hiện sống ở Đức). Ba người bạn đã đàn ca với nhau rất sớm, bằng tất cả tấm lòng say mê âm nhạc thuở xuân sanh. Năm 1957, Hà Thanh đã hát trên Đài phát thanh Huế. Sơn sáng tác những bản nhạc đầu tay và Thanh Hải thì đàn guitare rất bay bướm, hay biểu diễn cho bạn bè xem, đàn ở nhiều vị thế... Thời đó còn có Đặng Nho thổi clarinette. Hà Thanh là ca sĩ đầu tiên bạn của Sơn và hát nhạc Sơn. Hà có nhiều em gái, Ph. Th. là đẹp nhất. Sơn ngỡ đó là mối tình đầu của mình. Đã ghi trong “Nhật ký tuổi 30” - *“Thời gian mơ ước được làm người lớn cũng là thời gian của mối tình đầu tiên. Cũng là thời gian được yêu và được nhìn người yêu mình đi lấy chồng. Cuộc tình duyên không cân xứng về tuổi tác nhưng cân xứng về danh vọng và nhan sắc. Điều này đã trở thành cổ điển và không gây thêm được một chút ngạc nhiên nào trong xã hội nhỏ nhỏ của thành phố. Tuy thế, riêng tôi, là một thất vọng không lường được. Sau đó là những mối tình khác nhau nhưng tôi vẫn khó xóa được mặc cảm (tuy càng ngày mờ dần trong tôi) đối với thành phố này...”* (Tuổi Trẻ Chủ Nhật 8-4-2001).

Đúng là các gia đình Huế thường chọn môn đăng hộ đối, để ý đến bằng cấp khi cưới hỏi cho con. Đạo ấy, Sơn thường rủ tôi đến nhà Hà Thanh ở đường Huyền Trân Công Chúa. Trước mặt nhà là dòng sông Bến Ngự, khúc sông gần nhà ga và trường dòng Pellerin. Nhờ là tôi có đem đến tặng Hà Thanh bức tranh vẽ cô gái ngồi trước biển với con dã tràng đỏ, mà Hà Thanh cứ cười: *“cô con gái chi mà dài ngoằng rứa”* - cái thời mê

Modigliani mà.

Tháng 4 vừa qua, sau hai tuần Sơn mất, bạn bè ở Washington, D.C. làm lễ cầu siêu cho Sơn tại chùa Hoa Nghiêm. Cách một tuần sau, Hà Thanh từ Boston lên hát cho ngày lễ Phật Đản. Tôi và Hà cùng nhắc lại những ngày xa xưa ấy..., mà *Nắng thủy tinh, Nhìn những mùa thu đi, Gọi tên bốn mùa* là cảm hứng từ một vẻ đẹp thánh thiện “*em đừng lên gọi mưa vào hạ...*”, để rồi sau đó Ph. Th. đi lấy chồng, là một viện trưởng Viện Đại học Huế, rồi Bộ trưởng Giáo dục... sau năm 1975, ở trại cải tạo về một thời gian thì mất. Ph. Th. ở vậy cho đến nay tại Boston. Là một phụ nữ Huế đoan trang, đức hạnh.

Mối đóng cảm nghệ thuật

Năm 1958, Trịnh Cung từ Nha Trang ra Huế học Mỹ thuật. Làm thơ với bút hiệu Thương Nguyệt, trong nhóm bạn thơ Nha Trang, với Thanh Nhung, Cao Hoành Nhân. Những bài thơ tình đầy sương khói Huế.

Sơn đã phổ nhạc bài thơ bốn chữ *Cuối cùng cho một tình yêu* của Trịnh Cung, và đã sửa câu cuối: “*Lời ca anh nhỏ, nỗi buồn hôm nay*” thành “*nỗi lòng anh đây*”. Sơn nói, “*nỗi buồn hôm nay*” có vẻ thời thượng quá. Thật vậy, câu Sơn sửa trong nhạc nghe thật hơn, hay hơn. Sau đó in trong tập nhạc Sơn tự chép tay 1968.

Nguyễn Văn Liễu (tên thật) và Thương Nguyệt đã thành Trịnh Cung từ đó.

Tôi về Huế sau Trịnh Cung một năm. Và đã thuê nhà chung với Trịnh Cung ở đường Nguyễn Thị Giang, chợ Cống. Căn nhà giữa đồng lúa hoang vắng. Chúng tôi đã vẽ với tất cả “*cuồng nộ sáng tạo*”. Những bức tranh cực kỳ lãng mạn của thời xanh lam. Năm 1962, Trịnh Cung ra trường, về lại Nha Trang rồi vào Sài Gòn làm việc. Sau đó nhập ngũ...

Tôi, Sơn, Hoàng Phủ Ngọc Tường càng ngày càng thân nhau hơn.

Tường đã viết những bài ký kể về một “*Tuyệt Tình cốc*” (Ngon núi ào ánh - NXB Thanh Niên, 1999). Đó là một căn nhà lá thấp, xưa cổ của ba mẹ Tường trong xóm. Nơi tôi và Tường ở trong sự tịch lặng, thảnh thỏang bạn bè thân thiết đến chơi, cũng là nơi để tiếp những bạn ở xa về. Như lần tiếp Thế Uyên từ Sài Gòn ra (Thế Uyên lúc đó là nhà văn đang ở trong quân đội Sài Gòn, bạn Tường). Sơn đã hát, đã trao đổi những suy nghĩ về một cuộc chiến... Tường đã viết về những ngày Đà Lạt trong mùa lễ Giáng sinh đáng nhớ nhất của chúng tôi, lần tôi và Sơn đang ở cùng nhau trên cao nguyên một thời gian dài. Thời Sơn dạy học ở B'lao. Xe đồ thoải thoát đi về giữa B'lao, Đà Lạt, Đơn Dương... quá thơ mộng và giang hồ. “*Những chuyến xe đồ thoải thoát đi về, nổi lên tiếng chim cao nguyên với loài hải âu vùng biển. Rồi lời sóng chưa kịp tan đã vội vàng nghe ra điệu xuôi. Kỳ thú như một cơn gió lãng loạn...*” (Trịnh Công Sơn, Báo Thanh Niên, 21.11.1998).

Đà Lạt, Noel 1965 và Đình Cường (Tuần tin Thanh Niên, Xuân 1993), và Căn nhà của những gã lang thang (Báo Thanh Niên, Xuân Tân Ty 2001), nói về căn nhà nơi Sơn đã ở, có những hàng cây long não mà Sơn đã gửi hồn mình trên những phiến lá ánh bạc mỗi lần ra đứng ngoài bao lơn, nhìn xuống chờ D. đi ngang qua.

Tôi kể lại cũng không bằng Tường. Tường là người bạn một thời tôi gần gũi, tôi hiểu, một người chỉ thích:

Mùa xuân lên đồi cỏ thơm

Mùa hạ nhìn trời mây khói

(Dù năm dù tháng, Người hái phù dung, thơ, NXB Hội Nhà Văn, 1992).

Một người yêu sự mong manh của hoa phù dung, nhớ hoài một màu hoa violette. Luôn giữ tình cảm lãng mạn thuần khiết với đời, với bạn. Mà cứ mãi gặp những oan khiên, hiểu lầm, gán ghép...

Mọi biến cố ở Huế, đều có tôi và Sơn. Từ mùa xuân Mậu Thân 1968. Lúc đó gia đình tôi tản cư về Hồ Mung, còn gia đình Sơn vào trú trong

thư viện Viện Đại học. Sau cái Tết thảm khốc đó, Sơn làm nhiều ca khúc gây những xúc động mạnh (*Chiều đi qua Bãi Dâu, hát trên những xác người*). Bãi Dâu, cái tên nghe đã rờn rợn của những hố hảm chôn người... của bao nhiêu vành khăn tang trắng. Rồi mùa hè đỏ lửa 1972, những ngày trước tháng 3-1975... Huế đi tàn...

Lần nào Sơn cũng cùng chung lo cho gia đình bạn bè có phương tiện di tản. Nhờ anh Hồ Đăng Lễ đang làm trưởng khu công chánh, giúp cho xe chuyên chở. Việc dựng tượng cụ Phan Bội Châu, Sơn cũng nhờ anh Lễ, khi Lê Thành Nhơn đưa ra ý kiến làm và đúc tượng đồng. Vì Huế còn có Phường Đúc, nơi đúc đồng nổi tiếng còn lại. Nhơn ra Huế dạy điêu khắc, có nhiều tâm huyết. Anh Lễ đã xoay xở vật liệu, tài chánh ban đầu để có thể khởi công. Ròng rã nhiều tháng, bao nhiêu công sức. Có lúc phải dở dang vì thiếu phương tiện. Sau cùng cũng hoàn thành. Tượng đúc đồng để mãi tại Phường Đúc, đến sau tháng 4, 1975, nhiều tiếng nói đóng góp vào, tượng được đem về dựng tại nhà thờ cụ Phan Bội Châu tại Bến Ngự.

Nhắc đến Lê Thành Nhơn, cũng là nhắc đến căn nhà 101 Nguyễn Du, nơi Nhơn ở. Những ngày trước tháng 4-75, Sơn đã đem nhiều thùng sách nhạc mới in xong đến gởi đó. Sơn và Nguyễn Trung có những ngày ở luôn tại đó. Những ngày đầu giải phóng, Sơn đến tìm lấy lại những thùng sách nhạc, thì thấy la liệt trước sân, bị lấy làm vật lấp những vũng bùn. Ừ lẽ thay, những ngày đầu của thanh lọc văn hóa. Tranh của chúng tôi còn lại, tại Dolce Vita, gallery nhỏ thuộc khách sạn Continental, cũng bị xe ba gác chở đi vất.

Huế, nhóm bạn một thời, mãi sau

Ban đầu là Sơn, Tường và tôi. Sau có thêm Ngô Kha và Bửu Ý. Tường sau khi làm luận án cao học Triết, Đại học Văn khoa Sài Gòn (giáo sư Nguyễn Văn Trung bảo trợ), về dạy triết trường Đồng Khánh. Ngô Kha sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm khóa đầu tiên của Đại học Huế (1959), dạy tại Quốc Học. Kha lấy thêm cử nhân Luật (1962). Bửu Ý

thì làm trưởng khoa Pháp văn, Đại học Sư phạm Huế. Chúng tôi thường nói với nhau: có nhạc, có triết, có họa, nay có thơ và dịch thuật nữa thì còn gì hơn. Thật vậy, với tình bạn, với say mê văn chương nghệ thuật, bổ sung cho nhau những kiến thức, chúng tôi đã một thời làm việc đầy hưng phấn. Ngô Kha cho in “*Hoa Cô Độc*”, do Rừng vẽ bìa 1962, gây luồng gió mới cho thơ. Bửu Ý dịch “*Vườn Đá Tàng*” của Nikos Kazantzakis, “*Con Lừa Và Tôi*” của Ramon Rimeñez rất thơ mộng. Tường say sưa với siêu hình học. Còn Sơn và tôi với những quả chín đầu mùa: “*Điểm Xưa*” của Sơn, và “*Miền Lệ Xanh*” của tôi, được chọn dự triển lãm lưỡng niên họa sĩ trẻ tại Paris, 1962.

Ngô Kha bị bắt ở Huế và chết ngay sau khi Hiệp định Paris vừa được ký kết 1973 (đến nay vẫn chưa biết đích xác bị chết như thế nào, chưa tìm ra dấu tích).

Thời gian này có thêm Bửu Chi. “... Trong những năm chiến tranh ác liệt nhất ở miền Nam, nếu ở địa hạt âm nhạc tôi viết những ca khúc phản chiến và khát vọng hòa bình, thì ở phía hội họa, họa sĩ Bửu Chi gần như là người duy nhất vẽ rất nhiều về đề tài chiến tranh và hòa bình. Anh nổi tiếng vào thời ấy với những tranh nhỏ trên giấy vẽ bằng bút sắt với mực đen...” (TCS, Bửu Chi Một Cuộc Truy Hoan Vô Tận Về Cõi Vô Thường).

Không khi bạn bè lúc ấy, phải kể anh chị Đỗ Long Vân, từ Pháp về. Anh Đỗ Long Vân từ Đại học Sorbonne về dạy Đại học Văn khoa Huế. Đềm nào chúng tôi cũng cùng anh chị Vân, Quỳ đạp xe đạp vào cà phê Dung trong Thành Nội, ngồi nói chuyện với nhau cho đến khuya. Hai người bạn ngoại quốc nữa là Christian Cauro, dạy Đại học Văn khoa, và bác sĩ Eric Wulff, dạy Đại học Y khoa... Cauro và Wulff hiện ở Paris và ở Đức, vẫn liên lạc với chúng tôi, tình nghĩa như xưa...

Vài người bạn gái của Sơn mà tôi biết...

Trở thành bạn thân thiết chung của chúng tôi sau đó. Cho đến nay, Tôn Nữ Bích Kh. trong *Biển nhớ*, còn ở Nha Trang, tôi có lần ghé thăm.

Hai chị em Bích D., và Dao A., ở California, trong *Diễm xưa* và *Xin trả nợ người*. Tháng cuối cùng trước khi Sơn mất, Dao A. về thăm, suốt tuần sáng nào. A. cũng đến ngồi trên chiếc xe lăn của Sơn, chỉ còn biết nhìn Sơn, cho đến chiều tối mới về nhà. Chúng tôi thường đùa với Sơn: “D. xưa, A. nay”. Đạo đó, nhà Sơn dọn về ở khu nhà mới xây của Dòng Chúa Cứu Thế, 11/3 Nguyễn Trường Tộ. Địa chỉ của Sơn cho đến sau 75. Hiện nay gia đình Hoàng Phủ Ngọc Tường đang ở: “... *Hình như trong mỗi góc đầy bóng tối của căn nhà này, trên chiếc bàn viết gỗ mục của Sơn để lại, và trong chiếc ghế bằng sợi mây hẻo lánh của Cường thường ngày vẫn ngồi vẽ, đều dậy lên mùi hương lãng lã của tuổi trẻ chúng tôi*”. (Hoàng Phủ Ngọc Tường - *Căn nhà của những gã lang thang* - Báo Thanh Niên, Xuân Tân Ty 2001).

Căn nhà mang nhiều kỷ niệm của Sơn, nhất là tháng ngày sau giải phóng. Khi cả gia đình Sơn đã ở tại căn nhà mới xây không lâu trước 1975 - 47C Duy Tân, nay là Phạm Ngọc Thạch, Sài Gòn. Sơn trở lại Huế một mình với bạn bè, sống những ngày đầu sau giải phóng, còn biết bao khó khăn, nghi kỵ. Sơn vào sinh hoạt tại Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên, thường đi lao động chung cùng Bửu Chỉ, khi tại Huế, khi tại Quảng Trị (không hề đi cải tạo hay kinh tế mới ở Khe Sanh như nhiều tin đã viết).

Mỗi đêm, chúng tôi vẫn đến nhà Sơn uống rượu, Lữ Quỳnh và tôi ở trong Thành Nội, đạp xe qua Sơn, Quỳnh thường lấy chai đi mua rượu để (chai mua hôm trước, hôm sau đến đổi lấy chai mới về). Phần lớn là rượu dỏm, vì khan hiếm gạo nếp... còn nghe nói bỏ cả thuốc rây vào cho trong. Ôi, một thời của những buổi rượu độc hại như thế, mà quây quần và nói cười, về chân dung bạn bè treo đầy tường, nhất là Bửu Chỉ. Phải kể đến người bạn mới quen sau 1975 mà chúng tôi rất quý mến: Thái Bá Vân, người viết phê bình nghệ thuật được các họa sĩ nể trọng. Vân mất trước Sơn hai năm, cũng vào tháng Tư. Vân đã viết: “*Riêng tôi, mãi sau khi miền Nam giải phóng, nhờ những chuyến dạy học ở Huế, 1978-1981, tôi mới được gần Trịnh Công Sơn, trên căn nhà nhỏ đường Nguyễn Trường Tộ, đầy kỷ niệm với bạn bè trong đó. Niềm an ủi ấy là của hàng triệu*

người đã khuất, dành cho chúng tôi, và mỗi lần nhớ lại, chúng tôi đều thấm rơi nước mắt". (Thái Bá Vân - *Tiếp xúc với nghệ thuật*, Viện Mỹ thuật Việt Nam - 1997).

Chính tại căn nhà này Sơn đã viết bài *Diễm xưa*, ghi một dấu mốc cho ca từ đầy chất huyền thoại của Sơn "... Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau". Có lần Sơn bắt gặp một nhánh hoa sầu đông tím cắm trước cửa sổ nhà. Mà còn ai, ngoài cô gái mỗi ngày vẫn đi học ngang qua đó. Tất nhiên là Sơn kể cho tôi ngay với nhiều xúc động. Và, Sơn đã bạo dạn một lần, nhờ tôi đi cùng, qua thăm D., nhà bên kia sông, qua cầu Phú Cam, rẽ mặt, đi một đoạn đường Phan Chu Trinh... Lúc này, tôi cũng đã thuê phòng trọ trong con hẻm đá gần nhà D. và nhà Túy Hồng (chị dạy Việt văn trường trung học Hàm Nghi, đã viết truyện ngắn đăng ở *Bách Khoa*, gây chú ý nhiều độc giả). Tường về đó ở chung cùng tôi để đi dạy gần hơn. Tôi còn nhớ nét mặt nghiêm của ông cụ D., giáo sư Pháp văn trường Đồng Khánh. Ông cụ đã nhìn chúng tôi bằng đôi mắt nghi kị, nhất là Sơn, tóc dài, có râu thưa thưa dưới cằm. Nhưng đã liêu thì phải chịu trận. Lúc D. đưa chúng tôi ra cổng, cổng sân là hai liếp cửa gỗ thấp. Còn nhớ rõ là lúc đó, em gái D., còn nhỏ lắm, chạy theo ra nhìn Sơn. Ai ngờ sau này Sơn đã da diết với cái dáng vẻ khoan thai, áo lụa vàng của A., để rồi, thất vọng, để rồi... hai mươi năm sau mới được: "... Hai mươi năm em trả lại rồi. Trả nợ một đời xa vắng vòng tay...".

Biển nhớ hay bóng dáng của Bích K. là một giai đoạn ngắn. Vì hoàn cảnh và thời cuộc lúc đó, Sơn vào Qui Nhơn nấp dưới bóng trường sư phạm. Hè 1962, tôi vào thăm Sơn vì Sơn ở lại, không về Huế. Đêm nào Sơn cũng rủ Bích K. cùng tôi ra biển ngồi đến khuya. Bích K. từ Nha Trang ra Qui Nhơn học, cùng lớp, hay săn sóc cho Sơn, lúc ấy chỉ thấy khi nào Sơn cũng mặc chiếc áo chemise kaki vàng. K. thường đem cà phê đến tặng Sơn. Chúng tôi đã ngồi uống cà phê với nhau dưới mái quán thấp ven biển lợp bằng lá kê. *Biển nhớ* là cảm hứng từ muôn vàn đợt sóng lấp lánh trong những đêm khuya khoát ấy, mà Sơn đã kéo cao cổ áo, chột rùng mình, rồi có một ngày sẽ xa những dấu chân trên cát, có còn "trời cao níu bước Sơn Khê...". Thời Qui Nhơn này của Sơn phải kể đến trường

ca *Tiếng hát dã tràng* mà hè 1964, trong lễ ra trường, Sơn đã dàn dựng cùng bạn bè hát rất thành công. Sơn đã chép tặng tôi mấy trang bản trường ca này. Tôi đem về, dán đầy các ô cửa kính. Tiếc là bây giờ thất lạc, không tìm lại được.

Nhắc đến Sơn – Khê, Sơn hay ghép tên bạn gái vào lời nhạc của mình một cách hồn nhiên như vậy. Như sau này, một cô gái bình thường, có sắc đẹp quyến rũ, ở cạnh nhà Tôn Thất Văn, làng Báo chí, Thủ Đức. Tôn Thất Văn là họa sĩ vẽ tranh lụa nổi tiếng, bạn thân của chúng tôi. Tuần nào chúng tôi cùng về nhà Văn uống rượu. Sơn đi chiếc xe PC màu vàng cam... *Cây sẽ cho Lộc và cây sẽ cho hoa*. Lộc là cô láng giềng của Văn mà Sơn đã si tình.

Cũng như “*Bống Bống ơ*” sau này của Sơn. Bống là tên gọi ở nhà của Hồng Nhung:

*Ngày Bống me bồng
Nhẹ quá tơ tằm
Lay nhẹ bống bống bông
Lay nhẹ đóa Hồng Nhung.*

Và còn nữa, Quỳnh H. của “*nụ cười khúc khích trên lưng*”, Chu Nguyệt Ng., mà chúng tôi đã sửa soạn đi ăn cưới, Michiko, cô gái Nhật rất thương Sơn, chơi bóng rổ giỏi, đã làm luận án về nhạc Sơn tại Đại học Sorbonne, Paris...

Đà Lạt mù sương 1965

Là những tháng ngày sương khói, lãng đãng nhất. Hình ảnh phải ghi lại cả quên, là chiếc khoen tai lớn với mái tóc dài đang băng qua đồi Cù. Phùng Thị L., hình ảnh của *Như cánh vạc bay*:

*Gió sẽ mừng vì tóc em bay
Cho mây hôn ngủ quên trên vai*

*Vai em gầy guộc nhỏ
Như cánh vạc về chôn xa xôi...*

mà tôi đã gặp lại bên này, khi đến Canada, về thăm Ottawa. *Tóc gió thổi bay bay như một âm hưởng của nhạc Sơn khởi đi từ Đà Lạt. Như Đàn bò vào thành phố khởi đi từ B'laho.*

Sau triển lãm tranh một mình đầu tiên ở Huế, rồi Đà Nẵng, Noel 1965 triển lãm tại Alliance Francaise, Đà Lạt. Nơi nào Sơn cũng ở bên tôi. Thời gian này Sơn gặp Khánh Ly, mới hát ở night club Đà Lạt. Sau đó về hát với Sơn ở sân trường Văn khoa, quán Văn, Sài Gòn, được sinh viên nồng nhiệt tán thưởng.

Đà Lạt, căn phòng tôi thuê ở đường Hoa Hồng. Những chiều chúng tôi thường ra kiosque cô Ba gần hồ Xuân Hương uống bia. Sơn giới thiệu tôi với cô Ba tôi làm nghề sửa xe, vì tay chân lem luốc sơn màu. Cô Ba thấy chúng tôi còn trẻ mà chiều nào cũng ra quán ngồi, thắc mắc lắm. Sau đó, khi bày tranh, Sơn nói tôi mời cô Ba đến dự. Lúc đó cô mới ưu đãi chúng tôi hơn nữa. Uống bia nửa giá...

Những đêm khuya Đà Lạt, lúc đó Nguyễn Xuân Thiệp, trung úy, mới nhận chức trưởng đài phát thanh quân đội Đà Lạt, có chiếc jeep, cứ tối xuống la cùng nhau uống rượu, khuya về, lái xe cứ lòng vòng vì say...

Bên cạnh Sơn còn có em Sơn, Trịnh Xuân Tịnh. Thời ở Đà Lạt, Tịnh là người gần gũi, chăm sóc cho Sơn, lo in và phát hành nhạc, từ những bản nhạc rời cho đến in thành tập. Thời gian đầu tiên đó, tôi luôn vẽ bìa cho Sơn và được "nổi tiếng lây", khi tờ *Le Monde*, tờ báo lớn và uy tín của Pháp, có bài của J.P. Monti viết về Sơn, in kèm cái dessin tôi vẽ Sơn rất kỹ bằng bút sắt, trong tập ca khúc đầu tiên của Sơn được in ra, rất đẹp, nhà xuất bản An Tiêm. Tô Thùy Yên viết bài giới thiệu. Chắc Tịnh không quên được cái đêm Sơn và Tịnh vợ hết tiền của anh em khi Sơn và Tịnh đánh xi tẩy trắng, lặn tiền dày cộm trong áo, đi giữa khuya Đà Lạt. Sơn chơi binh xập xám và xi tẩy "chì" lắm.

Trở lại Sài Gòn, thời “cậu”

Còn non choẹt lúc đó mà đêm nào chúng tôi cũng vào dancing Tự Do, được tài-pán Cường lúc nào cũng ngả người “chào cậu” và luôn dành cho cái bàn nhỏ trên lầu. Sơn nhảy bebop bay bướm và thích nhất điệu này. Những đêm đi phòng trà thường có cả Trịnh Cung, lúc đó đang thuê căn phòng trong khu phố sau chợ Trương Minh Giảng, cạnh phòng Huy Cường, tài tử xine đang ăn khách. Có những đêm tôi và Sơn lên Trịnh Cung chơi vì hết tiền. Đang ngồi lơ mơ với nhau, đã khuya mà có người gõ cửa mua tranh. Cung bán được tám tranh, chúng tôi lại xuống phố...

Sơn có những cuộc si tình kỳ lạ. Kỷ niệm si tình đáng nhớ nhất, là không biết Sơn mua chiếc nhẫn bằng platine bạc lúc nào, đeo ở ngón tay. Đêm đó, sau khi nhảy xong - thường là với Dung và Thanh Thủy Tàu (vì cô lai Tàu, và để phân biệt với ca sĩ Thanh Thủy), Sơn nói là có món quà tặng Thủy, chốc nữa về sẽ trao. Khi ra khỏi cửa phòng trà, giữa khuya, đi một đoạn đường Tự Do thì Sơn nói Thanh Thủy nhắm mắt lại, Sơn lấy chiếc nhẫn đeo vào ngón tay đeo nhẫn cưới của Thanh Thủy, làm Thanh Thủy cảm động, bỏ chạy tới trước, chiếc robe trắng tung bay trong phố khuya...

Đêm trên phố khuya ấy là một kỷ niệm đẹp. Trong chúng ta, ai mà không có những góc phố kỷ niệm:

*Niu vai phố rộng xin về
Với cây gió trút với hè nắng rưng
(Bùi Giáng)*

Với Sơn thì:

*Về trên phố cao nguyên ngời
Tiếng gà trưa gáy khan bên đồi.*

như còn nghe rõ “ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì” của chúng tôi

trên phố B'lao, Đơn Dương, Đà Lạt...

Năm 1965 có lẽ là năm tháng đáng ghi nhớ nhất của tôi và Sơn. Sơn được các bạn ở Sài Gòn tổ chức buổi ra mắt đầu tiên trước quần chúng tại khu đất trống sau lưng trường Văn khoa Sài Gòn cũ (nay là Thư viện Quốc gia). *"...Với tôi, đây là buổi thử nghiệm xem mình có thể tồn tại trong lòng quần chúng được không. Trước mặt đám đông đến mấy nghìn người gồm đủ thành phần văn nghệ sĩ, trí thức, học sinh, sinh viên, tôi cảm thấy mình quá trơ trọi và đầy lo âu trên bục gỗ với cây đàn guitare dưới ánh sáng đèn... Buổi hát đã để lại một ấn tượng khá tốt đẹp cho người trình bày lẫn người nghe..."* (Trịnh Công Sơn).

Còn tôi có cuộc bày tranh Noel ở Đà Lạt với đồng bạn bè lên dự, có cả Phạm Duy, Nguyễn Văn Trung, Đỗ Long Vân, Tôn Nữ Kim Phượng, Christian Cauro... Tôi, Sơn và Tường không còn gì hạnh phúc hơn tình bạn... Phòng tranh này tôi để tặng Tuyết Nhung...

Thời gian xa bạn

Tôi có 15 năm sau giải phóng còn ở lại cùng Sơn, Sài Gòn - Huế - Hà Nội. Cùng gặp những người bạn vong niên rất quý: Nguyễn Tuấn, Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Hoàng Cầm, Quang Dũng, Phùng Quán, Thái Bá Vân... Các anh Tuấn và Văn Cao thân thiết với Sơn nhất. Đến chơi với Sơn cũng là đến với bạn bè Sơn, vì lần nào Sơn cũng gọi chúng tôi đến cùng uống rượu. Sơn và Văn Cao có dáng dấp giống nhau. Người gầy, hai bàn tay ngón dài tài hoa. Thơ, nhạc, vẽ đều tài hoa. Hoàng Ngọc Hiến đã tiến cử một bài thơ tình hay nhất của thế kỷ, nhân một nhóm những người yêu thơ yêu cầu, đó là lời của bài nhạc *Đêm thấy ta là thác đổ*. Tôi cũng đồng ý như vậy. Máy năm ở Sài Gòn, tôi có vẽ bức sơn dầu *Bỏ tôi đứng bên đời kia*, cảm xúc từ mấy câu của Sơn:

*Lòng tôi có đôi lần khép cửa
Rồi bên vết thương tôi quý
Vì em đã mang lời khẩn nhỏ*

Bỏ tôi đứng bên đời kia.

Sau đó bán cho người khách đem về Nhật. Tháng trước khi Sơn mất, tôi còn gọi điện thoại về đùa với Sơn: Hoàng Ngọc Hiến bình chọn ông có bài thơ tình hay nhất thế kỷ, bây giờ mình sẽ bình chọn ông là người vẽ hay nhất của thế kỷ. Sơn cười khoái chí, nói, đừng nói vậy mà người ta ghét. Sơn sợ người ta ghét lắm. Vì Sơn chẳng ghét ai bao giờ. “Thầy kệ” (không phải thôi kệ) là chữ Sơn hay nói khi có ai xấu với mình...

Tôi cùng gia đình qua Mỹ cuối năm 1989. Những ngày đầu năm 1990, Sơn đã viết thư chia sẻ với tôi những lo toan lúc ban đầu khi đến Salt Lake city, tiểu bang Utah: *“Mình nghĩ ban đầu có khó khăn, nhưng dần dà rồi đầu cũng vào đấy cả. Lẽ ra cái tuổi bọn mình, phải bắt đầu nhàn thì bây giờ chỉ mới khởi công. Cũng gay go thật. Chúc tất cả hãy can đảm và thiện trước mọi cảnh đời đa đoan phức tạp”* (trích thư Sơn, 5-3-1990).

Hai năm sau, đang nhớ bạn thì Sơn nhắn, sẽ qua Montréal, Canada thăm gia đình các em. Lúc đó là tháng 3-1992, Canada còn tuyết nhiều. Tôi qua thăm Sơn ngay, có gặp cả Khánh Ly. Lại suốt ngày lang thang ở phố thị St. Laurent, Duluth... Sơn cứ chỉ bằng sổ xe của Canada có hàng chữ *“Je me souviens”* mà nói: thành phố này có tình. Có đêm vào quán nhạc Jazz nổi tiếng vừa uống rượu vừa nghe đàn. Tôi vẫn mê tiếng đàn trầm contrebasse. Sơn thì saxophone. Sau đó về nhà ngồi uống rượu tiếp đến 2, 3 giờ sáng và vẽ. Sơn thích vẽ trong những lúc thấm rượu và khuya khoát như thế. Lần đó Sơn hát cho tôi nghe *Tôi ở đâu tuyệt vọng*. Tôi thật sự xúc động khi nghe câu: *“Con diều rơi cho vực thẳm buồn theo”*. Tôi cứ thấm hát cùng Sơn câu này. Nét phóng bút của lời nhạc Sơn chép tặng tôi, vẫn treo trên cánh cửa từ ngày Montréal về cho đến nay, mới đó mà đã gần 10 năm.

Hội họa, giấc mộng không bờ bến của Sơn

Đến với nhạc Sơn là đến bằng linh cảm, bởi vì tâm hồn Sơn là một tâm

hồn nhảy bèn không cùng, với hội họa cũng vậy. Sơn cũng vẽ dễ như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát nói: *“Trịnh Công Sơn viết dễ như lấy chữ từ trong túi ra”*.

Không gian tranh của Sơn bao giờ cũng dờ dang, nhưng lại đầy tình khiết, sáng tạo: *“Nghệ thuật dạy cho tôi biết biên giới của hữu hạn và sự vô cùng. Riêng trong hội họa tôi còn bắt gặp thêm cái không bờ bến của một giác ngộ tự do tinh thần”*. Sơn phát biểu như một tuyên ngôn nghệ thuật. Tranh Sơn thanh thoát đến hư tưởng. Người xem thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, khác với những *“lời ca thơ”* đầy nước mắt của Sơn *“tôi không thể phân biệt được nước mắt với âm nhạc”* (Nietzsche).

Những hình thể mảng màu trong tranh xếp đặt ngộ nghĩnh và đầy suy tính, lại rất đúng với nguyên lý của nghệ thuật mới. Những họa sĩ chuyên nghiệp đôi lúc cũng ngỡ tay, khó bóp méo hình thể và sắp xếp không gian được như vậy.

Sơn rất giỏi vẽ nắm bắt những nét đặc trưng khi vẽ chân dung, nhất là chân dung những người bạn thân thiết. Sơn vẽ nhiều chân dung Văn Cao rất đẹp. Lột tả được nét tinh tế trên từng khuôn mặt. Chân dung thiếu nữ như chân dung Linh Đan, chân dung M., là những bức tranh đẹp nhất của Sơn.

Nguyễn Trung đã viết *“hôm nay chúng ta noi về Trịnh Công Sơn họa sĩ. Michel Ragon, nhà lý thuyết người bênh vực nghệ thuật mới, nghệ thuật trừu tượng, có viết rằng trong thời đại chúng ta, không còn những họa sĩ vẽ chơi (peintre du dimanche) nữa. Rất đúng với Trịnh Công Sơn. Anh mới vẽ một vài năm nay và đã trở thành họa sĩ thực thụ”* (phòng tranh Đình Cường, Đỗ Quang Em, Trịnh Công Sơn, *Sự phối hợp thú vị của ba tính chất khác nhau, Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, 5.1.1989).

Đó là lần bày tranh tại Nhà Hữu nghị Tiệp Khắc 1989. Tôi, Đỗ Quang Em và Sơn. Trước đó, năm 1988, một phòng tranh tại nhà Sơn của Tôn Thất Văn, Sơn và tôi, cũng rất thành công.

Hãy trở lại, Sơn ơi

Lần cuối cùng tôi và Sơn còn bên nhau là tháng 8 năm 2000. Mùa hè tôi từ Virginia về ở tại nhà Sơn một tháng, trưa chiều đều ngồi với nhau ở căn phòng đầy hơi hướm bạn bè tứ xứ của Sơn. Cái mặt bàn tròn là thân cây đại thụ chở từ Campuchia về, bốn chiếc ghế mây và một dãy ghế để cạnh. Cái thùng ván thông lớn, trang trí đầy màu sắc, đựng những chai rượu chất. Chiếc đàn piano đen ám bụi, đồng màu dầu và acrylic để trong góc. Tranh dựng, treo ngồn ngang. Sơn đã vẽ tại đây, hát tại đây. Xấp bàn thảo là những tờ giấy rời luộm thuộm. Cuốn sổ ghi địa chỉ và số phone ủa vàng, Sơn đã ghi chú chi chít trên đó. Mấy năm sau này, Sơn đã bỏ hẳn thuốc lá, chỉ còn uống ít rượu. Đang uống Black label.

Cuộc bày tranh chung giữa ba người bạn: Trịnh Công Sơn, Bửu Chỉ và tôi tại gallery Tự Do (từ 20-8 đến 3-9-2000) mà Sơn đã tự mình phát biểu: *"Nghệ thuật đích thực là một thứ thông điệp còn lại sau cùng, khi mọi hình thức tồn tại khác đã mất đi"* là cuộc chơi cuối cùng sao Sơn?

V Ầ N N G Ọ C

trình công sơn, khánh ly và những khúc tình ca một thời

Hơn 35 năm đã trôi qua, giờ đây nghe lại một số bài tình ca phản chiến của Trịnh Công Sơn, qua giọng hát Khánh Ly, tôi vẫn cảm thấy bồi hồi, xúc động.

Những bài hát đưa tôi trở về một thời quá khứ chưa xa lắm, về giữa lòng đô thị miền Nam những năm 1960-1970, với tiếng đại bác đêm đêm vọng về, với những hoang mang, tuyệt vọng, những khát khao, hy vọng, của cả một thế hệ trẻ.

Giờ đây, nghe lại những bài hát thời quán Văn, Sài Gòn (1966-1967), thời Trịnh Công Sơn mới 27-28 tuổi, và Khánh Ly mới 21-22, thời mà cả người hát lẫn người nghe cùng hãy còn trẻ, tôi chợt cảm nhận được cái giá trị đích thực của chúng.

Hiện tượng Trịnh Công Sơn, hay đúng hơn, những ca khúc của Trịnh

Công Sơn, chỉ có thể giải thích được bởi những nguyên nhân lịch sử và xã hội: không có cái thực tế đau xót của chiến tranh và hận thù, không có cái không khi hoang mang bao trùm lên cả một giới trẻ thành thị, không có một sự đồng tình, đồng cảm nào đó giữa người hát và người nghe, thì không thể nào có được những bài hát ấy. Những tiếng hát đã cất lên giữa một trời khói lửa, tuy không “át được tiếng bom” song cũng đã nói lên được những suy tư của con người về chiến tranh, về quê hương, về ý nghĩa của sự sống, sự chết, và về tình yêu như một giá trị cần được bảo vệ, nếu không là một cứu cánh. Đó là một phản ứng tự nhiên của bản năng tồn tại, và chính cái sức phản kháng mãnh liệt đó đã truyền cái hơi của nó cho nghệ thuật.

Tôi cũng chợt hiểu rằng, một bài hát chỉ có thể làm cho người nghe, cũng như người hát, say mê, xúc động thực sự ở vào cái thời điểm lịch sử, khi nó chuyên chở một nguyện vọng, một niềm tin, hoặc một thông điệp nào đó. Cái thời của một bài hát cũng là cái thời điểm thăng hoa của nó, khi nó được đông đảo quần chúng đương thời yêu thích và hát lên với tất cả niềm say sưa, tin tưởng. Đó gần như là một quy luật trong nghệ thuật, và cũng là cái số phận chung của những bài hát, trong bất cứ nền văn hóa nào, dù cho đó là những bài hát nổi tiếng nhất một thời.

Tuy nhiên, khi vai trò lịch sử của chúng đã chấm dứt, có những bài hát vẫn còn được người ta yêu thích trong một thời gian dài, vì nhiều lý do khác nhau: hoặc vì vẻ hình thức, chúng vẫn còn giá trị nghệ thuật, hoặc vì về nội dung, chúng chưa bị lỗi thời, hoặc vì chúng gợi nhắc đến một cái không khí nào đó, một thời kỳ nào đó, mà người ta chưa muốn quên đi.

Đó là trường hợp của một số bài hát của Trịnh Công Sơn.

Hơn 35 năm sau, nếu những người trẻ tuổi thời đó bây giờ vẫn còn có thể nghe lại, hát lại, và cảm nhận được cái hay, cái đẹp của một số bài hát trữ tình, lãng mạn của Trịnh Công Sơn, như: *Ướt mi*, *Điểm xưa*, *Tuổi đã buồn*, hay *Nhìn những mùa thu đi*, v.v..., thì đối với nhiều bài ca phản chiến trong *Ca khúc Da vàng*, họ thấy như đã có cả một khoảng cách.

Tuy nhiên, có những bài ca phản chiến đã thoát được ra khỏi thông lệ này, như bài *Tình ca của người mất trí*, hay bài *Xin cho tôi*, và ở một mức độ khác, *Ca dao mẹ*, *Đại bác ru đêm*, v.v...

Bài *Tình ca của người mất trí* là một trong những bài tình ca phản chiến của Trịnh Công Sơn mà tôi cho là hay nhất, cả về cảm hứng, bố cục, giai điệu, lời ca và đặc biệt là nó có một khí thế, một sức truyền cảm ghê gớm, qua tiếng hát Khánh Ly. Cả bài hát toàn là những lời của một người “mất trí”, có người yêu chết trận ở khắp mọi chiến trường, trên khắp mọi miền đất nước Việt Nam. Những hình ảnh chết chóc rùng rợn, khủng khiếp, được gởi lên một cách lạnh lùng, câu chữ được tiết kiệm đến mức tối đa. Hình ảnh “người yêu chết trận” nói lên ba ý chính trong dòng nhạc phản chiến của tác giả, là: lên án chiến tranh, khơi dậy lòng nhân đạo, ca ngợi và bảo vệ tình yêu. Tình yêu chính là một vẻ quan trọng trong dòng nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn, vì đối tượng của nó chủ yếu là giới trẻ, và giới trẻ thời ấy, hay một thời nào khác, ở nơi ấy, hay một nơi nào khác, dù trong tình huống nào, cũng vẫn nhạy cảm với chuyện yêu đương, vì chuyện yêu đương mới thật sự là chuyện của họ.

Những ý tưởng về quê hương, về chiến tranh, về thân phận con người, về tình yêu, đôi khi được thể hiện tách riêng nhau trong từng bài hát, có những bài chỉ thuần túy là những bản tình ca lãng mạn (*Ướt mi*, *Điểm xưa*, *Tuổi đã buồn*, *Tình xa*, *Nhìn những mùa thu đi*, v.v...); có những bài lại chỉ nặng về ý tưởng đấu tranh (phần lớn các bài trong tập *Ca khúc Da vàng*). Đôi khi, hiếm hoi hơn, nhiều ý tưởng hòa quyện với nhau trong cùng một bài hát, như trong các bài *Tình ca của người mất trí*, *Xin cho tôi*, v.v...

Về mặt kỹ thuật, bài *Tình ca của người mất trí* cũng là bài hát khó hát nhất mà Khánh Ly đã hát rất đạt ở nhiều thời điểm, nhưng có lẽ lần hát ở quán Văn năm 1967 là lần đạt nhất, mặc dầu thời đó điều kiện kỹ thuật truyền thanh và thu thanh còn rất thô sơ. Bài hát này, cũng như bài *Xin cho tôi*, phải nghe Khánh Ly hát ở đó, vào cái thời điểm đó, mới thấy thật là thấm thía:

Tôi có người yêu / chết trận Pleime
 Tôi có người yêu / ở chiến khu Đ
 Chết trận Đồng Xoài / chết ngoài Hà Nội
 Chết với vàng / dọc theo biên giới
 Tôi có người yêu / chết trên Chu Prong
 Tôi có người yêu / bỏ xác trôi sông
 Chết ngoài ruộng đồng / chết rừng mịt mù
 Chết lạnh lùng / mình cháy như than
 (Trịnh Công Sơn, Tình ca của người mất trí)

Một số bài tình ca hay nhất của Trịnh Công Sơn đã được Khánh Ly trình diễn ở buổi ca nhạc này: *Diễm xưa*, *Mưa hồng*, *Ru em từng ngón xuân nồng*, *Gọi tên bốn mùa*, *Nhìn những mùa thu đi*, *Còn tuổi nào cho em*, *Tuổi đã buồn*, v.v... Tuy nhiên, đáng chú ý nhất vẫn là hai bài tình ca phản chiến: *Tình ca của người mất trí* và *Xin cho tôi*, qua đó Khánh Ly bộc lộ rõ khả năng giọng hát của mình, một giọng hát có thể xuống rất thấp, rất trầm, mà cũng có thể lên rất cao, một giọng hát khỏe, dài hơi, giàu nhạc tính. Khánh Ly bao giờ cũng hát đúng giọng, đúng nhịp, ngân, láy, đúng lúc, cách phát âm tiếng Việt chuẩn xác - càng về sau càng già giận thêm - một giọng hát, ngay từ thời ấy, tuy vẫn còn nguyên cái chất tươi mát, hồn nhiên của tuổi đôi mươi, nhưng dường như đã mang nặng sáu đau ; một giọng hát vừa có thể lắng lơ một cách đáng yêu trong các bản tình ca lãng mạn, lại vừa có thể phản nộ, bi ai, trong các bài ca phản chiến:

Xin cho tôi / đến tận nụ cười
Cho tôi quên / một năm mờ mịt (...)
Xin cho đêm / không có đạn bay (...)
Xin cho tôi / ra khỏi cuộc đời.

Bài *Nhìn những mùa thu đi* do Khánh Ly và Trịnh Công Sơn cùng hát, cũng là một sáng tạo tuyệt vời khác!. Ít khi nào tôi được nghe một bài hát hai giọng, một nam một nữ, hay như thế:

Nhìn những mùa thu đi / Em nghe sáu lên trong nắng

Và lá rụng ngoài song / Nghe tên mình vào quên lãng
 Nghe tháng ngày chết trong thu vàng
 (Trịnh Công Sơn, Nhìn những mùa thu đi)

Qua bài hát đôi này, người ta càng thấy rõ hơn vai trò quan trọng của tiếng hát Khánh Ly trong sự diễn đạt những bản tình ca của Trịnh Công Sơn. Không phải tình cờ mà Trịnh Công Sơn thường hay để Khánh Ly hát những bài hát trữ tình này. Tiếng hát, giọng hát và cách hát của Khánh Ly hoàn toàn ăn khớp với những bài tình ca đó: vừa đủ gợi cảm, vừa đủ buồn, mà vẫn không suốt mướt. Khi hát đôi, nhạc sĩ cũng thường để Khánh Ly hát giọng chính và hát gần vào micro, giọng nam chỉ là giọng phụ, lui hẳn về phía sau. Đặc biệt trong bài *Nhìn những mùa thu đi*, người ta có thể ghi nhận được cái tài luyện lầy rất tự nhiên, đôi khi rất “điệu”, nhưng bao giờ cũng rất kín đáo của Khánh Ly. Một vài nét điểm xuyết nhẹ nhàng, đầy đủ, đủ đem lại cho bài hát cái chất lãng mạn, thậm chí lãng lơ cần thiết.

Nhiều người nghĩ rằng, vào thời kỳ ấy, Trịnh Công Sơn đã chỉ sáng tác chủ yếu để cho Khánh Ly hát (chính nhạc sĩ cũng đã công nhận điều này, trong một cuộc phỏng vấn). Có thể nói rằng, Khánh Ly đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp sáng tạo của Trịnh Công Sơn. Nhiều tác phẩm của nhạc sĩ đã nhờ tiếng hát Khánh Ly mà chinh phục được quần chúng. Bài *Ướt mi* (1959), tác phẩm đầu tay (hay đầu tiên) nổi tiếng của Trịnh Công Sơn, do Khánh Ly hát và thu băng lần đầu tiên năm 1964, là một thí dụ. Vào thời đó, nhắc đến *Ướt mi*, là người ta chỉ nghĩ đến tiếng hát Khánh Ly, và ngược lại. Điều đó thường vẫn xảy ra trong lãnh vực ca nhạc. Trong truyền thống ca nhạc Âu Mỹ, chẳng hạn, khi người ta nhắc đến một bài hát nổi tiếng nào, là người ta thường chỉ nghĩ đến tên người ca sĩ đã làm cho nó nổi tiếng mà thôi, còn tác giả bài hát có khi không được biết đến!

Cái gì đã tạo nên cái chất giọng và cái tài năng của một ca sĩ như Khánh Ly, đúng vào thời điểm nhạc Trịnh Công Sơn ra đời? ... Đó là sự liên tục trong tiếng hát. Các câu chữ cuốn theo nhau, không ngừng nghỉ, cuốn cuộn

như một dòng chảy (*Từ Ướt mi, Tuổi đã buồn cho đến Tình xa, v.v...*).

Cái gì đã tạo nên cái chất giọng và cái tài năng của một ca sĩ như Khánh Ly, đúng vào thời điểm nhạc Trịnh Công Sơn ra đời? Điều mà người ta có thể biết chắc được, là trước khi lên Sài Gòn hát với Trịnh Công Sơn, Khánh Ly đã từng đi hát phòng trà ở Đà Lạt, và chắc hẳn cô bé Lê Mai (Khánh Ly) đã được học hát từ rất sớm. Bằng chứng là năm 14 tuổi (1959), cô đã được giải nhì trong một cuộc thi tuyển lựa “Thiếu nhi tài sắc” do Đài phát thanh Sài Gòn tổ chức. Năm 17 tuổi Khánh Ly bắt đầu đi hát ở các phòng trà. Đến năm 19 tuổi (1964), cô được Trịnh Công Sơn mời về Sài Gòn trình diễn và thu băng cho các hãng đĩa (bài *Ướt mi* và băng nhạc *Sơn Ca*). Năm 22 tuổi (1967), Khánh Ly hát ở quán Văn. Trước đó, cô cũng đã từng đi hát với Trịnh Công Sơn ở các trường đại học. Trước khi gặp Trịnh Công Sơn chắc hẳn Khánh Ly đã có một cá tính khá nổi trội rồi. Đương nhiên, với Trịnh Công Sơn, với cái vốn hát đã có sẵn, Khánh Ly đã học hỏi được rất nhiều điều mới mẻ. Cái chất giọng đặc biệt của cô ca sĩ hồi hai mươi tuổi ngày càng già dặn thêm, và Khánh Ly ngày càng hát hay hơn, nhất là vào những năm 70. Cả cái phong cách hát rất đặc biệt của Khánh Ly, càng về sau càng được khẳng định rõ ràng hơn. Chỉ cần so sánh bài *Tuổi đã buồn* trong băng nhạc thu ở quán Văn năm 1967 và các băng thu vào những năm 1970 là đủ thấy một sự đổi khác rất lớn. Phong cách hát của Khánh Ly đã dần dần trùng hợp hoàn toàn với cái quan niệm mà Trịnh Công Sơn chủ trương trong nhạc của mình: đó là sự liên tục trong tiếng hát. Các câu chữ cuốn theo nhau, không ngừng nghỉ, cuốn cuộn như một dòng chảy (*Từ Ướt mi, Tuổi đã buồn cho đến Tình xa, v.v...*).

Chính điểm này là một trong những điểm khác biệt quan trọng giữa nhạc Trịnh Công Sơn và nhạc của các bậc đàn anh thế hệ trước, như Văn Cao, Phạm Duy, v.v... Tôi chỉ xin nêu lên ở đây một vài thí dụ. Khi hát những bài như *Buồn tàn thu* của Văn Cao (1940), hay *Chinh phụ ca* (1945) của Phạm Duy, người ta không thể không ngậm nga, nhâm nhi, từng câu, từng chữ một, như hát ca trù. Văng vẳng bên tai, tưởng như còn nghe thấy cả tiếng đàn kim, đàn đáy, hay tiếng trống, tiếng phách

nữa! Trong những bước đầu tìm tòi của nền tân nhạc, dựa vào các điệu ca nhạc dân gian, tôi cho rằng đó là một điểm son rất đáng trân trọng. Sau này, trong các tác phẩm nổi tiếng của Văn Cao như *Thiên thai* (1941), *Trương Chi* (1941), *Suối mơ* (194..?), mặc dầu giai điệu và lời ca rất phong phú, song cách ngắt câu hát, cách ngừng nghỉ, vẫn như gợi nhắc đến một truyền thống ngâm vịnh nào đó:

Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng
Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên
 (Văn Cao, *Thiên Thai*, 1941)

Một chiều xưa trăng nước chưa thành thơ
Trăm trăm không gian mới rung thành tơ
 (Văn Cao, *Trương Chi*, 1941)

Trong những bài tình ca của Phạm Duy, người ta cũng nhận xét thấy những đặc điểm này: *Khởi tình Trương Chi* (1945), *Quê nghèo* (1948), *Tình ca* (1953), v.v... Mãi về sau, Phạm Duy mới thay đổi phong cách trong một vài tác phẩm đơn lẻ: *Nhà Trang ngày về* (1969), *Trả lại em yêu* (1971). Nhìn chung, những ca khúc trữ tình của Văn Cao và Phạm Duy vào thời kỳ những năm 1940, nói lên một tâm trạng buồn và lãng mạn, đó cũng là cái tâm trạng chung của thanh niên thành thị vào những thập niên ấy; mặt khác, chúng cũng nói lên một sự hạn chế nào đó trong việc tìm hiểu và khai thác vốn dân ca, đưa dân ca vào tân nhạc. Tuy nhiên, sau này có nhiều thử nghiệm khác, đã đem lại những kết quả ngày càng rõ nét hơn: *Đêm tàn Bến Ngự* của Dương Thiệu Tước, *Cô lái đò* của Nguyễn Đình Phúc (thơ Nguyễn Bình), *Những cô gái quan họ* của Phó Đức Phương, v.v...

Nhưng ta hãy trở lại với những ca khúc của Trịnh Công Sơn. Trịnh Công Sơn mới là người đã đem đến một sự đổi mới thực sự cho nhạc tình ca vào những năm 60. Ngay từ tác phẩm đầu tiên *Ướt mi* (1959), một hơi nhạc, một lời ca, một phong cách trữ tình (lyrisme) hoàn toàn mới mẻ đã ra đời. Sự mới mẻ này không nằm ở trong giai điệu. Nó cũng

không nằm ở trong nhịp điệu. Giai điệu trong các bài hát của Trịnh Công Sơn thường khá đơn giản và phần lớn là theo cung thứ (mode mineur), buồn như cái tâm trạng và những lời ca của nhạc sĩ, và tự nó chỉ có một giá trị thẩm mỹ nhất định. Chức năng chính của nó là chuyên chở lời ca, làm tăng thêm nhạc tính của những lời thơ vốn đã giàu chất nhạc rồi.

Cái mới mẻ trong những ca khúc của Trịnh Công Sơn trước hết là cái quan niệm về lời ca, về chức năng và vai trò của lời ca. Lời ca không còn dùng để kể một câu chuyện có đầu có cuối nữa, câu chữ không còn bị gò bó trong chức năng này nữa. Chúng có một đời sống hoàn toàn độc lập, tự do. Chúng có thể gợi lên những hình ảnh đẹp, những ấn tượng đẹp, những ý ngán, đôi khi đạt tới mức siêu thực, và giữa chúng đôi khi không có một mối quan hệ lô gích nào cả.

Thứ hai, là cái hơi nhạc. Nhạc Trịnh Công Sơn tuy không có những nét đặc thù của nhạc dân gian hay nhạc truyền thống Việt Nam, nhưng cái hơi nhạc buồn mênh mang, khi phiêu diêu như mây khói, khi cuộn cuộn như nước nguồn ấy, dường như đâu đó vẫn thích hợp với tâm hồn người Việt, vốn vẫn quen với những điệu ru, điệu hò, và một số bài ca tiên chiến. Nó ăn khớp với một tâm trạng buồn và lãng mạn, và lời cuốn được những thính giả vốn đã có sẵn cái điệu tâm hồn đó ở trong người:

Trời còn làm mưa mưa rơi mênh mang từng ngón tay buồn em mang em mang đi về giáo đường ngày Chủ nhật buồn còn ai còn ai đóa hoa hồng cài lên tóc mây ôi đường phố dài lời ru miệt mài ngàn năm ngàn năm ru em nóng nản ru em nóng nản (...) (Trịnh Công Sơn, Tuổi đá buồn).

Cả hai yếu tố nêu trên: lời ca và hơi nhạc, với những đặc điểm của chúng, tạo nên một phong cách trữ tình phù hợp với cái tâm thức và cái khiếu thẩm mỹ của giới trẻ thời ấy. Phong cách này có cái cơ cấu (mécanisme) của nó. Đó chính là cái cấu trúc của bài hát, cho phép lặp lại các câu nhạc, các đoạn nhạc (couplets), với cùng một giai điệu, nhưng với lời khác, trước khi chuyển sang điệp khúc, rồi lại quay trở lại

giai điệu lúc ban đầu. Điều này thực ra không có gì mới lạ, người ta vẫn thường gặp cấu trúc này trong nền tân nhạc Âu Mỹ. Tuy nhiên, Trịnh Công Sơn đã sử dụng nó một cách phổ biến từ *Điểm xưa* đến *Em còn nhớ hay em đã quên*. Chính cái sự lặp lại, tưởng như đơn điệu ấy, lại làm tăng thêm cái chất trữ tình, lãng mạn, của ca khúc.

Không phải tình cờ mà Trịnh Công Sơn đã chọn giọng hát và phong cách hát của Khánh Ly...

Một câu hỏi vẫn thường được nêu lên là, do đâu mà Trịnh Công Sơn đã tìm ra được cái hơi nhạc đó, cái phong cách trữ tình đó? Người ta còn nhớ rằng, vào những năm 1950, nhiều trào lưu ca nhạc trên thế giới đã như không hẹn mà gặp, cùng có một cảm hứng, một phản ứng chống lại những lối hát, điệu hát, cách hát cũ: Georges Brassens, Jacques Brel, v.v... (Pháp), Bob Dylan, Joan Baez, v.v... (Mỹ), và họ đã có những ý tưởng trùng hợp với nhau, mặc dầu mỗi ca sĩ, mỗi trào lưu đều xuất phát từ những truyền thống ca nhạc khác nhau và từ những bối cảnh xã hội khác nhau. Trịnh Công Sơn chắc hẳn cũng đã có một phản ứng tương tự, và chắc hẳn cũng đã từng nghe Brassens, Brel, Bob Dylan, Joan Baez, v.v... Cứ cho rằng đó là một sự tình cờ của lịch sử. Cũng như một sự tình cờ khác là vào những năm 1960, tiếng hát Khánh Ly, qua những bài tình ca phản chiến của Trịnh Công Sơn, đã cất lên cùng một lúc với tiếng ca phản chiến của Joan Baez ở một chân trời khác!

Trong toàn bộ sáng tác của Trịnh Công Sơn, mảng tình ca chiếm một khối lượng và một cương vị quan trọng. Điều này cũng có nhiều lý do. Trước hết, như đã trình bày ở trên, đề tài về thân phận con người, và về tình yêu không thể nào thiếu được trong dòng nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn thời ấy, mà đối tượng chủ yếu là giới trẻ đang thiếu niềm tin và khao khát yêu đương. Ta hãy nghe Trịnh Công Sơn nói rõ thêm về điểm này: *"Sống giữa đời này chỉ có thân phận và tình yêu. Thân phận thì hữu hạn. Tình yêu thì vô cùng. Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận trên cây thập giá Đời"*. (Trịnh Công Sơn, *Những bài ca không năm tháng*, NXB Âm Nhạc, 1998).

Đó là cái quan niệm của Trịnh Công Sơn về cuộc đời, về thân phận, và về tình yêu. Song, ngoài cái lý do triết lý đó ra còn một lý do khác: lý do nghệ thuật. Chủ đề vốn có những khía cạnh đặc biệt hấp dẫn và hợp với sở thích của anh. Thế giới của tình yêu, cũng như thế giới tâm linh, chính là cái môi trường tự nhiên của những tâm hồn nhạy cảm. Những ca khúc nói lên thân phận con người, nói lên tình yêu, đối với anh, là một nguồn cảm hứng vô tận về mặt nghệ thuật. Nó cho phép anh đi sâu vào những ngõ ngách thâm kín nhất của tâm hồn. Có lẽ không lãnh vực nào đã cho phép anh diễn đạt một cách thoải mái, tự do, như lãnh vực này. Những cảm xúc mong manh, mơ hồ, tế nhị nhất, trong cái thế giới kỳ ảo của tình yêu, của tâm hồn, tưởng như khó có thể nói lên được bằng lời nói, đã được diễn đạt bằng những hình ảnh, những câu chữ riêng, mà Trịnh Công Sơn đã không ngần ngại vượt qua những khái niệm thông thường, vượt qua hiện thực, để sáng tạo ra:

Màu nắng hay là màu mắt em (...)

Chiều đã đi vào vườn mắt em

(Trịnh Công Sơn, Nắng thủy tinh)

Trời ươm nắng cho mây hồng

Mây qua mau em nghiêng sầu

(Trịnh Công Sơn, Mưa hồng)

Cho mây hờn ngủ quên trên vai

Vai em gầy guộc nhỏ như cánh vạc về chốn xa xôi

(Trịnh Công Sơn, Như cánh vạc bay)

Ru mãi ngàn năm từng ngón xuân nồng (...)

Mùa xanh lá vội ru em miệt mài

(Trịnh Công Sơn, Ru em từng ngón xuân nồng)

Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao (...)

Chợt hồn xanh buốt cho mình xót xa

(Trịnh Công Sơn, Diễm xưa)

*Trời xanh trong mắt em sâu
Mây xuống vây quanh giọt sầu
(Trịnh Công Sơn, Còn tuổi nào cho em)*

Đôi khi, câu chữ của Trịnh Công Sơn lại thật là bình thường, giản dị:

*Chiều nay còn mưa sao em không lại ?
Nhớ mãi trong cơn đau vùi
Làm sao có nhau ? Hân lên nỗi đau
Bước chân em xin về mau
(Trịnh Công Sơn, Diễm xưa)*

Những hình ảnh, câu chữ của đời thường, thoát ản thoát hiện trong cùng một bài hát, luôn luôn đưa người ta, từ một trạng thái mộng du, thoát tục nào đó, trở về với cái thực tại gần gũi nhất, thân quen nhất.

Bàn về những ca khúc của Trịnh Công Sơn, Bửu Ý, một nhà văn, bạn của nhạc sĩ, đã phải nhìn nhận: “đề tài tât không cạn”. Mà quả thế, chỉ bạn riêng về ca khúc thôi, cũng phải bàn từ nội dung đến hình thức, từ lời ca, đến giai điệu, từ nhạc đến thơ, rồi lại còn phải so sánh với các xu hướng khác trong nền tân nhạc Việt Nam, nói chung. Đây là chưa kể, gắn liền với những ca khúc ấy, còn một tiếng hát, một giọng hát, mà ít ai quên được, và không thể nào không nói đến, khi đánh giá nhạc Trịnh Công Sơn. Đó là tiếng hát Khánh Ly.

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường khi nói về những tình khúc của Trịnh Công Sơn đã có một câu nhận xét rất đẹp, mà người ta có thể hiểu là một lời khen đối với cả Trịnh Công Sơn và Khánh Ly: “Qua tiếng hát Khánh Ly sương khói trần gian cứ bay đi, và một chút thiên thu còn mãi...” (Hoàng Phủ Ngọc Tường, lời bạt *Những bài ca không năm tháng*, sđd).

(Diễn Đàn, số 110, tháng 9-2001)



Trịnh Công Sơn và Nguyễn Trọng Tạo

NGUYỄN TRỌNG TẠO

có một nhà thơ tên là trịnh công sơn

Người ta vẫn gọi Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ chứ chưa mấy ai gọi anh là nhà thơ, dù anh cũng đã in đậm ba bài thơ lẻ. Cũng có người gọi anh là “người thơ ca” hay “người hát thơ”, nghĩa là, anh là người tác hợp giữa thơ và nhạc. Nhưng với tư cách là một nhà thơ, tôi đã khảo sát ca từ của Trịnh Công Sơn, và tôi dám khẳng định rằng anh chính là một nhà thơ đích thực.

Cho dù khi sáng tác ca khúc, Trịnh Công Sơn có thể viết lời và nhạc cùng một lúc, hoặc có đoạn lời viết sau khi đã có nhạc, hay trước khi “phổ nhạc” thì mỗi lời ca của anh đều là những bài thơ hoàn chỉnh kể cả về ý, tứ, cấu trúc, ngôn từ và cảm xúc. Mà Trịnh Công Sơn không phải là một nhà thơ bình thường, anh là nhà thơ rất độc đáo ôm chứa tư tưởng nhân sinh và thời cuộc với một thi pháp khá riêng biệt trong thơ Việt.

Trịnh Công Sơn rất nhuần nhuyễn trong các thể thơ truyền thống như lục bát, đồng dao. Ngay từ lần nghe đầu tiên ca khúc *Ở trọ*, tôi đã phát hiện ra đây là một bài thơ lục bát rất tài hoa. Từ cái chuyện ở trọ bình thường trong đời, anh đã đẩy liên tưởng tới cái “cõi tạm” chốn trần gian trong triết lý của đạo Phật với một cách nói thoải mái, thông minh và hóm. Anh nhìn thấy con chim ở trọ trên cành cây, con cá ở trọ dưới nước, cơn gió ở trọ giữa đất trời, rồi đẩy tới một khái quát bất ngờ:

*Trăm năm ở đậu ngàn năm
Đêm tôi ở trọ chung quanh nỗi buồn.*

Có những liên tưởng còn bất ngờ hơn khi nói tới vẻ đẹp ở trọ trong thân thể, hay tâm hồn của người nữ:

*Môi xinh ở đậu người xinh
Đi đứng ở trọ đôi chân Thúy Kiều.*

Vì thế mà có câu:

*Xin cho về trọ gần nhau
Mai kia dù có ra sao cũng đành*

Và khi con người đã ở trọ vào nhau bằng tình yêu thì dù có phải xa rời cõi tạm, vẫn mãi mãi khăng khít cùng nhau:

*Tìm em người trọ là tôi
Mai kia về chốn xa xôi cũng gần.*

Nhiều bài thơ phỏng theo nhịp đồng dao (bốn chữ) khá thành công nhờ cách lập tứ và chọn từ như *Em đi qua chiều/ Cũng sẽ chìm trôi / Nhật nguyệt trên cao - Ta ngồi dưới thấp*, nhưng có lẽ *Ngụ ngôn mùa đông* mới là một bài thơ bốn chữ gây ấn tượng khó phai mờ trong lòng người đọc. Bài thơ nói về “*Một người Việt Nam - Đi ra dòng sông - Nhớ về cội nguồn... Đi lên đồi non - Nhớ về cội nguồn*” thật tươi đẹp, thật máu thịt, rồi bỗng:

*Một ngày mùa đông
Trên con đường mòn
Một chiếc xe tang
Trái mìn nổ chậm
Người chết hai lần
Thịt da nát tan...*

Người Việt ấy chết rồi lại còn chết thêm một lần nữa vì “trái mìn nổ chậm” của chiến tranh. Cái tứ thơ này không chỉ chia sẻ với cái chết đau thương tang tóc của con người mà còn có sức mạnh tố cáo chiến tranh thật sâu sắc:

*Súng từ thị thành
Súng từ ruộng làng
Nổ xé da non
Phố chợ thật buồn
Cuộn dây gai chần
Chắc mẹ hiền lành
Rồi cũng tui thân.*

Nhịp thơ năm chữ trong thơ Trịnh Công Sơn cũng xuất hiện không ít, và lặng lẽ tuôn chảy trong veo buồn thương, ngơ ngác. Khi thì khao khát hồn nhiên: “*Môi nào hãy còn thơm - Cho ta phơi cuộc tình - Tóc nào hãy còn xanh - Cho ta chút hồn nhiên*”, khi thì hoang vắng, lạnh cảm: “*Như đồng lúa gặt xong - Như rừng núi bỏ hoang - Người về soi bóng mình - Giữa tường trắng lặng câm*”, khi thì tuyệt vọng ngậm ngùi: “*Không còn,*

không còn ai - Ta trôi trong cuộc đời - Không chờ, không chờ ai" (Ru ta ngậm ngủi), và có lúc đầy mộng mơ khao khát giữa ưu phiền: "*Tôi con chìm thanh bình - Mơ được sống hồn nhiên - Như hoa trên đồng xanh - Một sớm kia rất hồng*" (Như chìm ưu phiền). Nhịp thơ năm chữ vốn rất phổ biến trong đời sống dân gian, nhưng với Trịnh Công Sơn, nó trở nên lỏng lẻo, thênh thang và quý phái:

Người ngỡ đã xa xăm
 Bỗng về quá thênh thang
 Ôi áo xưa lỏng lẻo
 Đã xô dạt trời chiều
 (Tình nhớ)

Cùng với những ý thơ bất ngờ đến từ trong vô thức:

Trăng muôn đời thiếu nợ
 Mà sông không nhớ ra.

Hoặc:

Cây trưa thu bóng dài
 Và tôi thu bóng tôi
 Tôi thu tôi bé lại
 Làm mưa tan giữa trời...
 (Biết đâu nguồn cội)

Ít thấy nhịp thơ sáu chữ ở Trịnh Công Sơn, nhưng không phải là không có. Câu thơ sáu chữ xuất hiện đan xen trong nhiều bài thơ của anh thường tạo được hiệu quả lạ, như một dấu nhấn của cảm xúc và ý tưởng. Ví dụ như trong bài *Nhìn những mùa thu đi*, sau mỗi câu năm chữ là câu sáu chữ khá hay: "... Em nghe sầu lên trong nắng... Nghe tên mình vào quên lãng... Tay trơn buồn ôm nuôi tiếc".

Bài *Ru em* là một bài thơ lục ngôn từ đầu đến cuối:

*Ru em ngủ những đêm khuya
 Ru em ngủ những âm u
 Ru em cùng những u mê
 Ru em dù đã chia xa...*

Nhân nói đến thơ lục ngôn; bỗng nhớ đến một bài thơ nhịp 3 hết sức đặc biệt của Trịnh Công Sơn. Đó là bài *Mưa hồng*:

*Trời ươm nắng
 Cho mây hồng
 Mây qua mau
 Em nghiêng sầu
 Còn mưa xuống
 Như hôm nào
 Em đến thăm
 Mây âm thầm
 Mang gió lên...*

Điều đó nói lên sự đa dạng và tài hoa của Trịnh Công Sơn khi sử dụng thi điệu, bởi thơ nhịp 3 thường tươi vui nhí nhảnh, mà ở đây lại tả cái tâm trạng thương nhớ xa xăm: *Người ngồi xuống/Xin mưa đây/Trên hai tay/Còn đau dài...*).

Nhịp thơ thất ngôn là một sở trường của Trịnh Công Sơn. Đường như anh thấm thấu Đường thi, nhưng hơi thở thì đã khác. Những câu thơ bày chữ vào bài hát của anh rất tự nhiên. Nhiều bài thơ (bài hát) đã mở đầu bằng câu thơ bày chữ thật nhẹ nhàng như chẳng có một cố ý nào. Có thể dẫn ra nhiều những trường hợp như vậy: *"Một đêm bước chân về gác nhỏ"*, *"Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi"*, *"Trên đời người trở nhánh hoang vu"*, *"Người đi quanh thân thế của người"*, *"Vấn thấy bên đời còn có em"...*

Cũng là thơ thất ngôn, nhưng cách gieo nhiều vần bằng liền tiếp theo cảm hứng âm nhạc, đã khiến cho thơ anh không bị gò ép vào khuôn

thước cổ thi, mà thoát ra, phong quang và mềm mại hẳn lên. Có những đoạn thơ chỉ gieo toàn vần bằng:

Màu nắng hay là màu mắt em
Mùa thu mưa bay cho tay mềm
Chiều nghiêng nghiêng bóng nắng qua thềm
Rồi có hôm nào mây bay lên
Lúa nắng cho buồn vào tóc em
Bàn tay xôn xao đón ưu phiền
Ngày xưa sao lá thu không vàng
Và nắng chưa vào trong mắt em

Cũng có khi, thơ thất ngôn của anh được gieo vần trắc:

Em đi biệt biệt muôn trùng quá
Từng cơn gió và từng cơn gió
Em đi gió lạnh bến xa bờ
Từng nỗi nhớ trùng trùng nỗi nhớ

Lại có khi thơ thất ngôn được tổ chức theo từng khổ ba câu với những hình ảnh thật đẹp, thật lạ như: “lòng như khăn mới thêu”, “lòng như nắng qua đèo”, chỉ đọc một lần là băng khuâng xao xuyến mãi:

Mười năm xưa đứng bên bờ giậu
Đường xanh hoa muối bay rì rào
Có người lòng như khăn mới thêu
Mười năm sau áo bay đường chiều
Bàn chân trong phố xa lạ nhiều
Có người lòng như nắng qua đèo.

Các thi ảnh vừa tươi mới vừa lạ lùng cứ nối tiếp nhau hiện lên trong thơ Trịnh Công Sơn để đẩy tứ thơ đến tận cùng bất ngờ: “Có một dòng sông đã qua đời”. Tại sao dòng sông lại qua đời? Phải chăng, đấy chính là dòng sông biểu tượng cho tình yêu đã cạn!

Trịnh Công Sơn thuộc thế hệ những người mê đắm Thơ Mới, và thể thơ tám chữ mà các thi sĩ của phong trào Thơ Mới đã có công cải hóa và Việt hóa từ thơ Pháp có một nhịp điệu dễ mê hoặc lòng người. Trịnh Công Sơn tiếp thu nhịp điệu này, và chính âm nhạc đã thêm một lần nữa làm thơ tám chữ:

*Một lần chợt nghe quê quán tôi xưa
Giọng người gọi tôi nghe (tiếng) rất nhu mì
Lòng thật bình yên mà sao buồn thẽ
Giật mình nhìn tôi ngồi hát bao giờ
(Bên đời hiu quạnh)*

Hoặc dùng lại đúng cái nhịp Thơ Mới vẫn thường dùng, nhưng tinh thần thì đã khác:

*Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng
Lá mùa thu rơi rụng giữa mùa đông
Đừng tuyệt vọng, em ơi đừng tuyệt vọng
Em là tôi và tôi cũng là em
(Tôi ơi đừng tuyệt vọng)*

Một thi sĩ với rất nhiều cung bậc trong điệu nhạc tâm hồn, Trịnh Công Sơn thả sức bay lượn trong các nhịp thơ tự do đầy phóng túng. Những câu thơ dài ngắn khác nhau cứ tung tẩy trong các bài thơ tự do của anh. Khi thì triết lý: “Tình yêu như trái phá con tìm mù lòa”, khi thì lộng lẫy: “Gọi nắng trên vai em gầy đường xa áo bay”, khi thì trùng điệp: “Bốn mùa thay lá thay hoa thay mãi đời ta”, “Rừng núi dang tay nối liền biển xa - Ta đi, vòng tay lớn mãi để nối sơn hà”, khi thì gập ghềnh mệt mỏi: “Ngựa buồng vó/ Người đi chùn chân đã bao lần/ Nửa đêm đó/ Lời ca dạ lan như ngại ngừng/ Vung u tối/ Loài sâu hát lên khúc ca cuối cùng”, và có khi nhịp điệu trôi xa như sông bỗng quay về gần gũi như mưa:

*Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ
Ồi những dòng sông nhỏ*

Lời hẹn thề là những cơn mưa.

Dù là phóng túng trong thơ tự do, nhưng văn điệu và ý tưởng lạ và đẹp ở thơ anh giống như chiếc neo thuyền, neo vào lòng người để nó chẳng bao giờ trôi đi vô vọng.

Có lẽ Trịnh Công Sơn là nhà thơ được người ta thuộc nhiều nhất. Điều đó không lạ, bởi thơ anh luôn có sự truyền tải điệu vơi bằng âm nhạc của chính anh. Nhưng cũng có thể nói ngược lại, âm nhạc của Trịnh Công Sơn luôn được thơ nâng cánh.

Có một tập ca khúc thời trẻ của Trịnh Công Sơn mang tên là *Kinh Việt Nam*. Phải chăng, trong sâu thẳm lòng mình, anh khao khát sáng tạo ra những bài kinh cầu cho dân tộc, cho tình yêu và cho thân phận? Đây chính là bài kinh cầu bên bờ vực linh hồn cần được cứu rỗi. Những bài kinh ấy chính là những bài thơ còn lại của Trịnh Công Sơn với một niềm yêu tin “gần như là tuyệt vọng” đã vượt lên số phận chia sẻ với đương thời và hậu thế, đấy là lòng tin vào con người khởi nguồn từ dòng cảm xúc tự nhiên, vượt qua cả tôn giáo và định kiến, bởi vì hương thơm đã sẵn đốt trong hồn (chữ của Chế Lan Viên). Cũng với một lòng tin như vậy, tôi xin mạn phép đổi một chữ trong câu thơ của anh để tạm kết thúc bài viết này: *Ngày sau sỏi đá cũng cần có THƠ!*

(Bảo Văn Nghệ 23-08-2002)

BAN MAI

trịnh công sơn - tiếng hát dã tràng

Những hẹn hò từ nay khép lại

Thân nhẹ nhàng như mây...

Đóa hoa vàng mỏng manh cuối trời

Như một lời chia tay

(Như một lời chia tay - Trịnh Công Sơn)

1. Dã tràng xe cát

Trịnh Công Sơn sinh ngày 28-2-1939 tại Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong một gia đình gốc Huế. Hai năm trước đó, bố mẹ ông lên đây lập nghiệp. Năm sau, sinh con trai đầu lòng, không nuôi được. Năm tiếp theo, Trịnh Công Sơn chào đời, xem như con trưởng. Ông là anh cả của tám người em trai và gái, người thừa kế quan trọng trong một gia đình trung lưu. Cha ông là một doanh nhân yêu nước và tham gia chống Pháp. Mẹ ông là một người đàn bà nhân hậu, đảm đang và có cảm nhận nghệ thuật rất tinh tế.

Năm 1943, khi ông lên bốn, gia đình về lại Huế, ở tại vùng Bến Ngự, một vùng đất xanh tươi, bên dòng sông An Cựu, nơi có nhiều chùa chiền, lăng tẩm. Tiếng chuông chùa và lời cầu kinh thấm vào hồn ông từ tuổi thơ. Điều đó giúp chúng ta hiểu vì sao những ca từ của ông về sau mang đậm dấu ấn Thiên, Phật và giàu chất Huế.

Khi ông được tám tuổi, gia đình ông có cửa hàng buôn bán xe đạp và xe máy tại Sài Gòn. Ông thường xuyên vào ra Sài Gòn - Huế. Lên trung học, Trịnh Công Sơn học ở Huế là trường Lycée Francaise, rồi đổi sang trường Providence, rồi theo học ban Triết tại trường Chasseloup-Laubat, Sài Gòn. Điều đó chứng tỏ ông là một trong những trí thức thấm nhuần văn hóa Pháp ngay từ khi còn rất trẻ, phần nào lý giải ảnh hưởng nền triết học phương Tây hiện đại, như Albert Camus, J.P. Sartre..., lên cuộc sống tâm thức ông. Người có công rất lớn trong việc đem triết học phương Tây hiện đại vào Việt Nam, gây nhiều ấn tượng và ảnh hưởng đối với thanh niên miền Nam Việt Nam những năm 1950 là GS Nguyễn Văn Trung du học từ Bỉ về [1; 16-19].

Năm 1955, khi ông 15 tuổi, cha ông bị tai nạn giao thông qua đời. Cái chết đột ngột thảm khốc của người cha là cú sốc đầu đời, ám ảnh ông thường trực. Từ đấy, ông luôn suy nghĩ về sự sống và cái chết.

Hẳn người ta rất ngạc nhiên khi xem ảnh thời thơ ấu của ông. Chàng trai vui vẻ và khỏe mạnh giành nhiều giải thưởng khi thi đấu thể thao (chạy, cử tạ, judo) này là ai vậy? Điều gì sau đó đã đưa ông trở thành một nhà thơ - nhạc sĩ buồn bã và ốm yếu?

Năm 1957, Trịnh Công Sơn 18 tuổi. Một tai nạn bất ngờ đã thay đổi tất cả cuộc đời ông. Lúc ấy ông đang học trung học, vào một ngày khi đang tập judo với người em trai, ông bị thương nặng ở ngực, suýt chết và phải nằm liệt giường gần hai năm tại Huế. Không ngờ thời gian nằm dưỡng bệnh này ông có nhiều thì giờ rảnh rỗi, suy nghĩ về kiếp người, cảm nhận cái đẹp của thiên nhiên. Để khuây khỏa nỗi buồn, ông đọc ngẫu nhiên Apollinaire, Marcel Pagnol, Jacques Prévert, Rabindranath

Tagore, Marcel Proust, Nietzsche, Nikos Kazantzakis, Albert Camus, Jean Paul Sartre... ông đặc biệt yêu thích những tác phẩm của Albert Camus, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và triết lý Phật giáo. Ông không chỉ tiếp cận với văn học, thi ca mà còn mày mò, tìm hiểu dân ca Việt Nam, âm nhạc của người da đen: blues, gospel v.v...[2]. Trịnh Công Sơn quyết định chơi đàn guitar và bắt đầu sáng tác. Những ca khúc đầu tiên mang tên *Sương đêm* và *Chơi với đèn* chưa ấn hành [1; 18].

Ông từng thổ lộ: *“Khi rời khỏi giường bệnh, trong tôi đã có một niềm đam mê khác - âm nhạc. Nói như vậy hình như không chính xác, có thể những điều mơ ước, khát khao đó đã ẩn chứa từ trong phần sâu kín của tiềm thức bỗng được đánh thức, trỗi dậy”*[2].

Tai nạn trên là một cái rủi cho ông về thể xác nhưng là một cái may cho nền âm nhạc Việt Nam. Nếu như không có khúc quanh bất ngờ này, có lẽ ông đã tiếp tục chơi thể thao, đi học tiếp và không chừng đã trở thành một ông bác sĩ, hay kỹ sư nào đó... và chúng ta sẽ không bao giờ có được một nhạc sĩ tài hoa như ngày nay.

Ca khúc được ấn bản đầu tiên của Trịnh Công Sơn là bài *Ướt mi*, sáng tác vào năm 1958 và công bố năm 1959, nói về giọt nước mắt thuần khiết của một người con gái. Đó là một cô ca sĩ mới 16 tuổi, xuất hiện về đêm ở phòng trà Văn Cảnh - Sài Gòn, đi hát để nuôi mẹ. Mẹ cô bị bệnh lao nặng nên đêm nào khi hát bài *Giọt mưa thu* của Đặng Thế Phong cô cũng khóc. Điều ấy đã gợi nguồn cảm hứng cho ông sáng tác *Ướt mi*. Tác phẩm này cho thấy sự thành công qua số lượng đĩa nhạc bán được. Người hát bài này đầu tiên cũng chính là cô ca sĩ ấy - ca sĩ Thanh Thủy - người mà sau này cũng rất nổi tiếng trong sự nghiệp ca hát trước năm 1975. GS. Nguyễn Văn Trung đã từng viết bài “Ảo ảnh Thanh Thủy” để ca ngợi giọng ca đầy chất *liêu trai* của cô [3; 469].

Sau đó, đầu thập niên 1960 là thời kỳ Trịnh Công Sơn sáng tác rất nhiều bản nhạc tình và đã trở thành những kiệt tác của ông. Ở Huế, thời gian này Trịnh Công Sơn lại rung động theo hình ảnh một thiếu

nữ mệnh mai, con của một vị giáo sư dạy Pháp văn: N.V.B.D.; ca khúc nổi tiếng *Diễm xưa* ra đời, một ca khúc đánh dấu đặc biệt trong đời ông và có hậu vận bền lâu.

Những năm 1962-1964, chiến tranh Việt Nam ngày càng tàn khốc, thanh niên hầu hết đều bị bắt đi lính. Để hoãn quân dịch, Trịnh Công Sơn rời Huế thi vào trường Sư phạm Quy Nhơn, trường mới thành lập và đây là khóa đầu tiên đào tạo giáo sinh trong hai năm. Nơi thành phố biển hiền hòa, yên tĩnh này, Trịnh đã sáng tác những tình ca nổi tiếng như *Biển nhớ*, *Nhìn những mùa thu đi*, *Nắng thủy tinh*, *Chiều một mình qua phố*, *Vết lăn trăm*, *Dã tràng ca*, *Cát bụi* [4; 33]. Những tình ca của Trịnh Công Sơn đã gây kinh ngạc cho mọi người thời đó, khi mà cả miền Nam còn quen với dòng nhạc tiền chiến suốt mười với *Kiếp hoa*, *Nỗi lòng*, *Khúc nhạc tương tư* hay *Lá thư*, *Tạ từ*... thì những hình ảnh mang đậm nét siêu thực, với những ca từ lạ hóa. Lạ từ nhan đề tới hình ảnh tân kỳ trong lời ca như: *Diễm xưa*, *Tuổi đá buồn*, *Lời buồn thánh*. Rồi những hình ảnh mắt xanh xao, hôn xanh buốt, hai bàn tay đối, bàn tay chân gió mưa... quả là độc đáo, mang nhiều màu sắc mới lạ, đã gây sự chú ý và liên chinh phục người nghe.

Năm 1964, sau khi tốt nghiệp trường Sư phạm Quy Nhơn, ông được điều lên Bảo Lộc dạy học. Thời gian này, cuộc chiến ở Việt Nam đã trở nên ác liệt. Năm 1965 quân đội Mỹ bắt đầu rải mìn đổ bộ lên miền Nam Việt Nam. Phong trào đấu tranh của cả nước dâng cao. Giai đoạn 1965 - 1972, “nhạc phản chiến” trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của Trịnh Công Sơn. Ông bắt đầu sáng tác những bài hát về thân phận con người trong chiến tranh, miêu tả cuộc sống đau đớn, kinh hoàng đầy chết chóc hàng ngày của người dân, từ những người mẹ, người vợ cho đến cụ già, em bé. Những bài hát của ông là tiếng kêu than thống thiết của con người trong cuộc chiến. Tiêu biểu như *Gia tài của mẹ*, *Hát trên những xác người*, *Đàn bò vào thành phố*, *Người già em bé*, *Người con gái Việt Nam*, *Tình ca người mất trí*... Cuối cùng có lệnh tổng động viên toàn quốc, không thể trốn tránh chui rúc mãi, ông bắt buộc tìm cách làm cho mình không đủ sức khỏe để đi lính. Hàng

ngày ông phải nhịn ăn, và uống thêm diamox, một thứ thuốc rút bớt nước trong cơ thể làm cho sút ký nhanh, và ông đã “thành công” khi tự hủy hoại bản thân mình với trọng lượng cơ thể không đầy 30kg. Trốn lính gần như là một cái “nghề” đẩy tính chất phiêu lưu của hàng triệu thanh niên miền Nam lúc bấy giờ. Thái độ phản kháng ấy, chứng tỏ quyết tâm không tham chiến của ông, ông chống chiến tranh và phản đối nó [3; 180].

Dường như không khí thời đại đã thôi thúc ông trong việc sáng tác, và một gặp gỡ định mệnh giữa ông với ca sĩ Khánh Ly, người thể hiện tuyệt vời những nhạc phẩm của ông, đã làm nên tên tuổi ông từ đó. Theo tài liệu của ông Bửu Ý, vào năm 1965 tại Đà Lạt tình cờ Trịnh Công Sơn nghe Khánh Ly hát trong hộp đêm Tulipe Rouge. Ông biết ngay giọng hát của cô ca sĩ này phù hợp với những bản nhạc của mình nên mời cô tham gia. Thời gian sau, Khánh Ly rời Đà Lạt và theo ông xuống Sài Gòn. Từ đó cô đã trở thành “Ca sĩ chuyên hát nhạc Trịnh Công Sơn”. Hãy nghe ông nói về cuộc gặp gỡ này:

“Gặp gỡ ca sĩ Khánh Ly là một may mắn tình cờ, không phải riêng cho tôi mà còn cho cả Khánh Ly. Lúc gặp Khánh Ly đang hát ở Đà Lạt, lúc đó Khánh Ly chưa nổi tiếng nhưng tôi nghe qua giọng hát thấy phù hợp với những bài hát của mình đang viết và lúc đó tôi chưa tìm ra ca sĩ nào ngoài Khánh Ly. Tôi đã mời Khánh Ly hát và rõ ràng giọng hát của Khánh Ly rất hợp với những bài hát của mình. Từ lúc đó Khánh Ly chỉ hát nhạc của tôi mà không hát nhạc người khác nữa. Đó cũng là lý do cho phép mình tập trung viết cho giọng hát đó và từ đó Khánh Ly không thể tách rời những bài hát của tôi cũng như những bài hát của tôi không thể thiếu Khánh Ly” [5; 522].

Vào cuối năm 1965, buổi ra mắt đầu tiên của ông trước công chúng Sài Sơn là khoáng sân sau Trường Đại học Văn khoa, với hàng ngàn sinh viên và trí thức. Bằng chiếc đàn thùng đơn giản và giọng ca huyền thoại Khánh Ly, những bài tình tự quê hương và thân phận con người được hát vang lên và làm thức tỉnh, say đắm hàng ngàn khán giả cuồng nhiệt đêm đó.

Tác phẩm đã hòa nhập vào quán chúng, là tiếng lòng của quán chúng.

Trình Công Sơn và Khánh Ly trở thành một hiện tượng và rồi trở thành thân tượng của lớp trẻ lúc bấy giờ.

Trình Công Sơn, với dáng người mảnh khảnh, cặp kính trắng tri thức, giọng Huế nhỏ nhẹ, với cuộc sống bất định. Đêm đi hát, khuya về kê ghế bố ngủ với bạn bè ở Quán Vân hay Hội Họa sĩ Trẻ. Bên cạnh đó hình ảnh Khánh Ly, khi hát đi chân đất - nữ hoàng chân đất của một thời - giọng hát da diết diễn tả nỗi trâm thống vô vọng: *“tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người”*. Hai người đi với nhau tạo nên hình ảnh “đôi lứa”, một đôi trai-gái trong tình bạn hồn nhiên, trong sáng. Tao thành một đôi bạn trẻ, một *couple* ở đây rất mới, đáp lại ước mơ hiện đại của một thế hệ thanh niên muốn phá vỡ quan niệm nam nữ thụ thụ bất thân còn đề nặng lên xã hội Việt Nam. Trong dư luận, họ cũng không bị nghi ngờ hay tai tiếng, dù người đời có kẻ thắc mắc, tò mò... Những tâm hồn phóng khoáng và “hiện đại” thì gạt phăng đi loại “tò mò bệnh hoạn ấy” [12]. Và đặc biệt, Trình Công Sơn là người tâm tiếng mà không tai tiếng. Sơn nói: *“Tôi và Khánh Ly chỉ là hai người bạn. Thương nhau vô cùng, trên tình bạn”*. Khánh Ly viết: *“Một môi liên hệ cao hơn, đẹp đẽ hơn, thánh thiện hơn là những tình cảm đời thường”* [5; 112].

Nhưng trên hết, chính hình ảnh Trình Công Sơn và Khánh Ly thường đi hát cộng đồng, nghĩa là hát không công, không lấy thù lao, chủ yếu là cho thỉnh giả trẻ, tại các giảng đường, trường học, đã tạo ra một hình ảnh lý tưởng cho nghệ thuật, nhất là nghệ thuật ca hát - mang theo lý tưởng nhân đạo và tình yêu thể hiện sự dân thân của người nghệ sĩ. Trong khi đó, đa số các ca sĩ, nhạc sĩ khác hát để lấy tiền. Trong một lần trả lời phỏng vấn nhà báo Bùi Văn Phú, Khánh Ly kể lại giai đoạn cơ cực đói khổ nhưng đầy hạnh phúc những năm 60 ấy: *“Thực sự tôi rất mê hát. Không mê hát thì tôi không có đủ can đảm để đi hát với anh Sơn mười năm mà không có đồng xu, các bạc nào, phải chịu đói, chịu khổ, chịu nghèo, không cần biết đến ngày mai, không cần biết tới ai cả, mà chỉ cảm thấy mình thực là hạnh phúc, cảm thấy mình sống khi mình được hát những tình khúc*

của Trịnh Công Sơn” [16].

Năm 1969, nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn nổi tiếng khắp thế giới, ông được xem là một Bob Dylan của Việt Nam. Năm 1970, bài “Diễm xưa” được vào chung kết cuộc thi các bài hát nước ngoài ở Nhật, bài “Ngủ đi con” chiếm “đĩa vàng” và đã phát hành trên hai triệu đĩa [1; 27].

Trịnh Công Sơn từ đó trở thành thần tượng - *kẻ du ca bất khuất* - trên đất nước đầy bom đạn. Những sáng tác tiếp theo của ông với những ca từ mạnh mẽ, trong tập *Kính Việt Nam* hay *Ta phải thấy mặt trời*, *Nhân danh Việt Nam* là tiếng kêu gọi hòa bình và thống nhất đất nước. Những tác phẩm của ông bị chính quyền Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cấm phát hành. Bản thân ông bị truy lùng, bắt bớ. Nhưng ông được nhiều trí thức và quân chúng cứu mang. Trong đó có đại tá Lưu Kim Cương, một sĩ quan cao cấp trong không quân miền Nam Việt Nam đã che chở và giúp đỡ ông rất nhiều trong thời gian khốn khó ấy. Sau khi đại tá Lưu Kim Cương mất, ông viết bài “Cho một người nằm xuống” để tri ân một người bạn đã từng cứu mang mình và chính bài hát này về sau là nỗi khổ của ông.

Tháng 4-1975, chiến tranh chấm dứt, ông là người đầu tiên lên Đài Phát thanh Sài Gòn hát vang bài *Nối vòng tay lớn*, một bài hát nói lên niềm khao khát hòa bình, thống nhất. Ước mơ hòa hợp dân tộc hai miền Nam-Bắc, được ông viết từ năm 1968.

Ngày 30-4 người thân ông ra đi, bạn bè ông ra đi, Khánh Ly rời đất nước trước ngày Sài Gòn sụp đổ. Ông ở lại, bởi vì đó là logic của một con người ước mơ được nhìn thấy: ngày hòa bình thống nhất trên quê hương.

*Bàn tay thân ái
Lòng không biên giới
Anh em ơi lắng nghe tình nhau
Ngày vui lớn sẽ qua trăm cầu*

Mẹ dâng miếng cau rồi dâng ngon trâu
 Cho hai miền trùng phùng lòng thấy nao nao
 Ngày Nam đêm Bắc
 Tình chan trong mắt
 Sẽ thấy trăm bình minh ngọt ngào
 (Huế-Sài Gòn-Hà Nội)

Tại sao ông ở lại Việt Nam?

Trước ngày 30-4-1975, có nhiều lời mời đưa ông ra nước ngoài của các hãng thông tấn quốc tế. Ông nói: “Việt Nam là nơi duy nhất tôi có thể sống và sáng tác. Ở nước ngoài, tôi không nghe ra tiếng nhạc trong đầu mình, tôi không nghe được câu thơ tôi viết ra. Tôi thích đi nước ngoài, nhưng nếu ở lâu, tôi sẽ khô cạn và chết mất. Hơi ấm của dân tộc Việt Nam giống như nước cần thiết cho hoa vậy” [1; 140].

Thế nhưng, tình hình của Trịnh Công Sơn thật khá tế nhị trong thời kỳ sau 1975. Những ngày đầu sau cuộc chiến, không khí chính trị còn ấu trĩ, tà khuynh quá đà của một số người trong chính quyền Cách mạng. Ông bị coi là một nghệ sĩ của chế độ “mục nát” của miền Nam.

Theo nhà nghiên cứu xứ Huế Nguyễn Đắc Xuân, giai đoạn sau tháng 4/1975 “Đối với lãnh đạo thì không có vấn đề gì, nhưng có nhiều “anh em phong trào” ở Sài Gòn không thích quan điểm lập trường chung chung của Trịnh Công Sơn trước đây” [4; 97]. Vì vậy, để thoát khỏi “không khí nghi kỵ” ở Sài Gòn lúc ấy, Trịnh Công Sơn về Huế. Thế nhưng, thời gian đó một số phần tử quá khích theo phong trào “Vệ binh đỏ” của Trung Quốc đã kích động sinh viên treo một tấm banderole to tướng mang dòng chữ xanh rờn: “Hạ bệ Phạm Duy - Hoàng Thi Thơ và Trịnh Công Sơn” trước trường Đại học Sư phạm Huế. Ông sửng sốt và câm lặng. Không ngờ về quê hương ông lại bị giới một gáo nước lạnh như thế. Và tiếp theo là cuộc tọa đàm luận tội “Trịnh Công Sơn có công hay có tội” tại Hội Văn nghệ Thừa Thiên - Huế. Hôm ấy có cả Trần Hoàn, Tô Nhuận Vỹ, Nguyễn Khoa Điềm,

Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân, Trần Viết Ngạc và vài người nữa... Có người lên án, nhưng cũng có người bảo vệ. "Tội" của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là ông đã làm nhạc phản chiến một cách chung chung, không phân biệt được chiến tranh xâm lược và chiến tranh giải phóng dân tộc trong bài *Gia tài của mẹ* với câu *Hai mươi năm nội chiến từng ngày*. Thậm chí ông còn làm nhạc ca ngợi địch trong bài *Cho một người nằm xuống* thương tiếc đại tá không quân Sài Gòn Lưu Kim Cương tử trận - người đã từng cứu mang ông. Nhiều người phát biểu biện hộ cho Trịnh Công Sơn: "Đúng là Trịnh Công Sơn đã làm nhiều bản nhạc phản chiến, anh được mệnh danh là người làm nhạc phản chiến số 1 thời ấy giống như Bob Dylan, Joan Baez ở bên Mỹ. Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ tự do, anh theo đuổi chủ nghĩa nhân bản chung chung khác chúng ta. Nhưng anh làm nhạc trong vùng tạm chiếm, người nghe nhạc phản chiến của anh là lính Cộng hòa. Rất nhiều lính của Thiệu đã bỏ ngũ vì nghe bản nhạc *Người con gái da vàng* của anh. Chẳng có người lính cách mạng nào bỏ ngũ vì nghe nhạc của Trịnh Công Sơn cả. Cũng như ngày xưa bên Trung Quốc, Trương Lương thổi sáo đâu phải để cho quân mình buồn kiêu! Đâu phải tự dưng chính quyền Thiệu ra lệnh tịch thu những bài hát của Sơn" [4; 98-101]. Và chính xấp tài liệu đăng lệnh của cựu Tổng thống Thiệu cấm phổ biến nhạc Trịnh Công Sơn, lệnh cấm mang số 33 ngày 8.2.1969, đã có sức thuyết phục lớn đối với những người tham dự tọa đàm. Sau cuộc tọa đàm, Trịnh Công Sơn phải viết kiểm điểm. Hồi ấy, những bản kiểm điểm nói không đúng vấn đề thường bị viết lại. Trịnh Công Sơn chưa quen lối sinh hoạt này nên rất đau khổ và tuyệt vọng, chán chường.

Trong thời hậu chiến này, cả nước rất khó khăn và như bao người Việt khác, Trịnh Công Sơn cũng được điều đi lao động sản xuất, khi thì trồng khoai lang, lúc cấy lúa trên những cánh đồng đầy bom đạn chưa chấu gõ. Thời gian này, ông không thể sáng tác được, làm sao một người làm tình ca mang tính triết lý trừu tượng nổi tiếng lại một sớm một chiều có thể chuyển mạch bất sáng tác theo trào lưu mới được [4; 103].

Bên cạnh thực tế ấy, Trịnh Công Sơn lại không đủ sức chống đỡ với

những thế lực khác kèn cựa tài năng mình. Có người còn tuyên bố xanh rờn: “Ca khúc mà như của Trịnh Công Sơn thì một ngày mình có thể làm đến mười bài!” [4; 115].

Hiểu được bi kịch của ông, và biết rõ tài năng, nhân cách của người nhạc sĩ tài hoa này, một nhà lãnh đạo nổi tiếng ở phía Nam đã đánh tiếng gọi ông về lại Sài Gòn. Năm 1979, Trịnh Công Sơn từ già Huế vào Sài Gòn [4; 113].

Từ những năm 1980, Trịnh Công Sơn bắt đầu sáng tác lại. Tác phẩm của ông sau chiến tranh có những bài nổi tiếng như: “Chiều trên quê hương tôi”, “Em còn nhớ hay em đã quên”, “Huyền thoại mẹ”, “Hà Nội mùa thu”, “Tiến thoái lưỡng nan”, “Tôi ơi đừng tuyệt vọng”, “Lặng lẽ nơi này”, “Xin trả nợ người”, “Lời thiên thu gọi”... Những sáng tác này thường là tình ca, không có bài hát nào liên quan đến chiến tranh, chủ yếu là những tác phẩm viết cho các phim. Những tác phẩm sau này thường nói lên thân phận con người, kiếp người trong cõi tạm, mang đậm chất Thiền.

Năm 1983, Trịnh Công Sơn chuẩn bị cưới vợ lần thứ nhất, người phụ nữ ấy có tên là C.N.N sống ở Paris, Pháp. Thư từ Sài Gòn gửi cho Bửu Ý ngày 30.7.1983 Trịnh viết: *“Moi sẽ làm đám cưới trong tháng tới. Cố gắng vào thì vui hơn”* nhưng dự định cưới vợ không thành [1; 33].

Tháng 5.1985 Trịnh Công Sơn sang thăm Moskva.

Năm 1989, ông sang Pháp theo lời mời của Nhà Việt Nam tại Paris. Tại đây, ngoài những bài thân thuộc với khán giả, ông và Thanh Hải, từ Đức sang, hát một loạt bài sáng tác trong giai đoạn 1972-75 nhưng chưa được phổ biến rộng rãi và thêm một số bài mới viết sau 1975 mà tại Paris ít người biết tới. Ông đã gặp Khánh Ly tại Paris sau 14 năm xa cách, tuy nhiên không thể tổ chức được gì dù có sự hiện diện của hai nhân vật nổi tiếng một thời này, vì ở hải ngoại một số người cực đoan cũng bài xích ông là “kẻ hèn nhát, kẻ phản bội quốc gia” [6; 270-283].

Năm 1990, hình như Trịnh Công Sơn cũng có ý định cưới vợ một lần nữa, người phụ nữ này là V.A, nhưng cuối cùng rồi chuyện cũng không thành, và trong tình yêu ông vẫn là chàng lãng tử cô độc “Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ”... cho đến cuối đời.

Năm 1992, sau khi mẹ mất, ông suy sụp hoàn toàn, ông sang Canada thăm những người em, để mong tìm chút hơi ấm tình thân. Trịnh Công Sơn viết: *“Khi một người mất mẹ ở tuổi 50 điều ấy có nghĩa là không còn gì có thể dàn xếp được. Cái sa mạc để lại trong lòng bạn cứ thế mỗi ngày lan rộng ra và cõi lòng bạn thì tan nát như một cánh đồng xanh tươi vừa trải qua một cơn bão lớn”* [14; 9].

Những năm 1990 sau thời kỳ đổi mới của đất nước, nhạc của ông lại được hát rất nhiều trong các chương trình ca nhạc, chủ yếu là những bản tình ca. Những bài hát phản chiến rất hay của ông vẫn là điều tề nhị cấm lưu hành. Năm 1995, ông sáng tác bài *Sống về đâu* một bài hát nói về tình yêu lấy cảm hứng từ câu kinh đạo Phật mà ông rất thích. “Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha” (Yết đế, Yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha). Trịnh Công Sơn dịch ra chữ quốc ngữ đại để là: *“Vượt qua, vượt qua, tất cả chúng ta đều vượt qua, và đến bờ giác ngộ”*[7].

Cuối năm 1998, sau 35 năm ra trường, lần đầu tiên ông trở lại Trường Sư phạm Quy Nhơn cùng nhóm “Những người bạn” dịp Quy Nhơn tổ chức kỷ niệm thành phố 400 năm tuổi. Cùng đi với ông lúc ấy có các nhạc sĩ tên tuổi khác như Trần Long Ẩn, Tôn Thất Lập, Thanh Tùng, Nguyễn Ngọc Thiện, Nguyễn Văn Hiến... Đó là một đêm đầy cảm động. Cả hội trường Đại học Quy Nhơn nghẹt kín sinh viên. Có những bài ông vừa hát, khán giả phụ họa hát theo như một dàn đồng ca đã được tập dượt trước. 12 giờ đêm chương trình chấm dứt nhưng các sinh viên vẫn quây lấy ông chụp hình kỷ niệm. Ông xúc động kể lại những năm tháng ông học tại Sư phạm Quy Nhơn thời 62-64, và hát say sưa không biết mệt[20].

“Festival Huế 2000” là một sự kiện văn hóa của cả nước, Trịnh Công

Sơn về Huế tham dự. Trở lại Sài Gòn, ông ngã bệnh phải đưa vào bệnh viện. Những năm sau này ông thường xuyên bị bệnh. Sức khỏe giảm sút rõ rệt.

Ca khúc cuối cùng ông sáng tác trên giường bệnh là bài *Biển nghìn thu ở lại*. Và ngày 1-4-2001 Trịnh Công Sơn qua đời, “con chim nhỏ hát chơi trên đầu ngọn lau” không còn nữa, vết chim hạc để lại trên cội trần đúng 62 năm.

Cái chết của Trịnh Công Sơn làm chấn động những người dân Việt cả trong nước và ngoài nước. Hàng triệu trái tim lặng lẽ khóc thương, hàng ngàn người đi sau linh cữu ông, ít có một đám tang nào mà mọi người lại yêu thương nhau đến vậy, tất cả cùng nắm tay và hát trong nước mắt bài *Cát bụi* và *Một cội đi về* theo tiếng kèn thống thiết của Trần Mạnh Tuấn.

Người đời tình lắm, Trịnh Công Sơn đã cho cuộc đời trái tim ông, ngày ông mất người đời đã cho lại ông tất cả.

“Tôi ước mơ một ngày nào đó trên hành tinh này tiếng hát sẽ được trả về với vẻ đẹp thuần khiết của nó. Đó là tiếng hát bay qua các lục địa, các đại dương, mang trong lòng nó tình yêu và tình nhân ái. Cái sứ mệnh huy hoàng nhất của nó là phải mang được cái thông điệp ấy đến với từng con tim. Không những chỉ với những tâm hồn vốn yêu chuộng hòa bình mà cả những con tim đang ngộ độc bởi những ngòi thuốc nổ”. [4; 189-190]

2. Vết chân đã trằn ngàn năm in dấu

Ngày tôi chào đời, nhạc của Trịnh Công Sơn đã nổi tiếng khắp miền Nam. Ngay từ thời thơ ấu, tôi đã thuộc lòng những bài hát của ông. Ngày ấy, dù không hiểu gì về ca từ bài hát nhưng qua tiếng hát của những người chị ngậm nga, hàng ngày, hàng ngày nó thấm vào tim tôi “*Mẹ ngồi ru con/Đong đưa vồng buồn/Đong đưa vồng buồn/ Mẹ ngồi ru con/Mây qua đầu ghềnh/Lay trời mưa tuôn*”... “*Đại bác ru đêm dội về thành phố/*

Người phu quét đường dừng chân lắng nghe". Thời ấy, thế hệ chúng tôi ai lại không thuộc nhạc của ông, khi hàng đêm chúng tôi vẫn thường nghe tiếng súng nổ, tiếng hòa châu rơi... giai điệu buồn bã, đều đều như tiếng cầu kinh ấy, đã quá quen thuộc. Đến khi lớn lên, khi bắt đầu hiểu biết và trải nghiệm cuộc đời, những ca từ thấm đẫm tình yêu thương và thân phận con người của Trịnh Công Sơn đã là người bạn đồng hành cùng tôi trong từng chặng đời. Nó như một thứ bùa mê mà mỗi con người đều mang theo để làm cứu cánh khi thấy lòng cô đơn, buồn khổ, hay trong những lúc hân hoan, say đắm.

Không chỉ riêng tôi, trên đất nước Việt Nam này, ảnh hưởng của Trịnh Công Sơn rất to lớn, gần như người dân Việt nào cũng đều thấy mình trong từng bài hát của ông. Ông nói hộ cho con người những âu lo, những vò xé, những thao thức, những đớn đau, những tiếc nuối, những ngổ ngàng và cả những hoài nghi, những mê đắm... về thân phận con người, về chiến tranh, nhân loại, về tình yêu thương gắn bó, về sự tan nát chia xa... ông đi cùng với họ, an ủi, tâm tình bên họ. Có ông cuộc đời như vơi bớt niềm đau, cái chết cũng không còn ghê gớm nữa. Vì ông đã giúp họ hiểu ra sự thật của kiếp người. Vậy thì, tại sao không sống thanh thản cho đời nhẹ nhàng hơn.

Trước năm 1975, mặc dù nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn bị chính quyền miền Nam cấm đoán, nhưng nhạc của ông vẫn được hát không chính thức trên các giảng đường, trường học, hộp đêm. Những bài tình ca, những bài tình tự quê hương dân tộc vẫn được thu băng và bày bán khắp các đường phố. Có không ít người miền Nam Việt Nam vào thời đó thuộc bài hát của ông, từ người già đến em bé, từ trí thức đến người bình dân.

Để hiểu rõ điều đó, hãy nghe nhận định của Hoàng Nguyên Nhuận: "... nếu Huế là thánh địa của Phật giáo và nếu bản nhạc Phật giáo Việt Nam của Lê Cao Phan là nhịp đạo hành của thanh niên Phật tử, thì Trịnh Công Sơn chính là nhịp đập con tim của phong trào thanh niên trên đường vận động hòa bình, độc lập và an lạc cho đồng bào đồng loại tại các thành phố miền Nam..." [8; 180].

Trong luận văn viết về đề tài “Nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn”, cô Yoshii Michiko có đề cập đến một tư liệu của Kondo Koichi, đặc phái viên chiến tranh từ SanKei của Nhật - có văn phong tại Sài Gòn trước 1975 - đã từng nhắc đến hiện tượng này: “*Điểm xưa*”: thiên tài Trịnh Công Sơn đã soạn ra giai điệu của bài hát này, bài hát đã được cả miền Nam Việt Nam yêu thích. Người ta nói rằng nữ ca sĩ Khánh Ly, cũng là một trong những tài năng mà người ta chỉ gặp một lần trong suốt 100 năm. Bài hát này bị cấm dưới chế độ ông Thiệu sau khi phát hành không lâu. Lối ẩn dụ chống chiến tranh ở đây quá đặc biệt. Và trong số họ có một người cấp bậc đại úy dường như anh đã có lý khi chứng tỏ sự hiểu biết của mình về điều đó. Thực tế, một vị đại tá của một trung đoàn có nhiệm vụ bảo vệ Đà Lạt đã nói: “Nghệ thuật là nghệ thuật. Phản chiến hay không, người ta không cần biết”. Và đã không nghe theo lệnh của tổng hành dinh. Ngược lại, ông đã khích lệ cả những binh lính của ông, hát những kiệt tác của “thiên tài duy nhất mà miền Nam Việt Nam có thể ca ngợi với thế giới”.

Một nhà báo Nhật khác thường lui tới hộp đêm của Khánh Ly trên đường Tự Do kể: “Hàng đêm vào đầu giờ, người ta chỉ nghe những bài hát cho phép, nhưng đêm gần tàn, Khánh Ly bắt đầu hát những bài hát phản chiến của Trịnh Công Sơn, và trên thực tế, công chúng chỉ đến để nghe những bài hát này”[9].

Điều đó chứng tỏ, những bài hát phản chiến của Trịnh Công Sơn dù đã bị cấm đoán trong thời chiến tranh nhưng người dân vẫn hát vang trên khắp phố phường, làng mạc. Vẫn được đánh máy, in ronéo chuyển tay nhau trong các phong trào thanh niên và ngay cả trong những sĩ quan cao cấp của chính quyền miền Nam.

Nhạc Trịnh Công Sơn ảnh hưởng rộng rãi ở miền Nam trước 1975 chúng ta đã biết, thế còn ở miền Bắc thì sao? Những nhân chứng dưới đây giúp chúng ta sáng tỏ:

Văn Cao viết: “...tôi đã gặp Sơn từ những ngày đất nước còn chia hai miền và còn chìm trong khói lửa. Tôi muốn nhắc đến ở đây một kỷ niệm không thể quên

ở nhà một người bạn trẻ. Đêm ấy lần đầu tiên tôi nghe (cũng có nghĩa là gặp) Trịnh Công Sơn... Những bạn trẻ hát cho tôi nghe gần suốt đêm hàng loạt ca khúc Trịnh Công Sơn (không biết họ học ở đâu?) hát say sưa đến nỗi đứt cả dây của cây đàn ghi-ta duy nhất có trong nhà" [10; 17].

Nhà thơ Nguyễn Duy kể rằng, ở dọc Trường Sơn, bộ đội miền Bắc cũng đã từng nghe tình ca của Trịnh: "Mặt trận Đường Chín - Nam Lào (1971)... trong căn hầm kèo bên dòng sông Sêbănghiêng... Nghe, nghe trộm - vâng, lúc đó gọi là nghe trộm đài Sài Gòn, tình cờ "gặp" Trịnh Công Sơn qua giọng hát Khánh Ly... Diễm xưa... Mưa vẫn mưa rơi... làm sao em biết bia đá không đau... Quỳ thật! Giai điệu ấy và lời ca ấy tự nhiên "ghim" lại trong tâm tưởng tôi ngay từ phút bất chợt ấy. Rồi Như cánh vạc bay... Quái thật!... Cảm nhận bất chợt, những bài hát rất mượt mà, đắm đuối ấy... ừ thì có buồn đấy, đau đấy, buồn thất nữa đấy... nhưng còn là cái gì lành mạnh này nở trong đó. Hình như là cái đẹp. Cái đẹp trong câu nhạc. Cái đẹp trong ca từ, cả xác chữ lẫn hồn thơ. Bằng lòng, lơ mơ, khó phân định cho đúng nghĩa, nhưng rõ ràng là đẹp, đẹp làm sao... và để lại cái ám ảnh thẩm mỹ" [11; 44].

Nhà văn Nguyễn Văn Thọ, trước đây là bộ đội miền Bắc, hiện ở Berlin viết: "Năm 1972, khi ấy tôi là bộ đội trong rừng Trường Sơn. Thăng bạn tôi, sau chiến dịch Lam Sơn 719 vờ được cái đài Sony rất tốt. Đêm Trường Sơn, chờ cho mọi người đi ngủ hết, chúng tôi lên mở đài BBC và cả đài Sài Gòn. Đây là lần đầu tiên tôi được nghe tiếng hát Khánh Ly với nhạc Trịnh Công Sơn. Chúng tôi là lớp người lớn lên từ miền Bắc, thường quen với những khúc thức hùng tráng. Trong tiếng chộn rộn rú rít của sóng vô tuyến, tôi vẫn thấy một giọng lạ của một thứ âm nhạc mới. Một thứ nhạc da diết, đầy lãng đãng từ ca từ, tới khúc thức. Một thứ nhạc xanh không giống bất cứ nhạc xanh nào mà tôi từng nghe, kể cả trong những đĩa hát quay tay cổ mở suốt ngày rên rỉ ở đầu chợ trời những ngày sau hòa bình. Rất lạ, với tôi khi đó nhạc Trịnh Công Sơn như làn gió khởi từ xa xăm đâu đó, tách khỏi hận thù trận mạc, tha thiết một tình yêu đồng loại, giống nói, yêu bè bạn, hòa bình, đạo lý. Nó lạ, vì lời ca từ phi tuyến tính, không giống cách viết truyền thống trên những ca khúc của Hà Nội khi đó".

Và đáng quý hơn nữa, nhà văn này đã ghi lại cảm giác khi tiến quân vào Sài Gòn trưa ngày 30-4-1975, ông nghe Trịnh Công Sơn đang hát bài *Nỗi vòng tay lớn* trên đài phát thanh Sài Gòn: “*Mặt đất bao la... anh em ta về... gặp nhau trong bão lớn quay cuồng trời rộng... Lời ca không phải là tiếng thách thức tử thù. Lời ca không phải là tiếng bể máu như kết cục thường thấy của chiến cuộc, lời ca khi ấy làm chúng xuống không khí thù hận và hận học. Chúng tôi tiến vào Sài Gòn... Nỗi vòng tay lớn. Chiến tranh nào bao giờ chẳng có mặt trái, nhưng tiếng hát kia, bản nhạc ấy, mở ra cho cả hai bên nghe như một liều thuốc vô hình đã làm chúng xuống một thời khắc để nôi cầu và nôi đóa. Đây là kỷ niệm thứ hai của tôi về anh*” [12].

Tiếng hát làm chùn tay súng.

Sau năm 1975, một thời gian nhạc Trịnh bị cấm biểu diễn kể cả những bài tình ca và những bài tình tự quê hương, dân tộc. Cho đến cuối những năm 1980 đầu những năm 1990 - thời mở cửa, nhạc Trịnh Công Sơn mới được chính thức phổ biến. Tuy nhiên, trong những năm chính quyền chưa cho phép, mặc nhiên người dân ở cả hai miền Nam - Bắc vẫn nghe nhạc của ông trên khắp nẻo đường đất nước, từ những nơi núi rừng heo hút cho đến chốn thị thành.

Nhạc của ông cũng truân chuyên như cuộc đời ông vậy.

Nguyễn Đắc Xuân kể lại rằng: “*Sau ngày thống nhất đất nước, cùng với hàng hóa tiêu dùng của miền Nam, các băng nhạc của Trịnh Công Sơn bắt đầu xâm nhập giới trí thức miền Bắc. Đứng trên lầu 51 Trần Hưng Đạo (Hà Nội) - Cơ quan Văn nghệ miền Bắc, tôi nghe vang vọng từ phía Nhà xuất bản Văn học một gia đình nào đó mở Gia tài của mẹ, Nỗi vòng tay lớn... của Trịnh Công Sơn*” [4; 123].

Đi từ Nam ra Bắc, chúng ta dễ dàng bắt gặp những quán cà phê mang tên “Nhạc Trịnh” hay mang tên tựa đề bài hát của ông: *Hạ trắng, Diễm xưa, Biển nhớ...* Dấu ấn ngôn ngữ của Trịnh Công Sơn còn bàng bạc trên văn chương của người đương thời.

Ngày nay, đi đến bất cứ nơi đâu trên trái đất này, nếu có cộng đồng người Việt sinh sống, thì nơi đó có nhạc Trịnh Công Sơn. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết: “Hơn mười năm qua, đi đâu, bất cứ nơi nào, trong nước hay ngoài nước, nơi nào có người Việt Nam, là nơi đó tôi được nghe nhạc Sơn. Nhớ năm 1987, trong dịp sang Đông Berlin, khi tôi vừa ngồi yên trong xe, thì anh bạn lái cho tôi bảo: “Nghe Trịnh Công Sơn nhé?”. “Có à?”. Tôi ngạc nhiên. “Sao lại không!” và giọng của Khánh Ly “Mưa vẫn mưa bay trên từng tháp cổ...” lại cùng tôi vang trên các nẻo đường Đông Berlin trong đêm thu”.

Tại Paris, quận 13... Một hôm tôi đến, vào một quán phở, một cái quán có nhiều khách chống Sơn: lạ, tôi lại nghe họ mở nhạc của Sơn. Rồi đầu tháng 7/1989 ngồi trong một quán ăn Việt Nam ở New York, trong ánh đèn mờ, tôi cũng lại nghe nhạc của Sơn... Hóa ra người ghét Sơn, chống Sơn vẫn không thể không nghe nhạc Sơn. Từ đó, có thể nói, nghệ thuật của Trịnh Công Sơn đã vượt qua khỏi sự hận thù...” [6; 273-274].

Hãy nghe những lời phát biểu về tầm ảnh hưởng của Trịnh Công Sơn.

Nhà thơ Phạm Tiến Duật: Gần nửa thế kỷ sáng tác ca khúc, hành trình của Trịnh Công Sơn là hành trình của một trái tim yêu người, yêu giống nòi, luôn luôn tìm cách trả lời những câu hỏi không phải của khối óc mà là câu hỏi của chính trái tim anh đặt ra, trong đó, sự trăn trở giữa cái bản ngã và phi bản ngã là sự trăn trở thường trực... các nhà thơ từ Nam đến Bắc đều coi anh là thi sĩ [13; 455].

Nhà văn Phạm Thị Hoài: Thế kỷ vừa rồi hiếm khi cho chúng ta một nghệ sĩ đặc biệt như thế. Ông không phải là một trong những nhạc sĩ lỗi lạc nhất, song hầu như không ai khác từ lúc sinh thời đã để lại một ảnh hưởng rộng rãi như vậy với người làm nhạc và người nghe nhạc Việt Nam. Ông không phải là một ca sĩ trứ danh, song ông đã được so với Bob Dylan, và đem lại cho danh hiệu kẻ du ca một ý nghĩa hiện đại. Ông không phải là một trong những nhà thơ sáng giá nhất, song cách ông đặt lời bài hát đã thành một trường phái và dựng nên một phong cách ngôn ngữ xứng đáng được ghi nhận trong lịch sử văn học Việt

Nam. Ông không phải là một trong những chiến sĩ của hòa bình, tự do và nhân phẩm kiên cường nhất, song với đồng bào bạn hữu và quần chúng, ông đã tượng trưng cho những giá trị ấy... [13; 457].

Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo trong bài “Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, người tinh lãng du của nhiều thế hệ”, đã tự hỏi: “... vì sao mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn được công chúng hâm mộ đến thế? Có lẽ chính anh là một nhà thơ được hát lên. Ca từ của anh không chỉ là giàu chất thơ người ta thường nói, mà đây là những bài thơ thực sự, những bài thơ thấm đẫm triết lý về cuộc sống, về tình yêu, về sự sinh ra và trở về cát bụi của phận người ngắn ngủi... Khi được nhờ chọn một số bài thơ tình hay nhất thế kỷ, nhà nghiên cứu văn học Hoàng Ngọc Hiến đã tâm đắc tiến cử lời bài ca “Đêm thấy ta là thác đổ” của Trịnh Công Sơn. Nhưng những lời thơ ấy được hát lên bằng nhạc của chính tác giả, thì nó bỗng trở thành những câu kinh bất hủ. Và người ta nói rằng, âm nhạc của anh là những bài kinh cầu bên vực thăm về thân phận và tình yêu” [19; 171].

Đó là nhận định của các nhà thơ, nhà văn nổi tiếng. Và chúng ta hãy nghe tình cảm chân thành của những con người bình thường khác, đó là những người mẹ nhọc nhằn, những cô gái ăn sương, những em bé không hề biết ông là ai, nhạc Trịnh Công Sơn đã ảnh hưởng họ như thế nào:

“Bà mẹ vợ của tôi, chồng bị bệnh nằm một chỗ đã nhiều năm, một tay nuôi 8 đứa con dại. Mùa hè năm 1975, cậu con trai thứ hai lại bị mất tích trên đường theo bộ đội vào giải phóng Sài Gòn. Bà hết sức đau khổ. Hằng ngày đứng nấu cơm rửa chén phục vụ gia đình bà tự an ủi mình với “Cỏ xốt xa đưa”. Bà mẹ đẻ của tôi ở Đà Lạt, hơn nửa đời người vất vả nuôi con, cuối đời rất sùng đạo Phật. Bà thích nghe nhạc Trịnh Công Sơn vì bà cho rằng nhạc Trịnh Công Sơn có hơi hám “cát bụi giải thoát”. Người ta nói âm nhạc Trịnh Công Sơn chỉ thích hợp với tuổi trẻ. Các bà mẹ tôi không còn trẻ nữa mà cũng thích nhạc Trịnh Công Sơn. Các bà thích không vì tuổi còn trẻ mà chính là nhạc Sơn đã nói hộ các bà về thân phận của kiếp người sống trong cõi tạm. Các bà mẹ tôi thích nhạc Trịnh Công Sơn khi chưa biết Trịnh Công Sơn là ai. Cũng giống như các em bé trên miền núi huyện Hướng Hóa (Quảng Bình) vào những đêm trăng quây quần giữa sân hát vang “Em sẽ là mùa xuân của mẹ, em sẽ là màu

nặng của cha...”, các em không biết tác giả bài ca ấy là ai. Các em cũng không cần biết tác giả làm gì. Các em chỉ cần biết lời của bài ca đó chính là ước mơ của các em” [4; 123-124]. Ngoài ra, còn có một chứng từ khác của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường về các cô gái ăn sương: “Cách đây mấy năm, một đêm khuya tôi vừa uống rượu về, ngang qua công viên nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn; từ sau một gốc cây, một cô gái mặc áo hồng bước ra, kéo tay tôi. Tôi ôn tồn từ chối. Liền sau đó, một cô áo đỏ, rồi áo lục... toàn là nhan sắc hương phấn, giống như trong Hồng lâu mộng. Tôi liền khoát tay ra hiệu mình bị nhiễm HIV nặng, các em lập tức dãn ra... Lúc này tôi mới để ý tới giọng hát khe khẽ từ bóng tối bên vệ đường... một cô gái áo đen... vẫn ngồi đấy từ đầu. Không thêm bận tâm gì tới cuộc riu rít của những “đồng nghiệp” của cô vẫy quanh tôi, chỉ mãi chìm đắm trong giai điệu của bài hát mà cô yêu thích, và tôi nghe rõ: “Đi về đâu hỡi em. Hãy lau khô dòng nước mắt. Đời gọi em biết bao lần”. Tôi thấm hiểu rằng đến với cô gái bất hạnh trong phân người lúc này, quả không thể là Phạm Duy hoặc bất cứ nhạc sĩ nào khác, mà chính là Trịnh Công Sơn” [14; 93-94].

Những bài hát của Trịnh Công Sơn đã phổ biến và ảnh hưởng sâu rộng không chỉ trong lòng người dân Việt Nam, mà còn lan xa trên thế giới.

Ở Mỹ, người ta coi ông như là một Bob Dylan của người Việt và ông được mời sang sống ở đó như là một người dân di tản với mức thu nhập bảo đảm cuộc sống an nhàn.

Ở Pháp, Mỹ, Nga, Đức, Nhật có nhiều bài báo viết về Trịnh Công Sơn như nhà báo Jean-Claude Pomonti, Jacques Boyer (Pháp), Murray Hiebert, Jon Liden, John Schafer (Mỹ), Frank Gerke (Đức), Irina Zisman (Nga)... và nhiều bài hát được dịch sang tiếng Pháp, Nhật [1; 123-146].

Năm 1970 ở Nhật Bản, bài *Diễm xưa* được tuyển vào vòng chung kết những bài hát hay của nước ngoài và bài *Ca dao mẹ* được giải “đĩa vàng” và bán được hai triệu bản. Tiếp theo thành công này, vào năm 1972, Mainichi Broadcasting đã đề nghị Trịnh Công Sơn sáng tác một bài hát

đặc biệt dành tặng cho Hiroshima và Nagasaki. Và ông đã sáng tác ca khúc *Như tiếng thở dài*[9]. Nhạc Trịnh đặc biệt được người Nhật yêu thích, vì những giai điệu bài hát của ông như những lời ru rất gần gũi, quen thuộc với người Nhật.

Năm 1980 ca khúc *Diễm xưa* và bản dịch *Utsukushii Mukashi* được đài truyền hình lớn nhất ở Nhật NHK chọn làm nhạc phẩm chính cho một bộ phim nội dung trình bày những khác biệt văn hóa giữa một người Nhật có vợ Việt Nam. Tháng 7-2004, *Diễm xưa* trở thành nhạc phẩm châu Á đầu tiên được Viện Đại học Kansai Gakuin đưa vào chương trình giáo dục của Viện đại học trong bộ môn Văn hóa và Âm nhạc[18].

Năm 2004, “Giải thưởng âm nhạc hòa bình thế giới” (WPMA) được trao cho nhạc sĩ Trịnh Công Sơn vì lý tưởng hòa bình mà ông đã đấu tranh không mệt mỏi cho hạnh phúc của nhân loại.

Tên ông được ghi trong bộ bách khoa *Le Million* của Pháp (tập 8 trang 122, Genève 1973).

Tại sao âm nhạc của Trịnh Công Sơn lại có sức sống, sức lan tỏa vượt thời gian và không gian như vậy?

Viết về nhạc Trịnh Công Sơn, Văn Cao nhận xét: “Trong âm nhạc của Sơn, ta không thấy dấu vết của âm nhạc cổ điển theo cấu trúc bác học phương Tây. Sơn viết hồn nhiên như thể cảm xúc nhạc thơ tự nó trào ra”. Nhạc sĩ Phạm Duy: “... toàn thể ca khúc Trịnh Công Sơn không cầu kỳ, rắc rối vì nằm trong một số nhạc điệu đơn giản, rất phù hợp với tiếng thở dài của thời đại”. Các nhạc sĩ phân đồng cùng nhận xét, nhạc của Trịnh Công Sơn rất đơn giản, không có gì chuyên môn, chủ yếu là hai gam La và Mi. Vậy thì, chỉ với nhạc không, ta sẽ chỉ có một Trịnh Công Sơn nhạc sĩ bình thường, không trở thành một hiện tượng độc đáo nhất trong lịch sử ca nhạc và cả trong lãnh vực văn học như hiện nay.

Vậy thì tại sao là nhạc Trịnh Công Sơn?

Một nghịch lý là ở đây: *“Nhạc của Trịnh Công Sơn hay là nhờ ở ngôn ngữ Trịnh Công Sơn. Nếu không thích hát, ta có thể giờ bất cứ một bài hát nào của Trịnh Công Sơn và đọc, y như đọc thơ. Ta sẽ thường thức các ca từ đó như bài thơ. Và thế cũng đủ.”* [15; 55]. Trịnh Công Sơn được xem là phù thủy ngôn ngữ, tiếng Việt qua thơ ông trở nên mới lạ và độc đáo.

Ở đây, chúng ta lại có một câu hỏi, thơ hay thì không chỉ có Trịnh Công Sơn, trước năm 1975 và hiện nay chẳng hạn, tại sao chúng không nổi tiếng bằng Trịnh Công Sơn?

Điều đó dẫn đến một nghịch lý thứ hai: *thơ Trịnh Công Sơn hay là vì chúng biến thành âm nhạc, thành nhạc và phổ biến rộng khắp* [15; 55]. Chúng ta biết, nhiều bài thơ hay, trở thành phổ biến và được công chúng đón nhận là nhờ được phổ nhạc, nghĩa là biến thành âm thanh. Chẳng hạn bài thơ “Đưa em tìm động hoa vàng” của Phạm Thiên Thư. Bài thơ “Ngậm ngùi” của Huy Cận, mấy ai biết. Vậy mà đến khi Phạm Duy phổ nhạc hai bài thơ trên trở thành những bài hát nổi tiếng một thời trước 1975. Hay bài thơ “Cuối cùng cho một tình yêu” của Trịnh Cung ít ai biết, thế nhưng khi Trịnh Công Sơn phổ nhạc thì được phổ biến rộng rãi.

Ngôn ngữ của Trịnh Công Sơn là những bài thơ. Y như bất cứ một bài thơ nào khác. Có điều chúng tự biến thành âm thanh cùng lúc sáng tác. Đó là những *“bài thơ âm”* (Văn Cao gọi Trịnh Công Sơn là người ca thơ vì vậy). Chúng có cùng với nhạc. Có thể nói chúng là nhạc. Chúng được sáng tác cho nhạc, nhưng không phải là những bài thơ phổ nhạc.

Trịnh Công Sơn tự nhận xét: *“Ca khúc đối với tôi là một mô hình gắn gũi, thiết thân và hoàn chỉnh. Nó là một cuộc hôn phối kỳ diệu giữa thi ca và âm nhạc”*. Đúng, một cuộc hôn phối giữa thi ca và âm nhạc thật nhuần nhuyễn, diệu kỳ.

Theo ông Trần Hữu Thục, nó còn là một cuộc hôn phối khác, hôn phối giữa Trịnh Công Sơn và thời đại của ông. Đó là một giai đoạn bùng vỡ

mọi mặt. miền Nam Việt Nam từ cuối 1963 đến tháng 4/1975 không khi nào yên tĩnh. Bom đạn, biểu tình, đảo chánh, pháo kích, giới nghiêm, bãi khóa, hội thảo. Các phong trào, đảng phái mọc lên như nấm. Các xu hướng chính trị, tôn giáo, triết học phát triển rầm rầm rõ rõ: hiện sinh, cộng sản, Phật giáo, Thiên chúa giáo, tả khuynh, hữu khuynh, phân tâm, thiền, cách mạng tính dục. Cả một xã hội tràn trướng phôi bày toang hoác. Các tệ nạn xã hội được dịp phát triển kinh khiếp: tham nhũng, điếm, ăn cắp, giết người... Thời đại tương linh sợ sinh viên, bộ trưởng sợ thầy chùa. Một giai đoạn lịch sử tự do bùng phá. Mọi tháp ngà bị đập vỡ, mọi đường ranh bị băng qua. Tất cả các tiêu chuẩn chân lý bị xét lại. Tuổi trẻ đứng cheo leo trên đường biên. Đó là thời kỳ của khai mở và bị kích. Trịnh Công Sơn đón đầu nhận lãnh và thừa hưởng để biến tất cả thành nghệ thuật[15].

Trịnh Công Sơn là một hiện tượng đặc biệt trong nền văn hóa Việt Nam thế kỷ XX. Có thể nói: ca từ của Trịnh Công Sơn là một hôn phối giữa nhiều “nỗi” “niềm” khác nhau: hôn phối giữa thi ca và âm nhạc, hôn phối giữa tác giả và thời đại của mình. Ông đã nói hộ cho nhân loại nỗi tuyệt vọng nhân sinh, nỗi phẫn nộ về chiến tranh, niềm ước mơ về hòa bình, nỗi băn khoăn siêu hình, niềm vui về tình yêu, đoàn tụ và nỗi buồn của thân phận con người.

Suốt đời ông mãi là con dĩa trắng xe cát biển Đông.

Sinh thời, Trịnh Công Sơn từng hỏi:

Ngày sau còn ai nhắc tên mình không?
(Dĩa trắng ca)

Câu hỏi đầy chất tâm linh của Trịnh Công Sơn mãi mãi là nỗi băn khoăn của nhân loại. Và có lẽ Trịnh Công Sơn cũng không ngờ, ngày ông mất người đời đã trao cho ông định mệnh ấy: Sự bất tử.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bửu Ý, *Một nhạc sĩ thiên tài*, NXB Trẻ 2003.
- [2] Sâm Thương, *Thời thanh xuân Trịnh Công Sơn*
- [3] Văn xuôi Trịnh Công Sơn, Bài hát đầu tiên bài hát cuối cùng, in trong *Một cõi đi về*, NXB Thuận Hóa, 2004, tr. 469.
- [4] Nguyễn Đắc Xuân, *Có một thời như thế*, NXB Văn Học 2003.
- [5] Văn xuôi Trịnh Công Sơn, Kiếp sau tôi vẫn là người nghệ sĩ (trả lời phỏng vấn VCH), in trong *Một cõi đi về*, NXB Thuận Hóa 2004, tr. 522.
- [6] Nguyễn Quang Sáng, Paris, tiếng hát Trịnh Công Sơn, in trong *Một cõi đi về*, NXB Thuận Hóa, 2004, tr. 270 - 283]
- [7] Võ Xuân Hán, *Đóa hoa vô thương*
- [8] Đặng Tiến, Trịnh Công Sơn, tiếng hát hòa bình, tạp chí *Văn Học* số 10&11/2001 Cali, tr. 180.
- [9] Yoshii Michiko, *Luận văn cao học về nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn*.
- [10] Văn Cao, Trịnh Công Sơn người thơ ca, in trong *Một cõi đi về*, NXB Thuận Hóa, 2004, tr. 17.
- [11] Nguyễn Duy, Ngày sau sỏi đá, in trong *Một cõi đi về*, NXB Thuận Hóa, 2004, tr. 44.
- [12] Đặng Tiến, *Đời và nhạc Trịnh Công Sơn*.
- [13] Nhớ người trong cõi (Trích các bài viết về Trịnh Công Sơn) in trong *Một cõi đi về*, NXB Thuận Hóa, 2004, tr. 455.
- [14] Hoàng Phú Ngọc Tường, *Trịnh Công Sơn và cây đàn lya của hoàng tử bé*, NXB Trẻ 2004.
- [15] Trần Hữu Thục, Một cái nhìn về ca từ Trịnh Công Sơn, *TC Văn Học* tháng 10&11/2001 Cali.
- [16] *TC Văn (Cali)* số 92, tháng 8/2004.
- [17] Một tài liệu khác trong băng Thụy Nga, Khánh Ly nói rằng năm 1962 Trịnh Công Sơn gặp Khánh Ly ở Đà Lạt rủ về Sài Gòn đi hát nhưng Khánh Ly không về. Mãi đến 1965 Khánh Ly mới về Sài Gòn và cùng Trịnh Công Sơn đi hát.

[18] Nguồn <http://www.tcs-home.org> Nhạc Trịnh Công Sơn trên xứ Phù Tang.

[19] Nhiều tác giả, *Trịnh Công Sơn người hát rong qua nhiều thế hệ*, NXB Trẻ 2003.

[20] Trường Sư phạm Quy Nhơn khai giảng khóa đầu tiên năm 1962 đào tạo giáo viên dạy tiểu học, sau năm 1975 Trường Sư phạm Quy Nhơn chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Hiện nay Trường đổi tên thành Trường Đại học Quy Nhơn đào tạo đa ngành.

H O À I N A M

trịnh công sơn -
người lắng âm vọng nhân sinh

Trong chuyên luận *Trịnh Công Sơn - ngôn ngữ và những ám ảnh nghệ thuật* (NXB Văn Hóa Sài Gòn, 2008), nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc đã xác quyết: “Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ, điều đó đã hẳn. Nhưng, trên và trước hết, người nhạc sĩ đó lại chính là một thi sĩ tự trong bản chất và trong cách thể sử ngôn ngữ của mình”. Diễn đạt theo cách khác, nhận định trên đã chạm tới một điều mà hầu hết những người đã từng (hoặc sẽ) viết về người nhạc sĩ tài hoa họ Trịnh đều chia sẻ: đặt giai điệu sang một bên, thì phần ca từ trong các tác phẩm của Trịnh Công Sơn chính là những thi phẩm đích thực. Cái thế giới thi ca mang đậm tính siêu hình của ông mở ra trước mắt chúng ta một hồn người, và qua

đó, cả một thời đại đầy biến động. Bước vào thế giới thi ca ấy, ta sẽ có dịp nhìn trở lại thực tại bằng chính cái nhìn mà thi nhân đã hướng về thực tại. Và thêm nữa, ta sẽ có thể nắm được **thực tại** bằng chính những âm vọng mà thi nhân đã nghe ra từ thực tại, theo một cách thật đặc biệt của riêng ông.

Giai đoạn sáng tác sung sức nhất và nhiều thành tựu nhất của Trịnh Công Sơn, không hồ nghi gì nữa, là những năm tháng chiến tranh. Sống trong lòng cuộc chiến, dẫu có căm ghét và chối bỏ nó đến đâu, ông vẫn phải chịu đựng sự hiện hữu của nó. Những tập *Ca khúc Da vàng*, *Phụ khúc Da vàng*, *Kinh Việt Nam*, *Ta phải thấy mặt trời* chính là những trải nghiệm đau thương mà chiến tranh đã in hằn trên cuộc đời và trong tâm hồn ông. Tiếng súng nổ, tiếng đại bác gầm, tiếng mẹ khóc con tử nạn, tiếng người hấp hối... đó là những âm thanh thảm khốc mà không một người Việt Nam nào sống ở thời ấy không nghe ra. Chúng cũng ngập đầy trong các ca khúc về đề tài này của Trịnh Công Sơn. Nhưng, đôi khi chúng vang lên thật lạ lùng: *"Đại bác đêm đêm dội về thành phố/ Người phu quét đường/ Dừng chổi đừng nghe/ Đại bác đêm đêm tương lai rụng vàng/ Đại bác như kinh không mang lời nguyện/ Trẻ thơ quên sống/ Từng đêm nghe ngóng... Đại bác đêm đêm ru da thịt vàng/ Đại bác nghe quen như câu đạo buồn/ Trẻ con chưa lớn để thấy quê hương"* (Đại bác ru đêm). Tiếng đại bác trong thính trường của Trịnh Công Sơn - ít ra là ở ca khúc này - không hề mang vẻ hăm dọa khủng bố. Trái lại, nó có giai điệu, nó du dương, nó gần gũi và quen thuộc, nó gắn liền với đời sống và tạo thành nhịp sống của con người! Nhạc sĩ - thi sĩ họ Trịnh định làm lạ hóa cảm nhận của công chúng bằng cách nói ngược chăng? Không phải. Bằng "cái nghe" riêng có của mình, ông đã bộc lộ một sự thật tàn nhẫn: chiến tranh làm mòn mỏi, làm đỡ đần, làm mù mịt, làm tê liệt con người; con người bị đẩy vượt lên trên nỗi sợ, con người đánh mất cảm giác sợ hãi trước tiếng gầm của đại bác, con người chỉ còn là những tấm bia thịt vò tri mà đạn pháo có thể "viếng thăm" bất cứ lúc nào!

Chiến tranh, chết chóc, thịt nát xương tan đã để lại vết tích trong ca từ của Trịnh Công Sơn với những hình ảnh đau đớn: *"Một chiếc xe tang/*

trái mìn nổ chậm/ người chết hai lần/ thịt da nát tan” (Ngụ ngôn mùa đông), “một buổi sáng mùa xuân/ một đứa bé ra đồng/ đập trái mìn nổ chậm/ xác không còn đôi chân”, “người con gái chột ôm tim mình/ trên da thơm vết máu loang dần” (Người con gái Việt Nam da vàng) v.v... Sự sống trở nên quá đổi mong manh trong guồng máy chiến tranh. Lằn ranh giữa sinh và tử của đời người trở nên vô nghĩa như một tiếng cười nhạt. Thực tại ấy, được thêm sức đẩy của ngọn triều tư tưởng về cái phi lý từ Âu - Mỹ tràn sang, đã đưa Trịnh Công Sơn tới rất gần quan niệm về sự hư ảo của nhân sinh và những nỗi đau khổ khôn cùng của phận người - như nó từng được thể hiện đậm đặc trong “Cung oán ngâm khúc” của Nguyễn Gia Thiều ở thế kỷ XVIII. Ông luôn nghe thấy những âm thanh của một thứ định mệnh tàn nhẫn đè nặng lên thân phận con người: “Nghe xot xa hần lên tuổi trời/ Trẻ thơ ơi, trẻ thơ ơi!/ Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người” (Gọi tên bốn mùa). Ông đặc biệt nhạy cảm với những tiếng gọi của trăm năm - hư vô - cái chết: “Đêm ta nằm bóng tối che ngang/ Đêm ta nằm nghe tiếng trăm năm/ Gọi thì thầm, gọi thì thầm, gọi thì thầm/ Đêm nghe trời như hú như than/ Ta nghe đời như có như không/ Còn lại mình, đời bóng bẽnh, đời buồn tênh” (Còn có bao ngày). Khi hát cái nhìn từ Kinh Thánh lên hạt bụi - người, ông nghe thấy: “Tiếng động nào gõ nhịp không người” (Cát bụi). Tiếng động không được gọi tên, song nó chẳng hề mơ hồ: đó là tiếng thời gian cầm canh đưa người từ bờ sống sang bờ chết, đó là tiếng chuông gọi hồn đều đều nhẫn nại! Bởi thế, không khó hiểu khi chợt bắt được một âm thanh rất đối bình thường của đời sống thực - tiếng ru - ào giác về cái chết của chính mình đã ập đến với ông: “Về trong phố xưa tôi nằm/ Có lần nghe tiếng ru bên vườn/ Chợt như xác thân không còn/ Và cạnh tôi là đồng vắng” (Lời thiên thu gọi).

Cái bóng trăm năm luôn ám ảnh trong suy tưởng và trong cảm xúc của Trịnh Công Sơn. Nói theo giọng phân tâm học, ông có lẽ thuộc về kiểu nghệ sĩ mà bản năng chết (thanatos) mạnh hơn bản năng sống (eros). “Cái nhìn”, và tất nhiên, cả “cái nghe” của ông, chịu lực hút chủ đạo không phải từ sự sinh trường - khỏe khoắn - ấm áp - tươi vui, mà là từ những gì tàn lụi - héo úa - mòn mỏi - u sầu - lạnh lẽo. Chắc chắn rằng không có mấy nhạc sĩ, thi sĩ Việt nghe được tiếng của thời gian theo

cách mà ông đã nghe: *"Tùng lời tà dương là lời mộ địa"* (*Một cõi đi về*) - đó là tiếng hấp hối của một ngày; *"Người chia tay nhau cuối đường/ Ngày đi đêm tới/ Nghe tiếng hư không"* (*Nghe những tàn phai*) - đó là âm thanh vô vị và "rỗng nghĩa" của sự chuyển tiếp thời gian. Và, nếu mùa thu với sắc nắng vàng đã làm say đắm bao tâm hồn nghệ sĩ khác, họ chờ đón "những mùa thu tới" thì Trịnh Công Sơn lại chỉ thấy "những mùa thu đi", ông nghe ra ở sự đi của những mùa thu ấy cái chết của thời gian và sự chết dần của đời người: *"Nhìn những mùa thu đi/ Em nghe sầu lên trong nắng/ Và lá rụng ngoài song/ Nghe tên mình vào quên lãng/ Nghe tháng ngày chết trong thu vàng"* (*Nhìn những mùa thu đi*). Một cách tất yếu, như là định mệnh, con người hướng theo tiếng gọi của cái bản năng chết ấy sẽ phải là một con người cô đơn, tuyệt đối cô đơn, bất chấp ý chỉ muốn nối kết với đời sống, với tha nhân của chính anh ta. Mỗi thanh âm của thế giới khi lọt vào thính trường của con người ấy đều trở thành một vọng âm nói về sự cô đơn, gọi đến sự cô đơn hoặc bắt anh ta phải nhận ra sự cô đơn. Đó là tiếng hát: *"Chiều chủ nhật buồn/ Nằm trong căn gác dịu hiu/ Ôi tiếng hát xanh xao của một buổi chiều/ Trời mưa trời mưa không dứt/ Ô hay mình vẫn cô liêu"* (*Lời buồn thánh*). Đó là tiếng gà trưa: *"Vẻ trên phố cao nguyên ngời! Tiếng gà trưa gáy khan bên đồi! Chợt như phố kia không người! Còn lại tôi bước hoài!"* (*Lời thiên thu gọi*). Đó là tiếng lục lạc bò: *"Đàn bò vào thành phố/ Reo buồn tiếng hạt chuông/ Một người vào thành phố/ Nghe hồn lạnh giá băng"* (*Du mục*). Đó là tiếng mưa như "lời ru miệt mài/ ngàn năm ngàn năm" trong ca khúc *Tuổi đã buồn*, tiếng mưa khiến câu hỏi "còn ai còn ai?" bật ra nào ruột như một tiếng chờ dài của thi nhân trước nỗi cô đơn trên nhân thế. Đến đây, tôi muốn nói thêm một cảm nhận chủ quan của mình: giữa trùng trùng âm thanh của thế giới, cùng với lời ru, dường như Trịnh Công Sơn yêu nhất tiếng mưa. Không phải chỉ vì mưa đã giăng mịt mùng trong các ca khúc của ông, mà còn vì tiếng mưa nhiều khi được ông dùng như một âm chuẩn để "đo" các thanh âm khác, tiếng lá chẳng hạn. Dùng tiếng mưa "đo" tiếng lá, ông có những ca từ tuyệt hay: *"Nghe lá thu mưa reo mơn gót nhỏ"* (*Điểm xua*), *"Lá hát như mưa suốt con đường đi"* (*Em còn nhớ hay em đã quên*) v.v...

Cô đơn, ở một khía cạnh nào đó, là cây thập giá tinh thần mà người

nghệ sĩ đích thực phải mang vác suốt cuộc đời mình. Cô đơn cũng chính là trạng thái lý tưởng để người nghệ sĩ có thể tập trung mài sắc các giác quan, nắm bắt chuẩn xác từng chuyển động tế vi nhất của thế giới. Trong cô đơn, Trịnh Công Sơn tỏ ra có một thính lực thật kỳ lạ, ông nghe thấy muôn trùng lên tiếng, những thanh âm kết dệt một bầu không khí thật ma mị liêu trai: *"Đêm nghe gió tự tình/ Đêm nghe đất trở mình vì mưa/ Đêm nghe gió thổi dài/ Đêm nghe tiếng khóc cười của bào thai.../ Đêm nghe gió than hoài/ Đêm nghe lá đưa lời hăm oan/ Đêm nghe thân xác mịt mùng/ Đêm nghe tiếng muôn trùng đầy đũa"* (*Nghe tiếng muôn trùng*). Đi tới cùng của cô đơn, Trịnh Công Sơn rút gọn toàn bộ thế giới vào chính bản thân mình, ông nghe từ chính mình những âm vọng bi thiết của nhân sinh: *"Đôi khi ta lắng nghe/ Nghe sóng âm u/ Dội vào đời buốt giá/ Hồn ta gió cát phủ du bay về/ Đôi khi trên mái tình ta/ Nghe những giọt mưa/ Tình réo tình âm thầm/ Sầu réo sầu bên bờ vực sâu"* (*Tình xa*). Ông nghe được cả những sóng cồn bão dông trong im lặng: *"Tôi đã lắng nghe trái tim lạc loài/ Bao đêm đã qua/ Im lặng của người tôi đã lắng nghe/ Im lặng của tôi... Tôi đã lắng nghe im lặng thổi dài/ Sau cơn bão qua/ Im lặng mặt người/ Nghe bao nỗi đau trên một bàn tay"* (*Tôi đang lắng nghe*). Và đây nữa, một âm thanh - âm thanh zero - mà Trịnh Công Sơn đã nghe ra từ nhịp đập của chính trái tim mình, trái tim của một người Việt Nam biết thốn thức biết xót xa trước những biến cố đau thương đang diễn ra hàng ngày trên đất đai xú sở, trên cuộc đời người Việt: *"Giọt nước mắt quê hương/ Ôi còn chảy miên man/ Ôi dòng nước mắt chảy hoài/ Dòng nước mắt đời đời/ Dòng nước mắt thương ai/ Ôi dòng nước mắt trong tim/ Chảy lại lắng vào hồn/ Nửa đêm gọi đến mình"* (*Giọt nước mắt cho quê hương*).

Tận hiến cuộc đời mình cho nghệ thuật, Trịnh Công Sơn và các ca khúc của ông đã tạo nên một bộ phận đầy giá trị không thể tách rời trong dòng chảy ca khúc trữ tình Việt Nam thế kỷ XX. Những ca khúc mang giai điệu buồn. Buồn, đó cũng là chủ âm trong ca từ của ông. Bởi lẽ, ở một phương diện nào đó, dường như cái tạng sẵn có của Trịnh Công Sơn không hợp với những vui vẻ hời hợt. Thượng đế đã bắt (hay đã ban?) cho ông sứ mệnh của kẻ có thể lắng trong mình những âm thanh u uất, những tiếng nói tang thương từ cõi người và cõi đời rồi chưng cất

chúng thành những ca từ buồn và đẹp. Bằng những ca từ ấy, nhạc sĩ - thi sĩ tài hoa họ Trịnh đã cho ta thêm một cách thể để nghe sâu hơn tiếng vọng nhân sinh, để tự mở rộng biên độ của suy tưởng và cảm xúc, và từ đó, để gắn bó thân thiết hơn với cuộc đời mà mỗi người đang sống - như chính ông từng kêu gọi: *"Hãy yêu ngày trời dù quá mệt kiếp người/ Còn cuộc đời ta cứ vui"* (*Để gió cuốn đi*). Một điều mà chúng ta có thể khẳng định được chắc chắn: đó sẽ là di sản không bao giờ bị mất giá của Trịnh Công Sơn.

NGUYỄN HOÀN

chiều kích con người trong nhạc trịnh công sơn

Để cao vai trò của chủ thể tư duy, triết gia Pháp René Descartes có câu nổi tiếng: *"Tôi tư duy vậy tôi tồn tại"*. Hẳn là trong ý nghĩa đó, Trịnh Công Sơn đã viết: *"Tôi yêu và tôi tồn tại", "Tôi hát là tôi hiện hữu"*. Có yêu đời, yêu người đến đắm đuối và tiếc nuối, yêu *"bằng nỗi lòng của tên tuyệt vọng"*, tuyệt vọng không phải vì chán đời mà vì yêu quá cuộc đời, vì khắc khoải nghĩ đến lúc phải lìa xa cõi thế, *"thì dù bây giờ tôi phải đi, tôi phải đi, tay chia ly cùng đời sống này"* (Rơi lệ ru người), Trịnh Công Sơn mới viết nổi dòng nhạc *"hát kinh"* (*"Chiều em ra đứng hát kinh đầu sông"*- Đóa hoa vô thương) xuyên thời gian cho tình yêu và phận người: *"Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau"* (Diễm xưa).

Cái độc đáo mà người nghệ sĩ mang lại cho đời là ở thế giới nghệ thuật do họ sáng tạo ra, đó chính là *"thiên nhiên thứ hai"*, nói theo cách của mỹ học, mà họ góp vào với đời. Đánh giá tổng quan về thế giới nghệ thuật Trịnh Công Sơn, Văn Cao viết: *"Tôi gọi Trịnh Công Sơn là người ca thơ (chantre) bởi ở Sơn, nhạc và thơ quyện vào nhau đến độ khó phân định cái nào là chính, cái nào là phụ"*. Phạm Tuyên gọi Trịnh Công Sơn là *"đỉnh cao của âm nhạc giàu chất thơ và triết lý"*. Sơn Nam viết: *"Nhuần nhuyễn, ý tứ gắn*

bó hữu cơ, không cường điệu, tinh thuyết phục, tinh khái quát, nhân bản...bao nhiêu đòi hỏi về lý thuyết văn nghệ quả là hiển hiện trong nhạc Trịnh Công Sơn", đặc biệt, Sơn Nam còn chỉ rõ tính chất dân tộc-hiện đại của nhạc Trịnh Công Sơn và gọi đó là "điệu hát Nam Ai hiện đại của người ven biển Đông...". Phạm Duy khẳng định: "Toàn bộ âm nhạc của anh đẹp như một bức họa trầu tượng hơn là tả thực". Trong thế giới nghệ thuật đặc biệt của Trịnh Công Sơn mà các nhạc sĩ, nhà văn đã gọi tên bằng nhiều mỹ từ như vậy, thế giới của nhạc, của thơ, của triết lý hòa quyện, của hội họa trầu tượng, của điệu hát dân tộc-hiện đại Nam Ai..., dĩ nhiên, quan niệm nghệ thuật về con người của Trịnh Công Sơn có nhiều độc đáo và mới lạ. Trong quan niệm nghệ thuật về con người của Trịnh Công Sơn, con người được đo bằng thước đo riêng, và vì thế, con người được cảm nhận và khám phá ở những chiều kích rất lạ, nhỏ bé và lớn lao, bình thường và khác thường, hiện thực và siêu thực.

Trong nhạc Trịnh, con người ban cấp ý nghĩa cho trần gian

Triết học phương Đông nhiệm màu nói đến "ba ngôi" Thiên-Địa-Nhân. Vậy con người có vị thế như thế nào giữa trời và đất, hay chỉ đơn thuần là những sinh linh bé nhỏ rợn ngợp trước vũ trụ bao la không bờ bến? Trời đất tạo ra con người hay chính con người đã "tạo ra" trời đất, chính con người đã ban cấp ý nghĩa cho trần gian? Hãy nghe câu trả lời qua ca khúc *Còn thấy mặt người* của Trịnh Công Sơn: "*Một ngày tình cờ biết em là ngày lạ lòng biết trần gian*". Biết em trước, biết trần gian sau, vì có em mới có trần gian. Câu hát xui khiến lòng nhớ tới "tội tổ tông" của nàng Eva thuở hồng hoang. Kinh Thánh kể rằng, Chúa ra lệnh cho con người có thể ăn mọi trái cây trong vườn địa đàng, nhưng không được ăn trái cây của cây "biết lành dữ" mọc giữa vườn, vì ăn vào con người sẽ phải chết. Nhưng nghe theo lời của con rắn xảo quyệt dụ dỗ rằng hãy ăn "trái cấm" đi sẽ biết lành dữ và sẽ được thông minh, nàng Eva đã ăn và đưa cho chồng là Adam cùng ăn. Chúa phát hiện được bèn đuổi Adam và Eva ra khỏi vườn địa đàng, khiến cho từ đó, "*Địa đàng còn in dấu chân bước quên*" (*Dấu chân địa đàng*), nhưng tuyệt vời thay, con người nhờ thế mà đã được biết trần gian trong nỗi bùng thức kỳ thú,

trong niềm đắm say lạ lùng. Nói cách khác, chính con người đã “sáng thể” ra trần gian với bao sướng, khổ, ngọt bùi, cay đắng, với bao hỷ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục (mừng, giận, buồn, vui, thương, ghét, muốn) dội xuống cung đàn nhân sinh. Có con người, trần gian mới có ý nghĩa, chính thế nên nhạc Trịnh Công Sơn đã gửi đến trời đất một câu hỏi đầy phẩn chấn, hào sảng của cõi người: *“Trời đất kia có hay ta về”* (*Có nghe đời nghiêng*). Và theo lôgic cuộc sống được nói đến trong nhạc Trịnh Công Sơn, khi con người giữ được thế an nhiên tự tại trong cuộc đời đầy bất trắc: *“Người hãy nhớ mang theo hành trang qua khoang trời vắng chân mây địa đàng”* thì trời đất mới yên vui: *“Mặt trời đã ngủ yên xin mặt trời hãy ngủ yên”* (*Xin mặt trời ngủ yên*). Còn khi đời người gặp bất trắc, lòng người nổi sóng gió, như khi xa người hay mất người, trần gian cũng bàng hoàng, đau thương hoặc mất dần ý nghĩa. Trái đất quay quanh trục của nó nghiêng một góc $23,5^\circ$ so với mặt phẳng quỹ đạo, nghĩa là loài người đang sống trong một *“thế giới nghiêng”*. Khi một người đi xa, *“thế giới nghiêng”* này càng nghiêng hơn nữa, hay nói cách khác, đây là *“thế giới nghiêng”* của một *“thế giới nghiêng”*: *“Ngày mai em đi đồi núi nghiêng nghiêng đợi chờ”* (*Biển nhớ*), *“Người ra đi bến sông nằm lạnh, này nhân gian có nghe đời nghiêng”* (*Có nghe đời nghiêng*). Khi một cuộc tình đã mất, thì cây cầu, dòng sông nơi chốn hẹn hò, tình tự ngày xưa cũng mất theo: *“Mười năm khi phố khi vùng đồi, nhìn nhau ôi cũng như mọi người, có một dòng sông đã qua đời”* (*Có một dòng sông đã qua đời*). Khi trầm tư về cái chết, trần gian bỗng trở nên không còn là chốn mẫn mà, hấp dẫn: *“Nhiều khi thấy trăm nghìn năm mộ, tôi nghĩ quanh đây hồ như, đời ta hết mang điều mới lạ, tôi đã sống rất ơ hờ”* (*Đêm thấy ta là thác đổ*).

Hẳn sẽ có người bảo rằng, đồng ý là trong quan niệm nghệ thuật về con người của Trịnh Công Sơn, con người đã ban cấp ý nghĩa cho trần gian, nhưng sao có những lúc Trịnh Công Sơn diễn tả thân phận con người đến là nhỏ nhoi, “tội nghiệp”, khi thì như *“cát bụi mệt nhoài”*, khi lại *“sống chết mong manh như thân cỏ hèn mọc đầy núi non”* (*Giọt lệ thiên thu*)? Quả có vậy, nhưng không chỉ có vậy. Nếu chỉ có vậy, nhạc Trịnh đã không vượt thời gian và vượt cả không gian nước Việt để trở thành

những khúc kinh cầu sâu thẳm của tình yêu và phận người, “không chỉ làm xao xuyến lòng người Việt, mà còn làm người Nhật say mê, người Anh thán phục” (Trần Văn Khê). Trong thế giới nghệ thuật Trịnh Công Sơn, con người được đo bằng nhiều chiều kích đa dạng, đa diện, ngoài ba chiều không gian, còn có nhiều chiều đặc biệt của tâm hồn con người đầy nhạy cảm và giàu trực giác, trực nhận, trực ngộ. Đứng tưởng cát bụi là nhỏ nhoi nên chiều kích của nó cũng bé mọn. Vũ trụ sinh ra từ vụ nổ lớn Big Bang, tạo ra những “hạt bụi vũ trụ” là các hành tinh, trong đó có trái đất. Trái đất thành hạt bụi, còn hạt bụi trong ca khúc “Cát bụi” của Trịnh Công Sơn lại mang được “chiều kích vũ trụ” của trái đất, vì thế nó cũng được “mặt trời soi” như trái đất: “Để một mai vườn hình hài lớn đây, ôi cát bụi tuyệt vời, mặt trời soi một kiếp rong chơi”. Có người bảo Trịnh Công Sơn khi viết “Cát bụi” đã chịu ảnh hưởng của Kinh Thánh, rằng với con người, thân cát bụi lại trở về cát bụi. Nói thế chỉ đúng một phần và cũng chỉ mới thấy “cát bụi” ở cái vỏ ngôn ngữ của từ này. Nếu Trịnh Công Sơn chỉ viết: “Ôi cát bụi mệt nhoài... Ôi cát bụi phận này”, thì ta nói đứt khoát được rằng nhạc sĩ đã chịu ảnh hưởng một trăm phần trăm từ Kinh Thánh. Điều sáng tạo độc đáo ở đây của Trịnh Công Sơn là đã phát hiện ra “cát bụi tuyệt vời”. Sự tuyệt vời của “con người cát bụi” thể hiện ở sức mạnh tinh thần, sức mạnh tình yêu lấp lánh, bất diệt: “Mặt trời nào soi sáng tìm tôi, để tình yêu xoay tròn thành đá cuội”. Vì thế, hạt cát phận người trong nhạc Trịnh Công Sơn đã sáng lên thành “cát bụi lộng lẫy” (chữ dùng của Hoàng Phủ Ngọc Tường).

Chiều kích không gian và thời gian của đời người trong nhạc Trịnh

Con người trong nhạc Trịnh Công Sơn “thân mong manh như lau sậy hiền” (Niu tay nghìn trùng), nhưng đó là cây sậy của Pascal: “Con người là cây sậy yếu nhất của tự nhiên nhưng là cây sậy có suy nghĩ”. Tương tự “cây sậy tư duy” của Pascal, “lá cỏ” của Trịnh Công Sơn là “lá cỏ tự do”: “Đời ta có khi tựa lá cỏ, ngồi hát ca rất tự do” (Đêm thấy ta là thác đổ). Tự do là khát vọng lớn lao và muôn thuở của con người, bởi thế nên dù với thân phận là “con người hạt bụi” hay “con người lá cỏ”, con người vẫn cần một không gian sống tự do thoải mái, đây là một không gian an nhiên và tự

tại, cao sang và hường thượng của nội tâm. Thế nên, con người trong nhạc Trịnh Công Sơn mang chiều kích hoành tráng của vũ trụ vì đã thu nhận trời đất ở trong mình: *“Mỗi đêm, tôi nhìn trời đất để học về lòng bao dung”* (Tin vào niềm tuyệt vọng). Trong tình yêu, một người đẹp mang đến được cho tình nhân cả bầu trời để thờ, để sống, để khát vọng: *“Em đã cho tôi cho tôi bầu trời. Em đã cho tôi yêu thêm loài người”* (Em đã cho tôi bầu trời). Không gian sống của con người là trời đất, là vũ trụ nên mỗi cử chỉ, động thái hay nỗi niềm của con người đều có sự tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc, đầy dấu ấn nhân sinh không mờ phai lên không gian sống lớn rộng đó. Chỉ một tà áo đẹp mà đã chiếm lĩnh huy hoàng cả bầu trời ngưỡng vọng: *“Ôi áo xưa lồng lộng đã xô dạt trời chiều”* (Tình nhớ), *“Em đi tà áo phiêu bồng trời cao”* (Mưa mùa hạ). Tình yêu, nguồn sống nhiệm mầu và bất tận của con người, với sức mạnh mãnh liệt mà người Pháp gọi là “tiếng sét ái tình” đã được Trịnh Công Sơn sáng tạo nên một cách gọi độc đáo mới trong ngôn ngữ nhân loại, rằng: *“Tình yêu như trái phá, con tìm mù lòa”* (Tình sâu). Nhưng hơn thế nữa, với Trịnh Công Sơn, tình yêu còn có sức mạnh “chấn động” như bão nổi: *“Tình yêu như cơn bão đi qua địa cầu”* (Tình sâu). Một bàn tay của người tình trong kỷ niệm cũng làm dậy lên những trận bão lòng khó tan, khó nguôi: *“Tưởng rằng đã quên, tay em vẫn còn dựng đời bão lên, làm từng vết thương hỗn nhiên”* (Tưởng rằng đã quên).

Con người sống là sống với chiều kích của không gian và thời gian. Tương ứng với không gian sống mang “chiều kích vũ trụ”: *“Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt, rọi suốt trăm năm một cõi đi về”* (Một cõi đi về), thời gian sống của con người, của kiếp người trong nhạc Trịnh Công Sơn cũng mang một chiều kích đặc biệt. Người ta thường gọi thời gian sống của đời người là tuổi đời, còn Trịnh Công Sơn lại gọi là “tuổi trời”: *“Em xin tuổi nào, còn tuổi trời hư vô”* (Còn tuổi nào cho em), *“Nghe xót xa hẳn lên tuổi trời”* (Gọi tên bốn mùa). Tuổi con người là tuổi trời cho và gắn với trời, cái hữu hạn của đời người gắn với cái vô hạn của trời đất. Ý thức sâu sắc về sự đối nghịch giữa cái hữu hạn và vô hạn này, ý thức thấm thía rằng đời người là ngắn ngủi, không thể kéo dài “tuổi trời” được, con người đã chọn lại cái hữu hạn của đời người, bằng cách “cắm

năm” thời gian, “vĩnh cửu hóa” thời gian, bằng cách “ban cấp” sự tái sinh cho thời gian hữu hạn của kiếp người để tạo nên đặc tính vô tận và vô hạn của dòng sinh mệnh. Chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo, trong đó có ý niệm về sự luân hồi, Trịnh Công Sơn đã nhiều lần viết về “thời gian luân hồi”: *“Ta thấy em trong tiền kiếp với cọng buồn cỏ khô”* (Rừng xưa đã khép), *“Những ngày ngồi rũ tóc âm u, nghe tiền thân về chào bóng lạ”* (Cỏ xót xa đưa). Nhưng ý niệm về thời gian, về chiều kích thời gian đòi người trong nhạc Trịnh Công Sơn có cái mượn của đạo Phật, có cái không. Khi Trịnh Công Sơn viết: *“Có những nghìn năm xưa hóa thân em bây giờ”* (Em đến từ nghìn xưa), ý niệm về thời gian ở đây không phải là “thời gian luân hồi” nữa mà là một thứ thời gian tích lũy, thời gian dồn nén, tất cả quá khứ, hiện tại cùng nổi lên trong một “lát cắt”, gọi là thời gian đồng hiện. Trên nền thời gian đồng hiện đó, nhạc sĩ nhận ra vẻ đẹp tinh tú nghìn đời của hồn Việt ẩn chứa trong dáng nét quen thuộc của người con gái Việt Nam da vàng: *“Vị em như chim trắng, giữa trống đồng bước ra”* (Em đến từ nghìn xưa). Ca tụng vẻ đẹp thiên thân, “bất tử” và bất diệt của người đẹp, nhạc Trịnh Công Sơn có lúc đã phá vỡ quan niệm về tính chất hữu hạn của thời gian đòi người để sáng tạo nên một thứ thời gian vô tận, vô biên của trái tim yêu tôn thờ cái Đẹp lòng lầy: *“Ru mãi ngàn năm từng ngón xuân nồng. Bàn tay em nắm ngón anh ru ngàn năm, giận hờn sẽ quên, dáng em trôi dài, trôi mãi, trôi trên ngàn năm”* (Ru em từng ngón xuân nồng). Như vậy, thời gian đòi người trong nhạc Trịnh Công Sơn là một thứ “thời gian chống chọi thời gian”, thời gian phi tuyến tính, phi hữu hạn, thời gian vĩnh cửu: *“Tình cho nhau mới ấm, một lần là trăm năm”* (Tình sâu), *“Hai mươi năm vẫn là thuở nào, nợ lại lần này trong cõi đời nhau”* (Xin trả nợ người).

Con người trở thành thước đo của thiên nhiên, vẻ đẹp con người là chuẩn mực của vẻ đẹp tạo hóa

Như trên đã nêu, trong thế giới nghệ thuật Trịnh Công Sơn, con người ban cấp ý nghĩa cho trần gian, vậy nên, lò gạch thú vị và độc đáo ở đây là con người trở thành “hệ quy chiếu”, trở thành thước đo của thiên nhiên, tạo vật. Điều này đã từng xuất hiện trong thơ Xuân Diệu.

Nghiên cứu tư tưởng và phong cách thơ Xuân Diệu, Nguyễn Đăng Mạnh phát hiện rằng với thơ Xuân Diệu, có một nguyên tắc mỹ học được xác định, đó là coi “vẻ đẹp của con người là chuẩn mực của vẻ đẹp của thế giới, của vũ trụ”. Đánh giá về tính độc đáo của nguyên tắc mỹ học này, Nguyễn Đăng Mạnh khẳng định: “Nếu như chúng ta nhớ rằng trong văn chương xưa, người ta thường lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm chuẩn cho vẻ đẹp của con người, thì mới thấy nguyên tắc mỹ học nói trên của Xuân Diệu là cả một cuộc đổi mới đáng kể trong thi ca Việt Nam hiện đại”. Và Nguyễn Đăng Mạnh dẫn chứng: “Thơ xưa viết về người đẹp: *“Phù dung như diện liễu như mi”* (Mặt như hoa phù dung, lòng mày như lá liễu), rồi nào là *mày ngài, mắt phượng, làn thu thủy, nét xuân sơn* v.v...Bây giờ Xuân Diệu đem so sánh ngược lại:

Lá liễu dài như một nét mi...

Trăng vú mông của muôn đời thi sĩ

Hơi gió thổi như ngực người yêu đến

Mây đa tình như thi sĩ đời xưa...

Quan niệm mỹ học ấy đã giúp ông sáng tạo nên một câu thơ vào loại tuyệt vời của nền thi ca Việt Nam hiện đại: *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần* (Vội vàng)^[1]. Tìm hiểu thế giới nghệ thuật của Trịnh Công Sơn, Bùi Vĩnh Phúc đã phát hiện một điểm tương tự như Nguyễn Đăng Mạnh đã phát hiện qua nghiên cứu thơ Xuân Diệu: “Ngày xưa, để tả Thúy Vân và Thúy Kiều, Nguyễn Du đã nói tới *“mai cốt cách, tuyết tinh thần”, “khuôn trăng”, “nét ngài”, “mây”, “làn thu thủy, nét xuân sơn”, “hoa ghen”, “liều hồn”*... Nguyễn Du đã lấy thiên nhiên làm thước đo để khen ngợi chị em Thúy Vân, Thúy Kiều. Vân, Kiều, như thế, được mang ra so sánh với thiên nhiên, cho dù sự so sánh, qua ngòi bút của Nguyễn Du, có phần hơi thiên vị hai người con gái duyên dáng và đáng yêu này. So sánh như thế là so sánh theo những ước lệ cổ điển, theo những quy phạm về văn chương mà Nguyễn Du, như một con người của thời đại mình, không thể tránh khỏi. Thiên nhiên là những bản vị, con người là những nét đề bên cạnh. Trong thế giới của Trịnh Công Sơn, tình hình lại có vẻ như ngược lại. Con người trở thành thước đo của thiên nhiên:

Nắng có hồng bằng đôi môi em
 Mưa có buồn bằng đôi mắt em
 Tóc em từng sợi nhỏ
 Rớt xuống đời làm sóng lênh đênh
 (Như cánh vạc bay)^[2]

Qua đối chiếu phát hiện của Nguyễn Đăng Mạnh với trường hợp Xuân Diệu và Bùi Vĩnh Phúc với trường hợp Trịnh Công Sơn, không thể dễ dãi cho rằng Trịnh Công Sơn đã chịu ảnh hưởng của Xuân Diệu, dù Xuân Diệu là một nhà thơ lớn, mà cần thấy, điều thú vị là có sự trùng hợp trong sáng tạo nghệ thuật giữa Xuân Diệu và Trịnh Công Sơn, điều này cần được lý giải như cách nói thường tình là “những tư tưởng lớn gặp nhau”, ở đây là tư tưởng nghệ thuật.

Con người trở thành thước đo của thiên nhiên trong nhạc Trịnh Công Sơn cho nên thiên nhiên ở đây đã được “nhân hóa” theo từng trạng thái buồn vui của con người: “Màu hoa lá quen như mặt người” (Tình yêu tìm thấy), “Màu nắng hay là màu mắt em” (Nắng thủy tinh), “Cho tay em dài gầy thêm nắng mai” (Hạ trắng). Nhạc sĩ đã nhìn thấy nắng trong niềm vui và mưa trong nỗi buồn của con người: “Hãy về đây, hãy về đây, tôi cần nhìn lại nắng trong nụ cười” (Môi hồng đào), “Có khi mưa ngoài trời là giọt nước mắt em, đã nương theo vào đời, làm từng nỗi ưu phiền” (Ru đời đi nhé). Nhạc sĩ không đơn thuần tả mưa trời chính là giọt nước mắt người đẹp, nhạc sĩ đã tả một nỗi buồn thật lớn rộng, thật “cao sang”, thật lung linh, nghĩa là một nỗi buồn với chiều kích đặc biệt, lan tỏa và thẩm thấu vào không gian, kiểu như: “Đời sẽ buồn dài lâu, ôi trái sầu rục rở” (Như một vết thương). Một phát hiện độc đáo của Trịnh Công Sơn là không chỉ nhìn thấy mưa buồn mà còn nhìn thấy nắng buồn hơn mưa. Nhạc sĩ nhìn nắng và cảm nhận sâu sắc rằng, nắng sống một ngày ba buổi, sáng, trưa, chiều, nắng sáng, nắng trưa rục rở, nắng chiều tàn phai, trong khi mưa không như vậy, mưa chỉ tuôn ào xuống rồi hết, vậy nắng buồn hơn mưa. Đo màu nắng dưới lăng kính nhạy cảm này, ta sẽ hiểu và cảm thấm thía hơn những câu hát buồn buốt lòng về nắng của Trịnh Công Sơn: “Nhìn

những mùa thu đi, em nghe sâu lên trong nắng" (Nhìn những mùa thu đi), "Lúa nắng cho buồn vào tóc em" (Nắng thủy tinh), "Nắng qua mắt buồn lòng hoa bướm say" (Hạ trắng), "Nắng vàng phai như một nỗi đời riêng" (Tôi ơi đừng tuyệt vọng). Nhưng cũng có khi nắng vui tươi do được chiếu rọi trong phận người có đôi: "Đời xin có nhau dài cho mãi sau nắng không gọi sầu" (Hạ trắng). Trong nhạc Trịnh, thiên nhiên luôn dùng đó tượng hình cho bao nỗi buồn vui của con người: "Một lần bóng núi in bên sông dài, một lần thấy bóng tôi, một ngày có đóa hoa lan trong vườn, một ngày thấy dáng em, một chiều bóng thấy hoa lan úa tàn, vườn chiều vừa mất dáng em" (Một lần thoáng có). Thiên nhiên đánh dấu kỷ niệm cho tình nhân, thay cho việc ép hoa, ép lá để cất giữ nhưng nhớ: "Vài cánh xương hoa nằm ép trong thơ" (Nghìn trùng xa cách-Phạm Duy) mà những người yêu nhau muôn thuở vẫn hằng làm: "Đôi khi thấy trên lá cây ngày em đã xa tôi" (Rời như đá ngáy ngò), "Tìm thấy nỗi nhớ từ mỗi chiếc lá" (Tình yêu tìm thấy), "Lá hát từ bàn tay thơm tho, lá khô vì đợi chờ" (Như cánh vac bay). Và đỉnh cao của mối liên thông, giao cảm giữa thiên nhiên và con người trong nhạc Trịnh Công Sơn xuất hiện, khi mưa nắng thiên nhiên hòa nhập vào trong chính con người: "Mưa nắng ở trọ bên trong mắt người" (Ở trọ).

Chiều kích siêu việt của trái tim con người trước "vết thương", niềm tuyệt vọng và cái chết

Như trên đã nêu, con người trong nhạc Trịnh Công Sơn ban cấp ý nghĩa cho trần gian, con người là thước đo của trần gian, do vậy trái tim con người cũng có một chiều kích vừa mệnh mông, bao la, rộng lớn, vừa sâu thẳm khác thường và mang một sức mạnh tinh thần đặc biệt. Con người ta biết mình và biết người rõ nhất là khi hoạn nạn, như một câu hát bảo là "rằng qua cơn lặn đạn mới hiểu tận lòng nhau". Đại thi hào Nguyễn Du cũng đã viết: "Anh hùng đoán giữa trần ai mới già" (Truyện Kiều). Tương tự như thế, trái tim con người trong nhạc Trịnh Công Sơn đã bộc lộ hình thù, vóc dáng và sức mạnh nội sinh rõ nét nhất qua những trạng huống thử thách ghê gớm của nhân sinh: vết thương, niềm tuyệt vọng và cái chết.

Trong nhạc Trịnh Công Sơn, từ “*vết thương*” có tần số xuất hiện khá lớn: “*Đời sẽ buồn như một vết thương*” (Như một vết thương), “*Ngủ đời yên đi con, như vết thương đau ngủ buồn*” (Vết lần trăm), “*Trong trái tim con chìm đau nằm yên, ngủ dài lâu mang theo vết thương sâu*” (Để gió cuốn đi), “*Người còn đau như trăm năm vết thương chưa mờ*” (Phúc âm buồn), “*Một vết thương thôi riêng cho một người*” (Hoa vàng mấy độ), “*Tay em vẫn còn dưng đời bão lên, làm từng vết thương hồn nhiên*” (Tuồng rằng đã quên), “*Tên em là vết thương khô*” (Khói trời mênh mông), “*Đôi khi thấy trăm vết thương rồi như đá ngáy ngủ*” (Rồi như đá ngáy ngủ). Vết thương lòng hầu như đời người ai chẳng có, có khi nguôi ngoai, “*tên em là vết thương khô*”, có khi khó lành, “*như trăm năm vết thương chưa mờ*”, vậy thái độ sống tích cực là không tránh né mà hãy đón nhận “*vết thương*” một cách bình thản, hồn nhiên “*như đá ngáy ngủ*”. Con người ta không chỉ biết ngẩng đầu mà còn phải biết cúi đầu nữa. Dĩ nhiên không phải là cúi đầu nịnh bợ trước cường quyền hay cúi đầu khuất phục trước bạo lực mà là “*Cúi xuống thật gần*” để trải nghiệm những cõi miền sâu thẳm của nhân thế, để thấu tỏ những nỗi niềm trắc ẩn của người đời: “*Cúi xuống nghe đời nhấp nhò, nghe tim rạn vỡ, nghe trong tuổi nhỏ khóc òa, cúi xuống bên bờ xót xa, trên cơn lửa đỏ trên khuôn mặt đã im lìm*”. Nhà thơ Lý Bạch từng cúi đầu nhớ quê cũ: “*Đề đầu tư cố hương*”, nhà thơ Cao Bá Quát từng cúi đầu lay hoa mai thanh cao: “*Nhất sinh đề thủ bách mai hoa*”, còn Trịnh Công Sơn nói đến một nghĩa cử nhân văn thống thiết hơn cả cúi là quỳ: “*Lòng tôi có đôi lần khép cửa, rồi bên vết thương tôi quỳ*” (Đêm thấy ta là thác đổ). Quỳ bên “*vết thương*”, quỳ trước nỗi đau nhân thế, chiều kích con người thu bé lại tưởng chừng đến tội nghiệp nhưng chiều kích trái tim bao dung, vị tha lại mở lớn đến vô cùng. Thu bé hơn nữa, con người không chỉ cúi mà còn lăn, lăn trăm thống với phận người, lăn rớm máu với tình yêu. Trong thần thoại Hy Lạp, có câu chuyện về nhân vật Sisyphus dám bắt thần chết trở lại để cho con người khỏi phải chết, và Sisyphus đã bị trừng phạt khổ sai chung thân vì tội này: suốt đời phải lăn một tảng đá lên đỉnh núi, lăn lên gần đến đỉnh, tảng đá lại rớt xuống, Sisyphus lại phải lăn lên, cứ “*lăn lên, rớt xuống, lăn lên*” như vậy trong nỗi hoài công nhọc nhằn. Câu chuyện khổ sai lăn đá này, nói theo cách của triết học hiện sinh là “*phi lý*” đã

được Trịnh Công Sơn mượn để diễn tả phân người: “Người chợt nhớ mình như đá, đá lăn vết lăn buồn... Như trùng dương đêm mất thăm còn nghe ngóng, đá lăn vết lăn trầm” (Vết lăn trầm), “Ta lăn đời đã quá đôi tay vẫn còn ôm mịt mù” (Tình xót xa vừa). Nhưng có “lăn đời” cho đâu là “phi lý”, “hoài còn” từ đó mới có “vết thương” của sự trải nghiệm. Có lẽ với nhạc Trịnh, đời người “lăn đá” nhiều nhất là trong tình yêu: “Tôi xin làm đá cuội và lăn theo gót hài” (Biết đâu nguồn cội). Nhưng không phải là lăn bằng mọi giá, cũng có khi đá không lăn nữa vì không còn gặp được một tâm hồn đồng điệu: “Từ trắng thôi là nguyệt, mỗi mề đá thôi lăn” (Nguyệt ca). Còn ra, khi đã yêu nồng nàn, đã nhận lãnh “vết thương” của đời thì không chỉ “đá lăn” mà cả trái tim cũng lăn rớm máu: “Khi tình đã vội quên, tim lăn trên đường mòn, trên giọt máu cuồng điên, con chim đứng lặng câm” (Ru ta ngậm ngùi). “Vết thương” lòng của con người trong nhạc Trịnh Công Sơn cho đâu có lúc tái tê, buốt nhói và rớm máu nữa nhưng nó mang một chiều kích sâu thẳm của sự thức ngộ. Trong một bài viết của mình, Trịnh Công Sơn gọi đó là “Vết thương tình thức” và lý giải: “Thời gian trôi đi và vết thương vẫn còn đó. Nó nằm chờ được thức dậy một lúc nào đó để sống lại như chính bản thân nó là một vết thương. Nhưng vết thương khi đã được đánh thức thì nó không còn là vết thương cũ vì giờ đây nó là một vết thương tình thức. Một vết thương tình thức là một vết thương biết rõ nó là một vết thương. Nó thức dậy và nó nhận ra rằng nó đã được khai sinh trên tâm hồn một con người và đã có một thời gian dài làm đau đớn con người đó. Vết thương tình thức là một con mắt sáng ngời. Nó nhìn ngược về quá khứ và ngó thẳng tương lai. Nó mách bảo cho chủ nhân của nó là không có một vết thương nào vô tư mà được sinh thành cả. Nó là một nỗi đớn đau như khi trời đất trở dạ làm thành một cơn giông bão”.

Trái tim mang “vết thương tình thức” trong nhạc Trịnh Công Sơn cũng chính là trái tim biết bền bỉ chống chọi với niềm tuyệt vọng, đẩy chính là “biện chứng của tâm hồn”. Phật dạy rằng: “Phá sản lớn nhất của đời người là tuyệt vọng”. Trịnh Công Sơn hẳn đã nhiều phen đối mặt với nguy cơ “phá sản tâm hồn” này của tuyệt vọng nên đã đúc kết triết lý hân hoi về niềm tuyệt vọng: “Có những ngày tuyệt vọng cùng cực, tôi và cuộc đời đã tha thủ cho nhau... Hãy đi đến tận cùng của tuyệt vọng để thấy

tuyệt vọng cũng đẹp như một bông hoa... Và như thế, tôi đang yêu thương cuộc đời bằng nỗi lòng của tên tuyệt vọng" (Tin vào niềm tuyệt vọng). Kinh nghiệm nhân sinh cho thấy, đổ lòng người đã khó, đổ lòng mình đôi khi còn khó hơn. Nhưng khi nghe nhạc Trịnh, con người đã tự đổ lòng mình vượt qua được những cơn "khó sống" và biết cười với gian nan: "Có điều gì gần như niềm tuyệt vọng, rơi rất gần rơi xuống trong tôi, có nhiều khi rơi xuống bên đời, trong gian nan nên cất tiếng cười" (Gần như niềm tuyệt vọng). Trong một ca khúc không viết về tâm trạng "gần như" nữa, không viết mon men niềm tuyệt vọng mà viết thẳng về cuộc đời mặt sinh tử và chống chọi mặt còn với tuyệt vọng, ca khúc "Tôi ơi đừng tuyệt vọng", Trịnh Công Sơn đã đổ lòng, đã dất hồn bầu vuu vào những nấc thang chống chọi với vực thẳm tuyệt vọng, để từ đó, cho dầu trong đau thương, tâm hồn con người vẫn thăng hoa đến một chiều kích siêu việt, bởi "kẻ thù lớn nhất của đời người là chính mình" (Kinh Phật), nên chiến thắng lớn nhất là chiến thắng chính mình. Nấc thang thứ nhất là hiểu và nắm bắt được lẽ đời biến dịch, mặt còn để từ đó có sự bình tâm: "Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng, là mùa thu rơi rụng giữa mùa đông", "Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng, nắng vàng phai như một nỗi đời riêng". Nấc thang thứ hai là thấu triệt chân lý minh triết phương Đông: thấy được mối liên hệ mật thiết giữa mọi sự vật, thấy được cái Một trong thiên hình vạn trạng sự vật, tức thấy được "vạn vật đồng nhất thể". Trang Tử nói: "Người cùng tạo hóa hợp làm một rồi, thì đi đâu mà không phải là mình" (Minh nhiên dĩ tạo hóa vi nhất, tác vô vân như phi ngã dĩ). Người và tạo hóa đã vậy, huống gì người với người, em với tôi lại không là Một: "Đừng tuyệt vọng, em ơi đừng tuyệt vọng, em là tôi và tôi cũng là em". Nấc thang thứ ba bám chặt vào bản thể, tìm thấy sức mạnh bất diệt của tình yêu trần thế từ trong bản thể: "Tôi là ai, là ai, là ai... mà yêu quá đời này". Nấc thang thứ tư là giữ được tâm thể hồn nhiên của con người thuở "nhân chi sơ", chưa từng biết đến âu lo, để cho đời luôn thấy được bình minh: "Đừng tuyệt vọng, em ơi đừng tuyệt vọng, em hồn nhiên rồi em sẽ bình minh". Con người đánh mất sự hồn nhiên ban sơ có thể sẽ mắc vào những hệ lụy trầm trọng của đời, nguy cơ dẫn đến vực thẳm tuyệt vọng, cho nên con người trong nhạc Trịnh "thèm tuổi hồn nhiên ngồi nhìn trời xanh" (Vẫn nhớ cuộc đời). Nấc thang thứ năm là nấc

thang “đắc đạo” của người đã dày công “tu luyện” qua cơn tuyệt vọng, thấu triệt mọi kinh nghiệm về nỗi khổ đau trong cõi đời này, đủ sức “đánh bại” với nỗi sầu, thậm chí còn nuôi nỗi sầu để thêm yêu cuộc đời ngán ngùi như tình nhân biết nuôi giọt nước mắt để thấm thía cái giá của hạnh phúc: *“Có đường xa và nắng chiều quanh quê, có hồn ai đang nhè nhẹ sâu lên”*.

Con người trải nghiệm “vết thương”, chiến thắng niềm tuyệt vọng là con người không ngại đối mặt với cái chết, một “cửa ải khủng khiếp” của nhân sinh, một vấn nạn đau đầu của những nhà triết học. Nhạc Trịnh trở trần, suy ngẫm, trầm tư, triết lý miệt mài không chán về cái chết. Không chỉ là cái chết đến theo “hạn kỳ” của đời người: *“Có một ngày bạc đầu tôi đi tôi đi”* (Có một ngày như thế), mà còn là cái chết được “tiền tri”, cái chết tiềm ẩn trong sự sống: *“Dưới vòng nổi mọc từng năm mộ”* (Cỏ xốt xa đưa), *“Trong xuân thì thấy bóng trầm năm”* (Gần như niềm tuyệt vọng). Thường thì, con người càng có bề dày tuổi tác, càng giàu vốn sống, càng có nhiều trải nghiệm sâu sắc về cuộc đời nhưng không ai trải nghiệm được về cái chết cả, ngoại trừ chứng kiến cái chết của đồng loại mà thôi. Thế mà với nhạc Trịnh, con người dường như “trải nghiệm” được cả cái chết của chính mình: *“Bỗng một hôm qua phố hoang tàn, tôi quen như tôi đã có lần”* (Gần như niềm tuyệt vọng), *“Một lần nằm mơ tôi thấy tôi qua đời”* (Bên đời hùi quạnh). Bởi vậy, thái độ sống của con người trong nhạc Trịnh được xác định là: *“Không xa đời và cũng không xa mộ người”* (Đời cho ta thế). “Cái chết” là một trong những phạm trù của triết học hiện sinh. Triết gia Đức Heidegger coi con người là một hữu-thể-đang-chết, là “hữu-thể-cho-cái-chết”, hữu thể để chết, chỉ khi cảm thấy mình luôn luôn đứng trước cái chết, con người mới nhìn thấy giá trị phong phú của từng giây, từng phút trong cuộc đời. Bàn đến cái chết là vấn đề không mới trong triết học và tôn giáo xưa nay, đóng góp của Trịnh Công Sơn là từ sự trầm tư, suy ngẫm về cái chết đã làm bật lên cái giá cao quý của sự sống, sức mạnh của tình yêu cuộc sống, tình yêu con người, sự bùng nổ chiếu kích vô biên của trái tim từ tâm, từ bi của con người. Ca khúc *“Chiếc lá thu phai”* cảm nhận cực nhạy về sự tàn phai, sự lão hóa sẽ đến với kiếp người: *“Chiều hôm*

thức dây, ngồi ôm tóc dài, chập chờn lau trắng trong tay". Nhưng con người không buông xuôi tuyệt vọng mà tìm cách chọi lại sự tàn phai, sự hữu hạn của kiếp người bằng việc "thu xếp" lại đời: ngày vẫn trôi qua theo nếp ngày, nhưng không trôi qua trong vô vị, hối tiếc vì trái tim yêu đời và khát sống đã đập nhịp bất thường: *"Về thu xếp lại, ngày trong nếp ngày, vội vàng thêm những lúc yêu người"*. Sống với nhịp đập vội vàng này, con người không phải lúc nào cũng bị động chạy theo thời gian nữa mà "có nhiều khi" đã đón bắt và đi trước thời gian, bằng năng lực "siêu việt" của trái tim đập mạnh, thậm chí, con người còn bù đắp được cho sự thiếu hụt, sự hữu hạn của thời gian nữa: *"Hãy yêu nhau đi bù đắp cho trăm năm"* (Hãy yêu nhau đi). Theo nhà vật lý học lừng danh Albert Einstein, khi một vật chuyển động với vận tốc gần với vận tốc ánh sáng, vật đó sẽ có khối lượng tăng lên và trường lực hấp dẫn tăng theo. Cũng giống như vậy, con người "đi nhanh hơn thời gian" trong nhạc Trịnh mang trái tim nặng trĩu với trường lực hấp dẫn mạnh để trở thành nơi trú ngụ cho mọi niềm bất an trong cõi đời bẽ dẫu, sóng gió: *"Trái tim cho ta nơi về nương náu, được quên rất nhiều ngày tháng tiêu điều"* (Hãy yêu nhau đi), *"Tìm em người trọ là tôi, mai kia về chốn xa xôi cũng gần"* (Ở trọ).

Ý thức sâu sắc về "cái chết" vì quá yêu cuộc sống, vấn đề cốt lõi đặt ra với con người là *"về thu xếp lại"* cuộc sống và cái chết một cách có ý nghĩa nhất. Trong bài viết *"Một cõi đi về"* (tựa đề trùng tên với ca khúc nổi tiếng), Trịnh Công Sơn đã triết lý rạch ròi về ý nghĩa của sự sống, chết, mất, còn: *"Chết là sự tan biến của thể xác. Nhưng sống không chỉ là sự tồn tại của thân xác. Nhiều người còn sống mà tưởng chừng như đã chết. Nhiều người đã chết mà vẫn còn sống trong trí nhớ mọi người... Cái mất không bao giờ mất hẳn. Cái còn không hẳn mãi là còn"*. Con người sống với nhau không tranh giành, đua chen danh lợi nhất thời: *"Một đời với những đua chen lâu dài, người người còn tiếp nối người"* (Một lần thoáng có), không sân si, thù hận, hãm hại đồng loại: *"Biển sóng biển sóng đừng xô tôi, đừng xô tôi ngã giữa tim người, biển sóng biển sóng đừng âm u, đừng nuôi trong ấy trái tim thù"* (Sóng về đâu) mà sống với bầu vật truyền đời là trái tim bao la, sống với nhân cách cao thượng, con người sẽ có năng lực sống siêu việt, nghĩa là vẫn sống sau khi đã chết: *"Chìm dưới con*

mưa, một người chết đêm qua, chìm dưới đất kia, một người sống thiên thu
(Chìm dưới cơn mưa).

“Bao nhiêu năm bỗng lại nhiệm mầu”

Như thế, nhạc Trịnh đã trở thành báu vật tâm hồn của triệu triệu con người. Từ sự phát hiện ra những chiều kích bay bổng thần tiên của kiếp người: *“Ôi tóc em dài đêm thần thoại”* (Gọi tên bốn mùa), *“Tôi xin năm ngón tay em thiên thần”* (Lời buồn thánh), *“Ôi quê hương thần thoại thuở hồng hoang đã thấy đã xanh ngời liễu trai”* (Xin mặt trời ngủ yên) đến việc nâng đỡ con người bình tâm lại bên bờ vực tuyệt vọng. Nhạc Trịnh là thứ nhạc thuốc thang cho những tâm bệnh của con người, làm dịu đi, làm lành lại những vết thương lòng: *“Bao nhiêu năm bỗng lại nhiệm mầu, trả nợ một lần quên hết tình đau”* (Xin trả nợ người). Nhạc Trịnh đã khám phá không một mồi tính chất “siêu việt hóa” trong năng lực chống chọi của con người trước niềm đau và cái chết. Bởi thế nên nhạc Trịnh đã vượt thời gian, một điều kỳ diệu mà người ta chỉ tìm thấy trong thế giới của Từ Thức hay trong thế giới theo “thuyết tương đối” của Albert Einstein: một năm Từ Thức sống với Giáng Hương ở cõi tiên bằng hai trăm năm của trần gian, một năm du lịch trên con tàu trong vũ trụ với vận tốc cực nhanh gần bằng vận tốc ánh sáng theo Albert Einstein sẽ dài bằng vài thế kỷ trên địa cầu, cũng như thế, một ngày sống với *“những mắt biếc cỏ non xanh cây trái địa đàng”* (Những con mắt trần gian), một lần *“để người về hát đêm hồng địa đàng còn in dấu chân”* (Dấu chân địa đàng) có giá trị bằng trăm ngày, trăm đêm bình thường trên trần thế.

(Bảo Quảng Trị, tháng 08 năm 2007)

[1] *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nguyễn Đăng Mạnh, NXB Giáo Dục, 1996, trang 199, 200.

[2] Trịnh Công Sơn những âm ảnh nghệ thuật, Bùi Vinh Phúc, in trong sách: *Một cõi Trịnh Công Sơn*, NXB Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2002, trang 249

HOÀNG TÁ THÍCH

như những dòng sông nhỏ

Người con gái đầu tiên bước vào đời Trịnh Công Sơn là một cô gái đẹp của thành phố Huế thời bấy giờ. Chỉ là một cuộc tình lãng mạn thời niên thiếu, khi anh mới 18 và cô gái xinh tươi như một vùng cỏ non liên thiên bích ấy vừa tròn 17. Thuở đó, tình yêu của lứa tuổi này được viết bằng chữ A lớn (Amour), mà một cái nắm tay đủ làm cho nhau ngây ngất, một nụ hôn vụng về tưởng suốt đời không thể nào quên. Hơn nữa, trong cái thành phố nhỏ bé đầy những thành kiến bảo thủ ấy, anh chỉ có thể để lòng mơ mộng đến một cuộc tình nhẹ nhàng đầy tình lãng mạn.

Cho đến một hôm nghe tin người mình yêu sắp từ già con đường

Huyền Trân Công Chúa, anh bỗng thấy lòng vẫn vương một nỗi buồn man mác. Con đường đó anh vẫn thường đi qua. Ngôi nhà của nàng nằm cao cao bên bờ sông Bến Ngự, đối với anh quen thuộc biết bao. Những buổi chiều tà, cùng ngồi với nhau trong phòng đọc sách, anh có thể nhìn thấy, một chút nắng vàng vắn vờ động trước hiên nhà phía trước. Cuộc tình trôi qua như thoáng mây bay, chẳng có một gấn bó hứa hẹn nào, nhưng lại sống mãi trong tác phẩm nổi tiếng *Nhìn những mùa thu đi* (1960): “Anh nghe buồn mình “trên ấy”, chuyện chúng mình ngày xưa, anh ghi bằng nhiều thu vắn, đến thu này thì mộng nhất phai”. Anh thường gọi cái buồn man mác đó là la melancolie, nỗi buồn nhẹ nhàng như đang ngồi trong một khu vườn nhìn buổi chiều tà tắt nắng.

Ướt mi được viết từ những giọt lệ trên khóe mắt ca sĩ Thanh Thúy lúc được chính anh yêu cầu cô hát bản *Giọt mưa thu* ở phòng trà Văn Cảnh (Sài Gòn) năm 1958. “*Buồn dâng lên đôi môi, buồn đau hoen ướt mi ai rồi*”. Hồi đó Thanh Thúy còn rất trẻ, chưa đủ tuổi để ký hợp đồng khi đi vào nghề ca hát mà đã sớm mất mẹ. Anh cũng chưa quen biết nhiều cô ca sĩ này, nhưng nhìn những giọt nước long lanh trên đôi mắt to tròn ấy, anh đã xúc động không cùng. Sau khi trở về Huế, anh ghi lại cảm xúc của mình và bài hát được gửi vào Sài Gòn cho Thanh Thúy. Ca khúc *Ướt mi*, có thể gọi là tác phẩm đầu tay của anh trong những năm 1959-1960, qua tiếng hát liêu trai của Thanh Thúy tại khắp các phòng trà, vũ trường Sài Gòn, đã làm cho cái tên Trịnh Công Sơn trở thành một dấu hỏi, vì thật ra ít ai biết tác giả là người như thế nào.

Một bài nhạc khác cũng được anh viết cho Thanh Thúy, như là một kỷ niệm của người nhạc sĩ một hôm bất chợt thấy thương cho người ca sĩ lặng lẽ trở về ngó tối sau một đêm tràn ngập ánh đèn màu: “*Thương ai về ngó tối, sương rơi ướt đôi môi... Thương ai về xóm vắng, đêm nay thiếu ánh trăng* (Thương một người-1959).

Đầu năm 1962, gia đình dời nhà từ đường Phan Bội Châu qua Nguyễn Trường Tộ. Đối diện nhà là khuôn viên của Tòa Tổng Giám mục Huế. Đứng trên ban-công, có thể nhìn thấy một đoạn đường phía bên kia

cầu Phú Cam. Con đường đỏ, ngày ngày người con gái mang tên Diễm trong chiếc áo lụa trắng của trường Đồng Khánh, vẫn thường đi ngang, băng qua cầu, rẽ tay mặt về nhà. Hình ảnh người con gái thủy mì mang nét kín cổng cao tường rất cổ điển đó đã làm cho anh không ngày nào không nhìn xuống đường chờ đợi:

*Lụa áo em qua phủ mặt đường
Gót nhỏ xanh xao tựa khói sương.*

Diễm mang đến cho anh một mối tình nhẹ nhàng và lãng mạn như hai chữ Diễm xưa. Có hôm thức dậy muộn, nhìn thấy bên cửa sổ có cái một nhánh dạ lý hương, anh biết người đẹp đã đi qua nhà mình. Và mỗi lần thức dậy anh đều mong nhìn thấy cảnh hoa cài trên cửa: “*Chiều nay còn mưa, sao em không lại, nhớ mãi trong cơn đau vui, làm sao có nhau, hân lên nỗi đau, bước chân em xin về mau*”.

Diễm xưa ra đời, nhanh chóng nổi tiếng khắp miền Nam, đến độ mọi người đều cho đó là một mối tình lớn của Trịnh Công Sơn. Nhưng không phải thế, vì chưa đầy một năm sau thì đôi mắt nai ngây tròn của người em mới thực sự làm anh ngây ngất. Cuối năm 1962, lúc anh bắt đầu cuộc sống xa nhà ở Quy Nhơn rồi Bảo Lộc, thì những cánh thư tình đã bắt đầu qua lại với Dao Ánh. Từ đôi mắt trong như nắng thủy tinh của nàng, rất nhiều ca khúc viết tiếp theo đều dành cho người con gái này. “*Còn tuổi nào cho em*” đây? “*Thuở đó, tình đẹp như cơn Mưa hồng ươm nắng. Anh thổ lộ “em đã cho tôi quên đi muôn phiền*”. Đến độ anh đã tưởng rằng “*áo xưa dù nhàu, cũng xin bạc đầu, gọi mãi tên nhau*”.

Nhưng trước sau Trịnh Công Sơn vẫn là một nghệ sĩ lãng du, chưa có ý định dừng chân ở bến đỗ nào. Còn cô gái khuê các Dao Ánh lại không thể sống mãi với mối tình lãng mạn chẳng một lời một hứa hẹn. Và cuối cùng cuộc tình đã kết thúc sau nhiều năm gắn bó:

*Em đi bóng đỏ đường dài
Để tôi ở lại miệt mài nỗi đau.*

Đầu năm 1970, trong những ngày tháng lang thang trên vùng đồi núi Đà Lạt, anh gặp một cô gái xinh đẹp đã liêu lĩnh leo rào nội trú Trường Yersin để hẹn hò với anh - P.T.L mới đỏ má hồng, mắt long lanh như nước hồ Đà Lạt, đã đem đến cho anh nguồn vui mới. Trên những con đường của thành phố ngàn thông mơ mộng, anh cùng người đẹp lang thang khi xuống phố khi leo đồi. Nhưng rồi cuộc tình lại cũng như thoáng mây bay, chưa kéo dài bao lâu đã phải chia tay vội vàng. Khoảng cuối năm 1970, anh đang ở Huế bỗng nhận được điện tín nhắn vào Sài Gòn gấp. Vài hôm nữa đã là ngày giỗ thân phụ nhưng anh vẫn vội vã lên máy bay để chỉ kịp đến phi trường tiễn đưa người tình rời quê hương đến một phương trời xa xôi biệt lập:

*Em đi pháo đỏ nhuộm đường
Tôi ngồi với nỗi tiếc thương bạc lòng.*

Biết không bao giờ có thể gặp lại, làm sao giây phút tiễn đưa chẳng khỏi chạnh lòng: “Từ lúc đưa em về, là biết xa nghìn trùng... ta nghe nghìn giọt lệ, rơi xuống thành hồ nước long lanh (Như cánh vạc bay - 1970)”.

(Hơn 20 năm sau, nhân qua Canada thăm các em vào năm 1992, anh lại trùng phùng với người cũ ở Ottawa, được gia đình nàng đón tiếp như một người khách quý).

Năm 1981, anh gặp Hoàng Lan. Cô gái lúc nào cũng sống động vui tươi này gợi lên hình ảnh một đôi hài ba lê duyên dáng gõ trên phim dương cầm thành thót. Tóc mây buông xõa, môi cười họa mi, đoá hoa vàng đã nhập vào hồn làm anh ngây ngất. Nhân ngày sinh của người đẹp, anh mang đến tặng nàng 21 cánh hoa hồng màu vàng: “Yêu em một đoá hoa vàng, yêu em một phút hoàng lan tình cờ”.

Bài hát anh viết cho Hoàng Lan năm 1981 mang tên *Một thuở hoa vàng*, sau được đổi thành *Hoa vàng mấy độ* lúc xuất bản: “Em đến bên đời, hoa vàng một đoá, một thoáng hương bay, bên trời phố lạ, nào có ai hay, ta gặp tình cờ”.

Hồi đó, Trịnh Công Sơn vừa đến ngưỡng 40. Nếu quả thật anh đã mệt mỏi đôi chân muốn tìm một nơi ngồi nghỉ, biết đâu người con gái này có thể là người bạn đời của anh. Nhưng rồi cuộc tình cũng trôi qua. Không do phụ rầy, không bởi nhạt phài, mà chỉ vì anh muốn thuở là chàng lãng tử.

(Những ngày ở Canada, hơn 10 năm sau, anh cũng đã gặp lại Hoàng Lan. Đóa hoa vàng giờ đây đã được cắm vào một mái ấm gia đình ở Toronto).

Khoảng năm 1990, V.A đến với anh bằng những nông nân của người con gái tuổi đôi mươi có nhan sắc tuyệt vời và thân hình chuẩn mực của một á hậu. V.A thường xuyên đến thăm anh ở nhà Duy Tân. Tiếc thay, cuộc tình chỉ kéo dài chưa đầy năm. Có lần, anh nhờ một người bạn trẻ đưa V.A về. Đến khi biết ra thì quá muộn màng, chàng trai ấy đã mang nàng tiên ra đi không trở lại. Chẳng biết anh có đau khổ vì mất người yêu hay không, chỉ biết V.A có lần nhắn tin cho anh Sơn khi cô nằm trên giường bệnh, nhưng anh đã không đến thăm. Cuộc tình này chấm dứt để lại cho chúng ta ca khúc. *Còn hai con mắt* (1990): “*Còn hai con mắt khóc người một con, còn hai con mắt một con khóc người, con mắt còn lại nhìn một thành hai, nhìn em yêu thương, nhìn em thù dữ*”. Không hiểu anh nghĩ gì khi viết nhìn em yêu thương, nhìn em thù dữ, chỉ biết rằng mỗi lần nhắc đến tên V.A hình như anh có chút chi bản khoăn trong lòng.

Năm 1992, sau khi đi Canada về anh thường lui tới với Hồng Nhung. Cô ca sĩ nhạc pop người Hà Nội với thân hình bé như hạt tiêu đường như làm cho anh trẻ lại. Hồng Nhung chỉ bằng nửa tuổi của anh Sơn, nhưng ngay từ đầu cô vẫn hồn nhiên xưng hô với anh một cách thân mật như người bằng vai phải lứa. Mặc dù đôi khi anh trách yêu cô là “hồn”, nhưng lại tỏ vẻ rất thú vị.

Khi bắt đầu chuyển sang hát nhạc Việt, Hồng Nhung trình bày ca khúc *Hạ trắng* với thể điệu rock. Một số khán giả yêu nhạc Trịnh Công Sơn đã bày tỏ sự không bằng lòng vì cho rằng không phù hợp phong cách

nhạc Trịnh. Nhưng anh Sơn lại cười hiền hòa: “Chẳng sao, bởi vì Hồng Nhung hát bình thường sẽ không thể nào tranh được với Khánh Ly”. Dù biết là anh chỉ nói đùa, nhưng điều đó chứng tỏ anh rất thương cô gái bé bỏng này. Và có lẽ Hồng Nhung là người ca sĩ duy nhất được Trịnh Công Sơn viết riêng cho đến ba bài hát (*Thuở Bống là người, Bống không là bống, Bống bống ơi*).

Tuy rất được yêu, nhưng cũng có lúc Bống làm anh buồn. Hay có lúc Bống đã muốn nhảy lên bờ, bỏ mặc anh đợi chờ dưới suối. Như anh đã viết: *“Có một con đường em không đi tới, vui buồn hội ngộ trong kiếp người”*. Phải chăng đó là một lời trách móc người bạn bé nhỏ đã không chia sẻ những vui buồn trong cuộc đời với anh?

Cuối năm 1992, một người tình cũ từ Hoa Kỳ trở về thăm anh: *“Người ngỡ đã đi xa, nhưng người bống lại về”* (Tình nhớ). Dao Ánh vẫn trong tà áo lụa ngày nào, vẫn đôi mắt của nắng thủy tinh, vẫn là đoá hướng dương vô thương, đã làm anh như sống lại với những kỷ niệm xa xưa. Không khác gì ngày xưa, vẫn chọn một chỗ hẹn hò dưới phở. Buổi chiều, anh nhờ các em gái chọn giúp một chiếc sơ mi để mặc đi đến chỗ hẹn. Năm ấy là mùa pháo Tết cuối cùng ở Việt Nam, anh bồi hồi nhìn người yêu trở lại: *“Hai mươi năm xin trả nợ người, trả nợ một đời em đã phụ tôi, bao nhiêu năm em nợ bạc đầu, trả nợ một đời không hết tình đầu.”* (Xin trả nợ người - 1993).

Rồi lại bồi hồi nhìn người yêu ra đi về nơi ngút ngàn xa cách. Những cánh thư đi về nối lại chuyện tình hai mươi năm về trước. Lại tiếp tục những cuộc hẹn hò, kéo dài cho đến ngày anh nằm bệnh. Trong số các khuôn mặt người tình, có lẽ Dao Ánh là người anh yêu thương sâu đậm nhất. Phần đông những người cũ khi gặp lại đều đã thuộc về người khác, anh luôn giữ mỗi tương kính bạn bè. Riêng Dao Ánh đã làm cho tình cảm trong anh sống lại, hai mươi năm với cạn lại đây...

Khánh Ly không có một cuộc tình với Trịnh Công Sơn, nhưng định mệnh như đã gắn liền cái tên cô với tên anh. Cô ca sĩ này đã chân đất già

từ thành phố Đà Lạt để theo Trịnh Công Sơn hát cho sinh viên lúc chỉ hơn 20 tuổi. Nhiều người đã cho rằng trời sinh ra Khánh Ly để hát nhạc Trịnh Công Sơn. Cô yêu thương anh như một người bạn, một người anh, một người thầy, và cả một người tình. Đôi khi trước mặt những người khác, anh đã la rầy Khánh Ly như một cô học trò nhỏ. Khánh Ly cũng chỉ cười buồn.

Suốt mười năm bên cạnh anh, Khánh Ly đã trở thành một cái gì không thể tách rời với cái tên Trịnh Công Sơn. Khánh Ly thường nói: “Tuy không một ca khúc nào của Trịnh Công Sơn viết riêng cho tôi, nhưng tôi vẫn có cảm tưởng hầu hết tất cả những ca khúc của Trịnh Công Sơn đều được viết cho Khánh Ly”. Có lẽ vì vậy mà có thể nói cô là một trong những người hiểu rõ nhất từng ca từ cũng như những tâm ý trong một số lớn ca khúc của anh. Sau năm 1975, Khánh Ly rời Việt Nam lang thang khắp thế giới với nghiệp cầm ca, nhưng không lúc nào cô rời bỏ cái tên Trịnh Công Sơn bên cạnh cuộc đời mình. Khánh Ly từng nói rằng, cô đã chết nửa cuộc đời theo Trịnh Công Sơn sau ngày anh nằm xuống.

Đối với Trịnh Công Sơn, anh chỉ thấy Khánh Ly là một gấn bó định mệnh. Hơn mười lăm năm sau mới hội ngộ nhau ở Canada, đôi diện với anh Sơn vẫn là Khánh Ly nhỏ bé ngày xưa, luôn luôn yêu thương và kính trọng người anh, người thầy của mình...

Một điều chắc chắn là bất cứ người con gái nào tới với anh, đem đến cho anh dù chỉ một chút tình, anh vẫn nâng niu đón nhận. Ngay cả khi anh đã qua độ tuổi bóng bột mà, như anh thường nói, đôi khi ngồi bên một người đẹp chưa chắc anh đã thú vị bằng ngồi ngắm ánh nắng buổi chiều tà hay cơn mưa phùn buổi sáng, thì vẫn có rất nhiều phụ nữ vì yêu tài mà tìm đến anh.

Anh biết ơn tất cả, bởi bản chất anh là luôn trân trọng hết thảy mọi phụ nữ mình từng quen biết trong đời.

(Trích hồi ức Như những dòng sông, NXB Văn Nghệ-2007)

H U Y Ñ H N H U P H U O N G

mùa xuân này,
trịnh công sơn 70 tuổi

Ngày Trịnh Công Sơn ra đi, khi chiếc xe tang rời con hẻm 47C Phạm Ngọc Thạch, nhiều người đưa tiễn còn nấn ná ở lại nhặt những bông hoa trên những vòng hoa còn để lại bên đường. Cùng với độ lùi của thời gian, người ta càng nhận ra cái di sản mà người nhạc sĩ để lại lớn hơn rất nhiều so với những gì đã hình dung cũng như càng cảm thấy sự hiện diện tròn đầy của ông trong đời sống này.

Gần tám năm, hơn mười cuốn sách dày dặn về ông đã xuất hiện, từ tập hợp những bài viết thiên về cảm nhận đến những chuyên khảo đầu tư hết sức công phu. Những tiếc nuối về việc Trịnh Công Sơn không quan

tâm viết hồi ký hay không có một người chuyên viết tiểu sử ông lúc sinh thời dường như đang dần được đền bù. Âm nhạc của ông không chỉ ngày càng lan rộng trên đường đi của trái tim người Việt mà còn truyền cảm hứng cho những ai muốn tìm hiểu một cách sâu sắc một trường hợp tri thức tiêu biểu như tấm gương phản chiếu những phút giây tuyệt vọng và những niềm hy vọng trong một thời buổi đau thương của đất nước.

Nhiều câu hỏi về cuộc đời và sự nghiệp Trịnh Công Sơn đã được giải đáp. Nhưng nhiều câu hỏi khác vẫn còn lơ lửng: thực sự con số ca khúc ông đã sáng tác là bao nhiêu? Ảnh hưởng nhạc blues đối với ông ở mức nào? Phải chăng “gần như quán xuyến tất cả, âm nhạc của Trịnh Công Sơn diễn ra trong cung la thứ...” như có người phát hiện? Và cái nhận xét mà nhiều người mặc nhiên thừa nhận, rằng ông là một ca nhân - người hát thơ về tình yêu hay người hát triết học về thân phận con người - có cần phải khảo chứng kỹ lưỡng hơn không, khi mà ông chính phục công chúng không chỉ bằng ca từ mà bằng chính âm nhạc, như ta thấy sức hút của nhạc hòa tấu Trịnh Công Sơn? Hình như có một chi phối nào đó từ một định nghĩa của Tô Thùy Yên về người du ca như “một nghệ sĩ đặc biệt đứng giữa âm nhạc và thi ca, đúng hơn, người du ca là một thi sĩ nhiều hơn là một nhạc sĩ”, dẫn đến một nhận xét chưa hẳn là công bằng của một nhạc sĩ đàn anh khi so sánh Trịnh Công Sơn với Ngô Thụy Miên: “Người thi nhân có nhiều hơn trong người thứ nhất, nhưng người nhạc sĩ nổi bật hơn trong người thứ hai”. Không cần cử *Đóa hoa vô thường* hay *Dã tràng ca*, người ta vẫn có thể nghi ngờ lời khẳng định Trịnh Công Sơn như một ca nhân, vì khẳng định đó cũng chỉ đứng ở một phương diện. Vì vậy, bên cạnh những nghiên cứu đặc sắc về ca từ của người nhạc sĩ, có lẽ cần có những khảo sát chuyên môn về nhạc lý của ông.

Nhưng người ta cũng có lý khi tập trung nghiên cứu phần lời ở ca khúc Trịnh Công Sơn. Ở người sáng tác ca khúc, qua sự tiếp nhận của công chúng trong những hoàn cảnh từng gây ngộ nhận, phân ca từ rõ ràng ảnh hưởng đến số phận của tác phẩm khi nó chỉ phối cách đánh giá

không chỉ nội dung biểu cảm mà cả đối tượng quy chiếu của bài hát. Lịch sử ca khúc Việt hơn nửa thế kỷ cho thấy Trịnh Công Sơn không phải ngoại lệ. Ở trong nước, nhiều ca khúc của ông sáng tác trước 1975 cho đến nay vẫn chưa được phép chính thức phổ biến. Còn ở hải ngoại, một số người vẫn tỏ thái độ nghi kỵ những bài hát ông viết với rất nhiều thành tâm sau ngày hòa bình như *Huyền thoại mẹ*, *Đời gọi em biết bao lần*, *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*... Sự nghi kỵ càng dễ tăng lên khi có ý kiến công khai nói rằng ông đã sáng tác bài này bài nọ theo gợi ý hay đơn đặt hàng của ai đó.

Thật ra, ở Trịnh Công Sơn, dù có thể dẫn đến những tác động khác nhau, khó nói rằng bài hát nào ông đã viết ra mà không xuất phát từ gan ruột của người nghệ sĩ, không phải là một âm ảnh dài lâu, hay ít nhất, một thôi thúc tự nhiên của tình cảm. Dù đánh giá về nghệ thuật của người đời không bao giờ là thống nhất, có lẽ ông là người có thể hát lại bất cứ ca khúc nào mà không phải cảm thấy ngượng ngùng với lương tri nghệ sĩ của mình. Cả về tư cách công dân lẫn tư cách nghệ sĩ, Trịnh Công Sơn không phải là người “rùy thời”, càng không phải là người “xu thời”.

Trong một lần hàn huyên, Trịnh Công Sơn cười buồn mà nói rằng ông chỉ hy vọng những tình khúc của mình sẽ có một đời sống dài lâu, những bài ngợi ca hòa bình và quê hương đã làm xong sứ mệnh của nó rồi, sẽ khó có một cuộc tái sinh nào nữa. Có lẽ cho đến lúc vĩnh biệt cuộc đời này, ông vẫn không nghĩ rằng đời sống sẽ còn cần nghe lại những bài kinh cầu quê hương của ông. Trong những không gian riêng tư, thánh giả Việt vẫn rung động với giọng hát của ông diễn cảm những ca khúc về tình yêu quê hương trong chiến tranh và khát vọng hòa bình.

Không phải ngẫu nhiên mà có ý kiến cho rằng “không ai hát Trịnh Công Sơn bằng Trịnh Công Sơn, kể cả Khánh Ly”. Thật ra, điều này có lẽ đúng với những bài hát về chiến tranh và quê hương hơn là những tình khúc. Khi diễn đạt những cung bậc của tình yêu nhuốm một chút mùi vị nhục cảm, giọng ca Trịnh Công Sơn không thể nào “liều trai” được như Khánh Ly. Mặc dù trong ông tình yêu và hạnh phúc vẫn là

một dương chất trần gian đầy cảm dỗ, tình khúc của ông vẫn khiến ta nhớ đến thơ tình của Petrarca vốn mang vẻ thanh khiết kiểu Platon kết hợp với truyền thống troubadour thời sơ kỳ Phục hưng.

Nhưng hát về quê hương thì quả là chỉ giọng hát Trịnh Công Sơn mới nói hết nỗi lòng của tác giả, cùng nỗi lòng và niềm hoang mang của một lớp người. So với các tình khúc, những bài hát đó ông viết cho một quần chúng đông đảo và đa dạng hơn, những đám đông bầm dập trong cơn lốc của chiến tranh. Ở đó, ta không còn thấy những tượng trưng và ẩn dụ, càng không thấy hơi hướng siêu thực trong những khúc ca triết lý. Ở đó là lời tâm sự, lời tự sự hay một lời kêu gọi: *Hỡi những con chim đêm sao chưa vỗ cánh. Hỡi những anh nông dân sao chưa về làng. Hỡi những người mẹ già hằng đêm sao khóc?* (Đừng mong ai đừng nghỉ ngơi). Ai trách Trịnh Công Sơn câu kỳ hay bí hiểm trong ca từ, sẽ thấy lúc này ông gián dị hẳn đi: *Một sớm lên đường mẹ ra sau vườn hái trái bí trên giàn còn xanh...* (Người mẹ Ô Lý). Vì ông biết lúc này âm nhạc của ông đang hướng về ai, với ai. Những người già co ro, những em bé lơ lửng, những bà mẹ lom khom tìm mộ con trên bãi vắng, những người chị ru con, ru cha bỏ mình, ru đời chỉ còn mẹ với con..., chính họ chứ không phải ai khác là những người “thu phục” Trịnh Công Sơn, một sự thu phục không điều kiện.

Với *Ca khúc Da vàng*, *Kinh Việt Nam*, *Ta phải thấy mặt trời*, *Phụ khúc Da vàng...*, Trịnh Công Sơn là nghệ sĩ của nhân dân - một nhân dân đau khổ luôn khát vọng hòa bình - và nghệ sĩ của dân tộc - một dân tộc bị cắt chia luôn ước mơ hòa hợp và đoàn tụ. *Dù hôm nay tôi chưa về Hà Nội. Dù hôm nay em chưa đến Sài Gòn. Nhưng trong lòng nhau thấp thoáng bóng cờ chung* (Chưa mất niềm tin). Trong một hoàn cảnh nghiệt ngã của sự phân ly, người nghệ sĩ còn có thể nói gì khác hơn nữa, rõ ràng hơn nữa! Ca khúc Trịnh Công Sơn là tiếng nói của khát vọng hòa hợp, vượt lên những chia rẽ và hoài nghi, là chất keo gia cố hàn gắn cho một thế giới đầy những chia xa có nguy cơ tan vỡ.

Như giao hưởng khúc số 9 của Beethoven mà Trịnh Công Sơn từng bày

tò niêm ngưỡng mộ, trong tác phẩm của người nhạc sĩ Việt này cũng không nguôi “nỗi khát khao vô hạn ở nghệ sĩ chân chính được mở lại những con đường thênh thang dẫn đến hoan lạc cho bước chân và tiếng cười nói của con người trở về”. Cá nhân, dân tộc và nhân loại hòa quyện trong thế giới âm nhạc Trịnh Công Sơn. Ngay trong một ca khúc, đó đồng thời là con đường tình nhân (*Đường đến tôi chờ em đã quá lâu năm*), con đường của một cộng đồng số phận (*Đường máu xương chờ lau hết dấu vinh quang*) và con đường mệnh mông của kiếp người (*Cho tôi đi giữa nhân loại đôn đau*). Trên tất cả những con đường đó, rồi mọi người sẽ cùng trở về, vì yếu tính của con đường là kết nối.

Nếu Nguyễn Ngọc Lan từng bắn khoãn từ 40 năm trước, “thân phận những lời ca, những âm điệu ấy là thân phận Do Thái lang thang. Kiếp tha hương ngay giữa quê hương mình”, thì bây giờ đây, khi những con đường đang mở ra cho sự đoàn tụ, những ca khúc Trịnh Công Sơn hát về những cánh đồng hòa bình, những giọt máu trở bông, những đêm vui cờ bay ngập tràn phố xá... phải được trở về với đời sống. Một đời sống cần tụ hội những sinh lực như mùa xuân tụ hội nhựa sống lên cây.

Mùa xuân này, ngày 28 tháng Hai, giữa tiết trời Vũ Thủy, người nhạc sĩ ấy tròn tuổi 70.

(Bảo Phụ Nữ TP.HCM Xuân Kỳ Sưu-2009)

NGUYỆT CÀM

tựa hồ những năm xưa...

1 Mùa hè năm 1991, tôi dự một khóa học về thông tin đại chúng tại Ấn Độ. Đó có lẽ là những ngày hè kỳ lạ nhất mà tôi đã trải qua. Tôi còn nhớ cái đêm đầu tiên khi máy bay đáp xuống sân bay New Delhi sau gần năm giờ bay từ Bangkok. Từ khoang máy bay mát lạnh bước ra ngoài trời, dù lúc đó đã quá nửa đêm nhưng tôi có cảm giác mình bước vào một lò nướng bánh mì!

Những ngày hè New Delhi 8 giờ tối mà mặt trời vẫn đỏ rực ở chân trời phía Tây. Hàn thử biểu trên tường vẫn chỉ ở vạch 40 độ C. Đêm xuống chậm chạp và buồn bã. Căn phòng nhỏ khu ký túc xá của Học viện Truyền thông đại chúng thuộc Bộ Ngoại giao Ấn Độ hầm hập bốc hơi nóng đến ngọt ngạt khiến tôi không sao ngủ được. Ngoại ô New Delhi vắng lặng đến mênh mông, chỉ có tiếng côn trùng, giun dế than vãn vì

nóng bức và tiếng vỗ cánh đập choang của bầy dơi tìm những trái chín còn sót lại trong vườn. Và lúc đó thì tôi chỉ biết nghe nhạc Trịnh Công Sơn, nghe đi nghe lại mãi cái băng cassette mà bìa ngoài có chữ ký tặng của anh. Tôi cố dỗ giấc ngủ xa nhà chấp chờn, mỗi một băng những tình khúc đã nằm lòng từng nốt nhạc, từng ca từ và mơ hồ từ vườn khuya bước về/ bàn chân ai rất nhẹ/ tựa hồ những năm xưa...

2 Trước ngày đi Ấn Độ không lâu, tôi ghé lại 81 Trần Quốc Thảo, cái tụ điểm của giới văn nghệ Sài Gòn, cả “danh gia chính phái” lẫn “giang hồ hắc đạo”, và cũng là một “tụ điểm” bìa hơi có cỡ của Sài Gòn ngày ấy. Ở đó, thời may tôi gặp họa sĩ Hồ Hữu Thù. Anh mau mắn viết ngay một bức thư ngắn giới thiệu tôi cho người cháu ruột đang công tác tại Sứ quán Việt Nam ở New Delhi. Cái tên trên bì thư không xa lạ với tôi: Hồ Anh Thái, bởi tôi đã đọc một số truyện ngắn của anh trên báo.

Và ở 81 Trần Quốc Thảo hôm ấy tôi cũng gặp Trịnh Công Sơn. Bèn ly bìa, tôi nói với anh về chuyến đi xa nhiều ngày sắp tới. Trịnh Công Sơn lấy trong chiếc túi vài một băng cassette những ca khúc mới thu của anh, ký tặng trên vỏ băng và bảo: “Tôi mang đi nghe cho vui”. Băng cassette ấy thứ âm nhạc của riêng tôi trong những ngày xa nhà, đặc biệt là khi chỉ có một mình trong căn phòng chật hẹp, bức bối của khu ký túc xá ở ngoại vi New Dehli, mà mỗi sớm mai một nhòai thức dậy vì cái nóng hám hấp của đêm hè, tôi lại được chào đón bởi những chú sóc nhỏ tinh nghịch trên bậu cửa và bầy công sặc sỡ trong khu vườn bên dưới.

Ở đó, những chiều chủ nhật buồn/lặng nghe gió đi về...

Trước ngày trở lại quê nhà, băng nhạc Trịnh Công Sơn đã được tôi tặng cho ông Nguyễn Công Đắc, trưởng phân xã New Delhi của Thông tấn xã Việt Nam, người cũng rất thích nhạc anh. Chỉ có cái vỏ băng có chữ ký tặng thì tôi vẫn giữ đến hôm nay như một kỷ niệm khó quên với một nghệ sĩ mà tôi đoán chắc rằng anh ở trong số những người được mến yêu nhất khi còn sống cũng như lúc đã vĩnh viễn lìa xa trần thế.

3 Có một thời gian gần như mỗi ngày tôi đều nhận được một phong bì đặc biệt từ bộ phận bạn đọc của tờ tuần báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* mà tôi lúc bấy giờ đang phụ trách tòa soạn. Những chiếc phong bì giống hệt nhau: màu xanh da trời nhẹ, độ dày cho biết có chứa một lá thư dài bên trong, nhưng không bao giờ có tên người gửi và chỉ có một cái tên người nhận - Trịnh Công Sơn - được viết bằng nét chữ con gái thật đẹp và mềm mại, thật khó tìm vào thời buổi gõ computer như bây giờ.

Tất cả thư tôi đều nhờ giao liên của báo chuyển đến 81 Trần Quốc Thảo, nơi có trụ sở Hội Âm Nhạc TP. HCM, hoặc nhà riêng của anh Sơn trên đường Phạm Ngọc Thạch; nhưng tôi biết sẽ thư không có hồi âm vì trực giác mách bảo với tôi rằng bên trong thư cũng sẽ không có một địa chỉ cụ thể nào của người viết, một người thâm lặng yêu thương và kính trọng Trịnh Công Sơn như con chiến ngoan đạo trước Chúa lòng lành.

Ngày anh mất, chính tôi cũng cảm thấy hụt hẫng khi không còn nhận được những lá thư xanh bí ẩn ấy nhưng lại được đọc biết bao những lời yêu thương có địa chỉ cụ thể của bạn đọc khắp nơi gửi về tòa soạn, cả những bức fax mà người gửi ở cách xa hơn nửa vòng Trái đất, những dòng đầy nước mắt tiếc nhớ, những lời ngợi ca, tôn vinh đến độ thiêng liêng. Nhiều năm làm báo, đã nhiều lần tiễn biệt những tài năng lớn, những người thật sự được công chúng yêu mến, quý trọng nhưng tôi chưa thấy có ai đã gây nên một xúc-cảm-tập-thể rộng lớn như vậy khi già từ cõi đời này ngoài Trịnh Công Sơn.

Một mai thức dậy không còn thấy mặt trời...

4 Có lần uống rượu ở nhà anh Nguyễn Quang Sáng, hôm đó có Trịnh Công Sơn và đạo diễn Hồng Sến - cái nhóm ba S (Sáng, Sơn, Sến) vừa đi một chuyến miền Tây về sau khi cùng thực hiện bộ phim *Cánh đồng hoang*. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng kể với giọng điệu tương tưng, rằng đi tới đâu người ta cũng biết, cũng “bu”

chung quanh Sơn, chẳng ai biết đến Sáng với Sến, rồi buông câu kết luận: “Trịnh Công Sơn mới là nghệ sĩ nhân dân thứ thiệt!”.

Vậy mà người “nghệ sĩ nhân dân thứ thiệt” ấy đã không có được một sự vinh danh, một sự trân trọng đúng mức khi anh qua đời ở quê nhà anh là xứ Huế. Sao không thể có một con đường dù nhỏ mang tên Trịnh Công Sơn nhỉ? Lạ thật! Đã bao nhiêu người từng hỏi tôi như thế.

Người nghệ sĩ ấy đã nói thay cho bao thế hệ những ngẫm ngợi về thân phận và về cuộc đời, về tình yêu và cả cái chết, về quá khứ và cả tương lai, về nỗi đau và niềm hi vọng, về sự không cùng và điều giản dị... Có những nghệ sĩ tác phẩm chỉ tồn tại một thời nhưng tôi tin rằng nhạc Trịnh Công Sơn sẽ là miễn viễn. Thế hệ trẻ mười tám đôi mươi hôm nay vẫn yêu và hát Trịnh Công Sơn, điều ấy được minh chứng bằng bao nhiêu ví dụ; trong đó có thể kể những đêm nhạc ở Làng du lịch Bình Quới, nơi có một khu tưởng niệm Trịnh Công Sơn có lẽ là duy nhất ở đất nước này, đã thu hút hàng ngàn người trẻ tuổi, những người không có được một hoàn cảnh lịch sử như các thế hệ cha anh sống ở Sài Gòn trước 1975 như chúng tôi. Con trai tôi, trước ngày sang New Zealand du học, đã tìm mua những CD của Trịnh Công Sơn và trong những tôi lần gửi quà sang cho cháu, bao giờ cũng có những giai điệu - ca từ mà cháu thích nghe đi nghe lại và giải thích giản dị: “Con thích nghe nhạc Trịnh Công Sơn khi chỉ có một mình”. Hóa ra con tôi cũng chẳng khác tôi trong những đêm hè Ấn Độ đã xa...

Đêm đêm nằm nghe lá than van chút niềm đau ngọt ngào...

5 Có một cách lý giải cái xúc cảm chung của nhiều thế hệ khi nghe nhạc Trịnh Công Sơn; lại đến từ một người Hà Nội vào Nam sau 1975 là ông Nguyễn Đỗ Hải.

Một buổi sáng của ba mươi năm trước, tôi ngồi uống cà phê với ông Đỗ Hải ở Hội Mỹ thuật thành phố trong khi cả hai đều chờ một người: họa sĩ Nguyễn Trung. Hôm ấy, ông Hải nhận định rất nhiều về tác phẩm

của Nguyễn Trung và Trịnh Công Sơn, nhưng tôi nhớ mãi cái tổng kết của ông: “Nguyễn Trung bằng hội họa, còn Trịnh Công Sơn bằng âm nhạc đã nói hết cái *tragique Vietnamien*”. Phải chăng cái “bi kịch Việt Nam” ấy trong âm nhạc Trịnh Công Sơn đã gắn kết được nhiều thế hệ, đã nói thay cho nhiều thế hệ?

Hãy nói giùm tôi/ hãy hát giùm tôi/ hãy thở giùm tôi...

Có một chân dung Trịnh Công Sơn ở trong số một vài chân dung phái nam thật hiếm hoi mà Nguyễn Trung đã vẽ. Hôm Nguyễn Trung mang bức chân dung đó đến ngôi nhà ở đường Phạm Ngọc Thạch tặng bạn mình có tôi đi cùng. Đó có lẽ cũng là bức chân dung đẹp nhất về Trịnh Công Sơn mà tôi được biết, dù đã có không ít họa sĩ vẽ chân dung người nhạc sĩ khi anh còn sống cũng như lúc đã qua đời.

Đôi khi nắng trên phố xưa làm tôi nhớ...

(Bảo Doanh Nhân Sài Gòn số cuối tháng, tháng 4-2009)



Frank Gerke hát trước mộ Trịnh Công Sơn

FRANK GERKE (*)

giữa hòa bình, tình yêu,
con người và quê hương

Mười năm rồi và tôi vẫn cảm thấy buồn tênh. Khi Trịnh Công Sơn mất trong lòng tôi hiện lên một nỗi buồn vô tận. Hồi đó, khi tin buồn đến, tôi đang ở Đức. Vì buồn quá, tôi đeo một miếng vải màu đen trên áo sơ-mi. Một ngày khi đi chợ ở TP. Hennef, tỉnh cờ tôi gặp một cặp vợ chồng người Việt gốc Hà Nội quen từ lâu. Họ tò mò hỏi tôi: “Nhà anh mới mất ai?” - “Nhà tôi không mất ai cả, nhưng Trịnh Công Sơn mới qua đời”, tôi trả lời, nước mắt rơi rơi...

Thời gian trôi qua rất nhanh. Người Đức có câu: *Die Zeit heilt die Wunden - Thời gian làm lành vết thương*. Nhưng tại làm sao tôi nghĩ đến anh Sơn mà vẫn cảm thấy buồn? Tôi buồn vì “gia tài” của Trịnh Công Sơn để lại chưa được đánh giá đúng mức ngay ở đất nước quê hương của anh. Trong khi đó lập trường duy nhất của Trịnh Công Sơn chỉ gồm bốn thứ:

Hòa bình

*Khi đất nước tôi thanh bình
Tôi sẽ đi thăm, tôi sẽ đi thăm
Nhiều nghĩa địa buồn...
(Tôi sẽ đi thăm)*

Tình yêu

*Hãy yêu nhau đi khi rừng thay lá
Hãy yêu nhau đi dòng nước đã trôi xa...
(Hãy yêu nhau đi)*

Con người

*Con tình yêu thương vô tình chợt gọi
Lại thấy trong ta hiện bóng con người...
(Một cô đi về)*

và quê hương

*Này em trong mỗi con tim
Nhớ mang quê hương của mình
(Như hòn bi xanh)*

Chiến tranh chống Pháp và sự can thiệp và xâm lược ngày càng nhiều của Mỹ sau Hiệp định Genève năm 1954 để giành lấy độc lập và tự do tổng cộng kéo dài trên dưới 30 năm. Và một trong những hậu quả của cuộc chiến khốc liệt này là sự chia cắt dân tộc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975. Hiện tượng này ta không thể phủ nhận được vì mặc dù một phần dân Việt Nam ủng hộ lực lượng cách mạng giải phóng thì vẫn còn một phần khác đứng bên phía chế độ Việt Nam Cộng hòa và Mỹ. Ngoài ra còn có người có lập trường trung lập không thiên về phe nào

cả. Nhưng sau bao nhiêu năm chiến tranh thì tất cả mọi người Việt Nam đều có một nguyện vọng chung: Ta phải kết thúc chiến tranh và xây dựng lại một nước Việt Nam hòa bình, đoàn kết và quên hằn thù. Trịnh Công Sơn không những chia sẻ nguyện vọng này mà còn viết về nó:

*“Rừng núi đang tay nối lại biển xa
Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà
Mặt đất bao la, anh em ta về
Gặp nhau mừng như bão cát quay cuồng trời rộng
Bàn tay ta nắm nối trọn một vòng Việt Nam”.*
(Nối vòng tay lớn)

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã hát như thế vào ngày 30-4-1975. Và ý của anh cũng thật sự là như thế. Không những trong bài hát này mà còn trong những bài hát khác nữa, Trịnh Công Sơn đã hát lên về khát vọng lớn nhất của mình hồi này, là đất nước thống nhất, hòa bình và tình yêu đến với mọi người để cả dân tộc đoàn kết xây dựng lại một xã hội mới công bằng. Anh đã chắc chắn rằng từ bây giờ trở đi sẽ không còn chiến tranh nữa, không còn sự chết chóc, không còn thù hằn, đau khổ. Anh là một con người đa diện, anh là kẻ du ca hát về quê hương, tình yêu và số phận con người, anh là thi sĩ của tình yêu và hòa bình, là một người có lương tâm vô cùng. Trong những bài hát với đề tài chiến tranh Trịnh Công Sơn đã hát về sự bất công, cái đau khổ về những mặt khóc liệt đến mức kinh khủng ở chiến trường cũng như về sự đau khổ của những người mất đi người yêu, người chồng và bạn bè của mình.

Đó là thời gian anh sáng tác những bài như *Nối vòng tay lớn*, *Đại bác ru đêm*, *Cho một người nằm xuống* và bao nhiêu bài hát khác nữa trong hai tập *Ca khúc Trịnh Công Sơn* (1967), *Ca khúc Da vàng* (1967), *Ca khúc Da vàng 2* (1969) *Kính Việt Nam* (1969) *Ta phải thấy mặt trời* (1969) và *Phụ khúc Da vàng* (1972). Thời kỳ ấy Trịnh Công Sơn không chỉ nổi tiếng ở Việt Nam mà nổi tiếng cả ở nước ngoài. Bài *Ngủ đi con* trong *Ca khúc Da vàng* của anh được đĩa vàng ở Nhật Bản và nữ ca sĩ Joan Baez đã gọi Trịnh Công Sơn là Bob Dylan của Việt Nam. Hồi này Bob Dylan và Joan

Baez nổi tiếng khắp thế giới với những bài hát chống chiến tranh ở Việt Nam cũng như nhiều bài về tình yêu và số phận.

Nhưng Trịnh Công Sơn không chỉ viết về chiến tranh, có lẽ anh viết còn nhiều hơn về tình yêu và thân phận con người. Anh là “*nhạc sĩ viết tình ca hay nhất Việt Nam*” (NS Thanh Tùng), nhiều bài lãng mạn và đầy tình cảm như *Diễm xưa*, *Nắng thủy tinh*, *Hạ trắng*... đã đi vào lòng của cả dân tộc. Không phải chỉ những bài quen thuộc hồi thập niên 1960 và 1970, còn những bài mới và gần đây cũng đã trở thành những ca khúc không năm tháng mà ai ai cũng biết. Đó là những bài như *Quỳnh hương*, *Tôi ơi đừng tuyệt vọng*, *Sóng về đâu*... Anh hát về đời sống con người khát sống và anh hát về một mối tình nho nhỏ nhưng đồng thời nói về đời sống con người trên trần gian này. Với những bài hát trữ tình và đầy triết lý, Trịnh Công Sơn đã đến với mọi người như một người bạn và chủ yếu như một con người có tâm hồn trong sạch.

Từ Hầy cứ vui chơi từng ngày đến Ôi cái chết đau thương vô tình

Trịnh Công Sơn đã trở thành người hát rong, là người phiêu lãng khắp mọi nơi cùng một lúc. Sơn: “*Tôi chỉ là tên hát rong đi qua miền đất này để hát lên những linh cảm của mình về những giấc mơ đời hư ảo*”. Với tư cách là một người bình thường thời anh đã đến với mọi người, và người ta đã yêu anh. Kể cả những Việt kiều ở nước ngoài chống anh vẫn còn nghe nhạc của anh. Nhạc của anh có một sức thu hút người ta, đánh động ở chiều sâu trong lòng người nghe một cái gì đó rất lạ lùng và khó xác định. Còn một điều lạ nữa là cả những người chẳng biết tiếng Việt, không hiểu được lời của anh vẫn thích nghe nhạc của anh, vẫn thấy một tình cảm đặc biệt sâu sắc nhưng lại mềm mại và ấm cúng nổi lên trong lòng của mình khi nghe nhạc của anh. Tác giả bài này cũng vậy: tôi là người Đức. Hồi 17 tuổi ở bên Đức tôi có một người bạn Việt Nam. Tôi thích ngoại ngữ, anh ấy bắt đầu dạy tiếng Việt cho tôi. Người bạn ấy rất thích nhạc Trịnh Công Sơn và đã tặng cho tôi một băng cassette mang tên Sơn Ca 7. Tôi mở lên và lần đầu tiên được nghe nhạc Trịnh Công Sơn qua giọng hát Khánh Ly. Tôi mê ngay mặc dầu không hiểu gì cả.

Hồi này tôi không thể tưởng tượng được rằng trong tương lai sẽ có ngày tôi gặp được chính tác giả của những ca khúc trong băng cassette ấy và trở thành bạn của anh ấy.

Cái chết “*đau thương vô tình*” (Người con gái Việt Nam da vàng) của Trịnh Công Sơn đã làm những người quen biết anh và những người yêu nhạc anh bàng hoàng, mọi người dường như không muốn chấp nhận điều này. Nhưng anh đã nói cho mình biết sớm rằng người “*chết thật tình cờ, chết chẳng hận hò, không hận thù nằm chết như mơ...*” (Tình ca người mất trí).

Nay, anh Trịnh Công Sơn đã đi qua thế giới bên kia. Còn bạn bè và tôi ở lại đây trong nỗi nhớ mãi mãi. Ta đã khóc nhiều rồi vì sự mất mát quá lớn này và cũng có thể đôi lúc sẽ còn khóc thêm tiếp một thời gian. Nhưng chủ yếu là ta sẽ cố gắng thêm trong cuộc sống làm người cũng như sự nghiệp của mình. Vì tôi nghĩ rằng điều anh mong muốn nhất là “*hãy cứ vui chơi từng ngày...*”.

Sáng tác vì tình yêu, hòa bình, con người và quê hương

Theo sự nhận xét của GS Cao Huy Thuán, sáng tác của Trịnh Công Sơn có bốn chủ đề: “chiến tranh và hòa bình, tình yêu, một chút triết lý về thân phận con người và quê hương”. Cả bốn chủ đề này đều có liên quan với nhau cho nên trong một bài hát về chiến tranh của Trịnh Công Sơn ta thấy cũng có tình yêu, có quê hương và có cả thân phận con người.

Thuở nhỏ Trịnh Công Sơn vốn thích ca hát, chơi mandolin và khi 12 tuổi đã có cây đàn guitar đầu tiên trong đời của anh. Từ đó anh sử dụng cây đàn làm phương tiện đệm cho riêng mình hát. Trước khi bước vào sáng tác, Trịnh Công Sơn không có ý định trở thành nhạc sĩ. Trong bài *Phác thảo chân dung tôi*, Trịnh Công Sơn viết: “*Tôi không đến với âm nhạc như một kẻ chọn nghề. Tôi nhớ mình đã viết những ca khúc đầu tiên từ những đòi hỏi tự nhiên của tình cảm thôi thúc bên trong... Cái thời tuổi trẻ xanh mướt như trái quả đầu mùa ấy, tôi rất yêu âm nhạc nhưng tuyệt nhiên trong*

tôi không hề gọi lên cái ham muốn trở thành nhạc sĩ...”.

Chính vì tuổi thanh niên ấy mà chủ đề những bài hát đầu tiên của Trịnh Công Sơn cuối thập niên 1950 là tình yêu và thân phận con người. Đó là những bài nhẹ nhàng quyến rũ và đầy những ẩn dụ mới lạ như *Uớt mi*, *Thương một người* và *Chiếc lá thu phai*. Không chỉ trong những bài này mà còn trong nhiều bài về sau Trịnh Công Sơn hát về tâm lý và tình cảm con người, về số phận và đau khổ, về niềm vui và nỗi buồn cũng như về đời sống nhỏ bé của muôn vật trên trần gian này. Ca từ của Trịnh Công Sơn có đôi lúc rất giản dị có đôi lúc rất bác học nhưng lúc nào cũng hết sức thơ và không bao giờ tầm thường. Trong tất cả bài hát anh hướng về cái thâm mỹ nghệ thuật ở một mức độ cao cả.

Một đặc điểm của Trịnh Công Sơn là anh liên tục đi trên con đường tìm cái mới, cái lạ một cách không biết mệt mỏi để đưa vào những bài của mình những từ và cách nói chưa từng nhìn thấy trong thi ca Việt Nam. Khi anh mới 21 tuổi, Trịnh Công Sơn sáng tác:

*Người dẫu mắt người
Đời tôi ngốc dại
Tự làm khô héo tôi đây
Chiều hôm thức đây
Ngồi ôm tóc dài
Chập chờn lau trắng trong tay
(Chiếc lá thu phai)*

Một ví dụ khác là bài đầu tay của Trịnh Công Sơn - *Uớt mi*. Trong bài này anh hát về một mối tình đã mất đi, nhưng không phải là nước mắt trên má người bị thất tình nhưng là những giọt mưa làm ướt mi mắt người ấy. Vậy thì những giọt mưa thay vì giọt nước mắt để miêu tả nỗi buồn trong lòng của thi sĩ:

*Ngoài hiên mưa rơi rơi
Lòng ai như chơi vơi*

Người ơi nước mắt hoen mi rồi.

Lấy mưa làm tỷ dụ cho nỗi buồn và sự đau khổ mà đều từ cái mất mát này sinh là một đặc điểm trong sáng tác Trịnh Công Sơn. Anh là người Huế cho nên những cảnh mưa trong những bài hát của Trịnh Công Sơn là cái mưa dầm, mưa sợi nhỏ, mưa tí tề v.v... của Huế. Giáo sư Cao Huy Thuần đã từng nhận xét: “Cảnh, tình và người trong Trịnh Công Sơn là cảnh Huế, tình Huế, người Huế. Sau này Sơn rời Huế vào Sài Gòn, chất thơ của Trịnh Công Sơn vẫn chất Huế, nguồn thơ vẫn chất từ Huế...”

Trong những bài của mình, Trịnh Công Sơn lấy ánh nắng đối lập với cơn mưa. Đối với Sơn, mưa và nắng luôn phải đi song song với nhau không thể tách rời được. Mưa và nắng là hai thứ làm nên sự tồn tại của con người. Ánh nắng là niềm vui và lòng say mê của đời sống. Trong bài *Ở trọ*, Trịnh Công Sơn hát:

*Mây kia ở đậu từng không
Mưa nắng ở trọ bên trong mắt người*

Đầu thập niên 1990 Trịnh Công Sơn đã thu bài này. Ngay sau khi hát hai câu nêu trên anh dừng hát và kể: “Mây trời ở đậu từng không thì mưa nắng ở đậu? Mưa nắng đừng ra cũng phải ở đậu giữa từng không. Nhưng với tôi, mưa nắng có nhiệm vụ làm nên nỗi buồn vui của con người. Vì vậy mưa và nắng đáng phải bỏ trời cao kia để về ở trọ”.

Và dưới ánh nắng những con gái mặc áo dài màu trắng đi dạo phố. Màu trắng áo dài và ánh sáng nắng mặt trời như hòa nhập lẫn nhau thành một, gây nên những nỗi say mê nồng nàn trong lòng người ngắm nhìn. Những cô gái trong âm nhạc Trịnh Công Sơn là những con gái Huế thuở trẻ của anh. Trong *Hồi ức* in trên tạp chí *Thế Giới Âm Nhạc*, số tháng 3-1997, Trịnh Công Sơn nhận xét về những người con gái thuở xưa: “Thời buổi ấy những người con gái Huế chưa hề dùng đến phương tiện có máy nổ và có những tốc độ chóng mặt như bây giờ. Trừ những người ở quá xa phải đi xe đạp, còn lại đa số cứ chậm rãi trên trường

bằng những bước đi thông thả hoàng cung. Đi để được ngắm nhìn, để cảm thấy âm thầm trong lòng, mình là một nhan sắc”.

Gọi nắng
 Trên vai em gầy đường xa ào bay
 Nắng qua mắt buồn lòng hoa bướm say
 Lối em đi về trời không có mây
 Đường đi suốt mùa nắng lên thấp đây
 (Hạ trắng)

Ở Trịnh Công Sơn, những người con gái phải gầy. Họ không gầy thì không phải là một nhan sắc. Gầy nghĩa là vai gầy, hoặc “em gầy ngón dài” như trong bài *Tuổi đã buồn*:

Còn ai còn ai, đóa hoa hồng tàn hôn lên môi
 Em gầy ngón dài.

Khi Trịnh Công Sơn hát về tình yêu thì anh hát về những niềm vui mà tình yêu mang lại cho con người, mặc dù những niềm vui này chỉ ở lại một thời gian rất ngắn rồi tàn phai như cả đời sống con người:

Tôi đã yêu em trong mùa gió
 Khi lá cây khô bay đầy ngõ
 Yêu em không cần vội vã

Tôi đã yêu em như trẻ thơ
 Đâu biết đôi khi có lia xa
 Yêu trong nỗi đau tình cờ
 (Trong nỗi đau tình cờ)

Trong bài *Quỳnh hương*, Trịnh Công Sơn hát về một mối tình nồng nàn mà chỉ kéo dài một đêm như đúng thời gian hoa quỳnh nở hoa. Đối với Trịnh Công Sơn, mối tình ấy là nốt ẩn dụ về đời sống con người trôi qua rất nhanh. Điều này làm nên cái đau khổ trong đời con người, hoặc nói

theo Phật giáo, là cái phiền não. Cái đau khổ và mọi phiền não chúng ta cần phải khắc phục. Cách khắc phục của Trịnh Công Sơn cho bản thân mình và cả cho bạn bè là:

*Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui
 Chọn những bông hoa và những nụ cười
 Tôi nhặt gió trời mời em giữ lấy
 Để mắt em cười tựa lá bay*
 (Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui)

Niềm vui và nỗi buồn lúc nào cũng xuất hiện cùng một lúc trong những bài của Trịnh Công Sơn, cũng như mưa và nắng, nhật và nguyệt, ngày và đêm đều thay phiên lẫn nhau. Trọng điểm cốt yếu của những bài làm cho Trịnh Công Sơn nổi tiếng là nỗi buồn của con người: Đó là những bài mà người ta thường gọi là phản chiến tranh. Tôi cho đó là những bài về hiện tượng và hậu quả của chiến tranh vì trong các bài đó Trịnh Công Sơn nêu ra ảnh hưởng cực kỳ kinh khủng đối với tâm lý con người của cái nỗi buồn chiến tranh. Đồng thời Trịnh Công Sơn mô tả rõ những xung đột và mâu thuẫn của chiến tranh vì khi chiến tranh xảy ra ta không còn cách nào hạn chế nó lại. Nó sẽ tràn lan ra và có ảnh hưởng đối với đời sống của tất cả mọi người. Trong bài *Đại bác ru đêm*, lúc ban đầu chiến tranh vẫn xảy ra ở nơi rất xa:

*Đại bác đêm đêm dội về thành phố
 Người phu quét đường chửi đừng nghe
 Đại bác qua đây đánh thức mẹ đây
 Đại bác qua đây con thơ buồn tủi
 Nửa đêm sáng chói hỏa châu trên núi.*

Nhưng đến cuối bài chiến tranh không còn xa nữa. Chiến tranh đã đến đầu từng làng, tràn vào từng thành phố và tất cả mọi người phải đối mặt với nó, không còn đường nào thoát:

Hàng vạn tấn bom trút xuống đầu làng

*Hàng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng
Của nhà Việt Nam cháy đỏ cuối thôn
Hàng vạn chuyến xe, claymore lựu đạn
Hàng vạn chuyến xe mang vô thi thành
Từng vùng thịt xương có mẹ có em.*

Trong những bài vẽ chiến tranh, Trịnh Công Sơn hát nhiều về những người đã phải hy sinh, phải chết, nhưng anh còn đặc biệt hát về những người sống sót.

Trong bài *Cho một người nằm xuống* anh viết về cái đau khổ của một người con gái khi mất người yêu của mình trong chiến tranh, còn trong bài *Tình ca của người mất trí* anh miêu tả sự tuyệt vọng của một người con gái mà lần lượt mất hết những người yêu của mình trong những trận khốc liệt vô cùng ở trên cao nguyên và ở mỗi nơi tại Việt Nam dẫn đến việc cô ấy hoàn toàn mất trí:

*Tôi có người yêu, chết trận Pleime
Tôi có người yêu ở chiến khu Đ
Chết trận Đồng Xoài, chết ngoài Hà Nội
Chết với vàng dọc theo biên giới*

...

*Tôi muốn yêu anh yêu Việt Nam
Ngày mới lớn tại nghe quen đạn mìn
Thừa đôi tay du làn môi
Từ nay tôi quên hết tiếng người.*

Những bài về chiến tranh là cách thể hiện sự phản đối đối với chiến tranh của Trịnh Công Sơn, hoàn toàn không mang yếu tố ý thức hình thái. Trịnh Công Sơn không làm chính trị, đó không phải là mục đích hoặc ý muốn của anh. Như vậy anh lên án những kẻ đã gây ra chiến tranh bất công này cho dân tộc Việt Nam. Anh lên án nhưng không phải trực tiếp, không nêu ra ai cả, không bao giờ chỉ thẳng vào mặt ai, mà anh lên án rõ nét bằng những hình ảnh và nỗi đau khổ và viết ra

thành lời thành nhạc. Chính vì thế Trịnh Công Sơn đã trở thành biểu tượng của những người yêu nước, yêu hòa bình.

Nội dung một số bài của Trịnh Công Sơn có vẻ là anh muốn kêu gọi người ta đứng lên và chiến đấu như bài *Hãy sống giùm tôi* và *Nỗi vòng tay lớn*. Một số người hiểu nhầm rằng đó là những bài phản đối sự can thiệp của Mỹ ở Việt Nam. Nhưng trên thực tế Trịnh Công Sơn chỉ muốn kêu gọi người Việt Nam tha thứ cho nhau và đoàn kết lại để xây dựng lại một nước Việt Nam mới, thịnh vượng và hòa bình. Và chính vì điều đó, năm 1975 Trịnh Công Sơn đã ở lại Việt Nam.

Tính nhất thời của đời sống con người là đề tài lớn của những bài hát mang tính triết học và tôn giáo của Trịnh Công Sơn. Đối với Trịnh Công Sơn tính nhất thời này là một thực tế mà mọi người phải chấp nhận. Trong những bài hát đầy triết lý, Trịnh Công Sơn đã nêu rất rõ quan niệm về cuộc sống của mình. Nguồn gốc những quan niệm này vừa nằm trong Phật giáo vừa nằm trong chủ nghĩa hiện sinh. Theo đó con người ở trần gian này là cõi tạm thôi, coi như là “ở trọ”. Còn cái chết cũng không khó chịu lắm:

Một lần nằm mơ tôi thấy tôi qua đời
Dù thật lệ rơi lòng không buồn mấy...
 (Bên đời hiu quạnh)

Còn ở trong bài *Cát bụi*, anh đã hát:

Bao nhiêu năm làm kiếp con người
Chợt một chiều tóc trắng như vôi
Lá úa trên cao rụng đầy
Cho trăm năm vào chết một ngày

Trịnh Công Sơn không được tuổi thọ 100 năm, mặc dù anh rất muốn sống lâu vì anh đã yêu đời này thật thà như trẻ thơ:

Tôi yêu đời này bằng cả trái tim của tôi...
 (Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui)

Và trong bài *Tôi ơi đừng tuyệt vọng*, anh hát:

*Tôi là ai mà còn khi dấu lệ
 Tôi là ai mà còn trần gian thế
 Tôi là ai là ai là ai
 Mà yêu quá đời này.*

Mục đích của Trịnh Công Sơn là tất cả mọi người yêu nhau. Qua sáng tác của mình anh muốn làm sao người ta có thể sống được một cách dễ dàng và vui vẻ hơn. Điều nữa Trịnh Công Sơn đã muốn truyền đạt cho con người là không bao giờ làm chiến tranh nữa, sống với nhau trong hòa bình, công bằng và công lý. Dĩ nhiên, đạt mục đích này không dễ dàng tí nào. Điều này Trịnh Công Sơn cũng biết. Cho nên anh muốn nhiều người khi nghe nhạc anh cùng nhau thực hiện những gì cần thiết để đạt mục đích này. Trịnh Công Sơn đã sống vì bạn bè và vì tất cả mọi người còn hơn sống vì chính mình. Anh luôn muốn có mặt ở tất cả mọi nơi cùng một lúc. Và khi anh mới vừa đến một nơi thì anh lại nhớ một nơi khác:

*Nghe mưa nơi này lại nhớ mưa xa
 Mưa bay trong ta bay từng hạt nhỏ
 Trăm năm vô biên chưa từng hội ngộ
 Chẳng biết nơi nao là chốn quê nhà*
 (Một côi đi về)

Trịnh Công Sơn muốn chia sẻ tình yêu đối với cuộc sống này với những người bạn của mình cũng như với tất cả mọi người ở Việt Nam nói riêng và cả thế giới nói chung. Anh nổi tiếng vì tính cách thật thà, lương tâm, sự công bằng, nhân ái, con người mà anh đã thể hiện trong khi tiếp xúc với bất cứ ai. Anh cũng nổi tiếng vì di sản ca khúc đồ sộ anh để lại cho đời. Hai mặt này bằng nhau và bổ sung lẫn nhau. Khi anh hát lên

ở phần đầu bài *Vấn nhớ cuộc đời*: “Một ngày bỗng thấy yêu thương mọi người...” thì người nghe tin tưởng ngay chứ không hoài nghi gì cả. Trong bài về Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn viết ngày 2-4-2001, nhà văn Nguyễn Quang Sáng nói về người bạn mới mất của mình: “Một người bạn vì lẽ gì đó bỏ anh đi, sau đó anh vẫn hát về người bạn của anh rất tha thiết với tình yêu rất mênh mông”. Có gì anh không thích lắm, không muốn bàn bạc nữa vì có thể có khả năng gây phiền hà cho người ta thì anh chỉ nói một câu đơn giản “Thôi kệ” và bỏ qua.

Có lẽ ta phải nghe lại kỹ, một cách khách quan và vô thành kiến Trịnh Công Sơn, để có được một nhận xét và đánh giá mới và chuẩn hơn về tác phẩm và đời của anh. Tôi hy vọng như thế và tin tưởng rằng chính âm nhạc Trịnh Công Sơn có đủ sức thuyết phục những ai mà đến giờ chưa có niềm tin vào Trịnh Công Sơn. Lúc đó ai ai cũng sẽ nhìn thấy rằng Trịnh Công Sơn rất gần gũi và thân mật với mình, bất kỳ lúc nào khi ta đang buồn hay vui, đang yêu hay mới thất tình. Âm nhạc của anh sẽ xóa nhòa những vết thương nhỏ nhoi và làm nổi lên niềm vui và tình yêu, sẽ làm đẹp cuộc đời...

TP.Hồ Chí Minh, tháng 9-2010

(*) Tác giả là người Đức, tiến sĩ Triết học, viết trực tiếp bằng tiếng Việt.

NGUYỄN QUANG THIẾU

như đường chân trời

Cho đến năm 28 tuổi, tôi mới được nghe nhạc Trịnh Công Sơn một cách chính thức. Đó là năm 1985. Nghĩa là 10 năm sau khi cuộc chiến tranh kết thúc. Nhưng như thế lại tốt hơn nếu tôi nghe nhạc của ông ngay sau năm 1975 và khi tuổi còn quá trẻ.

Một buổi tối, trên tầng 18 của tòa nhà cư xá sinh viên Đại học Havana, một lưu học sinh Việt Nam mang đến cho tôi một băng cassette và nói “Sơn ca 7. Nghe chưa? “. Và đêm đó, tôi đã nghe đi nghe lại băng nhạc đó cho tới gần sáng.

Tại sao tôi lại nghe nhạc Trịnh Công Sơn muộn thế? Rất nhiều lý do. Nhưng bây giờ tôi cũng không cần nói lại những lý do đó nữa. Chỉ biết

tôi đã nghe hầu hết những ca khúc của Trịnh Công Sơn và tôi chọn ông là nhạc sĩ Việt Nam lớn nhất của tôi.

Có những nhạc sĩ Việt Nam tôi đã nghe ca khúc của họ trong những giai đoạn khác nhau của tuổi đời mình. Nhưng cho đến bây giờ, khi đã 50 tuổi, tôi thấy có lẽ không cần phải nghe lại nữa. Nhưng với Trịnh Công Sơn, tôi phải thừa nhận rằng: tôi có nhu cầu nghe ông có lẽ hết đời.

Điều gì đã làm cho những bài hát của ông sống mãi trong tôi? Tính phản chiến chăng? Không. Yếu tố này đối với tôi chỉ để biết một lần chứ nó không đóng vai trò gì tạo nên thế giới âm nhạc của ông cả. Ca từ đầy chất thơ chăng? Cũng không. Tôi đặt câu hỏi vậy vì lâu nay người ta hay nói và viết về ca từ trong các ca khúc của ông. Nhưng vì sao ca từ đầy chất thơ của ông như người ta nhận xét lại không phải là điều quyến rũ tôi? Vì đơn giản tôi là một nhà thơ. Bởi thế ca từ của ông rất đẹp nhưng chỉ vậy thôi thì chưa đủ quyền lực đối với tôi. Vậy là cái gì? Đó chính là giai điệu.

Âm nhạc là giai điệu. Không có gì khác nó có thể tạo nên quyền lực của một tác phẩm âm nhạc. Tôi không còn cách gọi nào khác đối với Trịnh Công Sơn ngoài danh từ thiên tài. Ông đã tạo nên những giai điệu kỳ diệu. Tất nhiên, dù không coi ca từ của Trịnh Công Sơn là một quyền lực thì tôi vẫn phải nói rằng, ca từ của ông đã thuộc về những giai điệu kỳ diệu ấy. Nó tôn vinh giai điệu.

Giai điệu ấy đã lan tỏa và đánh thức những miền thẳm sâu trong tâm hồn con người. Tôi đã nghe những ca khúc của ông biết bao lần trong hơn 20 năm qua. Nhưng cho tới bây giờ, tôi cũng không thuộc trọn vẹn bất cứ ca khúc nào của ông. Tôi không để ý đến việc nhập tâm ca từ của những bài hát đó. Tôi nghe ông trong một trạng thái giống như người ta nghe thấy những tiếng gì đó trong giấc mơ.

Âm nhạc của ông đã dựng lên những vẻ đẹp và nỗi buồn của kiếp người. Âm nhạc của ông đẩy người nghe đi xa mãi, xa mãi trong thế

giới nội tâm của chính họ. Đối với những ca khúc của nhiều nhạc sỹ danh tiếng Việt Nam, tôi luôn hình dung được nơi chốn dừng lại của cảm xúc. Nhưng ca khúc của Trịnh Công Sơn mở cảm xúc ra bất tận với nhiều vẻ đẹp lạ lùng. Và cuối cùng, tôi phát hiện cho riêng tôi là: Âm nhạc Trịnh Công Sơn giống như đường chân trời. Chúng ta nhìn thấy đấy nhưng chúng ta không khu hạn được.

Khoảng mười năm trở lại đây, tôi không còn nghe nhạc Trịnh Công Sơn như trước kia nữa. Nghĩa là, tôi không ngồi xuống, mở máy nghe nhạc ra, đặt một CD vào và nghe. Bây giờ, tôi nghe ông bằng ký ức và cảm xúc của tôi. Tôi tràn ngập những giai điệu của ông khi ngồi một mình ở một chốn xa xôi, khi đi qua một buổi chiều, khi nhìn một cơn mưa ngoài cửa sổ, khi ly biệt một ai đó, khi bay trong một vùng trời, khi men theo một hè phố lát gạch, khi nhìn thấy tháp chuông một thánh đường, khi uống cà phê trong im lặng với một người bạn...

Đấy chính là ma lực và sự kỳ diệu trong những giai điệu của ca khúc Trịnh Công Sơn. Tôi đã rất cẩn trọng theo dõi những biến động trong tâm hồn tôi khi nghe nhạc Trịnh Công Sơn ở những khoảnh khắc đó. Để cuối cùng tôi tự tin đặt bút viết rằng: ông là người được chọn lựa để dựng lên thế giới tâm hồn người Việt trong âm nhạc hiện đại.

B À O N I N H

lần đầu và mãi mãi

Chỉ trừ cái chết của chính bản thân mình còn thì mọi sự trong đời người ta đều có lần đầu tiên. Mặt biển lần đầu tiên mở ra trước mắt. Dòng sông, đồng ruộng lần đầu tiên được thấy. Ngày đầu tiên tựu trường. Chén rượu đầu tiên, liều thuốc lá đầu tiên. Loạt đạn đầu tiên... Nhưng mà nhiều người không nhớ nổi những sự thoát tiên đó, hoặc chỉ nhớ lảng máng. Có tay thậm chí quên cả người đàn bà đầu tiên, quên cả cảm giác của lần đầu tiên gần gũi. Tôi thì ngược lại. Trí nhớ chẳng hơn ai, chuyện mới hôm qua, có khi chỉ vừa cách vài tiếng đã bị xóa trắng, vậy mà lại lưu giữ rất đậm trong ký ức những sự kiện và những ấn tượng tự bao giờ bao giờ xa tít mù tắp ở phía đầu đời.

Tôi nhớ chính xác ngày tháng, địa điểm của lần đầu tiên nghe thấy âm vang lên tiếng hát một bài ca Trịnh Công Sơn. Ấy là buổi rạng mai ngày

25 tháng 10 năm 1972. Ở đầu thôn 2 làng Diên Bình thuộc huyện 80 Kon Tum, bên bờ Nam sông Đăk Psi. Chiều ngày hôm trước đó tiểu đoàn chúng tôi từ vùng chiến Võ Định theo đường 14 lui về làng Diên Bình vừa được giải phóng hồi tháng 4 trong chiến dịch Đăk Tô - Tân Cảnh. Các trung đội rải ra bên bờ sông nghỉ ngơi dưỡng quân chuẩn bị bước vào chiến dịch mùa khô tấn công thị xã Kon Tum.

Tiếng hát cất lên từ mạn nhà thờ thôn 1 Diên Bình bên bờ Bắc.

"Tôi vui chơi giữa đời, ôi a biết đâu nguồn cội..."

Tôi xin làm quán đời, buồn chân em ghé chơi"

Cả trung đội chúng tôi rời khỏi võng, lặng người lắng nghe. Khi đó là giờ của rừng đông yên tĩnh với ngôi sao mai miên thảo nguyên to lạ lung tỏa ánh biếc trên tầng không quang mây đang tầng sáng. Vào giờ đó đại bác của cả đôi bên đều đang ngái ngủ. Mặt trời chưa mọc nhưng trên đồng cỏ bóng tối và sương mù đang nhẹ tách khỏi nhau, đang tan.

Mặt sông bốc hơi nghi ngút. Gió sang sông mang theo tiếng hát. Giai điệu của bài ca như đục khê vào trái tim tôi. Trong trẻo và sáng rõ như được tắm gội trong khí mát ban mai, nhưng càng lan xa bài ca càng ngấm sâu và rung ngân lên nỗi buồn, một nỗi buồn vơi vợi và vô bờ. Đường như tiếng hát ấy chính là tiếng lòng của miền cao nguyên. Cao nguyên tự do, mệnh mỏng vô tận, chạy hút về phương trời xa, không biết đến các tuyến tiền duyên, không màng gì tới trận mạc, bom pháo, giết chóc.

Tôi vui chơi giữa đời..."

Cùng với ngày mới tiếng hát lan rộng ra, vừa sâu trầm vừa vút cao, tự thoát đi trở thành âm thanh vô chủ, ngân lên hoang dã trở thành khúc du ca của đất trời.

Vào lúc đó, lần đầu tiên ấy, tôi cũng như anh em trong đơn vị không

biết bài hát tên gì và của ai. Dĩ nhiên không phải bài hát của “quân ta”. Nhưng cũng hoàn toàn không phải của “quân địch”, loại ca nhạc nào nùng ướt rượt vẫn thường nghe phát ra từ loa tâm lý chiến gắn trên máy bay L19.

Còn người hát thì chúng tôi biết tuy chưa thấy mặt chỉ nghe đồn thổi. Đây là một cô gái tên Diệu, mà nhiều người còn gọi là Diệu Nương. Người ta đồn rằng Diệu vốn là ca sĩ của một ban nhạc Sài Gòn. Ban nhạc của cô theo trục thăng lên biểu diễn phục vụ một tuần cho binh sĩ Trung đoàn 42 đồn trú tại căn cứ Tân Cảnh. Suốt diễn cuối cùng rồi thay lại trùng với giờ N mở màn Mùa hè Đỏ lửa. Xe tăng và bộ binh quân Giải phóng tràn ngập căn cứ, tuyến phòng thủ vỡ, ban nhạc tan tác. Diệu theo dòng người di tản chạy về thị xã. Nhưng tới Đắk Hinh thì cùng đường, bị bom đạn đẩy lùi về Diên Bình. Từ đấy Diệu cùng với tất cả mọi người đi vào cuộc đời, trở thành “đồng bào vùng mới giải phóng”. Cũng như mọi người, cô ca sĩ một thời ngày lại ngày đồ mồ hôi trên nường sấn rẩy lửa tăng giả sản xuất tự túc nuôi thân.

Đời sống kham khổ, cày cuốc cực nhọc, nhưng vào những ban mai, bàn nâng xướng ca - người ta bảo thế - lại thúc bách Diệu cất tiếng hát. Giọng ca tuyệt vời song chẳng thốt như cơn gió đại lướt xiên qua các trâm cỏ tranh trong ánh nhá nhem buồn thảm của mỗi ngày. Người ta luận rằng trong lời ca của Diệu Nương đau thắt nỗi nhớ quê nhà, nhớ đời nghệ sĩ, nhớ sàn diễn, nhớ khán giả, sắc đẹp và tuổi thanh xuân đã khuất chìm nơi xa lắt xa lơ ở bờ bên kia không thể vượt qua được của chiến tranh. Chẳng hiểu là có đúng thế không? Tôi chẳng biết.

“...trăng ơi mây quá tẻ...”.

Thật ra, ngày đó lời của bài hát ấy tôi không nhớ. Nhưng mà giai điệu và giọng ca thì mãi không quên, chỉ cần nhắm mắt lại là nghe văng vẳng trong tâm trí. Ngày đó là 25 tháng 10 năm 1972.

Mãi tới gần ba năm sau tôi mới lần đầu nghe nói tới tên tuổi nhạc sĩ

Trịnh Công Sơn. Ấy là ngày đầu tháng 4 năm 1975, buổi chiều tiến quân vào Nha Trang. Dân chúng, nhất là thanh niên, đổ ra lộ đón bộ đội đều cùng nhau hát vang một bài ca. Một bài ca rất lạ. Vang dội, song không phải hành khúc. Có vẻ như hùng tráng, nhưng không hẳn, lời và giai điệu khiến người ta xúc động, mừng vui ngây ngất song tôi nghe thấy có cả mệnh mang một nỗi buồn. Bài gì vậy? - Dạ thưa, *Nỗi vòng tay lớn*. Của nhạc sĩ nào? - Dạ, Trịnh Công Sơn!

Chiều và tối 30 tháng Tư năm 1975 ấy ở Sài Gòn tôi lại nghe vang dội *Nỗi vòng tay lớn*. Bài hát đó của Trịnh Công Sơn được phát cả trên đài phát thanh, đài truyền hình và loa phóng thanh phường xóm. Nhưng chỉ bài đó. Vì vậy, là kẻ không sành ca nhạc, mãi tới sau Đổi mới 1987 tôi mới biết Diệu Nương ngày ấy bên sông Đak Psi đã cất cao giọng hát lên cho chúng tôi được nghe giữa đất trời cao nguyên thời lửa đạn chiến tranh tàn bạo một bài ca say đắm nỗi buồn thương và tình yêu cuộc sống của Trịnh Công Sơn.

Tôi chỉ được gặp ông duy nhất một lần năm 1992. Rất muốn kể câu chuyện Diệu Nương, tôi tin là ông sẽ thích đồng thời cũng cả thăm hy vọng rằng ông từng nghe nói về cô và có thể biết đâu chừng ông biết được gì đó về số phận của cô những năm sau chiến tranh. Nhưng đây là tại bữa cơm khách khá đông người nên tôi đã chẳng có cơ hội chuyện riêng được với ông. Trong lòng cứ tiếc mãi.

NGUYỄN VIỆT HÀ

bao giờ sỏi đá phôi pha

Thường những gì đầu tiên đều bâng lảng rất khó quên và hoang mang khó quên nhất là những nỗi nhớ của một vài tình yêu đầu. Những mối tình đầu ấy không cứ phải là một thiếu nữ. Hoặc chỉ là rưng rưng một trang sách nguệch ngoạc bên lề mấy chữ tỏ tình. Hoặc là nỗi hồi hộp trong trắng vô cơ trước một chuyến đầu tiên đi xa. Đôi khi, nó giản dị là nham nhở một vết cắt mù mờ ký ức, nhưng nó rờn rợn miên viễn ám ảnh rồi tái tạo bao nhiêu là thời gian đã mất. Một nhà văn bạn thân vong niên, người đời ấm với tôi qua nhiều ngày rỗng tuếch đã hơn một lần kể, ông không làm sao nhớ nổi được truyện ngắn đầu tiên của mình mà loay hoay chỉ nhớ về cốc rượu đầu tiên. Còn tôi, đương nhiên tôi nhớ được nụ hôn đầu, tôi không thể quên nỗi tuyệt vọng đầu và tôi luôn ghen ngào nhớ lần đầu nghe nhạc Trịnh.

Phố nhỏ nơi tôi ở của cái thời xa vắng ấy là một phố Công giáo thuần thành. Phố buồn bã hơi trầm, dịu dàng nằm sát Nhà thờ Lớn Hà Nội. Chênh chênh bên kia vỉa hè nhà tôi có một nhạc sĩ già, ông là người chơi đại phong cầm duy nhất của ca đoàn giáo xứ. Ông nhạc sĩ là kiểu ẩn sĩ tình hoa nhiều kỹ tính của Hà Nội cũ phố cổ. Giống như cái đại phong cầm độc đáo kia đang âm thầm bị mối ăn, ông mòn lạng thanh bạch sống với nhạc. Hình như ông ít sáng tác, có lẽ hỏi đồ người ta quen hát hùng ca tráng ca chứ ít ai chịu hát thánh ca. Ông ham chơi cờ và trong mênh mông cô đơn ông đánh chơi với tôi, một thằng nhóc vừa xong trung học, có thói quen của thời đại, chẳng biết chia sẻ và hứng hực hiếu thắng. Cái buổi chiều la lũng ấy, như nhiều lần tôi sang nhà ông chơi và đang sắp sửa chuẩn bị chiếu bí thì bưu điện gửi đến một bưu phẩm nhỏ. Ông nhạc sĩ già chắc biết trước, run run lấy dao rọc gói giấy xi măng màu vàng nhếch nhác, phía trong là một đĩa nhạc vuông “bốn nhăm” bia in chân dung hơi nhòe một thanh niên có cái nhìn đeo kính mỗi một của một trung niên. Ông nhạc sĩ già lưỡng lự đưa mắt sang tôi, rồi như không dùng được, ông để đĩa lên cái máy quay sòn cũ sạch sẽ. Ông im lặng thành kính mông lung, phía tường đối diện là cây thánh giá Đức Chúa Giê Su chịu nạn. “Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ. Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao”. Tôi hoang mang ngồi cạnh ván cờ đang dở, người như tan theo cái giọng ca day dứt một huyền mị. Đó là “Sơn ca 7”, đó là Khánh Ly, đó là “Diễm xưa”. Và những nhức bao trùm hơn hết, đó là Trịnh Công Sơn. Tôi nhìn ông nhạc sĩ long lanh sương lệ, rồi tôi nhìn tôi, lần đầu tiên tôi biết thế nào là “ước mi”.

Những ván cờ tiếp theo ở “những buổi chiều không biết cất vào đâu” (thơ Thi Hoàng) tôi hạnh phúc được nghe “Hạ trắng” nghe “Hát cho một người nằm xuống” nghe những nổi bâng khuâng chập chờn khắc khoải mà thế hệ mới lớn miền Bắc của tôi chưa từng thấy có. Vào đại học, vì tin ở nhạc Trịnh Công Sơn, tôi đi tìm Bùi Giáng, Nguyễn Sa, Phạm Công Thiện, Dương Nghiễm Mậu, những kiểu cách hi nộ ái ố chẳng biết có là dở hay đúng sai, nhưng chắc chắn là tuyệt khác, tuyệt độc đáo. Và cũng từ nhạc Trịnh, tôi lảng lảng cay đắng thấy “Tuổi đá buồn” bởi tôi cũng đã yêu. Lạy Chúa, khi nàng bỏ “tôi bơ vơ giữa đời”

để đi khát khao tìm danh tìm lợi thì thay bằng hẳn học chưa chất, tôi tự lằm nhảm “Em còn nhớ hay em đã quên”. Ca khúc của Trịnh Công Sơn đã đạt tới chiều kích an ủi của những tôn giáo lớn.

Ngày người nhạc sĩ già mất, tôi không biết. Những năm tháng ấy tôi lang thang đi mưu sinh. Căn nhà cũ của ông nhạc sĩ, những người thân đã bán cho một gã tâm thường để làm thành một quán cà phê. Tôi đã từng ngồi ở đấy, cố dùng bài hoài nghe nốt “Như cánh vạc bay” và “Tôi ơi đừng tuyệt vọng” được các diva thời thượng ôn ào gào thét. Rồi tôi đi như trôi về phía khuôn viên có hang đá Đức Mẹ. “Ồi đường phố dài, lời ru miệt mài; còn ai, còn ai”. Giống như không biết bao nhiêu lần buồn nản, tôi níu kéo Trịnh Công Sơn cùng vào thánh đường, cầu nguyện cho những kỷ niệm thôi bớt phôi pha.

Lúc ấy, chiều Hà Nội hình như có mưa bay trên tháp chuông Nhà thờ Lớn.

B Í C H H A N H

trịnh công sơn với cảm thức cỏ cây

Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ đặc biệt nhạy cảm trước những thay đổi tế vi của thiên nhiên. Bằng con mắt biếc xanh, yêu tha thiết cõi nhân gian, ông luôn mở hồn mình ra để lắng nghe tiếng đời, quan sát những nhịp đi chuyển hối hả của sự sống đang vọng dội quanh mình để chiêm ngấm về con người, về cuộc đời và thể hiện những trải nghiệm, trần trở nhân sinh.

Trong ca từ nhạc Trịnh, cảm thức cỏ cây chiếm một mảng lớn trong tư duy ngôn ngữ của ông. Trong đó, dấu ấn cây cỏ được thể hiện rất cụ thể qua mô hình ẩn dụ cấu trúc “*Con người là cây cỏ*”, mà khi được soi chiếu dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận ta sẽ nhận thấy các cơ chế ánh xạ, tương tác giữa hai miền không gian “con người” và “cây cỏ”⁽¹⁾.

Nghiên cứu mô hình ẩn dụ “*Con người là cây cỏ*” trong ca từ nhạc Trịnh là nghiên cứu một cơ chế quan trọng để nhận ra nhạc sĩ đã nhận thức thế giới con người trên cơ sở khoa học như thế nào. Mô hình ẩn dụ này biểu hiện cách tri nhận của Trịnh Công Sơn về con người dựa trên ý niệm về các loài cây cỏ. Cơ chế của ý niệm này gồm miền NGUỒN là “*cây cỏ*”, ánh xạ lên miền ĐÍCH là “*con người*”. Các thuộc tính và tri thức về “*cây cỏ*” được ánh xạ, sao phỏng cho “*con người*”, và một số đặc trưng của “*con người*” được gán ghép lên “*cây cỏ*”. Cả hai miền “*cây cỏ*” và “*con người*” trong ca từ nhạc Trịnh đều thuần túy là những ý niệm, được cấu trúc hóa theo mô hình trung tâm - ngoại vi.

Từ ẩn dụ “*Con người là cây cỏ*” cho phép hiểu rằng ý niệm NGUỒN “*cây cỏ*” có thể có những nét thuộc tính như: *nụ, đóa, cánh, hoa, xanh, tươi, héo, mọc, rụng, tàn, úa, phai, già, cỗi, thơm, tươi, trở, nhánh, đốt, mọc rễ, cành, đơm, nở, khép, muốt, gãy, mầm, cây, thớ, vân, gân, tỏa, vươn, hồng, vàng, đỏ,...* rồi đem gán cho chúng ý niệm ĐÍCH là “*con người*”. Do đó ý niệm “*con người*” cũng có được những nét thuộc tính của “*tri thức*” mới ấy.

Khi ánh xạ các thuộc tính của miền NGUỒN (*cây cỏ*) lên miền ĐÍCH (*con người*), miền ĐÍCH (*con người*) chỉ thấu nhận một bộ phận chứ không phải toàn bộ những thuộc tính vốn có của ý niệm NGUỒN. Trong ẩn dụ “*Con người là cây cỏ*”, chỉ một số nét thuộc tính của “*cây cỏ*” được gán ghép cho “*con người*”. Ngoài những nét thuộc tính này ra, nhiều thuộc tính khác của “*cây cỏ*” không tham gia vào việc cấu trúc hóa ý niệm “*con người*”, chẳng hạn: *diệp lục, quang hợp, sâu đục thân, rễ sần, rễ cọc, rễ chùm, lông hút, hạt, vỏ, răng cưa, xẻ thùy, cành, nhánh, đẽ nhánh,...* tính bộ phận này đã khiến cho hai không gian (miền) NGUỒN và ĐÍCH không đồng nhất tuyệt đối mà chỉ là đồng nhất bộ phận mà thôi.

Đối với các mô hình tri nhận, ít khi ta nhận ra chúng là ẩn dụ, nhưng khi nghiên cứu các cơ sở của chúng trong mối quan hệ với kinh nghiệm của con người (kinh nghiệm vật lý, kinh nghiệm văn hóa, tâm linh, tôn giáo...) thì sẽ thấy rõ các cơ chế tri nhận của chúng. Việc sử dụng những ý niệm “*Con người là cây cỏ*” trong ca từ Trịnh Công Sơn hoàn toàn

mang tính vô thức, được sử dụng theo những lược đồ hình ảnh nhất định. Trong đó có sự tương hòa giữa những đặc trưng mang tính phổ quát toàn nhân loại (hạt nhân) với những yếu tố mang tính “ngoại vi” là những yếu tố ngôn ngữ, văn hóa riêng biệt của nền văn hóa Việt, thuộc tâm thức văn hóa dân tộc mang tính chất đặc thù.

Trong tâm thức văn hóa của nhiều dân tộc trên thế giới, cây cỏ có một vị trí đặc biệt quan trọng, và có ý nghĩa thần thánh, linh thiêng. Trong hệ biểu tượng văn hóa thế giới, “Cây” là một trong những đề tài biểu tượng phong phú và phổ biến nhất, được tập hợp xung quanh ý niệm về Vũ trụ sống trong sự tái sinh liên tục. Cây là *“hình ảnh biểu trưng về một bản thể vượt lên trên nó”*⁽²⁾, vì vậy cây trở thành đối tượng của sự thờ bái. Cây gắn với sự sống trong diễn trình tiến hóa liên tục nên nó cũng biểu trưng cho sự tuần hoàn, biến hóa của vũ trụ, thể hiện sự chết và sự tái sinh. Theo Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, cây làm giao tiếp ba cấp bậc của vũ trụ: dưới đất, nơi rễ của nó cắm sâu và giấu mình; mặt đất, nơi thân cây với những cành đầu tiên mọc ra; không gian trên cao, nơi những cành bên trên và ngọn cây hút ánh trời. Cây liên lạc thế giới âm ty với thiên gian⁽³⁾. Cây được xem như một biểu tượng về những quan hệ đã thiết lập giữa đất và trời. Vì thế, “*Cây thế giới*” đồng nghĩa với “*Trục thế giới*”. Trong tín ngưỡng của nhiều dân tộc trên thế giới, “*Cây vũ trụ*” được hình dung rất kỳ vĩ: cây sồi của người Celtes, cây gia của người Đức cổ, cây tần bì của người Scandinavie, cây Ôliu của người phương Đông Hồi giáo, cây bạch dương của người Xibia, cây Kien - Mou của người Trung Quốc,...đều là các loài cây có kích thước và tuổi thọ xuất chúng. Các thần linh và linh hồn đều lên xuống theo con đường nối đất với trời của *Cây vũ trụ ấy*⁽⁴⁾. *Cây Triết học* ở Anh thì được miêu tả là cây có nhiều cành, mọc ra từ cơ thể người.

Trong Phật giáo phương Đông, truyền thuyết về sự ra đời của Đức Cô Đàm gắn liền với truyền thuyết về Người Cây, sinh ra từ Nữ Thần Đất. Cây Bồ Đề (Bodhi) mà sau bảy tuần ngồi hành thiền và điều phục các căn dưới nó, Đức Phật đã đạt được giác ngộ cũng là Cây thế giới, Cây đời. Trong tranh tượng Phật giáo nguyên thủy, nó biểu trưng cho chính

Đức Phật: Rễ của nó là Brahmá (Thần sáng tạo), thân nó là Civa (Thần hủy diệt), cành nó là Vishnu (Thần bảo hộ) trong Ấn Độ giáo và Bà La Môn giáo.

Nhà bác học Cleve Backster (Mỹ) đã chứng minh được thảo mộc có trực giác tâm linh, cây cỏ có khả năng nhận thức được ý định của con người. Cây cũng có trí nhớ và tình cảm, nhận biết được kẻ chuyên phá hoại hoặc những người hay chăm sóc chúng. Giữa cây cỏ với tâm trí con người có những tương tác tâm linh rất tích cực.

Trong tâm thức văn hóa Việt Nam, cây cỏ có một vị trí đặc biệt. Dân gian vẫn luôn tôn tại thuyết “*Vạn vật hữu linh*”, nên tín ngưỡng thờ cúng thần rừng, thần cây xuất hiện ở nhiều địa phương. Theo kinh nghiệm của ông cha ta thì cây lớn có Thần lớn, cây nhỏ có Thần nhỏ. Dân gian cũng lưu truyền câu “*Nhất phá sơn lâm, nhì thâm hà bá*” để nhắc nhở con người phải tôn trọng thiên nhiên, đặc biệt là các loài thảo mộc.

Nền văn minh Việt Nam là văn minh lúa nước, cộng thêm ảnh hưởng của tôn giáo (đạo Phật) thấm sâu vào nếp sống của cộng đồng người Việt, tạo nên một nền văn hóa nhân hậu, phóng khoáng, hữu tình với cỏ cây.

Vì niềm yêu mến và sùng kính thiên nhiên, nên cây cỏ có mối liên hệ gắn bó chặt chẽ với tâm thức văn hóa bản địa Việt Nam. Một cách vô thức, từ lâu, việc tri nhận các yếu tố, bộ phận liên quan đến cỏ cây đã thấm sâu vào ý thức sử dụng ngôn ngữ hàng ngày của con người mà có thể chúng ta không dễ gì nhận ra. Trong các biểu thức ngôn ngữ sử dụng trong sinh hoạt hay trong văn chương nghệ thuật, những mô hình ẩn dụ cấu trúc như “*Con người là cỏ cây*” (hay “*Cỏ cây là con người*”) với kiểu tư duy hai không gian miền NGUỒN, ĐÍCH đã xuất hiện rất phổ biến (trong trường hợp thứ hai, tu từ học gọi là thủ pháp nhân hóa).

Dễ nhận thấy, giữa cây và con người có những nét tương đồng nhất định về chu kì vòng đời. Cây và người đều tuân theo quy luật của tạo hóa: tạo sinh, tạo diệt. Vòng đời của một cái cây được bắt đầu từ khi hạt

mầm được gieo xuống, nảy chồi, vươn lên mặt đất rồi bám rễ, và trải qua các giai đoạn lớn lên, úa tàn, chết. Vòng đời của cây cũng thường được tính một cách ước lệ theo bốn mùa: Xuân - sinh; Hạ - trưởng; Thu - thu; Đông - tàn. Cũng giống như chu kì vòng đời người: nảy mầm (thoát thai từ bụng mẹ); lớn lên (thanh xuân); già cỗi (héo úa); trở về cõi chết (tàn phai). Trong ca từ Trịnh Công Sơn, cảm thức về con người luôn gắn bó với cảm thức cỏ cây, đặc biệt là giai đoạn đẹp nhất của đời cây với những “nụ”, “mầm”, “đóa”, “nở”, “trở bông”... và được ông tri nhận gắn với con người, ngay cả khi ngập tràn trong hân hoan hạnh phúc lẫn khi quặn quai trong những nỗi khổ đau nhân thế.

Thời Trịnh Công Sơn sống, chiến tranh với những khốc liệt của nó in hằn lên đôi vai dân tộc, mà những hình ảnh của cuộc sống trong khói thuốc súng chỉ thấy những “điều tàn” của đất nước và những thân phận nô vong. Nhưng cái nhìn của Trịnh về cuộc đời và con người lại luôn luôn hướng về phía ánh sáng, tương lai, với niềm hi vọng hồi sinh của những *chồi, búp, nụ đời*, vì vậy trong nhạc phẩm của ông xuất hiện rất nhiều những lời ca mà ý niệm về con người tương đồng với ý niệm về cỏ cây:

Mượn phù sa đắp lên điều tàn
 Lòng *nhân ái* lên *nụ hồng*
 (Dựng lại người, dựng lại nhà)

Đợi máu anh em chớm *những nụ hồng*
 (Đợi có một ngày)

Những *giọt máu* đến ngày *trở bông*
 Nở hòa bình cho đêm vắng xôn xao tiếng cười
 Nở trên tay chị *xuân xanh* ngời
 Nở trong tim mẹ *đồng lúa* mới *vườn cải* tươi
 Nở ra yêu thương làm mát *nụ cười*.
 (Những giọt máu trở bông)

Từ trên trang giấy thơm này

Nở những giấc mơ đời vui

(Đời sống không già vì có chúng em)

Rõ ràng những ý niệm về cây cỏ được cấu tạo, xây dựng, cấu trúc hóa thành ý niệm về con người theo quy luật ánh xạ. Một cái cây khỏe mạnh, xanh tốt sẽ cho đời những nụ hoa đẹp, mập mạp, khỏe khoắn; con người với cái tâm trong sáng, thánh thiện sẽ tặng cho đời những sản phẩm tinh thần đẹp đẽ (nụ hồng nhân ái), chia sẻ với những kiếp nhân sinh khổ đau. Trịnh nhìn con người giống như cái cây, dòng máu lưu thông trong huyết quản chính là nhựa cây, nuôi cho cây (người) ra “nụ”, rồi “trở bông”. Cây cỏ trở bông tô điểm cho cuộc sống thiên nhiên thêm hương sắc; *giọt máu trở bông* cho cây đời “nở” ra hòa bình và tình yêu thương nhân loại, “nở” những giấc mơ đời vui.

Từ cách tri nhận *Con người là cây cỏ*, nhạc sĩ đã tri nhận tất cả những gì thuộc về cuộc sống con người, đặc biệt là về phương diện tinh thần cũng như cỏ cây, theo quy luật sinh, diệt, nở, tàn. *Hòa bình* được dân tộc Việt Nam vun đắp, ươm mầm như cỏ cây, để nó “nở” ra tươi tốt từ những mảnh đời khốn khó lâm than: *Từ đồng ruộng hạt lúa nuôi dân ta/ Mầm hòa bình nở trên đời dân khốn khó* (Dân ta vẫn sống); bốn mùa trời đất biến đổi theo quy luật vô thường, nhưng đời cây thì theo vòng tuần hoàn, chết lại tái sinh nên vẫn luôn xanh mãi, vẫn trở hoa và nảy những “nụ mầm mới”, và con người giữa vòng tuần hoàn ấy cũng giống như cây, cái tinh túy nhất của con người (“nụ cười”) sẽ trở thành cái thường hằng, bất biến với thời gian:

Bên trời xanh mãi, những nụ mầm mới

Để lại trong cõi thiên thu hình dáng nụ cười

(Bốn mùa thay lá)

Cuộc đời người thiếu nữ cũng được nhìn như cái cây đang ở độ xanh tốt nhất, kết đọng hương sắc lên đài nhụy:

Ru em đầu cơn gió

Em hong tóc bên hồ
 Khi sen hồng mới nở
 Nụ đời ôi thơm quá
 (Ru tình)

Trịnh Công Sơn luôn tha thiết kêu gọi con người hãy xích lại bên nhau, dành cho nhau tình yêu và tình người nồng thắm, tình người ấy được tri nhận và biểu trưng bằng hình ảnh *nụ hoa*, *cành hoa* rất đẹp:

Em cứ yêu con người ngọt ngào đời vẫn thế
 Em hãy dâng cho đời một *nụ hoa tình cờ*
 (Hoa xuân ca)

Một lần em đã đến hàn hoan ôi cuộc đời
Nụ tâm xuân hãy ấm
 Đông sang khoác vai tôi (...)
Tuổi mười sáu xanh cho mọi người
 (Môi hồng đào)

Tay em kết nụ
 Nuôi trọn một đời, nuôi một đời người, mùa xuân vừa đến
 (Ru em từng ngón xuân nồng)

Bao buồn xưa sẽ quên
 Hãy yêu khi đời mang đến
Một cành hoa giữa tâm hồn
 (Đời gọi em biết bao lần).

Trịnh Công Sơn là người theo đạo Phật, và ông từng có một thời gian quy y ở chùa Hiếu Quang với pháp danh Nguyên Thọ, ông bị ảnh hưởng của giáo lý nhà Phật với những triết lý về đời người hữu hạn. Thân phận con người chìm đắm trong bể khổ chúng sinh được ông chiêm ngẫm qua những câu kinh kệ, trong một không gian sống cổ kính với những tòa tháp rêu phong của lăng tẩm Huế. Cái đẹp của

người con gái trong tình yêu luôn được thăng hoa trong cảm xúc của ông ở một miền siêu thực. Đặc biệt, vẻ đẹp đầy chất thiên của bông hoa sen luôn được ông tri nhận và liên tưởng trong cái nhìn so sánh với vẻ đẹp của người tình: *Ru em hải nhung gấm, ru em gót sen hồng* (Ru tình). *Em* tương đồng với *đóa hoa sen* trở thành cái đẹp từ bi nhất, tinh khôi nhất, thánh thiện nhất:

Sen hồng một nụ
Em ngồi một thuở
 Một thuở yêu nhau (...)
Sen hồng một độ
Em hồng một thuở xuân xanh
Sen buồn một mình
Em buồn đèn trợn môi tình (...)
Từ đó hoa là em
Một sớm kia rất hồng
Nở hết trong hoàng hôn
Đợi gió vô thương lên (...)
Từ đó ta là đêm
Nở đóa hoa vô thường
 (Đóa hoa vô thường).

Ở ca khúc trên, có sự đồng nhất giữa *sen* và *em*: *em* là *nụ*, *em* là *hoa*, “thì” của *hoa* cũng chính là *thì* (tuổi *xuân*) của *em*. Những đặc trưng của *sen* đều xuất hiện ở *em*: màu sắc (*hồng*), trạng thái (*nở*). Vì vậy, khi tìm *em* nhưng thực chất là đi tìm vẻ đẹp của “*một cảnh hoa khô*”, vì *em* là *đóa hoa* nên mới có “*bờ môi thơm*”, mới tỏa hương “*ngát hương trầm*”: *Tìm em tôi tìm/ Minh hạc xương mai/ Tìm trên non ngàn/ Một cảnh hoa khô (...)* *Một bờ môi thơm/ ...Em ngồi bốn bề/ Thơm ngát hương trầm* (Hoa vàng mấy độ).

Cũng có khi, Trịnh Công Sơn nhìn nhận con người như một cái cây, mà mái tóc chính là thảm là có hương thơm nồng nàn tỏa xuống ướp hương cho bờ vai thon: *Ôi tóc trầm ướp vai thơm/ Em là phần thơm cho rừng chút*

huơng (Cho đời chút ơn). Vì con người là cây cỏ, nên đời đời của em cũng được hình dung như đóa hồng hé mở với những lớp cánh nhung nhọt lụa là: *Mỗi em cho ta một cánh hồng/ Lụa là phút ấy chưa quên* (Quỳnh hương).

Ngay cả khi nói về cái chết, những nỗi cô đơn, dự cảm tàn phai của kiếp người cũng được nhạc sĩ tri nhận qua hình ảnh cỏ cây. Cuộc đời con người được tri nhận như sự sống của một đóa hoa. Cái chết của con người được nhìn nhận như sự lìa cành của một kiếp hoa, mà hình ảnh “*một đóa thơm tho*” chìm khuất dưới lớp cát bụi khiến người nghe hoài cảm, day dứt: *Chìm dưới đất kia một người sống thiên thu/ (...) Chìm dưới sương thu là một đóa thơm tho* (Chìm dưới cơn mưa).

Tri nhận “*Con người là cây cỏ*”, Trịnh Công Sơn nhận thấy trong quá trình đời sống, những giai đoạn mang tính bước ngoặt của con người cũng được đánh dấu như giai đoạn sinh trưởng của cây (*trở nhánh, mọc cành*). Sự sinh ra (chào đời) hay sự chết đi của con người cũng được tuân thủ như đời cây (*mọc*):

Trên đời người *trở nhánh hoang vu*
 Trên ngày đi *mọc cành lá mù*
 Những tìm đời *đập lời hoang phế*
 Dưới mặt trời *ngồi hát hôn mê*
 Dưới vòng nôi *mọc từng năm mộ*
 Dưới chân người *cỏ xót xa đưa*
 (Cỏ xót xa đưa)

Hình dung “*Con người là cây cỏ*”, Trịnh Công Sơn đặc biệt chú ý đến màu sắc của cây lá để gán ghép một số thuộc tính ấy cho con người. Những màu xanh của lá cây luôn được gán cho các bộ phận trên cơ thể con người mà bằng quan sát trực quan có thể nhận thấy như: *mắt, làn da, bàn tay, vòng tay, mái tóc*,... thậm chí cả phần tinh thần của con người không thể quan sát được như: *hồn, hồng nhan, thanh xuân*... cũng mang màu xanh của lá với các cấp độ khu biệt khác nhau:

Dài tay em mấy thuở *mắt xanh xao*
Chợt *hồn xanh buốt* cho mình xót xa
(Diễm xưa)

Ngày thu *xanh yếu làn da*
Em nằm ồm chờ (...)
Còn em *xanh muốt hồng nhan*
(Góp lá mùa xuân)

Đời sẽ cho lộc và đời sẽ cho hoa
Em *muốt xanh* như ngọc mà tôi có đâu ngờ
(Hoa xuân ca)

Vòng tay đã *xanh xao nhiều*
Ôi tháng năm gót chân mòn trên phiếm du
(Mưa hồng)

Ôi tiếng buồn rơi đều
Nhìn lại mình đời đã *xanh rêu*
(Tình xa)

Những *mắt biếc cò non*
Xanh cây trái địa đàng
(Những con mắt trần gian)

Ngày ta yêu em *màu lá thanh xuân*
Chờ đến thu sang rồi hãy tàn
(Người về bóng nhớ)

Thôi về đi
Đường trần đầu có gì
Tóc xanh mấy mùa
(Phôi pha)

Tóc nào hãy còn xanh
Tay rong rêu muện màng
(Ru ta ngậm ngùi)

Có một điều dễ nhận thấy, khi chuyển thuộc tính màu xanh của lá cây cho con người, Trịnh Công Sơn đã thêm vào các tính từ miêu tả khiến màu xanh mượt đẹp đẽ của lá bỗng mang trạng thái hư hao của con người: *xanh buốt, xanh xao, xanh yếu, xanh rêu, rong rêu,...* Có cảm giác những bộ phận của con người như bàn tay, mái tóc, đôi mắt,...luôn xanh một màu tàn phai. Màu xanh ấy phản ánh sắc màu tâm trạng của con người rất u buồn, trầm mặc trước cuộc đời không mấy sáng sủa: muện phiền, buồn, chia xa, kết thúc.

Từ ẩn dụ “*Con người là cây cỏ*”, “đôi môi” của em có lúc được nhạc sĩ tri nhận như một nụ hoa, đóa hoa, nhưng có lúc lại được tri nhận với những thuộc tính của trái quả ngọt ngào và đầy thanh tân, quyến rũ:

Một cuộc tình nhỏ bé
Bên đôi môi hồng đào
(Môi hồng đào)

Môi nào hãy còn thơm
Cho ta phôi cuộc tình
(Ru ta ngậm ngùi)

Thí dụ bây giờ em phải đi
Em phải đi, đôi tay em dù ưu ái đời
Em phải đi đôi môi ngon dù chưa chín tới
(Rơi lệ ru người)

Ru đời đi nhé
Ôi môi ngon này giữa trần gian
(Ru đời đi nhé)

Không chỉ tri nhận đôi môi là trái quả, mà Trịnh Công Sơn còn tri nhận tâm hồn con người cũng là trái quả thơm tho: *Ru em hoài bé dại một hồn thơm cây trái* (Ru tình). Em là cây, vì vậy tâm hồn em cũng thơm hồn cây trái, nên cõi tình nơi em đã nghiêng xuống đời tôi và chỉ còn chực “thoát thai”, nảy mầm.

Trịnh Công Sơn là người đam mê triết học, ông bị ảnh hưởng rất nhiều bởi triết hiện sinh phương Tây. Ở miền Nam Việt Nam, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ cùng với hệ tư tưởng của nó là chủ nghĩa “Duy linh nhân vị” đã tạo nên một khoảng trống về hệ tư tưởng trong một thời gian. Người ta cho rằng cần phải có một triết học khác nữa để cho quần chúng tự “cai trị” lấy mình, làm thành một đôi chân vững chắc để chế độ có thể đứng vững được. Theo Nguyễn Tiến Dũng⁽⁵⁾, Chủ nghĩa hiện sinh phương Tây được người ta đưa vào miền Nam ngay từ năm 1955 và được cổ súy để mong tạo ra các thể “hài hòa xã hội”. Các nhà hiện sinh đã đưa ra những vấn đề cơ bản và tôn vinh các giá trị của con người, nêu cao tự do cá nhân, thức tỉnh con người trước những điều phi lý của cuộc sống. Đời sống bao giờ cũng được chủ nghĩa hiện sinh miêu tả như một tấn thảm kịch, một hư vô. Con người bị treo chơi với giữa các hố thăm, bất lực và tuyệt vọng, không tìm thấy mình ở ngoài không gian và thời gian.

Trong thời gian này, ở Việt Nam, cuộc chiến ngày càng gay gắt và quyết liệt. Cuộc sống của con người trong chiến tranh là nhạt nhèo, vô vị, phi lý và đáng buồn. Ở trong một miền mịt mù và khét lẹt khói súng ấy, để truy tìm và định vị được thân phận con người là một điều bế tắc, con người tồn tại trong tuyệt vọng, mà từ tuyệt vọng đến với cái chết chỉ là một khoảng cách rất mong manh. Vì vậy, chủ nghĩa hiện sinh ở Sài Gòn mang đậm màu sắc bi quan đen tối, sự tuyệt vọng và niềm cô độc luôn thường trực, mà cái chết chính là điểm kết thúc.

Trong ca từ Trịnh Công Sơn, mỗi bản thể con người được tri nhận như cây cỏ nên nỗi niềm tuyệt vọng của phận người cũng được ông miêu tả như nỗi đau lia cành của cây cối, sự rơi rụng của trái quả, sự tàn phai

của nụ, mầm:

Tôi như nụ hồng nhiều khi ưu phiền
 Chờ tôi rã cánh một lần
 (Tự tình khúc)

Tình yêu như trái chín/ Trên cây rụng rời
 (Tình sầu)

Đời sẽ buồn dài lâu
 Ôi trái sầu rục rở (...)
 Đã có nghìn trùng trên môi người tình
 Đã giấu nụ tàn bên trong nụ hồng
 Có chớm lạnh lòng trên môi nồng nàn
 (Như một vết thương)

Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ đặc biệt nhạy cảm với những bước đi của thời gian, dấu ấn thời gian bằng bạc khắp trong các ca khúc của ông. Thời gian ngày với những khoảnh khắc thời đoạn luôn đầy ắp những cảm quan buồn nhớ; thời gian mùa nào cũng mang cảm thức phôi pha, tàn phai đến chóng vánh, nghiêng đổ ào ạt; thời gian đời người luôn gấp gáp, tàn tạ, nhuộm màu sắc vô vi theo hương xa rời cõi phù sinh để dời chuyển về một cõi sống khác bất diệt, vĩnh cửu (thiên thu). Trong cách tri nhận về con người, dấu ấn cây cỏ in đậm nét trong quan niệm của ông với những tương đồng nhất định. Những trạng thái và sắc màu của cây lá khiến ông liên tưởng đến sự tàn tạ của kiếp người, sự đổi thay của tình đời, sự trắc ẩn, phù du của cuộc đời. Những trạng thái: *héo hon, héo khô, thu bóng, khép, hư hao, ứa,...* của cây và lá đã góp phần cấu trúc hóa ý niệm về trạng thái tinh thần hay tình cảm của con người. Con người là cỏ cây, nên khi buồn, con người rơi vào trạng thái ulla, rữa lá, héo hắt như cái cây bị nắng quái thiêu đốt: *Biết nghe nhỏ lệ đời héo hon* (Tôi biết tôi yêu); những nỗi đau dày vò con người, khiến tinh thần và thân xác hư hao, trạng thái mong manh, yếu đuối của con người trước dẫu bé cuộc đời được nhìn giống như trạng thái tiêu tụy, ốm o của cây: *Ru*

người ngọt bụi đã qua/ Ru người lặn đạn héo khô/...Ru em gầy yếu hư hao (Ru em); *Đời tôi ngốc dại/ Tự làm khô héo tôi đây* (Chiếc lá thu phai); và khi mỗi cánh trong cuộc rong chơi trên “cõi tạm”, con người cũng phản ứng như cây, “thu bóng” mình lại: *Tôi vui chơi giữa đời ối a biết đâu nguồn cội/ Cây trưa thu bóng dài và tôi thu bóng tôi* (Biết đâu nguồn cội).

Tri nhận “Con người là cây cỏ”, Trịnh Công Sơn thường nhìn mái tóc thành những chiếc lá, thậm lá để đôi khi nó ờ vào trạng thái rơi rụng như lá cây: *Tóc em từng sợi nhỏ/ Rớt xuống đời làm sóng lênh đênh* (Như cánh vạc bay); có khi lại là nơi trú ngụ của loài sâu ngủ vui cho quên hiện tại: *Trời buông gió và mây về ngang bên lưng đèo/ Mùa xanh lá loài sâu ngủ quên trong tóc chiều* (Dấu chân địa đàng); và có khi âm thanh xôn xao của lá cũng là âm thanh của con người: *Ngựa buông vó người đi chùng chân đã bao lần/ Nửa đêm đỏ lời ca dạ lan như ngai ngừng* (Dấu chân địa đàng).

Triết hiện sinh quan niệm “Con người là một cây sậy”, nhưng mà là một “cây sậy” biết tư duy. Vì “Con người là cây cỏ” nên trong ca từ Trịnh Công Sơn thường thấy cây cỏ và con người cùng xuất hiện song hành bên nhau, ông quan niệm đời người là lá cỏ, có khi khoan khoái ca hát ngợi ca tự do: *Đời ta có khi là lá cỏ/ Ngồi hát ca rất tự do* (Đêm thấy ta là thác đổ); có khi khô héo, trầm thống trong những nỗi đau từ kiếp trước: *Ta thấy em trong tiền kiếp với cọng buồn cỏ khô* (Rừng xưa đã khép). Rồi Trịnh lại nhìn thực thể con người giống như những chiếc lá, lá thay màu theo vòng quay bốn mùa của trời đất, nên con người cũng biến đổi trạng thái cảm xúc và phản ứng trước cuộc đời theo màu thời gian phản chiếu trên sắc lá: *Mùa xuân em hãy khoác áo mời bước đi thành thời/ Chờ mùa thu tới em thu đôi tay khép vai lười* (Đời cho ta thể).

Trong thi ca nói chung, trong ca từ nói riêng, sắc màu tàn phai của lá để gợi liên tưởng đến sự tàn phai và hữu hạn của kiếp người. Tri nhận con người là cây cỏ, Trịnh Công Sơn thường dùng màu sắc của lá cây: *phai, trắng* để diễn tả cái úa tàn của đời người, hay sự phai nhạt của tình đời:

Em đến bên đời hoa vàng rực rỡ

Nào dễ chóng *phai* trong lòng nỗi nhớ
(Hoa vàng mấy độ)

Một lời nói với bông hoa trên đời
Một lời nói đã *phai*
(Một lần thoáng có)

Trong từng giọng nói có màu tàn *phai*
(Như tiếng thờ dài)

Đừng *phai* nhé một tâm lòng son
(Vườn xưa)

Đừng làm mẹ khóc mắt *phai* máu
(Xác ra xác thù)

Mười năm tấm gôi/ Giặt mình ôi chiếc lá thu *phai*
Ngồi ôm tóc dài/ Chập chờn lau trắng trong tay
(Chiếc lá thu *phai*)

Nỗi nhớ, tấm lòng, đời mắt, giọng nói,... tất cả những gì thuộc về con người ấy đều mang đặc tính của lá cây: *phai tàn*, báo hiệu một nỗi mất mát, rơi rụng, tàn úa, phôi pha, kết thúc. *Nỗi nhớ phai* là tình cảm đã mất; *tấm lòng phai* là tình người đã nhạt; *lời nói phai* là có kẻ quay gót; *giọng nói phai* là biểu hiện của sự thất vọng, rơi vào lạng câm; *mắt mẹ phai* máu là đã rơi vào tuyệt vọng; *lau trắng* trong liên tưởng với *tóc dài* là hình ảnh của đời người tàn tạ, sắp đi đến điểm kết thúc để trở sang một cõi sống khác.

Trịnh Công Sơn luôn nhìn vạn vật trong tính nhị nguyên. Cùng trong mạch tri nhận “*Con người là cây cỏ*”, trong ca từ Trịnh Công Sơn cũng xuất hiện rất nhiều những biểu thức ngôn ngữ hoán vị giữa miền NGUỒN (cây cỏ) và ĐÍCH (con người), tạo nên mô hình tri nhận “*Cây cỏ là con người*” mà tu từ học gọi là thủ pháp nhân hóa như: *Rừng mùa*

xuân sẽ lên/ Thêm nụ cảm hôn (...) Triệu nữ hoa đang thoát thai (Xanh lòng tàn phai); *Chờ cây non trên núi đầu thai* (Như tiếng thờ dài); *Khi hoa héo khô im lặng nụ tàn* (Im lặng thờ dài),... Tất cả các cách nhìn trên đều cho thấy tư duy ngôn ngữ của Trịnh Công Sơn được xuất phát từ một phong văn hóa mang tính phổ quát, trong đó những tri thức nền đều xuất phát từ cơ sở kinh nghiệm thực tiễn của con người trong thế giới khách quan. Bên cạnh đó, Trịnh Công Sơn cũng thể hiện những cách nhìn độc đáo mang tính dị biệt, thể hiện được dấu ấn phong cách cá nhân của riêng mình. Những cách nhìn ấy được phản ánh bởi ngữ cảnh văn hóa, yếu tố ý thức hệ thời đại, dấu ấn tôn giáo, tư duy triết học,... trong con người nhạc sĩ như đã thấy ở trên.

Chu thích

(1) Ngôn ngữ học tri nhận cho rằng ẩn dụ tri nhận là hình thái tư duy của con người về thế giới. Tư duy ẩn dụ dựa trên cơ sở các ý niệm. Cơ chế tri nhận của ẩn dụ bao gồm hai miền NGUỒN và ĐÍCH tồn tại tiền giả định trong ý thức của con người, trong đó những tri thức ở miền NGUỒN ánh xạ lên miền ĐÍCH, và những đặc tính của miền ĐÍCH được gán ghép cho miền NGUỒN. Cả hai miền NGUỒN và ĐÍCH đều là những ý niệm, được cấu trúc hoá theo mô hình trường - chức năng: trung tâm - ngoại vi, trong đó hạt nhân là khái niệm nằm ở trung tâm, mang tính phổ quát toàn nhân loại, và ngoại vi là những yếu tố ngôn ngữ, văn hoá dân tộc, nằm trong một “khung” hay “nền” văn hoá nhất định mang tính đặc thù. Ẩn dụ tri nhận hướng tới khả năng tác động vào lĩnh vực trí tuệ của con người.

Ngôn ngữ học tri nhận với thuyết “Dĩ nhân vi trung”, con người được lấy làm bản thể định vị giữa không gian, thời gian, và các nguyên tác, sự kiện, hành động, tư tưởng, tôn giáo, niềm tin... của con người tương tác mật thiết với nhau trong không - thời gian ấy. Thuyết ẩn dụ tri nhận đã nhận thức và lí giải các phạm trù của thế giới qua hệ thống các ý niệm được hiện thân trong ngôn ngữ, giúp con người khám phá thế giới tri thức quanh mình được phản chiếu qua ngôn tư hàng ngày. Việc lí giải các mô hình ẩn dụ làm hé lộ cách con người tư duy về thế giới quanh mình dựa trên các cơ sở khoa học rất cụ thể và rõ ràng.)

(2) *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, tr. 141

(3) *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, tr. 141

(4) *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, tr. 142

(5) *Chủ nghĩa hiện sinh, lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 1999

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận - ghi chép và suy nghĩ*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Trần Văn Cơ (2009), *Khảo luận ẩn dụ tri nhận*, Nxb Lao động xã hội.
3. Jean Chevalier, Alaingheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.
4. Nguyễn Tiến Dũng (1999), *Chủ nghĩa hiện sinh: Lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
5. Nguyễn Mộng Khôi, *Tâm linh cây cỏ và con người*, <http://nangluongcuocsong.com.vn>.
6. E.Mounier (1970), *Những chủ đề triết hiện sinh*, Nhi Nùng xuất bản.
7. Trịnh Công Sơn - *Những bài ca không năm tháng* (1998) Nxb Âm nhạc.
8. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng Văn hóa – Dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Khoa học xã hội.
9. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận - từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. <http://www.tcs-home.org/ban-be/pham-van-dinh/thu-muc-ca-khuc-trinh-cong-son>.



Trịnh Công Sơn và Bùi Giáng

B Ò I G I Á N G

trịnh công sơn

Anh Sơn vô tận bấy chầy
Tôi từ leo đèo thảng ngày trải qua
Niềm thống khổ đứt ruột rà
Còn chăng? ấy chỉ một là là chi?

NGUYỄN DUY

nét và hình

Tặng Trịnh Công Sơn

Nét và hình chẳng riêng ai
em - thân nhan sắc trời sai giáng trần
đừng hà tiện dáng thanh xuân
em chia cái đẹp nhớ phần cho tôi

Chia dư đẹp vẫn không với
chia không hết đẹp ông trời lấy đi
hình và nét cũng có thì
cất làm chi giấu làm chi của trời.

Không em đời cứ đẹp thôi
có thêm em nữa nên đời đẹp thêm
thêm chút sang bớt chút hèn
nhìn em thôi đủ yêu em rất nhiều.

Yêu bằng mắt cũng là yêu
cõi đời đẹp đủ liêu xiêu cõi mình
tim tôi quen đập thùng thỉnh
một kho sưu tập nét hình thoáng qua.

(Tháng Chạp năm Mậu Thìn-1988)

L Ữ Q U Y Ñ H

bài tháng tư

Ngày tôi về không còn anh
Chỉ gió lang thang
Trên vòm sáu già
Con đường Duy Tân khô khốc
Ánh đèn đêm

Via hè âm u tiếng giày
Lạ lẫm
Chẳng bóng ai

Có tiếng lá rơi như lời hát
Vỗ về tôi trong giấc mơ
Cò đơn thấp sáng
Nổi tuyệt vọng cuối cùng
Nắng tháng tư
Hóa thân anh

Nơi nghìn trùng con gió

Ở chốn xa có mưa hồng
Cho đỡ nhớ trần gian
Hai chiếc ly thủy tinh
Lóng lánh rượu vàng
Giữa sương khói - khói hương
Đêm tĩnh lặng
Nhẹ nhàng cộng ly
Mơ hồ nghe cổ điển

Anh bên kia núi
Gõ nhịp lãng du
Hát một nhòai cát bụi.

01/04/2004

NGUYỄN KHOA ĐIỂM

sự thật của cuộc ra đi

Anh mất trong ngày 1 tháng Tư
Cái ngày người ta có thể đùa bốn một chút
Tôi phải hỏi hai lần
Để biết cuộc ra đi của anh là sự thật.

Là sự thật
Anh đã bỏ rơi chúng ta trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI
Là sự thật
Anh đã sống, đã ca hát với chúng ta một nửa thế kỷ XX
Và 90 ngày của thiên niên kỷ mới

Không có gì ngăn cản anh
Đến với Tình yêu
Đến với Đồng bào
Đến với Bạn bè
Đến với tương lai
Trịnh Công Sơn, từ biệt.

TRƯƠNG THÌN

ngâm nghĩ về sơn

Có những ngày dài, những đêm dài
Đại bác đêm đêm dội về thành phố
 Sơn ngồi vắt gan mình
 Cho mật đắng nhỏ xuống
 Từng giọt nhạc giọt thơ
 Giọt thân giọt phận da vàng

Gan khô,
 Sơn lại tưới lại tắm rượu vào cho ướt cho mềm
 Rồi lại vắt lại vắt
 Cho mật cay nhỏ xuống
 Từng giọt nhạc giọt thơ
Người con gái Việt Nam...

Có những tháng dài năm dài
 Chiến tranh hận thù tan tác tin yêu.
Chúa đã bỏ loài người
Phật đã bỏ loài người
 Sơn ngồi vắt tim mình
 Cho máu mặn nhỏ xuống
 Từng giọt nhạc giọt thơ
Giọt kinh Việt Nam
Nổi vòng tay lớn

Tim khô,
 Sơn lại tưới lại tắm rượu vào cho ướt cho mềm
 Rồi lại vắt, lại vắt
 Cho máu mặn cay nhỏ xuống
 Từng giọt nhạc giọt thơ

Huế - Sài Gòn - Hà Nội

Có những đời dài kiếp dài

Chơi với cô đơn

Bên đời hiu quạnh

Sơn ngói vất tình buồn tình nhớ

Cho tình anh lạ thường nhỏ xuống

Từng giọt nhạc giọt thơ

Nắng thủy tinh, mưa hồng, biển nhớ

Tình cạn,

Sơn lai tưới lại tắm rượu vào cho ướt cho mềm

Rối lại vắt, lại vắt

Cho tình anh vô ngại nhỏ xuống

Từng giọt nhạc giọt thơ

Những mùa thu đi

Như cánh vạc bay

Em còn nhớ hay em đã quên

Có những thanh xuân

Bất chợt già

Bất chợt sẽ chia xa

Sơn ngói vất óc mình

Cho mình triết nhỏ xuống

Từng hạt nhạc hạt thơ

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi

Óc nào khô rồi!

Sơn lai tưới lại tắm rượu vào cho ướt cho mềm

Rối lại vắt, lại vắt

Cho hân triết hoan triết nhỏ xuống

Từng niềm nhạc niềm thơ

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui

Và như thế và như thế là Sơn

Và như thế và như thế

Là Sơn.

Hà Nội, 19/04/2001

ĐỖ HỒNG NGỌC

kẻ rong chơi

Tặng Trịnh Công Sơn

Chàng đến như một kẻ rong chơi
 Du ư Ta bà thế giới
 Thương những giọt nắng
 Yêu những cơn mưa
 Biết nghe lời tự tình của từng
 ngôi tháp cổ
 Đau nỗi đau hòn sỏi lẫn trấm...
 Thấy vô thường là đóa hoa rục rở
 Phúc âm là nỗi buồn
 Khi Chúa, Phật đi xa...

Chàng đến như một kẻ rong chơi
 Du ư Ta bà thế giới
 Với em thơ
 Chàng thị hiện bông hồng
 Với tình nhân
 Chàng hóa nguồn suối ngọt
 Với gió heo may
 Chàng trở thành bóng mát

Thênh thang giữa cõi đi về...

Chàng đến như một kẻ rong chơi
 Du ư Ta bà thế giới
 Trái đất là hòn bi xanh
 Một hôm dừng chân ghé trọ
 Bằng điệu âm linh ngũ
 Chàng hiến cho đời cò lả hoa
 thơm...

Không vương chút bụi trần
 Như mặt trăng dịu mát
 Như thủy triều dào dạt
 Chàng du ư
 Trong cõi Ta bà...

Rời một hôm nằm xuống
 Sống thiên thu...

NG Ô V Ầ N T A O

tĩnh lặng

Nắng chiều xuân như đã chết
qua chùm bông giấy qua khung cửa
phản chiếu trên tường rêu
đưa gác vườn khách nhà anh chìm dần vào bóng tối
chúng tôi không hẹn nhưng cùng ngồi uống trà
trong sự vắng vẻ tuyệt vời như tiên định
bỗng anh nói rằng anh sẽ ra đi
và tôi ngồi yên trong tĩnh lặng
âm thầm ước định sẽ tìm anh
tìm anh ở bờ bên kia bến nước...

Mười ngày sau vẫn trên gác vườn hoa ấy
anh lại nói anh sẽ về quê
tôi lặng lẽ nhìn anh tha thiết
hiền hòa trong chiều tối ngoài vòng ánh điện
và cảm nhận tất cả bi tráng của phận người
lại đi và lại trở về
luân hồi giấc mộng cũng là không

Rồi gần mười ngàn người đưa tiễn anh đi
đưa tiễn anh ra Gò Dưa

họ vừa đi và vừa hát
những bài ca mà anh đã để lại cho trần gian
trong gác trọ một mình tôi thăm theo cuộc tiễn đưa
tay ôm ly rượu mạnh
tôi nhớ lại chiều xa xôi ấy
tôi nhớ đã không hỏi anh
có điều gì nhấn nhủ lại cho riêng tôi
tôi không hỏi vì tôi đã biết
anh sẽ trả lời cho tất cả bằng sự tĩnh lặng
tĩnh lặng của rừng sâu và biển rộng
của mây đen trên dãy núi ở chân trời.

25/04/2005

N G Ô M I N H

chiều huế nhớ trịnh công sơn

Chiều mong manh quá nắng vàng ơ
lá hát đời sông tóc trắng trời
thân gầy bóng đổ dài phương gió
người thôi thoáng chốc đã mù khơi

hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi...
hàng cây long não lỏng lách lời
tình non tơ thể chan chứa thể
chuông nguyện bên trời Phú Cam rơi...

mắt ướt ai ngồi không quán vắng
nghe mình thập thững dật hồn đi
vào cõi u minh trong suốt tấm
đời say ấm lạnh khúc tình chia

ngày ơ ngày ngày mong manh quá
người bỏ ta đi hạ trắng rồi
xin niu sợi chiều giăng Bến Ngự
chú để du ca đã cất lời...

(Bào Thanh Niên, 31/03/2007)

Đ I N H C U Ờ N G

điệu blue jazz cuối năm

Vẫn tiếng đại hồ cảm rất trầm
 đêm cuối năm, đường 18
 thêm ly rượu đỏ, quán Toulouse-Lautrec
 nhớ bạn mười năm xa
 nhớ đêm Đơn Dương thức khuya viết thư
 gửi về Hương Dương
 tôi vẽ thêm ánh nến
 những ngọn nến âm u trên rừng khuya
 gió hú, và Sơn ơi mười năm về đâu

về đâu những người thân yêu khuất mặt
 có người bạn lâu năm
 một ngày phản trắc
 và dòng sông Potomac vẫn êm đêm trôi
 có mùa nước lớn, có mùa hoa nở rực
 tôi đang đi ven rừng cây khô tháng Chạp

con đường vòng vắng người buổi trưa
 như đã quen ghé qua tiệm sách cũ
 vẫn những câu thơ của Prévert thời xa xưa
 một thời mộng mị
*“ngoài phố mùa đông
 đôi môi em là đốm lửa hồng ...”⁽¹⁾*
 Sơn, đêm ngoài biển khuya
 đâu còn thấy con dĩa trăng nào
 Quy Nhơn, Quy Nhơn và tôn nữ...
 giọng nói rất chậm còn âm vang biển nhớ
 bây giờ chỉ còn là bọt rượu sùi tăm
 Chỉ còn một mình ta lang thang cuối năm
 dưới trời mưa tuyết ,và điệu blues jazz
 rất buồn, rất nhớ Sơn ơi.

Virginia, ngày tuyết đầu mùa 16/12/2002

THÁI THĂNG LONG

nhớ trịnh công sơn

Đi qua ráng chiều

Nhớ anh.

Mang gia tài của Mẹ

Mẹ Việt Nam, chan nước mắt kiếp nghèo...

Mẹ Việt Nam

Hai bàn tay trắng

Hai bàn tay bầu côi phiêu diêu...

Đi qua ráng chiều

Trăm năm anh

Bao bài hát vụn phận đời mù mịt.

Những phận đời có thực, như mơ?

Những phận đời

Dại khờ

Những phận đời

Uất nghẹn

Đi qua ráng chiều

Lời ca anh rớm máu
Tôi nhặt tìm từ trong vô thức
Một cõi đời hy vọng mệnh mông

Tôi chất những âm thanh
Có hồn và lửa
Thì trái tim anh mê đại ưu phiền...

Đi qua ráng chiều
Trăm năm anh
Mãi còn để nhớ
Ôi! nỗi đau thành bao ngọn lửa
Thắp lên,
Thắp lên
Cho ấm mọi tâm hồn.

L Ê C H Â N N H Â N

trịnh công sơn - đại sứ văn hóa trên xứ hoa anh đào

Trên một chuyến xe đi đến Bảo tàng chứng tích tội ác bom nguyên tử ở Hiroshima, tôi thực sự bất ngờ khi người bạn Nhật Bản nói với tôi về nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn. Anh mở cho tôi nghe bài "*Diễm xưa*" hát bằng tiếng Nhật. Hóa ra chàng nhạc sĩ tài hoa họ Trịnh đã lãng du đến tận đây.

Sau những tìm tòi về sự hiện diện của âm nhạc Trịnh Công Sơn ở các nước, tôi hiểu thêm một điều, những sáng tác của ông đã vượt thời gian, vượt không gian Việt Nam để đến với công chúng thế giới, trong đó có Nhật Bản. Hơn 40 năm về trước, Trịnh Công Sơn đã kí hợp đồng tác quyền một số sáng tác của mình với các nhà sản xuất đĩa nhạc của

Nhật Bản, đó là các ca khúc “Xin cho tôi”, “Mẹ ru con ngủ”, “Tôi sẽ đi thăm” ...Sau hợp đồng tác quyền kí kết ngày 7.2.1969 với Hãng Myrica Music, ca khúc của Trịnh Công Sơn xuất hiện tại Nhật và được nhiều người yêu thích. Từ đó cho đến nay, những giai điệu Trịnh Công Sơn vẫn tiếp tục rong chơi trên xứ sở hoa anh đào. Hằng năm, Myrica Music đều đặn gửi tiền tác quyền cho nhạc sĩ.

Sau này, công chúng Nhật Bản biết đến Trịnh Công Sơn nhiều hơn khi nữ danh ca Kato Tokiko nổi tiếng bậc nhất tại Nhật hát các ca khúc của ông. Bài “*Diễm xưa*” được dịch sang tiếng Nhật, nhưng vẫn giữ được hồn cốt của Sơn. Kato Tokiko yêu mến Trịnh Công Sơn, tự cho mình giống Trịnh Công Sơn ở các điểm ca hát, sáng tác nhạc, vẽ tranh và thích uống rượu. Nói là làm, Kato Tokiko cảm cộ vẽ chân dung Trịnh Công Sơn, bức họa còn giữ lại tại nhà nhạc sĩ ở đường Phạm Ngọc Thạch - Sài Gòn.

Không chỉ Kato Tokiko, nhiều ca sĩ nổi tiếng khác như Yoshimi Tendo cũng hát bài “*Diễm xưa*”. Yoshimi hát bài này trên Kohaku, chương trình đón giao thừa hàng năm trên Đài NHK (Đài truyền hình quốc gia Nhật Bản).

Trong chuyến đi Nhật Bản tháng 11/2010, ca sĩ Trịnh Vĩnh Trinh tiếp xúc với các nhà sản xuất đĩa nhạc Trịnh Công Sơn. Ca sĩ Trịnh Vĩnh Trinh cho rằng, trao đổi với các bạn Nhật, có thể hiểu được rằng, cho đến bây giờ, họ vẫn bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với Trịnh Công Sơn. Nhạc sĩ là một “Đại sứ văn hóa”. Qua âm nhạc của ông, người Nhật hiểu hơn về âm nhạc Việt Nam, văn hóa Việt Nam. Nhà soạn nhạc Takashi Asai, chuyên phối nhạc cho các ca khúc của Trịnh Công Sơn, gửi cho vợ chồng ca sĩ Trịnh Vĩnh Trinh lá thư ghi ngày 26.11.2010 có đoạn: “Trong chiến tranh, Trịnh Công Sơn sáng tác nhiều bài hát rất tuyệt vời, ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều người. Tôi đã dùng những bài hát của ông trong chương trình tài liệu trên radio Nhật Bản để gửi đến công chúng Nhật Bản những bài ca phản đối chiến tranh. Hôm nay ở Nhật, công chúng vẫn tiếp tục hát và nghe những bài hát của ông, ước mong hòa bình”.

Nghe nhạc Trịnh Công Sơn ở một xứ sở xa lạ, tôi không biết người ta dịch như thế nào cho được chữ nghĩa của Trịnh Công Sơn, chỉ thấy anh bạn người Nhật thi thoảng gật đầu thật khẽ sau những đoạn nhạc. “Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao”, chắc khó chuyển ngữ được cái tứ thơ lạ lùng này qua tiếng Nhật, nhưng có lẽ anh bạn tôi gật gù vì giai điệu quá đẹp, hơn là vì hiểu cái mộng mị của chữ nghĩa.

Nhà thơ Chế Lan Viên từng viết: “Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn”. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đi đến mọi hang cùng ngõ hẻm, ở đâu cũng có người đọc, ngâm vịnh. Các nhà khoa học luận Kiều, người không biết chữ cũng thuộc lòng truyện Kiều, đa số người Việt Nam đều thuộc vài câu thơ Kiều. Trịnh Công Sơn cũng thế, “Trịnh viết tình ca đất nước hóa thành nhạc”. Ở đâu trên đất nước này, năm mươi năm qua, vẫn vang lên những tình khúc Trịnh Công Sơn. Khắp nơi trên sân khấu lòng lẫy hay dưới những mái hiên nhà nơi thâm sơn cùng cốc, vẫn có người ôm cây đàn guitare hát nhạc Trịnh.

(Bào Lao Động, số Tết Tân Mão-2011)

K I M Y É N

hội quán hội ngộ - thánh đường cho những người yêu nhạc trịnh

Có một không gian dịu ngọt để ta có thể “trở về”, thả đôi chân trần trên cỏ mượt, theo những con đường nhỏ nên thơ hoa quê nở dịu dàng, tới một “thung lũng cô đơn”. Thiên nhiên hoang dại nơi đây tràn ngập hơi ức về một con người, về một dòng nhạc u sầu da diết có thể an ủi nhiều nhất nỗi buồn. Mười năm nhung nhớ, mười năm đắp bồi của trùng điệp trái tim những tín đồ yêu nhạc Trịnh đã biến Hội quán Hội Ngộ thành một biểu tượng về hạnh phúc. Thứ hạnh phúc giản đơn, nhẹ nhàng, thanh tao và yên ắng, để được là mình.

Nơi trao truyền niềm tin và tình yêu

Có lẽ những người gây dựng nên Hội Ngộ cũng không thể ngờ được sức mạnh tâm linh của thung lũng xanh trong trẻo này. Những kẻ hành hương từ khắp nơi của thế giới đã đổ về đây kể từ ngày ra đi của người



Một góc Hội quán Hội Ngộ, Làng du lịch Bình Quới, TP. HCM

nhạc sĩ tài hoa ấy, để rồi năm tháng chất chồng kỷ niệm, chất chồng tiếng hát, tiếng ru... tạo nên không gian thiêng liêng như tiếng gọi của ánh sáng. Thứ ánh sáng có thể xóa tan sợ hãi và đơn độc. Thứ ánh sáng đã thu hút hàng vạn người từ khắp các thành phố, từ các tỉnh xa xôi... Thật cảm động khi chứng kiến những dòng người xếp hàng dài dằng dặc từ tờ mờ sáng vào những ngày đầu tháng Tư để nhận vé đêm nhạc Trịnh Công Sơn nhân kỷ niệm ngày mất của anh... Những dòng người ấy cứ dài thêm theo năm tháng, trong đó có cả những người già, những người tàn tật ngồi xe lăn... Tôi muốn gọi Hội Ngộ là *Nơi trao truyền lòng tin và tình yêu* vì sống với nhạc Trịnh, cũng chính là sống với những gì tốt đẹp nhất của tình yêu thương. Tình yêu thương vô bờ với thế nhân, với những con người, và với chính mình. Không nơi nào tôi cảm nhận được những nỗi niềm sâu xa như khi nghe những lời hát của Trịnh Công Sơn vang lên ở đây, trong sự trầm lắng thanh khiết. Mọi thứ đều ở bên kia của thực tại vật chất. Cuộc sống dường như được tái sinh trong một gương mặt mới, tinh khôi, có nghĩa hơn.

Yên tĩnh đến lạ lùng. Cỏ bát ngát xanh như không thể xanh hơn. Mùi

của ngày xưa hiện về như một giấc mơ... Không biết từ bao giờ, Hội Ngộ đã trở thành một điểm du lịch, một địa chỉ văn hóa không thể thiếu của du khách khi đến với Sài Gòn, tìm lại hương vị của ngày xưa. Đây chính là nơi cất giữ kỷ niệm, cất giữ những giá trị văn hóa, vẻ đẹp của một dòng nhạc đã trở thành bất hủ với thời gian.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn trong một lần đến thăm đã bị quyến rũ bởi những rặng cây nằm yên bình bên dòng kinh Sở Nhật, và anh đã chọn nơi đây để làm một “mái nhà” cho anh em nghệ sĩ lui tới sinh hoạt nghệ thuật và sống với thiên nhiên. “Hội quán Hội Ngộ” cũng chính là tên anh đặt cho thung lũng xanh này.

Hãy lắng nghe Trịnh Công Sơn viết về “Mái nhà”:

“Hình như chữ “quê nhà” phải được hiểu là ở quê hương đó có một mái nhà của mình. Vì có một mái nhà nên dù lưu lạc ở nơi đất khách quê người thường vẫn có một nỗi hoài hương. Muốn về để được đặt bàn chân lên thềm, để ngắm nhìn lại những kỷ niệm đã trở thành linh hồn của mỗi nơi nằm, ngồi, đi, đứng...”

Căn nhà có thể nhỏ, lớn, rộng, hẹp nhưng những kích thước ấy phải mang đầy đủ linh hồn của mỗi đời người mới khiến mình tìm được đầy đủ sự yên lành khi trở về.

Mỗi căn nhà, khi có điều kiện, thường phải là một phản ánh gần như trung thực tâm hồn của con người cư ngụ trong nó... Mái nhà là một tiếng có một âm vang tình cảm sâu kín trong lòng mỗi con người. Chỉ có ở đó mình mới tìm thấy được mình đầy đủ nhất. Đó là cái nói thứ hai ru mỗi đời người khi lớn lên...”

KTS Nguyễn Văn Tấn đã thiết kế Hội Ngộ như một món quà riêng tặng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Gọi Hội Ngộ là “Ngôi nhà chủ nhân đi vắng”, KTS Nguyễn Văn Tấn tâm sự: “Tôi thiết kế Hội quán Hội Ngộ với tất cả tình yêu và lòng kính trọng với anh Sơn và âm nhạc của anh, sự cẩn trọng và nghiêm túc đến cùng về nghề nghiệp, và những ứng xử hết sức khó khăn với những điều kiện quá đơn sơ mà chỉ có sự nhiệt thành của anh Cao Lập mới có

thể tương tác được. Đây thực sự là một nhân duyên, một niềm vui nghề nghiệp, niềm vui với bạn bè, nhưng còn một chút tiếc, như một giai điệu đẹp mà không có điều kiện để viết đến dòng cuối cùng... Khi những người bạn, những người khách đầu tiên đến chơi nhà với cả tâm lòng thì chủ nhân đi vắng, đi và không về. Chỉ có ngôi nhà rộng mở với cỏ cây và gió, như nụ cười hồn hậu quen thuộc của anh... Đây cũng không hẳn là một ngôi nhà mà chỉ đơn giản là nơi tiếp bạn. Anh có nhiều bạn quá. Và anh chiều ý định của các bạn: Hãy có một nơi vừa riêng tư vừa cởi mở, vừa thanh lịch vừa bố bã, vừa rất là Anh, vừa rất "tứ hải giai huynh đệ" để bằng hữu đến chơi không chút e dè. Từ trong linh cảm xa, bằng hữu muốn lưu giữ chút hơi hướm của Anh trong một không gian cụ thể gần gũi mọi người. Bởi vì Anh đã là người của công chúng tự bao giờ. Được Anh tin và giao tạo tác nơi này, tôi chọn chỗ đứng lùi lại phía sau bóng dáng to lớn của Anh, phía sau xúc cảm thiên nhiên tuyệt vời của Anh, phía sau những ngôn từ tiên tri mật ngọt của Anh... Tôi ngoan ngoan đi theo những dẫn dắt. Vì chính Anh là một nhà kiến trúc lớn theo ngữ nghĩa ý tưởng và cấu trúc. Giữa mệnh mông thiên nhiên vây quanh có thể cảm được chút tịch lặng nơi này. Nhưng ngồi trong tịch lặng đó lại thấy tràn ngập thiên nhiên vạm vỡ. Nửa là nhà, nửa là hàng hiên. Khách chưa vào nhà mà không có cảm giác còn ở ngoài sân xa cách. Tầng cây si ả si bao trùm gam màu đặc trưng cho bức tranh hiện triết. Đây đó thấp thoáng bóng râm và những giọt nắng trên lối sỏi, thấp thoáng xa gần, thấp thoáng cỏ lá, thấp thoáng loanh quanh công trình còn dang dở... Sẽ không còn dịp để Anh bước vào ngôi nhà tiếp bạn, bước vào ngôi nhà sàn trên vũng cát dành cho Anh ở, hay rung quả chuông gió đầu nhà trên bức tường đá tựa lưng cho mệnh mông gió ngoài hiên bốn mùa. Và như thế, ở đây không có kiến trúc. Chỉ có sự xếp đặt lại với nhau những từ vựng kiến trúc của chính người chủ nhà được quá nhiều người yêu mến: *Trình Công Sơn*."

Thành lập ngày 17/ 8 năm 2000, đến nay Hội Ngộ đã tập hợp được lực lượng hơn 600 hội viên tình nguyện, bằng cả trái tim và sự tri ân người nhạc sĩ tài hoa, chính họ đã làm đầy thêm không gian nhỏ bé này bằng lời ca tiếng hát mộc mạc, sâu nặng của mình. Mười năm sương gió tới bờ, mười năm chắt chiu, gìn giữ, hơn 40 chương trình "Đêm nhạc Trình Công Sơn" đã diễn ra nơi đây, hoàn toàn là miễn phí, không bán vé, thu hút hàng chục ngàn người đến tham gia như Nổi vòng tay lớn,

Vết lân trăm, Cho trái đất đừng cô đơn, Diễm xưa, Hãy yêu nhau đi, Tiếng hát Lan Ngọc với những tình khúc vượt thời gian, Ca khúc Da vàng, Tuổi đời mệnh mông, Người về bóng nhớ, Sen hồng một độ... Hội quán còn tổ chức những đêm nhạc của các nhạc sĩ khác như Mãi mãi là tình yêu, giới thiệu các ca khúc của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, hoặc đêm nhạc của nhạc sĩ Bảo Phúc, nhạc sĩ Trần Mạnh Tuấn...

Đến với Hội Ngộ 10 năm sau, KTS Nguyễn Văn Tất không khỏi xúc động: *"Hội Ngộ bây giờ giống như một nơi chốn tâm linh. Chính xác hơn là một nơi chốn tâm linh của tình yêu, mà anh Sơn là một nhân cách, một nghệ sĩ xứng đáng đại diện cho thế giới tâm linh tình yêu ấy. Cũng có khi từ một ước vọng không thành cho anh Sơn, chúng ta lại có được một thánh đường đẹp đẽ từ ý tưởng một "Nhà nguyện tình yêu" của anh. Anh Sơn giống như một thiên sứ mà tất cả những cặp tình nhân đều muốn anh chứng giám cho tình yêu của mình. Một công trình nhỏ bé đã được khoát lên một vẻ đẹp tinh thần rất danh giá. Xin cảm ơn tất cả những người đã cùng tôi góp phần gìn giữ và bồi đắp cho vẻ đẹp cao quý nơi đây".*

Cao Lập - Linh hồn của Hội Ngộ

Ở Sài Gòn, "style" Cao Lập đã trở thành một vẻ đẹp riêng, một niềm tự hào của người phố thị mỗi khi dẫn bạn bè đi thăm thú quê hương. Lấy cảm hứng từ quán cà phê Lâm Hà Nội, ban đầu anh chỉ định biến nơi đây thành một không gian cho anh em văn nghệ sĩ đến chơi với anh Sơn, để sáng tác và trao đổi về văn học nghệ thuật, triển lãm... và dần biến thành điểm văn hóa của một thời... Bao tâm tình dành cho Hội Ngộ của Cao Lập cũng chính là cái tình của anh với Trịnh Công Sơn: *"Hồi xưa, tôi theo cách mạng chính là nhờ nhạc Trịnh Công Sơn. Những ca khúc Da vàng của anh đã đánh thức lòng tự trọng dân tộc, cảm nhận rõ đất nước đang bị xâm lược, thôi thúc tôi bước vào con đường tranh đấu. Tôi cũng chịu ơn anh về những bản tình ca... Anh mất đi, nhưng Hội Ngộ đã trở thành nơi lưu giữ những kỷ niệm của bạn bè và người hâm mộ Trịnh Công Sơn, một địa điểm sinh hoạt văn hóa nghệ thuật của công chúng... Những cuộc chơi mộc mạc, đơn sơ, ấm áp tình người. Cái gì cũng có đời sống của nó. Thời gian là*



Ông Cao Lập - người sáng lập Hội quán Hội Ngộ

thuộc đo chính xác nhất cho những giá trị thực. Hội Ngộ sống được lâu như thế là nhờ giữ được sự mộc mạc, chân thật của thiên nhiên và những trái tim người. Những con số tăng trưởng kinh tế ào ạt đang xô đẩy những giá trị nhân văn. Khi cả đất nước đang chạy theo những phát triển không bền vững, không có sức sống dài lâu, nguy hiểm vô cùng. Gìn giữ dòng nhạc Trịnh cũng chính là gìn giữ những giá trị tốt đẹp của đời sống tinh thần. Những đêm nhạc Trịnh ở Hội Ngộ như một lời nhắn nhủ với mọi người, hãy biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông, rộng rãi một chút với mọi người, kể cả chính mình. Biết chọn những niềm vui nho nhỏ để thấy mình còn lành lặn, đừng quá đau đầu về những cái xấu sẽ khó mà sống được...”.

Ngoài những pho tượng chân dung và hình ảnh ghi lại những thời kỳ hoạt động đặc biệt của nhạc sĩ, nhà lưu niệm còn lưu trữ số lượng tư liệu lớn và hàng chục loại ấn phẩm CD, VCD, DVD với nhiều giọng hát qua nhiều giai đoạn khác nhau khi trình bày ca khúc của Trịnh Công Sơn. Đáng chú ý là biết bao ý kiến của khách thập phương ghi lại cảm xúc của mình về nhạc Trịnh Công Sơn, về nơi chốn này. Hội Ngộ cũng là sân chơi, là nơi cống hiến tự nguyện của biết bao ca sĩ, nhạc sĩ, đạo diễn, dẫn chương trình tiếng tâm của thành phố qua các chương trình

kỉ niệm hàng năm như Đinh Anh Dũng, Đoàn Khoa, Phương Thảo, Đỗ Trung Quân, như Lan Ngọc, Trần Mạnh Tuấn, Bào Phúc, Quang Dũng, Hồng Nhung, Cẩm Vân... Cũng từ Hội Ngộ, nhiều thế hệ ca sĩ trẻ đã được phát hiện qua những cuộc thi hát nhạc Trịnh, để rồi góp mặt cho đời một cách thật mộc mạc, tự tin, như giọng hát Thủy Tiên, Lân Nhã, Trọng Khương, Huy Trức, Trường Thư, Quốc Việt, như Thế Vinh, Richard Fuller...

Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc đã tỏ ra rất thú vị khi ngồi đàm đạo với những người bạn thân về Hội Ngộ vào một buổi sáng trong lành: “Đôi với tôi, phát hiện ra Hội Ngộ là một phát hiện tri âm. Có một lần dạo chơi, tôi nghe thấy tiếng nhạc Trịnh Công Sơn mơ màng phát ra đâu đó trên cỏ ướt. Thì ra anh Cao Lập đã để những chiếc loa nhỏ xíu giấu dưới cỏ. Tôi thấy mấy người khách Tây cứ đi qua đi lại trên cầu khi với một vẻ đầy thích thú, đặc biệt là “Ngôi nhà mở” dành cho những người mê Trịnh Công Sơn. Tôi yêu quý anh nhất là sự nhiệt tình, dấn thân, hết mình cho Hội Ngộ. Nếu không có anh lăn lộn suốt bao năm trời nay để gây dựng từng chút một, chắc chắn sẽ không thể có Hội Ngộ hôm nay”.

Nhà báo Nguyễn Trọng Chúc đã dành những lời thật đẹp khi nói về chủ nhân của Hội Ngộ: “Tôi biết anh Cao Lập từ lâu và mau thân... Tôi rất kinh ngạc về khả năng sáng tạo của Cao Lập. Sự sáng tạo thể hiện rất rõ qua nhiều hoạt động của Bình Quới, Hội Ngộ, từ cách tổ chức sinh hoạt lễ hội Âm thực khấn hoang Nam Bộ đến những đêm nhạc tưởng nhớ Trịnh Công Sơn, cách xử lý một bức tranh, chọn khung, đặt đèn... tất cả đều thể hiện sức nghĩ, sự tìm tòi ghê gớm. Nếu không tâm huyết, không đau đầu vì nó, không thể làm được “những cuộc hành hương” vừa đẹp, vừa văn hóa như thế. Trong đời sống cũng như trong cuộc việc, chất nghệ sĩ nơi anh đã khiến cho bạn bè nghệ sĩ, giới làm báo, làm văn hóa rất dễ gần, tạo nên sự cộng hưởng rất tốt cho công việc chung. Nếu không có sự đồng cảm lớn giữa người nghệ sĩ, nhà sưu tập, bạn bè văn nghệ sĩ và cả những người bạn vô danh khác với anh Cao Lập, chắc gì đã có được nơi chốn linh thiêng này để mọi người cùng chiêm ngưỡng”.

Họa sĩ Lê Triều Điền, người gắn bó với Cao Lập từ những ngày đầu tiên

cho đến nay hào hứng thổ lộ: “Cái nhân, cái tình, cái hồn đối đãi với nhau của anh đã khiến cho bạn bè nghệ sĩ, giới tri thức tập hợp được lại với nhau trong những cuộc chơi đẹp. Cao Lập có tư chất của một nghệ sĩ sắp đặt với sự nhạy cảm trời cho và gu thẩm mỹ tinh tế. Ở đây có tác phẩm của Phạm Văn Hạng, Diễm Phùng Thị, Lê Bá Đảng, ngay cả nghệ sĩ nhiếp ảnh Võ An Ninh dù tuổi cao, vẫn ngồi trên xe lăn để tìm đến chung vui với anh em. Làm được chuyện đó đâu phải dễ...”.

Ca sĩ Trịnh Vĩnh Trinh, em gái Trịnh Công Sơn, người gắn bó với anh Cao Lập trong suốt những chương trình âm nhạc tại Hội Ngộ đã coi Cao Lập như một người anh, người thân trong gia đình. Trịnh Vĩnh Trinh tâm tình: “Gia đình tôi chịu ơn anh Cao Lập rất nhiều, rất nhiều, bởi chính anh đã tạo dựng nên một nơi chốn đẹp đẽ như thế để tất cả những người yêu nhạc Trịnh có thể đến cùng chia sẻ với nhau. Anh cũng là người lặn lội, vất vả vô cùng với việc tổ chức, hậu cần, để có thể duy trì đều đặn những đêm nhạc hàng năm tại nơi đây, trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn về mọi mặt. Chính nhờ Hội Ngộ mà các thế hệ trẻ đã tiếp nối nhau duy trì sức sống bền lâu cho dòng nhạc của anh Sơn. Tôi thật sự vui mừng khi thường thức những giọng hát còn rất trẻ nơi đây. Các em đã cho tôi nhìn thấy cả một tương lai tươi sáng cho âm nhạc của anh Sơn”.

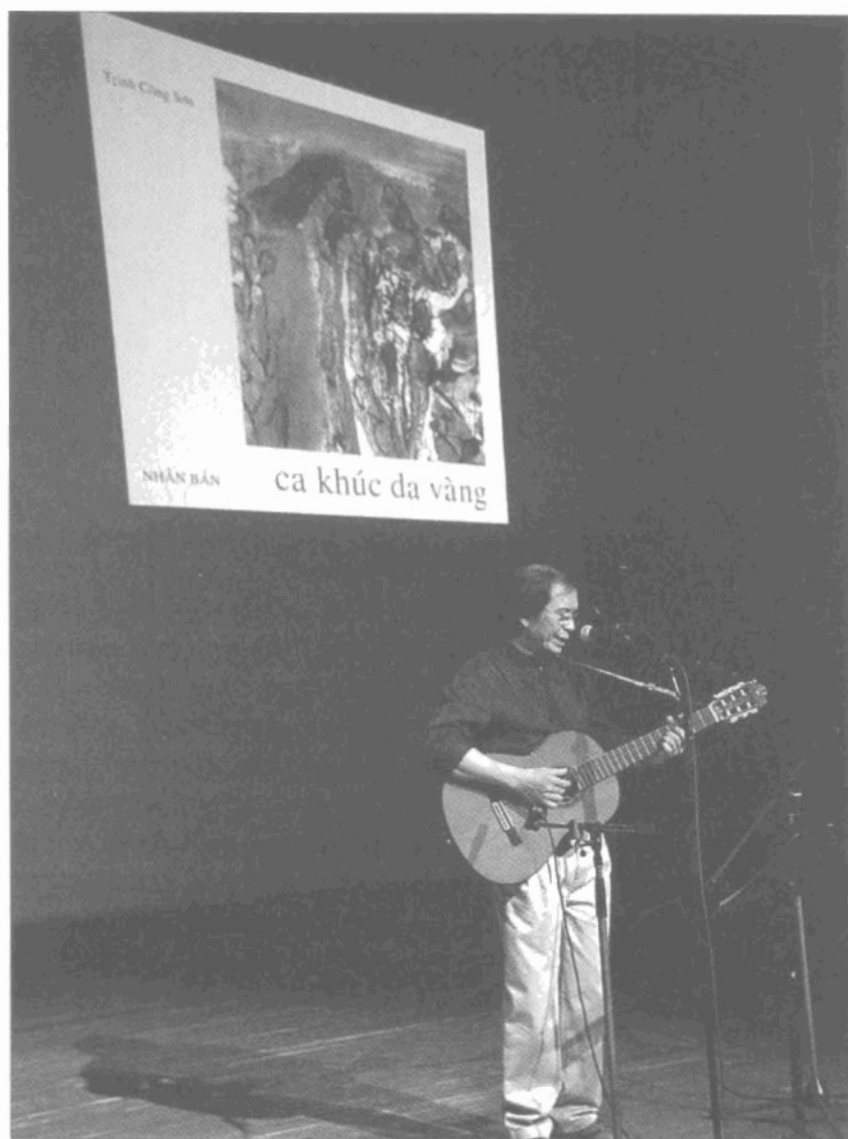
Mỗi một lần trò chuyện với Cao Lập, bạn bè anh dường như đều bị “say”. Cái cảm giác rất lạ, như thể bị hút về phía sáng, một không gian trong lành, thanh thoi, mộc mạc. Trong anh bắt tận những công việc đang làm, những cái đẹp đang hiện hình, những ý tưởng đang nung nấu... Đôi mắt anh hiện ra điều ấy, nó cháy rực, quyết liệt, đến mức cực đoan. Như thể anh chỉ còn mỗi một cách lựa chọn. Từ một nơi chốn trong lành của những đêm nhạc Trịnh thấm đẫm tình yêu và lòng biết ơn đến một đường hoa lộng lẫy nên thơ mỗi dịp xuân về, cái con người luôn kiếm tìm những vẻ đẹp đã mất ấy dường như không có đơn trên con đường sáng tạo của riêng mình...

PHẠM VĂN ĐÌNH

hội văn hóa trịnh công sơn, đôi dòng...

Cá tháng Tư

Tin Trịnh Công Sơn (TCS) mất đến với tôi một buổi chiều Chủ nhật, một chiều chủ nhật không buồn, nắng đẹp đầu xuân, tôi đang quanh quẩn trên căn vườn ngoài hiên, mấy chục thước vuông nhật hoai không hết lá. Nhắc điện thoại, tiếng của Liêm: Paris vừa gọi xuống nói TCS mất rồi. Ai thông tin? *RFI* hay *AFP* gì đó! Tôi hụt cẳng, nhưng cố bấu lại, bữa nay là 01/04, *poisson d'avril*, cá tháng Tư! Vội vơ bấm vé 47C Duy Tân, tiếng của Xiu meo máo, cậu Sơn mất rồi! Điếng người, ngơ ngẩn. Mới ngày kia tôi đã gọi về, được báo cậu Sơn sắp ra bệnh viện!...



Ca sĩ Thanh Hải trong một đêm nhạc Trịnh Công Sơn tại Paris, Pháp

Một thiên tài vừa nằm xuống, một người bạn đã ra đi, tuy đã gặp nhau rất nhiều, rất nhiều lần, nhưng chừng như chưa nói với nhau được bao, tình lý còn vơi vãng, *làm sao ta gặp, làm sao ta gặp được nhau*. Nên từ đó, tôi lang thang trên trang sách vở, trên mạng trên mail, lằng đằng trên trí nhớ con

tim của chính mình, của bè bạn, tìm dấu chim di nơi côi vô thường.

Kể kỷ niệm, truyền tranh ảnh, nghe âm thu, mách nhau từng bài báo, có những đêm không ngủ đàn hát với nhau, trong nhà, ngoài trời quây quần bên đồng lửa, ..., để chia nỗi nhớ, nhớ về một người bên kia suối, *bỏ tôi đứng bên đời kia*. Ô sao nhiều người thương Sơn, mến Sơn thế, dù chỉ mới quen qua, hay chưa một lần gặp mặt. Và thấp thoáng như mắc ơn mắc nợ Sơn, vì đã nói giùm mình, *người nô lệ da vàng ngủ quên không thấy quê hương*, hay đã *thở giùm tôi*, trong những đoạn đời không mấy yên vui, *đi về đâu hồi em khi trong lòng không chút nắng?*

Làm gì?

Cho nên cần làm cái gì với nhau cho nhau, chia sẻ với mọi người những mảnh tình riêng, những nỗi đau hạnh phúc, *bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ*. Hẹn hò, điện thoại điện thư, gặp nhau từng nhóm từng nơi; gặp nhau từ nhiều lứa tuổi đang sống rải rác trên nhiều nước, Mỹ, Pháp, Đức, Canada, Thụy Sĩ, ..., và Việt Nam, mở ra một diễn đàn trao đổi (tcs-forum) giữa những người bạn cùng thời với Sơn, Đình Cường, Lữ Quỳnh, Sâm Thương, Cao Huy Thuần, Siphanie, Dao Ánh,..., hay trẻ hơn, Thanh Hải, Hồng Anh, ..., trẻ hơn nữa, Thái Hoà, Frank Gerke, Kim Hương (trong nhóm tốp ca *Dây leo xanh* của Phạm Trọng Cầu), ... và lớp sinh viên còn đang đi học đi tập, không kể hết. Đi đến kết luận là cần thành lập một hội đoàn để thuận tiện sinh hoạt, ngày thành lập là một ngày cuối tuần (02/11/2002), giữa thu 2002, trong một căn hầm (cave) ẩm cúng tại Verrières-les-Buissons, với non 20 bạn bè bàn định nội dung, nguyên tắc, phương hướng hoạt động, kết thúc với buổi ăn nhẹ và buổi "văn nghệ bỏ túi" trước 40-50 thân hữu vùng Paris.

Sau đó hội được chính thức hóa về mặt pháp lý, đăng ký theo quy định luật pháp 1/7/1901, dưới cái tên, *Association Culturelle pour l'Oeuvre de Trinh Công Sơn* (*Công báo Cộng hòa Pháp*, tr. 1855, 29/03/2003), tạm dịch "Hội văn hóa vì sự nghiệp Trịnh Công Sơn", gọi tắt "Hội văn hóa Trịnh Công Sơn" (Hội vñ TCS), tức là một hội hoạt động trên lĩnh vực



Michiko (trái) và Trịnh Vĩnh Trinh trong đêm nhạc Trịnh Công Sơn tại Nhà Việt Nam, Paris

văn hóa, chứ không phải là một hội thể thao hay hội câu cá bóng hoặc trồng mai chẳng hạn, đừng lẫn lộn với "Văn hóa TCS" hay "Triết lý TCS", nếu có. Mục đích của Hội là (tạm dịch từ tiếng Pháp):

- Hội tụ bạn bè của nhà thơ-ca TCS từ khắp nơi trên thế giới
- Nghiên cứu và triển khai toàn bộ công trình nghệ thuật TCS
- Thắt chặt mối dây hữu nghị giữa các dân tộc qua những cuộc trưng diễn văn học nghệ thuật liên quan với tác phẩm TCS.

Các đêm nhạc

Hàng năm Hội cố gắng tổ chức một đêm văn nghệ tưởng nhớ TCS. Đêm Hòa bình và Tình yêu (3/5/2003) cũng là đêm "ra mắt" của Hội

trước công chúng, trước đó đài Radio-France International (RFI) cũng có phỏng vấn bằng điện thoại Chủ tịch Hội (Toulouse, Pháp) và Đình Cường (Virginia, Mỹ), mỗi người máy mươi phút, như một "sự cố" văn học nghệ thuật giữa Paris. Một đêm nhạc thật sự thành công, với Cao Huy Thuán thiết tha "thuyết văn" (*Nhạc chống chiến tranh*; TCS, từ bài hát đầu đến bài hát cuối), với Mai Ninh duyên dáng dẫn nối cho Trần Thu Hà, Thanh Hải, Hồng Anh, Thái Hòa trình diễn, với cả Frank Gerke vui nhộn kẻ màn "gặp anh Sơn". Trần Thu Hà lần đó, đơn giản, hát thật "đạt", tuy không phải "chuyên viên" nhạc Trịnh.

Trước đêm văn nghệ ra mắt chính thức đó, một số đồng thành viên cũng đã tham gia tổ chức đêm hoài niệm *Một cõi đi về*, sau khi TCS vừa mất (Paris, 26/05/2001), kỷ niệm Giỗ lần thứ nhất ở Toulouse, trực tiếp phát sóng một tiếng trên đài Gió Mùa, sáng Chủ nhật 31/03/02, với sự góp mặt các bạn từ Đức (Thanh Hải, Như An) và từ Paris (Quỳnh Châu, Quang Đỉnh, Hàn Thủy, Vũ Hồi Nguyên,...), rồi cùng giỗ tại một nông trại ngoại ô, theo đúng nghi lễ, với sư thầy từ Paris xuống, trước khi mở đầu một đêm hát ca không ngủ, giữa đồng trống rừng hoang, có lửa bập bùng nồng sười ấm... men.

Những buổi văn nghệ đáng nhớ cho khán giả Paris và vùng lân cận, phải kể thêm các đêm *Văn nhớ cuộc đời* (1/4/2006), *Trên đôi quê hương* (24/05/2008), và tại Toulouse, các đêm *Tưởng niệm 4 năm ngày mất* (2/4/2005), *Tưởng rằng đã quên* (1/4/2007), *Hãy đi cùng nhau* (31/05/2008). Có khi được "chỉ viện" tài năng của các nghệ sĩ đến từ xa, Hồng Nhung, Đức Tuấn, Thanh Hải, Thủy Tiên, Thái Hòa, vv..., rùi thời điểm, và lần nào phòng diễn cũng chật kín người, rất thân tình và chăm chú.

Ngoài ra, tuy hội không có mục đích làm từ thiện, nhưng cũng đã góp phần gây quỹ cho hội bạn VHI, AVNES, để giúp, chủ yếu là cấp vốn vi tín dụng, cho những gia đình nghèo nhất ở Mỹ Long (Cao Lãnh), hay những phụ nữ, thanh niên xung phong của một thời, nay bị quên lãng (Lê Thủy, Quảng Bình).

Trang nhà Trịnh Công Sơn

Sau 1, 2 năm thử nghiệm, dưới nhiều hình dạng, *website* của Hội với cái tên sau cùng từ 5, 6 năm nay, ý nghĩa và dễ nhớ, **tcs-home.org** (tức là **nhà tcs**), đã trở thành một nơi hẹn khó thiếu vắng đối với những ai quan tâm đến gia tài văn học nghệ thuật TCS, dù rằng còn chưa xứng đáng với tham vọng là một tạp chí và nhất là một thư viện thật sự phong phú, nghiêm túc, đa dạng, thí dụ, phần tiếng Pháp, tiếng Anh còn quá hạn chế, để có thể đóng vai trò giới thiệu hữu hiệu TCS với các nước, và với các thế hệ Việt lớn lên trong xã hội Tây phương. Đến nay, đã có gần 3.000 độc giả chịu khó ghi tên để nhận Bản tin thường kỳ, từ tay “chủ nhện” Thiện Phước. Thư mục ca khúc TCS, gồm gần 300 bài, là nơi độc giả thường xuyên ghé thăm, mỗi khi cần tìm nhạc tìm lời, tìm tư liệu cho những buổi văn nghệ hay cho những công trình nghiên cứu. Trên đầu trang nhà có gắn bên góc mặt một công cụ rất thuận tiện để độc giả tìm kiếm các tin tức, tranh ảnh, bài hát, bài viết, hay những mảng văn giới thiệu các công trình văn học nghệ thuật đáng kể liên quan đến tác phẩm và con người TCS, kể cả bằng tiếng Pháp, tiếng Anh... đã lưu trữ trên mạng nhà.

Chúng tôi rất mong các bạn xa gần trong/ngoài nước hỗ trợ tư liệu, công sức để **tcs-home.org** thật sự trở thành một thư viện đa dạng hầu cung ứng lâu dài cho nhu cầu văn hóa của các thế hệ.

(Tết Tân Mão-2011)

Phụ lục II

Trình Công Sơn và bạn hữu



Trịnh Công Sơn (bìa phải) thời đi học



Trịnh Công Sơn (thứ hai từ phải qua) với các bạn sinh viên Sư phạm Quy Nhơn



Trịnh Công Sơn và nhóm bạn Huế tại cà phê Liễu Quán, 1975



Từ trái qua: Họa sĩ Tôn Thất Văn, Trịnh Công Sơn, nhà thơ Lữ Quỳnh và họa sĩ Đinh Cường



Trịnh Công Sơn và nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu



Từ trái qua: Trịnh Công Sơn, Chu Nguyệt Nga, họa sĩ Đinh Cường và nhà thơ Lữ Quỳnh



Trịnh Công Sơn và Nghệ sĩ Nhân dân Đặng Thái Sơn



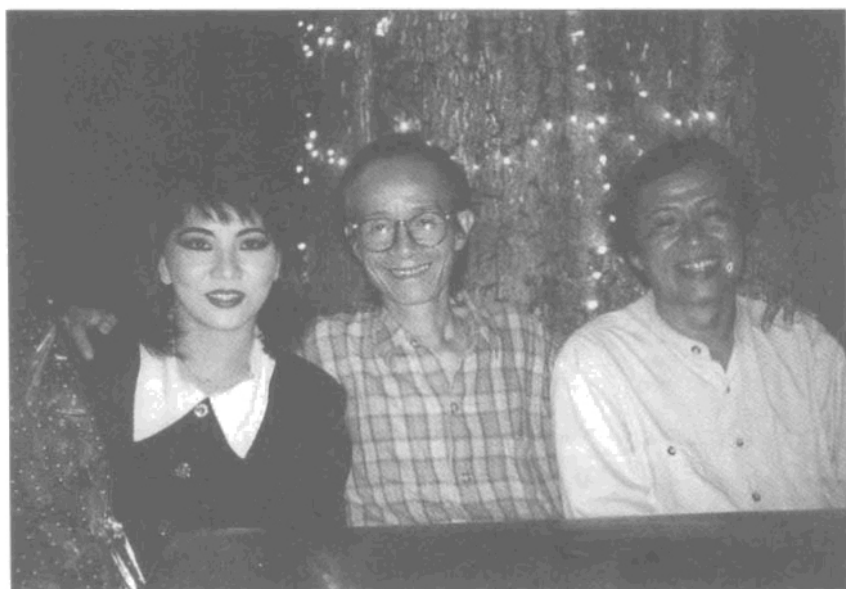
Hàng trước từ trái qua: Trịnh Công Sơn, GS. Tương Lai, Trịnh Xuân Tịnh và nhạc sĩ Phạm Duy



Trịnh Công Sơn và ca sĩ Nhật Bản Tokiko Kato



Trịnh Công Sơn và nhà thơ Thu Bồn



Từ trái qua: Ca sĩ Cẩm Vân, Trịnh Công Sơn và nhạc sĩ Trần Long Ẩn



Trịnh Công Sơn và nghệ sĩ saxophone Trần Mạnh Tuấn



Trịnh Công Sơn và diễn viên điện ảnh Kiều Chinh



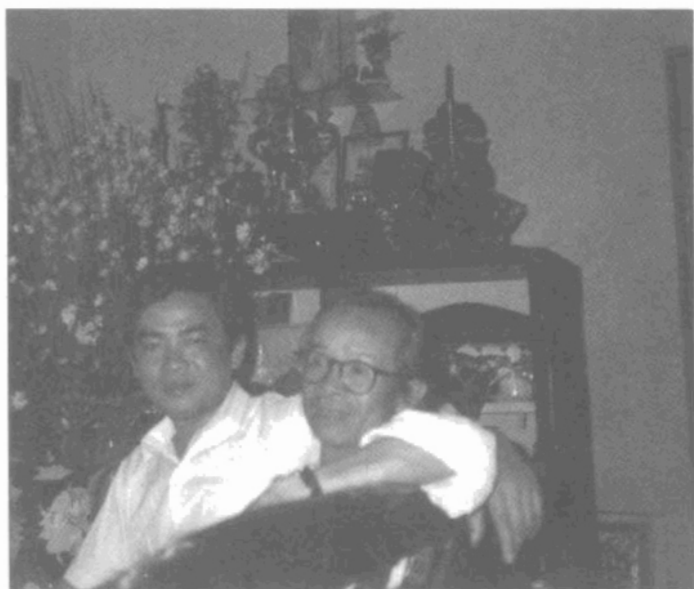
Trịnh Công Sơn và diễn viên điện ảnh Linh Đan



Từ trái qua: Trịnh Công Sơn, KTS Trần Minh Tâm, Nguyễn Trung Trực và nhà thơ Phạm Thị Ngọc Liên



Trịnh Công Sơn và nhà văn Sâm Thương



Trịnh Công Sơn và nhà doanh nghiệp Lê Hùng Dũng



Từ trái qua: GS. Phan Đình Diệu, nhà giáo Hoàng Thiệu Khang và Trịnh Công Sơn



Trịnh Công Sơn và nhà doanh nghiệp Phạm Phú Ngọc Trai



Trịnh Công Sơn và nhà báo Nguyễn Công Khế

Lời cảm ơn

Gia đình nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn** chân thành cảm ơn sự góp sức thực hiện cuốn sách này của:

BS. Phạm Hồng Nam Trân, American Eye Center

BS. Nguyễn Minh Sơn, VietSing Clinic

Nhà thơ **Nguyễn Duy**

Nhà báo **Nguyễn Trọng Chức**

Ông Nguyễn Công Khế, Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên

Ông Cao Lập, Hội quán Hội Ngộ

Ông Phạm Văn Đình, Hội Văn hóa Trịnh Công Sơn tại Pháp

Công ty Truyền thông BHD

Ông Nguyễn Trung Trực và nhóm cộng tác viên tình nguyện

Bạn bè của nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn** ở khắp bốn phương, đặc biệt là thân hữu đồng hương Huế.

Sau hết, xin tri ân tất cả những người đã hát, lắng nghe và yêu nhạc **Trịnh Công Sơn**.

Mục lục

Lời Nhà xuất bản	5
Phần 1: Tôi là ai	10
Phác thảo chân dung tôi	13
Mẹ	15
Lời nguyện tình yêu	18
Kính Việt Nam	20
Nhật ký tuổi 30	22
Chú Lộ (truyện ngắn)	25
Tin vào chính mình	33
Phụ khúc da vàng	36
Có nghe ra điều gì	37
Đình Cường	43
Bừu Chỉ	45
Về giữa đồng hoang	48
Về một thành phố tôi đã xa	52
Nhớ Nguyễn Tuấn	55
Phác họa Nguyễn Quang Sáng	57
Viết bên bờ Loiret	58
Thơ viết ở Paris	60

Paris, một hôm bước chân về gác nhỏ	62
Sóng nhạc	66
Bài hát đầu tiên, bài hát cuối cùng	68
Tim và gặp...	72
Vu vơ	76
Một côi đi về	78
Con số trên tờ lịch	80
Những ý nghĩ rời của tháng 2	82
Lễ hội tình yêu	83
Chuyển hoá	86
Mái nhà	89
Câu chuyện thiếu đủ	92
Mùa xuân	94
Mòng lung ngấm nghĩ	97
Thư viết từ Montréal không gửi	100
Nghĩ về hiện tại và quá khứ...	104
Làm việc không ngừng và sống thanh thản...	107
Thơ Montréal, 1992	111
Đêm giao thừa 1993	113
Năm 1993	115
Nhớ lại	117
Về phòng triển lãm của các em	121
Bản concerto ở Tib	123
Chợt tôi thấy thiên thu là một đường không bến bờ	125
Với Đỗ Quang Em	127
Lá thư	129
Nỗi ám ảnh thời thơ ấu	133
Viết ở Osaka	135
Trước bàn thờ Văn Cao	139
Ghi	143
Tóc xanh, tóc trắng	145

Tình yêu và tiếng hát	146
Tôi đã mơ thấy chuyển đi của mình...	148
1991 - 1996, những đứa trẻ bẽ dâu	150
Giấc mơ Ha Tráng	152
Hồi ức	154
Quản trọ âm nhạc	158
Cát bụi	163
Bùi Giáng trong cội nào đây	165
Hội họa và âm nhạc	169
Giữa Sài Gòn uống rượu nhớ Nguyễn Tuấn và Văn Cao	171
Đồ lại đưa	174
Viết và thờ	176
Việc thiện	178
Những lá thư...	180
Những lá thư tiếp...	182
Văn tự	184
Vết thương tình thức	186
Kỷ niệm về một bài hát	189
Trả lời tạp chí điện ảnh	192
Huyền ảo và tình lặng	194
Nghĩ về ba người phụ nữ thân thiết của mình:	
Khánh Ly - Vĩnh Trinh - Hóng Nhung	196
Cõi riêng	198
Nghìn thu ra đi, nghìn thu ở lại	201
Sổ phân của bài hát	203
Tàn mạn về "mốt"	205
Nhật ký Huế	207
Thiên bùn	210
Nghĩ về thiên	212
Hư không	215
Phụ lục ảnh: Trịnh Công Sơn và gia đình	219

Phán 2: Là ai...	230
Huyền thoại về con người (Tô Thùy Yên)	232
Ngày sau sỏi đá... (Nguyễn Duy)	237
Nhìn lại mình đời có xanh rêu? (Đỗ Trung Quân)	245
Paris - Tiếng hát Trịnh Công Sơn (Nguyễn Quang Sáng)	249
Tôi gọi Trịnh Công Sơn là người ca thơ (Văn Cao)	255
Điệu hát nam ai hiện đại (Sơn Nam)	258
Em còn nhớ hay em đã quên (Thái Bá Vân)	259
Chút thiên thu còn mãi (Hoàng Phủ Ngọc Tường)	263
Hành tinh yêu thương của hoàng tử bé (Hoàng Phủ Ngọc Tường)	265
Một cuộc rượu vô tiền khoáng hậu của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (Hoàng Phủ Ngọc Tường)	270
Một bài thơ hay của Trịnh Công Sơn (Hoàng Ngọc Hiến)	275
Xin đủ cho một đời... (Khánh Ly)	279
Bên đời hiu quạnh (Khánh Ly)	281
Nắng buồn hơn mưa... (Khánh Ly)	287
Ông là của tất cả mọi người (Khánh Ly)	291
Thương tiếc Trịnh Công Sơn (GS. Trần Văn Khê)	292
Những ngày cuối của Sơn ở côi tạm (Sâm Thương)	295
Anh đã vất cạn tình yêu cho đời... (Thanh Tùng)	307
Kỷ niệm về nhạc sĩ tài hoa Trịnh Công Sơn (Trần Long Ẩn)	312
Huyền thoại giữa nhân gian (Nguyễn Thế Thanh)	315
Như cánh chim bỏ đường bay (Tôn Thất Lập)	319
Một thiên sư du ca (Đỗ Minh Tuấn)	321
Không có Sơn còn ai với ai? (Lưu Trọng Vãn)	324
Trịnh Công Sơn, như cánh vạc bay (Nam Dao)	330
Lời buồn của một người yêu tiếng Việt (Hữu Bảo)	339
Sự kết thúc phải chăng là bắt đầu! (Bảo Phúc)	342
Cảm ơn và xin lỗi (Bầu Ý)	345
Buồn bã với những môi hôn (Cao Huy Thuần)	355

Anh Trịnh Công Sơn và Tôi (<i>Thanh Hải</i>)	368
Tôi phát biểu về Trịnh Công Sơn	
và những ca khúc phản chiến của anh (<i>Bửu Chí</i>)	377
Tình bạn, hồi sinh sau cơn mê (<i>Đình Cường</i>)	391
Trịnh Công Sơn, Khánh Ly và những khúc tình ca một thời (<i>Văn Ngọc</i>)	407
Có một nhà thơ tên là Trịnh Công Sơn (<i>Nguyễn Trọng Tạo</i>)	418
Trịnh Công Sơn - Tiếng hát đã trắng (<i>Ban Mai</i>)	426
Trịnh Công Sơn - Người lắng âm vang nhân sinh (<i>Hoài Nam</i>)	450
Chiều kích con người trong nhạc Trịnh Công Sơn (<i>Nguyễn Hoàn</i>)	456
Như những dòng sông nhỏ (<i>Hoàng Tá Thích</i>)	471
Mùa xuân này, Trịnh Công Sơn 70 tuổi (<i>Huỳnh Như Phương</i>)	478
Tựa hỏ những năm xưa... (<i>Nguyệt Cầm</i>)	483
Giữa hòa bình, tình yêu, con người và quê hương (<i>Frank Gerke</i>)	488
Như đường chân trời (<i>Nguyễn Quang Thiều</i>)	501
Lần đầu và mãi mãi (<i>Bảo Ninh</i>)	504
Bao giờ sỏi đá phôi pha (<i>Nguyễn Việt Hà</i>)	508
Trịnh Công Sơn với cảm thức cò cây (<i>Bích Hạnh</i>)	511
Thơ tặng Trịnh Công Sơn (<i>Bùi Giáng, Nguyễn Duy, Lữ Quỳnh,</i> <i>Nguyễn Khoa Điềm, Trương Thìn, Đỗ Hồng Ngọc, Ngô Văn Tao,</i> <i>Ngô Minh, Đình Cường, Thái Thăng Long</i>)	528
Trịnh Công Sơn - Đại sử văn hóa trên xứ hoa anh đào (<i>Lê Chân Nhân</i>)	542
Hội quán Hội Ngộ - thánh đường cho những người yêu nhạc Trịnh (<i>Kim Yến</i>)	545
Hội văn hóa Trịnh Công Sơn đôi dòng... (<i>Phạm Văn Đình</i>)	553
Phụ lục ảnh Trịnh Công Sơn và bạn hữu	559

TRÌNH CÔNG SƠN - TÔI LÀ AI, LÀ AI...

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản

Nguyễn Minh Nhựt

Biên tập

Phạm Sỹ Sáu

Hiệu đính

Nguyễn Duy

Nguyễn Trọng Chức

Sửa bản in

Nguyễn Lục

Thiết kế mỹ thuật

Mai Quế Vũ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.38437450 - E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Phòng 602, Số 209 Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.37734544

Fax: 04.35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 4 cm tại Công ty CP In Khuyến Học Phía Nam.

Giấy phép xuất bản số 179-2011/CXB/02-46/Tre. Quyết định xuất bản số 183A/QĐ-Tre, ngày 25/3/2011.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2011.

Tôi là ai
là ai
là ai
mà yêu quá đời này...

Trịnh Công Sơn



ISBN 978-604-1-00235-7

TCS - Tôi là ai, là ai



Giá 150.000 đ